

TẠP SÁCH

THI VĂN QUỐC CẨM

THỜI THUỘC PHÁP



Printed in Taiwan, Republic of China



Tên sách : THI VĂN QUỐC CẨM – THỜI PHÁP THUỘC

Tác giả : THÁI BẠCH

Nhà xuất bản : KHAI TRÍ, SÀI GÒN

Năm xuất bản : 1968

Nguồn sách : Diễn đàn TVE-4U

Đánh máy : Cloudrua, 0912209288, suongkt, linling, lamanh28,
N_imalone, Ha_nhanh, yeuhoatigone, thuythaolien, Thanh Van, nhnhien

Kiểm tra chính tả : Trần Lê Hương, Thư Võ

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành ebook : 08/11/2017

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

Cảm ơn tác giả THÁI BẠCH đã chia sẻ kiến thức đến người đọc.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU

LỜI NÓI ĐẦU

TÓM TẮT MỘT GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

PHẦN THI CA

Trước họa giặc Pháp

Khóc Trương-công-Định

Khóc Nguyễn-trung-Trực

Khóc Phan-thanh-Tòng

Hà thành thất thủ ca

Chính Khí Ca

Về khâm sai

Khóc Phan-đình-Phùng

Á-Tế-Á ca

Tiếng gọi thanh-niên

Gọi lính tập

Đời người cuộc thế

Hải ngoại huyết thư

Thiệt Tiền Ca

Khóc cụ Trần-quý-Cáp

Các quan hát xướng

Đình phu-Nhân

Ngày xuân họp bạn

Ái chủng ca

Ái quốc ca

[Tuyệt mệnh](#)

[Ký nội](#)

[Khóc bạn Lương-ngọc-Quyến](#)

[Thăng-long văn vật !](#)

[Mơ tổ mắng](#)

[Nhắn các bạn tù](#)

[Cùng người dân nghèo](#)

[Cùng người dân cày](#)

[Cùng các thầy thông ký](#)

[Vợ khuyên chồng](#)

[Kỷ niệm trận thế chiến thứ nhất](#)

[Sum vầy bỏ lúc lưu ly](#)

[Hoán tình quốc dân](#)

[Chiêu hồn nước](#)

[Nhịp kèn thân ái](#)

[Khóc Phạm-Hồng-Thái](#)

[Phải tự cường](#)

[Chiêu hồn dân ruộng](#)

[Vợ chồng nhà nông khuyên nhủ nhau](#)

[Sà-lim oán](#)

[Ngoảnh mặt về Nam](#)

[Tổng ôn thần](#)

[Vĩnh biệt các bạn ở trong tù](#)

[Khuyến cáo quốc dân ca](#)

[Lá huyết thư cuối cùng](#)

[Nhật Hoàng khóc Hít-Le](#)

PHẦN PHÚ VÀ VĂN TẾ

Gia-định thất thủ phú

Văn tể NGHĨA QUÂN

Cáo-Thị Cần-Vương

Văn tể Trương-công-Định

Văn-tể lục-tỉnh tử-sĩ đàn

Tứ Thành thất thủ phú

Văn-tể tướng Ngạc-Nhi

Hịch Cần-Vương

Văn-tể ông Cao-Thăng

Danh sơn Lương Ngọc Phú

Văn-Tể người chết đuối trong Phong Trào chống Thuế ở miền Trung năm 1908

Biểu mừng Tuần-phủ Nguyễn-Duy-Hàn bị bom

Văn-tể Hoàng-Trọng-Mậu

Văn tể cụ Phan-chu-Trinh

Văn tể cụ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền

Văn tể đồng bào Cổ-am và các làng bị thực dân tàn sát

Văn tể Cô Giang

Văn tể các anh hùng liệt sĩ bỏ mình trong các cuộc khởi nghĩa YÊN-BÁI và NGHỆ-TĨNH

Văn tể sống năm cụ Thượng về vườn

Văn tể đồng bào Nghệ-Tĩnh chết vì nạn bão lụt

Tỉnh quốc dân phú

Tỉnh Tục Phú

Văn tể cụ Phan-bội-Châu

PHẦN VĂN XUÔI

[Thư gửi Đô Đốc Reveillère](#)

[Thư gửi cho lính đồn Thị-Long](#)

[Thư gửi chính phủ Đông-Dương](#)

[Vụ kháng thuế ở Trung-Kỳ năm 1908](#)

[Văn khóc cụ nghè Trần-quý-Cáp](#)

[Bài khóc cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành](#)

[Chiêu hồn quốc-văn](#)

[Giọt lệ biển dâu](#)

[Hịch khởi nghĩa Thái-Nguyên](#)

[Thư kể tội Khải-Định](#)

[Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa](#)

[Khóc cụ Phan-Chu-Trinh](#)

[Diễn văn đọc trước viện dân biểu Trung kỳ ngày 1-10-1928](#)

[Hai bức thư cuối cùng của Nguyễn-thái-Học](#)

[Giá thóc phải nộp cho nhà nước](#)

[Mấy hàng sau chót](#)

PHỤ LỤC

[BẢN KÊ MỘT SỐ SÁCH BÁO QUỐC CẢM THỜI THUỘC PHÁP](#)

[LOẠI SÁCH : « HỌC LÀM NGƯỜI »](#)

[NHỮNG SÁCH CẦN PHẢI XEM ĐỂ KHỎI HOANG PHÍ CUỘC ĐỜI, SỨC KHỎE VÀ HẠNH-PHÚC](#)

GIỚI THIỆU

Từ ngày dân tộc ta thu hồi chủ quyền và lãnh thổ đến nay, riêng tôi, tôi vẫn ước mong có một tập sách ghi lại những thi văn bị cấm trong thời thuộc Pháp qua, vì đó là những di-sản tinh thần vô cùng quý giá của tiền nhân để lại. Những thi văn ấy phải nói là những bài có tác dụng hun đúc rất mạnh ý chí quật khởi của dân tộc, và đó cũng chính là những sử liệu xương máu mà những người dân Việt-Nam sống thác vì Tổ quốc Việt-Nam không thể bỏ qua được.

Giữa lúc tôi đang băn khoăn vì câu chuyện trên đây thì quyển « THI VĂN QUỐC CẤM – THỜI PHÁP THUỘC » của bạn Thái-Bạch đưa lại cho tôi được cái hân hạnh để xem trước, và xin thêm ý kiến. Như trút được gánh nặng trong lòng, tôi lật từng trang xem, xem đến đâu như thấy thêm bốc dậy tinh thần dân tộc đến đó, và rất lấy làm mừng cho quốc dân trong lúc « chống văn-hóa nô dịch » này có một sử liệu quý ra đời. Tập này tuy chưa đầy đủ, nhưng phải nhận đây là một bước đi trước và là cả một công trình của một người biên soạn và sưu tầm.

Vì thế, tôi viết mấy hàng này để tán thưởng công việc làm của một văn hữu, và xin trân trọng giới thiệu soạn phẩm « THI VĂN QUỐC CẤM – THỜI PHÁP THUỘC » này với quý vị độc giả.

Sài-thành Xuân Canh-Tý – 1960
NGUYỄN-VĨNH-ĐĂNG

LỜI NÓI ĐẦU

Lịch-sử dân tộc Việt-Nam ta trong 80 năm qua là lịch sử 80 năm chiến đấu không ngừng để giải phóng dân-tộc.

Công cuộc chiến đấu này, khi công khai, khi bí mật và phải dùng đủ mọi mặt, mọi hình thức, mọi phương tiện mới đem lại kết quả ngày nay. Trong đó, chúng ta phải nói quân sự và văn nghệ đã đóng những vai trò có tính chất quyết định hơn hết. Vì quân sự là hình thức chiến-đấu cao nhất mà trước khi dùng đến phải nhờ văn-nghệ để nung tinh thần quật khởi, để sôi men chiến đấu trong khắp các tầng lớp nhân dân.

Một nhà cách mạng nói :

- Có tư tưởng cách mạng rồi mới có phong trào cách mạng. Muốn có tư tưởng này, không thể không cần tới văn nghệ, vì chỉ có hình thức này, mới truyền cảm được tinh thần ấy vào tâm não con người, và mới có thể phát động, lôi cuốn được phong trào.

Thực tế của các cuộc cách mạng Đông, Tây nói chung và Việt-Nam nói riêng đã chứng minh lời nói ấy là đúng.

Tuy nhiên nhắc đến công cuộc chiến đấu giành độc lập của dân tộc mình, kiểm điểm lại, chúng ta thấy còn một sơ sót, trong việc ghi chép những trang sử oai hùng vừa qua đã gần như xem nhẹ những thành tích chiến đấu trên địa hạt văn nghệ mà không đề cập đến. Chính đó là những hồi kèn rung trống giục lòng yêu nước của nhân dân đứng dậy ; là những tài liệu giáo dục lịch sử vô cùng quý giá để cho đời đời truyền tụng, học tập và rút tỉa kinh nghiệm...

Thế nên, trong thời Pháp thuộc những tài liệu ấy đã bị những kẻ đàn áp nhân dân ta xem là những thứ quốc cấm. Trong số các tác giả có người

đã bị tù đầy, bị giết, bị thủ tiêu, hoặc phải bôn ba nơi hải ngoại. Cả đến gia đình và những người tích trữ cũng phải liên can. Như vậy chúng ta đủ biết tác dụng của những tài liệu văn nghệ ấy thế nào. Có khác chi đâu những phát thần công đại bác bắn vào thành trì tư tưởng của những kẻ chỉ biết có tiền bạc, địa vị... chuyên sống bằng nghề cướp nước và bán nước !

Ngày nay nước ta đã độc lập. Những tài-liệu ấy không còn ở trong giam cầm nữa.

Chúng tôi thiết nghĩ hơn lúc nào hết, lúc này tự mình có nhiệm vụ phải sưu tầm lại để thừa với quốc dân và trình cho lịch sử. Không thì, những tài liệu ấy đã bị thất lạc đi rất nhiều trong thời gian qua, rồi đấy sẽ bị thất lạc thêm nữa.

Vì vậy, chỉ mới có được một số rất ít thôi, chúng tôi cũng xin gom lại trong tập này, lấy tên là « THI VĂN QUỐC CẤM THỜI THUỘC PHÁP » cho đúng với tính chất và giá trị của nó là những bài thơ, bài văn đã bị người Pháp nghiêm cấm không cho lưu hành trong khi họ có mặt trên đài chính trị ở xứ này.

Chúng tôi cố gắng sưu tầm nữa, và mong các bạn gần xa giúp thêm cho những tài liệu để bổ túc.

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Ăn cơm nhớ kẻ cấy cày ruộng sâu.*

Trước linh hồn các anh hùng liệt sĩ đã hết mình vì dân vì nước, đã lấy cả lời văn ngọn bút làm gươm làm súng chống kẻ thù chung của dân tộc, hôm nay, chép lại tập tài liệu này, chúng tôi nguyện nuôi tinh thần ấy, ý chí ấy mãi mãi trong lòng để xứng đáng làm người Việt-Nam ở trước thế hệ mới.

Sài-thành mùa mưa năm Kỷ-Hợi – 1959
THÁI-BẠCH

TÓM TẮT MỘT GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ

Cuộc sống của con người từ đầu thế kỷ 17 đã bước sang một giai đoạn với những phát minh về khoa học làm cho bộ mặt thế giới mỗi ngày một thêm phần đổi mới.

Trong khi ấy, các nước Tây-phương, về kỹ nghệ đã dùng các thứ máy móc chạy bằng hơi nước và điện lực. Về chánh trị, các nước ấy đã đi từ chế độ quân chủ chuyên chế bất bình đẳng bước sang chế độ dân chủ cộng hòa dựa trên nguyên tắc tự do và bình đẳng. Ảnh hưởng cuộc cách mệnh Pháp năm 1789 đã lan tràn đi khắp các quốc gia Âu Mỹ, đánh thức mọi dân tộc vùng lên để giành lấy quyền sống văn minh, cường thịnh.

Ảnh hưởng ấy tràn sang Á Đông. Song chỉ có nước Nhật là sớm biết duy tân để làm cho dân tộc khỏi sa vào cạm bẫy thuộc địa của các nước tư bản phương Tây. Còn Việt-Nam mình với Trung-Hoa thì vẫn khư khư ôm giữ cái chế độ quân chủ mục nát với những học thuật cổ hủ từ nghìn xưa để lại. Do đó, nước Trung-Hoa từ năm 1840 trở đi đã thành một bán thuộc địa của các đế quốc Âu, Mỹ, Nhật, 450 triệu dân số con cháu của Phục-Hy, Thần-Nông, Hoàng-Đế phải sống một cảnh sống tha hồ cho tư bản ngoại quốc và tham quan ô lại bóc lột đến tận xương tận tủy, cơ hồ không thể cất đầu lên được nữa. Còn Việt-Nam ta thì trở thành một thuộc địa của Pháp, rồi năm 1940, người Pháp lại đem dâng cho Nhật làm căn cứ quân sự xâm lăng Thái-Bình-Dương. Nhân dân ta từ Bắc chí Nam phải sống vô cùng nhục nhã và đau khổ, trên 80 năm trời không có ngày nào không có đẫm máu và nước mắt.

Ngược giòng lịch sử, ta thấy Việt-Nam đã tiếp xúc với văn minh Tây-phương từ hậu bán thế kỷ 17 là khoảng năm 1789 năm mà Chúa Nguyễn-Ánh nhận cuộc viện trợ bằng người và súng đạn của giám-mục Bá-đa-lôc. Nhưng sau khi đánh thắng được Tây-sơn, thống nhất được lãnh thổ, ông vua này vẫn đặt guồng máy nhà nước trong khuôn khổ phong kiến quá

mùa, đời sống của nhân dân vẫn nằm trong trạng thái thủ công và lạc hậu. Học thuật thì trước sau vẫn chủ trương cái gì không phải gốc của Thánh, Hiền Trung-Quốc thì đều là man di.

Đã thế, từ đời Minh-Mệnh (1829-1840) trở đi, những sự nghiệt ngã của nhà vua đối với các công thần, và những sự nhùng nhể làm càn của đám vương giả, quan liêu đã khiến lòng dân bất phục lại bất phục hơn nữa. Thêm vào đó, một số sĩ-phu Bắc-Hà còn nuôi ý khôi phục nhà Lê, nên giặc giã ngày càng nổi lên khắp cả mọi nơi. Từ các cuộc nổi loạn Lê-văn-Khôi ở Gia-Định, đến các cuộc loạn Phan-bá-Vành, Nông-văn-Vân ở Bắc, luôn luôn làm nhân dân phải liên tiếp sống những năm lầm than khổ sở, quan quân phải đi đánh dẹp hết chỗ nọ đến chỗ kia.

Than ôi ! Trước tình cảnh ấy, quan niệm hưởng lạc ở triều nội lại càng nảy nở. Nhà vua thì lo củng cố ngai vàng bằng cách đặt bộ máy chánh quyền thu hẹp trong các bầy tôi thân tín, thủ túc, hơn là người nghĩ đến việc sống của nhân-dân. Bầy quan lại thủ cựu thì a dua xu phụ để lo lắng vinh thân phì gia hơn là nghĩ đến các công việc nhà nước.

Tai hại thay cho cái tư tưởng bảo thủ và vị kỷ, nhất là cái tư tưởng ấy lại đã ăn sâu vào đầu óc những con người nắm vận mệnh dân tộc. Chính đó là những động cơ làm cho đất nước ngày càng đi vào hố suy vong thảm bại.

Các bản điều trần xin tự lực khai hóa và canh tân nông nghiệp của các ông Nguyễn-Trường-Tộ, Nguyễn-Điền chính cũng do đó mà không được chấp thuận

Ngoài ra, việc chủ trương cấm đoán khủng bố Gia-tô-giáo với chánh sách bế môn tỏa cảng không giao thiệp với các nước Tây-phương của Triều-đình, càng làm cho việc đối ngoại cũng như việc đối nội, mỗi ngày một thêm phần rối nát.

Riêng việc khủng bố Giáo-dân đến đời Thiệu-Trị (1841-1847) có giảm đi phần nào. Nhưng việc khủng bố và bắt giam các giáo-sĩ ngoại quốc vẫn tiếp diễn, và lại có lúc tăng hơn nữa.

Vì đó, tình thế nước nhà đưa dần đến chiến tranh, mặc dầu chỉ là một cái cớ để thực dân lợi dụng mà phần thua thiệt nghiêng về phía mình vì trình độ tổ chức quân sự của ta còn kém, binh sĩ thiếu giáo luyện, vũ khí lạc hậu, phần nhiều là cung tên giáo mác.

Thế là từ năm 1859, quân đội thực dân Pháp sau khi đánh lấy được Gia-Định, thế lực xâm lăng của chúng lan tràn đi khắp mọi nơi trên lãnh thổ nước ta.

Năm 1862, chúng bắt triều đình nhà Nguyễn phải ký hòa ước hiến ba tỉnh miền Đông Nam-Việt. Năm 1867, chúng cướp luôn ba tỉnh miền Tây.

Năm 1873, chúng đem quân ra Bắc. Năm 1883, chúng vào cửa Thuận-An, bắt triều đình phải ký hòa ước nhìn nhận sự bảo hộ của chúng. Sau đó là hòa ước năm 1884, nói rõ Nam-Kỳ là thuộc địa của Pháp, còn Bắc-Kỳ, Trung-Kỳ vẫn do triều đình Huế cai trị. Nhưng từ sau ngày 23 tháng 4 năm 1885 là ngày Tôn-Thất-Thuyết đại bại trong việc tấn công tòa Khâm-sứ Pháp ở Huế, phải đem vua Hàm-Nghi chạy trốn thì dần dần bản hòa ước chỉ còn là một mảnh giấy lộn, triều đình Huế biến thành một cái bù nhìn để cho người Pháp sai khiến và lợi dụng.

Đất nước Việt-Nam hoàn toàn thuộc về tay người Pháp.

Trong những ngày năm quyền cai trị, thực dân Pháp lên tiếng là đem văn minh sang khai hóa nước ta. Nhưng :

- Về chính trị, chúng vẫn duy trì cái chế độ vua quan mục nát để thẳng tay đàn áp dân ta. Chúng cấm nhân dân ta không được nói đến các quyền tự do, dân chủ. Chúng chia nước ta làm 3 miền Trung, Nam, Bắc

khác nhau, mỗi miền đặt ra một chính thể riêng biệt, và cấm nhân dân ta không được phép tự do đi lại, để gây chia rẽ và nghi kỵ.

- Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta một cách vô cùng tàn nhẫn bằng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý làm cho dân ta mỗi ngày một xơ xác điêu tàn. Chúng chiếm đoạt ruộng đất, rừng mỏ, nguyên liệu, giữ độc quyền in giấy bạc và xuất cảng nhập cảng. Thậm chí từ năm 1943, chúng lại bắt dân ta phải bán thóc cho chúng với một giá lỗ vốn để gây ta tình trạng bi thảm ; trên hai triệu người chết đói vào đầu năm 1945.

- Về quân sự, chúng bắt dân ta phải đi lính để canh gác cho chúng, hầu hạ chúng, làm phương tiện cho chúng đàn áp đồng bào, và đi chết thay cho chúng trong các trận giao tranh với Đức, với Nhật, với Thái-Lan v. v...

- Về văn hóa, và xã hội, chúng dùng rượu cồn, thuốc phiện để làm suy nhược dân ta. Chúng cấm dân ta không được đọc sách cách mạng Pháp, duy-tân Nhật, Trung-Quốc, và những tác phẩm có tư tưởng đấu tranh cho tự do dân chủ. Chúng lập ra các trường Pháp-Việt nhưng chỉ với tính chất nhồi sọ, nhằm đào tạo những tay sai trung thành, nên bắt phải học rất nhiều về môn sử địa Pháp, gọi người Gô-Loa là thủy tổ nước mình, và hạn chế tuổi học khiến cho dân ta có tiếng là chăm học mà trong thời chúng cai trị tính ra đến 90 phần trăm người mù chữ. Chúng cho nhập cảng những thứ văn chương lãng mạn và các đồ xa xỉ để đẩy thanh niên nước ta vào vòng trụy lạc, vong bản. Chúng bắt dân ta phải đi phu, đi thợ ở các nhà máy, các đồn điền, các hầm mỏ với một giá lương rất hạ mà ốm đau không thuốc, gặp tai nạn không được đòi phụ cấp. Và trước sau với nhiệm vụ đi truyền bá văn minh, thực dân Pháp đã giết hại cả hàng triệu người Việt yêu nước, bằng gươm súng, bom đạn, bằng các nhà tù và các trại tập trung ...

Nói tóm lại, những ngày thực dân Pháp cầm quyền bảo hộ Việt-Nam ta là những chuỗi ngày dài :

Rắn phun rất độc, đầy trời mưa máu gió tanh ;

*Cọp lữ beo đàn, chặt đất gò xương núi xác.
Nhái lớn nuốt nhái bé, cường quyền chi luận lý công ;
Bò trắng húc bò vàng, bác ái còn đâu nhân đạo.*¹

Mà những văn minh của thực dân Pháp đem sang khai hóa là những thứ ươn hèn, trụy lạc, phản trắc, đói khổ, lầm than, tham bạo, cờ bạc, trộm cắp, và các thứ vi trùng bệnh hoạn... Thật là một sự vô cùng xỉ nhục cho nước Pháp dân chủ, cho tinh thần cách mạng Pháp 1787, một cuộc cách mệnh cho dân quốc Pháp vẫn thường tự phụ mình có công lớn trong cuộc giải phóng lớp bình dân nô lệ ra ngoài vòng áp chế của bọn vua quan và quý tộc.

Tuy nhiên, đối với nhân dân ta, thực dân Pháp chỉ có thể làm khiếp đảm, và lừa dối được một thiểu số thôi. Còn cả toàn thể thì trái lại. Do đó, các cuộc tranh đấu đã liên tiếp diễn ra bằng đủ mọi hình thức khi công khai, lúc bí mật để giành lại chủ quyền.

Từ các cuộc khởi nghĩa Trương-Công-Định, Nguyễn-Trung-Trực, Thiên-hộ-Dương, Thủ-khoa Huân, Phan Liêm, Phan Tôn, Quán Hớn ở Nam, Nguyễn-thiện-Thuật, Tống-duy-Tân, Phan-đình-Phùng, Hoàng-hoa-Thám ở Trung ở Bắc, đến Đông-Kinh Nghĩa Thục, đến Duy-Tân, đến Thái-Nguyên, Yên-Bái, đến Nam-Ngãi, Bình-Phú, đến các tỉnh Nam-Việt... Kiểm lại, trong những ngày người Pháp còn ngự trị, nhân dân ta không có ngày nào không có cuộc đấu tranh. Quả thật dân tộc ta là một dân tộc sáng suốt, đã tranh đấu với bạo lực, với cường quyền một cách anh dũng và bền bỉ để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Như vậy, tình hình nước ta trong những ngày thuộc Pháp là tình hình của một giai đoạn lịch sử đầy trời nghẹt đất những mây đen tối mịt, mà trong đó đã nảy ra vô số những tia sáng, những lần chớp, những luồng gió, những tiếng sét nổi nhau để đánh tán đi những đám mây mù ấy cho trời trong sáng lại.

Những bài của các bậc tiền bối đáng yêu đáng kính của dân ta trong tập « Thi Văn Quốc Cấm » này là những bài xuất phát từ trong hoàn cảnh lịch sử ấy.

Nói chung, đối với thực dân cùng bè lũ, những bài này là những bản cáo trạng vạch trần những âm mưu sâu độc, những thủ đoạn dã man của chúng. Còn đối với đồng bào là những hồi chuông báo thức, những nhịp kèn gọi dậy, những tiếng trống thúc lên để tự giải phóng ra khỏi chỗ địa ngục trần gian, cho sống một cuộc đời đáng sống ở giữa lúc văn minh khoa học đang trào dâng sóng vỗ khắp nơi mà nhân loại ai ai cũng có quyền hưởng thụ.

T. B.

PHẦN THI CA

Trước họa giặc Pháp

Mùa xuân năm Kỷ-Mùi, niên hiệu Tự-Đức thứ 12 (Dương-lịch 1859) bọn thực dân Pháp lợi dụng danh nghĩa bảo vệ các giáo sĩ đem binh quyền vào cửa biển Vũng-tàu, mở màn cuộc xâm chiếm nước ta.

Với vũ khí tối tân, bọn chúng lần lượt đánh chiếm được các tỉnh Gia-định, Biên-hòa, Định-tường, tức 3 tỉnh miền Đông Nam-Việt.

Nhưng nhân dân ta với tinh thần bất khuất và ý chí tự vệ đã đứng lên chống lại quyết liệt dù chỉ bằng vũ khí thô sơ.

Bài thơ Lục bát này là bài nói lên nội dung ý nghĩa ấy trong khoảng thời gian đó và kể là một bài thơ kháng chiến đầu tiên. Nhưng rất tiếc không rõ tác giả là ai và đầu đề là gì, mà chỉ biết rõ là làm sau lúc 3 tỉnh đã bị giặc chiếm đóng, vì vậy chúng tôi tạm thay bằng mấy chữ tựa trên và chép y nguyên văn dưới đây do cụ Hồ-tôn-Tần ở Ba-sao đã thuộc lòng và đọc cho chép lại.

Trời Nam đương hội mở mang,
Bỗng nhiên mắc lũ giặc loạn Tây dương.
Chó săn có lũ thẳng Tường,
Thằng Lộc, thằng Tấn, thằng Phương một đoàn ².
Xóm làng đình miếu tan hoang,
Thành siêu vách đổ muôn vắn đặng cay.
Máu thân oan nghiệt rẫy đầy.
Chém cha cái lũ thẳng Tây bạo tàn.
Cửa nhà đang lúc hiển vang,
Chốc nên ngôi lở tro tàn thảm thương.
Kìa quân tả đạo bất lương,
Vô quân vô phụ một phường dã man.
Nọ Lang-sa thứ giặc loạn,
Cờ tam sắc nó rắc nà gieo tai.

Hồi trang dẹp loạn giờ ai ?
Sao chưa địch khái ³ trở tài một phen ?
Đồng-nai bốn phía mây đen,
Biên-hòa, Gia-định nổi niềm siết bao.
Kia kia những đấng anh hào,
Gò-công, Cần-giuộc trắng sao tỏ ngời.
Lòng son rạng vẻ đất trời,
Thệ cùng nghịch lỗ ⁴ ở đời chẳng chung.
Răn ai giữ chí cho cùng,
Thối tà của hoạn ⁵ nhớ đừng có ham.
Nam nhi kiến nghĩa ⁶ phải làm,
Ví dầu da ngựa cũng cam mới là,
Mấy câu thổ lộ gần xa,
Giang san ba tỉnh ⁷ vua ta hãy còn.
Phận thần tử gắng lo toan,
Phát gai góc đặt tìm đàn cả đi.
Bằng không tuyết xỉ ⁸ mai kia,
Suối vàng tổ phụ theo về được chẳng ⁹ !
Đàn nào cũng thác chi bằng,
Thác vinh để đặt khói nhang ngàn đời ¹⁰ .

Khóc Trương-công-Định

Ông Trương-công-Định người tỉnh Quảng-Nam sinh năm 1820. Sự nghiệp của ông bắt đầu là một viên quản chỉ huy lính giữ một đồn điền.

Năm 1860, sau ngày quân Pháp tiến sâu vào nội địa Đồng-nai, ông được thăng quản cơ và được đi vào nhậm chức ở đại đồn Kỳ-Hòa.

Khi đại đồn thất thủ, và khi hiệp-ước Việt-Pháp 1862 được ký xong, ông là người đầu tiên đứng ra chống Pháp.

Vì muốn giữ đúng lời cam kết với Pháp, Vua Tự-Đức xuống dụ đình chỉ các cuộc chiến đấu ở miền Nam. Ông Trương được nhà vua gọi về cai trị tỉnh Phúc-Yên. Nhưng ông nhất định không tuân lệnh vì dân chúng vẫn đứng sau lưng ông quyết chiến với kẻ thù và tôn ông làm chức Bình Tây đại-nguyên-súy.

Tuy vậy, triều đình vẫn ngầm giúp đỡ ông và bí mật đưa sắc vào phong ông với chức mà dân chúng đã tôn lên, mặc dù mặt ngoài thì công khai cách hết mọi chức tước.

Ông kéo cờ khởi nghĩa với khẩu hiệu « Dân chúng tự vệ » và đánh đuổi được quân Pháp ra khỏi thị xã Gò-công năm 1862, đồng thời giữ được từ giữa năm này đến giữa năm 1863 mới thất thủ. Kế đó, ông lập khu kháng chiến ở Kiến-Phước, Bình-Xuân, Bình-Thạnh, tiếp tục cuộc chiến tranh du kích.

Ngày 19 tháng 8 năm 1864, ông cùng 30 chiến sĩ tâm phúc về làng Gia-Thuận ở bên sông Vàm Láng để quan sát địa hình địa vật thì bị tên phản tặc Huỳnh-công-Tấn (tức Lãnh-binh Tấn) nửa đêm đem quân Pháp về mai phục dưới bãi cỏ để đợi trời hừng sáng nổ súng. Khi hai bên gặp nhau, một cuộc xáp chiến diễn ra rất mãnh-liệt. Ông bị một viên đạn trúng giữa xương sống và thác liền tại trận. Năm ấy mới 44 tuổi.

Thi hài ông bị quân Pháp đem về Gò-công cho công chúng xem mặt, rồi sau đó mới cho người nhà ông mai táng. Mộ ông và đền thờ hiện nay ở đường Lý-thường-Kiệt trong thị xã Gò-công, nơi gần nhà ông đốc-phủ Hàm.

Cụ Nguyễn-dinh-Chiếu lúc ấy ở Ba-Tri, và là người tuy bị mục cật nhưng vẫn thường liên lạc giúp ông, nên sau khi được tin ông mới cảm xúc viết mười hai bài thơ liên hoàn này để nêu cao sự nghiệp và tinh thần của một vị anh hùng đã hy sinh cho nước đến giọt máu cuối cùng.

Trong Nam tên họ nổi như cồn,
Mấy trận Gò-công nước tiếng đồn.
Dấu đạn hơi rêm tàu xích-diện,¹¹
Hơi gươm thêm rạng vẻ Hoàng-môn.¹²
Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bẻ ;
Quả ấn Bình tây đất vội chôn.¹³
Nỡ khiến anh hùng rơi giọt lụy ;
Lâm râm ba chữ điệu linh hồn.

Linh hồn nay thác đã theo thần,
Sáu tỉnh còn roi dấu Tướng-quân.
Mực sở lãnh binh mờ mắt giặc,
Son bằng ứng nghĩa thấm lòng dân.
Giúp đời dốc trọn ơn nam tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch thần.¹⁴
Óc ngỗ tướng tinh rầy tỏ mặt,
Giúp xong nhà nước buổi gian truân.

Gian truân kể xiết mấy mươi lần,
Vì nước đành trao một tấm thân.
Nghe chốn Lý-nhân người sáng suốt,
Nhìn cồn Đa-phước cảnh băng khuâng.
Bát cơm kê lữ chi sồn buổi,

Mảnh áo mông nhung chẳng nệ phần.
Chí giốc ra tay nâng vạc ngã ¹⁵,
Trước sau cho trọn chữ quân thần.

Quân thần còn gánh nặng hai vai,
Lỡ dở công trình hệ bởi ai ?
Trăm đám mộ binh vầy lớn nhỏ ;
Một gò cô lũy chống hôm mai.
Lương tiền nhà ruộng ba mùa trước ;
Thuốc đạn ghe buôn bốn biển ngoài.
May rủi phải chăng trời đất biết,
Một tay chống chỏi mấy năm dài.

Năm dài những mảnh ngóng tin vua,
Nhìn nhẩn thẩn toan lẽ đặt thua,
U, Kế năm hằng còn chỗ đoái,
Ngô, Tôn trăm chước đợi ngày đua.
Bày lòng thần tử vài lời sớ ;
Giữ một giang sơn mấy đạo bùa.
Phải đặt tuổi trời cho mượn số,
Cuộc nay ngày vậy có phân bua.

Phân bua trời đất biết cho lòng,
Công việc đâu đâu cũng muốn xong.
Cám nỗi nhà nông mong chống cột,
Nài bao bóng xế luống day đồng.
Đồng-nai, Chợ-mỹ lo nhiều phía ;
Bến ghé, Sài-gòn trải mấy đông.
Dẫu biết dùng binh nhờ đất hiểm ;
Chẳng đành xa bỏ cõi Gò-công.

Gò-công binh giáp ngó rành rành,
Nhìn Bắc trông Nam luống thở than.

Trên trại Đồn-đồn hoa khóc chủ ;
Dưới vòm Bao-ngược sóng kêu quan.
Mây giăng trướng Cốc đường quân vắng.
Trăng xế đầu Rùa tiếng đầu tan.
Mấy dặm non sông đều xứng vừng ;
Nàn dân ách nước dễ ai toan.

Ai toan cho thấu mấy trời sâu,
Sự thế ôi thôi đã lắc đầu,
Giặc cỏ om sòm mưa lại nhóm ;
Bình sương lác đác nắng liền đầu.
Cờ lau đã xếp trên giòng Cát ;
Trống sấm còn gầm dưới cửa Khâu.
Cảnh ấy những mơ người ấy lại ;
Hội này nào thấy Tướng-quân đâu !

Tướng quân người hỡi có hay chăng ?
Sáu ải cơ đồ ¹⁶ nửa đã ngăn.
Cám nỗi kiến ong ra sức dẹp ;
Quản bao sâu một chịu lời nhăng.
Đá kêu rêu mọc bia Dương-Nghiệp,
Cỏ úa hoa tàn mả Lý-Lăng, ¹⁷
Thôi vậy thì vầy thôi cũng vậy,
Anh hùng đến thế dễ ai giăng
Dễ ai giăng thúc lối sau này,
Trời hỡi chưa cho vội đánh Tây.
Thà buổi Trường-sa da ngựa bọc ;
Khỏi nơi Đạo-chích tiếng muông rầy.
Lục lâm ¹⁸ mấy chạng hoa sầu bạn,
Thủy hử ¹⁹ vì đâu nhận lẻ bày ?
Hay vậy côi Biên dừng vó ký,
Náu nương chờ vận có đâu vầy.

Đâu vầy sấm chớp nổ thành linh,
Phong hạc ²⁰ thêm buồn mấy đạo binh.
Ngựa trạm xằng vãng miền Bắc khuyết ; ²¹
Xe nhung ngựa ngấn cỏi Tây-ninh.
Bài văn phá lỗ cờ chưa tể,
Tấm bảng phong thần gió đã kinh.
Trong cuộc còn nhiều trang tướng tá ;
Lời nguyện trung nghĩa há làm thinh.

Làm thinh hổ đứng giữa hai ngôi,
Nắm mật từ đây khó nổi ngôi.
Mũi giáo Thi-Toàn đừng để sét, ²²
Lưỡi gươm Dự-Nhượng phải toan dôi. ²³
Đánh Kim chi sá thẳng Lưu-Dự ; ²⁴
Giúp Tống xin phò gã Nhạc-Lôi. ²⁵
Ứng hộ nước Nam về một cỏi ;
Nghìn năm miếu tạc rạng công tôi.

Khóc Nguyễn-trung-Trực

Ông Nguyễn-trung-Trực xuất thân thợ chài, là một anh hùng lừng lẫy của miền Nam kháng chiến với những chiến công hiển hách ; đốt tàu Espérance của Pháp tại vàm Nhật-tảo năm 1861 và trận hạ đồn Kiên-giang năm 1866, ông rút ra Phú-quốc, giặc Pháp tấn công nhiều lần đều thất bại. Sau đó, giặc bắt mẹ ông và một số đồng bào làm con tin, rồi cho ông biết nếu không ra hàng sẽ chặt đầu tất cả.

Lúc giờ, ông xét thấy vì thế cùng lực kiệt, không muốn để sinh linh bị khổ và mẹ chịu tử hình, nên ra lệnh giải tán Nghĩa-quân rồi tự nạp mình cho Pháp.

Giặc Pháp đưa ông về Saigon. Nhưng khuyên dụ mãi, nhất định ông chịu tử hình chứ không chịu đầu hàng.

Kết cuộc, chúng hành quyết ông tại chợ Rạch-giá ngày 27 tháng 10 năm 1868.

Bài thơ khóc dưới đây là của cụ cử nhân Huỳnh-mẫn-Đạt (1807-1883) nguyên tuần phủ Hà-tiên, một nhân sĩ đứng về hàng ngũ chống xâm lăng lúc đó.

Thăng phụ nhung trường bất túc luân,
Đồi ba chỉ trụ ức ngư dân.
Hỏa hồng Nhật-tảo oanh thiên địa,
Kiếm bạt Kiên-giang khắp quỷ thần. ²⁶
Nhất đán phi thường tiêu tiết nghĩa ;
Lường toàn vô úy báo quân thân,
Anh hùng cường cảnh phương danh thọ,
Tu sát đề đầu vị tử nhân.

Bản dịch của Thái-Bạch

Thắng bại chi bàn việc tướng quân,
Người chài trự đá khúc gian truân.
Lửa bùng Nhật-tảo rêm trời đất ;
Kiếm tuốt Kiên-giang rợn quỉ thần.
Một sớm nhẹ mình nêu tiết nghĩa.
Đôi đường trọn chữ báo quân thân.
Anh hùng cứng cổ danh thơm mãi.
Lũ sống khom lưng chết thẹn dần.

Khóc Phan-thanh-Tòng

Phan-thanh-Tòng tức Phan-Liêm con trai của kinh lược sứ Phan-thanh-Giản. Ông khởi nghĩa chống giặc Pháp ở Ba-Tri năm 1869 tự xưng đốc binh nên người đương thời thường gọi là quan Đốc binh Tòng. Thanh-thế khá lừng lẫy, dân chúng hưởng ứng rất đông. Thực dân Pháp sai Tôn-thọ-Tường, Đỗ-hữu-Phương lần lượt đi dụ, nhưng ông đều không tiếp và viết thư mắng lại, cho là những loạn thần tặc tử đáng đem bêu đầu giữa chợ để làm răn trăm họ.

Giặc Pháp cũng khốn đốn về các cuộc đánh phá của ông. Song đến năm 1870 thì không may ông bị tử trận trong trận giao chiến ở Giòng-Gạch (thuộc địa phận Bến-tre).

Mười bài thơ liên hoàn sau đây cũng là của cụ tú tài Nguyễn-đình-Chiêu làm để truy điệu cái chết vinh dự vì nước ấy của ông.

Than ôi người ngọc ở Bình-đông.
Lớn bé trong làng thấy mến trông.
Biết đạo khác phe con mắt tục,
Dạy dân giữ vẹn tấm lòng công.
Đăng danh vừa rạng bề nhà cửa ;
Vì nước riêng đền nợ núi sông.
Một trận trái gan trời đất biết ;
So xưa nào thẹn tiếng anh hùng.
Anh hùng thà thác chằng đâu Tây,
Một giấc sa trường phận rủi may.
Viên đạn nghịch thần treo trước mắt ;
Lưỡi gươm địch khái nắm trong tay.
Đầu tang ba tháng trời riêng đội ;²⁷
Lòng giận nghìn thu đất nổi dầy.
Tiết mới một sông ra đất trộm ;

Cái sen con rã nghĩ thương thay !

Thương thay tạo vật khuấy người ta,
Nam đổi làm Tây, chính lại tà.
Trống nghĩa Bảo-an theo sấm rập ;
Cờ thù công tử guộn mây qua.
Én vào nhà khác toan nào kịp ;
Muông thác tay ai vọi hời xa.
Trong số nên hư, từng trước mắt,
Trời ơi, người vậy tính sao ra.

Sao ra nhẩy vọt giữa vòng danh.
Son đóng chưa tròn ấn đốc-binh.
Đuốc gió nhẹ theo đường thủy trạch ;
Cỏ hoa ngùi động cửa trâm anh.
Trên giòng lửa cháy cờ Tam sắc,
Dưới gánh đèn mờ bản Thất tinh.²⁸
Dẫu khiến nghe can vùng đất hiểm ;
Chờ thời nào đến tui vong linh.

Vong linh, sớm gặp buổi đời suy,
Trăm nét cân đo ít lỗi nghì.
Bóng bọt hình hài vừa ló thấy ;
Ngút mây phú quý đã tan đi.
Sanh năm mười tuổi ăn chơi mảy,
Quan bảy tám ngày sướng ích chi.
E nổi dạ đài quan lớn²⁹ hỏi,
Cớ sao sếu mếu côi Ba-tri ?...

Ba-tri từ vắng tiếng hơi chàng,
Gió thảm mưa sầu khá siết than.
Vường luống trông xuân hoa ủ dột,
Ruộng riêng buồn chủ lúa khô khan.

Bày ma bất hạnh duồng làm nghiệt ;
Lũ chó vô cô ³⁰ cũng mắc nà. ³⁰
Người ấy vì ai ra có ấy ?
Chạnh lòng trăm họ khóc quan Phan.

Quan Phan thác trọn chữ trung thần,
Ôm tiết như người cũng nghĩa dân.
Làng Để đành theo ông hữu đạo ; ³¹
Cõi phàm hổ ngó lũ vô quân. ³²
Lòng son xin có hai vừng tạc ; ³³
Giòng Gạch thà không một tấm thân.
Ai khiến cuộc hòa ra cuộc chiến ?
Người qua An-lái luống băng khuâng.

Băng khuâng ngày xế cả than đời,
Ai đổ cho người gánh nạn trời.
Nấm mật Cối-Kê ³⁴ đâu chẳng giận ;
Cắp dùi Bác-lăng ³⁵ há rằng chơi.
Một sòng cung kiếm rồi vay trả ;
Sáu ải tang thương mặc đổi đời.
Ôi mất cũng cam, còn cũng khổ ;
Nay Kim mai Tống then làm người. ³⁶

Làm người trung nghĩa để bia son ;
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đèn bồi ơn đất nước ;
Râu mày giữ vẹn đạo tôi con.
Tinh thần hai chữ phau sương tuyết ;
Khí phách ngàn thu rở núi non.
Nghĩ nổi ngựa Hồ chim Việt cũ ;
Lòng đây tưởng đó mất như còn.

Như còn chẳng gọi thể rằng cô,
Cái chuyện hoa vi trước vẽ đồ.
Sở hời trót ghi cừu họ Ngũ : ³⁷
Hán đâu khỏi trả hận thẳng Nô. ³⁸
Vàng tô sử Mã giồi đường sứ ; ³⁹
Búa vót Kinh Lân lấp dấu hồ,
Ngày khác xa thư về một mối ; ⁴⁰
Danh thơm người tới cõi Hoàng-đô. ⁴¹

Hà thành thất thủ ca

Tình hình nước ta, từ năm 1873 đến năm 1882, thành Hà-nội trong vòng 10 năm trời, mà bị thất thủ đến 2 lần. Lần thứ nhất vào ngày mồng 1 tháng 10 năm Quý Dậu tức 19-11-1873. Sau khi nuốt xong các tỉnh Nam-Kỳ, quân Pháp do Francis Garnier (tức Ngạc-nhi-Yên-Nghiệp) chỉ huy, từ Saigon được phái ra Hà-nội, mượn cớ can thiệp về vụ J. Dupuis không được nhà cầm quyền ta ở Hà-nội cho phép chở hàng lên Vân-nam bằng đường sông Hồng-hà, để xâm chiếm Bắc-Kỳ.

Quan trấn thủ thành Hà-nội lúc đó là Khâm-sai đại-thần Nguyễn-tri-Phương không chịu cho điều đình trực tiếp mà bắt phải qua triều đình Huế. Francis Garnier không chịu, mới tức giận và gửi tối hậu thư đòi quân ta phải giải giới quân đội và bắt buộc các quan văn võ phải tuân lệnh của y.

Với đề nghị ăn cướp này, lẽ tất nhiên các quan ta không thể nào nhận được. Thế là cuộc chiến tranh bùng nổ. Tướng F. Garnier hạ lệnh đánh thành. Quân ta chống cự lại. Cụ Nguyễn-tri-Phương và con là Phò-mã Lâm chống giữ cửa Đông-Nam. Phò-mã Lâm tử trận, còn cụ thì bị thương ở đùi. Quân sĩ thấy thế liền tan, cụ lên ngựa toan chạy, nhưng có tên Thông-ngôn tố giác nên cụ bị quân Pháp bắt được. Cụ không chịu cho băng bó chỗ bị thương, rồi nhịn ăn hơn một tháng mà chết.

Sau đó, các đạo quân của triều-đình do bọn Hoàng-kế-Viêm, Tôn-thất-Thuyết cùng hợp với đạo quân Cờ-đen của Lưu-vĩnh-Phúc từ miền Sơn-Tây kéo về gần Hà-nội, và tháng Giêng năm 1874 F. Garnier bị quân Cờ-đen phục kích giết chết ở ngoại ô Hà-nội. Phần thắng lúc đó, đang lúc mới thuộc về phía ta, các quan văn vũ đang bàn định một cuộc thừa thắng để đánh chiếm lại thành thì có tin triều đình đã cử ông Nguyễn-văn-Tường làm chánh sứ cùng đi với đại-diện Pháp là Philastre (Hoắc-đạo-sinh) từ Sài-gòn ra Huế để điều đình.

Cuộc điều đình này dẫn tới hòa-ước 1874, về phía Pháp thì giao trả Hà-nội và các tỉnh đã chiếm ở ngoài Bắc cho ta. Còn về phía ta thì nhìn nhận Nam-Kỳ là thuộc địa của Pháp, cam đoan theo chính sách ngoại giao của Pháp, nhường khoảng đất dọc theo bờ sông Hồng-Hà cho Pháp được thu thuế thương-chính, và tự do đi buôn bán khắp miền Trung, Bắc.

Trước tình trạng đó, Vua Tự-Đức nhận biết là nguy cơ đã đến, nên tuy ký hòa-ước, nhà vua vẫn một mặt giao thiệp với các nước bên ngoài, phái thanh niên đi học ở các trường Anh, và sai các sứ bộ sang Tàu để viện binh nhà Thanh.

Thấy tình hình thế, Pháp ở Sài-gòn liền sai Henri Rivière đem binh ra đóng ở Hà-nội, Hải-phòng, và mượn cớ vì quân Tàu ngăn cản sự thông thương.

Lúc đó, quan Tổng-đốc Hà-nội là Trần-đình-Túc vì sợ quá nên dâng sớ xin cáo lão về nhà. Ông Hoàng-Diệu, một vị quan có tiếng trung trực được cử ra thay thế.

Khi ra trấn, ông Hoàng-Diệu thấy quân Pháp tới nhiều, nên dâng sớ xin xây thêm công thự, và chiêu mộ thêm lính. Ông cho canh phòng rất cẩn mật, bất kỳ người ngoại quốc nào muốn vào thành cũng phải xin phép trước.

Henri Rivière lúc đó đóng ở vùng nhượng địa Đồn-Thủy, thấy đã làm gay mắt. Lại một hôm tên thông ngôn của y vào thành vì vô lễ nên bị ông Hoàng-Diệu sai nọc ra để đánh cho một trận. Y sợ bên ta thế nào cũng đánh úp, nên ngày 25 tháng 4 năm 1882 (tức ngày 8 tháng 4 năm Nhâm Ngọ) mới gửi tới hậu thư cho Hoàng-Diệu, yêu cầu bên ta phải giải giới quân sĩ, dâng thành nộp súng và kho tàng cho Pháp. Đúng 8 giờ sáng quan Tổng-đốc thành phải dẫn các quan văn võ đến nộp mình ở khu nhượng địa Pháp. Quân Pháp sẽ vào thành kiểm soát, rồi sau sẽ trả lại.

Khi nhận được thư, ông Hoàng-Diệu sai án sát Tôn-thất-Bá ra điều đình với Pháp cho gia hạn một ngày. Song Bá vừa ra khỏi thành, Henri Rivière đã hạ lệnh tấn công. Quân ta chống lại rất cương quyết. Nhưng một lúc, kho súng ở trong thành bốc cháy do một tên Việt-gian chủ mưu, Bô-chánh Phan-văn-Tuyển, đề đốc Lê-văn-Trinh và các phó lãnh binh thấy thế đều trụt thành, mạnh ai nấy chạy. Còn tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng thì trốn vào hành cung, phải nhịn đói ba hôm thành bịnh, rồi sau khi thành về tay Pháp mới lóp ngóp bò ra.

Thấy tình cảnh diễn ra như vậy, ông Hoàng-Diệu biết thế không chống nổi, mới lên voi đi vào hành cung, vừa khóc vừa bái vọng nhà vua, rồi ra trước cửa Vũ-miếu lấy khăn chít đầu treo cổ vào cành cây tự tử. Sau khi thành bị hạ, xác ông được đem về an táng bên cạnh mộ Nguyễn-tri-Phương, nơi gần miếu Trung-liệt. Sau đó được triều đình đưa về an táng tại quê hương và làm lễ quốc táng.

Khi chiếm xong thành, giặc Pháp lại giao trả cho ta do 2 người đứng ra nhận lãnh là án sát Tôn-thất-Bá và tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng. Tuy vậy, quân Pháp vẫn còn ở lại trong thành và đóng tại hành cung, không phải rút ra như kỳ tấn công trước.

Cách ít ngày, triều đình sai ông Trần-dình-Túc và Nguyễn-trọng-Hiệp ra nghị hòa. Nhà vua xuống chỉ đòi bọn Xứng, Bá, Trinh, Tuyển phải đeo gông về kinh để luận tội. Nhưng sau cả bọn lại đều được miễn nghị, cho đái công thực tội, chỉ riêng Phan-văn-Tuyển phải cách chức đuổi về làm thường dân...

Bài « Hà Thành Thất Thủ Ca » này là bài thơ nội dung kể lại những biến cố trên và tình cảnh nhân dân sau kỳ thất thủ lần thứ hai với những hành động của các đạo quân triều đình và của đám quân cứu viện từ nhà Thanh đưa sang.

Tác giả bài này, theo tục truyền lại, thì là Nguyễn-văn-Giai, tục gọi Ba Giai, một nhà thơ trào phúng, người làng Hồ-Khẩu, phủ Vĩnh-Thuận, Hà-nội (nay thuộc huyện Hoàn-Long, tỉnh Hà-Đông), sinh vào đời Tự-Đức và mất cách đây chừng non 100 năm.

Tiết Mạnh-Hạ ⁴² hiên Nam ngòi mát ;
Chuyện Thăng-Long điên mậ ⁴³ kể ra.
Bao nhiêu nông nổi tỉnh Hà,
Hai lần phân nhiều ⁴⁴ biết là làm sao ?

Năm Quý-Dậu ⁴⁵ tàu vào vừa tới,
Người Bắc-Kỳ rằng mới biết Tây.
Rủ nhau xem sóc đêm ngày,
Đem quân về đóng ở rày Trường-thị. ⁴⁶

Tờ niêm yết Ngạc-nhi Yên-Nghiệp, ⁴⁷
Đường giao thông tiến tếp lại qua.
Xa nghe đồn tỉnh Bắc-Hà,
Giặc Tàu quấy rối, vậy mà đến chi ? ⁴⁸
Các quan tỉnh nghi nghi hoặc hoặc,
Những bàn riêng rằng giặc đến chân.

Tháng mười mồng một giờ Dần, ⁴⁹
Ầm ầm hạ tỉnh là lần ngày xưa.
Khi ấy có khâm thừa họ Nguyễn, ⁵⁰
Cha con đều ngộ biến thất cơ,
Phò Lâm mắc nạn ⁵¹ bấy giờ,
Cha già tuyệt thực còn chờ quyền sinh.
Các quan sau quyết tình lên Thứ. ⁵²
Ông Tham Tôn tức sự khởi hành. ⁵³
Đem quân về đóng Diên, Canh, ⁵⁴
Nhơn nhơn thu phục tỉnh thành về ta. ⁵⁵

Chốn Thăng-Long thật là thượng đẳng,
Xui Tướng Tây quyết thẳng tiến truy.
Thất cơ phải chú Hắc-kỳ,⁵⁶
Ngoại-ô một trận, Ngạc-nhi qua đời.

Khách các hiệu rưng rời giáo giắc,
Dọn vãn tay đồ đạc xuống tàu.
Giữa dòng chiếc trước, chiếc sau,
Ra ngoài Ninh, Hải⁵⁷ để hầu về Nam.

Quan thừa thắng diện bàn tướng sĩ,
Bất thành linh có chỉ kinh ra.
Chuộc thành mà lại giảng hòa,
Định, An-Ninh-Hải với Hà-nội đây⁵⁸ :
Quan Hoàng-thống⁵⁹ nghe rầy bứt rứt.
Lưu-hắc-kỳ kéo phứt lên Ngâu⁶⁰.
Phá ngang việc ấy bởi đâu ?
Nhà công xế bóng, cửa châu long then.⁶¹
Sai quan Nguyễn-văn-Tường, chánh sứ,
Hoắc-đạo-sinh thử thử là đây.⁶²
Quan nam với lại quan Tây,
Sửa sang khi ấy, dân rày được yên.
Việc xong cả, chỉ truyền về bộ,
Quan Nguyễn-Tường thẳng Hộ-Thượng-thư.⁶³
Qua năm Giáp-tuất tháng Tư,⁶⁴
Thấy quan Nguyễn-Chánh phụng từ kinh ra.⁶⁵
Điều niêm yết mới : hòa ước đó ;
Ngẫm kỹ xem thật khó nghe thay.
Non sông cao rộng thế này,
Nào người trí dũng, nào tay anh hùng ?⁶⁶

Quan Tăng-Doãn rằng : vâng thánh chỉ,

Tỉnh Hải-dương lãnh ý phải ra ;
Quan Tư với lại Quan Ba,
Tìm nơi Hà-nội lập tòa Trường Tây.⁶⁷
Thấy phố xá người đầy đất hẹp,
Nhà thứ dân rộn rịp chĩn khôn.
Thênh thênh sẵn chốn Thủy-đồn,
Làm nhà ở cạnh Ô-Môn Trường-Tiền.
Khai thương-chánh thu biên thuế thủy,
Cùng quan ta quản lý trâu chung.
Rồi sau mới lại ngoại sông,
Nhà cao ngất ngheo bên sông Nhị-Hà.

Quan Thượng tỉnh tên là Đình-Túc,⁶⁸
Nghĩ tuổi già nhẵn nhục là xong.
Oán kia xếp để bên lòng,
Nói cười leo lẻo như dòng nước xuôi.⁶⁹
Ngoài thất thập, số đòi tri chức.⁷⁰
Quan quân đều thốn thức tiền đưa.
Về nhà được mấy nắng mưa ?
Câu thơ xuân nhật, cuộc cờ hạ thiên.⁷¹

Đất Hà-nội là miền trọng yếu,
Lại sai ông Hoàng-Diệu ra thay.
Vốn người nóng tánh lòng ngay,
Dũng cương chẳng biết đãi Tây như Trần.⁷²
Việc tỉnh vụ đương phần đóng dả,
Đánh thông-ngôn làm hạ nộ uy :
Mi là người ở nước ni ?
Mần rằng, chẳng giữ lễ nghi ngôn từ ?

Nổi nhà nước rồi như mắc cửi,
Chừng gió Tây tầm gửi lẩn ngành⁷³.

Lẽ đâu biết cũng làm thình,
Dốc lòng ái quốc, nặng tình sự quân.
Từ Canh-Thin⁷⁴ bước lần năm ngoái,
Sớ xây thành bên trại Vũ-sinh⁷⁵.
Tập rèn lính tráng cho tinh,
Để khi sự bất thành linh làm sao.
Các cửa thành truyền rao cấm cách,
Giữ người Tây với khách vào ra.
Khi nào có việc nước nhà,
Đem đơn bẩm trước mới là được vô.
Lăng-sa thấy cơ đồ biết ý,
Mới hăm hăm thịnh khí kéo ra.⁷⁶
Giờ Thìn mồng Tám tháng Ba,⁷⁷
Hạ thành này nữa, ấy là thứ hai.
Quan Hoàng-tổng quyết bài nhất chiến.
Lãnh-binh Đường xử biến hóa công.⁷⁸
Đang khi súng bắn đùng đùng.
Lãnh binh, quan bố thế cùng trút ra.
Quan đốc-bộ đường xa ngó thấy,
Cả tức mình vào lập hành-cung.⁷⁹
Rồi sau ra miếu Vũ công,
Buộc khăn tự tử vào vòng quyên sinh.
Quan tuần phủ thất kinh khi nớ,
Đau lăng nhăng ba bữa lại lành.⁸⁰
Các quan tểch cả ra thành,
Lên Đoàn sang Bắc tanh bành chạy tan.

Kể ngoài thành những quan nho nhỏ,
Tri-phủ Hoài, huyện Thọ⁸¹ là ai ?
Thọ-xương tểch những khi mai,
đến trưa hôm ấy phủ Hoài cũng bon.⁸²

Quan đi cả mà còn thành lũy,
Chạnh lòng người ngẫm nghĩ mà thương.
Kính thiên ngại ngự thiệp vàng,
Tây ngồi đánh chén với đoàn thanh-lâu.
Các chùa miếu đâu đâu đẩy tá ;
Can gì Tây cũng phá tan tành ?
Các pho tượng cũng chẳng linh,
Để Tây đem đốt ra hình trêu người.
Kể chi hấn hại người đến thế,
Hạ thành rồi chẳng để cho xây.
Có người rằng : « Lũ Tây này,
Khác Tây Quý-dậu nên rầy lẳng nhăng. »

Dân xiêu bạt hỏi sẵn hỏi đón :
« Về đánh Tây có bọn nào không ? »
Đồn quan Thống chế Hoàng-công,⁸³
Hắc-kỳ hợp với Sơn, Hưng cũng đồng.⁸⁴
Đang sắm sửa hỏa công khí giới,
Tế cờ rồi ngài mới cất quân.⁸⁵
Người ta tập tễnh nghe dần,
Bữa mai bữa mốt đại thần về đây.
Đỏ như mắt cá chàay mong mõi,
Tính ngón tay đã ngoại tháng ba.
Bỗng đâu có chỉ kinh ra,
Tĩnh biên Đình-Túc giảng hòa với Tây.⁸⁶
Được hai bữa kéo ngay vào tỉnh,
Thấy kho tàng dinh sảnh sạch không.
Bàn nhau số tấu cứu trùng,
Thấy sao nói vậy đủ trong tình hình.

Kìa những kẻ học sinh của thánh,
Hễ làm trai phải gánh cương thường,

Ngán cho Tổng đốc họ Hoàng,
Đan tâm có một, cương thường không hai.
Hồi những kẻ van hoài xuất thú, ⁸⁷
Với những người mặt ủ hờn cơm, ⁸⁸

Vì ai cũng dựa tiếng thơm,
Tiếc gì xuân nữa mà sơm sỡ ai ?
Được mấy kẻ anh tài phải đạo,
Đều ăn cơm mặc áo trên đời.
Đến khi có việc tây trời,
Trơ trơ chỉ thấy một người tận trung. ⁸⁹

Trông thế cuộc nào nùng đến thế,
Nỗi phố phường mới kể mà nghe.
Bảng nay xuân đã sang hè,
Thân này đóng cửa mà nghe sự đời.
Tỉnh Hà-nội những người phố, xá.
Chạy loạn Tây vất vả nghĩ thương.

Xách già ôm trẻ vội vàng,
Về quê ăn tuyết tư lương sạch rồi.
Ở cũng cực ra thời cũng bức,
Tưởng bán buôn mà bức mọi bề.
Bảng ai có chợ có quê,
Tiện phương thương mại, tiện nghề điền viên.
Cũng có kẻ quen miền phố xá,
Thói quê mùa bờ ngõ xưa nay ;
Ra hài vào hán thế này,
Bây giờ lại phải dãi dầy tuyết sương.

Xưa chạy loạn nay đương chạy loạn,
Khúc ngày xưa, khác đoạn ngày nay ;
Có quan đi giữ dẹp Tây,

Nay quan chẳng thấy, loạn này bao yên ?
Rạng nghe đóng trên miền Day, Kê,
Mai lại nghe ở Vẽ ở Vòng.⁹⁰
Lại nghe mới bước đến Phùng,⁹¹
Lại nghe ngài đóng về vùng Thanh-oai.⁹²
Nghe đồn tiếng rằng ngài Phủ Lý,
Huyện Nam-sang quan thủy đóng thuyền.
Đồn rằng ngài ở Tam-Tuyên,⁹³
Hắc-Kỳ vừa tới, Thanh-Biên vừa qua.⁹⁴
Thôi thôi hãn ngài đà đãi chí,⁹⁵
Hễ mà nghe thánh chỉ mần rằng.

Cho nên việc phải dùng dăng,
Hết ngời mà sợ, hết năm mà lo.
Quan ta chứa các kho tiền thóc,
Mong làm hòa dờ khóc dờ van.⁹⁶
Sớ ra giục giã các quan.
Tây thì khảng khái biết bàn tính sao.
Thành thất thủ, xiềng trao già tởa.⁹⁷
Phải lai kinh tra đả không tha,
Loanh quanh – ta lại với ta,
Kinh thiên Tây ở thế mà diềm nhiên.⁹⁸
Đồn Tàu Khách sang miền Tây-Bắc,
Làm rộ nhiều hãn bắt đoan Tây.⁹⁹
Mấy mươi dinh kéo đến đây,
Những là mong mõi mà rầy thấy đâu.
Hay các chú phá tàu Đông-hải,¹⁰⁰
Còn quay về đóng lại mới sang ?¹⁰¹
Mau mau cứu lấy Đại-Nam,
Gạo đong hầu hết, khoai lang chẳng còn.
Lúa, ngô, gạo nếp bòn vơ sạch,

Vận Bắc-kỳ có bách hay không ?
Sự hòa còn nói viễn vong,
Một nhà ba chủ biết trông chủ nào ? ¹⁰²

Chuyện lúng túng làm sao thế ấy,
Mãi thế này những thấy bết be.
Nực cười kể chuyện lè nhè,
Người cùng tìm chốn chở che qua ngày.
Đàn bà phải lấy Tây cũng bức,
Dầu rậm râu mạnh sức cũng liều.
Người Nam lớn bé bao nhiêu,
Ở hầu làm thiếp cũng đều làm ăn.
Cô Thống-sát, Thông-năm ¹⁰³ vô số.
Vợ quan Tây, bà cố tran tran. ¹⁰⁴
Võng đào chỉ thăm nghênh ngang,
Mới hôm nọ, đã bà quan tênh tàng.
Phường bồi bếp nghênh ngang dạo phố,
Áo quần Tây tâng lố thông ngôn. ¹⁰⁵
Chờ tàu lên Hạc lập đồn, ¹⁰⁶
Làm thêm thương-chánh bán buôn cho nhiều.

Mảng nghe tiếng Thiên triều ¹⁰⁷ đến quản,
Do Vân-Nam mấy vận kéo sang.
Bắc ninh với lại Tuyên quang,
Quảng-yên, Thái, Lạng vô vàn Thanh-quân. ¹⁰⁸
Xin cứu lấy nước Nam đành báo,
Có tờ tư thu gạo cho nhiều.
Sức rằng định giá bao nhiêu,
Thuận mua vừa bán Thiên-triều trả cho.
Sơn, Hưng ¹⁰⁹ phải làm kho chứa sẵn,
Lưỡng biên giang ¹¹⁰ cứ thẳng kéo về.
Tỉnh thành cho chí chợ quê,

Những lo chết đói mà mê mẩn người. ¹¹¹
Còn dửng trảng trên người bằng nhặng,
Đời làm công thẳng thẳng lưng sơi.

Nghĩ buồn Nam-Việt sự đời,
Những ăn hà tiện, để thời cho ai.
Nay Tây cậ có tài thiện thủy.
Đường sơn lâm hẩn bí kế thôi.
Tàu bè ngược ngược xuôi xuôi,
Hết Sơn, Hưng lại trở hồi Trường Tây.
Chú Khách cậ quân này thiện hộ,
Dòng Nhị-hà hẩn đổ dấm qua.
Đi đâu quanh quẩn vậy mà ?
Hết Lâm, Đoan ¹¹² lại Bảo-hà sông Ngâu.
Hai bên cứ giữ nhau thế mãi.
Hay sợ hơi có phải hay không ?
Bên lo trái phá, thần công,
Bên e cờ úp, thúng chông đâm quay ¹¹³.
Hay đợi để tháng này tháng nữa,
Chờ bao giờ gặp gỡ mới hay.
Sao mà giữ mãi thế này ?
Tây thì Hà-nội, Ngô rầy Sơn, Hưng. ¹¹⁴

Tính thấm thoát qua chừng nửa tháng,
Quít đỏ tròn còn nhẩn bao lâu. ¹¹⁵
Sao Cờ mọc đã ngang đầu, ¹¹⁶
Hồng-mao với khách quan Tàu đi đâu ?
Hãy nhất quyết đánh nhau một trận,
Để thử làm cho tận tình dân,
Đã hầu ngũ liệt tam phân, ¹¹⁷
Tam cương còn thiếu chữ quân trên đầu.
Lại một hện rằng sau tháng chín,

Quan Tàu về chẳng nhin nữa đâu ;
Chuyện như khất nợ với nhau,
Mấy mươi tháng nữa mới hầu được yên ? ...

Chính Khí Ca

Đọc bài « Hà-thành thất thủ ca » ở trước, chúng ta đã được thấy cái bộ mặt thật của tình hình lúc ấy mà các quan văn võ Hà-thành sau đó cố tình đánh trống lảng để che mắt và bịt tai dư luận. Thì đây, với bài « Chính khí ca » này, chúng ta sẽ thấy rõ thêm những ai là người đáng để cho muôn đời sùng bái, những kẻ nào để cho đến nay nhắc tới cũng còn thêm tởm giọng.

Nói một cách khác, nội dung bài này, chúng ta đọc lên sẽ thấy cái khí tiết nghìn năm bất hủ của Tổng đốc Hoàng-Diệu, người đã trọn nghĩa với thành Hà-nội năm 1882, và sau đó là những bản án nêu lên trước dư luận và lịch sử những kẻ có trách nhiệm giữ thành mà không làm tròn được bốn phận, chẳng hạn như bọn án-sát Tôn-thất-Bá, tuần phủ Hoàng-hữu-Xứng, đề đốc Lê-Trinh v.v... Trong khi thành bị quân Pháp tấn công, tên thì biết trước, viện cớ xin ra ngoài điều đình với Pháp, thừa cơ chạy trốn vào làng Mộc ở Hà-đông, rồi sau khi thành bị hạ lại thông đồng với Pháp, được Pháp cho vãng giá mời ra, giao trả lại thành và đề nghị cho quyền chức Tổng-dốc Hà-nội (Tôn-thất-Bá), tên thì bỏ chạy làm dư luận tưởng lầm đã tử tiết (Lê-Trinh) ; kẻ thì khi thành bị tấn công, sợ chết, chạy trốn vào hành-cung, nhịn đói ba hôm xanh mặt lại, rồi sau lại bỏ ra trình diện với Pháp (Hoàng-hữu-Xứng).

Theo tục truyền, tác giả bài « Chính-khí ca » này với tác giả bài « Hà-thành thất thủ ca » cũng là một nhà thơ trào phúng Nguyễn-văn-Giai... viết vào khoảng năm 1882, 1883...

Một vùng chính khí lưu hành,
Khoảng trong trời đất, nhật tinh sơn hà.
Hiệu nhiên ở tại người ta,
Tắc vuông son sắt hiện ra khí cùng.¹¹⁸
Hơn thua trong trận chuân phong,

Ngàn thu để tiếng anh hùng sử xanh.
Có quan Tổng đốc Hà-Ninh. ¹¹⁹
Hiệu là Quang-Viển ¹²⁰ trung trinh ai bằng.
Làm nguy lý hiểm đã từng, ¹²¹
Vâng ra trọng trấn mới chừng ba năm.
Thuân Hồ ¹²² dạ vốn dăm dăm.
Ngoài tuy giao tiếp, trong cầm những là.
Vừa năm Nhâm-Ngọ, tháng ba,
Sáng mai mồng tám bước qua giờ Thìn.
Biết cơ trước đã giữ gìn,
Hơn trăm vũ sĩ, vài nghìn tinh binh.
Tiên nghiêm ¹²³ lên đóng trên thành,
Thệ sự rót chén rượu quỳnh đầy vơi.
Văn quan, vũ tướng nghe lời,
Hầm hầm xin quyết một bài tận trung. ¹²⁴
Ra oai xuống lệnh vừa xong,
Bỗng nghe ngoài đã ùng ùng pháo ran.
Tiêm cừu nổi giận xung quan. ¹²⁵
Quyết rằng chẳng để chi đàn chó dê.
Lửa phun súng phát tứ bề,
Khiến loài bạch-quỷ ¹²⁶ hồn lìa phách xiêu.
Bắn ra xem chết cũng nhiều,
Phổ phường trông thấy tiếng reo ầm ầm.
Quan quân đặc chí bình tâm,
Cửa Đông cửa Bắc vẫn cầm vững binh.
Chém cha cái lũ hôi tanh,
Phen này quét sạch sành sanh mới là.
Nào ngờ thất ý tại ta,
Vẫn rằng thắng trận ¹²⁷ hóa mà thua cơ.
Nội công mắc những bao giờ,
Thấy kho thuốc cháy, ngọn cờ ngã theo.

Quan quân sợ chết thấy đều,
Thành tây Bạch-quỷ đánh liều leo lên.
Nào ai cơm áo dốc đèn ?
Nào ai cầm vững cho bền ba quân ?
Nào ai còn chí kinh luân ?
Nào ai nghĩ đến thánh quân trên đầu ? ¹²⁸

Một cơn gió thảm mưa sầu,
Nấu nung gan sắt, dãi dầu lòng son.
Chữ trung còn chút con con,
Quyết đem gửi cái tàn hồn gốc cây.
Trời cao, biển rộng, đất dày,
Núi Nùng sông Nhị chốn này làm ghi.
Thương thay gặp buổi gian nguy,
Lòng riêng ai chẳng tiếc vì người trung. ¹²⁹
Rủ nhau tiền góp của chung,
Đem người lên táng ở thung Học-đường. ¹³⁰
Đau đớn lẽ, ngẩn ngơ nhường,
Tả tơi thành quách, phủ phàng cỏ hoa.
Kể từ năm Dậu bao xa,
Đến nay tính đốt đã là mười niên.
Long-thành thất thủ hai phen,
Kho tàng hết sạch, binh quyền rã tan.
Đổi thay trái mấy vì quan.
Quyên sinh tợ nghĩa có gan mấy người ?
Trước quan Vũ-Hiến, khâm sai, ¹³¹
Sau quan Hoàng Tổng, một vài mà thôi.
Còn ra vũ giáp văn khôi,
Quan bào châm hốt nhác coi ngỡ là...
Khi binh làm hại dân ta,
Túi tham mở rộng không tha miếng gì.
Đến khi hoạn nạn lâm nguy,

Mắt trông ngơ ngáo, chân đi gập ghềnh. ¹³²

Vũ như Đề-đốc Lê-Trinh,
Cùng là chánh, phó lãnh binh một đoàn.
Đang khi giao chiến ngang tàng,
Thấy quân hầu đồ ¹³³ vội vàng chạy ngay.
Nghĩ coi thật đã ghê thay !
Bảo thân ¹³⁴ chước ấy, ai bày sẵn cho ?
Thế mà nghe những mơ hồ,
Rằng quan Đề-đốc dưới hồ cửa Tây.
Kẻ rằng ngài ở càn cây,
Kẻ rằng hẩn dưới giếng này chẳng chơi.
Thăm tìm tối lại hòa mai,
Định rằng hợp táng ở nơi Học-đường. ¹³⁵
Hỏi ra sau mới tỏ tường,
Cũng loài úy tử, cũng phường tham sinh.
Phép công nên bắt gia hình,
Rồi ra nặng chữ nhân-tình lại thôi. ¹³⁶

Văn như Tuần-phủ nức cười,
Bích-Chi ¹³⁷ là hiệu, năm mươi tuổi già.
Biết bao cơm áo nước nhà,
Kể trong sĩ tịch cũng là đại viên. ¹³⁸
Chén son chưa cạn lời nguyên,
Nỡ nào bỗng chốc quên liền ngay đi.
Lại còn quanh quẩn làm chi ?
Hay là thương tiếc vật gì ở đây ?
Hay là có chước bình Tây,
Trước kia hoảng hốt, sau này nghiên tình ?
Hay còn tiếc cái xuân xanh,
Tìm nơi kiếm chốn gieo mình trú chân ?
Hay là còn chút từ thân,

Đã toan tịch cốc mấy lần lại thôi ? ¹³⁹
Sao không biết xấu với đời ?
Sao không biết then với người tử trung ? ¹⁴⁰

Kìa Tôn-thất-Bá niết công, ¹⁴¹
Kim chi ngọc diệp cũng dòng tôn nhân.
Đã quốc tộc lại vương thần, ¹⁴²
Phải nên hết sức kinh luân mới là.
Nước non vẫn nước non nhà,
Nỡ nào bán rẻ một tòa Thăng-Long.
Thế mà liệu đã chẳng xong, ¹⁴³
Mặt nào còn đứng trong vòng lưỡng-gian. ¹⁴⁴
Tư giao rắc những mưu toan, ¹⁴⁴
Thừa cơ xin dự hội thương ra ngoài.
Ấy mới khôn, ấy mới tài,
Lẩn đi tránh tiếng giục người nói quanh.
Dâng công quyền lĩnh tỉnh thành,
Mà toan đổ tội một mình quan trên. ¹⁴⁵
Tội danh thật đã quả nhiên,
Xin đem giao xuống cửu nguyên Chế-đài. ¹⁴⁶
Lân la kể đến Phiên-đài, ¹⁴⁷
Xỉ ban ¹⁴⁸ cũng đã tuổi ngoài sáu mươi.
Thác trong thôi cũng nên đời,
Sống thừa chi để kẻ cười người chê.
Nhị-hà, Tản-lĩnh đi về,
Giang sơn tuyết chở, sương che cũng liều.

Còn như tì thuộc hạ liều, ¹⁴⁹
Kẻ công người quá còn nhiều chan chan.
Biết đâu cho khắp mà bàn,
Sau này đã có sử quan thẩm bình. ¹⁵⁰

Trước rèm gió mát trắng thanh,
Thừa lương ¹⁵¹ nhân lúc một mình thông dong.
Xa trông tút vút Bình-phong, ¹⁵²
Chúc mừng vạn thọ, Thánh cung lâu dài.
Rồi khi cá nước duyên hài, ¹⁵³
Ra tay tế thế, trở tài kinh luân.
Đã thánh quân, lại hiền thần,
Có đâu mà chẳng quân dân thái hòa. ¹⁵⁴
Bấy giờ ta lại với ta,
Tĩnh say dật hứng, ngâm nga tiêu sầu.
Hà-thành văn vũ công hầu,
Càng nghe thấy chuyện càng rầu bên tai.
Diễn ca chính-khí một bài,
Để cho thiên hạ đời đời khuyên răn. ¹⁵⁵

Về khâm sai

Năm 1885, sau khi kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm-nghi xuất biên. Bù nhìn Đồng-Khánh được Pháp dựng lên làm chiêu bài chính trị để mua chuộc lòng người. Nhưng chỉ mua được bọn Hoàng-cai-Khải, Nguyễn-hữu-Độ, Lê-Hoan, Nguyễn-Thân, Trần-bá-Lộc v.v... chớ người chân chính hỏi ai mà không hiểu dã tâm bè lũ chúng. Vì thế phong trào kháng chiến đã nổi lên khắp nơi suốt từ Nam chí Bắc. Trong ấy, các thân hào ở Quảng-Bình, Quảng-Nam, Bình-Định có lập ra nghĩa hội do các ông Trần-văn-Dự, Nguyễn-tự-Như, Trương-dinh-Hội, Nguyễn-phạm-Tuân cầm đầu. Triều đình Đồng-Khánh và thực dân Pháp cử tên bán nước Nguyễn-Thân làm khâm-sai đi dẹp, khoa trương thanh thế là tiểu trừ giặc loạn để an phủ nhân dân. Nhưng đầu đuôi hớ đuôi, bọn chúng đã an phủ thế nào, chúng ta hãy đọc bài về Khâm sai này đủ rõ những hành-động của chúng. Bài này không biết tác giả là ai, nhưng ở các tỉnh nói trên hiện nay vẫn còn nhiều người nhớ. Như vậy đủ biết tác dụng nó thế nào.

Bà con cô bác, lắng lắng mà nghe !
Tôi nói cái về, cái về sai đạo,
Danh vi trấp trảo, vụ dĩ an dân.
Khâm-sai đại-thần, kéo vô Đà-Nẵng.
Tướng quân đều sẵn, tán lý tán tương ;
Chú Bang chú Thương, Chú Đề chú Lãnh ¹⁵⁶
Quân hùng tướng mạnh, các đội các cơ.
Dóng trống mở cờ, kéo vô tỉnh cũ.
Phân quân vừa đủ, phát vãng Thượng-du.
Thác-cá, Rập cu, đôi đường tiến tiễu.
Nhất thời phương liệu, văn miếu đồn binh.
Ai thấy cũng kinh, gọi Khâm sai giỏi.
Kêu dân tới hỏi. Rằng Nghĩa đã tàn.
Hạnh hoặc tương an, thị vi thịnh sự.
Sau lên Phong-sử, Nghĩa dừng tứ vị.

May chẳng hề chi, nhờ ba chú Pháp.
Thâu qua Yên Giáp, trở lại La-Thành
Từ ấy thất kinh, vừa làm vừa sợ.
Tướng chi, tướng dở, vị luyện quân tinh.
Chẳng có Tây-binh, e không khỏi chết.
Chước chi cũng hết, năm ngoái năm ni,
Làm chẳng ra chi, lại thêm ăn bậy.
Lũ quân đi lấy, các tướng về chia.
Thôi đã tràn đìa, cái chi chẳng xách.
Cái quần đã rách, cái áo tả tơi.
Cũng đành cũng quơ, huống chi cái khá ;
Kẻ thì đào mả, thằng lại phá nhà.
Những chó những gà, những heo những vịt
Bắt mà ăn thịt, lại bán lấy tiền.
Đem về Thừa-Thiên, Nghĩa, Bình, Quảng-Trị,
Thậm vi khả bỉ ¹⁵⁷, quân lệnh Khâm sai !
Thiên hạ ai ai, chớ tin mà mắc.
Thác từ ¹⁵⁸ đánh giặc, hại ngã lê dân.
Thiên đại quỷ thần, nguyện kỳ chiếu giám. ¹⁵⁹
Nói càng thêm thảm, chẳng biết làm sao.
Hiệu lệnh đường nào, quân gia đến thế !
Hà mưu hà kế, hà lự hà tư ? ¹⁶⁰
Viện những đồ hư, để đi ăn giựt.
Bợm nào đắc lực, tiến chức tiến quan,
Lớn bé một đoàn, vô sở bất chí. ¹⁶¹
Nhân dân nghị nghị, thù lặc chi tòng.
Sự thế nhật cùng, Quảng-Nam ở lỗ.
Trời làm chi khỗ, thất đảo bát điên.
Nói lảm cũng phiền, như tư nhi dĩ. ¹⁶²

Khóc Phan-đình-Phùng

Cụ Phan-đình-Phùng người làng Đông-thái, tổng Việt-yên, huyện La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh (Trung Việt), đỗ cử nhân khoa Bính-Tý năm 1876 hồi 39 tuổi và đỗ Đình-nguyên năm 1877, được bổ Ngự sử Đô sát viện.

Khi vua Tự-đức mất, nhân thấy Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-văn-Tường làm việc phế lập, cụ phản đối nên bị cách chức và thải hồi nguyên quán.

Năm 1884 cụ được phục chức bổ Tham-tri Sơn-phòng tỉnh Hà-tĩnh.

Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm-Nghi chạy ra Quảng-bình, cử cụ làm Tán-ly quân vụ, thống lãnh các Nghĩa quân đánh giặc. Cuộc kháng chiến của cụ là một cuộc lừng lẫy nhất và mạnh nhất trong thời kỳ Cần-vương khởi nghĩa. Giặc Pháp tấn công thế nào cũng không chuyển và chiêu dụ thế nào cũng không được.

Năm 1895, cụ bị bệnh ly mất tại căn cứ địa núi Quạt, thật là một cái tang lớn cho cả nước. Các văn thân Nghệ Tĩnh có câu đối khóc cụ :

Thành bại anh hùng mạc luận, thử cô trung, thử đại nghĩa, thế dữ chư quân tử thủy chung, Châu chi anh, Mạc chi linh, độc thử mỗi niệm cương thường trọng. Khả hận giả, thùy diên đại hạ, nhất mịch nan chi. Cung lãnh yên tiêu, thùy nhân bất tác thâm sơn oán. Huống đương nhật long phi vân ám, cộng ta nhận sự vô thường. Khả lân La-việt giang sơn, bách niên văn hiến phiên cung mã.

Cổ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong, đồng thử đại trượng phu vũ trụ. Lam chi phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô nại bách tùng điêu. Vi hà tai, hội quyết đòi ba, trung lưu chỉ trụ. Tình vi vật hoán, hà nhân bất khởi cố viên tình. Cập thử thời nhận tán phong suy, kham thân

*thiên tâm mặc trợ. Độc thử tùng mai khi tiết, nhất tử tinh thần quán đầu
ngưu.* ¹⁶³

Còn bài thơ này là của cụ Nguyễn-thượng-Hiền hiệu Mai-Sơn, một nhà cách mạng tiền bối đã trốn sang lục địa Trung-hoa, và lúc đó đang làm đốc học tỉnh Nam-định.

Vạn lý ai già bất khả văn !
Lục long thiên ngoại cách yên phần.
Bình qua chấp nghĩa phù tôn quốc ;
Bào hốt lâm nguy báii thánh quân.
Lang miếu cựu truyền chân ngự sử ;
Giang hồ kim khắp cố tướng ¹⁶⁴ quân.
Tha niên tái kiến Trung nguyên định,
Cản tặc Thường-sơn hữu đại huân.

Bản dịch của Thái-Bạch :

Tiếng kèn ai oán vắng ngàn xa.
Mờ mịt trời mây dậm hải hà.
Gươm giáo tô màu cờ biển cũ ;
Cân đại nặng gánh nước non nhà.
Vang danh Ngự sử nơi triều trước ;
Xót cảnh tướng quân giọt lệ nhòa.
Ngày khác Trung nguyên về một mối ;
Công đầu giết giặc chẳng ai qua.

Á-Tế-Á ca

Bài này có người nói của cụ Tham-tán Nguyễn-thiện-Thuật, người anh hùng khởi nghĩa Bãi-Sậy (1883-1894) ; có người nói của cụ Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền ; lại có người nói của cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu.

Căn cứ nội dung bài, nhất là ở đoạn cuối, thì tác giả là người đã có công trong quân-đội Nhật, đã có tham dự trận Nhật-Nga đại-chiến năm 1905 và đã có dự tiệc khai hoàn của triều đình Minh-Trị.

Như vậy thì tác giả là ai ?

Theo quyển Ngục-trung-thư của cụ Phan-Bội-Châu thì năm 1905, cụ Nguyễn-thiện-Thuật còn ở nhà Lưu-vĩnh-Phúc (nguyên tướng Cờ đen) tại Sa-hà, tỉnh Quảng-đông. Năm ấy cụ Phan-bội-Châu không có ở Nhật, cụ phải về nước, họp hội nghị bí mật ở Quảng-nam để bàn định việc đưa Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đế xuất dương, rồi khi sang Tàu cụ còn đi Quảng-châu ra mắt cụ Tấn Thuật. Như thế, chắc chắn tác giả không phải cụ Phan-bội-Châu hay cụ Nguyễn-thiện-Thuật. Còn cụ Mai-Sơn thì không có ở trong quân Nhật rồi.

Theo thiếu ý, tác giả bài này, có lẽ là cụ Tăng-bạt-Hổ, người Bình-Định (Trung-Việt), vì qua nhiều sách vở và tài-liệu, thấy trong các nhà cách-mệnh Đông-du chỉ có cụ Tăng là tham gia trận Nhật-Nga 1905. Trước cụ ở nhà Lưu-Vĩnh-Phúc, sau làm thủy thủ một tàu buôn qua Trường-Kỳ, Hoành-tân, rồi xung vào Thủy-quân Nhật-Bản, cụ có công lớn trong các trận Đại-liên, Lữ-thuận, được Nhật-Hoàng thưởng huy-chương quân công. Trong bữa tiệc Nhật-Hoàng khao thưởng các tướng sĩ, cụ có tham dự. Nhật-Hoàng tự rót rượu thưởng, cụ uống cạn rồi khóc lớn, kể nỗi nước mất nhà tan, ai nấy đều cảm động. Sau cụ ngỏ ý xin viện binh đánh Pháp. Nhưng thủ-tướng Khuyển-dưỡng-Nghị khuyên cụ hãy lo phát triển tinh thần duy tân trong nước đã, và thay vì đề nghị xin viện binh, Khuyển hứa

giúp cho du học sinh người Việt được phép cư trú và được miễn học phí. Kế đó, cụ về nước hoạt-động, và ít lâu mất tại Huế vì bệnh kiệt lực.

Đại lược tiểu sử cụ Tăng là thế, nên khi được tin cụ từ trần, cụ Đặng-thế-Thân, nhân sĩ ở Nghệ-An (đỗ đầu xứ nên tục gọi xứ Đặng) có làm câu đối khóc :

Quân khởi kỳ sinh tác ký ư thời gia, đề binh thập năm, khứ quốc trấp dư niên, ký khốc ư Xiêm, ký khốc ư Hoa, ký khốc ư Nga, hốt hốt nhiên đại khốc ư Đông ; thủy giao tứ nhập thu phong, hướng ngã thần kinh mai hiệp cốt.

Ngã bất tri tử chi vi hà vật giả, độc thư ngũ châu, kết giao số thập bối, hoặc chiến dĩ thiết, hoặc chiến dĩ bút, hoặc chiến dĩ não, đoan đoan trích trực chiến dĩ thiết, yếu đắc huyết lưu ôn đới, vị quân hoàng chủng thụ hồng kỳ.

Cụ Huỳnh-thúc-Kháng viết trong « Thi tù tùng loại » xuất bản năm 1939 có nhắc đến, và dịch nghĩa như sau :

« Người há sinh làm dờn với đời sao ? Cầm binh một độ, bỏ nước hai mươi năm, đã khóc với Xiêm, đã khóc với Tàu, đã khóc với Nga, dùng dùng sang khóc lớn bên Đông, ai dè gió phất trời thu, năm cốt về chôn thành đất Huế.

Ta chả biết chết là cái gì vậy, đọc sách năm châu, kết giao vài chục bạn, hoặc đánh bằng lưỡi, hoặc đánh bằng bút, hoặc đánh bằng não, khẳng khẳng chỉ độc đánh bằng sắt, thề quyết máu trôi đất nóng, cờ đào tỏ mặt giống da vàng. »

Á-tế-á năm châu đệ nhất.

Người nhiều hơn mà đất rộng hơn,

Cuộc đời mở hội dinh hoàn

Anh hùng bốn bể giang san một nhà.

Ngẫm từ thuở Âu-La tiếm đất.
Vượt Chi-na qua đất Triều-tiên
Xiêm-la, Diến-điện gần liền
An-nam, Chân-Lạp thông miền Ai-lao.
Thịt một miếng trăm dao râu xé
Chiếc kim khâu đã mẻ khôn lành
Tôi tớ Pháp, muỗi ruồi Anh !
Nén hơi đại Đức chịu đòn cường Nga.
Gương Ấn-Độ chẳng xa đâu đó,
Chẳng máu đào cũng họ da vàng.
Mệnh mông một dải Đông-Dương
Nước non nô lệ trông càng thêm đau.

... ..

Ngồi mà nghĩ thêm sầu thêm tủi,
Nước Nam mình gặp buổi truân chuyên.
Dã man quen thói ngu hèn
Biết chi nước mất nòi tan nòi này.
Từ Pháp-lan thẳng tay đô hộ,
Giày xéo lên mồ mả ông cha
Giống nòi tủi nhục xót xa,
Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu.
Việc giầy thép, việc tàu, việc pháo.
Việc canh nông, việc giáo học đường.
Việc kỹ nghệ, việc nông thương
Việc khai các mỏ lập đường hỏa xa.
Giữ các việc chẳng qua người Pháp
Người Việt-Nam bồi bếp cu-li !
Thông ngôn, ký lục chi chi,
Mãn đời lính tập, trọn vì quan sang.
Các hạng thuế Pháp càng tăng mãi :

Thuế dinh điền rồi lại thuế bò
Thuế cho cũi, thuế lợn lò,
Thuế muối, thuế ruộng, thuế đồ, thuế xe.
Thuế tất cả, trâu, cau, chè, thuốc,
Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn
Thuế nhà cửa, thuế chùa chiền
Thuế rừng tre gỗ, thuế thuyền bán buôn.
Thuế dầu mật, thuế sơn, thuế mỡ.
Thuế gạo rau, thuế đồ, thuế bông.
Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
Thuế chim, thuế cá, khắp trong ba kỳ.
Nhiều hạng thuế kể chi cho xiết :
Thuế « phát xia » mới việc lạ lùng !
Nói ra luống những đau lòng,
Cha con khổ nhục, vợ chồng lìa tan.
Cũng có lúc bầm gan tím ruột.
Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra.
Cũng xương, cũng thịt, cũng da !
Cũng dòng máu đỏ con nhà Lạc-Long !
Thế mà chịu trong vòng trói buộc,
Mấy mươi năm nớ nhuốc lấm than.
Thai ôi ! Bách Việt giang san !
Thông minh đã sẵn, khôn ngoan có thừa.
Hồn mê mẩn tỉnh chưa ? Chưa tỉnh !
Anh em mình phải tính sao đây ?
Nhật là bạn, Pháp là thầy...
Trí khôn phải học, điều hay phải tìm.
Việc tân học kíp đem sang trước,
Hội dân đoàn cả nước với nhau,
Sự buôn ta lấy làm đầu,
Mọi nghề cũng ghé, đội cầu một vai.
Bây giờ kể còn dài chưa xiết.

Chữ tự do xin kết một lòng.
Gương Nhật-Bồn đất Á-Đông,
Giống ta, ta cũng soi chung kéo mà.
Đường học thức dần dà mở rộng.
Nước Lang-sa rồi cũng nể nang.
Có khi Âu Á tranh hùng
Thay phường nô lệ, làm phường văn minh.
Kìa thuở trước như Anh, Pháp, Đức,
Cũng chẳng qua cùng cực thời thông.
Họa may trời có chiều lòng.
Việt-Nam đứng vững phương Đông một mình.
Thân phiêu bạt đã đành vô lại,
Bấy nhiêu năm Thượng-Hải, Hoàn-Tân.
Liêu-Đông nhân lúc tùy quân,
Tủi thân bôn bá theo chân khai hoàn.
Bưng chén rượu ân ban hạ tiệc,
Gạt hàng châu khếp nép quỳ tần.
Trời Nam mờ mịt ngàn dâu,
Gió thu như thổi cơn sầu năm canh.
Biết bao nổi bất bình khôn giải,
Mượn bút thoa mà gởi quốc âm.
Thân lươn bao quản cát lằm,
Khuyên ai dốc chữ đồng tâm sau này...

Tiếng gọi thanh-niên

Bài của Trường Đông-Kinh Nghĩa-Thục. Trường này của các nhà cách-mạng tiền bối Phan-Chu-Trinh, Phan-bội-Châu, Lương-văn-Can, Nguyễn-Quyền, Vũ-Hoàn v.v... thành-lập ở đầu phố hàng Đào Hà-nội vào năm 1906 do cụ Lương-văn-Can làm hiệu-trưởng, cụ Nguyễn-Quyền làm giám học. Trường ra đời với mục-đích để mở mang dân trí và làm cơ sở tinh thần cho phong trào cách mạng. Trường chẳng những mở các lớp học không lấy tiền, mà còn nuôi cơm cho các học sinh nghèo.

Ngoài việc dạy học ra, trường còn tổ chức những cuộc diễn-thuyết để cổ động phong trào. Trường chuyên chú dạy vào thường-thức và thực-nghiệp. Ở ban tiểu-học thì dạy Việt văn, còn lên trung học và đại-học thì dạy Pháp-văn và Hán-văn...

Ảnh hưởng của Trường từ Hà-nội lan tràn đi khắp các nơi Trung, Nam, Bắc. Những người có tâm hồn với quốc gia, dân tộc, ai nấy đều nhiệt liệt hưởng ứng, nhất là đối với việc cổ võ và vận-động cho phong trào Đông-du. Nhưng than ôi ! Đến năm 1908 thì Trường bị nhà cầm quyền Pháp ra lệnh đóng cửa và tịch thu tất cả giấy tờ tài liệu. Cụ Lương-văn-Can phải đày đi Nam-Vang, cụ Nguyễn-Quyền phải đi an trí ở Bến-tre, cụ Vũ-Hoàn phải đi an trí ở Sa-đéc. Ngày nay nhắc đến Đông-kinh Nghĩa-thục, không ai là không phải có những kính mến và ngậm ngùi trong lòng. Nghĩa-thục tuy chỉ sống được có mấy năm trời, nhưng là một trường lịch sử của dân-tộc. Dân tộc còn, tên tuổi của Đông-kinh Nghĩa-thục và những người sáng lập vẫn còn.

Mục đích của Trường đối với dân nước ta ra sao ? Chúng ta chỉ đọc mấy bài văn này cũng đủ hiểu rõ. Bài của Trường kể ra có rất nhiều và bài nào cũng có giá trị về mặt cổ võ tinh thần yêu nước. Nhưng tiếc rằng, chúng tôi chỉ mới sưu tầm được có bài « Tiếng gọi Thanh-niên » này mà lại cũng chưa tra cứu được tác-giả là ai.

Ngồi ngấm lại nằm châu trong trái đất,
Biển văn minh dồi dập giữa phong trào,
Kìa ai người thời khôn, nước thời mạnh,
Đất thời rộng, của thời nhiều,
Trời đất lẽ riêng yêu vì một cõi.
Sao ta cứ dă man quen thói,
Xách thân nô mà len lỏi dưới cường quyền ?
Hú ba hồn mấy chú thiếu niên !
Vì áp lực mới găng nên đồng lực.
Trí não tiềm tàng tâm học đặc,
Phương châm tu tựu nhiệt thành lai. ¹⁶⁵
Dắt tay nhau lên chốn vũ đài,
Cho rõ mặt nhân tài trong Á-hải.
Ai thắng ưu, ta đành liệt bại ?
Năm dân quyền lồi lại giữa phương Đông.
Tạo thời mới gọi anh hùng.

Nhất sự bất tri nho sở sĩ, ¹⁶⁶
Công thương hay mà công cổ cũng hay.
Trong cuộc đời nào ai dở, ai hay,
Thả ra mới biết kẻ gầy người béo.
Nhà nho hủ tưởng mình là khôn khéo,
Đem văn chương mà ráo réo với đời.
Năm ba câu bát cổ tươi bời,
Trừ cử nghiệp sự ngoài chi chẳng biết.
Ai sinh tồn, ai cạnh tranh,
Ai thắng ưu, ai bại liệt ?
Trong địa cầu nào biết những ai ai !
Chữ duy tân gác bỏ ngoài tai,
Những tập tễnh đua tài nô-lệ.
Đã ngôn vũ trụ giai ngô sự,
Mạc bả giang sơn thuộc bỉ cương. ¹⁶⁷

Nếu ai mà có chí cải lương
Thì phải tự cường âu mới được,
Sá kể chi vài trăm năm những trước,
Nghĩa đồng bào xin hãy hợp quần chơi.
Khi nên trời cũng chiều người.

Trong thế-giới biết ai là họa phước,
Ỗi ai ời, nghĩ lại đó mà coi.
Trời sinh ta là đấng làm trai,
Phải như điếc, như đui,
Như câm, như cùi thì cũng phải.
Bởi vì : mắt có thấy, tai có nghe,
Miệng có ăn, chân có bước,
Biểu phởi pha sao cho được với đời.
Giận căm gan nghĩ cũng nực cười,
Sự vô ích làm chi giữ mãi.
So sánh những thi, phú, văn, kinh ngãi.
Hỏi gặp thời, mả cho cao,
Áo cho rộng, xiêm cho dài,
Ngồi vắt đố cũng như hình con ngợm gổ.
Những rửa đó xấu thân là khái khổ,
Mới cầm viết đề tên vô quyền,
Thì phải lo chấp tay cúi mọp dưới thềm.
Dù đuổi xua cho khỏi lưới cá lồng chim,
Cũng trối chết nhảy vô làm vinh diệu.
Tính nô lệ tập ràng đà thuộc lâu,
Miễn ra cúi vào lòn cho tận mặt,
Lạy dạ nhiều thì bổng lộc mới xuê xoang.
Nghĩ nghĩ lại dân tắc ngô chi dân. ¹⁶⁸
Quốc tắc ngô chi quốc. ¹⁶⁹
Đất nước ta thì sưu thuế của nhà ta.
Bạc đôi trăm, năm bảy chục bấy nhiêu mà.

Lấy tiền thán̄g mà bán nước đi cho đ̄nh hử ?
Sự thế, thôi thôi không xiết kể !
Ở này anh ! ở này chú ! ở này ông !
Ở này bác ! Xúm cùng nhau lo lấy việc nhà,
Dưới bóng trời cùng một h̄n máu sinh ra,
Đâu lại người có huyết mà ta đây xương mục.
Hồn mê mẫn tỉnh say đã có lúc,
Vận tuần hoàn rồi cũng có nơi.
Đường đường đạp đất đội trời,
Anh hùng há nhượng cho người thế gian ;
Cũng xương cũng thịt cũng gan !

Gọi lính tập

Bài này của trường « Đông-kinh Nghĩa-thực » làm để kêu gọi lòng ái quốc của những người Việt-Nam đi lính cho bọn thực dân Pháp.

Các chú tập binh !
Chú ở An-Nam sinh,
Chú ở An-Nam trưởng.
Chú sung chú sướng.
Chú hả chú hê.
Chú mãn hạn về,
Thuế sưu chú chết.
Họ đương chú quệ kiệt,
Thân thích chú xác xơ.
Chú nghĩ đã biết chưa ?
Tây công ơn gì chú.
Tây thương yêu gì chú !
Yếm bà lại buộc cổ bà !...

Đời người cuộc thế

Tác giả bài này là cụ Phan-chu-Trinh, một nhà cách mạng tiền bối của dân tộc Việt-Nam. Cụ hiệu là Tây-Hồ, biệt hiệu là Hy-Mã, sinh năm 1871 (niên hiệu Tự-Đức thứ 26) ở làng Tân-lộc, huyện Hà-đông (nay thuộc phủ Tam-Kỳ) tỉnh Quảng-Nam (Trung-Việt).

Cụ thi đỗ phó bảng năm Thành-Thái thứ 13, dương lịch 1901 được bổ chức Thừa-biện. Nhưng với lòng yêu nước, với một ý chí hiến thân cho cách mạng, không bao lâu, cụ cáo quan về, đi khắp các nơi để hoạt động. Năm 1908, cụ bị nhà cầm quyền Pháp và Nam triều bắt đày đi Côn-đảo về tội yêu nước

Năm 1910, cụ được ân xá về Sài-gòn, rồi cụ qua Pháp để hoạt động cách mạng. Năm 1915, cụ bị chính phủ Pháp bắt giam vào ngục Santé cùng một lượt với các cụ Phan-văn-Trường, Nguyễn-như-Chuyên vì tình nghi là thông đồng với Đức. Qua năm sau cụ được thả.

Năm 1925, Tả đảng Pháp lên nắm chính quyền, cụ về nước hoạt động. Nhưng đến ngày 24 tháng 3 năm 1926 cụ trút hơi thở cuối cùng. Hưởng thọ được 55 tuổi.

Lễ an táng cụ được cử hành ngày 4 tháng 4-1926 tại nghĩa địa Gò-Công (gần Phú-Nhuận). Đồng bào toàn quốc đều làm lễ truy điệu.

Và nhân cái tang cụ mà nảy ra phong trào học sinh bãi khóa suốt từ Nam chí Bắc, ảnh hưởng rất lợi cho công cuộc cách-mạng giải-phóng dân tộc.

Bài « Người đời cuộc thế » này là bài cụ làm năm 1907 khi cụ ra Bắc diễn-thuyết công-khai ở trường Đông-kinh Nghĩa-thục. Ông Đồ Điềm ở làng Lữ-Đô, huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Định (học trò trường Đông-kinh) nhớ thuộc lòng và đọc lại cho chúng tôi chép.

Trăm năm trong cõi người ta,
Sức nay giấc ngủ tỉnh ra nửa đời.
Vùng đông rạng bốn phương trời,
Trống khua đã giục mấy hồi bên tai.
Mơ màng phách quế hồn mai,
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Thầy Đông-kinh đã đứng lên ¹⁷⁰,
Đem kinh giác thế ¹⁷¹ mà khuyên những lời ;
Ta ơi, ta hỡi ta ơi !
Phải ta ta dậy tỉnh rồi hãy mê ?
Hay còn đang cuộc rượu chè ?
Chén anh chén chú kè nè ở đâu ?
Hay còn vui thú cô đầu ?
Tiếng đàn, tiếng hát, tiếng châu đánh xen !
Hay còn vợ vãn bàn đèn ?
Mỗi khi mỗi điệu đã quen cái mồm.
Hay còn đang cuộc tổ tôm ?
Hội đơn hội kép đang gom nhau tiền !
Chốc là ngoại bốn mươi niên,
Gớm cho giấc ngủ đã bền lắm thay !
May là tỉnh dậy là may !
Giật mình mới biết rằng nay nửa đời.

Ôi những kẻ ra làm mật thám ! ...
Họa đồng bào đã thảm nhường bao ! ...
Ông cha ta ở nơi nào ?
Đem thân tôi tớ nữ sao cho đành !
Riêng chỉ biết phận mình êm đẹp,
Làm tan tành cơ nghiệp tổ tông !
Bán mình bán cả non sông !
Tương tàn cốt nhục ¹⁷² đau lòng lắm thay !
Người sao độc quá bầy lang sói,

Vị đồng tiền giết hại lẫn nhau.
Cam tâm làm kiếp ngựa trâu,
Chịu trong roi vọt cấm đầu ăn nhơ.
Nghìn thu trước bao giờ có thể ?
Đem nôi da mà để nấu xương.
Nghĩ càng xiết nỗi đau thương,
Ai ơi nghĩ lại theo đường « thiện » đi !

Hải ngoại huyết thư

Bài này nguyên văn bằng chữ Hán của cụ Phan-bội-Châu viết ở hải ngoại gửi về cho Đông-kinh Nghĩa-thực phổ biến, do cụ Từ-Long Lê-Đại dịch ra quốc-âm.

Cụ Phan biệt hiệu Sào-Nam, sinh năm 1867, người làng Sa-Nam, huyện Nam-Đàn, tỉnh Nghệ-An. Cụ đỗ giải-nguyên khoa thi Hương Canh-Tý năm 1900. Cụ định nối chí Phan-đình-Phùng, gây lại phong trào Cần Vương. Nhưng thấy chưa thuận tiện nên năm 1903 cụ vào Nam hoạt động. Tại đây, cụ cùng các đồng chí tôn Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đế làm minh chủ. Sau đó cụ ra Bắc, rồi lại trở vào Nam.

Năm 1904, cụ sang Trung-quốc, sang Nhật-bản. Năm 1905 cụ về nước lo việc đem Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đế xuất dương rồi lại trở qua Nhật. Năm 1906, cụ về Trung-quốc cùng các đồng chí dựng lên Tân Việt-Nam-công-hiến, làm như một chính phủ lâm thời Việt-nam ở hải ngoại. Năm 1912 anh em trong Đảng sửa sang tổ chức lại thành Việt-Nam Quang-phục hội, cụ được cử làm chức Tổng thư ký. Năm 1913, cụ bị Đô-đốc Quảng-đông là Long-tế-Quang bắt hạ ngục để đem giao cho Pháp. Nhưng được Hồ-hán-Dân và đảng cách mệnh Tàu cứu thoát.

Tháng 7 năm 1925, cụ bị một bọn người lạ mặt đón ở ga Bắc trạm (Thượng-hải) bắt giao cho người Pháp. Cụ bị đưa về nước và phải ra trước hội-đồng Đề-hình. Viên biện-lý Boyer buộc tội, yêu cầu xử tử cụ. Song cụ được ân xá và phải về Huế ở trong sự coi chừng của thực dân Pháp và chính phủ Nam triều. Cụ mất tại Huế ngày 20 tháng 10 năm 1940.

Sinh thời, cụ chẳng những là một nhà cách mệnh được mọi người biết đến mà còn là một nhà thơ nổi tiếng với những tác phẩm như Lưu-câu huyết lệ tân thư, Tân Việt-Nam kỷ niệm lục, Việt-Nam sử khảo. Ngục trung thư, Khổng học đăng v.v...

Bài Hải ngoại huyết thư này gồm hai bức, cụ viết ở Nhật-Bản gửi về để đánh thức tinh thần dân nước. Căn cứ Ngục-trung-thư thì bức thứ nhất cụ viết vào khoảng năm 1906 gửi cụ Phan-chu-Trinh đem về trao cho Đông-Kinh Nghĩa-thục để bí mật phổ biến. Còn bức thứ hai thì không rõ cụ gửi cách nào.

Cả hai đều lời lẽ lâm ly thấm thiết, kêu gọi đồng bào hãy theo gương các anh hùng tiền bối để tránh họa diệt vong. Tiếc rằng chúng tôi chưa tìm được nguyên bản để hiến quý bạn trong tập này.

BỨC THỨ NHẤT

Người nước ta lạ là rất lạ :
Nông nổi này nghĩ đã biết chưa ?
Hay còn mê mẩn mơ hồ ?
Hay còn hớn hở như đồ trò chơi ?
Nay những kẻ hạnh tai lạc thú,
Rặt là người tuần tú thông minh.
Ai ơi xin chớ cậy mình,
Ngu mà ngu thế thật rành là ngu.
Nay những kẻ vong thù nhĩ sĩ, ¹⁷³
Rặt là người phú quý vinh hoa.
Ai ơi xin chớ khoe ta !
Nhục mà nhục thế thật là nhục thay !
Bởi trong nước người hay mới lạ,
Đạo dung thường có giữ được đâu !
Sợ rồi ra chẳng bao lâu,
Tôi xin kể hết như sau mấy điều :
Một là nó trăm chiều sau trước,
Nghĩ kế nào giết được giống ta.
Hai là ta cứ lần là,
Giống vàng ta hăn rồi ra còn gì !

Suy các thức thổ nghi vật sản,
Trong nước mình vạn vạn thức hay.
Đến như trăm thứ đồ tây,
Xem không một thức nào thay thợ mình.

... .. ¹⁷⁴

Trong một nước tám chín phần,
Người làm đã ít, người ăn rất nhiều.
Nó lại nghĩ bày mưu hiểm quyết, ¹⁷⁵
Mượn người làm đánh mất của thuê.
Đường đi lính, lối làm xe,
Xô vào một đám sơn khê nghìn trùng.
Việc Đông Bắc nay công mai dịch,
Khi lấp sông xẻ rạch khơi hào.
Người ta chẳng biết khuyên nhau.
Tham tiền nên phải đâm đầu chết oan.
Vừa đạo nọ Thái-nguyên, Yên-bái,
Xương chật đường máu nổi đầy sông.
Mình bao nhiêu nỗi khốn cùng,
Nó càng mát ruột cam lòng bấy nhiêu.
Kể nông nổi trăm chiều thảm thiết,
Còn chi là giống Việt-Nam ta !
Làm cho tai hại nước nhà,
Điều dương bác ấy lại là hiểm sâu.
Nó nuôi mình như trâu với chó,
Nó coi mình như cỏ với rơm.
Trâu nuôi béo cổ coi rơm,
Cỏ moi để cỏ trâu làm thịt trâu.
Kìa xem nước Đông-châu Nhật-Bản,
Tàu với xe đưa đón hành nhân.
Đãi nhau tử tế muôn phần,
Khi ngồi khi đứng, chỗ ăn chỗ nằm.

Lúc đau yếu nom thăm đi lại,
Lấy đạo người mà đãi giống người.
Pháp kia có vốn khác loài,
Hãy xem nó đãi những người nước ta :
Xe đi lẫn một toa uế xú,
Tàu ngồi riêng một xó ti-ô.
Dãi dầu ngày nắng đêm mưa,
Ốm đau nó cũng thờ ơ mặc mình.
Đã như thế trăm vành khinh rẻ,
Lại ra uy cậy thế cầm quyền.
Quên trình vé, chậm đưa tiền,
Chân đà đá gót, tay liền phát roi.
Suy một việc đãi người như thế,
Nhục nhằn này có lẽ nào quên ?
Vì ta một nỗi ngu hèn,
Gặp tay hung ác có tuyền được không ?
Lại bảo nó có lòng tín dụng,
Có lẽ nào giết giống nước ta.
Ấy là ta chẳng nghĩ ra,
Người mình khác giống sao mà nó tin.
Suy các thức thương thuyền kỹ sảo,
Khấp mọi bề dương-pháo, hải quân.
Có tin nó đã dậy dần,
Dậy thì chẳng dậy có phần nào tin.
Trường quốc-học đặt tên Pháp-Việt,
Dậy người Nam đủ biết tiếng Tây.
Đến như trăm thức nghề hay,
Binh cơ điện hóa không thầy dậy khôn.
Lỗi nông học hãy còn ngờ ngẩn,
Việc công trường thờ thần biết chi.
Trăm nghề Pháp học tinh vi,
Người mình mình cứ ngu si mặc mình.

Mình như thế đại đành là đại,
Nó mong cho ngu lại càng ngu.
Cứ trong bụng nó mà dò,
Bảo rằng tín dụng thực cho là lầm.
Chừng trong khoảng mười năm trở lại,
Rồi đến là « khát cái vô môn ». ¹⁷⁶
Người càng yếu của càng mòn,
Bấy giờ mới biết là ơn tín dùng.
Còn một lũ trong vòng quan lại,
Mượn người làm nghĩa phải chí công.
Ấy là nó vẫn cắn lòng,
Đường chưa thuộc, nói chưa thông lẽ nào.
Một năm kể xiết bao lương phí,
Lấy Nam nhân lại trị Nam nhân.
Sâu mạnh nước, róc xương dân,
Quảng cho một lũ chó săn chia mồi.
Khi nó đã thuộc nơi phong thổ,
Mỏ nó khai người nó nó dùng.
Thương ơi, cái lũ làm công,
Cơm thừa canh cặn thôi xong làm gì !
Quạt mùa thu, rỗng khi thôi vái,
So mười mình, giá lại còn hơn.
Đem thân ở chốn doanh hoàn
Người mình thôi chắc có toàn được vây ?
Thịt bác tước ¹⁷⁷ lâu ngày mòn mõi,
Của tham tàn đầy ỏi túi tanh.
Pháp kia nó tính đã rành,
Cái điều diệt chủng thôi đành chẳng sai.
Nay còn lúc giống người chưa hết,
Chữ tự cường nên biết khuyên nhau.
Cũng người trong cõi năm châu,

Nó che tiếng nó mình lo sợ mình.
Nghĩa bảo hộ rành rành hai chữ,
Lẽ dấm đâu làm cỏ nước nhà.
May còn được lúc bây giờ,
Hơi tàn còn thở sức thừa còn đua.
Mượn thanh thế lân la ngoại quốc,
Dem can tràng chống vác giang sơn.
Cát lâu cũng đắp nên cồn,
Đá lâu lấp bể ta còn giống ta.
Song ta vẫn còn là ngu dại,
Nay lần lừa thàng trải ngày qua.
Bâng khuâng luống những thần thờ,
Đã hồn hay ngủ lại ma hàng lười.
Sự toan bác một mai đến nỗi,
Thôi bây giờ biết hồi làm sao.
Từ nhà thế tộc quan cao,
Từ nhà hàn sĩ phú hào bình dân.
Khắp đến kẻ hành nhân tiểu tốt,
Cả giáo đồ khắp tuốt mọi nơi.
Đội giờ đập đất ở đời,
Sinh ra Nam quốc là người trượng phu.
Ai cũng bụng phục thù báo quốc,
Thấy giống người khác nước ai ưa.
Cớ sao ngày tháng lần lừa,
Rút rề như thế đợi chờ ngóng mong.
Nước đến chân sâu nông cũng lội,
Việc đương đầu bể núi cũng qua.
Kìa xem gương chuyện xưa kia,
Chiêm-thành Lâm-ấp bây giờ còn ai.
Ấy diệt chủng có hai đường ấy,
Người giống mình chắc cậy còn chăng ?
Còn ra thì cũng may rằng,

Ví như hết cả cũng đừng trách ai.
Qua bao dặm ngàn khơi bể rộng,
Phải bao phen tàu súng binh lương.
Công trình từ lúc mới sang,
Được năm bảy vạn dặm đường nước ta.
Năm, mười triệu ngời trơ ăn hại,
Nó lẽ đâu để mãi giống mình.
Vườn kia để cỏ sanh đàn
Lợn kia nuôi béo, thịt dành để chi.
Nó dẫu dại, quyết thì không thể,
Mình có khôn phải nghĩ mà suy.
Trời sinh ta có tội gì,
Sao cho gọi được hồn về nước ta !..

BỨC THỨ NHÌ

Lời huyết lệ gửi về trong nước,
Kể tháng ngày chữa được bao lâu,
Nhắc trông phong cảnh Nam-châu,
Gió mây phẳng lặng ra sâu ngấn ngơ.
Hồn cố quốc vẫn vợ vợ vẫn,
Khôn tìm đường dò nhắn hỏi nhau.
Bâng khuâng đỉnh núi ngàn châu
Khói tuôn khí uất, sóng xao trận đầu.
Nghĩ nông nỗi đồng bào thêm ngán,
Tưởng thân mình dám quản một hai.
Tiện đây chép nhật mấy lời,
Gửi về tỏ giải cùng người quốc dân.
May dân nước dầu dần tỉnh ngộ,
Đem lời này khuyên nhủ cùng nhau.
Nước ta mất bởi vì đâu ?
Tôi xin kể hết mấy điều tệ nhân :

Một là vua, sự dân chẳng biết
Hai là quan chẳng thiết gì dân.
Ba là dân chỉ biết dân,
Mặc quân với quốc, mặc thần với ai.
Nghìn muôn ức triệu người chung góp,
Gây dựng nên cơ nghiệp nước nhà.
Người dân ta của nước ta,
Dân là dân nước, nước là nước dân.
Trên chín bề ngọc thành thị chủ
May thừa cơ giặc ngủ li long.
Giang sơn mặc sức vẫy vùng,
Muôn người luôn cúi trong vòng phúc nguy.
Đem lịch sử suy đi xét lại,
Ai vì dân hưng lợi trừ tai ?
Chuyện đâu có chuyện lạ đời,
Mùa hè mưa tuyết, ban ngày mọc sao.
Tòa y viện thuốc nào cũng có,
Dân ốm đau, mặc, chớ hỏi han.
Cơm ngự-thiện bữa ngàn quan,
Ngoài ra dân đói dân tàn mặc dân.
Hỏi đến kẻ dùng quân du my,
Hỏi đến người kiêu nữ cung phi.
Còn đâu khốn khổ trăm bề,
Cầm như tai mắt chẳng nghe thấy nào.
Chắc lũ đại đen đầu không biết,
Cậy quyền trên lấy thịt đè người.
Thuế dân, dân nộp sác rồi,
Tiền kho thóc đụn sẵn ngồi ăn không.
Suốt một lũ trong vòng cung thất,
Cầu ăn chơi cao huyết muôn người.
Tội oan có thấu đến trời,
Trời xa nước mắt, bể trôi ngược dòng.

Khi giặc đến, người trong phản trước,
Đem của dân vạch trước hoa râu.
Dần lâu các tỉnh mất dần,
Mười phần thổ địa nhân dân còn gì !
Nào có nghĩ dân vi bang bản ¹⁷⁸,
Của muôn dân là vốn nước nhà.
Kìa xem Nhật-Bản người ta,
Vua dân như thế một nhà kính nhau.
Chữ bình đẳng đặt đầu chính phủ,
Bấy lâu nay dân chủ cộng-hòa.
Nghĩ như nông nổi nước nhà,
Đến giờ mới mất cũng là trời thương.
Vua như thế mới càng thêm bức,
Họa nhân thần có chắc một hai.
Nhờ tay xoay núi vá trời,
Dang tay xây đá tính bài cứu nguy.
Chẳng may lại gặp khi chuẩn bị.
Dặt những đồ su mị phùng nghinh.
Hại dân để lợi cho mình,
Coi dân hờ hững như hình chẳng can.
Ngày eo béo bầu đoàn thể tử,
Tối vui chơi mấy đứa hầu non.
Trang hoàng gác tía lầu son,
Đã hao mạch nước lại mòn xương dân.
Sức đến lúc phong trần biến cố,
Thôi bấy giờ mộ Á chiêu Âu.
Trời nghiêng đất lở mặc dầu,
Cốt thân phú quý là dầu sự lo.
Bài thiện sách sao cho khéo lạy,
Cửa cường quyền nhờ cậy kêu van.
Nay đắc tội, mai cảm ơn,

Cái thân thời thế là toàn một thân.
Dân mặc dân chẳng dân thì chớ,
Cứ của mình mình giữ khu khu.
Nỗi niềm tưởng đến bao giờ,
Mây tuôn tía ngắt, mù xa tối dần.
Lũ sống sót còn năm, mười triệu ;
Chết dần hao chắc liệu toàn không.
Vì đâu nước khốn dân cùng ?
Hỏi ai xướng mệnh cam lòng hay chưa ?
Có như thế có thừa vô ích,
Vua với quan thôi trách làm chi.
Trách vì một nỗi dân kia,
Số người trong nước lại thì phần hơn.
Để đến nỗi nên cơn có thế ;
Trách dân mình có lẽ trách ai.
Tôi xin kính chúc lâu dài,
Khóc than xin kể mấy lời trước sau.
Nay thử đứng trên đầu đỉnh núi,
Cõi Đông Nam ngoảnh lại mà trông.
Sông cứ Bắc, bể phương Đông,
Nếu không dân cũng là không có gì.
Khoảng khoáng đã đậm rì cây cỏ ;
Vùng sơn lâm sài hồ hồ li.
Chiêm-thành, Lâm-ấp chi chi,
Nước Nam chẳng có còn gì nước Nam.
Kể như thế ai làm nên nước,
Giang sơn này khai thước từ xưa.
Công trình kể tự bao giờ,
Nghìn năm qua vẫn nước nhà tổ tôn.
Ta là lũ cháu con một họ,
Nước dân ta là của gia tài.

Chữ rằng « Tổ nghiệp di lai » ¹⁷⁹
Của ta ta giữ chắc ai giữ cùng.
Chẳng may lúc thành long, xã lở,
Một hai điều trách cứ vua tôi.
Còn năm mươi triệu con người,
Chỉ quanh quanh đám lợi tài không xong.
Hỏi đến nước còn không chẳng biết,
Gọi đến tên Nam-Việt không thừa.
Gia tài tổ nghiệp mình xưa,
Tay đem quyền chủ mà đưa cho người.
Chắc đã có người cai quản hộ,
Cơ nghiệp mình mình bỏ không coi.
Hỏi trong bốn biển những người,
Có ai quái gở lạ đời thế không ?
Thử dương mắt mà trông sự thế,
Cơn phong lôi sóng bể đập dềnh.
Bấy lâu trời những bất bình,
Phen này trời ấy hẳn đành chuyển xoay.
Hai mươi triệu số người trong nước,
Há chia nhau dạ Bắc lòng Nam ?
Lòng nào ghét bỏ cho cam,
Yêu nhau thì phải tính làm sao đây ?
Đừng như trước đã hay rằng đại,
Đến bây giờ trách tại dân ta.
Nhưng mà đại mãi ru mà,
Người ta há phải ngù ngờ mãi đâu ?
Quyền quân chủ trên đầu áp chế,
Trải nghìn năm dân khí còn gì.
Mà xem gương truyện xưa kia,
Kế công trùng vũ ai bì được đâu ?
Nọ thua trước đánh Tàu mấy lớp,

Cõi trời Nam cơ nghiệp mở mang.
Sông Đàng lớp sóng tranh vương,
Núi Lam rẽ khói mở đường nhà Lê.
Quang-Trung-Đế tự khi độc-lập,
Khí anh hùng dậy lấp giang sơn.
Lòng trời rộng mở nước non,
Ta nay may vẫn hãy còn nước ta.
Song trước ấy nghĩ ra chẳng khó,
Trong vòng trời riêng có một câu ;
Thử ngồi suy trước nghĩ sau
Cốt rằng : « người nước cùng nhau một lòng ».
Bởi lúc trước của chung không giữ,
Đến bây giờ sức chữa làm xong,
Sao cho cái sức đến cùng,
Sức cùng là bởi cái lòng cùng nhau.
Năm mươi triệu đồng bào đua sức,
Năm mươi nghìn giống khác được bao.
Cùng nhau bên ít bên nhiều,
Lọ là gươm sắc súng kêu mới là.
Cốt trong nước người ta một bụng,
Nghìn muôn người cùng giống một người.
Phòng khi sưu thuế đến nơi,
Bảo nhau không đóng nó đòi được chẳng !
Gọi đến lính không thẳng nào chịu ;
Bắt một người ta kéo muôn người.
Bấy giờ có lẽ giết ai,
Hắn thôi nó cũng chịu lui giống mình.
Việc gì cũng bài binh dụng kế,
Cứ thi gan kiên lý cho già.
Của nhà ta phải trả ta,
Dầu tham muốn nuốt ắt là chẳng trôi.
Sống trong nước mỗi người mỗi khác ;

Vốn cùng nhau sung khắc bất hòa.
Những là ta lại hại ta,
Cái thân dị chủng mà xa đồng bào.
Hoặc đại giết ngu sao còn vẹn,
Vạn đồng can lửa bén dây dưa.
Người ta ai chẳng biết lo :
Cùng nhau sao vẫn thờ ơ cái lòng.
Nỗi ngu đại nói không kể siết,
Lại ngờ nhau chẳng biết tin nhau.
Coi nhau như thể quân thù,
Thù mong nhau hại, ghét cầu nhau hư.
Bụng có hợp thì nhà mới hợp ;
Lòng đã tàn, thì nước cũng tan.
Bằng nay tay mỗi chân chồn,
Còn hơi còn thở may còn sống lâu.
Nếu chẳng biết bảo nhau nghề ấy,
Rõ lòng mình chắc cậy nhờ ai.
Thương ôi ! trăm sự tại người,
Chữ đồng ai dám ngăn rời chữ tâm.
Thôi chẳng kể sự trăm năm trước,
Xin từ đây các nước một niềm ;
Người kiếm củi, kẻ đun cơm,
Này anh xẻ gỗ, này em đắp đường.
Việc dầu nặng chia mang cũng nổi,
Xúm tay vào kéo lại non sông ;
Làm cho sáng rõ tổ tông,
Tôi xin kể hết cách dùng như sau :
Nào là kẻ phú hào trong nước,
Nào là người quan tước thế gia.
Nào là sĩ tịch trẻ già,
Nào là lính tập, nào là Gia-tô ;
Nào những kẻ côn đồ nghịch tử,

Nào những người nhi nữ anh si.
Bếp bồi thông ký chi chi,
Cửu gia tử đệ nào thì những ai ?
Ấy kể bậc số người trong nước,
Còn người đi du học mọi nơi.
Người trong cho đến người ngoài,
Chữ tâm cốt phải ai ai cũng đồng.
Vòng trời đất núi sông nung đúc,
Lũ anh hùng không lúc nào không.
Giang sơn há chẳng vầy vùng,
Bởi chưng thế bách lực cùng lẽ nao.
Lấy thóc đâu mà cầu Công-cần,
Lấy vàng đâu mà vận Tử-Phòng.
Anh hùng lại giúp anh hùng,
Xin riêng một chiếu đài ông phú hào.
Hiện trong nước kẻ giàu người có,
Còn khư khư ngồi giữ gia tài.
Huống chi những lũ đông dài,
Sướng mình còn nghĩ đến ai bao giờ.
Cuộc tán tụ gần cơ tạo hóa,
Sự bất bình bạ gió tai bay,
Sao bằng gặp được lúc này,
Đem lòng phổ tế ra tay anh hùng.
Khơi bốn bể khơi rông hành vũ,
Đeo nghìn vàng tậu ngựa truy phong.
Người giúp của kẻ ra công,
Xin ai hào phú, trước cùng bụng cho.
Cũng có kẻ hàn nho toàn hán,
Việc nước nhà bụng hăn không quên.
Bởi chưng sức bạc phận hèn,
Mắt xanh ai biết bạn hiền là ai.
Tội hào kiệt một tay xơ xác,

Chân giang hồ giữa bước long đong.
Lấy ai vận dụng cho cùng,
Phải người lỗi lạc lại trong con nhà.
Họp chí sĩ liệu cơ thăng bại,
Máu anh hùng đợi hội vân lô.
Đem thân đại biểu cho người,
Dựng nền Độc-lập, xướng bài tự do.
Nghĩa thần tử trước cho vện đạo,
Công phục thù sau báo tổ tiên.
Con nhà giòng dõi bậc hiền,
Đồng tâm chữ ấy nên biên vào lòng.
Song những kẻ ngoài vòng rất dễ,
Người trong vòng có lẽ khó hơn.
Sao cho vững dạ bền gan.
Kìa xem Y-Doãn khi còn Hạ-Vương, ¹⁸⁰
Hán Chu-Bột lúc đương sự Lã, ¹⁸¹
Tâm sự này ai tỏ cho ai.
Mới hay trung trí đại tài,
Khu khu tiểu tiết nhất thời mà chi.
Xin những kẻ đương vì quyền thế
Đừng chịu câu nhử sỉ sự thù.
Chắc đâu cái lũ bạch nô,
Mà trong bọn ấy Y Chu có người. ¹⁸²
Sự phản gián nay ngồi nghĩ mọ,
Mai thừa cơ đãi giáo đeo gươm.
Giang sơn quay lại trời Nam,
Đỉnh chung khắc để tiếng thơm lâu dài.
Sức ai cố nâng mây đạp gió,
Lòng tôi mong đốt lửa châm hương.
Khuyên ai những kẻ đường đường,
Đồng tâm chữ ấy nên thường khuyên nhau.

Kìa những kẻ lưng đeo súng đạn,
Dưới cường quyền theo bọn Pháp-binh. ¹⁸³
Mũ vàng lẫn với khố xanh,
Ấy là dật lũ tập binh rõ ràng.
Mặt nam tử thành vàng trong nước,
Vì thần tiên phải bước chân ra.
Có đâu ta lại giết ta,
Cùng là một gốc mọc ra nở nào.
Tưởng những lúc đương đầu giáp trận,
Bụng không đành mắt vẫn không đang.
Há vì tháng mấy đồng lương,
Mà quên làng nước họ hàng hay sao ?
Nay gặp lúc đồng bào phấn khởi,
Hội phong vân là buổi lập công.
Bấy giờ lòng mới giải lòng,
Quyết đem bụng nước giúp người cùng Nam.
Vả trông thấy anh em làng mạc,
Bởi xưa nay xơ xác vì đâu ?
Nhục nhằn theo chót bấy lâu,
Oán sâu quyết báo, thù sâu quyết đền.
Phút một chốc làm nên công lớn,
Cứu cho ta mấy vạn đồng bào.
Nay rồi ra mới biết nhau,
Chỉ xem một phút trên đầu ngọn gươm.
Đâu có lẽ chịu cam cá nước,
Mắc lừa câu : lấy bạc nhử người.
Thôi thôi ta chẳng đại rồi,
Tập binh ta vẫn là người họ ta.
Tình sự thế nay vừa gặp hội,
Liệu kíp rồi, liệu phải mau mau.
Cùng nhau mấy vạn đồng bào,

Quyết đem tính mệnh mà liều một phen.
Cho người dưới hoàng-tuyền ¹⁸⁴ mừng bụng,
Chớ để quân bạch chủng ¹⁸⁵ cười mình.
Tôi xin các bạn tập binh,
Cùng nhau một bụng như anh em nhà.
Người Phật-giáo, người Gia-tô-giáo,
Chớ xem nhau là đạo bất đồng ;
Cùng một đất nước cùng chung,
Quyết không có lẽ nào không cùng mình.
Chớ thấy khác mà sinh hiềm khích,
Đổ cho rằng kinh địch Nam-nhân.
Chữ rằng « đồng loại tương thân »,
Giáo dân xem với lương dân khác gì,
Ngộ gặp lúc nhân nguy vật khổ, ¹⁸⁶
Nên cùng nhau cứu đỡ vế thay.
Nào ai có vị gì Tây,
Mà coi người Đạo ra ngay người thù.
Chẳng qua vị giáo đồ chư giáo,
Đạo Gia-Tô cũng đạo cứu dân.
Thấy quân tham những bất nhân,
Dẫu cũng một giáo nhưng thân nổi gì.
Dẫu cho có bụng vì người Pháp,
Nên lấy điều thảm thiết nói ra.
Bởi vì ta lại với ta,
Lẽ đâu gươm giáo toan mà hại nhau.
Suy một bụng đồng bào tương ái
Người cùng người ai hại gì nhau.
Đã là đồng chủng đồng cừ, ¹⁸⁷
Yêu nhau thì quyết cứu nhau phen này.
Nào đưa sức ra tay tạo phúc,
Cứu cho ta địa ngục thoát vòng.

Phúc mình mà cũng phúc chung,
Khuyên ai đi Đạo một lòng khăng khăng.
Kìa những kẻ khe rùng góc bể,
Cũng là người mãnh sĩ tài năng.
Xưa nay quen thói hung hăng,
Súng con trong túi, dao găm cạnh mình.
Cậy hào khí tung hoành vũ trụ,
Tự xưng mình là lữ du côn,
Hợp nhau mấy bọn con con,
Ở đền oán trả há còn sợ ai.
Coi sinh tử như chơi chưởng nghĩ,
Khí đương hùng ai kẻ dám tranh,
Tôi xin trăm lạy các anh,
Mấy lời khuyên nhủ đình ninh sau này :
Thối sài hồ khi nay đặc chí,
Đem tư hiềm tiểu khí mà chi.
Ngẫm xem nào có hay gì,
Mà thương đồng loại nữa thì làm sao.
Đừng xá để má đào ô huyết,
Rượu chè quen sinh nết tự-do.
Tốn gì đến lữ quân thù,
Mà coi tính mệnh trượng phu làm thường.
Người Kinh-Kha cũng chàng Nhiếp-Chính.¹⁸⁸
Ấy vì ai vong mệnh phục thù.
Anh hùng tiếng để nghìn thu,
Sử xanh con chữ trượng phu lưu truyền.
Chết như thế cũng nên cái chết,
Chết vô danh người chết ai thương.
Anh em ta phải tính đường,
Nay xem sự thế Tây đương với mình.
Đã phục dịch trăm vành ức chế,

Lại thuế sưu lắm về lấy tiền.
Vậ thì giết nó đã nên,
Còn thẳng vì nó mà quên quốc thù,
Rước voi đến giầy mồ ông vải,
Công beo về làm hồ nước nhà,
Thế thời quyết hẳn không tha,
Gián đồ mật thất là ta tính liền.
May sự được ven tuyền cũng thỏa,
Chẳng may ra thác ngã cũng đành,
Trước làm cho nó thất kinh,
Sau là để tiếng cao danh muôn đời.
Lẽ vinh sĩ có hai đường ấy,
Anh em ta đã nghĩ cho chưa ?
Mùi tanh sống mũi khó ư,
Gươm sao cặp nách mà ngơ cho đành.
Hòn máu uất chất quanh đáy ruột.
Anh em ơi xin tuốt gươm ra.
Có trời, có đất, có ta,
Đồng tâm như thế mới là đồng tâm.
Nào nữ kiệt nước Nam đâu tá !
Trải xưa nay chuyện lạ bao giờ.
Từ ngày nội thuộc khi xưa,
Họ Trưng hai ả khi xưa anh hùng.
Việc nữ tướng xem trong lịch sử,
Bùi-Thị-Xuân thưở trước đem quân ;
Cùng phùng cân quắc thoa quần,
Mây râu lắm kẻ chực phần kém thua.
Kể bậc ấy bây giờ ít có,
Nào có ai anh vũ nữ tài.
Hỏi ra họa có một vài,
Mẹ ông Bác-Đích là người Hưng-Nguyên.
Huyện Thanh-Chương này còn chép kể,

Ông Tú-Quang có mẹ rất hiền,
Ngoài ra quên họ, quên tên,
Lấy đâu thanh sử mà biên từng người.
Nào là kẻ tán tài cấp sĩ,
Nào là người bình nghĩa khuyên phu.
Giang sơn làm nổi cơ đồ,
Ấy là bậc nữ trượng phu nước mình.
Sống hoàn hảo mông mênh mặt đất,
Dòng nữ lưu quanh quất năm châu.
Kìa như Nga, Nhật đánh nhau,
Có người nhi nữ mà mưu anh hùng.
Về chi phần vốn giòng Nhật Bản,
Mượn yên hoa kết bạn với người Nga.
Bất tình sự ấy ai ngờ,
Thừa cơ lấy được đồ thư đem về.
Nga thua Nhật bởi vì mưu lộ,
Nhật được Nga nhờ có nữ công. ¹⁸⁹
Nữ nhi thế mới anh hùng,
Chị em ta phải cùng lòng khuyên nhau.
Cây đã lớn có sao lại đổ,
Bởi vì trong cũng có nội trùng. ¹⁹⁰
Huống chi giặc lớn thế cùng
Vốn xưa nay vẫn nội công có người.
Rằng nay biết lấy ai phản gián,
Phải có tay thủ đoạn anh hùng.
Quyết nhờ bậc ấy mới xong,
Nước ta há phải là không có người.
Nào ai kẻ bếp bồi có chí,
Nào ai người thông ký có lòng ?
Bấy lâu theo việc làm công,
Vì tiền há phải có lòng vì ai.

Vì cơm áo theo nòi giống khác,
Dầu ấm no tiếng ác rửa sao.
Sao bằng ta vị đồng bào,
Công danh cũng có lẽ nào kém ai.
Tôi xin nghĩ vì người hoạch kế,
Người một nơi bụng để một nơi.
Trước là ích lợi cho người,
Sau là vận nước phục hồi về sau.
Khuyên ai cứ bảo nhau nghĩa ấy,
Cơ hội này trông thấy chẳng xa,
Bếp bồi thông ký đâu ta,
Có lòng như thế mới ra đồng bào,
Chàng Dục-Nhượng nấp đâu chẳng thấy ;
Gã Phù-Sai đứng đấy là ai.
Ngắm xem từ trước mấy người,
Phụ huynh ta ấy là người làm sao.
Bởi sự tể vì đâu đến thế,
Nghĩa phục thù chép để một bên.
Đồng tâm chữ ấy chớ quên,
Cửu gia đệ tử nên khuyên nhau cùng. ¹⁹¹
Ấy kể số người trong một nước,
Trong mười phần đã được chín phần.
Lại nên tính hết xa gần,
Thử xem so thế cường lân thế nào.
Đương trong cuộc thắng ưu, bại liệt, ¹⁹²
Có ra ngoài mới biết văn minh,
Nếu khu khư chỉ biết mình,
Cùng người đua sức hăn rành mình thua.
Đi với ở mưu mô chưa vững.
Trong với ngoài hô ứng ¹⁹³ chưa thông.
Đương khi sóng gió bập bùng,

Kẻ sào người lái sao không hợp lòng.
Trước chẳng biết vun trồng tiến hóa,
Sau mong gì kết quả duy tân.
Nào người du học ngoại lân,¹⁹⁴
Mười phần phải có một phần mới xong.
Khuyên ai cứ ra công gắng chí,
Dầu đào non tát bể cũng nên.
Tinh thành tấc dạ như in,
Đá vàng cũng rút một tên bắn nhằm.
Này cha mẹ anh em chú bác,
Dầu trong ngoài ai khác gì ai,
Người trong phải có người ngoài,
Đồng tâm há phải những người ở trong.
Nếu cả nước một lòng như thế,
Việc gì coi cũng dễ như không,
Không việc gì việc không xong,
Nếu không xong quyết là không có trời.
Có lẽ nào mặt trời mọc tối,
Có lẽ nào nửa buổi mọc sao.
Núi kia có lẽ không cao,
Bể kia há có lẽ nào không sâu.
Dầu gươm sắc kè đầu có hỏi,
Bấy nhiêu lời quyết nói không sai.
Vậy mà tưởng vậy mà thôi,
Những ta còn ngại cho người nước ta.
Người nước ta sinh ra còn dại,
Non sông này tuổi hầy còn thơ.
Hãy còn ngơ ngẩn ngơ,
Chính không có phủ, giáo chưa ra trường.
Bụng vì nó phú cường cũng kê,
Lòng đã không nô lệ không oan.

Vì người hai nước chẳng quen,
Gặp cơn sóng gió cùng thuyền cứu nhau.
Biết như thế không cầu mà hợp,
Chẳng biết ra dầu hợp cũng tan.
Vì như gà nhốt cùng đàn,
Cá nuôi cùng chậu có toàn được nao.
Người mình lắm càng bao càng đại,
Lợi đến đâu sâu lại như ruồi,
Người ngoài coi tựa bằng trời,
Người mình coi vẫn như gai cạnh mình.
Cũng biết nghĩa lạc vinh ô nhục,
Cũng biết đường xu phú tỵ tai ¹⁹⁵.
Cớ sao ai cũng như ai,
Điều hay bảo đến tận nơi không làm.
Bởi cái tội chịu cam ngu dốt,
Đã ngờ nhau lại ghét nhau cùng.
Bảo rằng : cũng một cái lòng
Rùa bay rắn nhảy quyết không được nào.
Ngồi nghĩ đến càng đau cả ruột,
Ai ngăn dòng chống cột là ai.
Ấy là đua sức gắng tài,
Rẽ mây phẩy gió quạt trời cho quang.
Ngoài nghìn dặm mơ màng chiếc bóng,
Khách bô đào giấc mộng tha hương,
Trông về một dải Nam bang,
Nghìn năm nước cũ tìm phương hồn về.
Nào là kẻ khôi kỳ danh sĩ,
Nào là người tuấn vĩ cao nhân.
Ấy ai lệ miêng nhanh chân,
cùng tôi giúp một vài phần là ai.
Trách thế đạo hai vai gánh nặng ?...

Nghĩ nguồn cơn nói chẳng hết lời.
Thư này viết gửi về ai,
Biết ai có thấu cho ai nỗi lòng ?

... .. ¹⁹⁶
... ..

Thiết Tiền Ca

Khoảng năm 1907, 1908, thực dân Pháp ở Việt-Nam cho phát hành một loại tiền sắt (thiết tiền) để thu tiền kẽm của ta lại. Tiền sắt rỉ thì chỉ còn nước quăng đi. Nhưng ác nghiệt thay ! kẻ phát hành tiền sắt là nhà cầm quyền Pháp mà kẻ không chịu cho nhân dân ta nộp thuế, mua hàng ngoại hóa và đi xe lửa, tàu thủy bằng tiền sắt lại cũng là nhà cầm quyền Pháp.

Thật là một chính sách chẳng còn kể gì là văn minh, nhân đạo.

Bài « Thiết tiền ca » này là của cụ Nguyễn-Phan-Lăng, một giáo viên của Đông Kinh Nghĩa Thục làm ra để tố cáo với quốc dân về chính sách hiểm độc ấy của chúng cũng như sự căm miệt một cách đê hèn của đám quan lại người Việt-Nam lúc đó. Và đây cũng kể như một bài hịch kêu gọi các tầng lớp đồng bào hãy mạnh bạo đứng lên chống lại chính sách ấy để giữ lấy quyền sống của mình.

Tiền với bạc đó là máu mủ,
Không có tiền no đủ được sao ?
Một ngày là một tiêu hao,
Máu rơi mủ hết sống sao được mà ?
Trời đất hỡi, dân ta khốn khổ !
Đủ các đường thuế nọ thuế kia.
Lưới vây chài quét trăm bề,
Róc xương róc thịt còn gì nữa đâu !
Chợt lại thấy bắt tiêu tiền sắt,
Thoạt tai nghe như cắt khúc lòng.
Trời ơi ! – Có khổ hay không ?
Khổ gì bằng khổ mắc trong cường quyền.
Họ khinh lũ đầu đen chẳng biết,
Bày mẹo lừa để giết chúng ta.
Bạc vào, đem sắt đổ ra,

Bạc kia thu hết, sắt mà làm chi.
Họ tính lại suy đi đã kiệt,
Trói chân tay để chết nước mình.
Anh em thử nghĩ cho tình,
Sẽ đem soi xét tâm tình họ xem.
Họ không muốn người Nam buôn bán,
Để một ngày một cạm của đi,
Còn trơ đồng sắt đen sì,
Bạc kia không có lấy gì thông thương.
Dù có muốn xuất dương thương mại.
Dem sắt đi, ai đại với mình.
Rồi ra luẩn quẩn loanh quanh,
Vốn kia không có, lợi sinh được nào ?
Nó lại thấy lương cao muốn chiết,
Sợ người mình thấy thiệt thì kêu.
Nó đưa tiền sắt cho tiêu,
Tuy rằng không chết mà hao thật nhiều.
Ấy nó nghĩ mưu cao nhường thế,
Chỉ tìm đường làm tệ nước ta.
Làm cho kẻ xót người sa,
Làm cho lớn bé trẻ già bỏ nhau,
Làm cho muốn cất đầu không được,
Làm cho đi một bước không xong,
Thế mà ta vẫn ngay lòng,
Tưởng làm như thế cũng không hề gì !
Rồi chỉ sợ đến khi hết cả,
Muốn làm gì cũng chả làm xong.
Muốn công cũng chẳng nên công,
Muốn nông không vốn thì nông thế nào ?
Muốn buôn bán không đào đâu vốn,
Muốn học hành, phí tổn lấy đâu ?
Bấy giờ ta mới biết đau,

Dại rồi căn rốn vật đầu được chi.
Nếu họ có bụng vì ta nữa,
Sao họ không mở cửa thông đồng ?
Nhà đoan, kho bạc tiêu chung,
Lúc buôn lúc bán lúc cùng vào ra ?
Sao nó chỉ bắt ta tiêu lẫn,
Mà nó không chịu bận đến mình ?
Chẳng qua giở thói ma tinh,
Ra tay hiểm độc lừa quanh đấy mà.
Không biết ai khởi ra nghị định,
Không biết ai chứng lĩnh thi hành.
Sao không thăm lý đạt tình ?
Sao không cứ phép công minh mà làm ?
Người Pháp với người Nam như một,
Bảo hộ thì chỉ cốt thuận dân,
Lẽ đâu cậy thế cậy thần,
Lẽ đâu trái lẽ cầm cân công bình ?
Nào Hiệp-biện, Văn-minh ¹⁹⁷ đâu đó ?
Nào Thượng-thư, Đốc-bộ ¹⁹⁸ là ai ?
Nào là phủ huyện, quan sai,
Hội viên thông ký là người nước ta ?
Ai trách hạch cho ra lẽ phải ?
Ai dám đem lời cãi cho mình ?
Thị phi ai biện cho rành ?
Búa rìu không nhục, lời đình chẳng kinh.
Làm cho của dân mình đỡ hại,
Làm cho tiền trau lại mới nghe,
Bảo nhau mạnh cánh mạnh bè,
Cho người lừa đảo hết nghề hết khôn.
Tôi xin nhớ như chôn vào ruột,
Tôi xin châm lửa đốt hương chung,

Tôi xin tạc chữ đồng tâm,
Dựng đài kỷ-niệm trăm năm phụng thờ.
Thôi đừng giữ thói nhơ ô mị,
Bảo thế nào người ký cả tay.
Ngại khi lời nói hay hay,
Trăm năm trăm miệng đắng cay muôn phần.
Này hỡi bạn quốc dân ta nữa,
Cơ sự này lo sợ đến đâu,
Bỗng như tiếng sét trên đầu,
Kinh kinh hãi hãi biết đâu thế nào

[199](#)

... ..

Ấy là phúc nước Nam ta đó,
Ấy là cơ máu mủ ta còn.
Đời đời cháu cháu con con,
Còn non còn nước vẫn còn Việt-Nam.

Khóc cụ Trần-quý-Cáp

Cụ Trần-quý-Cáp hiệu Thái-Xuyên, người làng Bất-Nhị, phủ Điện-Bàn tỉnh Quảng-Nam. Cụ sinh năm Canh-Ngọ, dương lịch 1869. Thi tiến-sĩ năm Giáp-Thìn, dương lịch 1904. Cụ là đồng chí của các cụ Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Kháng. Năm 1908, phong trào kháng thuế ở Trung-Kỳ nổi dậy. Chính quyền Pháp và triều đình Huế cùng toa rập mưu bắt cụ giam vào đề lao Khánh-Hòa vì nghi là lãnh tụ phong trào. Mặc dù không đủ chứng cứ bọn chúng cũng cứ lên án tử hình cụ. Bài thơ chữ Hán khóc cụ sau đây là của cụ Huỳnh-thúc-Kháng làm trong đề lao Quảng-Nam, sau khi được tin cụ lâm hình, và chính tác giả dịch ra quốc âm.

*Thư kiếm tiêu nhiên độc xuất môn,
Nhất quan đồ lạc vị thân tồn.
Trực tương tân học khai nô lũy,
Thuyền tín dân quyền chủng họa côn.
Bồng-đảo xuân phong huyền viễn mộng ;
Nha-trang thu thảo khắp anh hồn.
Khả liên nhất biệt thành thiên cổ,
Đà-nẵng phân khâm tửu thượng tồn.*

Dịch :

Gươm sách xăm xăm tách dặm miền,
Làm quan vì mẹ há vì tiền.
Quyết đem học mới thay nô kiếp, ²⁰⁰
Đâu biết quyền dân nấy họa nguyên. ²⁰¹
Bồng-đảo gió chưa đưa giấc mộng ;
Nha-trang cỏ đã khóc hồn nhiên.
Chia tay chén rượu còn đương nóng,
Đà-nẵng đưa nhau lúc xuống thuyền.

Các quan hát xướng

Bài này của một người vô danh làm năm 1900 để chỉ vào việc tên Nguyễn-Hữu-Thắng (người Quảng-Ngãi) làm tổng-đốc Quảng-Nam nuôi một ban hát bội trong nhà để cứ năm bảy tối lại nổi trống hát một tối, có khi kéo dài bốn năm tối trong khi toàn thể dân tỉnh đang bị khốn khổ vì cảnh sưu cao thuế nặng, phu dịch khổ sở do bọn thực dân Pháp gây ra. Tuy chỉ tà vào việc tên Thắng, nhưng đây cũng là phản ảnh tinh thần chung của một số quan lại người Việt ra làm cho chúng với mục đích chỉ để vinh thân phì gia, mà ngoài thì cứ bô bô lên tiếng là « dân chi phụ mẫu » « quốc gia lương đồng ».

Hát xướng làm chi hỡi các quan ?
Trời làm hạn hán khổ trăm làng,
Nước về Phú-Lãng lương tiền tận ;
Dân mắc cu-li cốt nhục tàn.
Ngán nỗi con người mà chó ngựa ;
Ngờ đâu địa ngục ở trần gian.
Kẻ nghèo nước mắt lau không ráo,
Hát xướng làm chi hỡi các quan ?

Đinh phu-Nhân

Đinh phu nhân chính tên Lê-thị-Đàn, người xã Thế-Lại-Thượng, tỉnh thừa-thiên, vợ của một viên quan họ Đinh. Bà góa chồng hồi còn nhỏ, nhưng không tái giá.

Nhờ sinh trưởng trong gia đình Nho-giáo, thiếu thời bà có theo đòi đèn sách và biết làm thơ văn.

Bà gia nhập Việt-Nam Quang-phục hội từ khi Hội mới thành lập với nhiệm vụ hộ tống cán bộ và giao thông tin tức từ Quảng-Nam, Huế, Nghệ-An và Hà-Nội, Hải-Phòng, bên cạnh ông Ngự Hải Đặng-thái-Thân. Trong các phong trào Đông Du, Kháng thuế ở các tỉnh miền Trung, bà đóng góp một phần hoạt động rất đặc lực.

Năm 1910, bà bị mật thám Pháp bắt trên đường Hải-Phòng, Quảng-Nam với nhiều thư từ tài liệu cách mạng. Bà bị giải về nhà lao Thừa Thiên. Tên phủ doãn Trương-như-Cương dùng mọi cực hình tra tấn. Bà nhất định không khai một đồng chí nào hay một cơ sở nào.

Một hôm bà bảo Trương-Như-Cương : « Các công việc, các tổ chức cơ quan của Hội tôi đều biết. Song bấy lâu bị giam giữ tra tấn, mình mẩy dơ bẩn, nay « cụ lớn » cho nước tắm sạch sẽ và cho giấy bút, đêm nay tôi sẽ thức khai hết ». Cường mừng quá, chiều theo. Nhưng sáng hôm sau, y mở cửa nhà lao vào xem thì bà đã dùng dây lưng thắt cổ chết. Để lại ba bài thơ tuyệt mạng²⁰². Viết bằng máu cùng một bức thư chửi bọn thực dân và bè lũ.

Được tin Cụ Phan-bội-Châu có làm 2 câu đối để tỏ lòng thương tiếc bà, một câu viết :

*Tấm thân trót gả giang sơn Việt,
Tấc dạ soi chung nhật nguyệt trời.*

Một câu viết :

*Tơ nhân sợi nghĩa dây lưng trắng ;
Dạ sắt lòng son nét máu hồng.*

Còn dưới đây là bài thơ ca tụng khí tiết và tóm tắt cuộc đời cách mạng của bà được lưu truyền sau ngày bà tuấn tiết. Nhưng rất tiếc không biết rõ tác giả là ai.

Bà Trưng, Triệu mở dòng liệt nữ,
Chống ngoại xâm thanh sử ghi công.
Gần đây một nữ anh hùng,
Cũng là gốc Lạc trời Hồng nảy hoa,
Người Thuận-Hóa nếp nhà nho giáo,
Đình-phu-nhân tiết tháo phi thường,
Tính trầm trọng, vẻ đoan trang,
Bút hoa ham tập, quyển vàng chăm xem.
Chồng mất sớm một niềm thủ tiết :
Nước suy vong còn thiết chi thân.
Chống thù theo gót Mộc Lan,
Liều bỏ mà bọc lá gan anh hùng.
Buổi văn thân vẫy vùng hải ngoại.
Bà tìm ông Ngư-Hải xin theo
Việc đại nghĩa, dầu hiểm nghèo,
Hết lòng báo quốc, quyết liều ngày xanh.
Lưỡi trình thám tung hoành sau trước.
Lọt khỏi vòng khôn được phần nao.
Bà xin tình nguyện xông vào
Ban liên lạc với kiều bào ngoại bang.
Kỳ-ngoại-Hầu đã sang tới Nhật,
Việc Đông-du, xếp đặt quy mô.
Cơ quan tiếp tế phải lo,

Tiền tài, thư tín phó cho mặc bà.
Từ Thuận-hóa lọt qua các bến,
Ghé Nghệ-an rồi đến Hải-phòng.
Hải-phòng sang tận Hồng-kông,
Đảng viên đã cử một ông đi về,
Ngư-Hải ông được bà ủng hộ,
Trong năm năm phục vụ nên công.
Nhờ bà nội ngoại giao thông,
Nền tài chính đảng bổ sung được đều.
Thương phận mỏng chí kêu chênh lệch.
Với lệnh trời khôn địch được sao !
Năm Thân bà bị tổng lao,
Gặp kỳ tra tấn khổ bao cực hình.
Trương-như-Cương tham danh hại nước,
Chốn pháp đình tìm chước dụ bà,
Rằng : « khôn thú thật thì tha,
Việc làm của đảng nói ra cho tường,
Không những được khoan hồng đối đãi,
Lại còn tư cấp giải thưởng cho ».
Nghe lời gan xót ruột vò,
Mà trong chí cả ai dò mưu sâu.
Bà tỏ vẻ gật đầu toại ý.
Miệng tươi cười : « vâng sẽ xin thưa »,
Nhưng nay đã bị đau nhừ.
Nói cho gông xích xin thưa tường trình.
Thơ giấy bút đêm thanh tôi nghĩ,
Những ai ai xin kể rõ ràng.
Việc trong đảng tôi tỏ tường,
Hàng trăm đồng chí vẫn thường tới lui.
Nay biết chắc tha tôi tội chết,
Thời tôi xin khai hết đủ tên.
Họ Trương tường thực mừng rên,

Bèn ban lệnh xuống tháo then gông cùm.
Trong phòng kín tối om lạnh lẽo,
Ngọn dầu hao vốc liễu xót xa.
Một mình một bóng châu sa,
« Phu quân đâu đấy đón ta đến cùng !... »
Lấy nghiên mực mài giòong huyết lệ,
Thảo một trang chửi tệt quân thù.
Cắn tay lấy máu chép thơ,
Ba vắn tuyệt mạng đến giờ còn vang,
Sáng hôm sau cửa buồng vắn khóa,
Trương mừng thầm vội vã vào ngay.
Đến khi cửa mở kinh thay !
Thân kia đã gửi đoạn giây oan tình.
Trương nghĩ thẹn riêng mình thấp trí ;
Sai hỏa thiêu thi thể tở cung.
Khen thay một tấm kiên trung,
Nêu gương báo quốc soi chung muôn đời.

Ngày xuân họp bạn

Của ông Tú-Kiên tự Hy-Cao, người Nghệ-An làm ở Côn-đảo vào khoảng năm 1910.

Gặp gỡ nhau đây mới biết nhau,
Trông nhau càng nghĩ lại càng đau.
Văn minh Âu Mỹ ba thằng cướp ;
Con cháu Rồng Tiên một lũ tù.
Tài giỏi vì chưng tay có súng ;
Yếu hèn chỉ vì túi không xu.
Trời đương xoay tít, người đương ngủ ;
Giận muốn vò tan quả địa cầu.

Hiu hắt năm canh bóng nguyệt tà,
Nghĩ gần thôi lại nghĩ đường xa.
Tù hai ba lượt còn ham sống ;
Tuổi bốn năm mươi chưa chịu già.
Tư tưởng lan man trời đất hẹp ;
Phong trần lụi đui tháng ngày qua.
Trót lời thề hẹn cùng non nước,
Gối kiếm trâu đêm đợi tiếng gà.

Ái chủng ca

Người Việt-Nam ta thường hát rằng :

*Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.*

Người trong một nước phải thương nhau, không thể ghét nhau xem nhau như cừu địch. Đó là tinh thần ái chủng, và tinh thần ái chủng của dân tộc Việt-Nam đã gói ghém vào câu ca dao trên.

Nhưng ái chủng không phải chỉ có « cùng thương nhau » thôi còn phải làm gì mới gọi là thiết thực ?

Và ái chủng phải làm thế nào nữa trong lúc giang sơn đang bị gót giày quân xâm lăng trà đạp, nhân dân, đồng bào đang phải sống một cảnh sống ngựa trâu, khom lưng cúi đầu cho kẻ khác sai khiến ?...

Vì thế, cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu có bài « Ái chủng ca » này để thiết tha kêu gọi tinh thần ái chủng của người Việt-Nam trong những ngày đen tối vừa qua của dân tộc.

Theo các nhà cách mạng, bài này cụ viết ở Thái-lan vào khoảng năm 1911 là khi cụ qua đó theo lời mời của cụ Đặng-tử-Kính và các đồng chí cách-mạng đang bôn ba hoạt-động ở bên ấy.

Muốn hiểu rõ thế nào là ái chủng, và ái chủng phải làm gì ? ái chủng theo quan-niệm của các nhà cách mạng tiền bối ra sao, chúng ta hãy đọc bài ca này của cụ.

Giống ta ta phải yêu nhau !
Đưa lời ái chủng mấy câu giải lòng.
Hai mươi triệu họ đồng tông.
Da vàng màu đỏ con giòng Hùng-Vương.

Mấy ngàn năm cỗi Viêm-bang
Đua khôn hoa hoán, mở đường văn minh.
Tài anh kiệt nổi đời sinh,
Đánh Nguyên mấy lớp ; phá Minh mấy lần.
Mở mang Chân-Lạp, Chiêm-Thành,
Miền nam lừng lẫy giống thần mở mang.
Tiếc thay giống tốt nòi sang,
Vì sao sa sút cho mang tiếng hèn.
Xưa sao đứng chủ cầm quyền,
Giờ sao nhần nhục chịu hèn làm tôi.
Xem Tây như thánh như trời,
Người Nam ta chịu dưới nơi a-tỳ. ²⁰³
Giang sơn thẹn với tu mi,
Đá kia cũng xót, sông kia cũng sầu !
Nào anh em, chị em đâu !
Kết đoàn ta phải bảo nhau thế nào ?
Chữ rằng : « đồng chủng đồng bào »
Yêu nhau ta phải tính sao phục thù ?
Muốn cho nội ngoại giao phù ²⁰⁴
Sáu mươi lăm tỉnh cũng như một nhà.
Muốn cho Nam Bắc hợp hòa
Hai mươi lăm triệu cũng là một thôi.
Đừng cậy thế, đừng khoe tài !
Bỏ điều riêng nhỏ, tính điều lợi chung.
Chớ giành khí, chớ khoe công,
Dứt tình ghen ghét, bỏ lòng xai nghi. ²⁰⁵
Ai ơi xin sửa mình đi !
Công tư đức ấy hai bề vẹn hai.
Những điều hại nước, tan nòi,
Rước voi công rắn thì thôi xin chừa.
Một mai thời thế chuyển cơ,

Anh em ta lại như xưa sum vầy.
Họ hàng đông đủ cánh vầy,
Chen vai ưu thắng, ra tay cạnh tồn !

Ái quốc ca

Con người ở đời đã biết ái chủng là thế nào, và cái chủng thì phải tỏ ra làm sao trong những lúc giống nòi bị lưu ly điên bái.

Nhưng chưa đủ.

Còn phải ái quốc nữa.

Quốc là gì ?

Nếu « chủng » theo các nhà cách mạng tiền bối là người cùng chung một nguồn gốc, một giống nói như trong bài « Ái chủng ca » của cụ Phan-bội-Châu, thì ở đây « quốc » có nghĩa là đất đai sông núi đã định phân từ ngàn xưa, do tổ tiên kế tiếp đời đời truyền lại, mà đó cũng là phần hương hỏa, phần di sản để con cháu cùng nhau giữ gìn và sinh sống. Kẻ nào để lọt vào tay khác hay âm mưu đem bán cho người ngoài để vinh thân phì gia, làm cho anh em giống nòi phải điêu linh khổ sở, kẻ ấy là những tên phản quốc, phản dân tộc. Hay để bị lọt vào tay người khác mà không biết cùng nhau lo toan, cố gắng để giành lại thì cũng không phải là yêu nước. Cho nên chỉ ái chủng thôi mà không có ái quốc thì cũng chưa được hoàn toàn xứng đáng làm người, nhất là người ấy lại là giòng giống đã có hơn ngàn năm văn đức võ công, mà nay phải sống một cuộc đời « không còn là sống nữa » ở dưới bàn tay của bọn Pháp xâm lăng.

Vậy ái quốc là muôn người phải như một, phải sôi bầu máu nóng dậy mà rửa mối thù chung cho quốc gia, dân tộc.

Bài « Ái quốc ca » này là một bài đã nói lên với đồng bào toàn quốc, cái ý nghĩa trên đây. Theo các nhà cách mạng cũng là của cụ Phan-bội-Châu, cụ viết tại Thái-Lan cùng một lượt với bài « Ái chủng ca » ở trước.

Nay ta hát một câu ái quốc,
Yêu gì hơn yêu nước nhà ta.
Nghiêm trang bốn mặt sơn hà,
Ông cha ta để cho ta lọ vàng.
Trải mấy lớp tiền vương dựng mở,
Bốn ngàn năm giải gió dầm mưa.
Biết bao công của người xưa,
Giang sông tắc núi dạ đưa ruột tằm.
Hào Đại-hải âm âm trước mắt,
Giải Cửu-Long quanh quất miền Tây.
Một tòa san sát xinh thay.
Bắc kia Vân, Quảng, ²⁰⁶ Nam này Côn-Lôn.
Vẻ gấm vóc nước non thêm đẹp,
Chắc những mong cơ nghiệp dài lâu.
Giống khôn há phải đàn trâu,
Giang sơn nở để người đâu vẫy vùng.
Hăm lăm triệu người cùng của hết,
Sáu mươi năm nước mất quyền không.
Thương ôi công nghiệp tổ tông !
Biển tuôn máu chảy, non chồng thịt cao !
Non nước ấy biết bao máu mủ !
Nỡ nào đem nuôi lũ sài lang ?
Cờ ba sắc xứ Đông-Dương
Trông càng thêm nhục, nói càng thêm đau !
Nhục vì nước mà đau người trước ;
Nông nổi này non nước cũng oan.
Hồn ơi về với giang san !
Muôn người muôn tiếng hát vang câu này ;
Hợp muôn sức ra tay quang phục ;
Quyết phen này rửa nhục báo thù.
Một câu ái quốc reo hò,

Xin người trong nước phải cho một lòng.

Tuyệt mệnh

Tác-giả bài này là ông Lương-ngọc-Quyến, thứ nam của cụ cử Lương-văn-Can, một trong những nhân vật cách mạng sáng lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục.

Ông hiệu Lập-Nham, sinh năm Ất-Dậu 1885, người làng Nhị Khê huyện Thường-Tín, tỉnh Hà-Đông (Bắc Việt). Thuở nhỏ, ông theo học chữ nho và thi rớt kỳ thi phú tại trường Nam khoa Canh-tý (1900). Rồi do ảnh hưởng những sách vở cổ động dân quyền của các nhà cách tân học Trung-quốc tràn sang, ông dứt bỏ lối học khoa cử để bước vào con đường cách mạng duy tân cứu quốc.

Năm 1905 ông xuất dương qua Nhật-Bản. Ông được vào học trường đại-học Chấn-Võ và tốt nghiệp trường này năm 1911.

Ông từ giả Nhật về Tàu, được Tổng-đốc Quảng-đông là Hồ-hán-Dân cử làm đại-úy. Sau Lê-nguyên-Hồng tổ chức lại quân-đội cách mạng cử ông lên Thiếu-tá trông coi một lữ đoàn lục-quân.

Năm 1914 ông lên về nước hoạt động, ý định thủ xướng một cuộc khởi nghĩa ở nước nhà. Ông vào Sài-gòn, lên Nam-Vang, qua Xiêm-La rồi trở sang Tàu.

Nhưng đến Hương-Cảng, ông bị Ty Cảnh-Sát Anh bắt giao cho nhà cầm quyền Pháp ở Quảng-Châu. Ông bị giải về Hà-nội, tra tấn rất tàn nhẫn và bị đưa lên nhà giam Thái-nguyên.

Được ít lâu, ông cùng ông Trịnh-Văn-Cẩn (đội nhà giam) phát động cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên năm 1917. Trong cuộc cách mạng này, ông được anh em cử làm quân sư. Nhưng khi quân cách-mạng rút ra khỏi Thái-nguyên, ông bị lại liệt hẳn một chân (vì cùm kẹp và tra tấn của Pháp) sợ đi làm bận lòng anh em, ông an ủi mọi người và yêu cầu ông Đội Cẩn cho ông

một phát súng vào ngực để từ giã cõi trần và vĩnh biệt các anh em đồng chí. Bất đắc dĩ, ông Cấn phải làm theo ý ông. Hôm ấy ngày 5 tháng 9 năm 1917. Ông mới 32 tuổi đầu :

Bài thơ « Tuyệt mệnh » này, ông làm ở nhà giam Hỏa-Lò Hà-nội vào khoảng cuối năm 1915 và đọc cho một người anh họ nghe khi ông này vào thăm. Sau đó các nhà cách mạng truyền đi, nên nay chúng tôi ghi lại được.

NGUYỄN TÁC

Học hải cầm thư lịch kỷ thu ?
Nam quan hồi thủ tứ du du.
Bách niên Tổ quốc quy hồ lỗ ;
Thất sách tàn khu phó bích lưu.
Tư thế bất phùng minh thánh hữu ;
Lai sinh thả báo phụ huynh cừ.
Thử hành hoạch yết Lam-sơn để
Hoán khởi trùng tiêm Pháp tặc đầu.

Bài dịch của ông Đào-trình-Nhất :

Bể học xông pha trải bấy lâu ?
Thân tù ngoảnh lại nghĩ mà đau !
Trăm năm đất tổ về quân mọi ;
Bảy thước thân tàn mặc nước sâu.
Bạn tốt đời nay sao vắng cả ?
Thù nhà kiếp khác dễ quên đâu !
Hồn ta được gặp Lam-sơn-Đế ²⁰⁷
Quyết mượn oai linh chém Pháp đầu.

Ký nội

Thơ của ông Lương-ngọc-Quyển viết ở nhà giam Hỏa Lò (Hà-nội) năm 1915 để gửi ra cho vợ là Nguyễn thị Hồng-Đính con gái cụ Cử Cường, một nhà cách mạng trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Bị bắt giam cùng một lượt với các cụ Lương-văn-Can, Nguyễn-Quyền, vũ-Hoàn, cụ Cường bị đem vào Nam an trí ở Cần-Thơ, rồi sau mất ở đó.

Đạo phu phụ cương thường thiên cổ,
Tình thâm ái hộ bách niên. ²⁰⁸
Đêm thanh nhớ đến bạn hiền,
Đường xa gửi bức vân tiên tự tình ²⁰⁹.
Kể từ lúc Hải-ninh gặp gỡ ²¹⁰
Mối tơ hồng đẹp lứa đôi ta.
Hương-Giang khi bước chân ra,
Cầm thơ một gánh, thất gia một đoàn.
Khi Thượng-hải chấn loạn gởi phượng,
Lúc Hoàng-châu vịnh trúc ngâm mai.
Đề huê mấy chút con trai,
Nhấp men Ngô-lĩnh, đua chài Châu-giang.
Nhớ gia hương bước sang Lục-tĩnh.
Vượt nghìn non định tỉnh gia thân. ²¹¹
Biết bao trọng nghĩa thâm ân,
Trai tài gái nết Tấn Tần đẹp duyên.
Bấy nhiêu năm liên uyên tịnh phượng ²¹²
Dặm nghìn ngoài hiệp xướng hòa chung ²¹³
Giang sơn trọn một chữ tòng,
Những mong Hồng-nữ, Vệ-công sánh tày ²¹⁴
Cờ Ngũ tinh kéo về Phục quốc ²¹⁵
Kiệu tân trang sẽ rước ninh gia ²¹⁶
Trên vì nước, dưới vì nhà,

Non sông mở mắt, mẹ cha thỏa lòng
Than vận nước còn trong hội bĩ.
Lúc tình cờ phút bị gian nguy.
Làm cho Nam, Bắc phân kỳ,
Xa xôi luống những tương tri âm thầm.
Ngày sáu khắc ruột tằm vấn vít,
Đêm năm canh hồn điệp ngấn ngơ.
Đoái thương năm đất Cần-Thor ²¹⁷
Dàu dàu cỏ biếc, lời mờ riêu xanh.
Gió ào ào Nam-Vinh thung cỗi ²¹⁸
Sương mù mù Hà-nội huyền gia.
Xiết bao nỗi nước tình nhà,
Hỡi nàng giúp đỡ cho ta thế nào ?
Ởn phụ mẫu thiên cao địa hậu.
Mưu tử tôn dụ hậu quang tiền ²¹⁹
Khuyên nàng lập chí cho kiên,
Hiến thân báo tử đáp đền cho anh.
Lòng người đã trung thành sốt sắng,
Trời xanh kia ắt chẳng phụ mình.
Mai mau dĩ cực thái hanh ²²⁰
Kéo cờ độc lập giữa thành Thăng-Long.
Ba mươi triệu Lạc-Long tôn tử,
Bốn nghìn năm lịch sử quang vinh.
Trời Nam rực rỡ văn minh,
Sơn hà rửa sạch hôi tanh giặc thù.
Cửa nghĩa môn bày đồ khánh trúc ²²¹
Nhà Ôn-như hát khúc thăng bình ²²²
Rõ ràng phu quý phụ vinh,
Tiếng thơm muôn nước, phúc thanh một nhà.
Nợ trung hiếu nay đã đền đủ,
Chí tang bồng chẳng phụ làm trai.

Khi nên trời cũng chiều người,
Nàng ơi ! Hãy nhớ lấy lời tình chung !

Khóc bạn Lương-ngọc-Quyển

Của ông cử Dương-bá-Trạc làm sau khi được tin cuộc khởi nghĩa Thái-Nguyên thất bại năm 1918, Ông Trạc là bạn thân với ông Quyển từ lúc còn đi học cho tới sau cùng nhau làm cách mạng. Trong thời gian ông Quyển bị bắt thì ông Trạc bị người Pháp đưa đi an trí ở Long-Xuyên (Nam Việt). Sau ông được người Nhật đưa khỏi nước để hoạt động và đến mùa Xuân năm 1945 thì bị bệnh mất tại Tân-Gia-Ba.

Đoạn tuyệt gia đình với núi sông,
Phất cờ Đông-học trẩy tiên phong,
Lục quân Nhật-Bản tinh thao luyện,
Chiến địa Trung-hoa thỏa vẫy vùng.
Bắc-hải vẫn ghi lời thoại biệt ;
Long-Xuyên bao xiết tryện trùng phùng.
Thái-Nguyên độc lập năm ngày trọn ²²³
Cho biết tay đây cộp sổ lồng.

Thăng-long văn vật !

Năm 1921, báo Trung-Bắc ở Hà-nội có mở cuộc thi thơ vinh Văn-miếu (miếu thờ Khổng-Tử) lấy câu đầu là « Nghìn năm văn vật đất Thăng-long » như vậy là thơ 8 câu theo thể luật Đường mà người dự thi chỉ phải làm có bảy : Do đó các bài gửi đến đều phá đề bằng câu đầu trên kia.

Nhưng Thăng-long lúc đó – lúc dưới quyền cai trị của bọn thực dân Pháp – Có còn đâu là văn vật nữa mà các thức giả, học giả thi sĩ văn nhân cứ phổng mũi mà tán ?

Bởi vậy, có người vì không thể chịu được cái trò thi cử lố bịch ngu muội ở trước cảnh nước mất nhà tan ấy, nên đã gửi lại cho ban chấm thi một bài sau đây, tuy cũng đề là để góp phần dự thi, nhưng thực là một cảnh cáo gián tiếp. Bài này lẽ dĩ nhiên không có đăng lên như các bài khác, nhưng đã khiến người đề xướng ra cuộc thi là ông tú Nguyễn-đỗ-Mục cảm thấy xấu hổ mà tộp ngay lại liền.

Nghìn năm văn vật đất Thăng-long.
Văn vật ngày nay mới lạ lòng.
Tham biện ²²⁴ tham buôn, tham cán sự ;
Đốc người, đốc chó, đốc canh nông ²²⁵.
Du côn mật thám đầy sông nhị ;
Giăng há ma cô chạt núi Nùng,
Còn nữa xin ngừng, khôn siết kể !
Nghìn năm văn vật đất Thăng-long.

Mơ tổ mắng

Đây là bài của cụ Đàm-Xuyên Nguyễn-phan-Lãng viết vào khoảng tháng 6 năm 1925 để kêu gọi tinh thần quật khởi của toàn dân và đồng thời để thức tỉnh những tâm hồn hèn mạt đang cam phận khom lưng cúi đầu ở trước thế lực bọn xâm lăng, không còn biết nghĩ đến nhân phẩm nhân cách là gì mà hễ mở miệng thì khoe là con Rồng cháu Tiên... Than ôi !...

Đêm khuya giấc mộng đang mơ màng.
Bỗng chiêm bao thấy cụ Hồng-Bàng.
Tay cầm bầu nước xách lẽ mề.
Vai vác cái cuốc đi vội vàng.
Người cụ cao lớn, mặt đỏ gấc,
Mắt sáng như sao râu, quá ngực,
Miệng rộng như bể, chân như non.
Hầm hầm dường có ý căm tức.
Quát lên một tiếng như sấm vang,
Người đang mơ ngủ đều kinh hoàng.
Mắt nhắm mắt mở chưa kịp dậy,
Cụ đã sừng sững trước đầu giường.
Tay cầm cái cuốc gõ vào sọ.
Tay cầm bầu nước dội vào cổ.
Mắng rằng : « Bây giờ đã tỉnh hay chưa ?
Gà gáy tứ tung bây vẫn ngủ !
Cái cuốc bỏ đó, nhà đi đâu ?
Bây không thức dậy để giữ lấy
Cuốc ơi, Nước ơi ! Đi đàng nào ?
Người hãy lấy cuốc đi khai mở
Người ta lấy nước nuốt vào cổ,
Cuốc cùng lấy gì vỡ ruộng nương.
Nước cạn lấy gì tưới cỏ cây...
Cuốc còn, cuốc mất, bây không hay ;

Nước còn, nước mất, bấy trời thây ?
Giang sơn cơ nghiệp ta ở đây...
Thôi thôi ! Ta chắc cậy gì bấy !
Bây chẳng nghĩ công ta khó nhọc,
Mở núi khai sông, những sẵn sóc,
Nhành Hồng cỗi Lạc mấy ngàn năm,
Truyền tử nhược tôn riêng một góc,
Nửa thời bờ biển, nửa về non.
Con Rồng cháu Tiên, ngày đông đúc.
Lúa rừng cá biển mưu sinh tồn.
Văn minh một ngày một bước tiến,
Dần dần thành một cõi văn hiến.
Người chuộng lễ nghĩa, thói thuần lương ;
Văn hóa ngàn năm không chút biến ;
Cùng nhau gìn giữ nghiệp tổ tông.
Suốt cùng Ngủ-hồ, sông Cửu-Long,
Mở mang cõi đất ngày ngày rộng,
Làm cho thêm rạng vẻ non sông.
Đàn bà dễ mấy tay : Trưng, Triệu,
Mình cỡi đầu voi, cờ nổi hiệu.
Quân Ngô quân Hán đã kinh hồn,
Trông giải yếm đào tìm nẻo xéo !
Tài trai giỏi nhứt lớp Trần, Lê,
Ra sức anh hùng cũng gớm ghê.
Mấy trận Chi-Lăng cùng Vạn-Kiếp
Quân Tàu hóng gió cút ngay về !
Như thế mới thật con cháu cụ.
Làm trai không thẹn, gái không hổ.
Bây sao chẳng ngắm các gương xưa.
Luống chịu cúi đầu, ràng buộc cổ ?
Vẫy đuôi ngẩng mặt theo sau người,
Chờ chực nước dãi, trông ngóng hơi,

Nhà mình mà hóa đi ở đậu,
Cơm mình mà phải đi nhặt rơi ?
Giết con cho mắt, nhắm mắt nuốt,
Chém cha chia canh, chẳng buốt ruột.
Vỡ nhà nát nước, giả ngẩn ngơ,
Xây ghé, tan đàn, không biết xót !
Gái đi rước khách, trai đi hầu,
Cậy thế cậy thần lòn lẩn nhau.
Nhái lớn chực nuốt những nhái bé !
Gầy róc xương thịt, béo ép dầu...
Lại còn lên mặt những tên lệnh,
Đưa nhau làm cổ cúng ông Hềnh,
Săn cày săn cá lên tâng công
Kiếm bát canh thừa miếng ăn cặn
Xưa kia quan lại có thể đâu ?
Bây giờ quan Phủ lại nên giàu
Đua nhau bòn máu và hút mủ
Đua nhau rộng ruộng cùng cao lâu
Phá sạch hết thầy nền lễ nghĩa
Quên những tất cả tính liêm sỉ.
Đứa theo nết sói với lòng beo,
Học những thói ma cùng chước quỷ.
Làm cho lây hại lũ thanh niên,
Dần dà tập nhiễm thành thói quen.
Mặt Tiên mũi Rồng vẻ tuấn tú,
Vai trai cổ ngựa, đành ngu hèn.
Bây tự đào hang cùng phá tổ,
Trách nào điều tha lại quạ mỗ !
Mưa Âu gió Mỹ nhiễm lâu vào,
Tam-Đảo, Tản-Viên có ngày đổ !
Vậy mà bây khoe đời văn minh !
Văn minh đâu dùng sự chiến tranh.

Vậy mà bây cây có nhân đạo,
Nhân đạo đâu cướp cháo chúng sinh !
Nếu không kiếm cách để tự lập,
Yếu hèn quyết có ngày chết đập !
Bây ơi ! đem con gửi quạ già,
Chắc đâu quạ già khỏi ăn cắp ?
Ta chẳng mong bây chắc cậy người,
Ta chẳng mong bây cầu cứu ai !
Ta chỉ mong bây thương nước Tổ !
Ngọt cùng chịu ngọt cay cùng cay,
Ta rất mong bay trước cảnh tình,
Lấy cách văn minh để cạnh tranh.
Tích cực chẳng xong dùng tiêu cực,
Cốt sao khôi phục quốc quyền mình.
Ta rất mong bây trọng quốc túy,
Khuyên nhau gìn giữ lấy luân lý.
Khiến cho người khỏi hóa ra ma,
Mất tiếng nghìn năm trước lễ nghĩa.
Ta rất mong bây thương lẫn nhau,
Chị ngã em nâng trước bão sau.
Nồi da xáo thịt, lòng sao nở ?
Củi đậu đun đậu dạ càng đau,
Nước ta bây giờ củi hết kiệt,
Danh giáo, cương thường lại bại liệt.
Bây giờ ngơ ngẩn đợi gì ai ?
Cá chậu chim lồng lo chẳng chết ?
Bây coi Nhật-Bản cùng Xiêm-La !
Xưa kia danh tiếng nào bằng ta ?
Mà nay đứng giữa vùng Đông-Á.
Dân giàu nước mạnh, bao vinh hoa.
Nay ta trông thấy lũ con cháu,
Mặt muối mày tro, càng đón đau.

Liệu mà tỉnh ! tỉnh... đứng ngay lên !
Cuốc đây, Nước đây ! Nhặt lấy mau ... !
Mở bừng mắt dậy, hóa chiêm bao,
Trông theo nào thấy cụ đâu nào ?
Vội vàng cầm bút chép lời cụ,
Đồng bào ! đồng bào ! Ta tính sao ?

Nhắn các bạn tù

Của một nữ cách mệnh làm ở Côn-đảo vào khoảng năm 1920.

Nhắn bảo cùng ai đến chỗ này,
Đừng buồn đói khổ với chua cay,
Hy sinh hai chữ ta ghi nhớ,
Phấn đấu một lòng chớ chuyển lay.
Ba thước roi mây un máu nóng,
Một phen lao lý đúc gan dày.
Bất bình còn đó còn cơ hội,
Ngang dọc rồi đây cũng có ngày.

Tức giận bao nhiêu, nhục biết bao !
Anh em ta phải tính làm sao.
Tay xoay trái đất hai bàn trắng ;
Máu rửa non sông một khối đào.
Phun lửa nhiệt thành nung bể cạn,
Tuốt gươm công phấn vạch trời cao.
Dắt nhau tiến tới đường công lý,
Cực khổ cùng nhau, sướng có nhau.

Cùng người dân nghèo

Tác giả bài này là cụ Lê-văn-Huân, người làng Lạc-thiên phủ Đức Thọ, tỉnh Hà-Tĩnh (Trung-Việt).

Biệt hiệu là Lâm-Ngu, cụ sinh năm 1875.

Xuất thân trong một gia đình Nho học, cụ thi đậu thủ khoa khoa Hương thí trường Nghệ-An năm 31 tuổi, nên tục thường gọi cụ Thủ-khoa Huân (cũng một tên Huân và cũng đỗ thủ khoa như cụ Thủ-khoa Nguyễn-hữu-Huân, người làng Tịnh-hà, tỉnh Mỹ-Tho, vị anh hùng khởi nghĩa, chống đánh quân xâm lăng Pháp ở miền Nam).

Năm 1908, cuộc chống thuế của đồng-bào Trung-Việt nổi dậy ở các tỉnh Nghệ-An, Hà-tĩnh, Quảng-bình, Quảng-trị và Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, cụ bị thực dân Pháp và chính-phủ Nam-triều bắt giam và đày đi Côn-đảo với các cụ Ngô-đức-Kế, Đặng-nguyên-Cẩn và nhiều thân-sĩ khác.

Năm 1919, cụ được thả về, và lại hoạt động cho cách mạng nữa.

Năm 1926, cụ trúng cử vào viên Dân-biểu Trung-kỳ. Nhưng sau thấy những lời tuyên bố của tên Khâm sứ Trung-kỳ Jabouillet đều là những thủ đoạn lừa bịp, nên năm 1929, cụ từ chức cùng một lượt với cụ dân biểu viện trưởng Huỳnh-thúc-Kháng.

Kế đó, cụ lại bị Nam-triều và thực dân bắt giam. Nhưng để bảo vệ cơ sở và giữ tròn danh tiết, ngày 13 tháng 9 năm 1929, cụ móc ruột tự tử tại nhà giam Hà-tĩnh. Năm ấy cụ 54 tuổi.

Những bài của cụ, chúng tôi sưu tầm để trong tập này đều là những bài đã đăng trong báo « Sóng Cách-Mạng » một tờ báo bí mật của cụ in bằng xu-soa, xuất bản ở Trung-Kỳ vào khoảng 1927.

Cụ là người học đỗ đến Thủ-khoa, cố nhiên văn tài không phải kém. Song đọc những bài này, chúng ta thấy toàn những lời lẽ mộc mạc. Nhưng đó là chủ trương sáng tác của cụ để cho đi sâu vào đa số đồng bào. Vì sinh thời cụ thường giải thích với các đồng-chí rằng : « Hoàn cảnh nước ta hiện như một căn nhà bị cháy, một khúc đê bị vỡ, chúng ta phải đóng trống ngũ-liên để giục người ra cứu chữa, chớ không thể đem đàn ra gảy để gọi thiên hạ đến cứu được. Chỉ có những kẻ ngu dại mới làm cách sau này ở trong lúc nhà cháy và đê vỡ mà thôi. »

Hỡi những kẻ dân ta nghèo đói !
Có biết rằng nông nổi vì ai !
Cả năm đòn gánh đè vai,
Mồ hôi nước mắt không tài kiếm ra.
Kìa lĩnh vé các tòa các sở,
Nào nộp tiền các chợ, các ty.
Mấy lần thuế lại thuế đi,
Tính cho đủ thuế còn gì mà ăn.
Con với vợ mặt nhăn vì đói,
Mà Tây thì cứ trói lấy tiền.
Cực thay sưu nặng thuế phiền,
Róc cho đến chết lợi quyền chưa tha.
Mình cá thịt, Tây là dao thớt,
Sống làm sao cho thoát tay người.
Than ôi ! sống một kiếp người !
Thà rằng chết quách cái đời bùn nhơ.
Liệu đứng dậy mở cờ cách mạng,
Thoát khỏi vòng nô lệ bấy nay.
May ra sống được là hay,
Chẳng may thác cũng là tay anh hùng.
Một cái thác lông hồng núi Thái,
Tính đôi đường phải trái mà theo.
Hơn hai mươi triệu đồng bào,

Trên đường cách mạng ào ào tiến lên !
Nước nhà cơ nghiệp vẹn tuyền,
Việt-Nam ta giữ lợi quyền của ta.
Mấy lời thuận miệng ngâm nga,
Ai ôi xin nhớ bài ca hợp đoàn !

Cùng người dân cày

Đất nước Việt-Nam ta vốn là một dải đất phì nhiêu, và sản xuất lúa nhiều đứng vào bậc nhì trên thế giới. Như thế có nghĩa là đất của nước ta không phải là một dải đất xấu gì khiến cho nước ta phải nghèo nàn, dân ta phải túng thiếu và lầm than đói rét.

Nhưng cái cảnh người dân cày của nước ta đã phải sống thế nào trong những năm các nhà cai-trị Pháp có mặt ở đây ?

Và người dân cày phải làm thế nào mới có được cơm no, áo ấm, mới để ruộng đất không còn bị kẻ khác nào từ xa đến chiếm đoạt, và đem vằm ngựa ách trâu để chất lên đầu cổ...

Để giải đáp những câu hỏi trên, chúng tôi xin mời các bạn hãy cùng đọc bài này cũng là một tác phẩm của cụ Thủ-khoa Lê-văn-Huân, một nhà cách-mạng tiền bối ở vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh đã đem cả một cuộc đời hy-sinh cho đại nghĩa của quốc gia, dân tộc mà ngày nay nhắc đến không ai là không phải kính phục, và thương tiếc ngậm ngùi...

Thương thay những kẻ dân cày !
Da đen mặt xạm ngày ngày gian lao,
Gà vừa gáy ồn ào thức dậy,
Cơm chưa xong đã chạy vác cày,
Cày cày cuốc cuốc tối ngày,
Lo nay cấy gặt, lo mai vun trồng.
Mặc dầu nắng đốt mưa giông,
Chân không bén đất, tã không bén giường,
Càng khó nhọc lại càng cơ cặn, ²²⁶
Quanh cả năm cơm hẩm cà chua.
Khổ đã rách ba tua còn vá,
Áo hơi sờn chẳng khá che da.
Vì ai nên nổi thiết tha,

Vì chưng sưu nặng thuế gia mấy lần.
Pháp kia đã ép trăm phần,
Mà phường quan lại, lại dân tận xương.
Vợ con đói còn đang lăn lóc,
Sưu thuế kia còn róc tận xương.
Lại thêm quốc trái công lương,
Một năm mấy bận lệ thường chẳng tha.
Khổ như thế thiệt là khổ thiệt,
Anh em ơi đoàn kết lại nào !
Ví bằng cứ mãi lìa nhau,
Thì nó ép mãi hết dầu chẳng tha.
Phải kết đoàn, phải tiến ra,
Nhà ta ta ở, ruộng ta ta cày.
Tội gì chịu lụy thẳng Tây.

Cùng các thầy thông ký

Trong những năm chính quyền thực dân Pháp còn ngự trị trên đất Việt-Nam này, chẳng những chỉ có người dân cày là khổ nhục, mà cho đến các thầy thông, thầy ký cũng chẳng vinh dự gì.

Hơn những người dân nghèo đầu tối mặt tắt, các thầy được cha mẹ nuôi cho ăn học để nên người.

Nhưng học để làm gì ? Có ích quốc lợi dân không ?

Hay kết quả chỉ khu khu giành lấy một chỗ ngồi trong sở với số tiền lương mỗi tháng bảy, tám chục là nhiều, rồi để mặc tình cho bọn kẻ thù của dân tộc sai khiến.

Vinh hay nhục ?

Theo nội dung bài này – cũng tác phẩm của cụ Thủ khoa Lê-văn-Huân thì học thế, hành thế, đâu có thấy gì cái nhục của nhà tan nước mất, đâu có biết gì là phong trào văn minh tiến bộ của năm châu bốn biển, và đâu nữa còn gì là nhân phẩm, nhân vị.

Cho nên theo cụ, đã mang danh là con người có học thì phải biết suy nghĩ đến non sông Tổ-quốc, đến đồng chủng, đồng bào đang bị trăm cay nghìn đắng dưới xiềng xích nô lệ.

Không thế, thì mặc dù có học, cũng chẳng được xứng đáng với tai mắt ở đời, vì đâu có biết đến liêm sỉ với hiếu trung là gì !...

Khi còn bé bố cho đi học,
Vào nhà trường miệng đọc A. B.
Sớm khuya đèn hạnh sách lê,
Lam-kiều xe ngựa đi về mặc ai.
« Đích tề » với mấy bài phép toán.

« Véc bờ » kia cũng rán sức chia.
Ân cần dậy sớm thức khuya,
Chỉ lo học tập biết gì ăn chơi.
Mấy năm trời xi lô, xi lốc,
Hạch đồ rồi ông đốc, ông thông.
Lương ăn bảy tám chục đồng,
Tưởng rằng vinh hiển bỏ công tập rèn.
Biết gì chuyện nòi hèn nước mất,
Xem ông Tây như Phật như Tiên.
Trong trường nhồi sọ đã quen,
Hễ khi mở miệng là khen Tây lành,
Gà què chạy loanh quanh cối thóc,
Thấy có ăn trần trọc chui vào,
Biết chi đồng chủng đồng bào.
Biết chi thế giới phong trào là chi.
Kiếm được tiền đem đi vung phá,
Đua ăn chơi cho hả lòng tham.
Thấy dơ thôi quản chi chàm.
Vả tai đá đích cũng cam chịu vầy.
Không phải là các thầy thông ký,
Chẳng biết điều liêm sỉ hiếu trung.
Nếu như có kẻ nói cùng,
Chắc là sẽ động đến dòng lương tâm,
Chúng tôi đã biết lắm từ trước,
Rày về sau việc nước xin lo.
Nước nhà độc lập tự do,
Trước lo lý luận, sau lo thực hành.
Để thoát khỏi cái vành nô lệ,
Người Nam ta cai trị nước ta.
Ai ôi nghĩ lại kéo mà,
Thông ngôn ký lục cũng là « người Nam » !

Vợ khuyên chồng

Tục ngữ Việt-Nam có câu : *Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh.*

Trên thực tế của lịch sử dân tộc đã chứng minh cụ thể qua những tấm gương anh hùng của bà Trưng, bà Triệu và bao nhiêu liệt nữ khác.

Vì thế, nhiệm vụ cứu nước diệt thù của người dân Việt-Nam không phải nhiệm vụ riêng của những người đàn ông, mà còn là chung của cả đàn bà và con gái nữa. Vì nhục là nhục chung cả nước.

Cho nên, ngoài bốn phận trong gia đình, và ngoài bốn phận « làm vợ » ra, người đàn bà Việt-Nam còn có nhiệm vụ với quốc gia dân tộc.

Với nhiệm vụ cao cả ấy, không cần nhất thiết phải thanh gươm yên ngựa lên đường cứu quốc như các bạn nam nhi, mà biết khuyên răn người chồng phải vì dân vì nước, biết khích động tinh thần ái quốc diệt thù của người bạn trăm năm cũng là nhiệm vụ của một người dân đối với nước nhà trong cơn biến cố vậy.

Cụ Thủ-khoa Lê-văn-Huân viết bài này thật sự là đã nghĩ đến vai trò quan hệ của người đàn bà Việt-Nam lắm. Tuy là bài « Vợ khuyên chồng », nhưng tác dụng của nó chẳng những chỉ giáo dục tinh thần yêu nước của người đàn bà, chẳng những đặt ra cho người đàn bà một trách nhiệm cần thiết, nặng nề nhưng có thể làm được, mà còn là để kêu gọi các người nam tử nữa.

Than ôi ! Người đàn bà mà còn biết nghĩ đến vận mạng của quốc gia, dân tộc như thế, mà kẻ đàn ông chẳng có chút giác ngộ nào thì hỏi còn xứng đáng để làm người nữa không ?...

Chàng ôi chàng !

Thiếp xin chàng ngồi lại !

Thiếp bàn giải đôi lời !
Hơn sáu bảy mươi năm trời,
Đem thân làm nô lệ,
Cúi đầu làm nô lệ.

Nỗi đắng cay xiết kể,
Nói ra những thêm sầu.
Chữ nhẫn sỉ sự thù, ²²⁷
Sao mà anh chịu được ?

Nước với nòi tan tác,
Nhà cũng chẳng còn đâu.
Sao không liệu mau mau,
Để tìm phương cứu lại,
Để tìm đường cứu lại.

Thiếp tôi tuy rằng gái,
Thấy vậy cũng sầu bi.
Chàng nam tử tu mi,
Tại làm sao không biết ?
Tại thế nào không biết ?
Chỉ ham điều hoa nguyệt,
Chỉ rượu chè bạc cờ.
Chỉ hờ hững ngẩn ngơ,
Chịu làm dân mất nước,
Chịu làm người mất nước.

Thử xem kìa ! Sau trước !
Nợ các nước lân bang.
Bọn nam tử đường đường,
Làm cho nước thịnh cường.
Sử xanh còn chép để,
Bia vàng còn tạc để.

Chàng con nhà thi lễ,
Vốn nòi giống Lạc Hồng.
Sao ngồi chịu trong vòng,
Cho quân Tây đầy đọa.

Xin từ nay tạc dạ,
Lấy cách mạng cơ quan.
Cốt tổ chức kết đoàn,
Làm sao cho nghiêm nhặt,
Làm thế nào cho nghiêm nhặt.

Còn như việc gia thất,
Đã có thiệp lo rồi.
Đường đi ngược về xuôi,
Mặc sức chàng vùng vẫy.
Mặc sức anh vùng vẫy.

Chàng làm sao cho dân được cậy,
Cho non nước được thái bình,
Dù thác cũng cam tình,
Thiệp không phàn nàn chi nữa,
Thiệp không dám phàn nàn chi nữa...

Những lời vàng đá !
Thiệp ngỏ lại ân cần,
Chàng ơi ! « Vị quốc vong thân » !...

Kỷ niệm trận thế chiến thứ nhất

Trận thế chiến thứ nhất là trận chiến tranh giữa hai nước Pháp Đức 1914-1918. Trận chiến này chỉ vì sự dành nhau thị trường thuộc địa giữa bọn đế quốc với nhau mà chúng đã đưa nhân loại vào lò sát sinh trên 8 triệu sinh mạng.

Việt-Nam ta lúc bấy giờ là thuộc địa của Pháp nên nhân dân đã bị chúng bắt qua Tây để làm bia đỡ đạn cho chúng. Chúng tuyên bố với lý do để bảo vệ quyền lợi cho hai nước Pháp, Nam. Nhưng sự thật thế nào ? Xin các bạn hãy xem bài « Kỷ niệm trận thế chiến thứ nhất » này là một bài tả thực của cụ giải nguyên Lê-văn-Huân viết năm 1919, tự khắc sẽ được giải đáp vậy.

Ôi trời ôi ! ôi đất ôi !
Hành chi con trẻ bồ côi thế này.
Cha thì đi lính cho Tây,
Hắn bắt đi đánh bỏ thầy nước người.
Bây giờ mẹ góa con côi,
Kể sao cho xiết khúc nôi đoạn trường.
Nghèo nàn vất vả trăm đường,
Cửa nhà rách nát ruộng vườn tả tơi.
Đem con gán nợ cho người,
Bị người hành hạ đủ mùi đắng cay.
Chưỡi liền miệng, roi liền tay,
Làm lưng vất vả suốt ngày chưa tha.
Ăn thì cơm hẩm canh thừa,
Một manh áo rách chẳng vừa che thân.
Nhà giàu ăn ở bất nhân,
Đến gần này nữa biết gần nào thôi.
Ôi trời ôi ! Ôi đất ôi !
Hành chi con trẻ bồ côi thế này.

Thế này cũng tại thằng Tây,
Nó bắt đi đánh bỏ thây nước người.
Năm một nghìn chín trăm mười bốn,
Cõi Âu Châu thành chốn chiến tranh.
Bốn năm trời đất tan tành,
Máu nhân loại chảy còn tanh khiếp hoài.
Cơ sự ấy vì ai nên nổi ?
Nhân loại mình có tội tình chi ?
Chốn sa trường bỏ xác đi,
Thua thì ta chịu, được thì ai ăn.
Bọn đế quốc bất nhân lắm tá,
Đem ta làm thịt cá mà chơi.
Chốc đà hơn bốn năm trời,
Non cao xương trắng bể với máu hồng.
Thảm nỗi vợ mất chồng, góa bụa,
Tủi bầy con mất bố bỏ cô.
Khóc ai ai chết đã rồi,
Những người sống sót sứt sùi đau thương.
Vạ chiến tranh muôn đường bị thảm,
Nói càng bao, tâm khảm càng đau.
Cùng nhau ta phải cùng nhau,
Đứng lên tất cả trước sau một lòng.
Phá cho nát xiềng gông đế quốc,
Gỡ nguy vong cho nước non này.
Bằng không cứ để nhường nay,
Là mình tự để thằng Tây giết mình.

Sum vầy bõ lúc lưu ly

Muốn cứu nước diệt thù thì bất cứ người ở trong nước hay là ở ngoài nước cũng đều phải đồng tâm nhất trí. Còn như mỗi người một ý, một ngã đường thì làm sao thoát được cảnh gông cùm nhục nhã.

Đoàn kết là sống, mà chia rẽ là chết.

Bài này của một nhà cách mạng Việt-Nam viết đăng trên báo Đồng Thanh xuất bản ở Thái-Lan năm 1927, nội dung không ngoài mục đích trên, vừa để kêu gọi tất cả kiều bào ở hải ngoại phải cùng nhau muôn người như một, luôn luôn lúc nào cũng phải ngoảnh mặt về với non sông, nước Tổ, và cũng vừa là để kêu gọi những người trong nước nữa.

Tinh thần đoàn kết này, chẳng những chỉ người trong nước với những người ngoài nước, chẳng những chỉ những người ở hải ngoại với những người hải ngoại, mà còn phải là tinh thần đoàn kết giữa những người trong nước và những người hải ngoại.

Không thể Sấm, Thương chia rẽ được, và càng không thể được trong lúc mối thù chung của dân tộc chưa làm sao rửa được.

Đoàn kết ! Đoàn kết !

Chỉ có thể đoàn kết mới có thể làm cho nước nhà không còn gặp vận biến cố tang thương nữa.

Bài tuy ngắn, nhưng thật là chứa những lời tha thiết kêu gọi đồng bào thốt từ đáy lòng yêu nước mà ra vậy.

Người một nước vốn cùng chung một giống,
Nỗi nhục vinh sống thác phải cùng nhau,
Bốn ngàn năm chung giọt máu đào,
Phải nước là chi đâu mà đến đảnh đoảng.

Sao ta lại lìa tan chĩnh mản,
Nghĩ nguồn cơn thêm cay đắng can trường.
Vận nước nhà biến cố tang thương,
Sao mình lại Sầu, Thương người một ngả...

Thơ rằng :

Trường thử bách niên cam thóa mạ

Bất tri hà nhật xuất lao lung. ²²⁸

« Hỡi ai ơi con Lạc cháu Hồng !

Rời rạc mãi thù chung sao trả được. »

Thôi thôi ! Thôi kể chi mấy mươi năm về trước,

Giải đồng tâm ta liền lạc từ đây !

Sum vầy bỏ lúc bấy nay !

Hoán tình quốc dân

Bọn thực dân Pháp sang cai trị nước Việt-Nam có phải là đem văn minh khai hóa dân tộc ta không ?

Không !

Tuy có một vài kẻ vì ăn phải thuốc bả của họ mà lâm tường như trên. Nhưng cả nước thì họ không thể nào lừa được.

Dân tộc ta vốn dĩ là dân tộc thông minh quật cường nên đã hiểu rõ lắm. Hiểu là họ sang đây chỉ cốt để vơ vét, để bỏ vào túi tham không đáy của những bọn quân tài phiệt. Nên ngoài việc đàn áp bóc lột dân tộc ta bằng sưu cao thuế nặng, bằng phu phen phục dịch, họ còn sát hại dân tộc ta bằng súng đạn gươm đao, và trại giam nhà ngục.

Chưa hết, họ còn đầu độc dân tộc ta bằng rượu cồn, thuốc phiện và bao nhiêu những thứ ăn chơi trụy lạc khác. Những cái này mới thật là nguy hiểm vì nó mỗi ngày một làm tiêu hao tinh thần và khí lực con người, nhất là đối với thanh niên, những người đang đầy hứa hẹn rực rỡ với tương lai dân tộc đi đến chỗ ngày một yếu hèn, để cam tâm mãi mãi cúi đầu làm nô lệ cho họ.

Ấy đại để là cái chính sách của họ đối với dân tộc ta là thế.

Ngày nay, muốn rõ hơn, chúng ta hãy đọc bài « Hoán tình quốc dân » này của một nhà cách mạng tiền-bối Việt-Nam viết đăng trong báo Thanh niên xuất bản ở Trung Quốc vào khoảng năm 1927, do một ông bạn ở hải ngoại lâu năm mới về, đọc cho chúng tôi chép lại.

Nước Nam ta từ ngày Pháp lấy,
Kể năm đà sáu bảy mươi rồi.
Thương ôi, dân bể biển đời,

Non sông nước vực chông gai đầy đường.
Nay xin kể rõ ràng sau trước,
Để cho người trong nước đều coi.
Pháp kia hiểm độc thì thôi,
Bày mưu thiết kế giết nòi giống ta.
Thuốc a phiến ấy là rất độc,
Mắc nghiện vào thì thịt róc xương,
Vậy nên các nước dinh hoàn,
Nước nào cũng cấm ai còn dùng đâu !
Thế mà Pháp hiểm sâu khôn xiết,
Cho dân ta hút biết bao nhiêu.
Thương ôi hút thuốc càng nhiều,
Dân ta tài lực tiêu hao lại càng.
Nó lại chế rượu cồn rất độc,
Lập công ty nấu đúc làm ra.
Men pha pha chế cho già,
Kê trong độc chất, cũng là lắm thay.
Thế mà nó ngày ngày bắt uống,
Cứ uống làng đóng xuống bao nhiêu.
Thương ôi rượu uống càng nhiều,
Giống nòi sinh dục tiêu hao trăm đường.
Nó đánh đủ trăm đường thuế má,
Rút dân ta bát mẻ không còn.
Dân ta tiền mất của mòn,
Mồ hôi nước mắt chẳng còn chút chi.
Lại bắt phu chở đi ngoại quốc,
Mấy ai đi mà đã được về.
Chân trời góc bể lưu ly,
Nỗi trôi sông sót biết gì được đâu.
Thế là Pháp, hiểm sâu bạc ác,
Mà người mình ngơ ngác chưa khôn,
Tưởng rằng Pháp hản làm ơn.

Biết đâu là hãn đã tham lẫn tàn.
Có kẻ nói nước mình từ trước,
Trải bao phen mưu chước đánh Tây,
Duy-Tân, Đề-Thám mấy tay,
Hà-thành đầu độc, Trung-kỳ kháng sưu.
Rút dưng lại chỉ đều thất bại,
Một mình tôi chống lại được sao,
Nói ra sao chẳng nghĩ vào ?
Vì sao thất bại vì sao chưa thành.
Vì chưa biết họp thành tổ chức,
Vì không ai gắng sức tuyên truyền.
Vì chưa đoàn kết hoàn toàn,
Vì chưa lấy chữ dân quyền dựng nên,
Chỉ nghĩ rằng bột bèo thân ốc,
Mang được đầu cái gộc rêu kia,
Âu là nhắm mắt ngoảnh đi,
Giang san chìm nổi mặc gì đến ta.
Ấy là chẳng bằng loài chim cá,
Trách gì đâu người dọa người khinh.
Nên hư thì cũng tại mình,
Muốn hèn thì chớ, muốn vinh thì làm.
Mình cũng là Việt-Nam phần tử,
Phải ra tay gìn giữ giống nòi,
Phải làm cho thế gian coi,
Phải cho thiên hạ biết nòi Lạc Long.
Phải ra sức gắng lòng yêu nước,
Phải đem mình đi trước anh em,
Phải làm cho quốc dân xem,
Phải ra tranh đấu, phải kiên tập rèn.
Phải biết lẽ người hèn vì độc,
Phải cùng nhau kết sức hội hè,
Đến khi mạnh cánh lớn bè,

Tây kia bạo ngược cũng e người mình.
Mình mà biết hy sinh bảo quốc,
Giống nòi mình sẽ được vẻ vang,
Mình mà nhút nhát trăm đường,
Giống nòi mình chắc tan hoang có ngày.
Mình có dại thì Tây mới lấy,
Khi mình khôn hăn phải trả mình.
Ai ơi nghĩ lại cho rành,
Nước mà đã mất thì mình còn đâu.
Nôm na chấp vá vài câu,
Khuyên người trong nước mau mau kết đoàn.

Chiêu hồn nước

Tác giả bài này là ông Phạm-tất-Đắc sinh ngày 15 tháng 5 năm 1909 tại làng Rừng-Kim, tổng Công-Xá, phủ Lý-Nhân (Hà-nam, Bắc-Việt). Ông là con trai trưởng cụ Phạm-văn-Hạnh và bà Lê-thị-Giáo. Đỗ tốt nghiệp năm 14 tuổi, ông được vào học trường trung-học bảo hộ Hà-nội (trường Bưởi) năm 1923.

Năm 1926, ở Hà-nội có cuộc lễ truy-diệu cụ Phan-chu-Trinh (mất ở Saigon). Ông Đắc đang theo học năm thứ tư để chờ kỳ thi Thành chung thì vì kích thích bởi phong trào bãi khóa, vì tiếng gọi của non sông, và vì không muốn cúi đầu theo lệnh của tên giám thị trường, ông quyết định giữ cái băng đen để tang cụ Tây-Hồ ở tay áo, và chờ cơ hội vượt ra khỏi nước, đồng thời đọc các thi ca ái quốc để hun đúc tinh thần.

Ý nguyện chưa đạt, lại dự thêm cuộc truy điệu cụ cử Lương-văn-Can (nguyên hiệu trưởng trường Đông-kinh Nghĩa-thục) mất năm 1927. Sau đó vì cảm xúc quá mạnh, với tinh thần non nước, ông Đắc viết ra bài « Chiêu hồn nước » này, đưa nhà in Thanh-niên để xuất bản.

Sách ra được vài hôm, ông Đắc và viên quản lý nhà in bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam. Khi ra trước tòa án, viên chánh án người Pháp hỏi ông ai xúi viết bài này hoặc nhờ ai viết hộ, ông trả lời : « Đầu tôi nghĩ, tay tôi viết, công việc này hoàn toàn do tôi. »

Kế đến, người Pháp lại gọi cụ thân sinh ra trước vành móng ngựa để cật vấn về tội trạng con làm. Cụ khẳng khái trả lời : « Con tôi lúc ở nhà, quyền dạy dỗ thuộc về tôi. Nay đi học trường chánh-phủ thì việc nó làm chính phủ phải chịu. Chánh phủ đã nhận công việc giáo dục nó, sao lại hỏi đến tôi ? »

Tòa án thực dân không biết quy tội về ai được. Còn ông Đắc khi ấy mới 18 tuổi, nghĩa là vì chưa đến tuổi trưởng thành. Mặc dù thế, nhưng

cường quyền vẫn áp đảo công lý, chúng vẫn buộc tội ông, trừng trị tội yêu nước của ông bằng cách giam trong nhà « Trừng giới » để đợi khi trưởng thành xét nữa. Chúng giải ông lên Bắc-giang giam lại. Ở đó thực dân Pháp sợ ông tuyên truyền lòng yêu nước cho các phạm nhân khác, nên được 3 tháng lại đem về Hà-nội giam vào nhà pha Hỏa-lò như người lớn, bất kể là trái với luật mà chúng đã đặt ra.

Ngày 16 tháng 5 năm 1930, ông được thả ra với điều kiện cha mẹ phải lãnh về trông nom. Năm ấy, ông Đắc 21 tuổi. Nhưng vì cảnh tra tấn tù tội ảnh hưởng quá nhiều đến sức khỏe, ông bị bệnh hoài và đến ngày 24 tháng 4 năm 1935 thì mất tại phố Luro (Hà-nội). Lúc ấy mới 26 tuổi. Như thế là thực dân Pháp đã giết ông bằng một cách không gươm không súng, và đã sát hại một con người yêu quý trẻ trung của nước Việt-Nam vậy.

Hăm lăm triệu trẻ già trai gái,
Bốn nghìn năm con cái Hồng Bàng.
Cũng nhà cửa, cũng giang san,
Thế mà nước mất nhà tan hồi trời !
Nghĩ lắm lúc đương cười hóa khóc,
Muốn ra tay ngang dọc ngang.
Vạch trời thét một tiếng vang,
Cho thân tan với giang san nước nhà.
Đồng bào hỡi ! – Con nhà Hồng-Việt,
Có thân mà chẳng biết liệu đời.
Tháng ngày lần lửa đợi thời,
Ngẩn ngơ ỷ lại ở người ai thương !
Nay sóng gió bốn phương dữ dội,
Có lẽ nào ngồi đợi mãi sao ?
Đồng bào chút giọt máu đào,
Thương ơi tội nghiệp đời nào xót đây !
Nên mau mau dậy ngay kéo muện !
Mà xót thương đến chốn Nhị, Nùng.

Xưa kia cũng lắm anh hùng,
Dọc ngang trời đất vẫy vùng bể khơi.
Xưa cũng có lắm người hào kiệt,
Trong một tay nắm hết sơn hà.
Nghìn thu gương cũ không nhòa,
Mở mày mở mặt con nhà Lạc-Long.
Non sông vẫn non sông gấm vóc,
Cỏ cây xưa vẫn mọc tốt tươi.
Người xem cũng đáng con người,
Cũng tai cũng mắt ở đời khác chi.
Cảnh như thế tình thì như thế,
Sống làm chi, sống để làm chi ?
Đời người đến thế còn gì,
Nước non đến thế, còn gì nước non.
Nghĩ thân thế héo hon tắc dạ,
Trông non sông lạ chạ dòng châu.
Một mình cảnh vắng đêm sâu,
Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san.
Ngọn gió lọt đèn tàn hiu hắt,
Tiếng cốc kêu giậy mặt anh hùng.
Nghiến răng nuốt cái thẹn thùng,
Mà chiêu hồn cũ lại cùng non sông !

Hồn hời hồn con Hồng cháu Lạc !
Bấy nhiêu lâu đói khát lắm than.
Bấy lâu thịt nát xương tan,
Bấy lâu tím ruột thâm gan vì hồn.
Hồn hời hồn kìa non nước cũ,
Bấy nhiêu lâu mặt ủ mày châu.
Bấy lâu ngậm tủi nuốt sầu,
Bấy lâu hèn kém vì đâu hời hồn.
Trông bốn bể bốn chồn dạ ngọc,

Ngẫm năm châu khôn khóc nên lời.
Đêm khuya cảnh vắng êm trời,
Khôn thiêng chẳng hỏi hồn ơi hồn về.
Hồn trở về đừng mê mẩn nữa,
Tính nét xưa phải sửa từ giờ.
Hồn về hồn cố cho nhờ,
Anh em Hồng-Lạc, côi bờ Việt Nam.
Hồn trở về chớ tham rượu thịt,
Chớ tham nhà cao tít mấy tầng.
Kìa con chim ở trong rừng,
Kiếm mồi đâu có lạc chùng quên cây.
Hồn trở về đừng say gái đẹp,
Mà nặng tình kẻ khép phòng thu.
Đường đường một đấng trượng phu,
Lẽ đâu hồn chẳng đền bù non sông.
Hồn trở về chớ mong giàu có,
Mà ước ao xe ngựa kia.
Nghênh ngang mũ áo râu ria ;
Trăm nghìn năm vẫn còn bia miệng cười.
Hồn cố về cõi đời chớ chán,
Mà vội đem lòng nản việc trần.
Bát cơm tấm áo manh quần,
Hồn ăn hồn mặc nợ nần thế gian.
Hồn trở về bầm gan mà chịu,
Cảnh biệt ly tình hiếu đôi đường.
Trượng phu trí ở bốn phương,
Lẽ đâu hồn chịu vẩn vương xó nhà.
Hồn trở về nguyệt hoa chi nữa,
Mà thôi đưa lần nữa tháng ngày.
Xưa nay những kẻ tình say,
Lòng mê có nghĩ việc hay bao giờ !
Hồn trở về chớ chờ sức yếu,

Mà hồn không định liệu dọc ngang.
Hoặc hồn bảo chẳng biết đàng,
Hoặc hồn không muốn vội vàng làm ngay.
Hoặc hồn sợ tai bay vạ gió,
Mà hồn đành phải bỏ non sông.
Hoặc hồn quen thói phục tùng,
Mà hồn cam chịu cùng giòng ngựa trâu.
Hoặc hồn thường cháo rau no đói,
Mà hồn riêng mong khỏi cơ hàn.
Hoặc hồn đã trải lắm than,
Mà hồn bỏ mất cái gan tung hoành ?
Hoặc hồn ở thị thành phố xá,
Hoặc hồn trong túp lá lều tranh ?
Hoặc hồn trong chốn rừng xanh,
Hoặc hồn lẫn quất ở quanh sơn hà ?
Hoặc hồn ở nước nhà chật hẹp,
Hoặc hồn đi ẩn nép nước người ?
Đêm khuya cảnh vắng im trời,
Khôn thiêng chẳng hỏi, hồn ơi hồn về !..
Hồn trở về đừng mê mẩn nữa,
Tính nết xưa phải sửa từ giờ.
Hồn về, hồn cố cho nhờ,
Anh em Hồng lạc, cõi bờ Việt-Nam.
Còn chi sung sướng vẻ vang,
Bằng đem da ngựa chiến trường bọc thây.

Hồn trở về làm ngay ý muốn,
Chớ rụt rè sớm muộn nào nên.
Lẽ thường thành bại đôi bên,
Chớ đo đắn quá mà quên việc mình.
Hồn trở về hy sinh quyền lợi,
Mà tận tâm đối với nước non.

Dù cho thịt nát xương mòn,
Cái bầu nhiệt huyết vẫn còn như xưa.
Hồn trở về hồn mơ hồn mộng,
Nên hồn thành ra giống ngựa trâu.
Hồn về hồn kíp đòi mau,
Tự do hành động mặc dầu dọc ngang.
Hồn trở về bền gan đốc trí,
Chớ có thềm cái vị cao lương.
Tháng ngày dưa muối rau tương,
Còn hơn rượu thịt mà nương nhờ người.
Hồn trở về xoay trời đất lại,
Hồn trở về tát hải đập sơn.
Chớ nề gió kếp mưa đơn,
Mà đem gan trọi với cơn phong thần.
Hồn hồi hồn xa gần nghe thấy,
Thì vùng lên kíp dậy mà về !
Hoặc hồn ở chốn thôn quê,
Hoặc là hồn ở phủ kia, lâu này ?
Nước non cũ bấy nay khao khát,
Ngày ấy qua ngày khác lại qua.
Mấy phen lệ nhỏ máu sa,
Mấy phen xót xót xa xa lòng vàng.
Mong hồn tỉnh hồn càng không tỉnh ;
Mong hồn về hồn định không về.
Non sông hồn bỏ lời thề,
Cho non sông chịu trăm bề lầm than.
Hồn hồi hồn ! – Giang san là thế,
Giống Lạc-Hồng tôi kể hồn hay :
Kể từ hồn lạc đến nay,
Đêm đêm khóc khóc, ngày ngày than than.
Cũng có kẻ trên ngàn đố máu,
Cũng có người nương nấu phương xa.

Cũng người bỏ cửa bỏ nhà,
Cũng người lo nghĩ tuyết pha mái đầu.
Cũng có kẻ làm trâu làm ngựa,
Cũng có người đầy tớ con đòi.
Cũng thẳng buôn giống bán nòi,
Khôn thiêng chẳng hời hồn coi cho tường !...
Có mồm nói khôn đường mà nói,
Có chân tay người trói chân tay.
Mập mờ không biết dở hay,
Ừ ừ cạc cạc công này việc kia.

Hồn hời hồn ! – Đêm khuya canh vắng,
Hồn nghe hồn có đặng hay không ?
Tôi đây cũng giọt máu hồng,
Cũng xương cũng thịt con Rồng cháu Tiên.
Trông thấy cảnh mà điên mà dại,
Trông thấy tình mà dại mà điên.
Mà sao không thể ngồi yên ?
Sa câu gan ruột tôi biên mời hồn.
Hồn nghe thấy nên chồn tắc dạ,
Hồn nghe xong nên khá mà về.
Chớ đừng tỉnh tỉnh mê mê,
Chớ đừng đo đản trăm bề sâu nông.
Hồn trở về non sông nước cũ,
Mà mau mau giết lũ tham tàn.
Mau mau giết lũ hại dân,
Túi tham dấm chứa bạc vàng của dân.
Hồn trở về cho dân tỉnh lại,
Không ngu ngu dại dại như xưa.
Không còn khó nhọc sớm trưa,
Không còn nắng nắng mưa mưa dãi dầu.
Hồn trở về mau mau hồn hời !

Hồn trở về tôi đợi tôi mong.
Hồn về tô điểm non sông,
Hồn về dạy dỗ con Rồng cháu Tiên.
Ngọn gió lọt đèn tàn hiu hắt,
Dân không còn nước mắt sao còn ?
Hỡi hồn nước nước non non !
Hồn về tôi sẵn lòng son giúp hồn.
Tôi đây cũng không khôn cho lắm,
Nhưng cũng không dại lắm cho nhiều.
Tôi nay chỉ một lòng yêu,
Nên mong nên mới nên chiêu hồn về.
Hồn hỡi hồn ! – Hồn về hồn hỡi !
Hồn hỡi hồn ! – Hồn hỡi hồn ơi !
Đêm khuya cảnh vắng êm trời.
Khôn thiêng chẳng hỡi hồn ơi hồn về !
Bút viết xong tai nghe miệng đọc.
Miệng đọc xong giọt ngọc nhỏ sa.
Nhỏ sa nên chữ hóa nhòa,
Hóa nhòa nên mới in ra nghìn tờ.
In nghìn tờ mà đưa công chúng,
Công chúng xem mong bụng đổi dần.
Đổi rồi thúc kẻ xa gần,
Rằng mau nên trả nợ nần non sông !..

Nhịp kèn thân ái

Trong những ngày đen tối vừa qua của dân tộc Việt-Nam ta, có một số nhà cách-mạng phải bôn đào ở bên Thái-Lan như các cụ Đặng-thái-Đậu, Đặng-tử-Kính, Mai-lão-Bạng, Lưu-khai-Hồng, Bùi-chính-Lộ, Đặng-thúc-Hứa v.v... Do đó, tinh thần yêu nước của các cụ đã ảnh hưởng rất sâu rộng trong khắp các tầng lớp kiều bào bên nước láng giềng này.

Theo lời các nhà ái quốc ở hải ngoại về, thì Việt-kiều ở Thái-Lan hầu hết hoạt động cách-mạng nên không muốn cho lãnh sự Pháp và nhà cầm quyền Thái biết được hoàn toàn con số cũng như lý lịch về từng người. Vì thế, đối với vấn đề số lượng Việt-kiều ở Thái-Lan, chánh quyền thực dân Pháp ở Đông-Dương trước đây không thể làm sao biết đúng được.

Vậy, các nhà cách mạng tiền bối của dân tộc ta ở bên ấy đã hoạt động ra sao, và làm thế nào để kêu gọi tinh thần ái quốc diệt thù của những anh chị em đồng bào nơi xa đất Tổ.

Để thay vào việc trả lời câu hỏi trên đây, chúng tôi xin hiến quý bạn bài « Nhịp kèn thân ái » này là tác phẩm của một nhà cách mạng tiền bối đăng trên báo « Thân ái » một tờ báo bí mật xuất bản ở Ban Noong-Bùa ở tỉnh Oudonne bên Thái-Lan năm 1928.

Đã là người đứng trong trời đất,
Ai là người không tai mắt thông minh.
Có đầu óc biết nhục vinh,
Cuộc đời há dễ làm thành sao đành.
Việc thế giới bất bình lắm nỗi,
Vận nước nhà chìm nổi đôi phen.
Người sang sao chịu ta hèn,
Người đưa ta phải đưa chen với đời.
Bước tiến thủ lấy ai chỉ đạo,
Cờ tiền phong có báo đưa đường.

« Nhịp kèn thân ái » kêu vang.
Gọi người đang lúc canh trường chiêm bao.
Hỡi gần xa kiêu bào năm vạn,
Cánh bè trôi, chiếc nhận lạc đàn.
Lòng mình tự hỏi mình xem,
Đêm khuya tờ báo ngọn đèn với ta.
Đồng bào hỡi tỉnh chưa ? chưa tỉnh ?
Thù non sông ta tính sao đây.
Đoàn là bạn, báo là thầy, ²²⁹
Được thua hơn thiệt tính bày dạy nhau,
Khuyên ai nấy mau mau tỉnh dậy,
Nhớ lấy câu máu chảy ruột mềm.
Lòng mình tự hỏi mình xem,
Lắng tai nghe lấy nhịp kèn gọi ta !...

Khóc Phạm-Hồng-Thái

Phạm-hồng-Thái chính tên Phạm-cao-Đài (lại có tên nữa là Phạm-thành-Tích). Ông sinh năm 1901 là con trai cụ Huấn-đạo Phạm-cao-Điền ở làng Xuân-Nha, tổng Văn-viên, phủ Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an (Trung Việt).

Ông là người có chí khí cách mạng, nên đang học ở trường quốc học Vinh, bỏ ra Bắc làm trong nhà máy xi-măng của Pháp ở thành phố Hải-phòng để hoạt-động. Năm 1922, ông cùng một số đồng chí xuất dương qua Xiêm rồi qua Tàu. Tại Quảng-đông, ông được các nhà cách mạng kết nạp vào Việt-Nam Nghĩa hiệp đoàn, một tổ chức cách mạng sơ khai vào giai đoạn bấy giờ.

Khi tên Merlin, toàn quyền Đông-dương sang Nhật trở về ghé Quảng-đông, Nghĩa hiệp đoàn quyết định tiêu diệt kẻ thù của dân tộc.

Trong cuộc hội nghị, ông Thái xung phong lãnh trách nhiệm, và được toàn thể anh em tán thành, giao phó cho công việc.

Giả làm phóng viên nhiếp ảnh của một tờ báo Tàu, ông vào được tô giới Pháp ở Sa-diện và đem bom theo trong người được tới tận khách-sạn Vực-đa-duy-Á, nơi đãi tiệc Merlin.

Bom nổ, tên trùm thực dân này không chết. Nhưng ảnh hưởng làm chấn động cả dư luận hoàn cầu.

Còn về phần ông thì bị lính tô giới đuổi bắt rất ngặt, khi chạy đến sông Châu-giang, ông mượn dòng nước xanh để kết liễu cuộc đời. Lúc ấy khoảng độ 9, 10 giờ đêm ngày 19 tháng 6 năm 1924. Ông Phạm-hồng-Thái mới 23 tuổi.

Thi hài ông được các nhà cách mạng Trung-hoa táng chung vào nghĩa địa Hoàng-hoa-Cường với 72 vị liệt sĩ tiền-phong cách mạng của Trung-hoa dân quốc. Trước mộ, có tấm bia đá khắc « Việt-Nam Phạm liệt sĩ Hồng-Thái chi mộ. »

Bài « Khóc Phạm-hồng-Thái » này là của cụ Đặng-tử-Kính một bậc cách mạng tiền bối cùng thời với các cụ Phan-tây-Hồ, Phan-sào-Nam. Cụ xuất dương qua Tàu, qua Xiêm hoạt động, sau mất tại đây. Theo các nhà cách mạng, cụ viết bài này ở Phi-Chật (Xiêm) vào dịp các Việt-kiều ở đây làm lễ kỷ niệm Đệ-tam chu-niên liệt sĩ Phạm-hồng-Thái, tức năm 1928.

Nước Việt-Nam bốn ngàn năm lẻ,
Bảy mươi năm đao để lăm than,
Mịt mù một áng khí oan,
Sông sôi máu chảy non chan lệ sầu.
Hồn liệt sĩ ù ù gió quạt,
Dạ anh hùng tím ngắt lá gan.
Nhớ xưa người ở Nghệ-An,
Là Phạm-hồng-Thái cả gan anh hùng.
Thẹn vì nước mắc vòng tôi tớ,
Giận Mặc-lanh (Merlin) là đứa gian hùng,
Ra tay một tiếng sấm vang,
Năm châu dậy đất Mặc-lanh đi đời.
Tám giờ tối tàu binh ghé lại,
Hắn lặn lên Sa-Diện rong chơi.
Bấy giờ cơ đã tới nơi,
Lòng người có chí thì thời cũng bênh.
Ông khi ấy một mình len lỏi,
Một chiếc thuyền theo dõi bờ sông.
Toàn quyền Đông-Pháp Mặc-lanh,
Hắn lên xe điện thẳng dong cửa hàng.
Thành Sa-diện phố phường đón rước,

Mời vào nhà thết tiệc hoan nghênh.
Ông vào thám thính phân minh,
Lại gần chú lính đang canh nạt đồn.
Tám giờ tối bàn hoàn chưa định,
Việc gấp rồi phải tính mau mau.
Khen người kế hoạt mưu cao,
Tốc ngay cửa sổ ném vào một khi.
Người trong tiệc còn chi đâu nữa,
Chúng kinh hoàng hồn rữa phách tan.
Tây kia mới hết khoe khoang,
Xương tan xác pháo thịt tan bụi hồng.
Chốn Sa-diện một vùng tối mịt,
Thuyền Châu-Giang trăm chiếc đón đưa.
Hy sinh cứu nước bây giờ,
Hồn thiêng cao phất ngọn cờ tự do.
« Anh hùng vị quốc quyền khu » ²³⁰,
Sông Châu-Giang ấy nghìn thu lưu truyền !

Phải tự cường

Bài này của Phạm-tuấn-Tài, một lãnh tụ của Việt-Nam Quốc-dân Đảng viết khoảng năm 1929. Ông người tỉnh Nam-định, làm giáo sư tại trường Đỗ-hữu-Vị Hà-nội.

Năm 1925, ông cùng Nhượng-Tổng Hoàng-phạm-Trân (người làng Phú-kê, huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-định) lập Nam-đồng thư-xã, rồi năm 1927 cùng các đồng chí thành lập Việt-Nam Quốc-dân Đảng.

Năm sau, vì bị tình nghi, ông phải đổi lên Tuyên-quang dạy học. Ở đây, ông thành lập một chi bộ. Năm 1929, ông bị bắt. Thực dân Pháp kết án 15 năm cấm cố rồi đày đi Côn-đảo.

Năm 1936, ông được ân xá về, nhưng được vài tháng thì từ trần vì bị bệnh lao phổi do chế độ « văn minh » của nhà tù thực dân gây nên.

Trông người lại ngẫm đến ta,
Nín đi đứt ruột, nói ra ghen lời !
Than ôi ! Cũng một kiếp người,
Tủi thân trâu ngựa, thiệt đời thông minh !
Trâu cày ngựa cưỡi !
Nghĩ thân mình thêm tủi lại thêm thương !
Cũng thông-minh tai mắt một phường,
Người mắc ách, kẻ giông cương, kỳ quái chữa ?
Thà rằng thế-phách như trâu ngựa,
Khổ nổi tâm-hồn khác cỏ cây.
Nhìn giang sơn khi quắc mắt lúc cau mày,
Tưởng nông nổi đắng cay lòng trắng sử.
Nước đời cay đắng bao nhiêu vị ?
Giống ươn hèn càng nghĩ lại càng thương !
Bảo nhau ta phải tự cường !

Chiêu hồn dân ruộng

Người Pháp sang cai trị Việt-Nam, họ nói là đem văn minh đi truyền bá cho dân tộc ta, và để mở mang nông nghiệp cho xứ này. Vậy họ đã hành-động ra sao ? Thực như thế không ?

Để trả lời một cách xác đáng, chúng ta hãy đọc bài « Chiêu hồn dân ruộng » này của một nhà cách mạng tiền bối ở miền Nam nước Việt.

Nhà cách mạng này là cụ Nguyễn-quang-Diêu hiệu Tử-Ngọc, bí danh Trần-cảnh-Sơn, sanh năm 1880 tại quận Cao-Lãnh tỉnh Sa-đéc. Năm 1910, cụ tham gia phong trào Đông-kinh Nghĩa-thực. Cụ xuất dương qua Tàu, nhưng đến năm 1913 thì bị thực dân Pháp bắt giải về Hà-nội, cụ bị chúng đem đày đi Guane (Nam-Mỹ). Ở đó hai năm, cụ vượt ngục sang Anh. Sau, cụ qua Tàu và bí mật về nước hoạt động lại. Cụ mất tại Tân-Châu (Châu-đốc) năm 1936.

Bài này cụ viết vào khoảng năm 1928, 1929 và rất ảnh hưởng đến tinh thần cách-mạng của nông dân lúc ấy nên thực dân Pháp đã ra lệnh tịch thu bài « Chiêu hồn » này và trừng trị những người nào tích trữ.

Người Nam ta lạ là rất lạ,
Nông nổi này nghĩ đã biết không ?
Mà còn mê mẩn tâm hồn,
Mà còn hờn hờ như phồn trẻ con.
Hỏi đến nước mất còn chẳng biết,
Kêu đến dân Nam-Việt chẳng thưa.
Miễn no bữa sớm bữa trưa,
Ngoài ra ai hiếp ai lừa mặc ai.
Thấy nghèo đói than dài thở vắn,
Có hỏi thời đồ hần cho trời.
Biết đâu muôn sự trên đời,
Kiết hung họa phước tự người làm ra.

Thôi chẳng nói đâu xa lắc lắm,
Nói việc nhà chú gấm mà ghê.
Suốt năm cấy mướn cày thuê,
Lúa đi đâu mất, tiền về tay ai ?
Còn bề chú cả nhà đói rách,
Chủ chú đành ngảnh mặt ngơ tai.
Lúa tiền vay một trả hai,
Cong lưng làm mọi cả đời không cơm.
Đến đôi chú đập rơm tấy mót,
Chủ chú quơ sạch bót chẳng chừa.
Đó là tang tích sờ sờ,
Thế mà chú lại đổ thừa trời sao ?
Chú nghèo đói thế nào mặc kệ,
Phép « quan trên » cứ lệ nỏ đầu.
Thường năm nạp thuế đi sâu,
Chú bằng trể nải ở tù chai lưng.
Một thân chú muôn phần hắt hủi,
Chú tài gì chịu nổi được ai.
Thế mà chú lại kêu trời,
Trời nghe trời cũng buồn cười thế thôi !
Cười vì chú không suy xét kỹ,
Cứ đeo theo năn nỉ trời hoài.
Xem tình trời cũng đeo đai,
Trời liền chua xót phán sai mấy lời.
Phán rằng : « Hỡi dân cày Nam-Việt !
Khéo bơ thờ chẳng biết lo xa.
Vì ai nên nổi sút sa,
Cứ theo trách lẫn trời già chẳng công.
Cơ tạo hóa bay không thấu rõ,
Ngờ rằng ta xui khổ khiến cùng.
Để ta bày hết thủy chung,
Ngõ bay thấu rõ tấm lòng cao xanh.

Lúc ta mới giáng sanh nhân loại,
Định làm cho khỏi hại đói nghèo.
Vun bồi ruộng đất phì nhiêu,
Hóa sanh năm thóc mỳ miều xiết bao.
Cả thế giới xứ nào xứ nấy,
Ruộng đất trời cày cấy làm ăn.
Cầm cân rất mực công bằng,
Lo cho bay được đồng phần ấm no.
Khốn vì phải những đồ gian ác,
Từ Tây dương chiếm đoạt bao la.
Của chung thu gọn của nhà,
Nỡ lòng khắc bạc hành hà chúng bay.
Ta thấy thế chau mày xót ruột,
Định ra tay thay cuộc đổi dời.
Làm cho khắp cả nơi nơi,
Đất chung của sẵn như đời cổ sơ.
Hiềm vì nổi bay khờ khạo quá,
Cứ cam tâm chịu ngã một bề,
Tha hồ kẻ ép người đè,
Đành thân trâu ngựa cam bề đắng cay.
Ví bay chẳng đứa này đứa khác,
Hiệp một đoàn liên lạc với nhau.
Ra tay đánh đuổi quân thù,
Còn chi lũ nó thị hào hiếp cô ! ²³¹
Bởi trên có tham ô chính phủ,
Bênh vực nhà điền chủ hiếp bay.
Khoa trương gươm bén súng hay,
Nào là tàu lặn máy bay thị cường.
Chúng bay muốn trừ phường áp chế,
Ta bày cho một kế rất mầu.
Những là các hạng thuế sưu,

Nó đòi bây cứ yêu cầu xin thương.
Nếu mà nó thị cường ép bức,
Chúng bay đồng kéo rốc nhau ra.
Vợ chồng, con cái, mẹ cha,
Đồng lòng kéo hết đến nha chịu tù.
Chúng bay cứ đâu đâu cũng thế,
Dẫu việc gì cũng dễ như ăn.
Dại gì nằm bẹp chịu lằn,
Mà không cựa quậy nói năng điều gì.
Kìa chẳng thấy dân cày Ấn-Độ,
Cũng cường quyền khắc khổ thế bay.
Găng-Đi nóng ruột ra tay,
Mở đường giải phóng tẩy chay bọn này.
Kêu dân chúng hiệp bầu kết đảng,
Đồng một lòng phản kháng Hồng-Mao.
Xiết bao sôi nổi phong trào,
Cường quyền hăm dọa chẳng nao núng gì.
Các hạng thuế, thuế chi cũng mặc,
Định làm cho bỏ bật mới thôi.
Tẩy chay vừa mấy năm trời,
Hồng-Mao giờ phải nín hơi chịu mềm.
Sao bay cứ êm đềm thế mãi,
Muôn việc đều đổ vãi cho ta !
Nhưng ta đã đạo làm cha,
Nỡ nào thấy thế ngồi mà làm thình !
Đã lắm lúc hiện hình biến tướng,
Để dẫn đường chỉ hướng cho bay.
Hô hào suốt mấy năm nay,
Vẫn trơ như loại cỏ cây vô tình.
Bao nhiêu nổi bất bình bay đó.
Muốn phá mà nào có khó chi.
Mưu ta cứ thế làm đi,

Đồng lòng hiệp sức tức thì được ngay !
Tội gì chịu đắng cay mãi mãi,
Chẳng cất đầu ngó lại người ta.

Kìa như dân ruộng Trung-hoa,
Trước khi nó cũng sút sa khốn cùng.
Cũng điền chủ lường công cướp việc,
Cùng triều đình thuế nghiệt sưu cao.
Tôn-Văn đứng trước hô hào,
Bao nhiêu dân ruộng ồn ào nổi lên.
Bèn vùng vẫy bao phen kịch liệt,
Đuổi Mãn-Thanh trừ tuyệt cường quyền.
Tóm thu ruộng đất chủ điền,
Chia cho công chúng ở yên cấy trồng.
Bởi vì nó đồng lòng hiệp sức,
Mới thành ra khỏi cực khổ nghèo.
Bay đâu kẻ réo người kêu,
Thế sao vẫn cứ nằm queo vậy hoài ?
Mau đứng dậy làm liều một chuyến,
Trên có ta điều khiển sợ gì.
Tôn-Văn kia với Găng-Đi,
Cũng ta biến hóa hộ trì chớ ai.
Bay vốn cũng chân tay, đầu mắt,
Cũng ruột gan, cũng mặt con người.
Thế mà chẳng biết hổ người,
Khum lưng cúi óc cho người trèo lên.
Làm đến nỗi nhớ tên dân Việt,
Để nước ngoài kẻ nhểch người khinh.
Chúng bay muốn cứu lấy mình,
Biết câu trọng nghĩa khinh sinh ²³² mới là.
Việc đời lẽ gần xa chỉ rõ,
Chữ đồng tâm chớ có phôi pha.

Thi hành cho đúng mưu ta,
So cùng dân ruộng Ấn, Hoa kém gì.
Đừng dùn thẳng bàn đi tính lại,
Mà nghi nan rằng bại rằng thành.
Ra tay liệt liệt oanh oanh,
Phá tan giai cấp bất bình ngay đi.
Huống nay đã gặp thì gặp thế,
Dại gì ngồi mà để thất kỳ. ²³³
Mấy lời phán trước đơn trì,
Chúng bay âu phải chép ghi vào lòng. »
Lời Thượng-Đế vô cùng thâm thiết,
Diễn ra đây cống hiến chư tôn.
Nhờ tay truyền bá hương thôn,
Gọi là ba bảy chiêu hồn nông dân.
Cứu sống lại tinh thần tương ái,
Tổ chức thành một dải đồng tâm.
Ra tay rửa trắng thù thâm,
Sao cho khỏi phụ thiên tâm mới là,
Có trời mà cũng có ta...

Vợ chồng nhà nông khuyên nhủ nhau

Bài này cũng của cụ Nguyễn-quang-Diêu, tác-giả bài « Chiêu hồn dân ruộng » viết ra để tác động tinh thần tranh đấu của nông dân miền Nam, và cũng bị nhà cầm quyền Pháp nghiêm cấm mặc dù lời lẽ chỉ bóng gió mà thôi, chớ không có gì là xúc phạm nặng nề đến uy quyền của chúng.

VỢ KHUYÊN CHỒNG

Ngồi suy nghĩ kim lai cổ vãng,
Nghề nông là căn bản nước ta.
Kìa như Mỹ-lợi, Âu-la,
Công thương phát đạt quốc gia phú cường.
Đường kinh tế ngày càng mở rộng,
Xưa cũng phường lao động nông gia.
Khuyên anh liệu trước lo xa,
Tư cơ sắp sẵn phòng ra cấy cà.
Cũng chớ quản ngàn cay muôn đắng,
Cũng chớ nài dài nắng dầm mưa.
Rán mà thức sớm ăn trưa,
Vải bô ẩm cật, muối dưa đỡ lòng.
Muốn năm giống gieo trồng tươi tốt,
Dùng công dày sức tột mới xong.
Lẽ nào làm có, ăn không,
Cuối xuân cày sạ, sang đông trâu thành.
Đừng có tính loanh quanh gì nữa,
Rồi thành ra lầm lỡ thời kỳ.
Vận nhà rủi gặp lúc nguy,
Ra tay lao-động duy trì cho nhanh.
Phần gạo nước đã dành có thiệp,
Lúc rảnh rang sẽ tiếp tay cho.
Giờ tuy bữa đói, bữa no,

May ra bạc đồng lúa kho khó gì.
Đừng rứt rè thế suy lực nhược,
Mà hồng ngay phủ-ngưỡng đạo nhà.
Than ôi ! con dại cha già,
Đói cơm lạnh áo ai mà biết cho ?
Hoàn cảnh lắm gay go đến thế,
Cơ hội này nở để ngồi xem ?
Đồng lòng hiệp sức cùng em,
Đừng lo gánh nặng chớ hiềm đường xa.
Vóc bề liễu tuy là yếu đuối,
Nguyện một lòng dong ruổi cùng anh.
Sạch trừ sâu bọ cỏ tranh,
Sao cho giống tốt kết thành quả ngon.
Hễ có chi đời non cũng dễ,
Khuyên anh đừng bỏ trẻ thời gian.
Ví dầu trời hạn nước tràn,
Đắp bờ khai cống ta toan dự phòng.
Đôi ta quả một lòng như thế,
Tất sau này kinh tế mở mang.
Thân già con dại an nhàn,
Bấy giờ mặc sức thình thang với đời.
Trải gan mật mấy lời gằn bó,
Ở anh ơi ! Nghĩ đó mà coi.
Đã chen đứng giữa đất trời,
Làm trai âu phải đền bồi nợ trai.
Phần trách nhậm ai ai cũng thế,
Phận gái này ghé giữ một vai.
Ôi thôi ! Chớ nghĩ đông dài,
Con người phải chóng ở đời mới ru !
Cày trồng tất phải có thu...

CHỒNG KHUYÊN VỢ

Buồn tha thiết nghe nàng khuyên nhủ,
Bực nổi nhà ử rũ mặt mày,
Nghĩ mình gặp lúc chẳng may,
Nào nề nếm đủ đắng cay mùi đời.
Căm giận muốn vạch trời thử hỏi,
Tội tình chi nghèo đói thế hoài.
Ngày càng quần bách sinh nhai,
Bát cơm manh áo biết ai trông vào.
Nỗi cày ruộng không sao xiết kể,
Mãi phải phường cấy thế cướp công.
Suốt năm tay lấm chân bùn,
Rời ra chẳng có một đồng dính tay.
Kìa chẳng thấy dân cày đâu đó,
Pháp luật bày đãi họ rất khoan.
Chia cho khắp cả dân gian,
Mỗi người mỗi có ruộng nương cày trồng.
Dân lao động vẫy vùng cá nước,
Làm cho phường bán tước co tay.
Người sao vận hội quá may,
Ta sao cảnh ngộ chua cay thế này.
Ý anh muốn sang ngay nghề khác,
Ngõ tránh phường khắc bạc thành gia.
Nhưng xem công nghệ mỗi nhà,
Rõ ra càng lại sút sa lạ đường.
Oán cho kẻ ngồi không ăn sướng,
Biết có mình chẳng tưởng có ai,
Phận đành đành vậy dám nài,
Oan này có một kêu trời nhưng xa.
Nay em đã quyết ra tài gái,
Tiếp tay anh kéo lại nghiệp nhà.
Cùng nhau chia gánh đường xa,
Tuyết sương chẳng quản phong-ba cũng liều.

Vì ta muốn cứu nghèo đỡ ngặt,
Phải đánh liều dẫu dắt nhau đi.
Đồng lòng bí hiểm nhi vi,
Tìm nơi vùng vẫy may khi gặp chiều.
Thôi thì có trèo đèo lặn suối,
Phá rừng hoang khai lối sanh nhai.
Ra tay bới gốc ruộng gai,
Trừ cho tiết giống thảo-lai sạch sành.
Quyền sanh hoạt tự mình chủ lấy,
Ruộng đất ta ta cấy ta cày.
Ví dầu muôn đặng ngàn cay,
Khỏi điều ruộng mướn lúa vay thiệt thòi.
Thế mới gọi văn-hồi sanh hoạt,
Thế mới rằng giải thoát lao-nông.
Trong khi nước túng đường cùng,
Nếu rụt rè mãi còn mong nổi gì.
Kìa chẳng nhớ đương khi Âu-chiến,
Gái trai đồng gánh việc quân doanh.
Sau khi chiến cuộc kết thành,
Nữ quyền phát đạt nổi danh toàn cầu.
Nước đã thế nhà âu cũng thế,
Nhà chẳng tề nước dễ gì an.
Cho hay những khách hồng-nhan,
Truân chuyên làm quán, giang sang làm nhà.
Thôi chớ nghĩ gần xa gì mãi,
Mau đứng lên chuyển bại làm thành.
Muốn cho giải thoát nhân dân,
Liều đem son phấn hy sinh mới là.
Kém gì phụ nữ người ta !

Sà-lim oán

Trong thời kỳ thực dân và phong kiến cấu kết với nhau trên đất Việt-Nam này, đối với dân ta thật không có tội gì nặng hơn là tội dám yêu nước.

Cho nên, những ai yêu nước mà bị lọt vào tay chúng thì không khác chi lọt vào tử địa, là sa vào nanh vuốt cọp beo, khó lòng mà thoát khỏi, vì không lên đoạn đầu đài thì cũng bị rùng thiêng nước độc hay Côn-Lôn, Lao-Bảo, mà tới đâu cũng là « một đi không trở lại » như cảnh tráng sĩ Kinh-Kha khi qua sông Dịch-Thủy.

Nhưng thế thì thế, những con người cách mạng vẫn xem thế là thường, và kết quả bạo lực của chúng vẫn không bao giờ, cũng không thể tài nào làm tắt được lòng yêu nước của người dân Việt-Nam, mặc dù người dân Việt-Nam trong suốt 80 năm qua đã bị chúng giam cầm, giết chóc không biết đến bao nhiêu mà kể cũng chỉ vì cái tội đã làm người yêu nước.

Nay nhắc lại, hẳn chúng ta cũng muốn biết họ đã giam cầm những người vì « tội yêu nước » như thế nào, và tâm sự của những người này ra sao ở trong cảnh nhà lao « văn-minh » của người Pháp cai trị.

Vậy, chúng ta hãy đọc bài « Sà-lim oán » này của một nhà cách mệnh viết ở ngục thất Hỏa-lò Hà-nội vào khoảng năm 1930, tức Vũ-văn-Cảo, người làng Đồng-tải, huyện Yên-lão, tỉnh Kiến-an, Bắc-Việt.

Ngoài ngục thất mưa dồn gió đập,
Trong sà-lim ruột đứt lòng đau.
Ai ơi có thấu cơ mầu,
Thân này hỏi với ngục sâu tội gì ?
Xót nòi giống cố chi đeo vạ ?
Tức non sông ai chả một lòng,
Sao mà bối vết tìm lông ?

Làm cho rẽ Lạc, chia Hồng chưa thôi !
Thần công lý bên trời lẫn mất,
Quỷ văn-minh chập đất làm càn !
Biết đâu mà giải nỗi oan ?
Đã đầy đọa nước lại tan nát nhà !
Nơi cố lý mẹ già thêm ngại,
Chốn tha hương vợ dại càng lo !
Con thì trứng nước ngây thơ,
Nhà không có nóc bây giờ ở đâu ?
Trên chín chữ cao sâu lẽ nghĩa,
Nghĩa trăm năm hương lửa chưa tròn.
Đạo thường lỗi cả với con,
Cái thân đến thế thân còn ra chi ?
Bịt đôi mắt tường vi bốn mặt,
Bó hai chân cùm chặt bốn phương.
Tháng ngày chết một gian buồng,
Nước non thu lại một chuồng ngựa trâu.
Miệng chưa trái cá rau oan trái,
Mũi không quen cứt đất phong trần.
Sói hùm kè gửi chiếc thân,
Biết bao thảm, nhục với quân bạo tàn !
Thảm nhất lúc dao hàn cắt ruột,
Nhục nhất khi lửa nhiệt đốt da.
Trông người đã đỏ mắt hoa,
Mặt mình còn có một ma nào nhìn ?
Thảm nhất lúc mong tin chẳng có,
Nhục nhất khi ngựa cổ trông trời.
Trông trời nào thấy đâu trời ?
Người hàng dây điện một vài lá rung.
Thảm nhất lúc soi khung cửa chớp,
Nhục nhất khi thấy nước da chì.
Râu ria như đuổi xuân đi,

Tiếc xuân ta những nặng vì nước non !
Còn nổi nhục, nhục khôn xiết tả.
Nhục bao nhiêu người hả bấy nhiêu !
Tội gì mà lại đặt điều,
Thân sao đã đủ trăm chiều nhục chưa ?
Thảm nhất lúc nắng mưa thui thui.
Nhục nhất khi chịu chửi xời xơi.
Tận từ người chẳng tiếc lời,
Nghĩ thân vô tội giận đời bất lương.
Thảm nhất lúc thân truồng như nhộng,
Nhục nhất khi kiếp sống ngựa trâu.
Ra vào cấm mặt cấm đầu,
Cúi luôn cả bọn quân hầu, quân sai,
Nhục nhất lúc thầy cai, quan quản.
Xịch cửa vào lục khám trước sau.
Giang san nào có gì đâu !
Cái thìa cái bát cũng thâm đem trình.
Thảm nhất lúc có mình với bóng,
Nhục nhất khi có bóng theo mình.
Sớm khuya ôm khối u tình,
Tháng ngày thêm mối bất bình càng lo !
Lệ hưng phế chưa khô mặt đất,
Sóng tang thương còn ngất ngang trời.
Sống còn khổ lắm ai ơi,
Mà thân hèn yếu là đời lao lung.
Ngẫm thế sự càng nung thân thế,
Ngẫm cơ đồ như xé tâm can.
Giết người là lũ gian ngoan,
Làm cho xẻ ghé, tan đàn như chơi !
Đập song sắt hỏi người ngộ nạn,
Giận sà-lim nhẫn bạn hàm oan.
Giang san này vẫn giang san,

Mà nay còn giữ hương tàn còn thơm ?

Ngoảnh mặt về Nam

Đã gọi là con người yêu nước thì dù xa quê hương đến đâu và có làm gì được phong lưu về vật chất đến đâu, cũng không có giây phút nào khuây đi được nỗi lòng cố quốc.

Cáo chết ba năm quay đầu về núi. Con ngựa Tiêu-sương khi sang đất Tống cũng còn dậm vó nhớ đất Lương. Loài vật còn thế, huống chi con người là giống khôn ngoan hơn tất cả.

Nhắc đến đây, chúng tôi lại nhớ đến một tiệm ăn của người Hoa-kiều ở Chợ Cũ (Saigon) trước đây có treo một bức đại tự đề sáu chữ : « *mỗi phạn vật vong Tổ quốc* » nghĩa là « mỗi bữa cơm ăn, đừng quên nước Tổ ».

Nhưng đó là truyện của người Trung-hoa, người Trung-hoa đi làm ăn buôn bán ở hải ngoại.

Còn người Việt-Nam ta, và người Việt-Nam vì lòng yêu nước phải xa nơi đất Tổ. Những người này có bao giờ quên nghĩ đến tình cảnh cực khổ của giống nòi không ?

Chúng tôi xin đáp : Không bao giờ quên cả. Những người đi tha phương cầu thực còn không thể quên được huống chi là những người đã nguyện đem cả thân mình để dâng cho đất nước.

Muốn biết rõ tinh thần ấy của những bậc người đáng tôn đáng kính ấy, chúng ta hãy đọc bài « Ngoảnh mặt về Nam » này của cụ Hồ-ngọc-Lãm viết ở Trung-Quốc năm 1931. Cụ là một nhà cách mạng của dân tộc ta. Trước cụ có ở Nhật (hình như có tốt nghiệp trường quân sự đại-học Chấn-Vũ). Sau về Tàu, cụ giúp cách-mạng Tàu và làm đến chức Dinh-trưởng (Thiếu tá) trong bộ Tham-Mưu của Trung-hoa Dân-quốc ở Bắc-Kinh.

Tuy xa thế, làm việc như thế, nhưng đối với thời cuộc nước nhà cụ vẫn luôn luôn lóng tai để mắt về. Và bài này cũng là những cảm súc của cụ, của một nhà cách mạng bên ba nơi hải ngoại ở trước những biến cố, những tai họa máu xương đang liên tiếp xảy ra trên cảnh đất nước nhà.

Thường khi ngoảnh mặt về Nam,
Trông về cố quốc chạnh niềm giang sơn.
Tưởng trong nước đang cơn khùng bố,
Đồng bào mình thân có ra chi.
Thịt dao cá thớt thôi thì,
Phen này mặc sức quân Tây chặt vằm.
Chốn ngục thất ngàn trăm oan khuất,
Thịt theo kềm da đứt với roi.
Côn-lôn, Lao-bảo mấy người,
Chân rừng góc bể là nơi chết già.
Lại đến kẻ đem ra hành tội,
Giữa pháp trường một lưỡi gươm theo.
Thân bảy thước nhẹ bao nhiêu,
Hồn chiến sĩ, đạn bay vèo cái xong !
Nghĩ mình cũng đồng trong thanh khí,
Cũng đồng tâm, đồng chí với ai.
Cũng yêu giống, cũng thương nòi,
Cũng chèo non nước, cũng vai sơn hà.
Sao ai chịu vô vàn cực khổ,
Mà thân ta lại được an toàn.
Thân này tạm được bình an,
Dám đâu yên hưởng mà sồn chí xưa.
Làm sao có một lúc nào,
Thúc ran nhịp trống dương cao ngọn cờ.
Về đánh đổ Lang-sa đế quốc,
Để trả thù rửa nhục anh cha.
Lưỡi gươm Tây đã giết ta,

Bây giờ ta lại quay mà giết Tây.
Lại giết luôn cả bầy tầu cẩu,
Chịu cam tâm thờ lũ quốc cừu.
Phá cách mạng, giết đồng bào,
Gây nên khủng bố phong trào ngày nay.
Mới hả dạ người nơi luy tiết,
Mới thỏa hờn ai chết trước mình.
Mới không phụ chí bình sinh,
Mới không uổng cái công trình xuất dương.
Nôm na chấp vá mấy hàng,
Xin người trong hội đoạn trường biết cho.

Tổng ôn thần

Nói đến Vi-văn-Định, Tổng-đốc Thái-Bình trước, hẳn đồng bào ta không mấy ai không biết y ta là một con quỷ khát máu, một tên tay sai rất đắc lực của chính quyền Pháp ở Bắc-Việt.

Kể cái tội tàn dân hại nước, phản nhân đạo của y thì thật khó có bút nào mà tả ra cho siết.

Vì thế người Pháp mới tặng y « đệ tam đẳng Bắc-đấu bội tinh » và chính-phủ Nam triều của Bảo Đại mới gia cho y hàm « Thái tử thiếu bảo, hiệp tá đại học sĩ » để đáp lại « công lao ».

Còn đồng bào, nhất là đồng bào tỉnh Thái-Bình, nơi y ngồi trấn nhậm, thì tặng cho y chức « ôn thần », nên khi rời khỏi Thái-Bình để đi thay Hoàng-Trọng-Phu làm Tổng-đốc Hà-Đông, một chí sĩ vô danh mới có bài « Tổng ôn thần » này phổ biến trong đồng bào và dán ở trước dinh Tổng-đốc Thái-Bình để tiễn chân y đi.

Các bạn đọc bài này sẽ thấy trong những năm làm Tổng-đốc Thái-Bình, y đã đem lại những gì cho đồng bào tỉnh này để xứng đáng làm « quốc gia lương đồng » cùng « dân chi phụ mẫu »... Và khi tiễn chân y đi, những người trong hạt đã phải « bùi ngùi nhớ tiếc » đến bậc nào !...

Vi trùng dịch tả đại-nhân,
Ngài nên hiểu thấu tình dân Thái-bình.
Thái-bình lắm nỗi bất bình,
Vì đói khổ phải biểu tình năm xưa.
Trả lời súng bắn như mưa,
Chín, mười mạng chết còn chưa hả lòng.
Lại còn đốt phá lung tung,
Đồng-nho, Thanh-giám ²³⁴ chỉ trong mấy giờ.
Trâu bò gạch ngói trồng trơ,

Đồng tro vô đạo bây giờ còn nguyên.
Lời cảm tức, tiếng rủa nguyên,
Mấy năm nay vẫn còn truyền tụng nhau.
Mùa này lúa lại bị sâu,
Lấy gì nộp thuế nuôi nhau lúc này.
Quan ông ngài tỉnh hay say ?
Mà không hiểu thấu tình này cảnh kia.
Lại còn vênh váo mũ hia,
Lại còn báo hại dân quê Thái-bình.
Lại còn kiểm chác từng trính,
Còn muốn bữa tiệc linh đình tiễn đưa.
Vi-trùng dịch tả hiếu chưa ?
Mấy nghìn phù thủy ²³⁵ phải đưa tiễn ngài.
Số tiền góp một gấp hai ; ²³⁶
Mấy nghìn bạc ấy của ai hồi ngài ?
Chúng tôi đoán nếu không sai,
Sẽ rút ruột ngắn ruột dài của dân.
Oĩ ôn-thần, hỡi ôn-thần !
Sao không biết nhục tẩm thân râu mày ?
Liệu mà xa chạy cao bay,
Đừng quen kiểm chác vùng này nữa đâu !
Gánh gồng vội cút cho mau !

Vĩnh biệt các bạn ở trong tù

Của Nguyễn-hữu-Tiến một nhà cách mạng ở Nam-Việt bị bắt trong cuộc bạo-động năm 1940, làm trước giờ từ biệt các bạn ở trong tù để lên đoạn đầu đài.

Tử biệt hôm nay có mấy lời,
Giã từ các bạn khắp nơi nơi.
Tinh thần gởi lại cùng non nước ;
Thù hận tung ra ngập đất trời.
Nợ mới đô thành thôi phủ sạch ;
Duyên xưa hải đảo hết mong rồi.
Thăm nhau xin mượn con đường mới,
Trong giấc mộng vàng sẽ gặp nhau.

Khuyến cáo quốc dân ca

Bài này của một nhà cách mạng Việt-Nam ở Đông-Kinh (Nhật-Bản) viết giùm cho Kỳ-ngoại-hầu Cường-Đề gửi về khuyên đồng-bào nên thừa cơ hội trận Thế-giới đại chiến thứ hai, đứng dậy đánh đuổi thực dân Pháp để giành lại chủ quyền và đất đai, nhất là các anh em ở trong quân-đội Pháp nên quay mũi súng lại để diệt thù cứu nước.

Kỳ-ngoại-hầu là cháu 5 đời Đông-cung Hoàng-tử Cảnh, con ông Hàm hóa hương công. Năm 1888, sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt đày đi Phi-Châu, cụ Phan-đình-Phùng sai ông Hồ-quý-Châu bí mật về Huế đem ông ra thay làm Thủ-lĩnh để hiệu triệu quốc-dân. Nhưng đi đến nửa đường, ông Hồ mắc bệnh chết, ông phải trở lại. Khi ấy Kỳ-ngoại-hầu mới có 13 tuổi.

Năm 1903, ông được cụ Phan-bội-Châu và các đồng chí cách mạng cử là hội-trưởng Việt-Nam Quang-phục Hội. Năm 1905, cụ Đặng-tử-Kính bí mật đưa ông sang Nhật học trường Chấn-võ lục quân. Năm 1908, các nhà cách mạng Việt-Nam bị chánh phủ Nhật trục xuất, ông phải qua Tàu, qua Xiêm, trở về Nam-Việt, và đi sang Âu-Châu. Sau một thời gian bôn ba, ông lại trở qua Nhật. Lần này ông được một yếu nhân Nhật là Thủ-tướng Khuyến-dưỡng-Nghị bao bọc và giúp đỡ. Khi Nhật đảo chánh Pháp ở Đông-dương, người ta tưởng ông sẽ được Nhật cho về để thay ông Bảo-Đại. Nhưng mộng ấy bất thành. Rồi sau trận thế chiến thứ hai mấy năm ông mất tại Nhật, di cốt được đem về nước vào khoảng năm 1956.

Bài « Khuyến cáo quốc-dân ca » này viết vào khoảng năm 1944, và theo các nhà cách-mạng thì cũng là một bức tâm thư cuối cùng được ký tên ông để gửi về nước vậy.

Nước mất 80 năm rồi đó
Quốc dân ta có nhớ hay không ?
Kìa xem các nước Á-Đông,
Diễn, Phi đều đã thoát vòng Mỹ Anh !

Chỉ còn có một mình ta đó
Vẫn để cho Pháp nó đè đầu.
Pháp kia còn có chi đâu,
Từ ngày thua Đức đã hầu diệt vong.
Gọi là nước thật không thành nước,
Ấy thế mà vẫn được trị mình.
Vẫn còn bạo ngược hoành hành,
Mà ta lại vẫn trung thành lạ thay.
Làm nô lệ đến ngày nào nữa ?
Đến ngày nay chưa biết chán sao ?
Hồi hăm lăm triệu đồng bào !
Chuyện ta ta phải tính sao bây giờ !
Chẳng lẽ cứ ngồi chờ đến chết
Giương mắt trông của hết dân cùng.
Bảo nhau phải hết một lòng
Phen này ta quyết chẳng dong quân thù.
Ông cha trước bình Ngô, sát Thát
Nòi giống mình hèn nhát chi đâu !
Sao ta lại chịu cúi đầu,
Làm tôi tớ Pháp như trâu như bò !
Mình khốn khổ ấm no chẳng đủ,
Riêng sướng cho một lũ Tây đầm.
Ai người có chút lương tâm,
Nghĩ nông nỗi ấy cũng bầm tím gan.
Nhiều kẻ vì thăng quan tiến chức
Mà nỡ tâm bán nước hại nòi.
Vị tiền cũng lại lăm người,
Cơ hồ khắp nước chim mồi chó săn.
Ai có chí cứu dân cứu nước,
Thì lũ này sửa trước chẳng tha !
Hồi anh em chị em ta,
Hiến thân cho nước mới là quốc dân.

Pháp nó cậy có quân có súng,
Động tí chi giết sống người mình.
Thực thì khổ đỏ khổ xanh,
Trừ bọn quan Pháp, toàn anh em nhà.
Sao không biết đảo qua đánh nó.
Nếu đồng tâm có khó chi đâu.
Người mình mình chớ hại nhau,
Xin quay ngọn súng trở đầu thẳng Tây.
Nay mai sẽ có ngày khởi sự,
Các anh em xin chớ ngại ngần.
Dốc lòng vì nước vì dân,
Giúp ta ngoài sẽ có quân hùng cường.
Nay dân tộc da vàng hợp sức,
Đánh đuổi người áp bức bấy lâu.
Đồng tâm ta phải bảo nhau,
Có ra sức mới ngóc đầu được lên.
Này ! những kẻ có tiền có của,
Chớ của mình mình giữ khư khư.
Đem tiền giúp nước bây giờ,
Có công là sẽ có lời lãi to.
Chẳng hơn cứ bo bo từng cuộn,
Rồi đến thành giấy lộn vứt đi.
Làm giàu cũng phải khéo suy,
Trước là vì nước sau là bản thân.
Nay cơ hội đã gần tới đó,
Quốc dân ta xin cố sức lên.
Nhất là nam nữ thanh-niên,
Chớ quên cứu nước là thiên chức mình.
Đừng say đắm hư vinh vật chất,
Sự vui chơi nên vứt hết đi.
Kìa trông hai nước Diến Phi,
Họ đã độc-lập còn mình thì sao ?

Không lẽ chịu thuộc vào Pháp mãi,
Xiềng xích này ta phải phá ra.
Ta không cứu lấy nước nhà,
Khó mong cái sự người ta cứu mình.
Phải quyết chí hy sinh phấn-đấu,
Vì tự-do rơi máu cũng đành.
Hãy vào « Phục Quốc Đồng-Minh »,
Góp thêm sức mạnh làm thành việc to :
Tranh độc lập, tự do cho nước,
Cho nước mình cũng được như ai.
Đứng trên thế giới vũ đài,
Từ đây cũng có mặt người Việt-Nam.
Bốn mươi năm đi làm việc nước,
Thân già này chưa được truyện chi.
Tuổi nhiều nhưng sức chưa suy,
Thủy chung vì những lo vì nước non.
Cũng chẳng tưởng đến con đến cháu,
Cũng không mong làm chúa làm vua.
Chỉ mưu đánh đuổi quân thù,
Để gây dựng lại cơ đồ nước ta.
Bởi vì thế bỏ nhà sang Nhật,
Mấy mươi năm nếm mật nằm gai.
Đã hay thành sự tại trời,
Gắng công cũng phải tại người mới nên.
Vậy nay có lời khuyên thành thực,
Xin quốc dân hợp sức đồng lòng.
Người xuất của, kẻ xuất công,
Người ngoài vận-động, người trong thực hành.
Sẽ có kẻ giúp mình thêm nữa,
Việc phen này nếu sợ không xong.
Cốt sao ta phải hết lòng,
Thành công sẽ chỉ trong vòng năm nay.

Lá huyết thư cuối cùng

Nội dung bức thư này là lời của cụ Hoàng-hoa-Thám, người anh hùng dân tộc kháng chiến ở Yên-Thế, gửi cho cha nuôi là Bá-Phước để dứt tình phụ tử.

Cụ Thám tục gọi là Đề-Thám, quê ở Bắc-Giang, một tỉnh miền Thượng-du Bắc-Việt. Trước sung vào đội Nghĩa quân chống Pháp rồi theo cha nuôi là Bá-Phước lên Vân-Nam vận động mua khí giới và chiêu mộ binh sĩ. Khi trở về, cụ Thám theo ông Cai-Kinh chống Pháp ở Lạng-sơn. Sau ngày ông Kinh tử trận, cụ thu thập Nghĩa quân đánh phá suốt vùng Vũ-Giang, Quế-Dương, Hiệp-Hóa, Việt-Yên, v.v...

Thanh thế ngày càng rộng. Thấy dẹp mãi không được, thực dân Pháp mới phối-hợp việc hành quân với công tác chánh trị. Tổng-đốc Lê-Hoan được cử ra đặc biệt hành-động chia rẽ, ám sát các cán bộ và tuyên truyền khủng bố dân chúng.

Năm 1893, Lê-Hoan dụ hàng được Bá-Phước. Vì ham tiền của giặc, Bá-Phước đã phản lại cả tình nghĩa núi sông và luôn cả tình nghĩa cha con. Vâng lệnh của giặc và của tên phản quốc Lê-Hoan, Bá-Phước đem tạc đạn giấu theo trong mình vào chiến khu cụ Thám, lấy nghĩa cha vào thăm con, để thừa cơ hội gài tạc đạn giết con, lấy công dâng « nhà nước bảo hộ ».

Nhưng âm mưu bại lộ, cụ Thám tương kế tự kế, mai phục đánh úp. Quân Pháp và lính khố xanh bị thiệt hại rất nặng. Thời gian này vào khoảng tháng 5 năm 1894.

Nguyên do câu truyện là thế, và bài « Lá huyết thư cuối cùng » này là của ông Nguyễn-mậu-Chi, một nhà Nho ở Nam-Định (làm cách mạng bị Pháp bắt đày đi Côn-đảo) nhân sự tích viết ra với mục đích để kích thích tinh thần yêu nước diệt thù của các bạn thanh niên.

Trước đây có một số người vẫn lầm cho là của Tố-Hữu. Nhưng hoàn toàn không đúng. Theo anh em chánh trị phạm được giải-phóng năm 1945 thì bài này ông Chi viết tại Côn-đảo vào khoảng năm 1944.

Đọc mấy lời trong bức thư cha nhủ,
Giòng lệ con hoen ố mảnh nhung y.
Nhớ ngày nào mang chí lớn ra đi,
Trong dĩ vãng cha ghi nhiều kiêu hãnh.
Kìa lưỡi kiếm máu kẻ thù còn dính,
Mà anh hùng tim lạnh bởi hư vinh.
Trong phong ba vùng vẫy bóng nghê kinh.
Ham mỗi béo nạc mình cho ngư phủ.
Nơi rừng xanh tung hoành con mãnh hổ,
Ham mỗi ngon ỏ rữ chốn chuồng con.
Bả vinh hoa làm mất cả tâm hồn,
Và lay chuyển cả lòng son dạ sắt.
Mây Hồng-Lĩnh còn mịt mù u uất,
Sông Nhị-Hà còn chứa chất căm hờn.
Thì đời con là của cả giang sơn,
Dù thịt nát xương tan đâu dám kể.
Rồi những lúc cha vui vầy vị kỷ,
Là khi con rầu rĩ khóc non sông.
Đêm canh trường cha nệm ấm chăn bông,
Nơi rừng thẳm con nằm gai mền mật.
Cha hít thở hương trầm bát ngát,
Pha lẫn mùi máu thịt của lê dân.
Thì mũi con nghẹt thở, cổ khô khan,
Tai vẳng tiếng hồn oan trong thảm cảnh.
Cha, nơi ngực đầy mề-đay kim khánh,
Con, bên sườn lấp lánh kiếm tiên cừu.
Cha say mê bên thiếu-nữ yêu kiều,
Con tận tụy với tình yêu tổ quốc.

Nghĩa là cha đem tài năng trí óc,
Mưu vinh thân là mục đích cuối cùng.
Thì con thề đem xương trắng máu hồng,
Ra cứu vớt non sông là chí nguyện.
Cha với con thế là hai trận tuyến,
Cha một đường mà con tiến một đường.
Thôi từ đây hai chữ cang thường,
Con mở rộng để dâng thờ Tổ quốc.
Buổi đoàn viên thôi cha đừng mong ước,
Cuộc hội đàm là đại bác thần công.
Bức thư đây là bức cuối cùng,
Mà cha chỉ là cha trong dĩ vãng.
Thôi hạ bút cho thâm tình gián đoạn,
Để người đời kết án kẻ gian phi.
Thanh gươm thần ta tuốt sẵn chờ khi...

Nhật Hoàng khóc Hít-Le

Bài này không biết tác-giả là ai mà chỉ biết là một bài thơ trào phúng nhái theo bài cù tam-nguyên Yên-Đỗ khóc cù nghệ Vân-đình Dương-Khuê và làm vào khoảng tháng 6 năm 1945, khi nghe tin quân Đức bại trận, trùm quốc xã Hitler tự tử... để mĩa mai cái tham vọng định chia nhau làm bá chủ hoàn cầu của bè lũ gây chiến.

Nội dung tuy không sâu sắc lắm, nhưng đọc lên, chúng ta vẫn thấy vẫn còn giá trị để rót vào tai cho những kẻ đang bước vào vết xe đổ của bọn Trục : Đức, Ý, Nhật trong thế chiến vừa qua.

Hít-Le thôi bác toi rồi !
Bom bay đạn nổ tơi bời lòng ta...
Nhớ từ thuở xông pha ngày trước,
Trục Tam cường tôi bác cùng nhau.
Tưởng rằng nuốt chừng năm châu,
Ai hay lụn bại biết đâu cơ trời.
Cũng có lúc hẹn lời liên kết,
Cũng có khi găm thét cùng nhau.
Gớm ghê từ trước đến sau,
Liệt oanh chẳng biết trên đầu có ai.
Vốn đã biết bỏ đời là phải,
Vội vàng chi bác phải ra ma.
Chợt nghe tôi những xót xa,
Đương thân bách thắng hóa ra thua đồn.
Cờ chữ « Vạn » không còn phấp phới,
Ai người đem thế giới nhuộm đen ?
Máu tanh không có bạn hiền,
Say sưa không khỏi không phiền không lo
Thơ phát-xít dẫn đo muốn viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa ?

Trời Âu vừa tạnh gió mưa,
Sóng dồn biển Thái, khổ chưa hồi trời !
Quân đổ bộ khắp nơi tua tủa,
Thành Đông-Kinh khói lửa mịt mù.
Nào Nga nào Mỹ tấn công,
Nào Trung-Hoa cũng quyết không chịu lùi.
Bác biết trọn cái đời của bác,
Trục, mình tôi gánh vác sao đang.
Sóng dâng ngập cả ngai vàng,
Khóc tôi khóc bác hai hàng chứa chan...

PHẦN PHÚ VÀ VĂN TẾ

Gia-định thất thủ phú

Mùa xuân năm Kỷ Mùi niên hiệu Tự Đức thứ 12, dương lịch 1859, đồng bào sáu tỉnh miền Nam đang sống trong cảnh thanh bình của đất nước, tình thế bỗng trở nên nghiêm trọng kịch liệt.

Lợi dụng danh nghĩa bảo vệ các giáo sĩ, binh quyền thực dân Pháp do tướng R. de Genouilly từ ngoài Đà Nẵng tiến vào cửa Vũng Tàu, mở màn cuộc xâm chiếm nước ta. Đoàn chiến thuyền lớn nhỏ cả thảy 14 chiếc chở hơn 3.000 lính của hai nước Pháp và Y-pha-Nho tiến lên nhả đạn như mưa vào các công sự phòng thủ và các chiến thuyền của ta. Rồi qua cửa Cần-giờ, tiến sâu vào nội-địa.

Được tin cáo cấp, quan Tổng đốc Gia định là Võ-duy-Ninh hỏa tốc tự đi các tỉnh đem binh về tiếp viện. Nhưng quân lính vì đã thiếu luyện tập từ lâu, lại kém hẳn về tinh thần chiến-đấu, nên chỉ trong hai ngày, thành Gia-định, căn cứ trọng yếu nhất của miền Nam đã bị hạ và bị san thành bình địa. Võ-duy-Ninh tử trận. Liên quân Pháp Y-pha-Nho cướp được 200 khẩu đại bác, 8 chiến thuyền, 20.000 súng tay và gươm giáo, 85.000 kí lô thuốc đạn, 180.000 phật-lăng kể cả tiền lẫn bạc. Chúng phóng hỏa đốt các đồn trại nhà cửa và một kho lúa gạo, có thể nuôi được hàng vạn quân sĩ ăn suốt trong một năm...

Từ đó trở đi, chiến cuộc mỗi ngày một lan rộng, kết quả lãnh thổ và chủ quyền nước ta phải lọt vào tay thực dân Pháp. Nhân dân ta trong 80 năm trời đen tối của lịch sử vừa qua phải sống một cảnh sống làm nô lệ cho ngoại bang sai khiến. Về điểm này hẳn không mấy ai không biết, cũng như việc thành Gia-định bị thất thủ trên kia đã được ghi lại ít nhiều trong sử sách. Song những cái « ghi » ấy chỉ là những cái tóm tắt về chiến-sự mà thôi. Còn về tình cảnh của nhân dân lúc đó ra sao ? mới là việc quan trọng, nhất là tâm trạng của sĩ phu, giới người mà trước đây được coi như là những đàn anh trong nhân dân về phương diện học thuật và tư tưởng.

Nay để trả lời một phần nào về điểm thắc mắc ấy, chúng ta hãy đọc bài « Gia đình thất thủ phú » này của một người tai mắt ở đương thời làm ra – một bài mà nội dung ý nghĩa có tính chất đối lại lập trường của thực dân, nên suốt trong thời gian chúng có mặt trên vũ đài chính trị ở đây, chỉ được khẩu truyền trong nhân dân – Người ấy là cụ Phan-văn-Trị, thường gọi là Cử Trị, một nhà thi văn yêu nước nổi tiếng ở Đồng-Nai, Bến Nghé mà tên tuổi đến nay vẫn còn được nhân dân nhắc nhớ, và mỗi khi nói đến không ai là không phải kính phục. Cụ người làng Hạnh-Thông tỉnh Gia-Định sinh năm 1830, thi đỗ cử-nhân năm 1849, và mất tại làng Phong-Điền tỉnh Cần-Thơ năm 1910.

Thương thay đất Gia định !

Tiếc thay đất Gia Định !

Vực hóa nên cồn ;

Đất bằng nổi sóng.

Tàu khói chạy mây tuôn sông mấy khúc, lở lạt bến Trâu ;

Dây thép giăng nhấp nhóang đất ngàn trùng, ngã xiêu thành Phụng.

Bờ cõi phân chia khác mặt, trông ra như quáng như mờ ;

Non sông dời đổi họa mi, tưởng tới đường mê đường mộng.

Lớp cũ tàn, lớp mới mọc, dọc ngang xe ngựa đất gò bằng ;

Dấu trước lấp, dấu sau bồi, tan nát chợ nhà trời dậy sấm.

Inh ỏi súng rền kinh cửa Bắc, hải hùng trăm họ dứt âu ca ;

Tò le kèn thổi tối trời Nam, man mác năm canh không tiếng trống.

Hào kiêu tìm phương lánh mặt, sa cơ gió hạc lúc hư kinh²³⁷ ;

Anh hùng kiếm chốn ẩn thân, sút thế nước cờ cơn lúng túng.

Từ Bến Thành trải qua Chợ Đũi loài tinh chiên²³⁸ loạn xạ biết bao
nhiều ;

Nơi Chợ Lớn sắp đến Cầu Kho, quân mọi rợ lầy lừng nên quá lắm.

Cầu Bà Nghè cùng nơi Chợ Quán, quân tham tàn đặc ý vênh râu ;

Chùa Cấm thảo trái tới Cây-mai, Phật Bồ-Tát chịu nghèo ôm bụng.

Nơi nơi nổi xóm mới nhà tây,

Chốn chốn lập đồn canh ụ súng.
Ngậm ngùi thay ba bốn làng Gò-vấp, cây cỏ khô, thân thể đều khô ;
Bát ngát nhĩ mười tám thôn Vườn Trầu, hoa trái rụng, người đời
cũng rụng.

Mấy dặm Gò-đen, Rạch-kiến, ngọn lửa thiêu sự nghiệp tan tành ;
Đòi nơi Rạch-lá, Gò-công, trận gió quét cửa nhà trống lỗng ;
Tiếng kêu oan, oan này bởi nước, hồn nhân dân biết dựa vào đâu ;
Thân liêu thác, thác cũng vì vua, xương nghĩa sĩ chất đà nên đồng.
Sông núi đào, mồ xiêu mả lạc, thương thay người thác chẳng yên
phần ;

Đường sá đắp, cửa nát nhà tan, cực bấy kẻ còn khôn nổi sống.
Sau trước vầy đoàn bạch quỷ, dân ta đòi bữa đòi suy ;
Đêm ngày ỏi tiếng Lang sa, thế nó càng ngày càng lộng.
Cờ Thành-Thang sao không thấy phất, bỏ liều con đỏ chông gai ;
Áo Võ-Vương sao chẳng thấy gầy, nỡ để dân đen bùn lấm.
Đầu trung-nguyên tóc hời còn dài, ơn này nhờ có Bá, học Xuân-thu
xin chớ Kiềm Hoàn-công ;

Tay tả nhằm ²³⁹ áo kia khỏi mặc, việc ấy bởi vì ai, đọc Luận-ngữ có
sao chê Quán-trọng.

Bóng xế dặm ngàn mây man mác, nước non này ai cũng thấy buồn ;
Trời chiều chim choc nháy lằng xằng, tình cảnh ấy lòng nào chẳng
động.

Ta nay nhân cảm với cuộc đời,
VẬY NÊN TẢ MỘT BÀI NGẪU VẬN...

Văn tế NGHĨA QUÂN

Năm 1861 sau khi chiếm được Gia-định và đánh hạ được đại đồn Kỳ-hòa, quân Pháp tiến đánh Mỹ-tho, hạ được thành này và chiếm cứ thị xã Gò-công cùng một lượt với hai xứ Tân-an và Cần-giuộc.

Cầm phần vì hành-động của Pháp, các nhà ái quốc của ta gồm có các cụ Trương-công-Định, Phan-văn-Đạt, Hồ-huấn-Hiệp, Nguyễn-đình-Chiêu, Cai-tổng là vân vân... liền tổ chức Nghĩa Quân chống Pháp ở các vùng Tân-an, Chợ-lớn và Gò-công.

Trận thắng lợi đầu tiên và nổi tiếng nhất của Nghĩa Quân là trận đánh úp đồn Cần-giuộc đêm ngày 14 tháng 12 năm 1861. Trận này Nghĩa Quân chỉ với khí-giới bằng tầm vông vạc nhọn, giáo mác, nhưng kết quả giết được một trung úy Pháp, đốt cháy được một dãy nhà Việt-gian, giết và làm bị thương trên 50 tên địch. (Nghĩa Quân chết 27 người.)

Trận này tuy không đạt được thắng lợi hoàn toàn như ý muốn, nhưng chính đó là một chiến công oanh liệt vô cùng trên lịch sử. Chiến công này chỉ có tinh thần anh dũng tuyệt đối phát ra từ ý chí yêu nước diệt thù của những con người hy sinh vô điều kiện cho dân tộc và Tổ quốc mới có thể làm được.

Tinh thần ấy đã biểu hiện trên thực tế ra sao ? Chúng ta hãy đọc bài « Văn tế Nghĩa Quân » này.

Tác giả là cụ Nguyễn-đình-Chiêu, - sinh năm 1822 ở Gia định, đỗ tú tài năm 1843, sau khi bị mù, chuyên sống bằng nghề dạy học và làm thuốc. Khi quân Pháp chiếm Sài-gòn, cụ tản cư về Cần-giuộc, tham gia cuộc khởi nghĩa trên đây. Kế đó cụ giúp các ông Trương-công-Định, Phan-công-Tòng, những vị anh hùng khởi nghĩa chống Pháp ở miền Nam. Sau cụ về ở làng An-đức, huyện Ba-tri, tỉnh Bến-tre và mất năm 1888 – làm cho Bùi-Quang-Diệu thay mặt tuần phủ Gia-định là Đỗ-Quang để điếu tế các vong

hồn trong trận đánh nói trên. Vì thế bài này cũng có tên là « Văn tế Nghĩa sĩ Cần giuộc ».

Tác-phẩm văn chương lịch sử này sau đó được truyền đi các đạo Nghĩa Quân, và bộ Lễ cho đặt đi khắp các tỉnh Trung, Bắc, xem như một bài hịch kêu gọi sĩ phu và nhân dân toàn quốc đứng lên để giết giặc cứu nước. Và cũng là một bài văn chống Pháp đầu tiên ở nước Việt-Nam vậy.

HỒI OI !

Súng giặc đất rền,
Lòng dân trời tỏ.
Mười năm công vỡ ruộng, xưa ắt còn danh nổi như phao,
Một trận đánh Tây, thân tuy mất tiếng vang như mõ.

NHỚ LINH XƯA

Côi cút làm ăn,
Riêng lo nghèo khổ,
Chưa quen cung ngựa đưa tới trường nhung ;
Chỉ biết ruộng trâu ở theo làng hộ ;
Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn làm quen ;
Tập khiên, tập mác, tập giáo, tập cờ, mắt chưa từng ngó.
Tiếng phong hạc ²⁴⁰ phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như
trời hạn trông mưa.

Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét
cỏ ²⁴¹.

Đêm thấy bóng bong che trắng lớp, những muốn ăn gan ;
Ngày xem ống khói chạy đen xì, toan ra cắn cổ.
Một mối xa thư đồ xộ, há để ai chém rắn đuổi hươu ; ²⁴²
Hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó ²⁴³.
Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình ²⁴⁴
Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ.

KHÁ THƯỜNG THAY !

Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ, theo giòng ở lính diễn binh ;
Chẳng qua là dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ.
Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn ;
Chín chục trận binh thư, không chờ bài bố.
Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu, bầu ngòi,
Trong tay dùng một ngọn tầm bông, chi nài sắm dao tu, nón gõ.
Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia ;
Gươm đeo dùng một ngọn dao phay, cũng chém đặng đầu quan hai
nọ.

Chi nhọc quan Quân gióng trống kỳ trống giục, đạp rào lướt tới, coi
giặc cũng như không.

Mặc kệ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào liều mình
như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người đâm dọc, làm cho mả tà mả ái hồn kinh.
Bọn hò trước, lũ ó sau, trời kệ tàu đồng, tàu thiếc, súng nổ.
Những lăm lòng nghĩa sau dùng,
Đâu biết xác phàm vội bỏ.
Một chắc xa trường rằng chữ hạnh, nào hay da ngựa bọc thây ;
Trăm năm âm phủ ấy chữ quy, xá đợi gươm hùm treo mộ.
Đoái sông Cần-giục, cỏ cây mấy dặm sầu giăng ;
Nhìn chợ trường-bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.
Chẳng phải án cướp án gian đầy tới, mà vì binh đánh giặc cho cam
tâm ;
Vốn không giữ thành giữ lũy bỏ đi, mà hiệu lực theo quân cho đáng
số,

NHƯNG NGHĨ RẰNG :

Tắc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta,
Bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó ?

Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương ?
Vì ai xui hào lũy tan hoang, xiêu mưa ngả gió ?
Sống làm chi theo quân tả đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, nghĩ
lại thêm buồn ;

Sống làm chi ở lính mã-tà, chia rượu ngọt, gặm bánh mì, nghe càng
thêm hổ.

Thà thác mà đặng câu dịch khái, về theo tổ phụ cũng vinh,
Hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ.

ÔI THÔI THÔI !

Chùa Lão ngộ năm canh ưng đóng lạnh, tấm lòng son gửi lại bóng
trăng rằm ;

Đồn Tây-dương một khắc đặng rửa hờn, túi phận bạc trôi theo dòng
nước đổ.

Đau đớn mấy, mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong
lều,

Não nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế vật vờ trước
ngõ.

ÔI !

Một trận khói tan,
Nghìn năm tiếc rở,
Binh tướng nó hãy đóng sông Bến-nghé, còn làm cho bốn phía mây
đen.

Ông cha ta còn ở đất Đồng-nai, ai cứu đặng một phường con đỏ.
Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh cũng đều
khen ;

Thác mà ưng đèn miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng mộ.
Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh
muôn kiếp nguyện được trả thù kia ;

Sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành một chữ
ấm đủ đền công đó.

Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân.
Cây nhanh nghĩa khí thấp nên thơm, cảm bởi một câu vương thổ.

HỒI OI !

Có linh xin hưởng.

Cáo-Thị Cần-Vương

Mùa xuân năm Kỷ Mùi 1859, thực dân Pháp bắt đầu nổ súng xâm lăng nước ta, đồng bào 6 tỉnh miền Nam đang sống trong hòa bình, tình thế bỗng trở nên nghiêm trọng.

Cuộc chiến-tranh Việt-Pháp diễn ra, kết quả đến năm 1862, vua quan triều Nguyễn vì bất lực trước việc giữ nước phải ký nhượng miền Đông là Gia-định, Biên-hòa và Định-tường cho Pháp. Theo tinh-thần bản ký nhượng này triều đình phải ngưng chỉ các cuộc nổi dậy để kháng của các sĩ phu và dân chúng lại.

Tuy nhiên lệnh của triều đình là lệnh của triều đình, còn việc để kháng cứ là việc để kháng. Quan quân nhà Nguyễn không còn giữ nổi nước, thì nhân dân phải đứng lên giữ lấy.

Bài cáo-thị này của phong-trào Cần-Vương ở miền Nam ra đời vào khoảng thời-gian ấy và với nội dung tinh thần là quyết để kháng trên. Chúng ta chưa biết rõ Tác giả là ai, nhưng đọc lại sẽ thấy đồng bào ta nhất là đồng bào miền Nam, đã chiến đấu anh dũng và quyết liệt thế nào đối với một lực lượng xâm lăng thiện nghệ đầy đủ binh lương cùng với vũ khí tối tân, mà trong lúc ấy về phần mình chỉ có nón gõ, dao tu, hỏa mai, đạn cúi và một ý chí cứu quốc diệt thù mà thôi...

Lời truyền cáo thị,
Nói với sĩ phu.
Nước Nam ta có mối xung thù ²⁴⁵
Cùng giặc Tây là loài Di địch ²⁴⁶
Bởi chúng nó đem lòng bội nghịch,
Khiến dân mình gặp thuở loạn ly.
Chẳng qua là trời bắt gian nguy,
Cho nên nổi nước nhiều tai nạn.

Đường trị loạn sách xưa còn bản,
Lễ chánh tà đời trước treo gương.
Làm người không nghĩ xét cho tường,
Thà đưa đại lỗi đường cũng đáng.

Nọ thuở Hung-nô đánh Hán, tướng mạnh như hùm, binh đông như
cỏ, cướp ải Lang, giành ải Hồ, tới mãi tường Nô cũng về Nô ;

Kìa khi Đột-quyết quấy Đường, xe đi chật đất, ngựa tể đầy đồng,
phá trấn Bắc, đốt trấn Đông, chùng rã đám Đột hoàn lại Đột.

Xa thơ mới hời còn lộn ruột.
Phong cương này há để chia ba.

NAY TÂY CÙNG TA :

Muôn trùng non nước cách xa,
Trăm việc ở ăn lạ thói.
Tuy lắm tàu đồng ống khói,
Dầu nhiều súng thiếc đạn chì,
Trải sáu tỉnh qua dẹp cõi biên thù,
Hơn trăm trận liên hao ngôi tướng soái.
Đòi xin ba tỉnh, lời nào rằng phải ;
Bắt họa muôn dân, của mấy cho vừa.
Ta hiệp lòng há nhịn thua ư ?
Mọi lẩn chỗ sao đành để vậy ? ...

Ở đâu mà chẳng thấy phá miếu chùa, đào mồ mả, làm những việc
bất nhân

Ở đâu mà chẳng thấy đốt nhà cửa, hãm vợ con, làm những điều vô
đạo.

HỜI OI !

Thành xiêu quách đổ bởi ai gây ?
Ruộng nát vườn tan do lũ ráo.
Lòng lộng cao xanh, há nỡ để dân ta búng xáo ?

Mệnh mông soi xét, lẽ nào cho chúng nó ăn chơi.
Xưa nay ai mạnh qua trời,
Đâu đó vật đều có chủ.

NGỎ NAY

Nơi thần kinh ấy nơi thiên phú ;
Đức kim thượng là đức thánh tông.
Hơn ba mươi tình hội đồng ;
Dư sáu chục năm huệ dưỡng.
Văn võ hiếm người làm tướng,
Man di nhiều nước đến châu.
Nhớ xưa kia chúng đã cúi đầu,
Đến nay lại tay nào trở mặt.

Ở CÁC TỔNG LÀNG !

Chớ thấy chín từng hòa nghị mà tấm lòng địch khái vội quên ;
Chớ rằng ba tỉnh trọn vong mà công cuộc báo cừu nỡ bỏ.
Nhớ mới thuở, rèn mác trường, đương nón gõ, lên đường hăm hở ra
oai ;
Há buổi nay, chạy bạc nén, vén tiền trăm, vào cửa lom khom tạ nó.
Mặt đâu tới lãnh bằng ngày nợ ;
Xác nào ra đầu thú hôm nay ?
Đã thề nguyện hết sức đánh Tây ;
Đâu sợ chết cúi mình theo giặc.
Một đường cái há phân Nam, Bắc ;
Một tóc tơ nữ nhuộm xanh vàng !
Đừng cho thầy Địch thở than,²⁴⁷
Chớ để họ Nhạc cay đắng.²⁴⁸
Ở thủy thổ thấy đều mang nặng ;
Việc thần dân chớ khá lỗi nghi.
Cố bảo nhau gắng giữ lòng bền ;

Đừng nghe chúng ra mà đầu thú.
Chớ thấy Gò-công thất thủ, mà trở mặt hại nhau ;
Đừng rằng Bến-nghe an cư, mà đành lòng theo mọi.
Sao rằng gian, sao rằng nịnh ? – ai muốn hỏi, hãy nhìn tiêu trên mả
Ngụy Khôi ; ²⁴⁹

Đâu là họa, đâu là tai ? – ai muốn hỏi, nên xem bảng tại làng Đa-
Phước. ²⁵⁰

Oan nhường ấy, tình nhường ấy, căm thù nhường ấy, tính sao trả
được mới hài ?

Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, đâu nỡ bỏ đi sao
phải ?

Dẫu có lỡ sát thời, hãy tìm nơi sơn trại mà tụ tập anh hùng, sống vì
vua, thác vì vua, dốc cùng lòng trước sau chẳng trái,

Dẫu có rủi sa cơ, phải xuống dưới tuyền đài, cũng phụng thờ hương
khói, tên còn chép, họ còn chép, để nước danh thơm rọi sáng hoài.

Chớ để xóm làng cho bạch quỷ vãng lai ;

Chớ để phần mộ cho Tây dương phá hại.

Khá ra tay mà vừa cột cái,

Tua găng sức chống đỡ tường xiêu.

Để nghìn năm giăng giặc, vững cơ đồ đất Thuận trời Nghiêu,

Ngõ muôn kiếp miên miên, bền sự nghiệp thư son khoán sắt.

Chữ « đời thiên bất cộng » ²⁵¹ nghĩ căm căm ruột tím gan bầm ;

Câu « giữ quốc đồng ưu » ²⁵² phải khẳng khẳng lòng ghi tạc dạ.

Văn tế Trương-công-Định

Bài này ra đời năm 1864, tác giả cũng là cụ tú tài Nguyễn-đình-Chiêu, nhưng nội-dung kể rõ về sự chiến đấu của người anh-hùng họ Trương hơn bài liên hoàn « Khóc Trương-công-Định » ở phần thi ca trên.

HỒI OI !

Giặc cỏ bò lan,
Tướng quân mắc hại.
Ngọn khói Tây-bang đóng đó,
Cõi Biên còn trống đánh sơn lâm ; ²⁵³
Bóng sao vũ khúc về đâu,
Đêm thu vắng tiếng canh dinh trại ²⁵⁴

NHỚ TƯỚNG QUÂN XƯA

Gặp thuở bình cư
Làm người chí đại.
Từ thuở ở hàng viên lữ, ²⁵⁵
Pháp binh trăm trận đã lâu.
Đến khi ra quân đồn điền,
Võ nghệ mấy ban đều trải ²⁵⁶
Lối đánh giặc tới theo quan tổng, trường thi mô sủng, trọn mấy năm
ra sức tranh tiên ²⁵⁷.
Lúc cuộc tan về ở Tân-hòa, đắp lũy đồn binh, giữ một góc bày lòng
địch khải ²⁵⁸.
Bởi lòng chúng chẳng nghe thiên tử, chiếu đón ngăn mấy dặm mã
tiền ²⁵⁹
Thương bụng dân phải chịu tướng quân, phò gánh vác một vai khốn
ngoại ²⁶⁰.
Gồm ba tỉnh ²⁶¹ dựng cờ phất nghĩa, sĩ phu lắm kẻ vui theo,

Tóm muôn dân gây số mộ binh, Luật định nào ai dám trái.
Văn thời nhờ thương biện, tham biện, giúp các cơ bàn bạc việc
nhưng ²⁶².

Võ thời dùng tổng binh, đốc binh, coi mấy đạo sửa sang khí giới ²⁶³.

KHÁ THƯƠNG THAY !

Tiền bạc ơn chúa, trót đã rõ ràng ²⁶⁴.

Ấn bạc mưu binh, nào còn trể nải,

Chí lắm đốc cờ xuê lộ bố, chói sắc giữa trào ²⁶⁵,

Ai muốn đem gươm báu Can-tương, chôn hơi ngoài ải ²⁶⁶.

HÁ CHẲNG THẤY !

Lũ giặc Lang-sa

Nhiều phương quỷ quái.

Giăng dưới nước tàu đồng tàu sắt, súng nổ quá bắp rang,

Kéo trên bờ mã ní mã tà, đạn bắn như mưa vãi.

Dầu những đại đồn thuở trước, cũng khó toan đề trứng ngàn cân,

Huống chi cô lũy ngày nay, đâu dám chắc treo màn một dải ²⁶⁷.

Nhưng vậy mà,

Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất cũng cam ;

Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.

Rạch-lá, Gò-công mấy trận, người thấy đã kinh ;

Cửa-khâu, Trại-cá các nơi, ai nghe chẳng hãi.

Nào nhọc sức họ Tào biên số ²⁶⁸ lương tiền nhà ruộng, nhờ một câu
hiếu nghĩa lạc quyên ;

Nào nhọc quan võ Khố bình cân, thuốc đạn ghe buôn, quyền bốn
chữ giang thương đạo tải ²⁶⁹.

Núi đất nửa năm ngăn giặc, nào thành đồng lũy sắt các nơi ;

Giáo tre ngàn dặm đánh Tây, là ngựa giáp xe nhung mấy cái ²⁷⁰.

THAN ÔI !

Chí đốc đem về non nước cũ, nghe phen hoạn nạn, cây thương phá
lỗ ²⁷¹ chưa là,

Nào hay trở lại cảnh quê xưa, nhắm mắt lâm chung tấm bảng phong
thần vội oải.

Chạnh lòng quân sĩ, thương quan tướng, nhắc quan tướng, chiu chút
như gà

Bực tri nhân dân, giận thẳng tà, mắng thẳng tà, om sòm như nhái.

Sự thế hồi bên Hồ bên Hán, bao giờ về một mối xa thơ ²⁷²,

Phong cương còn nửa Tống nửa Liêu, sao nỡ hại một viên tướng
soái ²⁷³.

Nào phải kẻ táng sư đầu giặc, mà để nhục miếu đường ;

Nào phải người kiêu chiêu đánh Phiên, mà gây thù biên tái ²⁷⁴.

Hoặc là chuộng một lời hòa nghị, giận Nam-Phiên phải bắt Nhạc-
Phi về ²⁷⁵,

Hoặc là lo trăm họ hoành là, hờn U-địa chẳng cho Dương-Nghiệp
lại ²⁷⁶.

Vì ai khiến dứa chia khăn xé, nhìn giang sơn ba tỉnh luống thêm
buồn ²⁷⁷.

Biết thuở nào cờ phất trống rung, hồi nhật nguyệt hai vùng sao
chẳng đoái ²⁷⁸.

Còn chi nữa, cỗi cô thế riêng than người khóc trượng, nhắm mắt rồi
may rủi một trường không ;

Thôi đã đành, buổi tà dương gấp ghé kẻ day đồng, quay gót lại hơn
thua trăm trận bãi.

ÔI !

Làm ra có ấy, tạo hóa ghét ghen chi ;

Nhắc đến đoạn nào, anh hùng rơi lụy mãi.

Cuộc trung nghĩa hai năm làm đại tướng nhọc nhằn vì nước, nào
hờn tiếng thị tiếng phi ;

Côi AN-HÀ một chức chịu lãnh binh, lầy lắt theo thời, chưa chắc
đâu thành đâu bại.

Khóc là khóc nước nhà cơn biến loạn, hôm mai vắng chúa, thua
buồn nhiều nỗi khúc nhôi ;

Than là than bờ cõi lúc qua phân, ngày tháng trông vua, ngơ ngẩn
một phường tứ đại.

Tướng quân còn đó, các nơi đạo tặc thấy kiêng dè ;

Tướng quân mất rồi, các chỗ nghĩa quân thêm báỉ xái.

Nào đặng mấy hồi nơi thích lý, màn hùm che mắt rằng xuê ²⁷⁹.

Thà chẳng may một giấc chốn tràng sa, da ngựa bọc thây mới phải

²⁸⁰
.

ÔI !

Trời Bến-nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp lúc gian
truân ;

Đất Gò-công cây cỏ ủ ê, cảm niềm thần tử hết lòng trung ái.

Xưa còn làm tướng, dốc rạng đời hai chữ bình Tây.

Nay thác theo thần, xin dựng hộ một câu phúc thái.

Văn-tế lục-tỉnh tử-sĩ đàn

Bài này của cụ Nguyễn-đình-Chiêu. Cụ làm để tế chung tất cả các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong các cuộc chống Pháp ở miền Nam. Cụ sáng tác vào năm tháng nào hiện nay không còn ai nhớ rõ.

Theo tục truyền, sau khi bình định xong miền Nam, thực dân Pháp nghe tiếng cụ là người được nhân-dân kính trọng, nên họ tìm cách đem danh lợi lôi kéo cụ để thu phục lòng dân.

Trước tiên, họ bày tỏ cảm tình bằng những bài ca tụng cụ trên báo Pháp xuất bản ở Sài-gòn và ngỏ ý muốn săn sóc đến đời sống của cụ. Nhưng cụ thẳng tay từ khước.

Nhiều viên chức cao cấp Pháp, Nam muốn tìm gặp. Song cụ đều từ chối hoặc cáo bệnh, hoặc trả lời đi vắng. Bất đắc dĩ phải gặp trường hợp ngồi tiếp như với M. Ponchon, chủ tỉnh Bến-tre, thì cụ giả vờ là điếc và không còn trí nhớ.

Thấy lôi kéo không được tên Thống-đốc Nam-kỳ lại cho tên chủ tỉnh Bến-tre đến báo tin cho biết, chánh phủ « tân trào » đã xét và hoàn lại những đất của cụ ở làng Tân-Thới, tỉnh Gia-định, nên cho người về nhận. Cụ mỉm cười trả lời :

— Nước mất còn không đòi được thì lấy ruộng làm gì, tôi không nghĩ đến chuyện ấy.

Tên chủ tỉnh Bến-tre lại hỏi cụ muốn gì, nhà nước sẽ giúp cho, cụ nói :

— Nếu nhà nước đã nghĩ đến như vậy thì xin hãy cho tôi được điều tế một tuần những vong hồn người Việt mộ nghĩa, tôi chỉ mong ước được một điều ấy thôi.

Tên chủ tỉnh bằng lòng, nhưng đề nghị để phần tổ chức thuộc về y.

Cuộc lễ đáng lẽ vào ngày mai, thì trước đó một ngày, vào buổi chiều, cụ ra nhà lồng chợ, sai con thắp một bó nhang trên bàn thờ để mấy chén nước lạnh, rồi phủ phục đọc bài văn-tế này.

Dân chúng kéo đến xem rất đông, cụ đọc đến đâu, ai nấy đều sa lệ đến đó. Đọc xong, cụ nằm vật ra khóc và xiu. Người nhà phải lại vực xuống thuyền chở về.

Sáng mai, tên chủ tỉnh Bến-tre cho người đem cờ xí, lễ vật xuống để tổ chức theo chương trình đã xếp đặt trước, thì công việc đã rồi.

Sở dĩ cụ phải làm như vậy là để nắm vững lấy mục đích và ý nghĩa của cuộc tế, không để bị xuyên tạc và lợi dụng theo cái gọi là giúp đỡ của chính-phủ thực-dân. Nghĩ thật là đáng kính phục vậy.

HỒI OI !

Tủi phận biên manh ²⁸¹

Căm loài gian tặc !

Ngoài sáu tỉnh hãy ngời câu án đồ ²⁸², dân nhờ vua đặt lễ sống vui.

Trong một phương sao mắc chữ lục trầm, người vì nước rủ nhau chết ngật.

Nhớ linh xưa.

Tiếng đồn trung nghĩa đến xa,

Thối giữ cương thường làm chắc.

Từ thuở Tây qua cướp đất, xưng Tân trào ²⁸³ gây nợ oán cừu ;

Chẳng qua dân mắc nạn trời, hoài cự chúa ²⁸⁴ mang lời phản trắc.

Các bậc sĩ, nông, công, cổ, liền mang tai với súng song tâm ²⁸⁵.

Mấy nơi tổng, lý, xã, thôn, thấy mắc hại cùng cờ tam sắc.

Bọn tam giáo quen theo đường cũ, riêng than bất hạnh làm nghèo ²⁸⁶,

Bày cừu lưu cứ giữ nghề xưa, thâm tủi vô cô chịu cực ²⁸⁷.

Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo.
Tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật.
Kể mười mấy năm trời khốn khó, bị khảo, bị tù, bị đầy, bị giết, trẻ
già nào siết đếm tên,
Đem ba tấc hơi mọn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc
rừng, quen lạ thấy đều rơi nước mắt.

KHÁ THƯƠNG THAY !

Dân sa nước lửa chầy ngày,
Giặc ép mỡ dầu hết sức.
Đành những kẻ cha thù anh oán, nhẩy vòng báo ứng đã cam ;
Cực cho người vợ yếu con cô, gây đoạn thảm sầu không dứt.
Man mác trăm chiều phận sự, sống những lo trả nợ cho đời,
Phôi pha một mảnh hình hài, thác rồi bỏ làm phân cho đất.
Nghĩ nổi anh hùng nạn nước, bãi khô lâu nào kẻ khóc than !
Tưởng câu danh lợi luân đời, trường quy lụy mặc ai náo nức.

ÔI !

Lòng nghĩa dân thảo với ngô quân,
Tiếng nghịch đảng lỗi cùng địch vức ²⁸⁸.
Gần Côn-lôn, xa Đại-hải, máu thây trôi nổi ai nhìn ?
Hàng cai đội, bậc quân cơ, xương thịt rã rời ai cất ?
Sống thời chịu tuyết sương trời một góc, khó đem sừng ngựa chịu
quy kỳ ²⁸⁹.
Thác rồi theo mưa ngút biển muôn trùng, khôn mượn thơ nhân đem
tin tức.
Thấp thoáng hồn hoa bóng quế, lòng cố hương gửi lại bóng trăng
rằm.
Bơ vơ nước quý non ma, hơi âm sát về theo luồng gió bắc.

NHƯ VẬY THỜI

Số đầu theo sáu nẻo luân hồi ²⁹⁰,

Khí sao để trăm năm uất ức ²⁹¹.

Trời Gia-định ngày chiều rạng ráng, âm hồn theo con bóng ác vật
vờ ;

Đất Biên-hòa đêm vắng sao lu, oan quỷ nhóm ngọn đèn thần hiu
hắt.

An-hà quận đang khi bạch trú ²⁹² gió cây vụt thổi, cát bụi tung, con
trốt dậy bên thành.

Lòng Trường giang mỗi buổi hoàng hôn, khói nước xông mù, lửa
đốm nhang, binh ma chèo dưới vực.

ÔI !

Nhìn mấy chặng cờ lau, trống sấm ²⁹³, mĩa mai trận nghĩa gợi binh
tình,

Thảm đôi ngàn ngựa gió, xe mây, mừng tượng vong linh về chiến
luật.

Người lạc phách theo miền giang hải, cung ngao lâu thần, đành một
câu thân thế phù trầm.

Kẻ du hồn ở chốn sơn lâm, lũy kiến đồn ong, còn bốn chữ âm
dương phảng phất.

TRỜI ĐẤT ƠI !

Sống muốn cho yên,

Thác sao rằng bức,

Dẫu sớm thấy ngọn cờ điều phạt, ²⁹⁴ phận thần dân đâu chẳng toan
còn ;

Chưa kịp nghe tiếng trống an ninh, ²⁹⁵ nghĩa quân phụ nào dè thác
mất.

Hoặc là sợ như đất triều Tần mộ Sở ²⁹⁶, cuộc can qua sống ở những
ghê mình ;

Hoặc là lo như trời nam Tống, bắc Kim, đường bình cách thác đi cho khuất mắt ²⁹⁷.

Tiếc non nước ấy, nhân dân nhường ấy, gây sự này nào thấy phép tầy oan ;

Biết cha mẹ đâu, tộc loại ở đâu, chạnh tình đó mới ra ơn điều tuất ²⁹⁸.

Tuy uống mạng, hãy chờ khi sách mạng ²⁹⁹, sẵn vòng quả báo vẫn vương,

Song oan hồn chưa có kẻ chiêu hồn, khiến tấm linh bài ³⁰⁰ bức tức.

Nhớ phận áo cơm đất nước, trọn mấy năm ngóng cổ trông quan ³⁰¹,

So bề mồ mả ông cha, còn hơn đưa đành lòng theo giặc.

NGHĨ NAY

Cám cảnh nam trung,

Trách lòng tạo vật,

Ví như Vĩ sinh đời Đông Tấn nay đánh Hồ, mai dẹp Yết, thời phơi gan trong đám tinh chiên ³⁰²,

Nào phải dân ở cõi U-yên, sớm đầu Hạ, tối đầu Liêu, mà trải mặt bên đường kinh-cúc ³⁰³.

Phải trời cho mượn cán huyền phá lỗ,

Trương tướng quân còn cuộc nghĩa binh.

Ít người đặng xem tấm bảng phong thần,

Phan học-sĩ hết lòng mưu quốc ³⁰⁴.

Muôn dặm giang sơn trào thánh đỏ, giang sơn còn hơi thánh hãy còn,

Ngàn năm hồn phách nạn dân này, hồn phách mất tiếng dân nào mất !

Dẫu nặng ơn nhuần khô cốt, cơn trị bình nào thấy đạo Vương ³⁰⁵,

Muốn cho phép với linh hồn, buổi ly loạn khôn cầu kinh Phật ³⁰⁶.

ÔI !

Trời xuống nàn quý trắng mấy năm ;
Người uống hận tuổi vàng lắm bức.
Cảnh Nam thổ phơi màu hoa thảo, động tình oan, nửa úa nửa tươi ;
Cõi Tây thiên treo bức vân-hà, kết hơi oán, chạng thừa chạng nhạt.
Ngày gió thổi lao xao tin dã-mã ³⁰⁷ thoát nhóm thoát tan, thoát lui
thoát tới, như tuồng bán dạng tinh linh.
Đêm trăng mờ giéo giắt tiếng đề quyên ³⁰⁸ nhường hồn nhường oán,
nhường khóc nhường than, đòi đoạn tỏ tình oan khuất.
Xưa nghe có bến sông Vị-Thủy, lấy lễ nhân đầu, tế đảng hồn oan ³⁰⁹,
Nay biết đâu bãi cát Trường-sa, mượn của âm phủ, độ bè quỷ ước.
Đốt lọn nhang trần, trời đất chứng, chút gọi là làm lễ vãng vong,
Đọc bài văn tế, quỷ thần soi, xin hệ đó theo đường âm chất ³¹⁰.

Tứ Thành thất thủ phú

Phạm Văn Nghị hiệu Nghĩa Trai, là một nhà giáo, nhà thơ và là một viên quan nhà Nguyễn theo đường lối kháng Pháp ở thế kỷ 19. Ông làm bài phú « Tứ thành thất thủ » kể lại việc Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất.

... .. ³¹¹

Họa là trời sanh thánh đế, theo vua Tuyên ³¹² nổi trận huy qua,
Cũng vì nước sẵn anh hùng, so ông Mục ³¹³ giơ tay trương ná.
Nào những kẻ xông pha trận địa, cờ công huân còn rực rỡ y thường.
Nào những người chống vững cô thành, miếu trung liệt vẫn ngọt ngào hương hỏa ;

Tuy trải đời xa cách, mảnh gương trung còn soi kẻ gian hùng,
Đúng muôn kiếp khôn thiêng, chiếc gương báu mượn lấy đầu phản trá.

NAY MỪNG :

Vua sẵn tính cao,
Tôi sum tài lạ.
Văn thì ông Cử, ông Nghè, ông Hoàng, ông Bảng, khoa trước khoa sau ;

Võ ròng ông Quản, ông Lãnh, ông Thống, ông Đề, phẩm kia phẩm nọ.

Có mũ, có xiêm, có cờ, có biển, rõ ràng khoa mục phong lưu.
Nào phủ, nào việt, nào ủng, nào hia, chỉnh chệch triều đình danh giá.
Gươm bạc tô đầu hổ, dàn trước mặt cũng oai linh,
Lọng xanh kéo cổ gà, che trên đầu càng nghiêm nhả !
Kẻ ở ngoài biên ra sức, chí giốc Tôn, Ngô ³¹⁴
Người vào trong các bày mưu, mắt không Đồng, Giả. ³¹⁵
Văn võ ấy mà giang sơn ấy, dẫu hùng binh Ô-Mã ³¹⁶ có làm gì ?

Thành quách này lại giáp binh này, dẫu cường lỗ Hoàng-Sào coi chẳng sá !

Quái nhĩ Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình, Hà Nội, thành vàng áo nóng mấy lần ! ³¹⁷

Kìa như Tổng-đốc, Bối-chánh, Ân-sát, Lãnh-binh, tiền bổng gạo lương bao tá ?

Sao thấy thẳng đầu trọc, răng trắng, gồi run như mắc chứng phong kinh ?

Sao thấy thẳng mũi lõ, tóc quăn, mặt xám lại như hình lô dĩ.

Nghe cửa Tiền rầm pháo nổ, ngọn cờ theo gió phất xuôi ;

Mở nẻo Hậu cho quân lui, bỏ giáo rơi đường tơ tã.

Nghĩ trộm ra ngoài là phúc, quân bao dạn mặt dạn mày ;

Mừng thâm thoát nạn là may, thế cũng nhờ mồ nhờ mả !

Có trách chi những người phủ huyện, giặc nào đòi quả ấn đem dâng

;

Có trách chi những kẻ thân hào, sóng chữa cả, mái chèo đã ngã.

Thôi những là nào Nghè, nào Cử, cờ tam tài ³¹⁸ ra sức chào mừng ;

Cũng không nên chốn nọ, chốn kia, chiếu tứ khoảnh ³¹⁹ tranh nhau truyền tả.

Nghĩ đi đã ngán cho đời ;

Xét lại càng thêm tức dạ.

Người tai mắt đứng trong thiên địa, đạo không còn một chút một ly

;

Khách tấn thân ³²⁰ xử chốn cương thường, nghĩa coi nhẹ như rơm như rạ.

Nào những lúc quay mặt chào hướng Bắc, ³²¹ đã mừng thâm cá nước rỗng mây,

Sao đến khi đem đầu lạy quan Tây mà chẳng hổ bằng vàng bia đá ?

Nào những lúc đeo quyền, đeo ấn ³²², đã lăm le vượt khỏi Trương, Hàn, ³²³

Sao đến khi bỏ tình bỏ thành, lại ngơ ngẩn như thẳng Man-Xá ? ³²⁴

Dầu thấp hèn răng lính, răng binh, răng phu, răng tráng, cũng không
nên dạ cá lòng chim ;

Huống rõ ràng là vua, là tôi, là cha, là con, sao như thể người đứng
nước lã ?

THƯƠNG ÔI !

Bảy ba năm áo dày cơm nặng, xiết bao bể rộng non cao ;
Một chớp nhoáng đất lở trời long, mới biết kẻ hư người khá.
Trong bốn tỉnh biết bao ông cả, há rằng không có chí can thành ;
Giữa tháng mười chưa hết ba tuần, sao bỗng nở rời tay then khóa ?
Hay là vốn không chi đánh, thét gào rằng gò, rằng u chỉ giơ súng
sậy hò voi ;

Hay là vốn sẵn chước hòa, lẩn quẩn xin côi, xin chày, quen dắt bò
vàng đón cửa ?

Hay là rửa tính mê chưa sạch, tham bạc rằng, tham sống cũng rằng ;
Hay là lằm chi cả chưa khôn, khiếp chết rửa, khiếp Tây cũng rửa ?
Hắn có lòng son dạ sắt, lập trận kia, bày trận nọ, dầu giặc trời khôn
ẩn lánh thiên đường ;

Bởi vì chí đọa khí ngu, thấy giặc sợ, nói giặc kinh, để cường bạo
quấy hôi miền Nam-thổ.

DẶN AI :

Theo dấu y thường,

Vực xe lang hổ.

Vì nước thủy chung cùng nước, họa là thiên hạ bao dung ;

Giữ thành sống chết cùng thành ; chớ để giang sơn hàm nộ !

Văn-tế tướng Ngạc-Nhi

Ngạc-Nhi tức là Francis Garnier, tên tướng thực dân Pháp từ Sài-gòn được phái binh đem ra Hà-nội để can thiệp vào vụ J. Dupuis không được nhà cầm quyền ta cho phép chở hàng lên Vân-Nam bằng đường sông Hồng-Hà, để xâm chiếm Bắc-Kỳ. Y ra lệnh đánh thành Hà-nội, và sau đó bị quân Cờ Đen phục kích giết chết ở Cầu Giấy (ngoại ô Hà-nội) như đã nói ở trong bài « Hà thành thất thủ ca ».

Theo cụ Phạm-trung-Hợp (tức Đỗ Huyền) người làng Dũng-quyết, huyện Ý-Yên, tỉnh Nam-Định (Bắc-Việt) là môn đệ của cụ Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền, và đã từng tham gia phong trào Văn-thân kể lại thì bài văn tế này của cụ Tam-nguyên Nguyễn-Khuyến người làng Yên-Đỗ, huyện Bình-Lục, tỉnh Hà-Nam (quê cụ Tam-Nguyên và quê cụ Phạm-trung-Hợp ở gần nhau, và hai gia đình vốn có tình thế giao). Và nguyên do được kể lại rằng : Sau khi ký hòa ước Việt-Pháp, các quan ta tại Hà-thành mới tổ chức một cuộc lễ truy điệu Francis Garnier để lấy lòng người Pháp. Quan Tổng-đốc Hà-nội là Trần-đình-Túc, người sợ Tây khét tiếng, cử cụ làm một vài văn tế. Cụ phải nghe lời, vì đây dù sao đi nữa, cuộc tế này cũng do lệnh cửu trùng.

Bài văn tế này rất ngắn, nhưng rất lạ, nhất là thoát hẳn với các thể tài văn tế khác xưa nay, kể cả nội dung lẫn hình thức, và rất sát với thực tế, với những nét đặc biệt của một tên thực dân.

Lời văn thật là bình dị và mỉa mai, suốt cả toàn bài không có một điển tích hay một sáo ngữ nào.

Bảo rằng là tế. Nhưng thật là gọi ra mà chửi. Nhất là lại bảo « ăn no uống say » để rồi « nằm cho yên ỗ » thì có khác nào như bảo lũ chó chết.

Bài này tuy sau không có sách báo nào dám in, song còn được là do sự truyền tụng của đồng bào. Đồng bào đã thích, đã đọc, đã ham mê thì có

trời mà cấm.

Ô HÔ !

Cái mắt ông xanh,
Cái da ông đỏ,
Cái tóc ông quăn,
Cái mũi ông lõ.
Đít ông cười lừa,
Miệng ông huýt chó,
Lưng ông đeo súng lục liên,
Chân ông đi giày có mỏ.
Ông ở bên Tây,
Ông sang bảo hộ,
Ông dẹp Cờ đen,
Để yên con đỏ.

NÀO NGỜ

Nó bắt được ông,
Nó chặt mất sỏ.
Cái đầu ông kia,
Cái mình ông đó,
Khốn khổ thân ông,
Đù mẹ cha nó.

TÔI

Vâng lệnh quan trên,
Cúng ông một cỗ :
Này chuối một buồng,
Này rượu một hũ ;
Này xôi một mâm,

Này trứng một rổ.
Ông có linh thiêng,
Mời ông sơ hộ.
Ăn no uống say,
Năm cho yên ỗ.
Ơi ông Ngạc-Nhi ời !
Nói càng thêm khỗ !

Hịch Cần-Vương

Bài này của cụ nghệ Tống-duy-Tân viết năm 1885 sau khi kinh thành Huế thất thủ. Tôn-thất Thuyết hộ giá vua Hàm-Nghi ra vùng Nghệ-Tĩnh để mưu đồ kháng chiến.

Cụ nghệ Tống người làng Bồng-Trung, phủ Quảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa (Trung-Việt) là một lãnh-tụ của phong trào Cần-Vương chống Pháp, đã cùng với Đinh-công-Tráng thành lập chiến-khu Ba-Đình và đánh cho Pháp những trận đòn chí tử.

Sau khi chiến khu Ba-Đình bị triệt hạ (1887) cụ chạy ra Bắc, rồi năm 1889, lại trở về Thanh-hóa lãnh-đạo cuộc kháng-chiến ở Nông-Công. Được hơn một năm, cụ bị tên học trò Cao-ngọc-Lễ làm phản, ra hàng giặc, chỉ chỗ cho bọn chúng bắt cụ. Cụ bị hành hình ở Thanh-hóa ngày mồng 3 tháng 9 năm 1892. Thân sĩ đương thời tiếc cụ vô cùng, và thù ghét cái dã tâm của tên Cao-ngọc-Lễ nên có câu đối rằng :

*Vô địa khả mai Cao-ngọc-Lễ,
Hữu tiền nan mãi Tống-duy-Tân.*

Nghĩa là không chỗ đất nào để có thể chôn Cao-ngọc-Lễ được, dầu « có bao nhiêu tiền cũng không thể mua được người như Tống-duy-Tân vậy.

... ..

... ..³²⁵

Tưởng nổi thái hòa tại vũ, bề khuông phù phó mặc khách thiên
chung³²⁶

Đến khi di địch loan Hoa, xướng tiết nghĩa phải ra tay lục quán³²⁷.

Nhà hầu đở con còn biết chống, đâu để cha cậy cổ Tôn, Ngô³²⁸

Nước đang nguy tôi phải ra phò, há phiền chúa nhờ tay Pha, Mực³²⁹.

... ..

Lỗ-trọng-Liên nghĩa bất đế Tần, phận nho giả mà lòng lo vũ trụ ; ³³⁰
Văn-thiên-Tường trung phù nhà Tống, bước lưu ly để vai gánh
cương thường.

... ..

... ..

Vua còn đang diên bái long đong ;

Ta há lẽ chiêm cừ hạt hạ ³³¹.

Trước đã có ba nghìn hồ bá, giúp rồng bay còn giữ khói lang,

Sau lại thêm hai cỡi tắm ăn, đoái tả trạch còn ghi dấu thỏ.

Câu kiến nghĩa bất vi vô dũng,

Chữ tội nhân giai đặc nhi chung.

Giận man đi tìm thói cừu Chu ³³² ;

Ghét tả đạo bàn mưu trợ Kiệt ³³³.

... ..

... ..

Nếu để Tây-dương đắc chí, ngũ kinh không khỏi lửa Tần ;

Bằng cho Pháp tặc hoành hành, bách tính ắt treo cửa Khổng.

... ..

... ..

... ..

Văn-tế ông Cao-Thắng

Cao-Thắng là một tướng tâm phúc và thao lược nhất của Phan-đình-Phùng, người anh hùng dân tộc đã lãnh đạo 10 năm kháng chiến ở vùng Thanh Nghệ Tĩnh. Ông người làng Lệ-động, huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh. Khi cụ Phan khởi nghĩa, ông cùng em là Cao-Nữu và bạn là Nguyễn-Kiều ra theo, được phong chức quản cơ. Lúc cụ Phan thua quân phải tạm lánh ra Bắc, ông ở lại củng cố quân lực, gây dựng cơ sở và mở xưởng làm súng theo kiểu Âu Tây, rồi cho người đem mật thư ra Bắc đón cụ Phan về để tiếp tục kháng chiến. Ông lập được nhiều chiến công oanh liệt làm chấn động dư luận khắp nơi. Nhưng đến khoảng tháng 10 năm 1893, ông đem quân đi đánh thành Nghệ-an thì chẳng may bị đạn mà mất. Năm ấy mới 29 tuổi. Thi-hài ông được Nghĩa quan đem an táng tại núi Ngàn Tươi (tức Vụ-Quang).

Bài văn tế bằng quốc âm sau này là bài cụ Phan sai ông Võ-Phát (đầu cử nhân Võ, nhưng rất giỏi văn chương, theo cụ Phan đóng quân ở Kỳ-anh, sau thất trận bị bắt rồi bị chém tại Thừa-Thiên) làm để tế trong ngày lễ phát tang.

THAN RẰNG :

Thanh bảo kiếm mười năm sẵn có, dẫu anh hùng dùi mài mãi chưa thôi ;

Áng hung trường một phút như không, con tạo hóa ghét ghen chi lắm thế !

THÔI THÔI !

Cửa tía lâu vàng đành kẻ khuất, đem thân bách chiến, để tiếng thơm cho vẹn cuộc trần ai ;

Súng đồng gươm bạc mặc người còn, truyền lệnh tam quân, đốc chỉ cả để xây nền bình trị.

Thương ôi là thương !
Kể sao xiết kể !

Danh sơn Lương Ngọc Phú

Bốn chữ « Danh sơn lương ngọc » này là đầu đề một bài phú của các quan tỉnh Bình-Định khảo hạch học trò năm Ất Tỵ, dương lịch 1905. Khi ấy các cụ Trần-quý-Cáp, Phan-chu-Trinh, Huỳnh-thúc-Kháng và ông Tú Huỳnh-thường-Trung (người Phú-Yên, học trò của cụ Trần) trên đường vào Nam để hoạt-động cách-mạng, tới Bình-Định, các cụ thấy các quan Đốc tỉnh này đang sát hạch học trò toàn tỉnh bằng đầu bài phú ấy và bài thơ « Chí thành thông thánh ». Các cụ liền ghé vào thi để mượn những đề tài này tỏ nỗi lòng trước thời sự, và đánh thức đồng bào đang mê ngủ. Các cụ ký tên là Đạo-mộng-Giác, cụ Phan thì làm bài thơ « Chí thành thông thánh ». Còn hai cụ Trần, Huỳnh thì làm bài phú này giao cho ông Tú Trung viết, rồi do một người quen đem nộp lẫn vào với các quyền của các thí sinh khác.

Các quan tỉnh Bình-Định khi chấm đến những bài này, ai nấy cũng vừa xấu hổ vừa tức giận, nhưng không cách nào tìm được thủ phạm, ngoài việc xét hỏi các thí sinh họ Đào. Cuối cùng các quan phải ém đi, ém đi thật kỹ, nhưng kết quả câu chuyện ấy và những bài thơ phú ấy vẫn được truyền đi khắp các tỉnh Trung-Kỳ, rồi lan đi cả nước, mặc dù bị nghiêm cấm rất ngặt.

Trong tập này, khi nhắc đến truyện trên đây, đáng lẽ phải kể cả bài thơ « Chí thành thông thánh » của cụ Phan. Nhưng bài ấy, chúng tôi thấy đã có nhiều sách và nhiều báo nhắc đến, nên ở đây, chúng tôi chỉ xin để một bài phú « Danh sơn lương ngọc » này mà thôi.

Nguyên tác bằng Hán văn

Ô HÔ !

Quân bất kiến ngô đồng bào chi Á-tế-Á châu ;
Anh hùng độc lập ;

Chí sĩ đồng cừu.
Dĩ thời cuộc biến ;
Dĩ nhân loại ưu.
Xiêm tự cường ư Nam Khiếu ;
Hàn tự lập ư Đông Châu.
Nam Hải tiên sinh, cổ phong trào ư Trung-Quốc,
Cao sơn liệt sĩ, trường thống khắp ư Nhật du.
Nhân giai tri sĩ ;
Ngã độc vong tu.
Khởi yển đường chi khả lạc,
Tương lộc mộng hê yên cầu ?

Tự ngã Việt chi lập quốc
Xử Đông-Á chi nhất phương.
Hạ từ Trần, Lê ;
Thượng tổ Hồng-Bàng.
Nhân tâm thuần phác ;
Sĩ khí quật cường.
Trục Tô-Định ư Lĩnh-biểu ;
Cầm Mã-Nhi ư Phú-lương.
Kỵ chí nhi Chiêm-thành thất hiểm ;
Qua huy nhi Chân-lạp phân cương.
Tráng tai ngô quốc !
Khởi nhượng nhân trường.
Tự nhất thời chi thất sách,
Thực vạn cổ chi di ương !

Tục thượng văn chương ;
Sĩ xu khoa mục.
Tiểu cổ bát cổ, chung nhật ngu ngu ;
Ngũ ngôn thất ngôn, cùng niên trực trực.
Văn sách ngưỡng trường quan chi tí tức, khả thị khả phi,

Từ phú thập Bắc nhân chi khóa dư, phi tứ phi lục.
Nhiều nhiều lợi danh chi bối, Tề thị quắc kim.
Thao thao hào kiệt chi đồ, Sở đình hiển ngọc.
Cái bất duy phỉ vinh gia sủng lợi lộc giả vi dương đồ chi trực trực ;
Nhi thả khu số thập vạn hồng tử chi thân khâm ;
Quần nhi nạp chi số thiên trùng hắc ám chi địa ngục.

Dĩ nhược sở vi ;
Cầu nhược sở dục.
Binh hà dĩ cường ?
Tài hà dĩ túc ?
Trí lực hà dĩ khai ?
Nhân tài hà dĩ dục ?

TA HỒ ! __ THỐNG TÀI !

Lưu thiên dĩ hữu kim nhật chi sỉ nhục ;
Thủy khái chi cao nhi lưu chi độc giả ?
Sự thế chí tư ;
Nhân tình uất uất.
Công ích công sừ,
Kim nhật minh nhật.
Ta bì cốt chi không tồn ;
Xách cao chi nhi dĩ tất.
Dân ký thuận thanh ;
Quan diệc khuất tất.
Chiêu tích chi quan ;
Mộ đoạt kỳ dốc.
Ngã tắc phụng chi như thần ;
Bỉ tắc thị chi như vật.
Hối thâm tề phê, ta biến kế chi dĩ trì ;
Thế nhược mi nhiên, khởi du an nhi khả tất.

Vị nghi thống tâm tậ mục ;
Tuần nghĩa quyên sinh.
Hạ nhi sĩ tử ;
Thượng nhi công khanh.
Đầu bút nhi khởi ;
Quải quan nhi hành.
Quan trừ ô mị ;
Sĩ khứ phù danh.
Tàn siển khả điện, tượng phá phủ trầm châu chi hữu nhật ;
Dư sinh hà lạc, tuy đồ can toái não nhi du vinh.

NẠI CHI HÀ !

Ưu du tốt tuế ;
Thống dạng bất quan.
Mai đầu ư thốc bút tàn đặng chi hạ ;
Thác thân ư túy sinh mộng tử chi gian.
Yêm yêm như nữ tử phụ nhân, thụ nhân thóa mạ,
Lục lục như lam môn tẩu tốt, hậu ngã dung nhan.

TA TA !

Ký hữu huyết khí ;
Hà vô tâm can.
Tâm phụ thiên địa sĩ giả không lập nhân hoàn.
Nhiệt tâm thế cuộc ;
Cảo mục thời gian.
Vụ tân thế nhi hữu cảm,
Kinh biến cuộc chi như hoàng.
Sở thủy thương mang, không sái Trường sa chi lệ ;
Thu phong phiêu lạc, cửu huyền Thần vũ chi quan.
Vọng An-Tử vu Thần sơn, phiếm chấm khả độ ;
Tống Kinh-Khanh ư Dịch-thủy, nhất khứ bất hoàn.

Trường ca đương khốc ;

Bút hạ tầm tầm.

Hữu hà tất « Chí thành thông thánh, Lương ngọc danh sơn » giả tai

?

Bài dịch của Thái-Bạch

THAN ÔI !

Người chẳng thấy ! hiện thời châu Á tể Á ta ;

Anh hùng mưu sự độc lập ;

Chí sĩ toan việc báo cừu.

Thương vì cuộc biến ;

Lo vì nhân loại.

Kìa phía Nam, nước Xiêm tự cường ;

Nọ cõi Đông, nước Hàn tự chủ.

Nam Hải tiên sinh, cổ võ phong trào bên Trung Quốc,

Cao Sơn liệt sĩ, khóc than kêu gọi đất Phù Tang.

Xấu kia, người đều biết cả.

Hổ này, ta lẽ quên sao ?...

Vui gì yến tiệc linh đình ;

Tốt chi danh vọng luôn cúi !

Nước Việt ta từ thời lập quốc,

Ở một phương trời cõi Á-Đông.

Từ Trần, Lê trở lên ;

Tự Hồng-Bàng trở xuống.

Nhân tâm thuần phác ;

Sĩ khí quật cường.

Thành Linh-biểu đuổi quan Tô-Định ;

Sông Phú-lương bắt tướng Mã-Nhi.

Vó ngựa ruổi, Chiêm-Thành lùi bước ;

Ngọn giáo đưa, Chân-Lạp chia bờ.

Mạnh thay dòng giống nước ta,
Đâu có thua gì kẻ khác.
Tiếc chỉ sai lầm một lúc ;
Mà gây họa để muôn đời.

Tục còn ưa thích văn chương ;
Sĩ vẫn say mê khoa mục.
Ngày đêm diễn tích miệt mài ;
Năm tháng phú thơ cặm cụi.
Sách hay văn dở, cúi đầu theo miệng trường quan ;
Lời lẽ nên chăng, nhắm mắt học thừa Trung-quốc.
Ồn ào tranh miếng lợi danh, toàn đồ kẻ cắp ;
Bô bô lên giọng hào kiệt, cả lũ lưng khom.
Rõ ràng bọn túi cơm giá áo, lẫn mình vào đội chủ Tây sai ;
Thật đúng phường mặt ngựa đầu trâu, đành dạ để xô hằm con đỏ.
Hành vi thế ấy !
Tâm địa nhường kia.
Binh làm sao mạnh ?
Của làm sao giàu ?
Trí tuệ sao mở mang ?
Nhân tài sao dưỡng dục ?

THAN ÔI ! __ ĐAU ĐÓN LẼ !

Nghĩ nhục tầy trời nay còn đó ;
Nên có lời tỏ rõ cho hay :
Sự thế nhường nay,
Lòng người căm giận.
Ngày này ngày khác,
Thuế nọ thuế kia.
Xương thịt dẻo chẳng còn gì,
Máu mỡ hút còn chi nữa.

Nhân dân ngậm đắng nuốt hờn ;
Quan lại co đầu rứt cổ.
Mũ kia buổi sớm ban cho ;
Hốt nọ chiều hôm giựt lại.
Người mình xem trọng như thần ;
Lũ nó coi khinh hơn vật.
Hồi đã muộn rồi, mẹo cần rún nghĩ làm sao kịp ;
Thế đà như vậy, lửa cháy mày biết gỡ được chăng ?

Cho nên phải đau lòng xót ruột ;
Phải vẽ vờ theo nghĩa quyên sinh.
Dưới hàng sĩ tử,
Trên đám công khanh.
Ném bút đứng dậy !
Liệng mũ vùng lên.
Chứng tham tàn, quan lại bỏ đi thôi !
Bệnh phù danh, sĩ dân đừng mắc nữa.
Hơi tàn găng dậy, để chờ ngày cứu nước vớt dân ;
Sống nhục vui chi, chẳng thà để phơi gan nát óc.

HÁ ĐÂU ĐỂ :

Tháng năm vui thú.
Nhục nhã quên đi.
Bút cùn một ngọn, vùi đầu chỉ mãi dưới đèn tàn,
Cuộc thế trăm năm, để thành kẻ say sống mê chết.

THAN ÔI !

Huyết khí đã có ;
Gan ruột sao không.
Thẹn cùng trời đất,
Hỗ với non sông.

TÔI NAY

Nóng lòng vì thế sự ;
Mỏi mắt bởi thời gian.
Nghĩ non nước lòng đau tựa cắt ;
Nhìn biển cuộc dạt rồi như sương.
Khôn ngăn giọt lệ Trường sa, lênh lang biển Sở ;
Treo rồi dải mủ Thần-vũ, hiu hắt gió thu.
Mắt trông An-Tử ở Thần-Sơn, mảnh buồn qua bến ;
Lễ tiễn Kinh-Kha trên Dịch-thủy, một đi chẳng về.
Tiếng ca dài đương khi nước nở ;
Ngọn bút hòa lệ nhỏ tran tran.
« Chí thành thông thánh » chẳng màng,
« Danh sơn lương ngọc » miễn bàn là hơn... »

Văn-Tế người chết đuối trong Phong Trào chống Thuế ở miền Trung năm 1908

Năm 1908, Phong trào chống xâu chống thuế ở miền Trung dấy động khắp nơi. Riêng phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam, sáng ngày 22 tháng 3, hơn 8000 người ủa vào phủ ly bắt tên tri phủ thâm độc Trần-văn-Thống (người Quảng-bình) khiêng lên tỉnh trả thực dân Pháp.

Tới sông Thanh-hà, một tên thiếu úy đem 30 lính tập kéo đến dùng báng súng đàn áp làm ba người ngã xuống sông chết. Chúng cướp được tên Thống. Đoàn người tay không tan dần. Một số ở lại vớt ba người lên chôn. Sáng sau, đồng bào tụ họp lại làm lễ truy điệu. Đối trưởng văn tế rất nhiều, nhưng tiếc bây giờ chỉ còn lưu lại trong tâm khảm quần chúng một câu đối :

*Trù trưởng khô đầu tòng thử biệt,
Yên ba giang thượng xử nhân sầu ³³⁴.*

Và mấy đoạn sau đây ở trong bài văn tế đã tố cáo sự bóc lột tàn nhẫn của thực dân Pháp khiến cho dân ta bị lầm than nghèo khổ, đồng thời cầu chúc hương hồn những người bất hạnh sẽ kết thành lực lượng để còn báo thù và tranh đấu.

Chó ăn cả lông,
Cây đào tận gốc...
Không tiền mua lược,
Nên đầu ông trọc.
Không tiền mua vải
Nên áo ông cộc.
... ..
Rủ nhau xin xâu,
Tám nghìn chen chúc...

Chẳng ngờ sẩy chân
Không vớ được cọc.
Kẻ mất người còn,
Vì dân đau khóc...

... ..

Hồn ông đi đâu ?
Xiêm-la, Bàn-cốc,
Thượng-hải, Hoàn-tân,
Ấn-độ, Thiên-trúc ?
Lớn hóa làm tàu bay,
Nhỏ hóa làm súng lục,
Phơi phới trên từng mây !
Để chờ cơn báo phục !

Biểu mừng Tuần-phủ Nguyễn-Duy-Hàn bị bom

Ngày 13 tháng 4 năm 1913, Nguyễn-duy-Hàn (người làng Hành-thiện, tỉnh Nam-Định đương làm chức tuần phủ Thái-Bình, ngồi trên xe kéo từ Sứ về dinh, bị Phạm-văn-Tráng đảng viên Quang-Phục Hội ném bom giết chết. (Sau Tráng bị bắt và bị thực dân Pháp xử án tử hình).

Vậy Nguyễn-duy-Hàn là con người ra sao ? _ Tội trạng y thế nào ?

Muốn biết rõ, chúng ta hãy đọc bài này của cụ Nguyễn-hữu-Tiến viết mừng tên Hàn về tai nạn nói trên...

PHỤC DĨ

Góc trời đỏ rực, tiểu nhân đắc chí chi thời ;
Mặt đất sấm vang, đại đồ phục Chu chi nhật ³³⁵.
Trời đành có mắt,
Người hết vui lòng.
Thân sĩ chúng tôi, trộm nghĩ rằng :
Cướp của giết người, kẻ cắp tất bà già chi gặp.
Mũi tên hòn đạn, thiên oai duy bạc mệnh chi tìm...
Huống rước thù mua oán chi đã lâu, lẽ không tha được ;
Tức nường chả bằm viên chi rất thảm, tội chữa cân đâu.
Không biết ông nào,
Thương thay cụ lớn.
Cung duy Thái-Bình tuần phủ Nguyễn đại-nhân các hạ :
Làng văn vật,
Giòng thi thư.
Miệng lắp đồ le ;
Đít xì đáng vại.
Đỗ cử nhân từ khoa Bính-Tuất, chó ngáp phải ruồi ;
Sang hậu bổ giữa tỉnh Thái-Bình, chuột sa chĩnh gạo.
Đóng liền một chỗ ;

Làm luôn mấy năm.
Cứ bờ xôi ruộng mật chi lợi quyền ;
Thi xanh vỏ đỏ lòng chi chính sách.
Đỏ như vông, đông như tiết, nhờ máu mạnh dĩ đưa đi ;
Cơm là gạo, áo là tiền, đầy túi tham nhi thất lại.
Được thể dễ nói khoác, hết phủ huyện nhi bổ hồ ;
Càng quen lèn cho đau, nhè thân hào nhi giở mặt.
Chỉ khéo liệu chiều che gió, Sứ ³³⁶ muốn ăn cho ăn, muốn chơi cho
chơi.

Xui nên há miệng mắc quai, Tuần bảo xôi ừ xôi, bảo thịt ừ thịt.
Tay óc trong bị ;
Bụng đặt những gươm.
Ký đổi trắng nhi thay đen ;
Thả tát cạn nhi bắt lấy.
Trước còn vợ vết, giăng cánh lưới dĩ ngang sông,
Sau lại dò la, bới chân lông nhi tìm vết.
Gần từ một tỉnh,
Xa đến các nơi.
Trong họ chẳng tha,
Ngoài làng cũng bắt.
Vi hạt dân chi hùm xám ;
Vi quý quốc chi chó săn.

SAO CHẲNG NGHĨ :

Vận nước loạn ly ;
Tình dân oan khổ ?
Làm cho đến nổi, chày khô vắt dĩ nước ra ;
Chút chẳng thương tình, dầu đổ thêm chi lửa cháy.

HUỐNG PHỤC

Tiền thừa gà mổ,

Ruộng thẳng cò bay.
Còn mong đến đâu ;
Chẳng xin về nghỉ.
Con thì một đàn ngu ngốc, cậu Dương-Hòa nãi chó săn gà chọi chi
thượng lưu ;

Nhà thì mang tiếng cao hoa, cụ Huyện hàm nãi da đá men mờ chi
thạc vọng.

Sao không biết nghỉ.
Hễ tham thì thâm.
Nghĩ tạc đạn chi quăng vào, mình mua lấy chết ;
Tức thành môn chi phục xuống, người hóa ra ma.
Thương đầy tớ chi bị lây ;
Vào nhà thương nhi cứu khỏi.

THÂN SĨ CHÚNG TÔI :

Trộm nghe người nói ;
Ngồi nghĩ lẽ chung.
Chẳng chết chết thẳng nào, cho đáng đời cho đáng kiếp ;
Đã làm làm phải được, ấy mới gan ấy mới tài.
Thực thỏa lòng người,
Để tạ thiên hạ.
Từ đó chợ tan buổi họp, đưa cửa trước rước cửa sau ;
Rời ra cửa đội nón đi, vào lỗ hà ra lỗ hống.
Má phấn môi son chi Đào Bích, chưa kịp đôi hồi ;
Nâng khăn sửa túi chi hầu non, lấy ai cai quản.
Hàm Tổng-đốc được truy tặng thẳng, Thống-sứ thương thay !
Vua Diêm-vương có mật thám chưa, Quan Tuần xuống đó.

THÂN SĨ CHÚNG TÔI

*Bất thẳng nguyệt nguyệt lờm lờm chi chí,
Cần trần biểu dĩ văn.*

Văn-tế Hoàng-Trọng-Mậu

Hoàng-trọng-Mậu, người Nghệ-an, ông là một chiến sĩ cách mạng xuất sắc có chân trong ban Chấp-hành trung-ương của Việt-nam Quang-phục hội. Khi Thế-chiến thứ nhất bùng nổ, Hội được tòa lãnh sự Đức ở Xiêm giúp đỡ, nên có mở một vài trận đánh vào các cứ điểm Pháp ở biên giới Hoa-Việt. Trong các trận này, ông Mậu được giao phó trách nhiệm đánh đồn Tà-lùng ở Cao-bằng (13-3-1915). Nhưng thất bại vì sự bất đồng ý kiến với ông Nguyễn-hải-Thần.

Sau đó, ông Mậu rút sang Trung-quốc nhưng đến tháng 5 năm ấy thì bị nhà đương cuộc Anh ở Hồng-kông, bắt giao cho Pháp cùng với các đồng chí : Trần-hữu-Lực, Lê-Dương, Trần-thị-Chuyên.

Thực dân Pháp cho giải về Việt-nam, hai ông Mậu, Lực bị chúng hành-quyết ở Bạch-Mai (ngoại ô Hà-nội).

Lúc ở nhà giam, ông Mậu có làm hai câu thơ :

*Thiên niên cố quốc quyên đề thảm,
Vạn lý cô thân hạc khiếu ai* ³³⁷.

Và lúc ra pháp trường có đọc một câu đối :

*Ái quốc hà cô, duy hữu tinh thần chung bất tử,
Xuất sư vị tiệp, khả tương tâm sự thác lai sinh* ³³⁸.

Còn ông Lực thì có câu :

*Giang sơn dĩ tử, ngô yên đắc du sinh, thập dư niên luyện kiếm ma
đao, tráng trí bản phù Hồng tổ quốc ;*

*Vũ dực vị thành, dĩ tiên vi thủ bại, tại cứu tuyền điều binh khiển
tướng, âm hồn ám trợ Thiếu niên quân.* ³³⁹

Còn bài văn tế này là của các đồng chí ở hải ngoại làm ra để truy điệu ông, nhưng rất tiếc đến nay vẫn chưa biết rõ được ai là tác giả.

THAN ÔI !

Nước dậy sóng cồn

Nhà xiêu trụ cột.

Xét tình máu mủ lệ mưa tuôn ;

Kể lại đầu đuôi gan lửa đốt.

Ngó cuộc thế anh hùng ghê gớm, thua cái lực mà hơn ở cái tài, việc hơn thua khoan kể làm hai ;

Ngẫm cơ trời quân tử lạ lùng, mất là hình mà còn lại là danh, lẽ còn mất phải xem như một.

Vốn đã biết Bắc Nam cùng một nước, ngàn muôn dặm non Hồng biển Lạc, chính khí đầy trời chật đất, năm xương tàn da ngựa có mà chi.

Nhưng nghĩ rằng sống thác há đôi đường, hai mươi năm góc biển ven trời, hiếu tình ngóng mẹ trông cha, nơi đất tổ đầu hồ gọi là chút ³⁴⁰.

NHỚ ANH XƯA :

Quê quán hào hoa,

Cửa nhà trâm hốt.

Nguồn trong núi lặng, đất đúc khuôn thiêng,

Ngọc đẹp vàng tinh, trời cho chất tốt.

Học vấn mắt cùng muôn quyển, tài vẽ vờ dệt gấm thêu hoa,

Văn minh soi suốt năm châu, chí hăng hái mài nanh giữa vuốt.

Sân Đông-Lỗ ³⁴¹ theo đòi thi lễ, nổi nghiệp gia truyền trung hiếu, nghĩa xuân thu hôm sớm những ôm cầm ;

Côi Tây-Âu dồn tới phong trào, đau lòng quốc thổ trầm luân, chí hồ ³⁴² thi ³⁴² đêm ngày thức mắ.

Vào trường bốn năm lần bại Bắc ³⁴³, trăn trọc mười năm gió bụi, giấc phù sinh khoa giáp chữa nguôi lòng ;

Đồng tâm ba bảy bạn hoài Nam, nhẹ nhàng nửa gánh gươm đàn,
đường du học hướng minh ³⁴⁴ bèn thẳng gót.

Trung-Hoa, Nhật-Bản, đất nước lưu ly,
Hương-cảng, Hoành-tân, tháng ngày thuê hốt.

Học võ bị để lo phương khôi phục, nào súng, nào gươm, nào khí cơ
đạn dược, Đông-kinh, Thượng-hải, trường Lục quân mấy độ truy tùy,

Mượn chiến trường mà thử sức trì khu, ³⁴⁵ có cờ, có trống, có mã
đội, sư đoàn, Lưỡng Quảng Vân-nam, đảng cách mạng nhiều phen xung
đột.

Quang-phục gây nên hội mới, Sào-Nam, Mai-Bạng ³⁴⁶, kẻ hiển tài
mà kẻ lại bày mưu ;

Ngoại giao giữ được quyền sang, Vọng-các, Nam-quan, khi mộ
xướng ³⁴⁷ lại khi luyện tốt ³⁴⁸.

Cờ phục Việt phát phơ trước mắt, sức nghĩ tới Tiên tử Long tôn ³⁴⁹,
máu đỏ da vàng, nháo nhác đồng bào mấy triệu, lăm than sao nữ thế, máu
đề quyền ³⁵⁰ lai láng suốt đêm hè.

Giáo cầm Hồ ³⁵¹ múa máy trong tay, đoái trông lại Hoành-sơn, Quế-
hải, rừng vàng biển bạc, mịt mù Tổ quốc ngàn năm thành quách hầy còn
chăng, hồn biệt hạc ³⁵² lăm le trên đỉnh cột.

NÀO NGỜ :

Thế nước còn non.

Vận nhà chưa suốt.

Tức tối lẽ cầm quân Nam phản ³⁵³ thệ kích tiếp mặc dầu tráng trí,
thần linh giúp sức, roi Tổ sinh chưa phải bước tung hoành. ³⁵⁴

Xót thương thay khi trở gót Đông du, cánh xung thiên nông nổi xa
vời, ma quỷ đem đường, ngựa Quan Thánh ³⁵⁵ khôn dè cơn sáng sốt.

Vì ai nên hùm mạnh sa cơ ?

Vì ai để rồng thiêng đổi lột ?

Ngục Hà-nội già gông tất tưởi, lừng lẫy án « Việt cảnh quán thông,
đồ mưu bạn nghịch », sông núi chuyển, Nhạc tướng-quân ³⁵⁶ ba chữ kỳ oan.

Trường Bạch-mai kèn trống xông xáo, ngâm ngùi câu « xuất sự vị tiếp, ái quốc hà cô », quở khóc thần gào, Văn thừa-tướng ³⁵⁷ đôi hàng tuyệt bút.

ÔI THƯƠNG ÔI !

Khói độc mịt mù,
Lửa oan phùn phụt.
Đá núi Tản muôn trùng chất ngất, hồn vĩ nhân muôn kiếp chưa tan ;
Nước sông Hồng nghìn khoảng mông mênh, máu liệt sĩ nghìn thu khó gột.

Hỡi đất, hỡi trời, hỡi giang sơn, hỡi chủng tộc, nói chi nữa, trông mong chi nữa, ngán nỗi mây sâu gió thảm, mắt từ bi mờ mịt lúc tàn canh.

Nào cha, nào mẹ, nào huynh đệ, nào thê nhi, thấy gì đâu, tin tức gì đâu, tuyệt vời nước thăm non xa, hồn tổ quốc bơ vơ khi gió lộng.

Khi ấy hãy quanh quẩn trong tạo hóa, ắt cũng nhờ trời Việt còn cao, đất Nam còn rộng, cơ chuyển vần sẽ có xui nên ;

Thù này xin tạc với non sông, dù đến khi sông Lam hết nước, ngàn Hồng hết cây, lòng báo phục vẫn còn sáng suốt.

Trước có xướng thì sau có hoạ, nợ tang bồng phải trả cùng nhau ;
Sống là khôn thì thác là thiêng, tình cốt nhục xin soi cho trót.

Ô HÔ ! THƯƠNG HƯƠNG !

Văn tế cụ Phan-chu-Trinh

Cụ Phan-chu-Trinh và cụ Phan-bội-Châu là hai nhà cách mạng tiền bối của dân tộc Việt-Nam như ai nấy đều biết. Hai cụ cùng hoạt động một thời và cùng là bạn. Nhưng ý kiến thì trái lại không đồng.

Cụ Phan-bội-Châu thì cho rằng người Pháp không thiệt lòng khai thác cho nước Nam. Trước phải tìm cách đánh đổ họ, và phải nhờ vào thế lực một nước ngoài mới làm được.

Còn cụ Phan-chu-Trinh thì bác lại chủ trương ấy. Cụ cho rằng nước Việt-Nam chui rúc dưới chánh thể chuyên chế đã trên nghìn năm, chưa có tư cách quốc dân độc lập, dầu có nhờ cậy nước ngoài thì chỉ diễn cái trò « dịch chủ tái nô » thôi. Theo chánh kiến của cụ thì việc cậy nhờ nước ngoài quanh co khúc chiết lắm, mình không tự lập, ai cũng là kẻ thù của mình. Triều-Tiên, Đài-Loan, cái gương đó rõ ràng, người Nhật chắc gì hơn người Pháp. Vì vậy phải tìm cách mở mang dân trí trước đã.

Thế nên, cụ Phan-bội-Châu thì bốn ba qua các nước Á-Đông như Xiêm, Tàu, Nhật-Bản. Còn cụ Phan-chu-Trinh thì lại qua hoạt động ngay tại giữa thủ đô nước Pháp. Cụ ở Pháp từ năm 1911 đến năm 1924 mới trở về Việt-Nam. Cụ Phan-bội-Châu bị Pháp bắt, cuối năm ấy được thả ra. Cụ Phan-chu-Trinh ở Sài-gòn định ra thăm, nhưng vì bệnh đi không được. Khi ấy cụ Phan-bội-Châu cũng định sẽ vào Nam để gặp bạn. Nhưng chưa kịp đi thì ngày 24 tháng 3 năm 1926, cụ Phan-chu-Trinh tạ thế ở Sài-gòn.

Trong đám tang cụ Phan-chu-Trinh cũng như các cuộc lễ truy điệu cụ ở khắp nơi toàn quốc, không biết bao nhiêu thơ văn ai điệu mà kể (lẽ tất nhiên, nhà cầm quyền Pháp không cho lưu hành), nhưng lâm ly và cực kỳ thống thiết hơn cả, phải nói bài văn này của cụ Phan-bội-Châu thay mặt đồng bào Huế thảo ra.

Ngoài cái tình cảm của đồng bào đối với cái chết của cụ Phan-chu-Trinh, đọc bài này, chúng ta còn thấy cái tình cảm của một nhà cách mạng đối với cái tang một nhà cách mạng nữa.

THAN ÔI !

Tuồng thiên diễn mưa Âu gió Mỹ, cuộc nợ kém thua hơn được, ngó non sông nên nhớ bậc tiên tri ;

Dù địa linh con Lạc cháu Hồng, người sao trước có sau không ;
kinh sấm sét hồi đau lòng hậu bối.

Vẫn biết tinh thần di tạo hoá, sống là còn mà thác cũng như còn.

Chỉ vì thời thế khuất anh hùng, xưa đã rủi mà nay càng thêm rủi.

Lấy ai đây nối gót nghìn thu ;

Vậy ta phải kêu người chín suối.

NHỚ ÔNG XƯA

Tú dục Nam-chu ;

Linh chung Đà-hải.

Nghịệp thừa gia cung kiếm cũng pha đường,

Nền tác thánh thi thơ từng thuộc lối ;

Gan to tày bể, sức xông pha nào kể sức muôn người ;

Mắt sáng hơn đèn, tài lanh lợi từ khi năm bảy tuổi.

Vận nước gặp cơn dâu bể, đeo vai thân sĩ, còn lòng đâu mà áo mũ
xuê xoang ;

Thói nhà chăm việc bút nghiên, dấu một anh hùng, khi tạm cũng
khoa trường theo đuổi.

SONG LE

Khí vẫn chanh vanh ;

Chí càng viễn đại.

Tài Ma-nê đương chứa sức hô hào,

Tuồng Lê-định quyết ra tay đào thải.
Đội tiền phong đầu tá, gió duy tân từ Đông-hải thổi vào.
Gương ngoại quốc kia là, sóng cách mạng bởi Âu-châu dồn tới.
Dọc ngang đất trời rực vẻ văn-minh ;
Tức với nước nhà cam đường hủ bại.
Cá chậu chim lồng vợ vẫn thế, sáo công danh thôi vất lổn tầm thường ;
Rồng mây cợp gió lạ lòng gì, miền thanh khí thử hô người trung ngoại.
Cây tài học dạn dò phương tự chủ, Lư Thoa, Mạnh Đức, so sánh người xưa ;
Mượn đông-du thăm hỏi bạn đồng tâm, Hương-cảng, Hoàn-tân, lỏi len đường mới.
Ba tấc lưỡi nào gươm nào súng, nhà cầm quyền trông gió đã gai ghê.
Một ngòi lông vừa trống vừa chiêm, cửa dân chủ treo đèn thêm sáng chói.
Phỏng khiến : trình độ dân ta cao, trí thức dân ta giỏi ;
Sức dân ta ngày một dồi dào ; khí dân ta ngày càng cứng cỏi.
Một tiếng xướng có muôn tiếng họa, thần tự do nên đứng đỉnh về đây,
Bạn người Việt với thầy người Tây, chuyên chế dám dùng dằng ở mãi.

NÀO HAY

Trời đã éo le,
Người càng quỉ quái.
Chứa chan máu quốc, nước vẫn vợ hồn ;
Xao xác tiếng gà, trời mù mịt tối.
Tràng nô lệ chung quanh là rắn rít, văn cứu thời khen khéo gây oan.
Ổ đã man ngan ngát những hùm beo, miền ái quốc hoá nên buộc tội.

Thành Hà-nội ùn ùn mây ác độc, nào kẻ lánh mình, nào người
chống thuế, chữ âm mưu tô vẽ trăm đường ;

Đảo Côn-lôn rức rức oan cừu, thầy người yêu nước, thầy kẻ thường
dân, tư xướng loạn dệt thêu ra một mối.

Mưa dào gió dạt, xui khách lưu ly.

Biển thăm trời xa, xót ông chìm nổi.

Thân, Dậu, Tuất bấy nhiều năm tân khổ, khi đào cây, khi lượm đá,
giữa biển trần gió bụi cũng thung dung ;

Đặng, Hoàng, Ngô, ba bốn bác hàn thuyên, khi cốc rượu, khi ngâm
thơ, ngoài cửa ngục lăm than mà khảng khái.

Hồi đen may cũng lần lừa ;

Lòng đỏ vẫn còn hăng hái.

Quay đầu lại trả ân tù đạo, tấm thân già còn nặng gánh giang san ;

Bước chân đi tìm bạn Âu-châu, đôi tay trắng quyết phất cờ xã hội.

Án tái phạm vì lời thông Đức, dạ sắt vàng thêm thử lại thêm bền.

Thư thất điều đón giá như Tây, uy sấm chớp chẳng kinh cùng chẳng
hãi.

Gương vị nhân treo những bao giờ ;

Hồn cố quốc vừa về năm ngoái.

Trước mắt nào ai hơn hở, thấy ngựa xe luống ngấn ngơ chiều.

Bên tai những tiếng kêu van, nghe sừ thuế càng ngao ngán nổi.

Dưới miệng cộp gửi đoàn con đỏ, phúc trùng lai thêm bận dạ tha
hương,

Trên nguyên người giữ giống da vàng, lòng cảm tử quyết lửa quân
hậu đội.

Uớc những chuông đều trống nhịp, khắp ba kỳ cho vang tiếng reo
hò.

Mới là anh trước em sau, dắt một lũ để đồng bào gắng gỏi.

Khéo vô tình trời chẳng chiều lòng người ;

Nên bất hạnh mừng mà hoá tủi.

Tiệc hoan nghênh mới đó, nảo nùng rượu chữa phai mùi ;

Hội truy điệu liền đây, thấp thoáng hương đà bén khói.

Anh em ta : Đất rẽ đôi đường, tình chung một khối.
Gánh tồn vong ai cũng nặng nề ;
Nghĩa chung thì lòng càng bối rối.
Sóng gió một thuyền chung chạ, ngọn chèo đang lúc cheo leo.
Mịt mù muôn dặm xa khơi, dấu ngựa nhờ ai dong ruổi,
Ngại ngừng thay người ngọc náu xa ;
Ngẫm nghĩ những giọt châu mưa xối.

THƯƠNG ÔI !

Bể bạc còn trơ,
Trời xanh khó hỏi.
Nghìn vàng khôn chuộc lấy anh hào.
Tấc dạ dám thề cùng sông núi.
Trước đã giới thời sau nên giới nữa, dấu « cộng hoà » xin ráng sức
theo đòi.
Sống còn thiêng thời thác phải thiêng hơn, thang « độc lập » quyết
đều tay xin với.
Lời này ông có xét chăng !
Lòng ấy tôi đã soi dọi.

Văn tế cụ Mai-Sơn Nguyễn-Thượng-Hiền

(Xem tiểu sử cụ Mai-Sơn trong bài « Chiêu hồn quốc văn » ở phần văn xuôi).

THAN ÔI !

Dâu chìm bể nổi, ngán cuộc đời mây gió xáo đòi phen ;
Kẻ Bắc người Nam, xót tình bạn ruột tằm vò mấy đoạn.
Cây sa núi lở, dấu sư nho khôn biết đâu tìm ;
Trời sập đất già, nguồn đạo nghĩa chẳng bao giờ cạn.
Lừng lơ mây bạc cuối trời ;
Thấp thoáng gió hương trước án.
Thống duy Mai-Sơn tiên sinh :
Thơ sánh Thịnh Đường,
Văn so Tiền Hán.
Nức tài danh từ thuở ấu đồng,
Kể môn phiệt vốn nhà khoa hoạn.
Ngang mắt trắng liếc phường hủ tục, kệ thầy cá chậu chim lồng.
Bước mây xanh che mặt trần ai, thời cũng bâng rờng thấp nhận.
Vận Tổ quốc đang gặp thời diên bái ³⁵⁸, nghiệp trung hưng mong
mỏi vá trời.
Nọ đình vi vừa nhẹ gánh thần hôn, đường muôn dặm vội vàng dắt
bạn.
Ngó cân đai càng tuôn lệ ngọc, Tống-văn-Sơn ³⁵⁹ gai mắt với Hồ-
nguyên ;
Nhớ nước non thêm nóng gan vàng, Châu-Thuấn-Thủy băng miền
qua Nhật-bản.
Đường bôn tẩu trải bao phen nguy hiểm, khi Hương-Cảng, khi
Hoành-Tân, khi Băng-Cốc, tức tối đất không dụng võ, giọt khắp đình ai
nấm máu Thân-Tư ³⁶⁰ ;

Thuốc cứu thời toan mượn ngón văn chương, nào Yên-kinh, nào Tấn-tĩnh, nào Ngô-quận, nào Hàn-thành, phương y quốc khó ra tay chấp loạn ³⁶¹.

Ngoài năm chục thân già lặn đận, vóc hạc hình mai ;
Hai mươi năm hồn mộng đi về, sông Lô núi Tản.
Phong trần đất khách, tóc đã pha sương ;
Nhật nguyệt trời riêng, lòng không đầy nắng.
Hai lăm triệu xương tan thịt nát, xót đồng bào đang giữa bể trầm luân ;

Toan một mình trống tối chuông mai, dắt đại chúng thoát ra vòng khổ hạn.

Những ước trời Nam đất Việt, khắp mọi vùng mưa pháp mây từ ;
Thôi đành cửa Phật buồng Thiền, chuyên một niệm câu kinh quyền tán.

THAN ÔI !

Đất chậm hồi xuân ;
Trời còn nuôi loạn.
Hạt đương gieo mộng, âm thầm quả phúc cây từ !
Mạ chữa nên hình, ghê gớm rừng gươm núi đạn.
Gió cuốn bụi hồng đòi trận thối, nghe những ủ ê ;
Nước giăng sóng bạc chín lần tuôn, thấy càng ngao ngán.
Kiếp phù sinh chốc tỉnh giấc hoàng lương ;
Miền cực lạc sẽ tìm phương chốn đản.
Lửa can tịnh thiêu xương người khí tiết, sống thanh cao mà chết cũng thanh cao ;
Đời văn minh mỗi mắt chốn quê hương, danh viên mãn mà chí chưa viên mãn ³⁶².

TUY NHIÊN !

Bất hoại ấy tinh thần ;

Vô thường là vận hạn.
Đàn đã tiêu dao cõi Phật, thế đáng vui mừng ;
Chỉ vì ngư ngắc đàn em, riêng càng đau đớn.

EM CHÂU NÀY :

Đầu xanh lửa lẩn, vừa bạn vừa thầy ;
Tóc bạc theo đòi, đồng ưu đồng hoạn ³⁶³
Nhớ những canh khuya trước án, gà năm canh chung tiếng lúc hôm
mai ;
Nỡ nào kẻ ở người về, hạc nghìn tuổi đau lòng khi tu tán.
Lời tối hậu ân cần khi tiễn biệt, trăng Tây-hồ lai láng nét sơ chung ;
Chí cảm hoài năn nỉ nghĩa bình sinh, mây Cát-lĩnh mơ màng hồn
vãng phản ³⁶⁴.
Những tường trời còn nước Việt, chén Long-Thành mở tiệc hoan
nghinh ;
Vậy nên thơ gởi gió Nam, bài quốc ngữ thay lời kinh văn ³⁶⁵.
Cúi mong hồn hãy chứng cho ;
Gọi chút tỏ lời đơn giản.

Văn tế đồng bào Cổ-am và các làng bị thực dân tàn sát

Cuộc khởi nghĩa Yên-bái bùng nổ vào lúc 1 giờ sáng ngày 10 tháng 2 năm 1930. Quân cách mạng đánh chiếm thị trấn này rất dễ dàng, rất nhiều sĩ quan và binh lính Pháp tử trận.

Song vì lệnh khởi nghĩa ban ra không đều để thực dân có đủ phương tiện và thì giờ đối phó. Nên cuối cùng Yên-bái lại bị quân Pháp tấn công lấy lại được.

Cách mạng quân phải rút về miền Hải-dương thủ hiểm ở các làng La-hào, Vông-la, Cổ-am, Xuân-lũng, Kha-lâm, Sơn-dương và Khúc-thủy v.v... (tại miền này, quân cách mạng do Trần-quang-Riệu chỉ huy đánh chiếm huyện Vĩnh-Bảo, giết chết tri huyện Hoàng-gia-Mộ, con trai Hoàng-mạnh-Tứ, cháu gọi Hoàng-cao-Khải là ông nội).

Thế là các làng này sau đó liền bị hàng chục chiếc phi cơ của Pháp bay đến thật thấp và dội bom xuống, nhất là làng Cổ-am làm thiệt hại không biết bao nhiêu là thường dân vô tội.

Thả bom xuống như thế, nào đâu đã đủ nguôi lòng tàn ác, chúng còn bắt chặt hết tre, rồi buông lửa đốt cháy làng. Áo quần, thóc gạo, gà lợn, trâu bò, các đồ vật của thường dân, có làng thì chúng cho chạy ra, có làng thì chúng bắt bỏ lại để cháy cho kỳ hết.

Để nhớ lại mối hận thù chung ấy, chúng ta hãy đọc lại bài văn tế này của một nhà cách mệnh (không biết tên) và đồng thời cũng là để biết cảm súc của cụ đối với cái thảm họa máu xương của dân tộc trên đây.

THAN ÔI !

Dân mất nước, nghĩ càng đau quá, dể, run, kiến, mỗi nghĩ còn hơn ;

Giặc có quyền, thương đến ai đâu, súng, đạn, gươm, đao thôi mặc ý.
Sóng Âu Á hai mươi thế kỷ ;
Cuộc biến dâu trái mấy phen này.
Trói tay chân, pháp luật là dây ;
Bưng tai mắt, văn minh rành vỏ.
Đem nông nổi mấy năm gần đó, tư bản cường quyền Pháp quá sức
hoành hành ;
Nên anh em sáu triệu xứ mình, Việt-Nam quốc dân Đảng là đường
tự vệ.
Lòng yêu nước gốc lòng trời để, ai có xui ai ;
Tính thương nòi vốn tính loài người, tội chi mà tội.
Nào hay bị quân hùm sói,
Diễn thêm một cuộc oán thù.
Làng Cổ-am há phải giặc đâu, toàn những người cày bẫm cuốc sâu,
đóng sưu nạp thuế ;
Xã Xuân-Lũng ấy thấy dân lành, đâu có kẻ tranh thành cướp đất,
đắp lũy xây đồn.
Huống gì đoàn chiu chít bé con ;
Với những thân gầy còm già yếu.
Đáng thương thật đầu mun mặt trứ, gánh vác nặng nề, dưới nhà
nước tha hồ đè nén ;
Xứ cấy cày đâu phải bãi sa trường, tường ngõ gà kêu chó sủa, đất há
hẹp gì.
Chúng làm ăn nào biết việc đua tranh, chắc là thuế ráo sưu xong,
trời cùng thương đến.
... ..
Họa ao cá vì ai xui khiến ;
Nạn tàu bay vô cớ sấn nhào.
Đoàn già lũ trẻ, thân chết nhôn nhao, thảm họa ấy vì sao, ớn khai
hóa vài trăm khẩu súng.
Mẹ góa con cô, máu sôi tản mạn, sự tình thật quá ngán, quyền tự
do mấy chục quả bom.

Đã đành than lấp bùn chôn, giữa nước lửa chỉ là mồ dân Việt ;
E nữa trời cùng đất kiệt, ngoài non sông đâu tả cảnh nguồn Đào ?

THƯƠNG ÔI !

Gương cũ treo cao ;
Cuộc sau gấp tỉnh,
Hăm lẫn triệu may ai còn tính mệnh, thịt đầu đe há phải niềm vui ;
Toàn ba kỳ nếu có nhân tài, chim ngoài lưới phải lo đường sống.
Hát vô dụng mà khóc càng vô dụng, duy mong mỗi giòong Hồng
giống Lạc, bà con anh chị một lòng gìn giữ máu tiên vương ;
Họa phi thường thì phúc cũng phi thường, những ước ao núi tản
sông lô, hồn phách tính linh hộ cả nước mở nền Tân Việt.
Mấy lời tâm huyết !
Chin tuổi hồn nghe !

THƯỢNG HƯỞNG.

Văn tế Cô Giang

Tức cô Nguyễn-thị-Giang người tỉnh Bắc-Giang (Bắc-Việt). Xuất thân trong một gia đình Nho giáo, cô gia nhập Việt-Nam Quốc-Dân Đảng tại tỉnh bộ tỉnh nhà dưới quyền chỉ huy của ông Song-Khê Nguyễn-Khắc-Nhu (tức xứ Nhu).

Năm 1909 cô phụ trách giao thông cho tổng bộ với các nơi. Cô cùng đi với đảng trưởng Nguyễn-Thái-Học. rồi thanh khí tương hăng, hai người cùng đến đền thờ tổ Hùng-Vương thề nguyện làm vợ chồng. Trong buổi định tình này, cô yêu cầu ông Học giao cho một khẩu súng, và hứa nếu chẳng may ông Học chết vì nước thì xin theo chồng bằng khẩu súng ấy.

Sau ngày khởi nghĩa Yên-Bái bị thất bại, ông Học bị bắt. Lúc giải lên Yên-Bái cô cũng đáp một chuyến xe đi, cô mang theo khẩu súng và một trái bom định vào phá pháp trường.

Nhưng bị lính canh rất ngặt, cấm không cho ai được tới gần.

Xem chém xong, cô về nhà trọ viết hai bức thư tuyệt mạng, đoạn ra chợ mua một tấm vải để tang chồng, rồi về lại quê nhà, lại thăm cái quán giữa đồng mà cô cùng ông Học đã có lần cùng nhau tâm sự. Đoạn bước ra ngoài quán, cô cầm súng tự bắn vào thái-dương để chết. Lúc ấy cô có mang mấy tháng.

Viên tri phủ Vĩnh-Tường báo mật thám Hà-Nội về khám. Do cái tên ký « Nguyễn-Thái-Học phu nhân », chúng mới biết là cô. Và để trả thù, chúng cho lột quần áo ra khám, rồi bắt để thi hài không y phục, lộ dưới ánh nắng cho ruồi nhặng bu hút đến hai ba ngày mới cho chôn.

Vì cảm súc trước cái chết của cô, một nhà cách mạng đương thời làm bài văn này để kính viếng anh hồn người liệt nữ và cũng là để kích thích tinh thần yêu nước của giới nữ lưu nước nhà vậy...

THAN ÔI !

Sống nhân đạo ở hai mươi mấy thế kỷ, bạn má hồng toan cướp gái làm trai ;

Gương nữ hung treo một khố trời Nam, lũ da trắng phải ghê dòng nước Việt.

Trên quốc sử mực chàm giấy phấn, « ông » cả đoàn nhan nhân bày nô ;

Dưới Long-Thành máu biếc cỏ xanh, gái đến thế rành rành chữ liệt.

Trăng thu mờ mịt, trông những buồn tênh.

Người ngọc xa xôi, nghĩ càng đau tuyệt.

NHỚ BẠN TA XƯA

Đất nhả tinh hoa ;

Trời trao băng tuyết.

Vóc quần thoa nhưng chí khí tu mi ;

Thân khuê các mà can trường khí tiết.

Thuở bé nhờ ơn gia giáo, Hán học vừa thông ;

Tuổi xanh vào học quốc trường ³⁶⁶, Pháp văn cũng biết.

Tang hải gặp hồi xoay cuộc, ngó giang sơn trạnh một lòng đau ;

Trần ai tức tối không người, thấy nô lệ dọc đôi tròng nguyệt.

Xót bốn nghìn năm Tổ-quốc, chôn nhau cắt rún, nặng nề trăm đoạn tình ly ;

Thương hăm lăm triệu đồng bào, nát thịt tan xương chất chứa một bầu tâm huyết.

Xem sách Pháp từng nghĩ Lân-Đá, La-Lan ³⁶⁷ thuở nọ, chị em mình há dễ ai hơn ;

Giờ sử nhà thoát vỗ tay reo, Trưng-Vương, Triệu-Âu xưa kia, non nước ấy có đâu hồn chết.

Triều cách mạng đang cơn sùng sức, cát tinh-Vệ ngậm đầy trước miệng, mong thấy bể vui ;

Vai quốc dân nặng gánh trĩu trĩu, đá Nữ-Oa rên sấn trong tay, nữ
xem trời khuyết.

Xá chi gai mắt trường quyền ;

Nên phải thi gan quả quyết.

Khi nhập đảng tuổi vừa hai tám ³⁶⁸ cờ nữ binh đóng đội tiên phong ;
Lúc tuyên truyền xách động ba quân, lưỡi biện sĩ nhường tài du
thuyết.

Thổi gió phun mây từng mấy trận, nào Lâm-thao, nào Yên-bái, nữ
tham mưu đưa đẩy đội hùng binh.

Ra sinh vào tử biết bao phen, kìa Thanh huyện, kìa đồn binh, quân
nường tử xông tan vùng rảo rít.

Thầy Học vẫn tài hùng phách ráng, nhờ có cô mà lông cánh rập tứ
phương ;

Chị Bắc đành dạ sắt lòng son, cậy có em mới trong ngoài xưng
lưỡng kiệt.

TIẾC THAY

Vận nước đang truân ;

Tai trời chưa hết.

Việc thủy thành mà một phút tan tành ;

Mưu trung bại bởi mấy thẳng gian quyệt.

Trắc trở buồm xuôi gió ngược, tài anh thư gặp bước gian truân ;

Ngại ngừng nước biếc non xanh, tay chúc nữ uống công thù dật.

NHƯNG CÔ CÒN

Thiết thạch nhất tâm,

Chu tuyền bách chuyết ³⁶⁹.

Thời như thế, sự đành như thế, đài cắt đầu mừng được thấy anh lên ;
Sống là không, thác cũng là không, đạn kề cổ chẳng để cho giặc
giết.

Súng lục liên phút chốc, vang lừng một tiếng, núi đổ sông nhào ;

Hồn cử tử chưa tan, chắc chắn trùng lai, thần reo quỷ thét.

EM ĐÂY :

Tình cũ cảm sâu ;

Duyên xưa rủi thiệt.

Từng mấy lúc hồng đi cá lại, ước ao chung gánh ruổi trường đồ ;

Giận nhiều phen én bắc nhạn nam, đau đớn chia tay thành vĩnh biệt.

Nợ hồ thì em chưa trắng sổ, mài nanh giữa vuốt, ước ba sinh ắt có ngày đền ;

Thù nước nhà chị hãy tím gan, nuốt muối ngậm gừng, hồn chín tuổi chờ xem trời xét.

THAN ÔI !

Khóc chẳng gì hay ;

Nói khôn kẻ xiết.

Một nén tâm hương,

Mấy lời thảm thiết.

Chị em mình chửi thiếu bạn khôn ngoan ;

Đoàn thể lớn từ nay xin cấu kết.

Xum bạn gái sẽ theo gót chị, thác đã linh mà sống lại càng linh ;

Xoay cuộc đời sẽ xóa bàn cờ, quốc chưa diệt thì chúng không thể diệt.

Tiếng hạc kêu chắc thấu trời nghe ;

Tờ giấy máu xin ghi lời viết.

Ô HÔ ! THƯỢNG HƯỞNG !

Văn tế các anh hùng liệt sĩ bỏ mình trong các cuộc khởi nghĩa YÊN-BÁI và NGHỆ-TĨNH

Bài này của một nhà cách mạng Việt-Nam ở Thái-Lan làm cho kiều bào truy điệu các anh hùng liệt sĩ đã bỏ mình trong các cuộc khởi nghĩa Yên-Bái, Nghệ-Tĩnh và Nam-Ngãi Bình-Phú.

Cuộc lễ truy điệu tổ chức tại Sa-Khôn vào khoảng năm 1931, một tỉnh thuộc miền Tây bắc nước Xiêm. Kiều bào ở đây và các nơi kéo đến tham dự rất đông. Và bài văn tế này sau đó đăng lên tờ báo « Tiếng Chuông », một tờ báo của đoàn-thể cách mạng Việt Kiều bên ấy, dưới sự điều khiển biên tập của cụ tú tài Đặng-thức-Hứa, một nhà cách mạng cùng thời với các cụ Phan-bội-Châu, Phan-chu-Trinh, quê ở miền Nghệ-Tĩnh, trước đó có xuất dương sang Nhật, sang Tàu rồi sau mới qua Xiêm hoạt động.

THAN ÔI !

Vùng Quê-hải gió tanh mưa máu, áng ba đào vì tình thế xui nên,
Cõi Viêm-bang núi thịt cồn xương, nỗi bi thảm xưa nay chưa mấy có.

Ngoài ngàn dặm trông về cố quốc, non sầu bể thảm, quặn ruột gan chín khúc tơ vò.

Cuộc trăm năm tưởng tới đồng tâm, cỏ úa hoa dầu, dẫu sắt đá cũng hai hàng lệ nhỏ.

ANH CHỊ EM TA !

Gặp lúc vận nước suy vi !
Giống nòi cực khổ.
Quân quý trắng, già tay bóc lột, rày sừ mai thuế, bóc tận xương da.
Lũ lẫn xanh, bu miếng đỉnh chung, bán nước buôn dân, kể chi máu mủ.

Tuy cách mạng đã từng phen bông bột, tiếc nỗi tâm chí có thừa mà phương châm chưa đủ, sức ve mình chầu đành chịu khoanh tay.

Thôi thì giầy bừa hết cách, đàn áp đủ đường, dầm ngựa ách trâu, hãy còn chịu nổi.

Tụi tân học đua nhau Âu hóa, bình đẳng tự do thoa cửa miệng, thực lòng vì nước, trăm người chưa có một, ngấm tiền đồ thêm ngán bọn Tây du ³⁷⁰,

Bọn cừu nho toan kế duy tân, anh hùng lãnh tụ chất đầy lòng, thực dạ vì nòi, xóc số được bao nhiêu, thôi đại sự chắc chi người Đông-độ ³⁷¹.

Nay gặp lúc phong trào sôi nổi, khắp năm châu trống giục kèn kêu ;
Nay gặp người chỉ lối đưa đường, cùng bốn bề triều dâng sóng vỗ.

Rừng thế giới ta góp cây !

Bão cách mạng ta góp gió !

Màn phấn đấu khởi tháng hai năm ngoái, cỡi Yên Bái dậy một phen oanh liệt, máu quốc dân phun nhuộm dẫm xa trường.

Cuộc biểu tình liên tháng chín vừa đây, đất Hồng-Lam gầy mấy trận tung hoành, hồn tổ quốc kêu vang kèn dụng võ.

Nhân dân quyết chí tiêm cừu ;

Để quốc già tay khùng bố.

Thương những kẻ gan vàng da sắt, lẫn lóc tuyên truyền vận động bỗng rủi cơ mưu bại lộ, nhẹ lông hồng khi lên máy đoan đầu.

Xót những người rách áo đói cơm, ước ao hạnh phúc dân quyền, mà đem tính mạng hy sinh, phá hang cộp để tìm đường sinh lộ.

Thương những kẻ trong trường thương mại, phá gia nghiệp ngàn vàng tư trợ, án tình nghi chẳng quản thúc kèm tra.

Xót những người giữa áng binh nhung, rắp ranh thân Hán tâm Hàn ³⁷² chước đảo qua ³⁷³ gầy mấy trận tung hoành, hồn nghĩa liệt nhoáng theo hòn đạn nổ.

Bạn má phấn phát cờ nương tử, chí tang bông, duyên hồ thi, phận liễu bồ vùi giữa đám binh đao.

Bọn đầu xanh kết đội thiếu niên, đi diễn-thuyết, phát truyền đơn, đem sinh tử để ra ngoài mệnh số.

Thương những kẻ Hỏa lò, Khảm lớn, mài mật chống cùng oai võ, tiếc nổi gan vàng mà mệnh bạc, hồn lìa theo ngọn búa đầu rơi.

Xót những người Lao-Bảo, Côn-Lôn, bầm gan chịu với phong trần, gặp nơi nước biếc non xanh, xác đành gởi ngàn cây nội cỏ.

... ..

ÔI THƯƠNG ÔI !

Tắc dạ trung trinh,

Tấm lòng kiên cố.

Những cái chết đáng thương, đáng tiếc, đáng dạ nhớ lòng ghi !

Những cái chết đáng quý, đáng yêu, đáng bia đồng tượng gỗ.

Người ấy ví còn sống lại, còn hy sinh cho quốc gia xã hội còn nhiều

;

Thân kia dầu có chết đi, cũng ảnh hưởng cho cách mạng hoàn cầu chẳng nhỏ...

ANH EM CHỊ EM TÔI !...

Tủi phận quê người,

Chạnh niềm nước cũ.

Nghĩ đến chữ « Tinh thần bất tử » dạ đình ninh kẻ khuất với người còn.

Gẫm đến câu « Khí phách trường tồn » lễ truy điệu biểu tấm lòng ái mộ...

HỒI ÔI ! THƯƠNG THAY !!!

Văn tế sống năm cụ Thượng về vườn

Năm 1933 là năm bọn thực dân Pháp cử tên toàn quyền Pierre Pasquier sang làm toàn quyền Đông-Dương. Năm ấy kinh đô Huế có năm vị đại thần khét tiếng tức 5 cụ : Nguyễn-hữu-Bài, thượng thư bộ Lại, Tôn-thất-Đàn, thượng thư bộ Hình, Phạm-Liệu, thượng thư bộ Binh, Võ-Liêm, thượng thư bộ Lễ, Vương-tứ-Đại, thượng thư bộ Công. Năm cụ này trải thờ bốn trảo vua Thành-Thái, Duy-Tân, Khải-Định, và Bảo-Đại. Thái độ và hành động của các cụ chẳng những tỏ ra tận trung với vua mà còn dốc lòng với nhà nước Bảo-hộ.

Ấy thế mà bất nhân thay, sau khi Bảo-Đại hồi loan được mấy tháng, tên toàn quyền ấy lại bắt các cụ phải về vườn tất cả nhường cho các cụ khác vào. Thật là một cuộc chính biến đáng cười ra nước mắt, nên một nhà thơ ở Kinh lúc ấy là ông Hoài Nam Nguyễn-trọng-Cần có làm một bài thơ Đường luật :

*Năm cụ khi không té cái ình,
Đất bằng sấm dậy đất thần kinh.
Bài không đeo nữa xin dâng lại,
Đàn chẳng ai nghe phải giấu hình.
Liệu thế không xong binh chẳng được,
Liêm đành chịu đói lễ đừng dinh.
Công danh như thế là hữu hĩ,
Đại sự xin nhường kẻ hậu sinh.*

Bài thơ này làm sôi nổi dư luận một thời. Nhưng để đánh dấu kỷ càng hơn về cuộc chính biến này phải nói là bài văn tế sau đây của cụ Võ-Khải, cũng ở đất thần kinh làm ra, đọc nó, chúng ta mới hiểu một cách thấm thía về nỗi lòng chua chát của các cụ Thượng trên cũng như dã tâm của nhà nước « Bảo-bộ » và sự hoàn toàn bất lực của triều đình lúc đó.

THAN ÔI !

Nắng héo cảnh hoa ;
Sóng xiêu cột trụ.
Thời văn minh nên giữ lễ công ;
Tài lão luyện khá thương người cũ.
Năm Quý-Dậu tiếng gà gáy giục, thôi tỉnh rồi một giấc hoàng lương

;

Tiết Nam-phong ngọn gió thổi dồn, bỗng trút cả năm cây đại thụ.

NHỚ CÁC CỤ LỚN NAY :

Trí dũng thông minh
Khôn ngoan tài ngộ.
Mình trải bốn triều,
Quan trên sáu bộ.
Chức Bình chương đã xứng mặt đại thần ³⁷⁴
Tài kinh tế cũng nên tay thạc phụ. ³⁷⁵
Vận hội gặp cơn mưa gió, lạnh rãng nào dám hờ môi ;
Công hầu say miếng đỉnh chung, lấp miệng cũng vì lớn vú.
Sóng Hoàng hải chẳng yên cũng lặng, lo chi thế ấy thế này ;
Nợ tang bồng chưa trả đã vay, khắp cả ngõ kia ngõ nọ.
Trọng xuân trước áo xiêm ràng buộc, mới tế trời theo lễ Nam-giao ;
Tháng ba sau xe ngựa dập dìu, lại hầu ngự làm chay Thiên-mụ.
Kiệu hoàng đế đã về trị nước, bảy tám năm mới thấy mặt trời ;
Số hữu quan chẳng động tới mình, hai ba tháng tưởng qua luồng
gió.

AI NGỜ !

Giông tố bất ngờ ;
Mây mưa đánh đổ.
Hội thanh xuân giữa lúc hoa tàn ;
Nước Hồng hải gặp cơn sóng vỗ.
Đầu tháng tư đổi tiết, quan toàn quyền chính phủ đã qua ;

Chiều mồng tám hội thương ³⁷⁶, việc ha lệnh phong bì mới xố.
Giấy đã khai ra ;
Mặt đều thấy rõ.
Tứ dưới ông Công ³⁷⁷ ;
Đến trên cụ Võ. ³⁷⁸
Cả thầy năm ngài,
Được về một số,
Chữ pháp tử trong tay đã hiểu, cười cũng lờ cười ;
Gương tinh quang trên mặt còn đeo, ngó rồi lại ngó.
Tưởng đã đứng đầu năm tước, tha hồ đề bảng Phước-môn ; ³⁷⁹
Hay đâu đi rập một chiều, hưu hĩ trừ quan Thượng Hộ. ³⁸⁰
Thảm thiết nhĩ, năm mây gần đó, ngấn ngơ trông năm vẻ rồng cao ;
Độc ác thay ! một lưới quét xong, may sót lại một con cá nhỏ.
Ừ có chữ « danh thành thân thoái » kiếp thử sinh chi dám kêu nài ;
Tủi vì câu « tổng cữu nghinh tân », chữ bản nhật ³⁸¹ sao mà khắc
khố.

ÔI THÔI THÔI !

Sĩ chỉ theo thời,
Hành tàng có số.
Mấy tạo khôn lường ;
Đạo trời cũng ngộ.
Vua đã tha mà phép lại không tha,
Ta chẳng phụ tại sao người nữ phụ.
Bước qua năm mới, lối đường cũ nay khỏi gác xe ;
Biết có ngày ni, cửa Thần-vũ trước đà treo mũ.
Ngao ngán lên hàng Hiệp-Quy ³⁸², một chiếu một mâm ;
Thình lình đưa giấy hồi hưu, cả đoàn cả lũ.
Hẹn phải ba ngày bái mạng, giã mai hòe mà vui với cúc tùng.
Dành hay một vị hồi hương, tạ khanh sĩ về chơi cùng thân cố.
Y thường vui gặp hội, áo mũ xưa đã khác tích thì ³⁸³ ;

Lương đồng thiếu chi tài, nhà cửa đó giao về tân chủ.
Đất cũ đãi người mới, cuộc tang thương sao khéo đổi dời.
Ăn lâu chán mùi rồi, ớn sơn hải thẹn chưa báo bổ.
Rủi mà được sống lâu lên lão, miệng sau lưng nhiều tiếng khó nghe

;

May cũng cho thác trẻ khỏe ma, khối trong bụng bao giờ cho đủ.
Tuyết trắng đã thay mái tóc, bông con thơ mà giỡn cho khuây ;
Hoa tàn còn đượm mùi thơm, dạo vườn cũ thử chơi cũng thú.
Nhờ ơn nước khi tiệc lớn, năm vài lần quen miếng thịt xư ;
Tính bồng hươu số bạc to, tháng trăm trự còn màu mỡ đó.
Cụ thì dạo chơi sơn thủy, côi Bắc miền Nam ;
Cụ thì trở lại gia hương, quê cha đất tổ.
Cụ lo thực nghiệp mà tìm nơi canh khẩn, chơi cùng phường lão phở
điền phu ;

Cụ thích phiên ba mà ẩn bóng kinh đô, chịu làm kẻ kiêu cư khách
ngụ.

Tranh tạo hóa hầy còn treo đó, khói phù vân đủ sắc trắng xanh ;
Trường diễn ca đã hết lớp rồi, mặt ối lỗi thay màu đen đỏ.
May trước dặt dìu con rẽ, khiến đua bơi mà nổi nghiệp nhà.
Mừng nay thông thả tháng ngày, nhờ ăn ngủ càng lên côi thọ.
Nay sắp tới quan trường chinh đốn, nhỏ thì liêm, lớn thì giữ phép,
cải lương cho là gánh khanh phu ³⁸⁴ ;

Rày khác xưa chính trị mở mang, trên vì nước, dưới cũng vì dân,
lâu dài được nhờ ơn bảo hộ !
Nay chép vài vần,
Xin mừng các cụ.

Văn tế đồng bào Nghệ-Tĩnh chết vì nạn bão lụt

Nói đến trận bão lụt năm 1935 ở Trung-Việt chắc hẳn chưa mấy ai đã quên đó là thiên tai đã làm cho không biết bao nhiêu sinh mạng và tài sản của đồng bào ở hai tỉnh Nghệ-An và Nghệ-Tĩnh bị cuốn theo dòng nước và xô theo chiều gió.

Song vào thì bão ! lụt thì lụt.

Cái tai họa xảy ra đem cho đồng bào những thiệt hại ấy chắc hẳn không phải chỉ vì riêng tay tạo hóa, mà chính nhà cầm quyền Pháp và Nam triều lúc ấy phải gánh lấy một phần tội lớn.

Tại sao họ để cho nước lụt, và bão lụt rồi lại không thiết nghĩ đến cảnh lầm than khốn khổ của đồng bào ?

Chúng ta hãy đọc bài « văn tế đồng bào Nghệ-tĩnh chết vì nạn bão lụt » này của nhà ái quốc Phan-bội-Châu sẽ thấy cảnh điêu đứng của đồng bào ra sao sau trận bão lụt ấy, cũng như là thái độ của những kẻ « ăn trên ngồi chốc » tự xưng làm « thầy » và làm « cha mẹ » của nhân dân trong khoảng thời gian ấy !

THAN ÔI !

Họa hồng thủy vì đâu đưa tới, gớm ghê con tạo quá già tay.
Trận cuồng phong mấy ngọn xông qua, đau đớn thẳng bần nên vỗ ngực.

Cõi cực lạc trông chề trông chán, trông đã hết no.
Dân vô cố chết ngược chết xuôi, nghĩ càng thêm tức,
Sóng bất bình trăm lớp reo to,
Tình đồng chủng đôi dòng khóc nước.

THỐNG DUY ĐỒNG BÀO BỊ NẠN

Dòng giống Tổ Hồng,
Tôi con Mẫu quốc.
Phận chịu đế giun,
Ngu cam bò đực.
Mấy mươi vạn lao nhao lỗ nhố ; hủ hỉ bữa cơm bữa cháo, tân khổ
qua ngày.

Quanh một năm chạy vạy chạy vàng, lo có đồng thuế đồng sưu,
trung thành hết sức.

Dù nắng dù mưa dù giông hồi tố trận, dầu tro mặt trấu, dăm đầu
trắng trộn với ông xanh.

Ai cày cuốc ai đập đá đốn cây, chơn lấm tay bùn, trót đã đen thui
hơn chó mực.

Sao trời còn cầm đao cầm điện.
Xui ta phải chết cơ chết cực.
Lụt thời to, bão lại phi thường.
Nước quá dữ, sóng càng bất trắc,
Thần Phong-Bá vô tình lăm nhĩ ; mồ ba-đào chôn sạch xác làm ăn.
Kiếp thương sinh đáo để làm sao ; lửa sấm chớp thiêu tan hồn ngũ
thức.

Vô số nhà to nhà nhỏ, bay tuốt lên trời ;
Biết bao ruộng thấp ruộng cao, sâu thành hóa vực,
Chó gà xao xác, trôi theo thây chủ từng đoàn.
Sầu mậ lung tung, nuốt sống xương người kẻ ứ.
Ghe nổi triều lùa mưa cuốn, khách vô gia thôi hết lối cầu sinh.
Xót người sóng lấp cát vùi, thuyền cứu khổ biết nhờ ai xuất lực.
Oan khổ thiệt mấy phường đánh cá, vẫn kính thành cùng Hà bá, sao
Bá đành tuôn xuống ngọn dòng đông.

Tội nghiệp cho mấy chú làm thuê, chẳng trêu chọc đến Phong Di,
sao Di nữ cuốn vào luồng gió bắc.

Côi cút đường này đường nọ, mong đủ hai ba đồng đặng sống, tình
cờ mà chết trước, ai dè thiên địa bất nhân.

Trăm trờ năm ngoái năm kia, tránh khỏi một hai kiếp vừa mừng, các
cớ họa trời dồn, có lẽ tổ tiên thất đức.

ÔI THÔI !

Sóng vàng máu đỏ, chết đã quá oan,
Nước mặn đồng chua, sống càng thêm bức.
Chật làng xóm chứa đầy là oan quỷ, tha hồ khóc khóc rên rên.
Thả trâu bò cúng sạch với Diêm-vương, vắng ngắt rì rì tắc tắc.
Thương những kẻ mất vợ, mất chồng, mất anh em, cha mẹ, bối đất
tìm nhưng sợ ngục nhiều từng.

Xót vì ai không cơm, không áo, không nhà cửa ruộng vườn, kêu trời
hỏi biết trông thang mấy bậc.

Tình cảnh này dù đá cũng rên to.
Oan nghiệt nợ có tai đành lúc lắc.

EM NAY !

Đất mẹ Trời cha, núi gang sông tắc,
Cảnh đã chung đồng, tình càng thiết thực.
Vẫn nên máu chảy ruột mềm,
Há phải nặng chì nhẹ bắc.
Đau bốn bề trong cơn thủy hỏa, tan xương nát thịt đựng kỳ tài ;
Trừ một mình ngoài cuộc phong ba, chữa cháy vớt chìm ngư bản
chức.

Thấy đã gây ghê.
Nghĩ càng thắc mắc.
Chung nhau sống há riêng nhau chết, chữ anh quan thôi xếp sách
thầy Kha.

Sau mà vui phải trước mà buồn, nghĩa ma đĩnh dám quên lời họ
Mặc.

Vậy nên !
Dốc tấm son đề, tuôn dòng máu rắc.

Xin cả thầy anh em chú bác, hồn non sông soi xét lấy tình thành,
Mong lần qua xuân hạ thu đông, cơ tạo hóa xoay vần trong khoảnh
khắc.

HỒI ƠI ! THƯƠNG THAY !

Tỉnh quốc dân phú

Các nhà cai trị Pháp sang đây, có thật họ muốn khai hóa cho dân tộc Việt-Nam không ?

Hay trước sau, tất cả đều là những thủ đoạn lừa bịp.

Bởi thế, nên trong bao nhiêu năm trời có mặt ở đây, mà người mình có thấy gì là văn minh đâu.

Thật đáng thương hại thay, và tủi nhục thay cho dân tộc Việt-Nam ta trong những năm được họ ngồi lên đầu cổ để « khai hóa ».

Nào chỗ này thì những bọn rước voi giày mả, chỗ kia thì những kẻ xăn tay đốt làng, chỗ nọ thì những phường mượn gió bẻ măng, chỗ khác thì những kẻ xui nguyên giục bị.

Cả một xã hội đầy thói tha nhơ bẩn, nhan nhản những hạng người mắt cáo râu dê, và đầy dẫy những thói quỷ tha ma trói.

Bao nhiêu những cái đó đều được tả ra trong bài « Tỉnh quốc dân phú » này của cụ Phan-bội-Châu. Cụ lấy đủ sáu vần trong câu đầu Kim Vân Kiều truyện của nhà thơ Nguyễn-Du và sáng tác trong những ngày tàn ở sông Hương núi Ngự để gọi thức tỉnh thần đồng bào tỉnh dậy và tin tưởng vào tương lai rực rỡ của giang sơn Tổ quốc, vì theo cụ thì « hội trăm năm gần đó chẳng xa đâu »...

Liếc xem phong thổ,

Nghe, tiếng quốc âm.

Ở ống thì dài, ở bầu thì tròn, đã biết ngạn ngôn vẫn có.

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, cho hay cổ huấn đã nhằm.

Sống nhiều tuổi biết nhiều điều, cổ nhân đã dạy.

Hơn một ngày hay một chúc, tiền định chẳng lầm.

Khôn làm chị, khó làm em, người danh giá chia nên thương hạ.
Giàu vì làng, sang vì nước, khách tài hoa nổi gót quan trâm.
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, người cư xử có thủy chung tiền hậu.
Có tiền mua tiên cũng được, nó tiền tài kể ước vạn nghìn trăm.
Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau, lời ngạn ngữ mấy câu huấn độ.
Khéo ăn thời no, khéo co thời ấm, lúc hàn vi bao kẻ phù trầm.
Vốn xưa : mấy dòng chính thống, một côi An-nam.
Vũ trụ thu về trong tám côi,
Cơ đồ gầy dựng mấy muôn năm.
Ai ngờ tin bọm mất bò, âm âm khắp côi bắc nam, thấy trắng toát
thuyền bè xe ngựa.
Chẳng biết nuôi ong tay áo, giảng giảng khắp đường kẻ chợ, mãi
đen sì thủy bộ sơn lâm.
Nuôi cọp cọp hại mình, tiền bạc nó đều thu tận.
Chơi cò cò mỗ mắt, thành trì quét sạch lãng xâm.
Rước voi về giày mả, nào tiểu chiến, nào đại công, liếc mắt thấy cò
trường tỏ rõ.
Xắn tay đốt nhà làng, nào thành cao, nào hào rộng, vắng tai nghe
súng phát vang ầm.
Mình một gói, người trót bàn, nó xe ngựa tung hoành trong đất
nước ;
Bè của tôi, gỗ của chú, nó bạc tiền thu tận mấy non sông.
Không thầy đố mày làm nên, xe Cát-lợi, điện Hồng-mao, đều học
được tha bang trí xảo.
Gần tre phải chè một phía, thuyền Pha-nho, súng Phổ-lỗ, đã chắc
ràng viễn quốc hồng phong.

BÂY GIỜ :

Bụt già ma trẻ,
Nước đục bùn trong.

Cũng có người nhờ gió bẻ măng, chẳng nhớ xưa lộc nước ơn vua,
cơm áo nặng dày vô ơn cố chúa.

Cũng có kẻ qua cầu cất nhịp, chỉ biết những đồng tiền lượng bạc,
cương thường nhẹ bổng chữ trinh trung.

Cũng có thằng theo đuốc ăn tàn, quyết một bài uốn lưỡi cắt răng,
ngậm miệng nín hơi đua những thói.

Cũng có kẻ nường đèn ẩn bóng, quen những thói bắt tay nhớ mặt,
xui nguyên giục bị nhờn nhớ lòng.

Ăn một miếng tiếng cả đời, chỉ cảm hết thịt dơ xương, gặp hội no ra
rồi cũng có.

Gió bề nào che bề ấy, đã chắc ít thầy đầy bị, tới phen này há lẽ ngồi
không.

Quan cả vạ to, giàu kim ốc thấy đâu Đình-Trưởng.

Của đời người thế, tiền đồng sơn đâu thấy Đặng-Thông.

Hội này : nhà nước loạn ly ; sơn lâm biến đổi.

Chớ thấy người sang bắt quàng làm họ, phận đình chung sẽ bấm chỉ
đợi chờ.

Chớ thấy sóng cả mà vỗ tay chèo, tài châu liếp phải ra tay gắng giời.

Cũng đừng ăn no tức bụng, theo những phường mắt cáo râu dê.

Cũng đừng bỏ bạc mất hồ, mang những thói quỷ tha ma trói.

Thua cuộc này bày cuộc khác, ruổi phong trần quét sạch hồ di.

Đông có mây tây có sao, tính sấm vừng đã nhằm nguyên hội.

Phải ra ngoài mà lần, văn tu võ luyện học cho tinh.

Dốt thời truốt cho xa, đáy bể ngọn nguồn bơi đến côi.

Có hỏi thời nói, có gọi thời thưa, thơ thần kẻ hiền nhân quân tử.

Ra đường hỏi nhà, về nhà hỏi trẻ, xem hội này thiên hạ nhà ai.

Phi đường ấy tắc đường kia, nhằm Mộc Tử sơn hà đã định.

Đèn nhà ai sáng nhà nấy, hẵn Phá Điền đường để trùng khai.

Xem mặt đặt tên, số hai mươi cho ra mới biết cày chưa gặt nước.

Nhiều cây dày trái, hạn bảy mươi đã định biết rằng chợ họp lấy
người.

Cũng có người nhiều mỗi tối nằm không, có tình vì nước, vì dân,
bảo một đường quàng một nẻo.

Cũng có kẻ cầu danh tranh mỗi lợi, có ý giả vương, giả bá, khéo
lồng mốt dốt lồng hai.

THÔI THÔI !

Thế thời mặc thế,

Ta biết việc ta.

Câu xuất khảm chưa từng đã rõ.

Hội trăm năm gần đó chẳng xa.

Hay áo giặc sừng, đến lúc cháy nhà ra mặt chuột.

Ma bắt có mặt, mấy đời đưa ở đánh chúa nhà.

Rút dây động rừng, nào là ba bể chín châu, thu hào kiệt đem về la
võng.

Phất cờ theo gió, đâu đấy ba mang bảy bị, so quần tài một hội can
qua.

Rồi ra giậu đổ bìm leo, đấng chân chúa thừa cơ gặp hội.

Mới thấy cây cao bóng mát, khách anh hùng khai quốc thừa gia.

Ba vuông sánh với bảy tròn, hội quân thần ra tay trí trạch.

Nước đồng chảy thông ra cửa, đối thái bình mở hội âu ca.

TA Ở

Hoan-châu đất cũ,

Hồng-lĩnh quê nhà.

Đất thảo dã đã quen nghề thao lược,

Tiếng anh hùng nổi từ lúc năm ba.

Ăn vóc học hay, đủ thời vụ tính xem thế vận.

Chỉ đâu đánh đấy, khách Nam-đình ghi để bút hoa.

Tĩnh Tục Phú

Đã là thực dân thì luôn luôn lúc nào và bất cứ đến đâu cũng đều dùng chính sách ngu dân, vì dân có ngu, chúng mới tự do, mới tha hồ vét bỏ túi tham, túi tham của họ là túi không khi nào có đáy.

Vì thế, trong những ngày các nhà cai trị Pháp còn có mặt ở đây, họ đã « khai hóa » dân tộc ta bằng cách bèn giữ những tật xấu, nét hư, những phong tục hủ bại, những dị đoan mê tín đi đôi với chính sách quan tham lại những.

Như vậy đó.

Ấy thế mà trong đồng bào ta vẫn còn kẻ tin được, hỏi sao mà quái đến như vậy ? — Và như vậy, làm sao mà thoát xiềng nô lệ, làm sao mà mở mày với năm châu bốn biển ?

Cho nên nghĩ đến tiền đồ của non sông, vận mạng của dân tộc, cụ Phan-bội-Châu, nhà cách-mạng tiền bối của ta, phải viết ra bài « Tĩnh tục phú » này, mặc dù cụ bị giam lỏng một nơi ở tại kinh thành Huế, xung quanh lúc nào cũng có sự theo dõi, dòm ngó của kẻ thù và những lũ chân tay của họ.

Các bạn hãy đọc bài này sẽ thấy lời cụ thống thiết kêu gọi đồng bào phải giác ngộ thế nào, nhất là những sĩ phu trong nước.

Đường đất nghe âm âm,

Thông trời cho bảo.

Thế sự đã chồn,

Nhân tình phải cáo.

Ai có biết thời nghe,

Ta nên xem nhật báo.

Việc ấy chưa rồi trời việc khác, sức dân gánh mãi cũng mòn.

Tiền nợ vừa nộp nộp tiền kia, của nước vất lâu cũng ráo.
Gánh giang san nghe cũng nặng nề.
Cơ trời đất có khi hạn lụt.
Gầm nhà nước, nước non mãi thế, ai đó thừa với các thầy các quan.
Lấy nhân tình, tình trạng kể ra, ta xin nhau cho kẻ đồng kẻ lão.
Thánh nhân kinh thế, chữ tồn ích lấy làm tri công.
Quân tử tùy thời, nên thông biến mới là trí nảo.
Thấp chân chạy trước, đương đại thì phải học khôn.
To đầu khó chui, chưa lớn hãy khoan làm báo.
Tế tự tinh thành trong bụng, không kỳ to thịch to xôi.
Phụng thờ kính úy trên đầu, chẳng phải lăm vàng lăm áo.
Thánh ngài ở chi trong miếu, mà tô gạch tô vôi.
Thần người ở chi ngoài đền, mà sắm gương sắm giáo.
Lên chùa lạy Phật, Phật nam vô Phật, chữ chân tâm là ngâm kệ
ngâm kinh.
Lắm thầy rầy ma, ma sợ chi ma, có chính khí đừng vọng cầu vọng
đảo.
Sống ta cứ ở phải, trời sinh trời dưỡng, chớ chọn chi quy khảm quy
khôn.
Chết ai nấy vực sâu, đất nhỏ đất to, biết đâu là long thìn long mảo.
Việc tống táng xin đừng sắm sửa, nợ ở đời mà đời ai không nợ, hiểu
chi đồ lăm trống lăm cờ.
Đường hôn nhân ăn ở lâu dài, con có họ mà họ ai không con, lẽ đâu
bảo xách tiền xách gạo.
Tùy lương tính mời anh mời chị, bụng tính tiền mà miệng giả lua
khua.
Nghĩa bách niên điều cố điều ông, mắt liếc thịch mà mồm vờ mếu
máo,
Coi miếng ăn như nghề, nghe to đùm thời nói ngọt nói ngon.
So điều ở hơn vôi, không có miếng thời hết thơm hết thảo.
Đất có quê, lẽ có thói, quý sao sự thực, ai lại pha cho vừa mạng vừa
cò.

Giàu làm kép, hẹp làm đơn, chi đồ phụ hoa, ai có bảo mà làm trở làm tráo.

Giỗ chẳng biết truy tư tổ khảo, lo ăn đi ăn lại, mời mời rước rước, bạc bạc vàng vàng.

Tết vui thay di dưỡng tinh thần, cũng chạy ngược chạy xuôi, hương hương hoa hoa, tranh tranh pháo pháo.

Như nói điều tôn ty thượng hạ, thời ta đã ăn trên ngồi trước, chăm chỉ nơi thịt sống cổ bàn.

Dù sao rằng thù tạc vãng lai, thời ta cứ rày viếng mai thăm, sá chi đồ chả nem cơm cháo.

Bà con muốn làm sao mặc, sẽ náu lạng mà nghe.

Anh em đừng kể miếng ăn, nghe đích đừng bàn náo.

Dù ai chê thức nghe cũng sướng, khôn ra thời nằm ngủ nghe kèn.

Cầu người khen nín hơn không còn, đại chi mà đưa hơi thổi sáo.

Học chi mà học, văn thơ phú lục, được bài gì mà nhón mỏ chuột chù.

Thi chi cũng thi, tu tề trị bình, được chữ gì mà vênh môi cá ngạo.

Trò chi đồ quái đồ quý, tổn nhân ích kỷ một gà mà hai mề.

Độ về đừng cậy thế cậy thần, trí chúa trạch bá voi không một xáo.

Lấy bụi nửa giá bụi pheo, xin đừng ba bè bảy mảng, thượng hư văn chỉ bác tân thư.

Mượn cái cột chốt cái kèo, trông cho hai mái một nhà, vu thực học nên theo cửu sáo.

Học đạo vi sĩ, miệng ngâm dạ nghĩ, theo chi đồ rày bạc mai cờ.

Đại bản giả nông, chân lấm tay bùn, cứ chi bọn sớm cù trưa đáo.

Thợ cho ra thợ cả, chớ giơ dùi làm quếch làm quàng.

Buồn thời phải buồn chung, chớ xỏ lá nói vênh nói váo.

Có tiền mua tiên cũng được, lo sao cho phú cho cường.

Không thầy đố mày làm nên, học sao cho trí cho xảo.

Khéo ăn thời no, khéo co thời ấm, cho dân được bất cơ bất hàn.

Khi giận thời đánh, khi quạnh thời thương, cho dân được tương thân tương bảo.

Chó thời treo, mèo thời đập, ta có của phải lo.
Cá trong chậu, chim trong lồng, ai có biết mới tháo.
Đứng trường gân chi nữa, nước đến chân cùng da cùng thịt, gót
muốn sạch nên phải sấm giày.
Ngồi mó ót mà coi, việc đến đâu có mắt có tai, tóc làm rầy để chi
không cạo.
Mặc áo phải lo áo chỉ, đủ cánh mới hòng bay,
Che ô phải nghĩ ô danh, mở cung kính tiếng chào.
Trít tai voi xuống đó, nghe chẳng đến đầu đến đuôi.
Trương mắt ếch làm chi, nói thời trường trộ trường trạo.
Sấm sửa uốn câu miệng cá, việc chi có việc cò kè.
Quản bao vạch lá tìm sâu, phường ấy cũng phường ốc sáo.
Việc Âu-Á thế tùy thời, thời tùy thế, tiểu nhân an dụng khu khu ³⁸⁵ ;
Đạo Khổng Mạnh ngôn cố hành, bành cố ngôn, quân tử hồ bất tháo
tháo ³⁸⁶ .
Trai bốn mẫu, anh em là tri thức, cất dân quyền cho rõ mặt trùng
tân.
Người một họ, con cháu cũng anh hào, nhờ tổ ấm cũng ra tay tái
tạo.
Ơ ai ôi ! Hữu tri hữu tri.
Nay tôi xin. Cập tảo cập tảo.

Văn tế cụ Phan-bội-Châu

Năm 1940, tháng 10 ngày 29, cụ Phan-bội-Châu từ trần và chôn cất ở Huế, Thọ 74 tuổi.

Hay tin cụ mất, quốc dân ai nấy đều thương tiếc vô cùng, nhưng làm sao làm lễ quốc táng được, vì hoàn cảnh không thuận tiện.

Chánh quyền thực dân Pháp và Nam triều bề ngoài tuy ra vẻ sẵn sàng đám tang cụ bằng canh phòng cẩn mật, nhưng kỳ thật là để ngăn cấm những cuộc truy điệu hoặc biểu tình như đám tang cụ Phan-chu-Trinh ở Sài-gòn năm 1926, nhất là khi ấy lại là khi quân Nhật vừa đổ bộ vào Đông-Dương được hơn một tháng trời.

Vì thế nên trong những thi văn về đám tang cụ ngoài câu đối của ông cử Dương-bá-Trạc khóc :

Một bầu nhiệt huyết, tưới ra khắp Hoành-tân, Bang-cốc, Thượng-hải, Yên-kinh, ôm về núi Ngự sông Hương, vùi xuống cửu nguyên còn đóng cụ ;

Muôn thuở anh hồn, bạn cùng Tây-hồ, Nhị-kê, Trảo-nha, Liên-bạt, phù hộ nòi Hồng giống Lạc, ngắm coi năm biển những phì cười.

Chúng ta ngày nay chỉ còn ghi lại được bài văn tế cụ này của một chí sĩ vô danh người Hà-Tĩnh làm ra để thay lời quốc dân kính viếng anh hồn cụ. Và sự nghiệp cụ, tinh thần vì dân vì nước của cụ cũng như cảm súc của các đồng chí, và đồng bào đối với cụ cũng tóm tắt ở trong bài văn lịch sử này.

THAN ÔI !

Thiên diễn chẳng qua trường múa rối, bày ra cái hay hay dở dở, phỉnh người đời cho đến bạc đầu đi.

Anh lúc chỉ lấy nước làm nhà trái bao phen được được thua thua, đến lúc chết vẫn chưa quay cổ lại.

Xóc thẻ tính từng cơn đau bể, xưa qua nay lại, bao cuộc buồn vui.
Hú hồn kêu mấy bạn non sông, kẻ khuất người còn, thêm chiều ái ngại.

NHỚ CỤ XƯA :

Học rộng tài cao,
Khí hăng chí giỏi.
Đầu xứ Nghệ tiếng đà từ thừa, một ngòi lông rung động cả ba kỳ.
Thánh Nam-đàn sấm hần từ đây, đôi con mắt nhìn thấu tám cõi.
Thời chưa đến anh hùng giấu mặt, thông thả câu thơ phú, vận thanh tâm ngòi lắc thầy đồ.

Việc khi nên thân sĩ đứng đầu, ngâm nga bài biểu bài văn, trường bách chiếu tạm vất vai ông Giải.

Kinh, Quảng đòi phen xuôi ngược, chí sẵn rắp ranh.
Mão, Thìn mấy độ xông pha, lòng thêm hăng hái.
Liếc nhìn thấy trào lưu thế giới, ba dồn bảy đập, nước đến chân há lẽ đứng chờ ai ?

Đoái trông về cảnh tượng giang sơn, bảy xé ba chia, tức ứ tiết lẽ đành cam chịu lỗi.

Nào bác Thần-sơn,
Nào ông Ngự-hải,
Nào lập quân cơ,
Nào bày san trại.

Khói đạn trái bao phen nung nấu, khi Tịnh-bảo, khi Hoan-đần, khi Tuyên, Hưng lui tới, ngọn lửa tàn càng dập lại càng bùng.

Tuyết sương ngoài muôn dặm xông pha, nào Đông-kinh, nào Thượng-hải, nào Quế, Việt đi về, gót chân dạn chảng mòn cũng chẳng mỏi.

Hăm lăm triệu đồng bào, thù nọ đã quên hay chữa, chan chứa trăm dòng huyết lệ, lập Lưu-cầu trao lại bác Phan-Chu ³⁸⁷.

Bốn nghìn năm tổ quốc, hồn xưa nay biết về đâu, âm thầm đòi đoạn
can trường, sử vong quốc viết cùng ông Lương-Khải ³⁸⁸.

Trời đà lắt léo, khuất kẻ trung trinh.

Đất khách xa xăm, đau lòng quan tái.

Khách giang hồ chi quản bước lưu ly.

Thư trong ngực viết bao lời cảm khái.

Thế dù vậy thời kia dù vậy, tấm lòng son cùng với nước non thề ;

Thân đang còn nước hãy đang còn, bàn tay trắng quyết cùng trời đất
chọi.

Hội Việt-Nam ³⁸⁹ cùng nhau lại lập, toan xoay cuộc khác, phận bồ
đào chi quản nổi gian truân.

Đất Quảng-Đông tạm lúc nương nhờ, mong đợi ngày sau, sự quang
phục biết còn chăng cơ hội ?

Nát gan Ngũ-Tử, nước cờ Ngô khó tính lúc hầu tàn ;

Mệt dạ Vũ-Hầu, lửa tro Hán khôn nhen khi đã nguôi.

Sự thế đã vầy,

Cuộc đời hết nói.

Giang san trong những lúc tồn vong,

Anh hùng sá kể chi thành bại.

Mấy thiên hải ngoại ³⁹⁰ tỏ tâm can cho hả dạ bất bình.

Một tập đề huân ³⁹¹, với quốc dân mong cáo rằng vô tội.

Nùng, Nhĩ lúc về quê, ngao ngán lâu đài, ngô cũ đau lòng cố quốc,
nước non chan chứa lệ tang thương.

Hương, Bình khi trở lại, lạnh lòng trăng gió, thuyền ai ngán buổi tân
trào, sông, núi ai hoài thân lão đại.

TỪ ĐÂY

Tên đế năm châu.

Người về chín suối.

Lam, Hồng đã vắng tiếng đi về.

Âu, Mỹ biết tìm đâu thăm hỏi.

Chuông Thiên-Mụ đánh tan luồng gió mới, văng vẳng nghe như cộ
còn tay dùi tay mỗ, giữa đám trường danh ngõ lợ, lớn tiếng kêu gào,

Gà Thọ-xương gáy giục bóng trắng khuya, xa xa như thấy cộ còn
chân bắc chân nam, tận nơi góc bể chân trời, một mình thui thủi.

Sống vì nước hắt thác đành vì nước, luồng khí tinh anh khôn dứt,
phá Tam-giang muôn trượng thét ầm ầm,

Đá thành bia mà miệng cũng thành bia, trăm năm ảnh hưởng còn
truyền, đỉnh Thiên-Nhận nghìn trùng trông vọi vọi.

HỒI ÔI !

Dịp tốt dễ mua,

Người khôn khó bói.

Tưởng âm dung thêm nhớ bậc tiên tri,

Trông thời cuộc luống đau lòng hậu bối.

Nay cầm bút chép thiên tiểu sử, tôi xin viết một hàng đại tự : nhà
cách mạng Việt-Nam.

Khi qua mồ trông tấm tàn bi, ai mà không ba tiếng ô hô : cộ Giải-
nguyên Phan-Bội !

Ô HÔ ! THƯƠNG THAY !

PHẦN VĂN XUÔI

Thư gửi Đô Đốc Reveillère

Miền Nam anh dũng.

Miền Nam quyết tử chiến đấu với quân xâm lăng Pháp từ ngay lúc bọn chúng mới đổ lên Đồng-Nai, Bến-Nghé, mặc dù khí giới chỉ có những thứ thô sơ như trong bài « văn tế nghĩa quân » của cụ Nguyễn-đình-Chiêu ở phần trước.

Nay các bạn muốn hiểu thêm tinh thần đồng bào miền Nam trong những ngày đầu tiên sóng gió của dân tộc ra sao, chúng tôi xin giới thiệu bài này, nguyên là bức thư của đồng bào Gò-Công gửi cho tướng giặc là Thủy-sư đô đốc Reveillère, khi hấn đến thiết lập tỉnh bộ hành chánh tại địa hạt này năm 1862.

Không rõ nguyên tác bằng chữ Nho hay Nôm, nhưng bản Pháp văn của Georges-Garros còn ghi lại mà bạn Quốc-Anh tái dịch ra đây, thì khi nhận được chính Reveillère cũng phải khâm phục chí khí anh hùng của người Việt-Nam, và phải thú nhận rằng : « Thật không phải là những lời trống rỗng. Chưa có một dân tộc nào đề kháng đến như vậy ».

Ngày nay, đọc lại bức thư này, chẳng những chúng ta đã hiểu được tinh thần dân tộc cao cả của đồng bào miền Nam khi đó cao độ đến bậc nào mà còn thấy chỗ sáng suốt của đồng bào ngay khi ấy đã biết rõ âm mưu sâu độc của thực dân Pháp trên vấn đề quân sự là tìm thị trường, cướp đất đai, chứ thực không phải là bảo vệ tôn giáo, là đem văn minh sang đất này.

*

Mất chính phủ của bản quốc Hoàng-đế, chúng tôi đau đớn như đứa con mất mẹ. Quý quốc ở Tây-phương, bản quốc ở Đông-hải, chẳng khác gì con ngựa và con trâu vậy.

Chúng ta khác nhau từ ngôn ngữ, từ văn tự đến phong hóa. Tạo hóa sinh ra loài người mỗi giống mỗi khác. Khắp trong vũ trụ loài người như nhau, nhưng không chung một bản tính.

Vì mang ơn quốc vương của tôi, chúng tôi quyết báo thù kẻ nào xúc phạm đến ngài, và chúng tôi sẽ chết vì Ngài.

Vậy sự xung đột sẽ phải dài ; nhưng chúng tôi sẽ làm cho thuận lòng trời và quyết nhiên chúng tôi phải thắng.

Nếu các ông muốn hòa bình, hãy trả đất đai lại cho Quốc-vương chúng tôi. Chúng tôi có phải chiến đấu cũng vì mục đích ấy.

Các ông chiếm xứ sở của chúng tôi để tăng cường nền phong phú của đế quốc các ông và đề cao thanh danh của các ông. Các ông có muốn một số tiền chuộc đất đai ấy không ? Chúng tôi sẽ trả các ông. Nhưng các ông đừng gây chiến nữa. Các ông hãy đem quân đội về xứ các ông đi ! Chúng tôi sẽ mang ơn. Các ông cũng được tiếng vẻ vang với hoàn vũ. Các ông muốn thị trường để mở mang thương mại ư ? Chúng tôi sẽ nhân nhượng cho các ông. Nhưng trái lại, nếu các ông không khứng chịu, chúng tôi sẽ chiến đấu mãi để thuận lòng trời.

Chúng tôi cũng gồm khả năng của các ông đấy. Nhưng chúng tôi còn sợ trời hơn là sợ sức mạnh của các ông. Chúng tôi thề sẽ chiến đấu vô tận, vô cùng.

Ngày mà chúng tôi không còn gì nữa, chúng tôi sẽ bẻ cành lá làm cờ và võ trang binh sĩ bằng đòn, bằng gậy. Đến ngày ấy, liệu các ông có ở chung trong chúng tôi được không ? Chúng tôi yêu cầu các ông hãy chú ý đến lá thư này và hãy chấm dứt tình trạng tai hại cho quyền lợi của các ông và quyền lợi của chúng tôi.

Thư gửi cho lính đồn Thị-Long

Bài này của ông Cao-Điền, đề đốc nghĩa quân ở Thanh-hóa, viết gửi cho lính đồn Thị-long của Pháp ở Thanh-hóa ngày 24 tháng Hai năm Hàm-Nghi thứ 6 tức 14 tháng 3 dương lịch năm 1890. Ông Cao là người làng Trịnh-sơn tỉnh Thanh-hóa, trước là xuất đội vũ lâm. Năm 1886, ông cùng cụ nghè Tống-duy-Tân lãnh đạo phong trào Cần-vương kháng chiến ở Thanh-hóa. Năm 1892 cụ Tống bị bắt, nghĩa quân tan rã, giặc Pháp truy tìm ông rất gắt, nhưng ông cùng một số thủ hạ chạy ra Bắc hoạt động cho mãi đến ngày 16 tháng 1 năm 1896, ông mới bị bắt ở Bắc-Giang.

*

Niên hiệu Hàm-nghi thứ 6 tháng 2 ngày 24.

Tôi là Cao-Điền, đề đốc chỉ huy nghĩa quân rất hân hạnh gửi mấy lời này với anh em quân đội đồn Thị-long.

Bọn Pháp đánh chiếm nước ta, thần nhân đều giận. Phu chánh tả quân đô-thống ³⁹² đã đi cầu viện Trung-Hoa và nước Phổ ³⁹³ để đánh vào Bắc-Kỳ, hộ trợ cho chúng ta.

Tôi được lệnh đi tiểu trừ gian phi. Lương, giáo chúng ta cùng con một nước, không nên sát hại lẫn nhau.

Vậy nên tôi viết thư này báo đến anh em biết rằng : lâu nay anh em đã hành động chống lại quốc dân, các anh em trở về gia đình làm ăn yên ổn, hoặc đánh lại giặc, cướp lấy súng nộp lại Nghĩa quân thì không những được tha tội mà còn được lãnh thưởng. Mỗi khẩu súng là một thoi bạc và được Nghĩa quân trọng đãi. Các anh em có thể tự do trở về làm ăn với gia đình. Chúng tôi sẽ cấp giấy chứng nhận để các anh em dùng sau này.

Một khi anh em đã bắt được thư này mà vẫn còn theo địch thì anh em sẽ không tránh khỏi kỷ-luật của chúng tôi.

Thư gửi chính phủ Đông-Dương

Vì thấy chánh quyền Pháp ở Đông-Dương gây nên những tình tệ nguy ngập cho xã hội Việt-Nam, nên sau khi ở Nhật về, ngày 15 tháng 8 năm 1906, cụ Phan-chu-Trinh có gửi cho toàn quyền Beau, khâm sứ Trung-kỳ và đăng các báo Tây, bức thư này thuật rõ tình trạng trong nước cùng hiểm tượng Đông-Dương.

Ảnh hưởng của bức thư vang dội lên như sấm, các thân sĩ đương thời ai nấy đều hả dạ. Viên công sứ Quảng-Nam thì đích thân đến chỗ cụ ở hỏi chuyện. Các ông cố đạo cũng thường lui tới đến hỏi dò ý kiến, và cả chánh phủ bảo hộ cùng Nam triều đều đặc biệt chú ý đến cụ và những lời lẽ ở trong thư.

Bản ý cụ là muốn tỏ bày mỗi tâm sự, mở đường khai hóa sau này. Nhưng không dè vì đó mà cụ phải đi tới chỗ bị đày ra Côn-đảo từ tháng 4 năm 1908 cho mãi đến cuối năm 1910, nhờ hội Nhân-quyền can thiệp, cụ mới được thả về.

Nội dung bức thư này ra sao ?

Các bạn đọc sẽ thấy cái tệ lậu phát sinh từ chỗ nhà cầm quyền Pháp dung dưỡng cho quan lại thế nào ? – Người Pháp đã khi thị dân Việt-Nam thế nào, cũng như đám quan lại đã hành hạ dân chúng thế nào ?

Và đây, nói một cách tóm tắt, cũng là một bản cáo trạng về chính sách cai trị của nhà cầm quyền Pháp ở Đông-dương lúc đó.

*

Phan-chu-Trinh thư trước tác, hậu bổ, tỏ bày cái tình trạng nguy cấp ở nước Việt-Nam tôi :

Trộm xét từ khi Pháp sang bảo hộ nước Nam tới nay những việc bắc cầu đắp đê sửa sang đường sá, xe lửa, tầy thủy chạy khắp mọi nơi, cùng là lập ra sở bưu chính để thông báo tin tức đều là có lợi ích cho nước Nam người ta ai cũng thấy cả. Nhưng có nhiều việc không thể nhìn đi mà không nói, là các tệ hại ở trong quan trường, các sự tật khổ sở ở chốn dân gian có quan hệ đến số mệnh nước Nam thì chính phủ đều gác để một bên, mặc kệ cho hư nát mà không thêm hỏi đến. Trong khoảng vài mươi năm nay các bậc đại thần ăn đằm nằm đìa ở chốn triều đình, chỉ biết chiếu lệ cho xong việc, qaun lại ở các tỉnh, chỉ lo vững thân thể mà hà hiếp bóp nặn ở chốn hương thôn, các sĩ phu thì ganh đua nhau vào con đường luân cúí hót nịnh không biết liêm sỉ là gì, bọn cùng dân bị nặn bóp mãi mà máu mủ một ngày một khô không còn đường sinh kế nữa. Đến bây giờ thì sự thể hư hỏng, nhân dân lìa tan, phong tục suy đồi, lễ nghĩa bại hoại ; một khu đất hơn 4.000.000 thước vuông, một dân tộc hơn hai mươi triệu người lại sắp sửa ở cái địa vị bán khai mà quay về cái địa vị dã man. Những người có trí thức thấy cái thảm trạng như thế, lo đến nỗi giống tiêu diệt, cũng muốn rung chuông gõ mõ đánh thức nhau dậy, để lo phương cứu vớt lấy nhau, nhưng mà kẻ mạnh bạo thì trốn tránh ra nước ngoài, chỉ kêu gào than khóc mà không dám về, kẻ nhút nhát thì chịu vùi đầu ở chỗ hương thôn đành giả đui giả điếc mà không dám bàn nói đến. Chưa từng có người nào dám đến trước cửa quan Bảo hộ phơi gan nhỏ máu, kể rõ cái thủ đoạn tàn ngược của quan trường, cùng là cái tình trạng thảm khổ của cùng dân, khiến cho cái tội ác của quan lại, và cái khổ cảnh của quốc dân trong mấy mươi năm nay, lọt vào trong tai các quan bảo hộ. Đến nỗi nước Nam bây giờ gần thành như một người ốm nặng gần chết, khó có thuốc mà cứu chữa được nữa, đó thật là tội tại sĩ phu nước Nam, đã gây nên tội ấy thì cũng bởi hiểu lầm rằng Chính phủ Bảo hộ dùng cái chính sách ngược đãi người Nam làm cái chính sách hay nhất tốt nhất.

Tôi cáo quan đã mấy năm nay, đi khắp trong Nam ngoài Bắc, tình trạng nhân dân khốn khổ, quan lại tham tàn, đều được mắt thấy tai nghe, và dư luận ở dân gian về cái cách chính phủ đối đãi người Nam và người Nam

đổi đãi chính phủ, cũng đều để tai nghe mà ghi vào dạ cả. Tôi không dám nhút nhát, xin cứ thực bày tỏ ra sau này, các quan Bảo hộ nghe thấy, chắc cũng xót ruột đau lòng, cho làm phải mà không nỡ cự tuyệt.

Hiện nay người Nam trừ những người ở trong quan trường không kể, còn ra thì không luận người khôn người ngu, trăm miệng một lời, đều nói rằng chính phủ ngược đãi người Việt-Nam, rằng chính phủ không lấy tình loài người đãi người Việt-Nam. Thấy quan lại nước Nam không sẵn sóc tới việc dân mà lại tàn ngược với dân thì đều nói rằng đó là Chính phủ cố ý dung túng khiến cho cắn nuốt lẫn nhau cho nòi giống mòn mỏi, đó tức là cái kế thực dân của chính phủ. Trong mấy năm nay, suốt cả trong Nam ngoài Bắc, khắp thành thị cho đến hương thôn, ý tưởng của nhân dân đều như thế cả. Lại xét biết trí mình không đủ sống được, sức mình không chống lại được, thì lại nghển cổ gương mặt trông mong các nước mạnh ở đâu đâu họa may họ đến cứu mình chẳng ? Chao ôi ! Một dân tộc đến 20 triệu người, kẻ có học thức cũng đến vài vạn, mà tối tăm mù mịt, mềm yếu ươn hèn, không đủ sức bênh vực được nhau, để liệu cách sinh tồn, lại ù ù, cạc cạc, không biết rằng mình ở vào các thế giới cường quyền thịnh hành « hơn được kém thua » này, mà còn có cái mơ tưởng hão huyền như thế, dân trí thức cũng đáng thương vậy. Nhưng đã bao nhiêu năm nay người Nam ở dưới bóng cờ nước Bảo hộ mà đến bây giờ nòi giống ngày một yếu hèn, không còn kể gì cứu vớt lấy nhau, đến đổi nóng nảy điên khùng, theo cái kế sách đề mật, chỉ trông mong vào nước khác, thế thì vì ai mà nên nổi thế ?

Cái nguyên nhân sinh ra cái tệ ấy có ba điều :

Một là tại Chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại Việt-Nam thành ra cái tệ « cô tức ». Xưa nay Chính phủ Bảo hộ đối với nước dưới quyền thống trị của mình, thường thường chỉ đặt một vài vị quan to cùng với chính phủ bản xứ cầm cái đại cương về việc chính trị, còn các quan lại ở các địa phương thì tuy có đặt quan Bảo hộ, nhưng cũng dùng người bản xứ để coi việc và trị dân. Việc làm giỏi hay không, dân yêu hay không, thì cốt

nhờ về cái tài năng của người bản xứ thế nào. Nước Nam độ 40 năm nay, vận nước một ngày một suy, suốt từ trên đến dưới, chỉ biết chuyện lười biếng vui chơi. Pháp luật chế độ không còn có cái gì ra trò, nhân tài cũng tiêu diệt đi mất cả. Người ở trên thì làm lâu được thăng trật, chẳng qua như sống lâu lên lão làng, người dưới thì đem của mua quan, thật là tiền bạc phá lẽ luật. Người này làm, người kia bắt chước, lâu rồi thành ra thói quen. Những người đỗ đạt muốn cầu bổ báng thì hót nịnh luồn cúi ở các nhà quyền quý ; những người ở nhà thì ỷ thần cậy thế, hà hiếp bóp nặn ở trong làng, ngoài việc trai gái ăn uống thì không còn biết việc gì. Những người làm ăn phát đạt, sẵn bạc lăm tiền, thì chỉ tìm cách ăn chơi cho sung sướng. Suốt cả thành thị cho đến hương thôn, đũa gian xảo thì như ma quỷ, lừa gạt bóc lột, cái gì mà chẳng dám làm ; đũa hèn yếu thì như lợn như bò, giẫm cổ đè đầu cũng không dám ho he một tiếng. Cả mấy triệu người như là một đàn ruồi lũ kiến, không còn chút nhân cách nào, đó làm thảm trạng ở trước mắt ai cũng trông thấy, không phải tôi dám quá lời, để vu cho cả người một nước đâu.

Này cứ xem cái nhân cách của người Nam tồi tệ như thế, không kể là quan là dân, hay là hạng người nào, thì tất phải lập ra hình phạt, phòng giữ cho nghiêm, dùng pháp luật mà ràng buộc, rồi sau mới dắt dúi nhau lên con đường tiến hóa, thì cuộc trị an mới mong duy trì được lâu. Chính phủ Bảo hộ ở nước nam đã lâu, không phải là không biết rõ như thế, lại hiểu rằng : tục nước Nam không thể đổi ngay được, người nước Nam không thể dùng làm gì được, chỉ phải cầm quyền lớn trong nước mà lại cứ để Chính phủ Nam triều, cứ dùng quan lại nước Nam, để lấy người sai khiến, làm việc sưu thuế. Còn việc nước Nam, dân nước Nam, thì không cần hỏi đến ; trong ý cũng nói ta dùng người Việt-Nam để trị nước Việt-Nam mà thôi. Cũng có đôi khi thay đổi một vài ông đại thần, hoặc là thăng giáng một vài viên quan lại, cái người bị đuổi đi đã đành không làm được việc, mà cái người thay chân ấy cũng có phải là người làm được việc đâu, cái người bị cách vẫn là gian tham, mà cái người được bổ cũng không phải là người liêm khiết. Phương chi hôm nay bị giáng, bị cách, ngày mai lại

được thăng, được thưởng ; ở nơi này can khoản lại đổi đi nơi kia, thì tuy có phạm tội tham, mang tiếng xấu cũng có hại gì đâu. Quan lại nước Nam thấy Chính phủ có ý dung túng như thế, cho là việc thường lâu rồi quen đi, đưa càn dờ lại càng càn dờ, chỉ lo đem tiền đi mua quan, đưa biếng lười lại càng biếng lười, chỉ biết khóa miệng cho yên việc. Áo mũ thùng thình, ngựa xe rộn rịp, hỏi quan chức thì ông này là đại thần trong triều, ông kia là đại lại các tỉnh, chỉ biết có một việc ngày đi hội thường hay là ra công đường xử kiện còn hỏi đến việc lợi bệnh trong nước hay là trong một tỉnh, thì mơ màng chẳng hiểu một chút gì ; ông này là quan phủ ở phủ này, ông kia là quan huyện ở huyện kia chỉ biết việc bắt phu, thu thuế cùng là đi đón đi tiễn các Quý quan, còn hỏi đến việc nên làm nên bỏ ở trong phủ trong huyện, cũng mơ màng mà chẳng hiểu chút nào cả. Cho đến việc đút lót người trên, xách nhiều kẻ dưới, thì không cứ quan to quan nhỏ đều công nhiên cho là cái quyền lợi của người làm quan đáng được dẫu có ai bàn đến, cũng không kể vào đâu. Than ôi ! nước Nam nhân cách tuy rằng tồi tệ, dân trí tuy rằng thấp lù, nhưng nếu vài trăm năm nay cứ đời bại mãi, như thế thì nòi giống tất phải tan nát những bao giờ rồi, có thể nào độc lập được đến hơn nghìn năm, nghiêm nhiên là một nước lớn ở phương Nam, số người vẫn cứ sinh sôi nảy nở ngày thêm nhiều ra, đến bây giờ thành ra một dân tộc lớn ở trong thế giới. Thuộc địa của nước Pháp, khắp cả năm châu, nơi nào cũng có, phỏng khiến cách cai trị thuộc địa nơi nào cũng như thế cả, thì còn ai vui lòng yêu mến nữa ? Than ôi !

Pháp luật nước Nam tuy vẫn là không công bằng, nhưng mà thuộc về cái mặt cấm quan lại thì thật nên dùng để trị quan lại đời này, bây giờ Chính phủ lại chỉ dùng cái hình luật rất là thảm khốc ác độc để trói buộc bọn dân ngu, mà đối với quan lại thì pháp luật rất là sơ sài, đến nỗi như đê vỡ nước tràn tung tóe ra mà không thể nào ngăn cản được nữa, thế thì lỗi tại Chính-phủ dung túng quan lại mà thành ra cái tệ ấy đó.

Hai là Chính phủ khinh rẻ dân Việt-Nam thành ra cái tệ xa cách người Pháp ở nước Nam. Đã lâu thấy người Nam quan lại thì gian tham, sĩ

dân thì ngu xuẩn, phong tục thì đồi bại, ghét rằng người Nam không có tư cách quốc dân, cho nên phàm những bài đăng ở trên các tờ báo, cho đến những khi bàn bạc chuyện trò đều tỏ ý ghét người Nam, khinh người Nam, cho là người mọi, ví với lợn bò, không những lấy làm xấu hổ không muốn dúi dặt cho ngang với mình, mà lại còn sợ gần mình mà làm nhớp bẩn nữa. Vài mươi năm nay, không cứ hạng người nào, không cứ có tội hay là không có tội, nếu xúc mộ quan Tây, thì đều bị kỳ nhục. Những người nghèo đi làm thuê, những dân phu đi làm việc quan. Bị người Tây đánh đau hay là đập chết cũng thường thấy luôn. Những việc ấy đồn thổi đi khắp trong Nam ngoài Bắc, ai nghe cũng phải kinh hãi tức giận, cho là người Tây đãi mình như muông chim, coi mình như gỗ đá, nhưng chỉ căm tức mà không dám nói ra. Những người nhà quê ngu khờ, sợ uy khiếp thế, xem người Tây như sấm như sét, chỉ lo tránh cho xa ; những kẻ sĩ phu hơi có liêm sỉ, thì đều sợ cái đường làm quan mà không dám bạ men đến. Chỉ có những người ham lợi hay quần bách về việc ấm no trong nhà cực chẳng đã mà phải đâm đầu vào trường nô lệ. Khi đêm hôm thanh vắng một mình, nghĩ đến những cách khinh rẻ của người Tây đãi mình cũng biết tức giận, biết xấu xa ; mà mình lại phàn nàn với mình, chỉ vì mình ở trong vòng, không làm thế nào được, cũng phải câm hơi nín tiếng cho xong việc đi, chứ có phải bọn ấy toàn là đồ vô sỉ, vui thích những sự ô nhục thế đâu. Hiện bây giờ quan lại nước Nam, không cứ quan lớn quan nhỏ, khi tiếp kiến quan Tây, đều là run sợ rụt rè, chỉ sợ thừa thốt sai lầm làm cho quan Tây nổi giận. Ở các chốn hương thôn, những kẻ thân sĩ khi đi ở ngoài đường ngẫu nhiên gặp người Tây, không cứ là quan Tây, Tây lính hay Tây buôn, thì phải cúi đầu cụp tai rảo bước mà đi cho mau, chỉ sợ tránh không xa mà bị nhục. Nay người hai nước cùng xứ, mà tình ý xa cách nhau như thế, cho nên những người cầu làm quan thì ngày ngày đến chực ở trước cửa các quan Bảo hộ, mà những người có kiến thức ở trong nước thì không ai dám đến trước sân ; những người kiện cáo thì đôi khi được thấy mặt quan Công sứ, mà cái tiếng sâu khổ ở chốn nhân gian thì không bao giờ lọt vào tai quan Công sứ. Than ôi ! lấy cái tội gian tham chối cãi được. Nhưng mà cả một dân tộc đến hai mươi triệu người há lại không có một vài người có thể bàn nói đến việc lợi bệnh có ích lợi cho

nhà nước mà chính phủ Bảo hộ nhất thiết khinh để đi, tôi sợ rằng ở với nhau càng lâu lại càng xa nhau, khó lòng mà mong được hai bên tình ý đều thông với nhau được. Mới đây « Đại Việt Tân Báo » có nói rằng một số người Việt-Nam ở Nhật-Bản hiện nay có chừng hai mươi người. Trong số hai mươi người ấy há lại không có một vài người hơi biết cái hiện trạng cùng khốn của nước Việt-Nam bây giờ ư ? Và từ chỗ những người ấy ở mà đi đến dinh quan Bảo hộ tỉnh mình, xa thì độ một ngày, gần thì độ vài ba giờ, thế mà dân nước Nam xưa kia chưa từng bước chân ra khỏi cửa, nay thì chịu bỏ mồ mả, lìa vợ con, vượt biển khơi mầy mò đến một nước mấy nghìn năm nay không quen biết bao giờ, kêu gào khóc lóc, để thổ lộ cái khí uất ức bất bình, chứ quyết không chịu đến cửa quan Bảo hộ mà bày tỏ những sự đau đớn trong lòng, thế là tại Chính-phủ Bảo-hộ khinh để người Việt-Nam, thành ra cái tệ xa cách mà sinh ra thế.

Ba là quan lại Việt-Nam nhân cái sự xa cách ấy mà thành ra cái tệ hà hiếp dân. Chính phủ Bảo hộ với người Việt-Nam tình ý không thông mà quan lại làm càn làm bậy trên kia đã kể qua rồi. Nhưng phỏng khiến không có người đứng giữa ngăn cản hai bên, ngộ có một ngày kia các quan bảo hộ vì ở lâu mà hiểu rõ tình ý người Việt-Nam, hoặc là người trong nước không chịu nổi, mà phải bày tỏ các mối tệ của quan lại ra, người Pháp, người Nam không hiểu được nhau, thì quan lại còn thò ngón gian vào đâu được nữa. Quan lại có muốn như thế đâu, tất phải tìm cách để lìa xa ra. Họ biết rằng sưu thuế thu nạp cho thanh thỏa là điều Chính phủ thích, găn trở việc quan, hay là họp đảng mưu toan bạo động, là điều chính phủ ghét. Cái điều Chính phủ thích thì họ hết lòng hết sức làm cho được việc. Tuy lột da dân, hút máu dân, chẻ xương dân cũng không cần. Các quan tỉnh, quan phủ, quan huyện, ý quyền thế để dọa nạt dân ngu và đè nén sĩ phu, lại sợ sĩ dân hoặc có tức giận mà chống cự lại chẳng, họ lại nhân điều chính phủ ghét mà vu oan, hoặc là nói rằng cậy giàu có làm găn trở việc quan, hoặc là nói rằng họp tập thân sĩ, sợ có ý gì khác chẳng. Mấy câu mơ hồ, không có chứng cứ gì cả, Chính phủ không hiểu cái mưu gian của họ, lại cứ tin họ, vì thế mà có người phải lụy đến thân gia, mắc vào tù tội. Cũng có khi Chính phủ cũng

biết là bọn quan lại nói dối, nhưng lại cho là họ làm việc quan, rồi cũng làm thình mà không trị tội. Bởi thế dân tình càng cách, sĩ khí càng suy, quan quyền càng thịnh. Các quan phủ huyện chen thẳng dân nào béo thì ăn, từ việc kiện cáo, việc trộm cướp, việc án mạng, cho đến các việc vặt khác, việc gì cũng bóp nặn lấy tiền, còn như là Chính phủ sức hỏi trong hạt mình có bao nhiêu trường học, dân lĩnh giống tằm về nuôi cùng là nhà làm ruộng đem thóc gạo đi đấu xảo, số đinh, số điền bao nhiêu, cùng là quan Tây đi khám, thầy thuốc đi trồng trái, và những việc vận tải đồ đạc, Chính phủ thì cho là việc thường không có gì là nhiều dân cho lắm, mà quan lại thì cứ nói rằng đó là việc giao thiệp, rồi sai trát đi bắt dân làm ồn ào cả lên, nào là đưa là đón, là khai là báo, nào là tiền phạt, nào là tiền bút giấy, quan đã quơ quét được một số tiền to rồi. Phàm những việc sâu khổ ở dân gian, tức là mối lợi to của quan lại. Không cứ việc lớn việc nhỏ, việc hoãn việc cấp, hễ nắm được một mảnh giấy của quan Bảo-hộ thì họ quý như hòn ngọc, coi như cái bùa hộ thân, vì nhờ đó mà thu được nặng túi.

Thậm chí các nha dịch và các tổng lý thấy béo bỏ quá cũng thêm mà tìm cách chấm mút đôi tý, đua nhau đem tiền bạc ra tình lo chạy, cầu được một chức gì nhỏ nhỏ, nhai cái bã giả, cũng đủ no béo rồi. Nghiệm thế thì cái tình trạng khốn nạn của dân làng cũng đáng thương ghê, chỉ vì sợ uy khiếp thế quá mà không dám ho he. Trong đám thân sĩ cũng nhiều người biết, vì mình ở ngoài vòng, sợ mang lấy hiềm nghi nên không dám nói đến. Các quan to cũng biết cả như thế, nhưng vì ăn của dứt, rồi cũng giả điếc giả đui. Còn các quan Bảo-hộ thì vì ý tình không thông, không gì hiểu thấu được. Đến bây giờ dân cùng của hết, người giàu người nghèo đều khốn khổ cả, người nào cũng oán thán ; trộm cướp nổi lung tung, sự thế thật là nguy cấp. Thân sĩ trong nước, người thì xướng ra học chữ Tây, người thì xin bỏ khoa cử, người thì góp vốn để mở hiệu buôn, ý cũng muốn cứu vớt lấy một vài phần trong trăm phần. Quan lại ghét rằng làm thế là có ý muốn chống chọi với mình thì lại bảo là điên cuồng, cho là âm mưu, những lời vu oan giá họa, chắc là ngày nào cũng nói đến tai các quan Bảo-hộ.

Than ôi ! nước Nam không kể là nước dã man hay là nước bán khai, nhưng mấy nghìn năm nay theo học chữ nho, sách vở hầy còn đó, đều lấy yêu dân là công, hại dân là tội, bọn quan lại đều là người có đọc sách, có biết chữ, mà dám lấy quan trường là nơi bán hàng, coi dân như cá thịt, bảo những lời thương dân là diên rồ, cho những việc hưng lợi là phản nghịch, làm cho đen trắng mập mờ, phải trái lẫn lộn, làm bậy làm bạ, nói càn nói dối, không chút kiêng dè sợ hãi gì, thế là bởi quan lại nhân cái tệ xa cách mà gây nên.

Ba cái tệ mới kể trên, đó là mới nói qua đấy thôi, còn đến cái thói nịnh hót, các cách tham bạo của quan lại cho đến các nhà kỹ xảo Thái Tây nghĩ mấy năm cũng không hiểu được ; cái tình trạng đói rét sâu khổ của dân ngu, cho các nhà hội họa Thái Tây vẽ mấy mươi bức cũng không đúng được.

Nhưng đó chỉ là Chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại, khinh rẻ sĩ dân, đến nỗi quan lại thừa cơ mà làm hại dân, còn đến cái chánh sách kinh lý nước Nam của Chính phủ thì còn nhiều điều nên bàn nói nữa. Nghề làm ăn thì không dậy bảo, mỗi lợi thì không mở mang, chỉ biết sưu thuế thì tăng cho nhiều, bây giờ cùng khổ đến thế này, tại quan làm hại dân mười phần độ năm sáu, mà vì sưu thuế nặng nề thì mười phần đến ba bốn, nước Việt-Nam mấy nghìn năm nay, chỉ trông vào một nghề làm ruộng, việc chăn nuôi cùng việc dâu tằm cũng chưa thành nghề riêng, còn nghề công, nghề thương thì đành thua kém nhiều, không phải bàn đến nữa. Xưa kia suốt các hạng người trong nước, toàn là lười biếng cầu thả, gặp sao hay vậy, Triều đình thì không lo tính đến việc mở mang thực nghiệp, ở chốn hương thôn thì phần nhiều là quân du thủ du thực, nguồn lợi không thông, mỗi lợi lấp hết vì thế cho nên các ngạch thuế đều thu nhẹ cả. Gặp năm đói kém, thì hoặc phát tiền cho vay gạo, dân ngu không có nghề nghiệp, chỉ hong hóng ngồi đợi người nuôi. Đến bây giờ bao nhiêu đất bỏ hoang và dân vô nghệ ; chính trị thì dốt nát, nhân dân thì ngu lười, đã trải qua bao nhiêu năm như thế rồi. Từ ngày thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp, nào là bắc cầu sửa

đường, xây đồn lập ải, cho đến lương bổng của quan lại cũng tăng lên, chi tiêu tốn kém kể hàng mấy trăm vạn, mà số tiền thu vào trừ các ngạch thuế Thương-chính ra thì chỉ trông vào thuế đinh và thuế điền cũng là sự thế phải đến thế, nhưng nếu được vài vị đại thần trí thức có lòng nhân ái, và vài trăm viên quan lại có đức thanh liêm, có tài mẫn cán, mà Chính phủ tin dụng cho để cùng nhau tính toán những việc dấy lợi trừ hại, mở tài nguyên cho nước, thêm đường sinh lý cho dân, rồi sau hãy lần lần lấy thuế thì trên đã có lợi cho nước, mà dưới cũng không có hại gì đến cho dân, cũng không phải là không có cách gì làm được. Nhưng nay không làm thế, lại lấy cớ rằng quan lại không có tài cán gì, nhân dân lại hay lừa dối, không cần hỏi đến ruộng rộng hay hẹp, tốt hay xấu, đinh nhiều hay ít, giàu hay nghèo, cứ nhất luật mà lấy thuế, năm nay thêm một phần, sang năm thêm một phần, năm nay gia một khoản, sang năm gia một khoản. Chính phủ đã lấy thế mà tiêu dùng cho đủ, cố hết sức mà làm, quan lại lại thế để làm đường mua quan, rán mỡ lân cho đủ ngạch. Cứ theo việc trước mắt thì cách làm như thế không phải là không dễ mà lại lấy được nhiều tiền, nhưng chỉ sợ rằng tát hết nước mà bắt cá, thì sau không thể có được mãi. Về khoa tài chính, thì người Pháp rất là tinh tường, thử xem số hoa lợi của đất cát trong một tỉnh một năm được bao nhiêu, một người ăn mặc một năm hết bao nhiêu, chi tiêu vật vãnh một năm hết bao nhiêu, tiền đóng sưu nộp thuế một năm hết bao nhiêu, sơ tính cho kỹ thì nhân dân tiêu dụng, thừa thãi hay là túng thiếu, thật là rõ ràng không cần phải bàn cãi nữa ; huống chi quan lại lại sách nhiễu, sưu dịch lại nặng nề, và gập năm thiên tai, tiền của vật sản lại còn hao hụt không biết là bao nhiêu, lại còn chưa kể đến những con lười biếng ăn bám và những quân trộm cướp bóc lột nữa. Thế mà muốn cho nhân dân không khốn đốn mà chết dần chết mòn đi, thì có thể nào được không ? Lại còn đến cái tệ sưu dịch thật cũng không thể nói xiết được, mỗi tên đinh một năm đóng thuế thân rồi phải bốn ngày công ích và mười ngày công sưu, còn như đi làm thứ tạp dịch khác đều có tiền thuế, cứ như thế thì giống như dân cũng không đến nỗi khốn khổ gì cho lắm. Nhưng mà ở chốn hương thôn thật là phiền nhiễu, người nọ đi, người kia về, nối gót nhau trên đường không có ngày nào được yên ổn cả. Quan lại lại nhân thế mà quấy

nhiều, tha tên này, bắt tên kia, tùy ý mình muốn thế nào thì làm thế, lúc đầu thì quan đem tiền thuê dân, sau thì ra dân đem tiền thuê quan, đưa cùng dân vì thế mà hết sản nghiệp và mất nghề làm ăn cũng thật nhiều. Còn những tiền cổ công, tiền hòa mãi của nhà nước phát cho, thì nha lại ăn béo ăn sén, dân nghèo quanh năm vận tải ở trên đường khốn khổ khó nhọc mà tiền công mười đồng chỉ lĩnh được hai ba đồng mà thôi, như thế mà muốn cho bọn cùng dân không lìa tan trôi dạt, có thể nào được không ?

Nhân dân nước Nam bây giờ ngu xuẩn như trâu như ngựa tha hồ cho người ràng trói, hô người đánh đập, có miệng mà không dám kêu, gần chết mà không dám than thở, lại thêm lấy uy thế của bảo hộ và quan lại nước Nam tàn nhẫn, cứ dùng roi vọt mà đánh đau, thì muốn gì mà chẳng được. Tôi trộm sợ rằng người giàu thì nghèo đi, người nghèo càng thêm khốn, người hèn yếu nhút nhát thì phải đi ăn mày ăn xin, quân gian dối mạnh dạn thì đi ăn trộm ăn cướp, trong năm bảy năm nữa chốn hương thôn tiêu điều, nhân dân mòn mỏi, không vì đói rét mà chết thì cũng lìa tan mà chết, không chết ở đường sá thì cũng bị quan lại hà hiếp mà chết, đến lúc ruộng không có người cấy, việc không có người làm, thuế không có người nộp, tuy có lột da đẽo xương mà đến đâu thì cũng lại theo dõi giống da đỏ ở Mỹ-Châu mà thôi chứ có ích lợi được việc gì đâu.

Than ôi ! Nã-Phá-Luân hoàng-đế, ông là sứ giả của trời sai xuống để rắc cái mầm tự do, người Âu Châu đến bây giờ vẫn khen ngợi ; lại đến câu « yêu giặc như bạn » đàn bà con trẻ nước Pháp vẫn còn nhắc đến luôn. Nay một nước cũ mấy nghìn năm ở cõi Á-đông mới thuộc về ngọn cờ ba sắc, mà đã đến khốn khổ uất ức không tự lập được, các quan Bảo-hộ chắc cũng đau lòng xót ruột, ngày đêm lo lắng, tìm phương cứu vớt cho ; lẽ nào để như thế mãi mãi, làm hại đến danh dự của nước Pháp khiến cho kẻ mượn cớ thế mà thêm tiếng chê bai ? Ở nước Nam bây giờ quan lại tham tàn, sưu thuế lại nặng nề, nhân dân sầu khổ, thật là đã quá lắm rồi mà các quan Bảo hộ vẫn hình như chưa biết thế chẳng là chậm lắm rồi ư ?

Mới đây trong Nam ngoài Bắc, nhân dân đồn thổi, đều nói rằng chính sách cai trị của nước Nam hay Chính phủ muốn đối phương châm, làm cho người Tây người Nam cùng lòng hợp sức với nhau, đó thực là cái kế vững yên lâu dài vậy. Nhưng tôi thường đọc những bài diễn thuyết của quan toàn quyền đang ở các tờ báo, một thì nói rằng khoan đãi người Nam, việc cải chính luật, mở trường học, và các việc khác, cũng có nói đến nhiều, mà đến việc quan lại và việc sưu dịch, thì luật không nói động đến. Ông chủ bút báo nọ ở Hải-phòng là người Pháp, bàn việc Đông-Dương, dài đến mấy vạn lời, cái tệ sưu thuế, nói cũng đã hết, mà cái việc quan lại nước Nam thì lại nói rằng « không theo cái phép cũ nước Nam, thì không trị được dân Nam ». Ý kiến sai lầm như thế, thật cũng lạ lùng thay ! Nay Chính phủ Bảo hộ dùng quan lại để áp chế dân nước Nam cũng đã lâu rồi, quan lại làm cho chính phủ kết oán với dân cũng đã lâu rồi, đến bây giờ muốn dấy lợi mà không trừ hại trước, mưu yên dân mà không chọn quan trước, thì lợi dấy sao được, dân yên sao được.

Bây giờ dân nước Nam đã sắp chết sau lưng, mà quan lại thì trừ việc truyền lệnh thu thuế, không còn biết việc gì nữa, các quan bảo hộ cường bách họ thi hành tân chính, họ không làm qua loa cho xong chuyện, thì họ nhân dịp để kiếm tiền, đã không có công hiệu gì mà lại thêm nhiều dân nữa. Vẽ màu xanh sắc đỏ vào bức tường đất bùn, bày vật lạ miếng ngon trên cái bàn bụi bặm, chỉ mất công mà được ích lợi gì đâu. Thế mà cứ nói khoan đãi người Nam, khai hóa người Nam, có khác gì sợ con trẻ vòi khóc, mà đem bánh ngọt quả chín ra dỗ. Lo dân đói làm trộm cướp mà chờ mỏ vàng mỏ bạc ra, chỉ làm cho nó nghi ngại mà chết thềm mà thôi, về cái chính sách kinh tế Việt-Nam có thấy ích lợi được chút gì đâu.

Tôi xét kỹ chính sách của Chính-phủ Bảo-hộ hình như ngờ sĩ dân nước Nam thăm mưu chống cự, muốn nhờ quan lại để dò xét, dùng hình phạt để hiếp chế, làm như thế chỉ nén mất sĩ khí của sĩ phu, mà thêm cái gian cho quan lại, về sự thực không đúng gì cả. Nay, yêu tự do, mưu độc lập, lấy sự làm nô lệ người là xấu hổ, ngờ cho dân tộc bên Âu-châu có lòng

như thế là phải rồi, chứ ngờ cho sĩ dân nước Nam như thế thì không khác gì ngờ người phải bịnh bại trèo tường ăn cướp, ngờ cho đứa ba tuổi đốt nhà giết người. Nước Nam đã lâu nay học thuyết sai lầm, phong tục hư hỏng, không có liêm sỉ, không có kiến thức, trong một làng một ấp cũng cấu xé lẫn nhau, cùng nòi cùng giống vẫn coi nhau như thù hằn ; cho dầu ai có muốn lo toan việc lớn, chưa kể rằng không có chỗ mà nương thân, không có khí giới mà dùng, không có tiền của mà tiêu, giá phỏng Chính phủ cho mượn dăm nghìn khẩu súng, cấp đất vài tỉnh cho ở không thêm hỏi đến, tha hồ muốn làm gì thì làm, chỉ độ dăm năm, tất là báo thù lẫn nhau, hay là ghen tức tức vạ mới thôi, quyết không có thể sống nổi trong cái thế giới này, lại chống cự ai được nữa.

Sĩ dân nước Nam, không làm gì nổi đã đành là không phải lo, song bảo rằng không cùng với Chính-phủ Bảo-hộ, một lòng một chí không ngờ vực nhau, sống chết có nhau thì cũng chưa hẳn đã có như thế. Vài mươi năm nay, quan lại tàn ngược ngày càng tệ thêm, cùng dân oán giận ngày càng xấu thêm, lại thêm sưu thuế nặng nề và năng to lực lớn, thiên tai thường xảy ra luôn, sinh kế càng thêm khó khăn, khổ này chưa qua khổ kia lại đến, không biết đến đâu là cùng. Đến bây giờ tiếng oán hận nơi nào cũng thể, nhân tình nhao nhao, nghe những tin thối hão huyền, cũng đều lấy làm thật, chỉ vì chưa gặp được dịp đó thôi. Phỏng như một ngày kia nước láng giềng thừa cơ mà gây việc, hai bên đương chống chọi nhau, dân nghèo nhân dịp khởi lên bạo động, người tham thì cướp bóc để lấy của, người mạnh thì chém giết để hả lòng thù riêng, quan lại thì dòm bên nào mạnh thì theo, bên nào yếu thì bỏ, thấy sự thế đã hỏng thì lại mau chân chạy trước, tuy bỏ chủ này làm đầy tớ chủ khác, họ cũng can đảm mà làm, đó là cái ần tình của người Việt-Nam bây giờ đó. Như bảo rằng người Nam phải liều chết vì Chính phủ Bảo hộ đi chống giặc ngoài, là cái nghĩa vụ của người Nam phải làm như thế, sợ người Nam không ai công nhận đâu. Tuy vậy đó cũng là vì khốn khổ, vì tệ chính, khiếp sợ vì ngược uy, không biết làm thế nào, cực chẳng đã phải làm liều đó thôi, chứ không phải là người Nam ham vui sự tai vạ mà làm như thế đâu. Nếu Chính-phủ thật sẵn lòng đối chính

sách đi, kén chọn người hiền tài trao quyền bính cho, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc dấy lợi trừ hại ở trong nước, mở đường sinh nhai cho dân nghèo, rộng quyền ăn nói cho thân sĩ, báo oán cho mở rộng, để thông đạt tình dân, thưởng phạt cho nghiêm minh để khuyên răn quan lại, còn đến những việc đổi pháp luật, bỏ khoa cử, mở trường học, đặt tòa tu thư, dạy lớp sư phạm cho đến học công thương, học mỹ nghệ, và các ngạch sưu thuế đều cải lương dần dần, thế thì dân được yên nghiệp làm ăn, sĩ thì vui lòng giúp việc cho Chính phủ, chỉ sợ người Pháp bỏ nước Nam mà đi, còn ai toan mưu việc chống cự nữa.

Than ôi ! nước Nam bây giờ dân khí yếu hèn, dân trí thì mờ tối, ví với các nước châu Âu châu Mỹ, cách xa không biết bao nhiêu dặm đường. Công việc ngày nay, ai có thể dạy ta thì ta xin làm học trò, ai có thể nuôi ta thì ta xin làm con, nhờ ơn dạy dỗ nuôi nấng dìu dắt ôm ấp lấy nhau, mong cho giống nòi sinh tồn ở trên mặt địa cầu này thôi. Bỏ nơi này sang nơi khác, đi đâu mà chẳng phải là nhờ ! nhờ ai chẳng là nhờ, mà bảo rằng nhờ người kia là nhục, cứ lo nhờ người này là vinh, cứ lo ngày lo đêm, tìm cách nọ kế kia, ném đi mấy mươi vạn cái đầu, chảy ra mấy mươi vạn vũng máu, vất đi bao nhiêu cái xác ruồi không thềm bâu, cáo không thềm ăn, để mua lấy cái địa vị nô lệ mấy trăm đời không thay đổi thì trong lòng mới hả mới sướng. Người Nam đâu phải mắc bệnh điên, cũng không ai chịu làm thế, nhưng tôi còn không dám nói chắc chắn, là còn xem cái chính sách của chính phủ Bảo hộ đãi người nam thế nào. Tôi trong lòng đau đớn chua xót không biết kêu gào vào đâu, cầm bút viết thư này, quên cả những sự kiêng sợ, các quan Bảo hộ quả lấy lòng thành khoan đãi người Nam, thì tất cũng xét bụng tôi, cho tôi đến ngồi mà thung dung bàn hỏi, cho tôi được phơi gan mở ruột, bày tỏ cái điều lợi hại, may ra nước Nam có cái cơ được cải tử hồi sinh, thế là hạnh phúc của nước Nam tôi, thế là lòng ước của tôi. Ví bằng Chính phủ cứ lấy cái cách tàn ngược đối đãi người Nam làm cái chính sách hay nhất tốt nhất, thà bỏ một khu đất bốn mươi sáu vạn dặm, giết một dân tộc hai mươi mấy triệu người, để theo cái chính sách ấy, chớ quyết không để cho người Nam mở mặt mở mày với thế giới, thì xin lấy cái tội

ngông cuồng khép cho tôi, lấy cái luật phỉ báng buộc cho tôi, gông cùm để trước mặt, vạc dầu đun sau lưng, khiến cho những kẻ tài trí ở trong nước, chum chân khóa miệng lo liệu lấy cách mà làm, đừng bắt chước tôi đường đột nói càn để mắc vòng tội lệ, thế là một điều không may lớn cho nước Nam tôi, mà cũng là cái lòng ước mong của tôi xin các quan Bảo hộ xét cho.

Vụ kháng thuế ở Trung-Kỳ năm 1908

Năm 1908, vì chính sách bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp và phong kiến, nhân dân Việt-Nam ta ở các tỉnh Trung-Kỳ nổi lên chống thuế.

Cuộc nổi lên này là một cuộc tranh đấu của nông dân tiếp tục sau khi các cuộc khởi nghĩa Cần-Vương đã chấm dứt.

Thừa cơ hội, chánh quyền thực dân và phong kiến lại thẳng tay đàn áp nhân dân ta và hăm hại không biết bao nhiêu là những nhà ái quốc.

Vậy đầu đuôi vụ kháng thuế năm ấy ra sao ? « Công lý » của những kẻ tự xưng là « cha mẹ dân », là « đem văn minh đi truyền bá, đi bảo hộ » đối với vụ ấy thế nào ? – Chúng ta hãy đọc bài này của cụ Minh-Viên Huỳnh-thúc-Kháng.

Cụ Huỳnh là một trong những nhà ái quốc bị chúng bắt đày đi Côn-đảo sau vụ kháng thuế trên. Trong thời gian cụ có viết một bài tường thuật bằng chữ Hán, nhan đề là « Trung-kỳ cự sưu ký ». Nhưng bài ấy của cụ bị chính quyền tịch thu và đốt đi. Cho mãi đến sau này Nhật đảo chánh Pháp ở Đông-Dương cụ mới viết lại, và viết bằng quốc văn để nói với quốc dân về vụ chống thuế này...

NGUYÊN NHÂN VỤ KHÁNG THUẾ

Nguyên nhân xa

Kinh thành thất thủ, Nguyễn triều nhận nền bảo hộ của nước Pháp, Đảng Cần-vương nổi lên chống chọi trên mười mấy năm nhưng rồi cũng phải hạ cờ trước sức sừng sững đồng thực của thực dân Pháp.

Sau khi đè bẹp được lực lượng kháng chiến của Việt-Nam, nền thống trị được củng cố vững chãi, Pháp bắt đầu thẳng tay bóc lột nhân dân Việt-Nam bằng sưu cao thuế nặng. Đa dĩ bộn tham quan, ô lại muốn được

mau thăng quan tiến chức, để làm vui lòng quan thầy, bọn đó không trừ một thủ đoạn áp bức bóc lột nào, làm cho nhân dân đã khổ lại càng khổ hơn.

« Áp lực dụ trọng tắc động lực dụ cao », sức ép xuống càng nặng bao nhiêu, thì sức bắn lại càng hăng bấy nhiêu. Đó là một quy luật tất yếu.

Vụ kháng thuế Trung-kỳ xảy ra vào khoảng năm 1908 cũng nằm trong quy luật ấy. Đó là nguyên nhân xa.

Nguyên nhân gần

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của Việt-Nam trong 80 năm mất nước vừa qua, có thể nói là một cuộc cách mạng thường xuyên và liên tục. Lớp trước gục xuống, lớp sau nổi gót đứng lên. Phong trào trước thất bại, phong trào sau nổi dậy tiếp tục sự nghiệp. Phong trào Cần-Vương hạ màn, thì phong trào Đông-Du do các cụ Phan-Sào-Nam, Nguyễn-thượng-Hiền, Cường-Đế, Đặng-Tử-Kính mở đường là « Việt-Nam vong quốc sử », nào « Hải ngoại huyết thư », nào « Đề tỉnh quốc dân ca » truyền tụng khắp nơi. Đồng thời khuynh hướng « Tân Thơ », « Âu hóa » cũng phát triển mạnh. Tiếp đó là bài điều trần của cụ Tây-Hồ, trong đó vạch rõ tội ác của bọn quan lại tham tàn thối nát và lên án chính sách thực dân, làm cho phong trào Cách mạng ở Quảng-Nam đã phát triển ngấm ngấm trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là việc chống lại bọn tham quan ô lại. Ví dụ : ở phủ Tam-Kỳ, phủ Điện-Bàn, học trò cổ động nhân dân làm đơn kiện 2 tên tri phủ. Học sinh lại làm đơn kiện cả bọn quan trường về tội hối lộ. Ví dụ : trường Thừa-Thiên và trường Nghệ-An.

Tất cả những phong trào để kháng Phong Thực, bằng hình thức này hoặc hình thức khác của nhân dân Việt-Nam lúc này đã là như một đồng lửa, gặp điều kiện là bùng nổ ngay.

Việc gì đến có lúc sẽ phải đến, đó là nguyên nhân trực tiếp và gần của cuộc kháng thuế Trung-kỳ năm 1908.

TẤN KỊCH PHÁT KHỞI

Thoạt kỳ thủy, vào khoảng thượng tuần tháng hai năm Mậu thân (1908) ở huyện Đại-lộc có mấy bác hào lý cùng vài cậu học trò : Lương Chân, Trương-Hoành, Hứa-Tạo (ở làng Phiếm-ái, Hà-tân, La-đái...) cùng ngồi ăn và chuyện trò trong một đám kỵ ở một nhà nọ, đem chuyện « sưu cao thuế nặng » ra nói, rồi bàn nhau làm đơn lấy chữ ký các làng xã trong huyện, tới trình viên huyện chuyển đạt lên tỉnh cùng tòa sứ, xin giảm nhẹ sưu cùng các món thuế, kéo nặng quá, dân không đóng nổi.

Ai nấy đều tán thành, làm đơn và cầm đi lấy chữ ký mấy làng gần đấy, mới độ hơn ba mươi lăm bác lý trong tổng ký, định đi lấy thêm cho đông để « quan trên » thấy rõ nỗi khổ chung của dân mà giảm đi chăng, trong đám ký tên có tên lý trưởng làng La-đại lên lên báo viên quan huyện, thuật chuyện hào lý và sĩ dân đương làm.

Việc đến tai quan không thể xếp yên được và sợ để lâu quan trên theo lời tiên cáo của tên lý kia rồi không rõ đầu đuôi, buộc tội quần tụ thì to chuyện. Thôi thì cùng nhau vác đơn lên quan, trước bày tỏ tâm sự, sau nhờ quan đứng xin giúp...

Đến huyện, viên huyện đã biết trước, sai lính ra truyền rằng : « Quan đã xuống tỉnh bẩm việc tụ tập đông người của các anh rồi... » Viên huyện xuống tỉnh, bọn ấy không hầu chuyện được, ngơ ngác trông nhau, kẻ nói ta về, người bàn ở đợi. Trong lúc bàn tán phân vân có vài cậu học trò đứng ra xướng nghị :

« Quan đã đem việc bẩm tỉnh rồi, dầu có tan về cũng không tránh khỏi tội tụ tập đông người liên danh ký chỉ, chắc sẽ bị tra tấn lôi thôi, mang lấy cực lụy vô danh, vậy ta cứ theo quan vác đơn xuống tỉnh kêu xin dầu không có kết quả tốt cũng còn có danh nghĩa tỏ cùng quan trên rõ thấu thực tình xin giảm sưu thuế, chứ không có điều gì trái phép ».

Thế là kéo nhau xuống tỉnh với khẩu hiệu : xin sưu !

Từ Đại-lộc đến tỉnh, đường dài hơn mười cây số, hai bên đường toàn làng xóm cư dân, nghe tiếng « xin sưu » và thấy kẻ đồn người nói, rủ nhau vào đoàn cùng đi, càng đi càng thêm người. Đến chợ Vinh-điện gần tỉnh đã có đến năm sáu trăm người.

Vào tỉnh, quan tỉnh đã biết trước, cho lính ra truyền hỏi : dân chúng ở đâu tới, vào muốn làm gì ?

- Dân Đại-Lộc theo quan huyện xin sưu.

- Quan huyện các anh đã báo rằng dân Đại-Lộc tụ tập khởi ngụy, nay không có ở đây, đã xuống báo Tòa công-sứ biết rồi.

Khởi ngụy ! Báo Tòa Sứ ! Chuyện to tày đình !

Xin vào bẩm rõ mục đích cho quan tỉnh biết mà không được, nên họ kéo thẳng xuống Tòa Sứ luôn.

Từ tỉnh đến Tòa Sứ đường dài mười mấy cây số, người ta nghe thấy đi xin sưu đông vui, lại gia-nhập thêm mãi. Đến phố đã tới ngàn người.

Thấy dân đông quá, viên Công-sứ cho lính ra ngăn lại, chỉ cho 10 người vào trong có Lương-Châu, Hứa-Tạo, Trương-Hoành (học trò làng Phiếm-Ái và Hà-Tân) đứng ra bày tỏ ý nguyện của dân xin giảm nhẹ sưu thuế. Viên Sứ bảo xin gì thì cứ làm đơn kêu với Ngài, chớ tụ tập như vậy là làm loạn, và về việc thuế, quan cũng không có quyền giảm, dân cứ tan về an nghiệp để quan tư bẩm ra Phủ Toàn Quyền cùng Triều đình Huế, có được giảm hay không sẽ trả lời sau...

Mấy người ra truyền lời quan cho dân chúng nghe, nhưng dân chúng không chịu về, một mực nài xin về vụ thuế đã gần kỳ, dân không thể chịu đảm phụ quá nặng...

-Dân không tan về, quan sẽ bắt giam mấy người đại biểu.

-Nhờ lượng quan vì mấy người ấy họ xin phần họ, dân chúng ai có nỗi khổ này, không ai xin thay cho ai được.

Thế là Lương-Châu, Hứa-Tạo và Trương-Hoành bị bỏ sót. Vì ba người này ứng đối một cách thông hoạt có vẻ cương quyết. Viên sứ lại truyền : « Nếu dân không giải tán mà tụ họp ở đây thì ba người kia sẽ bị đày ra Lao-Bảo ».

Dân không chịu giải tán. Ba người kia bị đi Lao-Bảo ngay chiều hôm ấy.

Dân vẫn không chịu tan mà trái lại mỗi lâu mỗi đông thêm. Thế là thành chuyện to.

DÂN CHÚNG HƯỜNG ỨNG

Hội-An là thị trấn buôn bán tụ hội đông nhất tỉnh Quảng-Nam. Tòa Công-Sứ cũng đóng ở đấy.

Không kể dân ở các Phủ Huyện trong tỉnh mà dân buôn bán ở các tỉnh lân cận cũng thường qua lại rất đông. Vì thế, kẻ truyền đi người đồn lại tấn kịch « nhân dân xin sưu » không cánh mà bay lan tràn nhanh chóng.

Nhân dân các Phủ Huyện trong tỉnh khoai mo, cơm gói, quần xách, áo mang, kéo đi từng đoàn ra phố (Hội-An) thay nhau kẻ ở người về, cơm tiền giúp nhau. Nhiều người bàn tán :

« Ở phố, Tòa đã đông lắm, nay ở phủ huyện nào vây quanh phủ huyện này không kéo ra phố nữa ».

A - Phủ Điện-Bàn

Tri phủ lúc ấy là Trần-văn-Thông bị dân kiện. Dân vây Phủ, bổng viên phủ lên xe, kéo đi xin sù. Dân theo sau đông. Anh Thông Cao tức Minh cầm « ba tông » gõ vào mắt cá hỏi quan có ăn tiền nữa thôi.

Viên đề lại lên trốn xuống tỉnh và Tòa báo trước, nên dân mới kéo xe quan tới sông Phú-triêm (có đò) thì gặp đội lính tập ở Tòa kéo đến bắn mấy phát súng chỉ thiên. Dân bỏ xe quan chạy. Mấy người bị bắt. hai người lội băng sông bị chết đuối. Trong đêm ấy dân chúng vớt xác hai người ấy lên làm đám chôn cất long trọng. Sáng ngày, ai nấy để tang chít khăn trắng, lại dùng thẻ tre viết hai câu đối nêu ở mộ.

Nhân có cuộc dân vây bắt quan phủ Điện-bàn thành có luật giới nghiêm truyền các viên coi sửa đường sá phải rút về và phái lính đi canh gác các phủ huyện.

B - Phủ Thăng-Bình

Tri phủ là Lê-bá-Đăng khi ở Điện-bàn đã bị dọa khiêng trả, mới đổi vào. Dân họp đông vào yêu cầu quan đi xin sù. – Lính về gác Phủ bắn dọa, vài người dân bị thương. Lãnh tụ đám dân là Hương quản bị bắt.

C - Phủ Tam-Kỳ : Đề-đốc Trần-Tuệ hộc máu chết

Tam-kỳ là một phủ xa tỉnh lỵ. Quan phủ làm chúa trong bảy tổng. Dân bị khổ đã lâu đời, vì có đồn Trà-uy, đồn Phương-xá giáp miền mọi, có quan một Pháp và lính ở đồn Đại-lý gần phủ cùng mỏ vàng Bồng-miêu v.v..., nên đường sá kinh dinh rất cần. Tỉnh phái Đề-đốc Trần-Tuệ, giám đốc xem việc đường sá, Đề-đốc Lang-Bôi với viên Tri-phủ (Kinh tú) thường đánh đập dân, nhất là ghét dân cúp tóc đã hành hạ trong lúc làm sù thuế, lại bắt giao về phủ giam.

Sĩ dân lại có đơn kiện cả chánh phó bảy tổng tức kiện viên Tri phủ một cách gián tiếp, kể nhiều khoảng tình tệ. Tỉnh và bộ còn xét thì vụ xin sù này xảy ra. Đề Tuệ đã làm nhiều điều ác, nào nhà người bắt dọn để ở

và bắt chủ nhà đánh, vào nhà bên đường nghỉ trưa, nghe con nít khóc, bắt chủ nhà căng đánh rồi giải về phủ giam (Nguyễn-Kỳ ở Chiêu-đàn v.v...). Biết dân oán, lén về ở trong phủ. Dân vây phủ, một hai xin viên Phủ và ông Đề đem dân đi xin sùu.

Dân kêu nài mãi mà các quan không ra. Đêm dân vào trong phủ canh, nhất định giữ ông Đề.

Tòa đại lý cách phủ lỵ ba cây số, biết dân thù oán Đề Tuệ, đại lý đem lính lên phủ đưa Tuệ về Tòa. Khi ra cửa phủ xe đại lý đi trước dân nhường lối đi, xe qua dân kéo theo. Trùm Thuyết người làng Phước-lợi kêu to : « dân ta xin quan đại lý giao ông Đề để dân ăn gan ». Toàn đám đồng thanh « dạ » vang lừng. Đề Tuệ ngồi trên xe hộc máu gục xuống, về đến tòa đại lý thì tắt thở.

Trùm Thuyết sau bị kết án tử hình, chém ở Tam-Kỳ. Trong án có câu :

« Thanh thanh thực Đề độc can, nhất hô nhi thất tổng chi dân giai ứng ».

D - Huyện Hòa-vang

Dân huyện Hòa-vang khổ về sùu làm đường sá dưới quyền hành hạ của Lãnh Diêm, cũng như dân Tam-kỳ đối với Đề Tuệ. Ông Ích-Đường con ông Tấn-Nhì, cháu ông Ích-Khiêm có đi vào Nam với cụ Tây-Hồ và ra Bắc ở đồn Đề-Thám. Đường cùng dân chúng sắp vây bắt Lãnh Diêm, thì trước nửa giờ Diêm đã nghe tin, lén xuống xe lửa Tourane-Faifo trốn thoát.

Sau Đường bị xử tử hình ở Túy-Loan.

E - Huyện Quế-Sơn và Huyện Duy-Xuyên

Hai viên tri huyện này không làm điều gì ác nên dân không oán, khỏi tị nạn « dân vây » như các phủ huyện khác.

PHONG TRÀO LAN RỘNG

Việc kháng thuế xảy ra, Chánh Sáu, làng Gia-Cốc xuống tỉnh lãnh bằng về hiệu trấp. (Y làm nhà giam, muốn thị oai, dọa bắt dân đi xin sưu về giam. Dân thù ghét, đem đến vây bắt đem về trấn nước. Về vụ này lính về tuần tiễu chém Tú cang, đốt nhà Ấm Tân, sau lại có Hương... bị tử hình.

I - Châu-hương-Văn hiệu Thơ-Đồng.

Bạn thân với các cụ Tiểu-La, Sào-Nam. Trong ngoài thường có thư từ qua lại mà chính nhà Châu là cơ quan.

Bị bắt, Châu mắng chửi chánh sách bóc lột Pháp và nhận cả mọi việc, từ cách mạng đến cuộc chống sưu đều một tay đề xướng. Vào ngục rồi giải lên tỉnh để kết án, Châu tuyệt thực trong hai mươi ngày. Ngày đầy ra Lao-Bảo tới Huế thì tắt thở. Châu tuyệt thực bảo người bạn cùng giam : « Tôi làm phần dễ, còn phần khó sau này các bạn gắng lấy ».

Người bạn có khóc Châu :

« Nhân dai úy tử, quân độc bất tham sinh, bát xích tu my, tu dự hà sơn đình nhất bảo.

« Thù vi kỳ nan, quân khước vi kỳ dị, nhất phần trách nhiệm, các lương tâm huyết cáo đồng bào ».

Nghĩa là :

« Người đều sợ chết, người chẳng tham sống nhờ, tám thước mày râu, thẹn với non sông lo bữa gạo.

« Ai đương việc khó, người đành làm việc dễ, một phần gánh vác, hãy đem tâm huyết tỏ đồng bào ».

« Ngã bất nan xã sinh, nại hà tai Trung thiên dịch sơ khai, Dụ lý thất niên tiền vi diễn.

« Quân nãi năng tựu nghĩa, nan đắc giả vạn thế kinh độc thủ, Thứ dương thiên tải hận do văn ».

Nghĩa là :

« Ta có tiếc cái sống đâu, khổ vì dịch Trung thiên mở đầu, Dụ lý bảy năm chưa diễn trọn.

« Người làm trót điều nghĩa đấy, khó là kinh muôn đời giữ vẹn, Thứ dương ngàn thưở vẫn nghe thơm » (Trần-cao-Vân).

(Sau Cao lên đoạn đầu dài trong cuộc Duy Tân khởi nghĩa, rõ không phụ với câu đối trên).

II - Trần-quý-Cáp lên đoạn đầu dài.

Cụ Trần-quý-Cáp là một lãnh tụ trong phái đề xướng Tân-học. Sánh với cụ Tây-Hồ phong khí Quảng-Nam có chiều đối mới. Nào thương hội, nào trường học, cùng diễn thuyết âu trang v.v... Cụ có sức cảm hóa rất mạnh, vì thế trong dịp tân cựu xung đột, cụ đã thành cái đinh trước mắt các nhà đương cuộc cả Nam và Pháp. Đương làm Giáo-thọ ở phủ Thăng-bình, bèn bị đổi vào làm Giáo-thọ ở huyện Tân-định, tỉnh Khánh-hòa.

Cụ vào Tân-định đầu tháng giêng năm 1908 đến cuối tháng hai ở Quảng-Nam mới có tấn kịch dân chúng xin sưu. Thực tình không rõ đầu đuôi câu chuyện, không những không can dự cũng không ngờ có thể xảy ra một cách lan rộng như thế.

Đã là cái nêu để bọn quan lại Tây Nam thủ cựu châu mắt vào lại thù hiềm riêng là khác. Nhân dịp dân xin sưu dùng kế đâm cụ một vết thương, viên quan hèn mặt nợ xui người viết thư nặc danh cổ động việc chống sưu, do nhà bưu điện gửi vào cho cụ mà do viên tri huyện Tân định chuyển giao.

Tiên tri huyện này tiếp được bức thư nào của cụ là đưa sang Tòa Sứ mà không đưa sang cụ, Tòa Sứ giao tỉnh xét. Quan tỉnh cùng bọn trình hồ được dịp nịnh người Pháp, lập công kết án tử hình, cho cụ là người đứng đầu cuộc chống thuế cả xứ Trung-kỳ, bắt đưa ngay lên đoạn đầu đài rồi mới tư Bộ. Đây là theo lời người làm việc trong tỉnh Khánh-hòa là người phủ Điện-bàn hiểu việc ấy thuật lại.

Cái án « mặc tư hữu » cùng giọt máu vị quốc dân hy sinh của cụ nhuộm sâu vào lòng người không khi nào phai mà bọn trình hồ thù ghét người đó là kẻ bị đui mù, người bị chết dịch, và bị tiếng mắng chửi muôn đời. Rõ là trời có con mắt.

III - Bản án quan tòa tỉnh Quảng-Nam buộc tội (dịch theo nguyên văn chữ Hán) :

« Bọn Huỳnh-thúc-Kháng, Phan-thúc-Duyên, Lê-bá-Trình, Dương-Thạc, Trương-bá-Huy, Nguyễn-Thành v.v... đều là người trong khoa mục danh sắc há không biết người phản quốc Phan-bội-Châu là không nên theo mà Nguyễn-Thành thấy y tới nhà bèn mời Phan-chu-Trình, Huỳnh-thúc-Kháng cùng nhau mật nghị. Kế đó Phan-bội-Châu ra khỏi nước, bọn Phan-thúc-Duyên, Lê-bá-Trình và Nguyễn-đình-Tấn cùng xướng lập thương hội ngầm ngầm gửi tư trợ. Theo « Ngự tác Hà » đã khai « Phan mỗi có gửi về mỗi người một bức thư không rõ trong thư nói gì... » xem dấu tích hành vi như thế, bảo rằng không nhị tâm có ai tin được ?

« Nay xét làm thì có câu « xóa mạ lao lung » gửi thư có câu « cường quyền duyên tự » mà các bài diễn thuyết đều nêu câu « lấy yêu đồng bào làm tôn chỉ ». Tuy trong cuộc diễn thuyết vẫn nói các chi tiết : « Khai trí, trị sanh, tinh xa sùng kiệm », song đại khái lấy đề xướng « dân quyền » làm mục đích, kêu mỗi bội loạn cho phần đông. Dò xét đến nguồn gốc là do Phan-chu-Trình, Huỳnh-thúc-Kháng đề xướng mà các người kia phụ họa theo. Hiện hạ hạt dân nào đông, hẳn do thuyết dân quyền làm bước đầu mà kích thành cuộc biến này. Nếu không chiếu luật nghiêm trừng thì

nhân dân bắt chước làm càn, không khỏi có phòng ngại đến chính quyền mà cuộc cai trị gặp nỗi khó khăn.

Vả chẳng, việc này thủ xướng chẳng qua một vài người, còn thì biết mà không ra thú, hoặc không biết mà theo mù ; một mai bủa vào lưới tội cả thì nước nhà có chỗ bất nhẫn. Vậy nên xét theo lúc bình nhật tham hợp cả chứng luận, kết nghị minh mạch cho được thỏa đáng : Huỳnh-thúc-Kháng, Phan-thúc-Duyên cùng Phan-chu-Trinh đồng tội, xử tử ra Côn-Lô, gặp ân xá không tha, còn Nguyễn-Thành, Lê-bá-Trinh, Trương-bá-Huy v.v... trượng nhất bách đồ tam thiên lý cải hạng khổ sai cửu niên.

Trên là án mấy người, còn Tú-Dương Hương-Cảnh Hương-Quản cũng đày ra Côn-Lôn không rõ kết án thế nào. Riêng Trần-cao-Vân còn giải vào Bình-định mới kết án, năm sau cũng án chung thân đày ra Côn-Lôn. Cọng cả sĩ dân là 9 người. Cụ Phan-tây-Hồ ở Hà-nội giải về Huế đày ra trước. Còn Thông-Cao, Dương-Thường v.v... đày ra Lao-Bảo là khác. Không kể số đông chín năm giam ở tỉnh, như án Châu Chế vì cùng đi đồng thuyền với vị Giáo-thọ Trần-quý-Cáp, án Tư Cán dạy học trò tập thể thao là giáo nhân dừng được phóng tử...

Đọc án văn trên, thấy các lỗi quan tòa Nam triều buộc tội không cần chứng cứ, không biện lệ luật, lấy ý đoán chừng mà kết án. Lạ hơn nữa là bắt giam vào ngục, rồi bắt đi đày trước, sau không tuyên án. Án trên là sao lục trong hồ sơ.

Lúc ở ngục giam từ cuối tháng hai đến tháng tám năm 1908 mới phát Côn Lôn.

QUẢNG-NGÃI

Trước cuộc cự sưu thì Quảng-Ngãi cũng như Quảng-Nam, sĩ phu như Cử Sụy, Cử Quảng, Cử Cầm, Bộ Khiết, Ấm Loan, Tú phạm, Cao

Chăm cùng một số đã xem báo sách mới, đã có người xuất dương du học như Lê-Cơ, Lam-Trung v.v... tân cự có chiều xung đột.

Đến nhịp « cự sưu » xảy ra, bọn buôn bán ra Hội-An thấy thế truyền-tin đến Quảng-Ngãi là dân chúng hưởng ứng một cách bùng bột.

Trước hết dân chúng tụ tập xung quanh tỉnh và các phủ huyện, lại có vài người Quảng-Nam chỉ mang cái kéo, cái lược vào truyền nhau cúp tóc xin sưu. Trong bọn quan coi đốc việc sưu, có Lãnh-binh X. hành hạ dân gieo oán thù đã sẵn, dân vây bắt vợ con làm nhà giam lại. Ngoài ra dân truyền đơn kể tội quan Quận công Thạch-Trì.

Thế là thân sĩ và dân bị bắt giam, có cái hình cụ rất mới là làm cái gông bằng cây tre dài, gông chung ba bốn người vào một gông, mà bắt phơi nắng. Ngoài ít dân bị bắn, ông Bõ Khiết trước làm tán tường lúc Nguyễn-Thân đi tiểu Quảng-Nam và Nghệ-Tĩnh, ông Ấm Loan cự đảng Cần vương bị tử hình, còn các ông Cử Sụy, Cử Quán, Tú Chăm, Tú Tuyên, Huyện Mai bị đẩy ra Côn-Lôn. Cử Quán chết ngoài đảo. Cử Sụy và Tú Chăm tha về, lại tham gia « Duy tân khởi nghĩa ». Cử Sụy bị tử hình, còn Tú Chăm lại đẩy ra Côn-Lôn, sau bị chết bắn với Nguyễn-trọng-Thường trong tấn kịch « tù chung thân khởi nghĩa » năm 1918.

Quanh cuộc cự sưu này, ông Tú Trần-kỳ-Phong (Nghĩa Bình) trước kia cùng Tú Cơ em Cử Cẩn có sang Tàu gặp vụ Sào-Nam ở Quảng-Đông, Quảng-Tây, mang một ít sách mới về. Đến cuộc cự-sưu, ông trốn thoát ra miền Bắc địch sang Tàu nhưng đường sá canh phòng nghiêm ngặt, đành trở về miền Nghệ-Tĩnh rồi về Quảng-Nam bị bắt cũng đẩy ra Côn-Lôn.

Cháu ông Tú Chăm Phạm-Cao-Đài cũng trốn ra nước ngoài học chế tạc đạn ở Hương-Cảng, có bệnh long óc sau bị bắt đẩy ra Côn-Lôn rồi cùng Hy-Cao, Cử-Cai kết bè gỗ vượt biển sang Quảng-Đông rồi đi Thượng-Hải, Hy-Cao bị bắt giải về Hà-Nội, nhân bệnh đau óc ở ngục Hỏa lò rồi chết tại đấy.

Sĩ phu cùng dân Quảng-Ngãi khẳng khái, và kiên quyết, phần đông hy sinh vì nước, một mực thẳng tới không thối lui trước một trở lực nào. Đại khái như ông Cử Cẩn với Nguyễn-Thân công nhiên bài xích không kiêng nể. Lúc ông Khiết, ông Loan bị tử hình, ông ta định nhắc đến lần mình gọi lớn : « Làm trai có chết thể mới tươi tốt ». Nhưng ông ta lại khỏi bị, nên có bài thơ.

*Cổ quốc sơn hà trọng,
Tân triều thế lực khinh.
Hùng tâm vong đỉnh hoạch,
Tô mạng đoạn côn kình.
Dục hiện cao trường khắp,
Ninh tri cát bất thành.
Túng nhiên lưu nhiệt huyết,
Đồng loại hấp văn minh.*

Dịch :

*Nước cũ non sông nặng,
Triều tân thế lực hèn.
Thân sá kiêng đầu vạc,
Lòng thề giết loài kình.
Muốn học Cao luân khóc,
Nào hay Cát chả nên.
Ta hồ trôi máu đỏ,
Đồng loại hưởng văn minh.*

BÌNH-ĐỊNH

Ai cũng biết Bình-Định là đất gây dựng nên vị anh hùng Nguyễn-Huệ : từ một tên dân trong thôn quê quật khởi vùng vẫy non sông, mấy năm trường oanh liệt làm cho quân Mãn-Thanh, quân Xiêm kinh hồn khiếp vía. Lại như Mai-xuân-Thường, Tăng-bạt-Hổ, trong cuộc nghĩa hội Cần-

Vương. Mai thì tử tiết, còn Tăng bôn tẩu cả trong nước và ra ngoài, trường trải trên hai mươi năm trời, lại cùng cụ Sào-Nam gây cuộc cách mạng chống Pháp. Nhân dân Đồ-bàn xưa nào có phải là dân hèn !

Cuộc sự sưu Nam-Nghĩa vừa lan vào Bình-Định, thì ngọn sóng khởi lên một cách bùng bột hơn các nơi. Nhân cuộc Nam-Nghĩa quan trường đã có lệnh gọi các quan Phủ Huyện về Tỉnh cả. Dân tới Phủ, Huyện còn gặp thầy thông, tên lệ nào đều bắt cúp tóc, còn toàn dân thì nêu hai chữ « đồng bào » để hiệu triệu có đặt ra « anh hai, anh ba, anh tư », nhường chức « anh cả » cho ngoài Nam-Nghĩa. Khắc con dấu « đồng bào ký » phát thẻ truyền khắp trong dân gian.

Dân chúng một mặt kéo đến tụ họp quanh tỉnh, sắp đặt có thứ lớp và cầm thẻ nêu, lớp trong là dân cảm tử, lớp ngoài là dân tự cường v.v... rồi lớp này thay lớp nọ, người ở nhà thì mang cơm gạo cho dân xin sưu, kéo gài như thế gần cả tháng. Một việc táo bạo là bắt bọn thu thuế chợ, nhất là tay nào ác nghiệt có tiếng. Thấy bắt mà không thấy trở về, nói giải ra ngoài dinh « anh cả » (Nam-Nghĩa) xử án...

Ông Hồ-sĩ-Tạo người đạo đức danh vọng trong tỉnh, nhà ở gần chợ Cầu Chàm cách tỉnh lỵ độ vài cây số, làm tri huyện gặp tang sự ở nhà.

Dân chúng kéo nhau tới nhà ông lớp này tiếp lớp khác, buộc ông đứng tên ký cho đồng bào. Ông từ chối mãi, nhưng chúng cứ đến. Thế là ông bị bắt cùng Nguyễn-trọng-Trì cần vương cự đảng, tú tài Nguyễn-duy-Viên, học sinh Hồ-Như-Ý cùng hào dân rất đông. Sau khi tan cuộc, quan tỉnh cho lính về nhà quê phát bài chỉ thuế cho các làng mà còn có người bị dân bắt giết.

Tấn kịch xin sưu ở Bình-Định, người ra gọi quen là giặc « đồng bào » hay đảng « cúp tóc » kết cục vài mươi người bị tử hình ở chợ Cầu Chàm và mười một người đầy ra Côn-Lôn.

Tú Viên, Học Ý, Chám Hàm, Phó Khả, Trùm Lập, Xã Hữ, Hồ Cương, Hương Thức cùng dân : Chì, Can, Tính (ba người nà là thường dân đi đồn củi gặp lính, bị bắt chớ không phạm tội gì).

Phong trào « cúp tóc », ở Bình-Định viên Phủ X ra tờ cảnh cáo người ta còn truyền tụng, có câu : « *Than ôi ! Biên khổ ngàn trùng, cứu vớt ngoa truyền Phật sống, gió to một trận dân đen thấy hóa thầy tu* ». (Ta hồ khổ hải thiên trùng, tế độ ngoa truyền hoạt Phật. Cuồng phong nhất trận kiểm lê tạn hóa hành tăng).

Xem thế đủ biết phong trào này ở Bình-Định rất bùng nổ.

PHÚ-YÊN

Ở Phú-Yên mới có vài người Bình-Định vào cổ động, cúp tóc xin sưu ở miền sông Cầu thì bị bắt. Hương Đơn bị bắt ở Vũng-Lấp kết án tại Tòa tỉnh Phú-Yên, bảy năm đày Côn-Lôn.

Con ông Tú Trung ra học ở Quảng-Nam, trường Diên-phong bị bắt giải về. Ông Tú thường ra Quảng nói chuyện tân thơ cũng bị đày đi Lao-Bảo.

KHÁNH-HÒA

Cụ Trần-quý-Cáp người Quảng-nam bị lên đoạn đầu đài ở Nha-Trang, cái án vô nhân đạo này, khí oan ức rung động khắp trong nước.

Nguyễn-tư-Trực, con bà Đốc Chi năm trước cụ Tây-Hồ và cụ Thái-Xuyên nam du có ghé nhà ở chơi mấy hôm, đọc bài thi « chí thành thông thánh » cùng bài phú « lương ngọc danh sơn » Tư-Trực có nhớ đôi câu đọc chơi cũng bị bắt tra tấn.

BÌNH-THUẬN

Cụ Đặng-nguyên-Cẩn, hiệu Thái-Sơn, trước làm Đốc học ở Nghệ-An vì bị nghi trong đảng Đông học nên đổi vào Đốc học Bình-Thuận cũng bị bắt giải về Nghệ-An, sau đày ra Côn-Lôn.

Trên đây là tấn kịch ở miền Nam, sau đây là chuyện xảy ra ở miền Bắc.

THỪA-THIÊN

Thừa-Thiên là nơi gần vua quan hơn các tỉnh khác, đồng thời kinh đô lại là nơi sĩ phu và học giới trong nước tụ tập, vì thế trong sĩ phu có người đã tiếm nhiệm Tân học cùng sách báo mới ở nước ngoài lọt vào, dầu là phải quan trên thường răn dỗi cũng không ngăn được phong trào mới, nên chính ở Thừa-Thiên cũng có mở hội buôn hường ứng với hội « Hợp thương » ở Quảng-Nam cùng hội « triền dương » ở Nghệ-An, nhất là bản điều trần của cụ Tây-Hồ được nhiều người tán tụng.

Nhân tấn kịch cụ sưu miền Nam, dân chúng ở Thừa-Thiên cũng nổi lên một cách bùng bột có bắt viên Lãnh-binh cầm giữ. Nhưng lúc ấy ông Trần Trạm làm Phủ doãn có tiếng thanh bạch được lòng dân kính nể nên thu xếp được mau. Trong đám lãnh tụ đồng dân có cậu ấm sinh trẻ tuổi là Lê-đình-Mông, người Giả-lê, bị án chung thân đày ra Côn-Lôn.

Sau bốn năm được tha về, lại có cậu học trò tên là Quýnh đi trốn cùng một ít thân sĩ bị giam (cụ cử Võ-bá-Hạp v.v...)

QUẢNG-TRỊ, QUẢNG BÌNH

Hai tỉnh này mới rục rịch bàn nói đến chuyện cụ sưu, chưa kịp hành động thì sĩ dân đã có người bị kết án « phụ ngôn Nam, Nghĩa cụ sưu chí sĩ ». Cái án rõ là thú nhĩ ! Và mai mĩa làm sao ? !

HÀ-TĨNH, NGHỆ-AN

Nghệ-Tĩnh và Nam-Nghĩa, từ phái văn học đến phái Cần vương nghĩa hội, thường một mạch câu thông với nhau. Đến phong trào Tân học cải cách cùng Đông học cán dùi trống một nhịp với nhau, dân Nghệ-Tĩnh hò reo như gió đưa diều ; Hà Tĩnh thì huyện Can-Lộc cùng vùng làng Hạ-lôi, Kỳ-trực dân chúng tụ họp vây huyện ; Nghệ-an dân cũng xông xáo tụ tập, truyền đơn dán khắp nơi, kể tội quan lại rất kịch liệt. Có chuyện thú là quan huyện Can-Lộc hỏi dân :

- Ai bày các anh làm việc này ?

- Bẩm quan ! Tân thơ !

Vụ này Hà-Tĩnh có Trịnh-khắc-Lập, Nghệ-an Nguyễn-hàn-Chi là hai tay học cứng : Quan trường cho là tội khôi nên bị tử hình, còn đồng thời bị đày ra Côn-lôn với Đốc học Đặng-nguyên-Cần, Tấn-sĩ Ngô-đức-Kế, Cử nhân Đặng-văn-Bá, Lê-văn-Huấn (ba ông này bị bắt trước vụ cự sưu), Đỗ Tịnh, Đội Phương (cựu đảng Cần-vương Lý-Hạ-Lôi, Lý-Tư, Hương Hạp).

Năm sau có Tử Trác, Nho Sang, Ký Long, Tú Kiện, Tú Ngôn, Cử Tịnh, Hoàng-xuân-Hành, Lê-Võ, Nguyễn-tư-Thản (sau cuộc chống thuế, can tội bạo động) cũng bị đày ra Côn-Lôn. Lý Hạ-Lôi, Nho-San, Ký Long, Tú Ngôn, Nguyễn-Thân, chết ngoài đảo, còn mấy người mãn hạn mới được tha về.

Lúc ấy có câu đối khóc Trịnh-khắc-Lập :

« Nhân sử dai tiên sinh, tuy sưu thuế vì kim nhật chi đại vấn đề hồ tước long thôn, yết dục hạ nhi bất năng hạ ;

« Cố sở vị liệt sĩ tri thiết huyết vì hậu lai chi lương kiết quả đường kình oa vô, đầu khả tổn, diệc bất tất tồn. »

Nghĩa là :

« Ai cũng như tiên sinh, dầu sưu thuế là vấn đề to lớn ngày nay, cộp nuốt rỗng nhai, cổ muốn xuống cũng không thể xuống ;

« Xưa gọi bằng liệt sĩ, biết máu sắt là kết quả tốt đẹp mai hậu, châu kình ếch giận, đầu có còn cũng không cần còn ».

Và câu đối khóc Nguyễn-hàn-Chi :

« *Bút dục thư tặc thư, khẩu dục ngôn tặc ngôn, phiên phiên khả ái tai, nhân cách đô từng tân học xuất.*

« *Vấn quân thê vị thê, vấn quân tử vị tử, khả khả hà vi giả, huyết ngấn toàn vị quốc dân lưu* ».

Nghĩa là :

« Bút muốn viết thì viết, miệng muốn reo thì reo, phơi phơi đáng yêu thay ! Nhân cách rèn nên từ học mới ;

« Hỏi con vẫn chưa con, hỏi vợ vẫn chưa vợ, khẳng khẳng làm gì đấy ? Máu tươi tuôn chảy với đồng bào. »

THANH-HÓA

Thanh Hóa trong lúc ấy đã có ban cự học cùng Âu Học hưởng ứng với phong lưu chung, có lập ra Hà-thành thư xã, cùng giao thông với Đông-kinh Nghĩa-thực ngoài Bắc, Hợp-thương trong Quảng và Triều-dương ở Nghệ. Cụ Tây-Hồ lúc xuất dương về (1906) có gặp sĩ phu ở Thanh.

Khi phong trào cự sưu bùng ra ở Nam-Nghĩa, sĩ phu Thanh cũng nóng lòng hưởng ứng ; nhưng chưa kịp hành động mới có tờ hiệu triệu quần chúng dán ở đường phố trong tỉnh, quan tỉnh bắt được tờ giấy ấy, biết là do bọn sĩ phu cổ động, bèn bắt mấy tay có danh hạ ngục và tra tấn ai viết tờ hiệu ấy. Đại-ý trong tờ hiệu triệu : « Dân chúng Nam-Nghĩa đã vì khổ chung của đồng bào mà họp nhau yêu cầu giảm thuế là một việc chánh đáng, sẽ có kết quả tốt. Ấp Thanh-Mộc là đất danh tiếng xưa nay, há toàn cả đàn bà, không có bọn mày râu hay sao ? Nếu dân tỉnh Thanh ta lãnh đạm

ngày sau được ân giảm thuế sưu, chúng ta dầu biết hổ thẹn mà ăn năn cũng đã muộn rồi, v.v... »

Về việc hình phạt thì các tỉnh khác đang giữ lễ độ đối với sĩ phu, còn ở Thanh thì đã dã man vô cùng, tra tấn rồi kết án không cần biết rõ tội lỗi. Ông Tú Lê-nguyên-Thành đứng ra nhận cả, nhưng các bạn cũng không khỏi bị án chung thân hay chín năm cùng năm năm đày ra Côn-lôn : Cử Xưng, Cử Soạn, Tú Thiệp, Tú Ta, Cử khai, Huyện Nam, Ký Tín (hai người sau này là cha con người Bắc ở Thanh).

Trên đây là kết cuộc vụ chống thuế ở Trung-Kỳ, kẻ tử hình (ngoài dân bị bắn, chém vô danh) người có tên tuổi thì Cụ Trần-quý-Cáp, Ông Ích-Đường, Tú Cang, Trùm Thuyết, Xã Ngọc-Kinh (Quảng-Nam), Tán Loan-Bồ-Kiết (Quảng-Ngãi), Trịnh-khắc-Lập, Nguyễn-hàn-Chi (Nghệ-Tĩnh) đều lên đoạn đầu đài.

Tú Thạc, Tán Hàm, Hương Cảnh, Hương Quán (Quảng-Nam), Cử Quán, Tú Châm (Quảng-Ngãi), Lý Hạ-Lôi, Ký Long, Nho San, Tú Ngôn, Nguyễn-tư-Thảo (Nghệ-An), Cử Xưng, Tú Thiệp (Thanh-Hóa) đều bị chém hoặc đày ra Côn-lôn.

Chết ở Lao-Bảo thì có Thông Cao, Dương Thường v.v..., còn chết ở các lao tỉnh thì không kể hết được.

Văn khóc cụ nghệ Trần-quý-Cáp

Công lý là lẽ phải ở đời. Pháp luật đặt ra là để ngăn người khỏi sa vào tội lỗi. – Mọi người trên hoàn cầu xưa nay, ai cũng phải nhìn nhận như thế là phải. – Nhưng phải với ở chính thể nào, phải với ai, chớ đến với bọn cường quyền như thực dân Pháp thì chả phải chút nào, vì những cái đó chỉ là những danh từ rỗng tuếch. Và càng rỗng tuếch hơn nữa đối với những dân tiểu nhược ở dưới quyền cai trị của chúng.

Bài « văn khóc cụ nghệ Trần-quý-Cáp » của cụ Phan-Bội-Châu này thật đã lột ra một cách vô cùng mỉa mai và vô cùng oán hận về cái tinh thần « công lý và pháp luật » trong thời thực dân Pháp còn ngự trị ở đây.

Chúng ta có sinh ra làm dân mất nước mới biết rằng :

Hiền nhân quân tử là phạm vào cấm vật của nhà cầm quyền ;

Triết học chân lý là can vào tội điều của nhà pháp luật.

Nếu chúng ta không phải là dân vong quốc, làm gì mà biết được như thế.

Đau đớn thay ! Một người bạn tinh thần của chúng ta là ông Thái-Xuyên³⁹⁴

Năm Mậu Thân đời Thành-Thái bị chính phủ bảo hộ nước Pháp vô cớ khép cho ông cái tội « mặc tu hũ³⁹⁵ » xử ông bằng luật trăm quyết.

Ngày rằm tháng tám đem ông ra giết ở giữa chợ Diên-Khánh, lúc đó toàn quốc nhân sĩ ai cũng biết là oan.

Nhưng mà có oan gì đâu !

Hễ người đã làm dân vong quốc, đã nấp nép dưới chánh phủ cường quyền thì cái sự vô cớ đặc tử hình là thường lắm.

Ông Thái-Xuyên :

Sinh bình thờ cha mẹ hết sức hiếu, ở với anh em hết sức dễ, ở với làng nước bạn bè hết sức trung tín.

Làm thầy dạy học trò thời hết nghĩa vụ làm thầy.

Đọc sách thánh hiền, một lời nói, một nét làm, tất hết sức theo khuôn nấy mực.

Nhớ khi ông ra tới trường chém, dao đã kề cổ, còn thung dung xin với quan giám trăm, cho đặt án đốt hương, áo mào nghiêm trang, bái tạ quốc dân ngũ bái, rồi khảng khái tựu hình, sắc mặt in như khi nhóm trò giảng sách.

Chao ôi ! Thảm thiết, mà cũng tráng liệt thay !

Chúng ta đọc sách cũ Đông-phương, thấy luật « yêu ngôn » của Tần Thủy-Hoàng, luật « phúc phi » của Hán Vũ-Đế, thường nghĩ rằng nghiêm hình oan ngục của đời quân chủ chuyên chế, thiệt không ai đơn độc.

Ai dè làm dân bị bảo hộ của nước dân chủ tự do mà oan thảm lại ghê gớm hơn nữa.

Nếu một người đạo đức phẩm hạnh, học vấn văn chương như ông Thái-Xuyên ta, mà sinh ở đời Tần-Thủy-Hoàng chắc còn làm được Phục-Sinh, Thân-Công, ở đời Hán-Vũ-Đế còn làm được Cấp-Âm, Đồng-Trọng-Thư. Có đâu phải đến nỗi làm một chí sĩ mà mất đầu, phải trôi máu dưới lưỡi dao vô đạo.

Ôi, ông Thái-Xuyên !

Ôi, ông Thái-Xuyên !

Oan thảm cho ông, đành oan thảm cho ông ! Mà thứ nhất là oan thảm cho đồng bào ta vậy.

Từ xưa đến nay, nhà chính trị thường nói rằng pháp luật là vì người có tội mà đặt ra. Nhưng chẳng qua nhà cường quyền mới nói như thế, nếu dân nhược tiểu mà đụng nhà cầm quyền thì cho nhận xét như thế là lầm vậy.

Nghĩ như ông Thái-Xuyên mà được kết án xử tử thì tội gì ? - Chỉ vì lẽ trung hiếu thiên tính.

Hay là tội ông tại giảng học mới ? thì học mới từ Âu Châu truyền qua, có gì cấm người ta không được giảng ?

Hay là tội ông tại hay giảng công lý ? thì công lý là một lẽ rất phổ thông, có gì cấm người ta không được kể ?

Hoặc giả vì lúc đó dân Quảng-Nam có việc xin xâu mà ông bị hiềm nghi phiến động hay sao ? – Thì lại phải không. Bởi vì lúc đó, ông còn làm thầy dạy học ở Khánh-hòa, ông chưa về Quảng-Nam bao giờ. Chắc cái việc xin xâu, ông hoàn toàn không biết tới. Thế mà tự nhiên đắc tử hình !

Thế thì ông chết vì tội gì ?

Chính vì cái tội ông là người mất nước.

Pháp luật mà chi ?

Đạo lý mà chi ? ...

Chúng ta nhắc đến lịch sử ông Thái-Xuyên, chúng ta khóc ông Thái-Xuyên, cùng khóc dự bị cho hai mươi lăm triệu đồng bào nữa vậy.

Hỡi ơi ! Than ôi ! – Gươm vô đạo chẳng từ ai, mệnh thánh hiền mà đành như vậy.

Trời chí công sao nỡ thế ?

Gương nhật tinh há lẽ mờ chẳng ?

Suối đỏ kìa ai thăm viếng, huyết Trành-Hoàng biếc nhuộm non xanh

!

Giống vàng chắc chứa diệt dêu, hồn Tinh-Vệ thề điền biển bạc.

Mấy lời bạn cũ !

Tấc dạ thần soi !

Bài khóc cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành

Cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành sinh năm 1863 tại làng Thanh-Mỹ, phủ Thăng-Bình tỉnh Quảng-Nam, tục gọi cụ ấm Hàm. Cụ là một kiện tướng trong phong trào Cần-Vương chống pháp ở Trung-Việt. Khi phong trào thất bại, cụ ẩn mình ở Sơn-Trang Nam-Thịnh, rồi cùng cụ Phan-Bội-Châu thành lập Việt-Nam Quang-Phục-Hội ở Quảng-Nam. Cụ hoạt động rất hăng, các công việc xếp đặt cho cụ Phan xuất dương trước sau đều do cụ chủ mưu. Năm 1908, cụ cùng các đồng chí xướng cuộc kháng thuế ở Quảng-Nam. Cụ bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn-đảo, được 2 năm, cụ mất vì chứng bệnh thổ huyết.

Bài khóc cụ Tiểu-La này là của cụ Phan-Bội-Châu viết ra sau ngày cụ về nước, vì khi cụ Tiểu-La mất thì cụ Phan-Bội-Châu còn bị Long-tế-Quang, tổng đốc Lưỡng Quảng cầm tù ở Trung-Hoa. Đọc lên, chúng ta sẽ thấy tình cảm của những người cách mệnh đối với người cách mệnh ra sao, cũng như tinh thần của cụ Tiểu-La đã đối với cách mệnh thế nào ! ...

HỒI ƠI !

Tiểu-La anh ời !

Chúng ta sinh gặp thời đại này, nếu đã vá tròn trời khuyết, lấp cạn bể oan, thời dẫu năm năm, mười năm, hoặc hai mươi năm nữa, mang rồn lầy kiếp phù sinh, múa đùa với tay con tạo, chẳng làm thích chí sao ?

Nhưng việc đó há dễ dàng đâu.

Nhớ anh có câu thơ :

Bổ thiên vô lực đàm thiên vị,

Tế thế phi tài tị thế nan. ³⁹⁶

Thật cảm khích, mà cũng đau đớn cho đời chúng ta vậy.

Năm xưa em còn ở ngoài bể, được tin anh ra Côn-đảo thời tê chí dĩ một.

Trời ơi ! một người như anh mà sự nghiệp mới có ngần ấy, hỏi đáng đau đáng tiếc biết chừng nào mà kể.

Tuy nhiên, thiên hạ bất như ý sự, thập thường bát cửu ³⁹⁷, huống chi thời đại của chúng ta bây giờ, trăm nghìn việc đều là bất ý cả kia mà !

Than ôi ! Từ thuở đất trời đổi ngôi, núi sông thay vẻ, kể trước khi chưa có anh, kể sau khi đã mất anh :

Biết bao máu hiền nhân chí sĩ, biếc nhuộm cỏ xanh :

Vô số xương ngiệt tử cô thần, trắng phau đá bạc.

Kể đáng đau đáng tiếc, há phải một mình anh đâu. Nhưng riêng về Bội-Châu này thời đã đau tiếc vì đại nghĩa, lại còn đau tiếc vì tư tình.

Nghĩ một người đào tạo ra em, thành tựu cho em mà bây giờ kẻ khuất người còn, hồn trời phách đất.

Mây Hải-vân mờ mịt bóng gương vàng ;

Bể Đà-nẵng chập chờn cơn sóng bạc.

Em thường ngẫm nghĩ chuyện trước hai mươi năm :

Mưa gió bên màn, gối Việt-Thạch chung đồng khi thức ngủ :

Thần minh trước án, rượu Vân-Trường dẫn chén lúc phô bày.

Kể bọn đồng chí đồng sự trong mấy năm ấy, thâm tri em chẳng ai hơn anh mà thâm tri anh cũng chẳng ai hơn em.

Ôi anh ơi ! Ôi anh ơi ! Em nay lẻ loi lặn độn !

Trời xẽ đường xa, kể tâm sự với ai, thăm đường lối với ai !

Anh còn sống lại được chăng ? trời khôn thăm hỏi ;

Em đã về không tro đó, đất quá hẹp hòi.

Ngậm ngùi nông nổi ấy ;

Bối rối sự tình này.

Mà bảo rằng không đứt ruột rơi châu với anh có thể nào dặng.

Than ôi ! Lịch sử anh thế nào, nhân cách anh thế nào ? – Những ai là người có tâm huyết, có mắt tai, chắc đều biết thấy.

Em nay xin kể lại vắn tắt mấy câu, còn như tường thuật thủy chung, em đã viết vào bản « Việt-Nam nghĩa liệt sử » bằng Hán-văn.

THAN ÔI !

*Thất bại mà vẫn anh hùng !
Thời cùng mới thấy tiết nghĩa.
Kiếm mã thuở đầu xanh khởi nghĩa, tuổi hăm chín đã nước tiếng trị
binh ;
Phong vân khi tay trắng chống trời, sau trăm trận vẫn bền gan sát
tặc.
Vai vế rập anh em đủ ngón, mười năm lẻ kinh doanh, chuốt vẩy
rồng toan thối chín từng mây.
Lược thao đành binh giáp ngang lưng, đôi phen sắp xếp trong
ngoài, mài vuốt cọp quyết xông tư mặt gió.
Vận tổ quốc đương hồi điên đảo, nên nổi tài cao mà cũng mạnh,
lưới cường quyền bủa sụp tới người khôn.
Kiếp đồng bào chưa thoát khỏi trầm luân, ngán chiều thuyền ngược
nước đương xuôi, thân hào kiệt hy sinh vì sóng dữ.
Côn-lôn đảo xây mồ thần thánh, tiếng chiêu hồn ba vạn sóng chung
quanh ;
Hải-vân quan nghi ngút khói chung thành, bia bất hủ mấy từng non
dằng dặc.*

ÔI THÔI THÔI !

*Nghĩ càng xót ruột,
Nói chẳng hết lời.
Chí em chưa thỏa đã đành, mà thân em còn sống sót tới nay làm thế
nào bây giờ ?
Địa hạ cáo trình anh, hồn thiêng anh chỉ về giùm cho, họa may cái
sống thừa của em, nhờ anh mà còn có hy vọng.
Vì vậy, đêm khuya trời lặng, rạch máu đốt hương, em viết mấy lời
gửi thăm anh ở dưới suối vàng và lại có bài gửi thăm anh Ổ-Gia với anh
Nam-Xương³⁹⁸.*

Đau đời nên phải nhớ tiên sinh,

Ưu quốc xưa nay bậc lão thành.
Tay trắng đỡ liều vai gánh nặng,
Lòng son đưa trước bạn đầu xanh.
Bội-Châu không bác e vô sự,
Lao-Bảo nhờ ông mới có danh.
Tiếc bác lấy gì an ủi bác,
Một chung rượu lại máu thần minh.

Bảy thước thân trai gánh nợ đời,
Tinh thần khu xác một mà hai.
Trong vòng lồng chậu không chim cá,
Trước mắt non sông có bể trời.
Cây cỏ biếc đem giây máu nhuộm ;
Ruột gan hồng cật tẩm trắng soi.
Chúng ta cũng vẫn giòng Hồng-Lạc,
Xin hỏi Nam-Xương có mấy ai.

Chiêu hồn quốc-văn

Tác giả bài này là cụ Nguyễn-thượng-Hiền hiệu Mai-Sơn, sinh năm 1868, tại làng Liên-Bạt, phủ Ứng-hòe, tỉnh Hà-Đông. Xuất thân trong một nhà đại gia văn học. Năm 17 tuổi, cụ thi đỗ Cử nhân. Năm 18 tuổi, cụ thi đỗ Đình-nguyên. Nhưng chưa kịp xướng danh thì kinh thành Huế thất thủ. Năm 1892, tức 8 năm sau, lại phải thi hai lần liên tiếp, kết quả lần trước trúng Đình-nguyên và lần sau trúng Nhị giáp Tiến-sĩ.

Cụ không muốn làm quan, song muốn làm vui lòng thân phụ là cụ Hiệp tá đại học sĩ Nguyễn-thượng-Phiên, nên cụ ra nhận chức đốc học tỉnh Ninh-Bình, rồi đốc học Nam-Định. Vì là con rể của Tôn-thất-Thuyết, nên cụ bị chánh quyền thực dân Pháp đặc biệt theo dõi. Trong thời gian này, cụ bí mật tham gia phong trào Đông-Kinh Nghĩa Thực. Cụ đóng một vai trò quan trọng.

Khi thân phụ mất, cụ đợi cúng tuần bách nhật xong, rồi trốn sang Trung-Quốc, cùng các đồng chí mưu cuộc cách mệnh.

Tại hải ngoại, cụ viết hai quyển sách bằng Hán-văn để kêu gọi thanh niên nước nhà đứng dậy đánh đuổi thực dân Pháp, là « Viễn hải quy hồng » và « Tang hải lệ đàm ». Cả hai đều được bí mật trong nước, nhưng tiếc nay không còn ai giữ được.

Năm 1912, trên đất Trung-Quốc, cụ cùng các ông Phan-Bội-Châu, Cường-Đế thành lập Việt-Nam Phục-Quốc Hội, chủ trương cách mệnh theo Tam dân chủ nghĩa của Tôn-Văn.

Sau vì buồn rầu thấy công cuộc cách mệnh bị thất bại nhiều phen, và để che mắt bọn mật thám của Anh, Pháp, cụ vào tu tại một ngôi chùa ở Hằng Châu, thuộc tỉnh Chiết-Giang.

Năm 1926, cụ bệnh mất. Trước khi từ trần, cụ dặn các đồng chí và nhà chùa hỏa táng rồi cho xuống sông Tiền-đường để phần tro cốt được trôi lên miền Bắc.

Thi văn của cụ nay còn cũng khá nhiều. Nhưng bài Chiêu hồn quốc văn này là bộc lộ tinh thần yêu nước nhất. Đọc nó, chúng ta xem như một truyền đơn kêu gọi đồng bào thừa cơ Pháp Đức đánh nhau trong trận Thế-giới chiến (1914-1918) để giành lại chủ quyền và lãnh thổ.

Nguyên văn

*Việt-Nam quốc Nguyễn-thượng-Hiền căn dĩ nhất phiến đan tâm,
mãn thiên huyết hận, chiêu ngã Việt-Nam quốc hồn nhi cáo chi viết :*

Ô hô ! Quốc chi lưỡng gian, đại tiểu tuy thù, mạc bất hữu kỳ quốc hồn, nhi ngã độc vô. Phỉ ngã quốc chi vô hồn. Nhân tính thực ngu, duy lợi thị thị, duy danh thị xu, dĩ xiêm du vi đắc kế, thị trung nghĩa vi úy đồ, bất tri bang quốc điển diệt chi khả thống ; đần tri thân gia phì noãn chi kham ngu.

Đương quốc cừu chi niệu bại, thực hữu cơ chi khả đồ.

Hợp ngô quần khả dĩ phục Sở ;

Phấn ngô lục khả dĩ chiếu Ngô.

Nãi thị hôn hôn mặc mặc,

Chiêu diêm mộ du.

Mị địch giả dĩ vạn kế

Ứng nghĩa giả vô nhất phu !

Ai hĩ tái !

Cử quốc giai bất tri miễn sĩ ?

Hà quái bỉ súc chi như khuyển trung đồn,

Nhi thất chi nhược viên hạ cu,

Ô hô ! Quốc do tại thị ;

Hồn tắc an tồ ?

Ngã kim đăng cao ; phát thanh dĩ hô ;

Tây cống chi vực ; Đông kinh chi khu ;
Hoan, Ái chi điện ; Hương, Bình chi đô.
Khởi vô nhất nhị nghĩa sĩ, niệm quốc nạn dĩ khuông phù ?
Khởi vô nhất nhị di dân, khích nghĩa niệm dĩ tri khu ?
Ư dĩ tuyết chủng tộc chi sĩ,
Ư dĩ tẩy sơn hà chi ô !
Ô hô !
Hồn như hà tại ?
Hạp quy lai hồ !
Anh phong kính khí, phản kỳ chân ngô !
Vật trầm luân ư nô giới ; ô thử phát phu !
Vật báỉ khổ ư lỗ đình, nhục thử đầu lư !
Quy tai ! Quy tai ?
Niệm nhĩ tiên tổ, nhược Lê-Thuận-Thiên đế chi phá địch ; nhược
Trần-Hưng-Đạo vương chi cầm Hồ !
Quy tai ! quy tai !
Thị nhĩ lân cảnh, nhược Trung-hoa chi phần khởi ư Vũ vực ; nhược
Nhật-bản chi xưng hùng ư Hải ngưng.
Thiên nhân vạn nhân,
Các tề nãi tâm, nhất nãi lực, kiến nãi tích ; hoàng nãi mô ; xử thế
giới chi nhân giai loát mục viết : « bỉ Việt-Nam giả kim dĩ năng phần nhiên
độc lập bất cam vi Pháp-lan-Tây nhân vĩnh thế chi nô ! »
Ô hô đồng bào !
Ngã nguyện tứ thiên niên minh linh quốc hồn, lại nhĩ tráng khí chi
suy hư, hoặc nhiên lai tô, bất tuần bỉ nhất ban trư tâm cầu phế, nô nhan tỳ
tất dĩ cày tô !...

Bản dịch của Thái-Bạch :

*Người nước Việt-Nam là Nguyễn-thượng-Hiền xin kính căn lấy
mảnh lòng son và máu hận đầy trời, kêu gọi hồn nước Việt-Nam mà bảo
rằng :*

Than ôi !

Nước lớn nước nhỏ tuy khác nhau, nhưng nước nào cũng có hồn, chỉ riêng nước ta là không thôi. Thật ra đâu phải rằng không có, nhưng khốn nỗi lòng người ngu si, quá đỗi say mê vì danh lợi, ưa thích điều nịnh hót, sợ sệt đường trung nghĩa nên trước cơ đất nước tan tành, đâu có biết xót, mà chỉ nghĩ sao cho vinh thân phì gia là được.

Hiện nay, nước thù đang bị thua trận, ấy tức là cơ hội cho ta khôi phục.

Hợp đàn lại có thể gây dựng được bờ cõi :

Gắng sức lên có thể đánh tan được thù chung.

Cớ sao hôn hôn mê mê ?

Sớm đưa chiều nịnh.

Theo địch có hàng muôn chước,

Vì nghĩa sao không một người !

Thảm thương thay !

Cả nước không biết hồ là gì !

Chả trách nó coi như lợn nuôi trong chuồng, đánh cho như ngựa dưới xe.

Than ôi ! Nước hãy còn kia !

Mà hồn đâu mất.

Ta nay lên cao, kêu gọi mấy lời :

Nào đất Sài-thành ; nào miền Hà-nội ;

Nào vùng Thanh, Nghệ ; nào chốn Hương, Bình.

Há không ai người nghĩa sĩ, nghĩ thù ra tay cứu vớt !

Há không một người dân nào, vì nghĩa cả lên đường rong ruổi !

Để rửa nhục cho dòng giống ;

Để tẩy xấu cho nước non.

Than ôi !

Hồn ở nơi đâu ?

Sao chẳng về mau ?

Chí giỏi tài cao, trở lại đường ngay.

Tóc ấy da ấy, chớ để làm tở làm tôi ;

Đầu óc kia, không nên vào luôn ra cúi.

Về đi, về đi !

Theo gương tiên tổ, như Lê-Thái-Tổ đuổi giặc Minh, như Trần-Hưng-Đạo phá quân Nguyên.

Về đi ! Về đi !

Xem gương lảng giềng, như dân Trung-hoa dấy lên ở Vũ-Xương, người Nhận-Bản xưng hùng ở cõi khơi.

Nghìn người muôn người,

Dốc lòng nhau lại, cùng gắng sức, cùng lập công, cùng bàn kế, để cho người trên thế giới, ai ai cũng phải lác mắt nói : « Kìa nước Việt-Nam, nay đã vùng lên giành độc lập, không còn là nước tôì ðòi của Pháp-lan-Tây nữa ».

Than ôi ! Đồng bào !

Ta nguyện hồn thiêng của nước bốn nghìn năm sẽ nhờ hùng khí của tất cả quốc dân mà làm cho sống lại, không ðể bị mất về lũ kẻ lòng lang dạ sói với quân mặt thịt màỳ mo nữa.

Giọt lệ biển dâu

Bọn thực dân Pháp trong những năm có mặt trên lãnh thổ nước ta thường rêu rao là đem văn minh và nhân đạo sang khai hóa cho dân tộc Việt-Nam.

Vậy họ đã khai hóa những gì, nhất là ở những năm mới đầu với danh nghĩa « Bảo hộ ».

Để biết rõ, xin các bạn hãy đọc bài này của cụ Mai-sơn Nguyễn-thượng-Hiền viết bằng chữ Hán trên lục địa Trung-hoa khoảng năm Dương-lịch 1914, nhan đề là « Tang thương lệ ngữ » tức « Giọt lệ biển dâu » do ông Nguyễn-thượng-Khôi, em ruột cụ dịch ra quốc-văn.

Xem toàn bài, chúng ta thấy tác giả tuy mượn câu chuyện tâm sự với một ông bạn người nước Hàn (Cao-ly) cũng chung một cảnh ngộ như mình – vì nước ấy cũng đang bị đè nén dưới gót xâm lược của đế-quốc Phù-tang – Nhưng thực chất là để tố cáo với dư luận trong ngoài những mưu mô và hành động dã man một cách trắng trợn của bè lũ cướp nước nói trên.

*

Tôi là người Việt-Nam đi khỏi nước đã 6 năm nay, những công việc mưu tính, trăm việc chẳng được việc gì, mình gầy mặt võ, tâm hồn đau khổ, ngửa mặt lên trời hỏi trời, trời chẳng trả lời cho, cúi đầu xuống đất kêu, đất không thèm nói với, một mình trơ trọi trong khoảng mênh mông, bốn bề hiu quạnh, bức mình mới đi chơi vung trong các cõi doanh hoàn để tìm xem có ai là người thân thể cũng giống như mình để kết làm bạn uất hận, cùng nhau kể lể những nỗi niềm uất hận, mãi sau mới gặp được một người nước Hàn là ông Man. Một hôm chúng tôi họp nhau ở trên ngọn núi nhỏ, lấy củi làm chiếu, lấy máu làm rượu, lấy mật làm đồ ăn, đua gươm mà nói chuyện, cùng thổ lộ cho nhau biết những nỗi chua chát ở trong lòng.

Ông Man bảo tôi rằng : « Chúng ta mỗi người ở một nước, tiếng nói y phục khác nhau, nhưng tình-trạng thì giống nhau, nghĩa là cùng là người mất nước cả. Than ôi, ông Nguyễn, cái thảm họa mất nước ông với tôi đều phải chịu, nhưng nước Hàn tôi đối với giống người lùn vì quá gần gũi nên áp lực mạnh hơn nhiều như một người giả ốm ở liên quân cường đạo, không kể mưa nắng, ngày đêm lúc nào nó cũng có thể tra khảo mình để lấy của đâm chém giầy vò mình cho chết. Còn như nước ông nghe nói bị người Pháp chiếm nhưng người Pháp ở xa mà nước lại giàu, chắc hẳn họ không đến nỗi làm hại nước ông quá lắm. »

Tôi trả lời rằng : « Chao ôi, ông lại còn cho nước tôi là may mắn lắm sao ? Tiếc rằng ông chưa đặt chân đến nước tôi lần nào nên ông không biết. Ở đời bao giờ lại có giống hổ dữ mà không ham ăn thịt người, con chim non bị điều hâu bắt mà xương thịt còn toàn vẹn. Như Hương-sơn của nước tôi đã cao chót vót thì xương của dân nước tôi cũng cao như thế, sông Nhị-Hà nước tôi chảy cuồn cuộn thì máu dân nước tôi cũng chảy nhiều như thế, ông còn chưa biết sao ? »

Ông Man nói : « Những sự hung tàn của người Pháp xưa nay chưa có ai nói cho tôi biết, xin ông kể lại tường tận, tôi xin lắng tai nghe. »

Lúc ấy máu nóng trong lòng tôi sôi lên sùng sục bất giác kể chuyện ra dài dằng dặc, nay chép ra đây để ghi lại niềm oán thù, uất hận của tôi. Còn sau này, ai xem đến mà thương tôi, khinh tôi hay cười tôi, thì cũng đành vậy.

Nước tôi diện tích rộng 37 dặm vuông, dân số hơn 25 triệu người, ruộng đất tốt lại có nhiều nguồn lợi trên rừng dưới biển dư thành một nước trên mặt địa-cầu. Vài trăm năm trở về trước, dù có nhiều lần bị nước ngoài xâm lấn, nhưng nhờ người trong nước trên dưới một lòng, kháng chiến mãnh liệt nên vẫn giữ được đất nước toàn vẹn. Năm mươi năm trở về đây, làn sóng Âu-Châu tràn sang, cục diện đổi khác hẳn, những người cầm quyền trong nước bây giờ đã ngu lại gần bướng, cứ khăng khăng giữ Chủ

nghĩa bế quan tỏa cảng, không biết lấy việc ngoại giao làm cần thiết, phải mở mang trí thức cho nhân dân. Vậy nên người Pháp mới thừa cơ, trước tiên là đem người sang truyền đạo Gia-Tô để biết điều thực hư trong nước, kế đến đem hàng hóa sang bán để đi sâu vào trong dân gian. Sau khi đã rõ hết tình hình họ mới dùng đến chiến tranh, bất kể hòa ước, thế là 36 tỉnh trong nước tôi đều lọt hết vào tay họ. Khi đã chắc thế rồi, thấy ai phản đối họ tiêu diệt ngay ; coi quan lại nước tôi như phường nô lệ, nhân dân nước tôi như bầy súc vật, thi hành những chính sách cực kỳ hung ác để trói chặt chân tay, hút hết máu mủ, tình trạng bi thảm này đã 26 năm rồi. Chính sách độc ác nhất của họ có bốn điều :

1. – Áp dụng hình phạt tàn khốc nhất.
2. – Đánh sưu thuế rất nặng-nề.
3. – Chẹn hết mọi đường mưu sinh của dân.
4. – Giam hãm không cho dân chúng tôi phát triển về đường trí thức.

Ngoài ra còn muôn ngàn điều tai hại, nói không sao xiết. Tóm lại một câu : họ chỉ muốn tiêu diệt toàn thể dân tộc chúng tôi mà thôi.

Ngày 23 tháng 5 năm Ất-dậu (1885) là ngày kỷ niệm lớn nhất của nước tôi về việc mất nước vua trốn. Mấy năm về trước, quân đội nước tôi đánh nhau với quân Pháp, nhiều lần bị thua, Quan Thống-Đốc quân-vụ đại-thần Nguyễn-Tri-Phương, quan Tổng-Đốc Hoàng-Diệu đều tự tử vì việc nước Nam-Kỳ, Bắc-Kỳ đều mất, Pháp mới đem trọng binh vào uy hiếp kinh thành áp bức chính phủ nước tôi phải lập hòa ước mới. Quan Điện-tiền thượng tướng quân Vệ-Chính-hầu Nguyễn-Thuyết (tức cụ Tôn-Thất-Thuyết) xưa nay vẫn chủ chiến, bây giờ giận lắm định đem quân ra đánh phá tan sào huyệt, giết hết quân giặc, không ngờ chúng đã có phòng bị trước, sau một trận kịch chiến đến sáng thì kinh thành thất thủ, ông mới hộ vệ xa giá chạy ra Cam-lộ, quân giặc đuổi theo không kịp, liền bắt cụ thân sinh của ông đầy ra hoang-đảo, một ông già 80 tuổi, tinh thần lẫn lộn không

còn biết việc đời là gì nữa mà còn ghép cho có tội để phải chịu khí độc lam chướng. Giặc Pháp tự cho là văn minh mà lại có cái hình luận bắt tội đây đưa như thế thật là quái gở.

Quan Tả-dực tướng quân Trần-xuân-Soạn khởi binh ở tỉnh Thanh-hóa đóng quân ở Ba-Đĩnh, giặc Pháp đánh mãi không được mới đào mả ông cha của Tướng quân lên đem xương bỏ ra giữa đường cho người đến báo với Tướng quân nếu không hàng sẽ đem vứt xuống nước. Tướng quân không trả lời, giặc đem vứt xuống sông thật. Đó là cách đối xử với người thù địch của một nước văn-minh chăng ?

Quan HIệp-đốc quân-vụ đại-thần Phan-Đình-Phùng đem quân giữ vững thượng du hơn 10 năm, giặc dùng đủ trăm phương nghìn kế cũng không sao thắng nổi rồi cũng đào mả cụ thân sinh quan HIệp-đốc lấy xương ném xuống sông, sau quan HIệp-đốc mất ở sơn trại, quân lính tan hết, giặc cũng lại đào mả ngài lên đem thây ra đốt rồi vung vãi tro tan hết, thật là thê thảm. Quân giặc đối đãi với người, trái việc hân với công lý như những việc trên đây là thậm tệ nhất, còn như giết hại người vô tội bằng gươm súng, xua đuổi những dân lương thiện vào khe suối để cho chết xuống đất làm cỏ mục, xuống nước làm bèo trôi, khí oan thảm xông lên mù-mịt, che khuất cả bóng mặt trời, một mình tôi không thể nào tả ra cho hết tình trạng, nói ra cho đúng sở mục được. Tuy vậy tôi cũng xin kể qua ra đây một vài việc để tỏ rõ sự đau đớn :

Mùa xuân năm Đinh-hợi (1887) nghĩa binh ở Thanh-hóa tan rã rồi, giặc vẫn cứ ngày ngày tập trung quân ra khắp nơi, thấy ai chạy ngoài đường xa hay nấp trong hang núi đều bắt đem về ; nếu là nghĩa binh thì đem giết ở cánh đồng làng Thọ-hạc về phía bắc tỉnh thành, là thường dân và các người già yếu thì trói lại đem đến cầu làng Bối-vệ cách phía nam tỉnh thành vài cây số, chúng đem lính giữ hai đầu cầu, mỗi buổi chiều quan binh Pháp đến ra lệnh ném người xuống sông. Mỗi lần ném một người xuống nước chúng lạ vỗ tay cười lấy làm vô cùng thích thú. Nếu ai còn nhô đầu

lên mặt nước hay còn ngoi ngóp ở giữa sông, chúng lấy súng bắn cho kỳ chết. Trò dã man này kéo dài luôn ba bốn tháng, nước sông Cầu-Bố đỏ ngầu như máu, người qua lại không ai còn dám đi trên đường ấy nữa.

Quan Bắc-kỳ Hiệp-thống quân-vụ Đại-thần Nguyễn-Thuật hội họp những nghĩa binh ở Hải-dương thường đóng ở một huyện giữ nơi hiểm yếu để chống giặc. Giặc mộ người trong huyện làm gián điệp, nhưng không một ai chịu ra làm tay sai cho chúng. Giặc tức giận liền giết hết cả dân một huyện. Lại có lần giặc về quê quán quan Hiệp thống bắt hết mọi người già trẻ ra họp ở đình (tục nước tôi làng nào cũng có một cái đình để làm nơi hội họp bàn việc và ăn uống) gọi Lý-Chinh tức là Lý-trưởng ra hỏi những phần mộ tổ tiên của quan Hiệp-thống. Lý-Chinh từ chối nói không biết, giặc liền chém chết ngay. Rồi chúng lại trói một đứa trẻ 16 tuổi, giơ gươm ra dọa nạt, bắt trả lời, đứa trẻ cũng lặng thinh, giặc đâm ngay gươm vào mặt nó, máu chảy ròng ròng, đứa trẻ quát to lên : « Lũ giặc chúng bay là đồ hung-bạo, quan Hiệp thống hết lòng lo việc nước, ta lấy làm ân hận không theo ngài được, có đâu ta lại giúp chúng bay làm việc tàn ngược ấy ! Giặc giận liền lấy vải quần chặt mình đứa trẻ rồi châm lửa đốt. Đứa trẻ vẫn chửi mắng giặc cho đến chết. Ngày nay nói đến việc ấy, ai cũng phải ứa nước mắt và căm hờn quân tàn bạo.

Năm Bính-thân (1896) giặc họp nhiều đạo binh đến đánh hai tỉnh Hà-tĩnh, Nghệ-An, yết-thị ra ngoài nói ai đầu hàng thì tha cho khỏi tội, thế mà sau kéo quân đến đâu cũng đốt phá giết chóc, người hàng hay không cũng chết cả. Mấy mẫu đất ngoài dinh trại của giặc chỗ nào cũng có máu chảy chan hòa, tới khi giặc rút khỏi, một vùng mấy trăm dặm vuông giữa khoảng núi Hồng sông Lam không còn bóng nhân dân nhà cửa nào nữa.

Phép lấy thuế của dân ở nước tôi trước kia, ruộng chia ra làm ba hạng mà thu, giá thuế rất nhẹ. Năm nào mất mùa hay lúa xấu, thuế được giảm hay được tha hẳn. Từ khi nước tôi thuộc Pháp, chính sách của họ rất hà-khắc. Thoạt đầu, ruộng hạng ba lên làm ruộng hạng nhì, ruộng hạng nhì

lên làm ruộng hạng nhất để chịu thuế cao. Nhưng sau, bất kể xấu tốt ruộng nào cũng bị coi là ruộng hạng nhất cả. Tiếp tới diện-tích của điền-thổ cũng tăng lên, trước kia là 1000 mẫu nay tính là 2000. Dân không chịu nổi thuế nặng xin cho khám đặc hộ cứ làm ngơ, nghĩa là chính sách của họ chỉ cứ tính ruộng đất ở trên giấy tờ rồi bắt dân chịu thuế khổng, dù nặng nề cũng không kêu van vào đâu được. Không những thế, gặp năm mất mùa hay lúa xấu, thuế vẫn phải nộp đủ số. Làng nào không nộp được thì lính tráng kéo về bắt gà, giết lợn, tra tấn từ già đến trẻ tiếng than khóc rất là thảm thiết. Kết cục dân phải bán vợ đợ con để nộp thuế hay chịu chết quăng thây xuống hang xuống rãnh.

Đàn ông từ 18 tuổi trở lên phải nộp tiền sưu mỗi người ba đồng bạc rồi được cấp cho một cái thẻ gọi là giấy thuế thân. Nếu ai không có giấy này gọi là lậu-đình phải phạt rất nặng. Ngoài đường nơi nào cũng có lính tuần-cảnh toàn là những người rất hung ác. Ai đi qua lại đều phải khám giấy thuế thân, nếu không có giấy phải giam vào nhà lao làm việc khổ sai, mãn hạn phải nộp phạt còn nặng gấp mấy lần tiền thuế. Lính tuần-cảnh nếu mỗi tuần không bắt được ai phạm-pháp thì bị khiển trách nặng. Họ thường vu tội cho người để thoát thân. Có lần một người buôn bán đi qua một thành phố gặp lính xét giấy rồi vò nát cho vào miệng định nuốt đi. Người kia sợ quá vội bóp chặt cổ tên lính không cho nuốt. Tên lính vẫn không nhả, người buôn bán càng bóp chặt thêm khiến tên lính tắt thở mà chết. Khi đem xét xử, người đi buôn khai rõ sự thật, mỗ cuống họng người lính ra quả nhiên có cái giấy thuế thân, người lái buôn mới thoát tội. Đó là một chuyện, nhưng ở trong cái thế-giới đầy gai-góc này, dám hăng lên dùng sức mạnh để giữ mình, chỉ có một người ấy thôi, còn chịu oan uổng không biết bao nhiêu người mà kể.

Thuế thân thì chỉ thi hành cho những người dân thường, còn những người có phẩm-trật đều được miễn. Ông mới nghe thế tưởng rằng đó là cái chính-sách quý trọng người sang nhưng không phải đâu. Người nào có phẩm-trật cứ ba năm phải trình bằng cấp một lần với cơ quan hành chính và

phải nộp 15 đồng bạc gọi là tiền giúp nước. Gọi là « giúp » tiếng có sang hơn là bắt phải nộp nhưng tiền lại mất nhiều hơn, vậy cái cách lừa dối như câu chuyện người nuôi khỉ sáng cho ba quả, chiều cho bốn quả cũng rất thịnh hành ở Âu-châu chẳng ?

Ở thành phố ngoài thuế thân ra, mỗi năm người dân còn phải nộp 2 đồng bạc gọi là thuế thông-hành. Có giấy thuế ấy mới được đi tự do trên đường phố sau khi nộp thuế người dân cũng được cấp một cái thẻ có dán hình cảnh binh xét thấy biết ngay là thật hay giả, không thể lừa dối được. Người nhà quê có việc ra đến thành phố quá ba ngày cũng phải lãnh thẻ kể trên, nếu không thì phải phạt nặng. Còn người ở thành phố, từ thức ăn đồ mặc, nhà ở đồ dùng, không cái gì là không có thuế, đến đại tiểu-tiện mỗi tháng cũng phải nộp 6 cắc bạc, kể chi đến những việc khác, như vậy đủ hiểu người Pháp tham lam, vợ vét đến thế là cùng.

Người phải nộp thuế âu cũng đành đi, nhưng ở thành-phố chó cũng là một vấn đề cho thuế má. Ai nuôi chó mỗi năm phải nộp một đồng bạc. Người ta phát cho một cái thẻ buộc vào cổ chó, nếu không thì chủ nuôi phải phạt. Còn như trâu hay bò tuy không phải nộp thuế vào sổ công nhưng phải nộp vào công-ty bảo-hiểm súc-vật. Nhà nào có nuôi một con trâu thì mỗi năm phải nộp tiền bảo hiểm 2 đồng bạc nếu, trâu mắc bệnh chết, công ty sẽ bồi thường theo giá con trâu ấy. Nhưng mỗi khi có dịch, trâu chết rất nhiều, người ta đến báo với công-ty, công-ty bảo phải đợi khám-nghiệm rồi mới bồi thường, nhưng kết cuộc chẳng bao giờ có người đến ngó vào đám trâu chết cả, xét ra trong nước trâu có tới muôn ngàn, công-ty bảo-hiểm thu tiền rất nhiều, nhưng nói đến bồi thường từ khi có công-ty chưa nghe thấy nói ai được tiền ấy cả. Không phải người ra ai ai cũng ngu mà vớt của đi đâu. Chính vì có chính phủ làm hậu-thuần cho công-ty, nhà có trâu không thể không bảo hiểm, bảo hiểm mà không có hiệu-quả không thể không im đi, nếu còn đòi tiền bồi-thường đã không ích gì mà còn có hậu họa là khác nữa.

Ở các miền quê, thuế cũng rất nặng dù các thổ-sản rất thường cũng phải nộp thuế. Có một người nghèo gánh rau vào chợ để bán, tính ra tiền thuế còn nhiều hơn tiền bán cả gánh rau người ấy không nộp được thì bị kẻ thu thuế hành hạ rất khổ phải quăng bỏ gánh rau mà đi. Lại một người nghèo khác đem một con heo ra chợ bán không được giá, cộng tiền thuế ba lần phải nộp thì vừa bằng tiền con heo.

Đại phàm vật gì ở trên mặt đất như cây cỏ, viên ngói, hòn đá nghĩa là cái gì dùng được đều có biên hết vào trong sổ thuế. Thuế đất, thuế nhà, thuế môn bài, cứ mỗi năm một tăng. Đi lại ngoài đường thuế xe, thuế ngựa, thuế gồng gánh cứ tính ngày mà thu đủ. Nhất là thuế dò giang đem so với các thứ thuế khác lại càng nhiều hơn, vì rằng nước tôi từ Bắc vào Nam sông ngòi nhiều như mắc cửi, dân cư trú ngụ hai bên sông muốn qua lại buôn bán thường phải dùng thủy-đạo nên mỗi năm thuế dò giang là một nguồn lợi về thuế to tát vô cùng.

Ngoài thứ thuế này đến thuế rượu lại càng kỳ lạ và ác hại hơn ; dân chúng tôi ở về nhiệt đới, do đó mà ít nghiện rượu, giá rượu rất rẻ từ 10 năm nay một số con buôn Pháp xin với chính phủ lập một công-ty cất rượu độc quyền. Dân gian không ai được nấu rượu, công-ty tha hồ bán đắt, nhưng rượu của công-ty có độc, uống đến ba chén là nhức đầu hoa mắt, người ghiền chỉ chừng nửa năm là chết. Dân khuyên nhau đừng uống rượu thì chính phủ chiếu theo sổ đình bắt mỗi suất phải mua ba chai mỗi tháng. Chính sách ấy mới thi hành ở một vài tỉnh, nhưng từ đó trở đi, họ vẫn dụ dỗ cho dân uống rượu. Người của sở Thương-Chính đi tuần khắp các làng xóm, xông xáo vào các buồng the nhà người ta mà lục xét xem có rượu lậu hay không, hoặc theo gót người để xem đi đâu có giấu giếm ở nơi nào, suốt năm xông xáo như đi lòng bắt giặc. Ai mà nấu lậu, bắt được một chai rượu phạt tới vài bốn trăm đồng bạc trở lên, nghèo không nộp được thì bắt người thân thuộc phải nộp theo, thân thuộc nộp không đủ bắt đến làng xóm, giam cầm tù đầy đến cả người vô tội khiến có người phải mang cả nhà đi trốn. Trước khi chưa nộp được phạt, hàng ngày kẻ phạm-pháp phải làm việc

khổ-sai, đêm tối thì bị giam vào ngục tối hoặc nửa năm, hoặc 1 năm khổ-sở vô cùng, đến khi tha về thì thân hình tiều tụy, nhà cửa tan-tác, nhiều người buồn khổ phải tự-tử. Ở huyện Quảng-Xương tỉnh Thanh-Hóa có một làng nhỏ chỉ có độ hơn 100 nóc nhà mà có ba người phạm vào lệnh cấm nấu rượu vì dân làng ấy trước đây vẫn làm nghề buôn rượu. Viên Công-Sứ sức cho quan huyện bắt người ấy và cả làng phải liên đới nộp phạt. Bị tù giam mấy năm số tiền phạt vẫn chưa sao nộp đủ, dân kêu với quan huyện xin nộp hết ruộng nương nhà cửa để thanh toán việc này cho khỏi nạn bắt bớ giam cầm. Quan huyện bầm lên viên công sứ, sau đó có việc phát mại ruộng đất làng này. Từ đó làng chỉ có người mà không có ruộng đất nữa, nhưng dân vẫn không dám rời đi nơi khác vì còn có những thuế má khác phải đóng. Đó là việc chính tôi được thấy rõ, xét ra mấy năm nữa dân làng này sẽ kiệt quệ mà chết.

Bên nước tôi, những ruộng muối ở ven biển xưa kia vẫn để cho dân tự do làm rồi đem buôn bán với nhau. Muối làm ra đã tốt lại rất rẻ. Từ khi có công-ty muối lập ra, dân bị cấm không được làm muối như đối với việc rượu vậy. Muối của công-ty bán ra lẫn cả đất cát, giá lạ rất cao, nhà nghèo có được tý muối thường quý hơn gạo, cho nên người có Hán-học nước tôi khi ăn cơm lại nhớ đến câu thơ của Tô-đông-Pha :

*Khởi thị văn thiều giai vọng vị,
Nhi lai tam nguyệt thực cô diêm.*

Dịch nghĩa là : « Há có phải nghe nhạc thiều hay quá mà quên cả vị thức ăn. Sở dĩ ăn không biết vị gì là ngon vì đã ba tháng ăn không có muối ».

Người nước Pháp cho nước tôi là nơi có nhiều mối lợi nên kéo nhau sang lũ lượt, ngoài những công-ty rượu, công-ty muối, họ còn lập các đồn-diền nữa cũng có ít nhất 1/3 ruộng đất đã khai khẩn sẵn do mồ hôi nước mắt của dân bấy lâu ần-nặ để tránh thuế...

Tỉnh Quảng-nam là một tỉnh về phía nam Kinh-Thành nước tôi, dân khổ về sưu cao thuế nặng, kéo nhau đến tỉnh, Công-sứ không nghe cho quân lính ra xua đuổi, dân ngã xuống sông chết đuối 3 người. Dân chúng nổi giận, mới đem xác ba người chết đuối ấy để trước cửa dinh Công-sứ rồi tụ họp vài ngàn người mặc đồ tang chế khóc vang trời đất, hàng tuần không chịu giải tán nằm ngổn ngang cả ra đường. Viên Công-sứ không biết làm thế nào đánh điện báo viên Khâm-sứ. Viên Khâm-sứ vào hỏi dân vì cớ gì giám làm loạn. Dân trả lời : « Chúng tôi tay không, khí giới không có, làm loạn thế nào được, chỉ vì sưu thuế nặng, công dịch nhiều chịu không nổi nên đem nhau đến đây kêu xin mà thôi ». Viên Khâm-sứ nói : « Chúng bay nghèo nàn cùng khổ, không đóng đủ được thuế khóa thì chết đi là hơn ». Nói xong y ra lệnh cho lính xả súng bắn vào dân, dân chết đến mấy trăm người, máu chảy ra lênh láng, bấy giờ mới chịu giải tán. Ngoài ra còn có ông Lê-Khiết là Bổ-Chánh đã về hưu và ông Trần-quí-Cáp đồ tiến sĩ cùng đều bị giết. Ông Lê-Khiết vì ngày thường vẫn ghét chính-sách bạo-ngược của Pháp, ông Trần-quí-Cáp viết thư cho người bạn có 7 chữ « ngô dân thử cử khoái khoái khoái ! » (dân ta làm việc ấy, khoái khoái lắm). Người Pháp biết được ghép vào tội phản nghịch đem chém luôn cả 2 người. Than ôi ! Cúi đầu kêu van đã bị cái họa mất xác, nói lời khảng khái cũng bị cái tội chém đầu, như thế tính mạng của dân nước tôi thật không bằng cỏ rác vậy.

Vài năm trước đây người Pháp làm con đường sắt ở biên giới xứ Bắc-Kỳ nước tôi để đi thông sang tỉnh Vân-Nam bên Tàu. Nhưng vì dân ở nơi đó không làm nổi cái công trình lớn-lao ấy, họ mới mộ dân nghèo ở các địa phương đến làm công vì ở đó khí độc lam chương nặng lắm, họ hứa trả công rất nhiều cho người ta xô đến. Sau họ lại nuốt lời hứa, thường có người làm việc suốt ngày mà không được bữa cơm no. Thây chết ngổn ngang ở hang núi không biết bao nhiêu mà kể, nếu người có lòng nhân từ qua đây hẳn nghĩ rằng tình trạng này so với cảnh chiến trường ngày xưa còn gấp bội. Việc xẻ núi ấy hàng ức muôn người làm không phải là không có ai về được, nhưng vì trong khi làm việc bị đói rét lại nhiễm phải khí độc lam chương nên thân hình tiều-tụy có về đến nhà vài tháng rồi cũng chết,

và không chết cũng thành đồ bỏ, suốt đời không làm ăn gì được nữa. Con đường nghèo-ngèo đầu từ Tam-Tuyên, cuối đến Lục-Chiêu (Lục-Chiêu là tên đất Tàu thuộc tỉnh Vân-Nam) người Pháp gọi là con đường sắt, nhưng người nước tôi gọi là con đường máu.

Giặc Pháp thôn tính nước tôi chưa đầy 30 năm mà thay đổi ngôi vua đến 4 lần (2 vua bị phế : Hàm-Nghi, Thành-Thái, một vua bị đầu độc : Đồng-Khánh), hoặc vì vua có tư chất anh-minh nên họ ghét ngầm, hoặc có vua không chịu nổi sự đè nén thường phản đối lại nên họ giận mà bỏ đi. Vua nối ngôi ngày nay chỉ có bảy tám tuổi (vua Duy-Tân) họ ôm lấy để sai khiến thần dân trong nước. Họ giết những người trung-nghĩa hiền lương bảo là theo chỉ của triều đình, tăng việc sưu thuế bảo là Dụ của hoàng-thượng. Ông vua thật ra chỉ là bù-nhìn, đồ chơi của họ. Theo ý đoán của tôi, sau mười năm nữa, ông vua trẻ kia mỗi ngày thêm mở-mang trí thức thế nào cũng sẽ bị nạn.

Giặc Pháp đối đãi với quan lại nước tôi không những coi là bầy tôi tớ, còn sai như sai chó, đánh như đánh trâu làm cho họ mất hết lòng thương dân và đức liêm-sĩ. Những kẻ xe ngựa nghênh-ngang, huy-chương rực-rỡ ngày nay đều là hạng tôi tớ hèn mạt của nước tôi ngày trước cả. Như vậy họ cũng không đáng trách. Còn những người có đủ tư-cách làm người, có nhân phẩm thì bị hãm vào thế cùng khổ, người có lòng trung nghĩa không bị giết cũng bị đầy, quân giặc không thể lấy lợi mà nhử, lấy uy mà hiếp được.

Trước kia các tỉnh miền Nam, miền Bắc nước tôi vẫn đi lại thông đồng, nhân dân đem hàng hóa đi buôn-bán với nhau dễ dàng. Từ mấy năm nay, quân giặc ra lệnh nghiêm cấm người Nam-Kỳ không được ra Trung-Kỳ, người Trung-Kỳ không được đến Bắc-Kỳ, vì vậy việc thương-mại đình-trệ, sinh-kế của dân-chúng rất là khổn-quẫn, gặp phải năm mất mùa, lúa gạo không chuyển vận được từ vùng này qua vùng khác, dân đành chịu chết đói. Thử hỏi cái lệnh cấm ác nghiệt ấy người Anh có thi-hành với dân

Ấn-Độ không ? Người Mỹ có thi hành với dân Phi-luật-Tân không ? Con người mà bị bóp chặt cổ họng không cho thông khí vào phổi, cánh tay bị đóng đinh, các bộ-phận trên cách biệt nhau có thể sống được chăng ? Than ôi, giặc cố ý làm những việc tàn ác ấy chỉ do ý muốn tiêu-diệt dân-tộc tôi vậy.

Gần đây phong trào Âu-Mỹ tràn lan sang khắp Châu Á, người ta biết rằng cứ khư khư giữ mái xái lề lối cũ thì không thể nào cứu vãn được sự bại vong và mong sinh tồn trên Thế-giới được. Vậy nên người nước tôi ra du học ngoại-quốc ngày một thêm nhiều, trong nước thì trí-thức đã lo việc khai hóa dân chúng, mở trường học, hội buôn, đua nhau học tập, ham chuộng thực nghiệp. Quân giặc thấy thế nghiêng rằng trợn mắt tìm cách vùi dập. Chúng kết hiếu với các nước mạnh ở lân-cận để chặn đứng mọi mưu-mô cách mạng, rồi chúng phế bỏ ông vua anh minh của nước tôi là vua Thành-Thái, gần đây vua nước tôi rèn luyện được một đội quân theo kiểu mới, hăng-hái nghiên cứu tân-học, chúng bức bách lập hiệp ước mới, ngài không nghe nên bị phế. Chúng còn cho bắt những người có óc duy-tân đem giết hay lưu đày cùng tịch thu tài sản. Chúng buộc ai ra ngoại quốc sáu tháng phải trở về nếu không cha anh phải tội, những ai đọc tân thư, nói chuyện về ngoại-quốc và lập hội buôn cũng là phạm-pháp. Chúng lại tung ra hàng trăm ngàn quân trinh thám lúc ẩn lúc hiện như ma quái. Có người đang ngồi trên xe bông chốc bị xích tay, có người đang đi ngoài đường bị bắt đưa đến nhà tù, không biết mình vì sao mà phải tội. Người cả nước lo sợ như ngồi trên đồng chông gai hay nước sôi lửa bỏng, ngậm hờn nuốt giận cay đắng trăm chiều, thế mà giặc vẫn chưa thỏa. Nghe nói chúng lại sắp tăng thuế, mở rộng thêm nhà ngục. Tình cảnh nước tôi ngày nay đau đớn thảm bại không khác gì nước ông, thế mà càng ngày giặc càng làm thêm những việc tàn-ác, có lẽ chúng sẽ biến dân tôi thành giống mọi Châu-Phi cả.

Tuy nhiên phàm ở đời việc gì cùng cực lắm tất có phản-ứng, sự oan độc càng khốc liệt, chí phục-thù càng bền vững, sự nguy hiểm càng cấp

bách, sự tự vệ càng mạnh thêm. Nước Mỹ độc-lập, nước Đức nổi dậy đều do ở sự bị chà đạp, cũng quẫn, khổ nhục quá mà sinh ra. Xưa nay có nước nào lớn mạnh lại không bao giờ bị đổ vỡ, có nước nào suy yếu lại không bao giờ nổi dậy được ? Thân ta chưa chết, chí ta hãy còn, ta quyết thề cùng chú bác, anh em in sâu sự báo thù rửa hận, vào trong đầu óc ; kẻ trước ngã xuống, người sau tiến lên, người già chết đi, lũ trẻ nối tiếp nuôi chí quật-cường, dầu gặp trăm ngàn thất bại cũng không hề thoái nản. Một ngày kia ta sẽ nhân kẻ hở, thừa cơ hội thuận tiện mang máu nóng của muôn người rửa sạch non sông, chắc đuổi loài dị-tộc, phục lại đất nước bốn ngàn năm của họ Hồng-Bàng chẳng là điều khó vậy... »

Hịch khởi nghĩa Thái-Nguyên

Cuộc khởi nghĩa Thái-Nguyên do ông Đội Cấn cầm đầu bùng nổ vào lúc nửa đêm ngày 13 qua ngày 14 tháng 7 năm Đinh-Tỵ tức ngày 30 tháng 8 năm 1917, giữa lúc cuộc Âu chiến thứ nhất đang tiếp diễn tại chiến trường Pháp Đức.

Ông Cấn chính tên là Trịnh-văn-Đạt, người làng Yên-Nhiên, phủ Vĩnh-Tường, tỉnh Vĩnh-Yên (Bắc-Việt). Xuất thân trong một gia đình làm ruộng nghèo, năm ngoài 20 tuổi đi lính khổ xanh cho Pháp và dần thăng lên đến Đội-trưởng lên đóng ở Thái-Nguyên.

Vốn sẵn lòng cứu quốc diệt thù từ lâu, nên đến thời gian nói trên, ông cùng các bạn đồng ngũ là Đội Giá, Đội Trường và Đội Xuyên âm mưu cùng các anh em chính trị phạm trong đề lao Thái-Nguyên chủ trương việc khởi nghĩa. Trong số chánh trị phạm có ông Lương-ngọc-Quyển là người đóng vai quan trọng nhất, thứ đến là các ông Tú Hồi-Xuân, Ba Chi, Cả Thấu, Hải Vịnh, Nguyễn-gia-Cầu, Ba Nho, Ba Quốc, v.v... người thì can vào vụ ném bom năm 1913, người thì là hộ tướng của cụ Hoàng-hoa-Thám.

Sau khi đã bàn định kế hoạch, nửa đêm ngày nói trên, Đội Trường đi bắn chết tên giám binh Noel và Quản Lập, cắt thủ cấp đem về làm vật tế cờ. Tức thì Đội Cấn thổi kèn tập hợp lính trong trại lại, đưa thủ cấp địch ra hiệu dụ. Còn Đội Giá thì chạy sang đề lao giết tên thủ ngục, đem các anh em chánh trị ra. Các tù nhân ở các nhà giam khác cũng được thả ra và sung vào Cách-mạng quân.

Ngay đó, một hội-đồng quân sự mở ra tên nước được đổi là « Đại hùng đế quốc » ; Cách mạng quân được mang tên là Thái-Nguyên Quang-Phục quân. Cờ thì lấy năm sao làm hiệu (gọi là cờ ngũ tinh). Ông Đội Cấn được toàn thể đồng chí bầu làm Đại-đô-đốc, ông Lương-ngọc-Quyển làm quân sư.

Tỉnh thành Thái-Nguyên ngay đêm hôm ấy về tay Cách-mạng quân. Nhưng chỉ giữ được đến ngày 5-8-1917 thì lại phải về tay giặc, sau những trận giao chiến ác liệt.

Cách-mạng quân phải rút vào rừng tổ chức đánh du kích. Quân Pháp đi giao chiến phải nhiều phen bị tổn thất nặng nề. Nhưng rồi cách mạng quân cũng dần dần bị hao mòn gần hết. Ông Đội Cấn định đem thủ hạ về Hoà-Bình lập chiến khu, nhưng không qua được sự canh phòng bố trí của giặc ở trên các ngã đường.

Đến ngày 5 tháng Giêng năm Mậu-Ngọ (1918), trong một trận kịch chiến ở Pháo-Sơn, ông bị vây đánh quá ngặt, biết đại sự không thành được, và không muốn để mình bị lọt vào tay Pháp, nên ông tự bắn vào bụng chết. Một vài đồng chí cũng tự tử theo ông. Tất cả thi hài đều được anh em chôn chung một huyệt ở chiến trường. Ông Cấn mất rồi, dư đảng của ông là Đội Giá, Đội Xuyên cũng chỉ cầm cự được ít lâu thì bị tiêu diệt.

Hai bài hịch khởi nghĩa này do ông Đào-trình-Nhất dịch lại từ bản Pháp-văn ra (không rõ nguyên văn bằng chữ nôm hay Quốc-ngữ) là hai bài kể tội trạng thực dân và kêu gọi đồng bào tham gia cuộc khởi nghĩa.

Cả hai đều để tên ông Cấn, nhưng không rõ ai là người thảo ra. Theo lời các anh em chánh trị phạm ở Côn-đảo về thuật lại (qua lời của những người tham gia cuộc khởi nghĩa bị Pháp bắt đày đi ngoài đảo) thì do ông Lương-Ngọc-Quyển và ông Tú Hồi-Xuân hội thảo trước cuộc khởi nghĩa một ngày, tại Đề-lao ở Thái-Nguyên.

Một điều chúng ta cũng nên biết là Nguyễn-thái-Học sau này tức là con đẻ tinh thần của Đội Cấn, và cuộc Yên Bái khởi nghĩa đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của cuộc Thái-Nguyên khởi nghĩa này. (theo lời của Nhượng-Tổng trong quyền Nguyễn-thái-Học).

BÀI THỨ NHẤT

(Phát hồi nửa đêm 14 tháng 7 âm lịch năm Đinh-Tỵ tức 30 tháng 8 dương lịch 1917)

Đại-Hùng Đế-Quốc năm thứ nhất, tháng 7 ngày 14.

Thái-Nguyên tỉnh, Quang-Phục quân

Đại đô-đốc Trịnh, bố cáo, cho dân chúng đồng bào được biết :

Nước Việt-Nam nhà ngày nay gồm trong cõi Đông-Dương, nguyên xưa là đất Tương quận (?). Dân tộc ta vốn dòng dõi Rồng Tiên. Ruộng đất ta phì nhiêu, dài mấy trăm muôn dặm, đầy những núi non tinh tú. Kể từ Hồng-Bàng lập quốc đến giờ, lịch sử truyền nối hơn 4.000 năm, trải qua các triều đại Kinh-dương-Vương, Đinh-tiên-Hoàng, Lê-đại-Hành, Lý, Trần, Hậu lê rồi đến bản triều Nguyễn thị, mỗi đời kế tiếp mở mang bờ cõi thêm to, điểm tô non sông thêm đẹp, bày tỏ biết bao nhiêu nghị lực, hy sinh bao nhiêu máu thịt, mới xây dựng lên được giang sơn gấm vóc này để lại chúng ta.

Chẳng may đến giữa thế kỷ thứ 19 vừa rồi, Pháp tặc ở Âu Châu, giả lấy danh nghĩa thông thương truyền giáo cướp mất hương hỏa quý hóa của ta.

Thừa cơ lúc đó triều đình ta còn mãi miết trau dồi lối học khoa cử từ chương, không lo gì võ bị, chúng giở ngay thủ đoạn bạo ngược xâm lăng nước ta. Thoạt tiên chiếm đoạt sáu tỉnh Nam-Kỳ, rồi sau dần dần sinh truyện cướp nốt Trung, Bắc. Chúng ra tay tàn sát những người có nhiệt tâm yêu nước, phá huỷ đền đài thành quách ta, bóc lột tiền tài sản nghiệp ta.

Cũng may, ta còn có những bậc anh hùng chí sĩ, những người danh vọng tài năng, biết đồng tâm hiệp lực, kháng cự lũ giặc ngoại xâm. Binh lực chẳng có mấy, khí giới rất tầm thường, thế mà các nhà cách mạng tiên phong ấy đã từng chiếm giữ được ít nhiều chỗ hiểm yếu để làm căn cứ mà đương đầu với giặc khá lâu. Ta kể ví dụ như ông Hoàng-hoa-Thám một thời

oanh liệt ở Nhã-Nam, hay ông Phan-đình-Phùng mười năm kháng chiến ở Hà-Tĩnh, ấy là chứng cứ hiển nhiên.

Có điều, các vì dân tộc ấy có chỗ thủ hiểm vững vàng mà không gặp được thời cơ may mắn ; đến nỗi ngoại viện là thứ rất cần dùng thiết yếu mà cũng không có. Thành ra khí giới thiếu thốn, lực lượng yếu dần, trước sau đều bị quân địch tiêu diệt. Từ đó tới nay, tấm gương anh dũng của các cụ tiền bối, không thấy người nào có đủ tài lực nối chí làm theo.

Ngoài những hạng người lỗi lạc hy sinh như thế, trong xứ ta còn lại toàn là anh em què mùa, chất phác, vô học, nhắm mắt chịu ép một bề. Thực dân không còn trở lực gì phải kiêng kỵ nữa, tha hồ hoành hành bạo ngược, thôi thì phá hoại ngay những luật lệ tự chúng đặt ra ; áp dụng những thói bán quan buôn chức ; tìm đủ cách làm cho nòi giống ta càng ngày càng đi đến họa diệt chủng ; kết án cực nặng ; hành vi tội bức dã man ; luôn luôn nói truyện hứa hẹn khi trả. Lại còn tàn nhẫn đến nỗi khai quật cả lăng tẩm một vị tiên đế bản triều ³⁹⁹ để lấy vàng bạc châu báu, truất ngôi hai vị hoàng đế ta, đưa đi an trí ở một hoang đảo thật xa ⁴⁰⁰.

Kể từ khi hạ thành Hà-nội tới giờ, chúng đã tự do thay đổi ngôi vua nước Nam ba lần trong khoảng ba chục năm, mà không đếm xỉa gì đến dân tâm dư luận.

Thuế má thì mỗi ngày một tăng lên mãi ; bà con ta chỉ lo đóng góp cũng đủ chết. Mỗi người dân Việt-Nam, như phải tròng cổ vào sợi dây, càng ngày càng xiết chặt thêm ; mười nhà hết chín lâm vào cảnh khốn cùng ghê gớm.

Vạn nhất có người nhiệt tâm với quốc gia, hơi ra mặt chống chính sách đô hộ, liền bị tố giác với quân thù, làm cho sở nguyện phải bị đè nén chôn vùi tức tức.

Chao ôi !

Mỗi khi tưởng nhớ cơ nghiệp tổ tiên đã đổ bao nhiêu máu đào mới xây dựng nên, mỗi khi nhớ đến tình cảnh nước nhà bấy lâu gian truân khốn khổ, chúng ta thấy bầm gan tím ruột, thương xót vô cùng.

Chúng ta nhẫn nhục đã tới cực điểm, tắc lòng bi thống giang sơn chủng tộc như nung như đốt.

Kẻ thù hiện đang bị công kích ở Âu-Châu ; chúng bắt người mình đem sang bên Tây làm bức tường đỡ đạn ; chúng bóc lột tài sản xứ sở mình để tiếp tế quân nhu. Bà con ta bị bắt đem sang Tây từ mấy năm nay, tội nghiệp người sống phải trần lực ra làm lụng vất vả, người chết cũng chẳng được chôn cất tử tế. Thương hại con cô vợ góa ngồi trong nhà kêu van, ông già bà lão ra ngoài đường khóc lóc. Tình cảnh nước nhà đau khổ không thể tưởng tượng. Những nỗi đau đớn kể sao cho xiết. Tóm lại, cái kiếp sống của dân ta điêu đứng đến nông nỗi này, không tài nào cam chịu được nữa.

Nước ta khổ sở kiệt quệ, sống giở chết giở, cảnh ngộ có khác gì một sợi chỉ mong manh sắp đứt ; chịu đựng đau đớn nhiều quá, bà con nhà ta như kẻ nằm liệt giường bệnh, hấp hối tắt hơi.

Phen này chúng ta ra sức phấn đấu để khôi phục độc lập cho tổ quốc, nếu bất hạnh mà mục đích không đạt, đại công không thành, thì cuộc đời hết cả sinh thú, chúng ta cũng chẳng thiết sống làm gì cho nhục nhằn, khốn khổ.

Bản chức, Thái-nguyên Quang-Phục quân Đại đô đốc, từ trước tới nay không hề có giây phút nào quên lẫn nỗi khổ của đồng bào dân chúng ; ngay những khi còn sống lam lũ ở chốn thôn quê làm nghề cày ruộng, lòng hằng băn khoăn tức tối về thảm họa vong quốc. Nhiều lần ta đã lập tâm xưng nghĩa khởi binh, tuốt gươm giết giặc ; nhưng rồi lại phải ngậm hờn khoanh tay, là bởi ta chưa gặp thời cơ nào thuận tiện cho được thực hành chí muốn. Vì thế ta đành ỉn nhẫn ra đi lính tập ; hơn mười năm trường được sống chung chạ với bao nhiêu anh em cường tráng nước nhà mà phải

ngậm miệng làm thinh, nhưng lúc nào ta cũng nuôi hoài bão cứu thù Pháp tặc, chớ hề biến tâm thoái chí. Từ trước tới đây, chỉ bởi lực lượng chưa đủ, ngoại viện chưa có, theo như mong mỏi, cho nên ta chưa muốn mưu toan đại sự một cách trơ vơ tháo thối.

Hôm nay thời cơ đã đến, trong nước thì có những bạn đồng tâm đồng chí cùng tôi tuốt gươm chĩa súng, đánh giết quân thù ; bên ngoài thì có những nhà cách mạng ta bấy lâu trú ngụ bên Tàu, bên Nhật, giờ này sắp sửa đem quân nhu khí giới về giúp ta, hợp lực với ta đánh đuổi Pháp tặc.

Ta chiêu tập những anh em có tinh thần tự do độc lập, có nhiệt tâm yêu nước thương nòi, lập thành những đạo binh cứu quốc và hôm nay đã bắt đầu khôi phục lấy tỉnh Thái-nguyên. Lá cờ năm ngôi sao đã kéo lên phấp phới trên kỳ đài, tôi đã tuyên bố tỉnh Thái-Nguyên độc lập.

Cùng là con dân nước Việt-Nam, chúng ta phải coi nhau như anh em ruột thịt một nhà. Vậy ai là người thông minh, học thức có thể đến để trừ mưu hoạch sách, làm những việc ích lợi chung, ai là người có sức khỏe mạnh hãy mau mau đem bắp thịt cánh tay giúp đỡ trong cuộc chiến đấu.

Anh em ta cố sức phấn khởi phen này, đồng tâm hiệp lực đả đảo quân thù.

Những ai đứng vào hàng ngũ cùng tuốt gươm giết giặc, ta rất hoan nghênh, và để cho mỗi người được thi thố tài năng sáng kiến trong cuộc tranh đấu tự do độc lập chung.

Còn những kẻ nào vẫn manh tâm nô lệ, phò tá quân thù, thì hãy coi chừng bị lấy đầu không tha !

Nay bố cáo

BÀI THỨ HAI

(Phát sáng hôm sau khi hạ thành Thái-Nguyên)

Đại-Hùng Đế-Quốc năm thứ nhất tháng 7 ngày 14.

Thái-Nguyên tỉnh, Quang-Phục quân

Đại Đô-đốc Trịnh...Bố cáo đồng bào Việt-Nam biết :

THAN ÔI !

Trời giáng tai hoạ, nước Nam nghèo nàn. Trận gió xâm lược, từ Tây phương thổi tràn sang Đông, nhiều thế hệ ta bị lôi cuốn tiêu diệt bởi nó. Kể có năm chục năm nay, cơ đồ hương hoả chúng tôi trở trụi giống như một bãi sa mạc ; những tinh hoa trong nước phải sống một cuộc đời nô lệ bi thảm ; bốn mươi triệu anh em chị em đồng bào khóc than rên rĩ với nhau như đang ở trong nước sôi lửa nóng ; tình cảnh tổ quốc đồng bào khiến cho những chiến sĩ ái quốc phải động lòng xót xa.

Bao nhiêu nỗi khổ sở bấy lâu Trời hành chúng ta, hôm nay là hết.

Đấng Hoàng-Thiên bắt chúng ta phải chịu đau đớn, thử tinh thần khí tiết chúng ta, nay Ngài rủ lòng đoái thương, muốn trả cho chúng ta mọi sự sung sướng thanh vượng.

Bên ngoài, ta có những bậc tài năng lỗi lạc đã hấp thụ ánh sáng ở các nước văn minh ngoại dương giờ đem ánh sáng về soi đường dẫn bước cho ta tiến hành ; trong nước thì có những người nhiệt tâm học thức, đem ra áp dụng vào việc báo thù cứu quốc.

Năm Mậu-Thân chúng ta đã giết quân thù ở giữa Hà-nội ⁴⁰¹ làm cho chúng kinh hồn hoảng vía.

Năm Kỷ-Dậu, cuộc khởi nghĩa ở Lạng-Sơn ⁴⁰² khiến lòng phần uất của người mình được hả hơi ít nhiều.

Ngoài ra, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ⁴⁰³ đã khích thích tinh thần ái quốc một độ rất sôi nổi ; tỉnh Quảng-Nam nổi lên phản kháng sưu thuế ⁴⁰⁴ ; một người học sinh mạo hiểm ném bom giữa thành phố Hà-nội ⁴⁰⁵ ; trong Nam-Kỳ, Xích-Long kéo cờ xướng nghĩa, chống cự kẻ thù ⁴⁰⁶. Tóm lại, chúng ta vì văn minh, vì chủ quyền của tổ quốc ra sức phấn đấu hơn mười năm nay, tinh thần càng ngày càng mạnh. Những việc làm nỗ lực cứu quốc của ta đã khiến cho quân thù khiếp đảm, đồng thời lại gọi được hồn Độc-Lập của quốc dân tỉnh ngộ phấn khởi.

Hiện thời cả Âu-Châu đang rối ren lục đục, tàn sát lẫn nhau. Pháp đang nguy khốn ở ngay trong đất nước chúng. Anh với Nga đã cùng Đức giảng hoà riêng, thế là cô lập, mất hai tay tả phù hữu bất trọng yếu, Thổ với Áo đã chẹn ngang quân Ý để tiến binh vào đất Pháp, đánh giữa chỗ chí mạng ; thành Ba-Lê không thể giữ nổi, sắp mất đến nơi.

Bản thân Pháp đã bị nguy ngập đến thế, làm sao còn khoe khoang bảo hộ chúng ta được không biết ?

Vậy ta nên nhân lúc Pháp yếu thế, thừa lấy cơ hội hiểm hoi thiên tai nhất thì này mà báo thù tuyết hận, khôi phục giang sơn.

Nay phụng mệnh hoàng-đế, ta tổ chức quân đội, hợp lực trong ngoài nhất quyết đánh đuổi quân thù ra khỏi đất nước. Tôi đã liên kết với Trung-Quốc ; võ quan với quân sĩ ta từng chịu huấn luyện binh học tân thời ở các trường võ bị Trung-Quốc và Nhật-Bản ai nấy đã trải nhiều chiến trận, kinh nghiệm quân sự, phen này cùng hăm hở đem tài học và tính mạng về, sẵn sàng hy sinh cho tổ quốc.

Với mười muôn hòm súng đạn và một ngàn phi cơ ở ngoài đem về, chúng ta sẽ đánh quân thù những trận sấm sét ; chỉ trong nay mai, ta sẽ chiến thắng thành công.

Quân đội cách mạng ta có nghĩa vụ với dân với nước quyết không sách nhiễu và tước đoạt tài sản của dân, bất cứ trong lúc hành binh hay khi đồn trú nơi nào, Quang-Phục quân chỉ có một việc là thu phục bờ cõi của tổ tiên, giết trừ quân giặc bạch chủng để cho toàn thể quốc dân đồng bào được hưởng độc lập tự-do an cư lạc nghiệp.

Hỡi đồng bào :

Chúng ta phải cùng nhau cố công ra sức phen này hầu làm cho trọn sự nghiệp vĩ đại, lá cờ Ngũ Tinh được vẻ vang phấp phới cả năm châu, không phụ lòng trông mong tin cậy của tổ quốc.

Hỡi đồng bào !

Một quốc gia Tân-tạo, vững bền thiên thu vạn tuế, bắt đầu xây dựng từ ngày hôm nay. Toàn thể đồng bào cùng có trách nhiệm tháo ách nô lệ đè đầu đè cổ chúng ta bấy lâu.

Nay bố cáo

Thư kể tội Khải-Định

(TỨC « THẤT ĐIỀU TRẦN » CỦA CỤ PHAN-CHU-TRINH)

Nước Pháp là một nước dân chủ, nhưng người Pháp sang cai trị Việt-Nam lại cố duy trì cái ngai vàng mục nát để hủ hóa tinh thần dân Việt, và để làm bù nhìn sai khiến lũ sĩ phu róm chỉ biết có cân đai bố tử, thẻ ngà, hốt bạc, mũ cánh chuồn là vinh, ngoài ra không biết chi là liêm sỉ ở đời, là cái nhục của người dân mất nước.

Vì thế, người Pháp trong những ngày có mặt trên đài chính trị ở đây, họ đã đem đày các vua Thanh-Thái, Duy-Tân đi chỉ vì tội các vua này là những người yêu nước, không muốn làm tay sai cho chúng đàn áp dân tộc mình. Và chúng đã đưa ông Bửu-Đảo, con vua Đồng-Khánh lên ngôi lấy hiệu là Khải-Định. Vốn là một tên ăn chơi đàng điếm quen thân từ hồi còn niên thiếu, nên Khải-Định từ khi lên ngai vàng cho đến lúc xuống đất đen, lúc nào cũng là một con cừu « của nhà nước Bảo-hộ ». Vì ngoan ngoãn, nên năm 1922, Khải-Định được chánh-phủ Pháp cho đội mũ áo sang Ba-lê làm « hề » mà mệnh danh là dự cuộc đấu xảo, và cũng vì thế nên Khải-Định đã không ngần ngại làm những điều xỉ nhục cho nhân phẩm và quốc thể Việt-Nam.

Nấp dưới bóng mát của cha con họ Thực, và cứ đình ninh cho mình là vua thật, nên Khải-Định tưởng ai cũng sẽ tung hô vạn tuế như các quan lại ở nước nhà. Nhưng không dè, cụ Phan-chu-Trinh lúc ấy lại « tung hô » cho bằng cách gửi đến một bức thư, lên án cho là một hôn quân vô đạo phạm 7 tội đáng giết. Bức thư này cụ Phan viết ở Marseille đề ngày 15 tháng 7 năm 1922, nguyên bản bằng Hán-văn để gửi cho Khải-Định, đồng thời cụ đưa dịch ra Pháp văn để đăng báo và phát truyền đơn đi khắp trên đất Pháp gây thành một dư luận sôi nổi vang dội về cả bên nước nhà, khiến cho thày trò Khải-Định thâm gan tím ruột mà không làm sao được. Bản sau đây là bản dịch ra Việt-ngữ năm 1926 của ông Nguyễn-kim-Đính chủ bút

tờ Đông Pháp thời báo, một nhân viên trong Hội-đồng trị sự lo đám tang cụ Phan ở Sài Gòn. Chúng tôi xin sao lục, để hiến quý bạn đọc.

Bê Hạ,

Trinh này sống gặp lúc nước nhà diên nguy, mắt trông thấy cõi đời cái gì cũng đổi mới cả, ham mến cái văn minh dân chủ, giận cái chuyên chế quân quyền, quan lại thì tham tàn, nhân dân thì thảm khổ, thấy như thế tôi đau lòng quá, không còn tiếc gì đến thân mình, muốn kéo cái nguy cuộc lại. Năm 1907, tôi đã đưa thư cho Chánh phủ Bảo hộ, đòi phải sửa sang một cái chánh sách mới, những điều tôi yêu cầu như lập trường học, mở hội làm ruộng, đi buôn, thay cách ăn bận theo lối Âu Mỹ, những việc tôi đề xướng đó đều ở trước tai mắt mọi người, tưởng cũng chẳng tội gì. Vậy mà Chánh phủ Nam triều lâu nay quen cái thói chuyên chế, chỉ mong sao cho vinh thân phì gia lấy một mình, thấy ai nói đến cải cách thì ghét như cừ thù, coi nhân dân như cỏ rác, ấy chính là những cái mầm cách mạng nổi lên.

Năm 1908 xảy ra việc dân biến, những người bị giết, bị tù chết có đến hàng mấy ngàn, Trinh này cũng bị buộc tội chết đầy đi hoang đảo. Ôi ! nước Nam đứng ở dưới quyền bảo hộ của nước Pháp cũng đã lâu, vậy mà những chánh sách hủ bại ấy không thấy cải cách, cái nọc độc chuyên chế đến thế, tưởng nói ra thế giới ai cũng lấy làm lạ lùng ! Trong khi ấy nếu không có những bậc chí sĩ nhân nhân nước Pháp, thế cái nghĩa bác ái bình đẳng ghé vai gánh vác cho Trinh, thì cái thân già này đâu còn có đến ngày nay. Trinh sở dĩ còn được chút sống thừa đều là nhờ ở cái văn minh của dân tộc Pháp cả. Năm 1910 Trinh được ra khỏi ngục, năm 1911 Trinh qua ngục bên Pháp quốc, khảo cứu học thuật, 12 năm trời ở ăn các nước dân chủ, hít thở cái không khí tự do, vì vậy mà biết đặt cái công lý ở cõi đời, hiểu đặt cái nghĩa vụ làm dân, liệu coi thời thế nước nhà ngày nay nếu không mau mau kêu gọi quốc dân đây, cùng nhau hiệp lực đồng tâm cùng với bọn bạo quan ô lại kia quyết liệt một phen, đem cái ma lực chuyên chế của quân chủ đã mấy ngàn năm nay, nhổ đến tận gốc, lấp cho đầy nguồn, ra tay quét

sạch sành sanh, thì quốc dân ta quyết không có ngày nào còn được trông thấy bóng sáng mặt trời nữa, tới khi nghe tin bệ hạ lên ngôi đã được 7 năm nay, mà tuyệt nhiên chưa được nghe có cái chánh sách gì hay, kiêu dân càng ngày càng lộng, phạm danh giáo, loạn kỷ cương, biết bao những cái thủ đoạn ngang trái, nắm chặt cái quyền chuyên chế nhà vua, coi thường những luật lệ thường phạt nước nhà, đem máu mủ dân để cung vào sự vui sướng của mình, trái cả cái cách văn minh của nhân đạo, ngăn cả con đường tiến bộ của quốc dân, cái đức thúi tha dơ dáy lan khắp mọi nơi, không có ngòi bút nào tả ra cho xiết, xét coi cái chánh thể văn minh lập hiến ở các nước bên Âu Á, mỗi khi nhà vua có phạm điều gì, quốc dân được phép hỏi tội, dầu nước ta bây giờ dân quyền chưa có, hiến pháp chưa lập, nhà vua còn nắm cái quyền độc đoán, nhân dân chưa được nghị luận tự do, nếu theo lấy cái đại nghĩa ấy mà làm, thời bệ hạ tất phải chịu những búa rìu của quốc dân gia vào, không thể tha thứ được. Nói ra khôn xiết, xong bây giờ hãy đem 7 tội mà bệ hạ đã phạm với quốc dân, kể cho rõ ràng, khi bệ hạ nhận được bức thư này, hãy nên tỉnh ngộ lại mà tự xử lấy mình.

I. - Tôn bậ Quân Quyền

Bệ hạ từ khi lên ngôi tới giờ, thường hay phát ra những tờ chiếu ép nhân dân lại để tôn quân quyền lên, đó là nghĩa gì thế ? Nước ta vốn nước sùng thượng Nho học, câu đó chính tự miệng bệ hạ nói ra, vậy thì coi trong đám nhà Nho tôn nhất là ông Khổng, ông Mạnh ; ông Khổng đáp cái câu « một lời nói làm cho nước thịnh » có nói rằng : « *Làm vua khó, làm tôi không dễ* », đáp cái câu « một lời nói làm cho nước mất » có nói rằng : « *Ta không thích gì làm vua, chỉ sao cho lời ta nói mà không trái thôi* » – Ông Mạnh-Tử có nói rằng : « *Dân quý nhất, rồi đến xã tắc, còn vua là khinh* », còn muôn vàn những câu nói khác nữa đều cùng một ý ấy. Bệ hạ thử giở các sách Ngũ kinh, Tứ Thư ra coi có câu nói nào làm cái chứng tôn quân được không ? Vì cái địa vị của mình ở trên muôn người, thì cái tấm lòng của mình phải ở dưới muôn người, ấy là cái tinh thần của Nho giáo đó. Nếu không hiểu như thế mà cứ lên mặt hô hào với người trong nước rằng : phải

tôn ta ! Phải tôn ta ! Ấy là cái đạo sắp phải tiêu mất đó. Xưa vua Kiệt nhà Hạ có câu rằng : *Ta có thiên hạ cũng như trời có mặt trời, khi nào mặt trời mất thì ta mới mất.* Vì thế dân cũng đáp lại rằng : *Mặt trời kia bao giờ mất, ta cùng người đều mất.* Vua Trụ nhà Thương có nói rằng : *Ta sanh có lẽ nào không có mạng tự trời ?* Vì vậy dân cũng đáp rằng : *Trời trông tự dân ta trông, trời nghe tự dân ta nghe.* Ấy là cái chứng quân quyền tự tôn đó. Kết cuộc lại, một anh thì phải phóng ra nội Nam-Sào, một anh thì đầu treo dưới cờ Thái-Bạch. Ông Khổng-Tử có phê bình một câu rằng : *Ông Thang đuổi vua Kiệt, ông Võ Vương đánh vua Trụ, đều là ứng mạng trời mà thuận lòng người cả.* Ông Mạnh cũng phán đoán một câu rằng : *Nghe giết đũa cô độc là Trụ, chớ chưa từng nghe nói giết vua bao giờ !* Đó chẳng phải những lời thốt ra đích đáng của những bậc chân chánh Nho học đấy ư ! Kinh truyện còn đó, đều do tay hai ông Khổng Mạnh chép ra, sao được tự dối mình để dối người ư ! Ngày nay bệ hạ phát ra những lời châu dụ ấy, có phải tự mình phản đối với Nho giáo không ? Có ông vua nào tự mình trái với quốc giáo mà lại ngồi trên người ta được lâu dài bao giờ ! Ấy nói về học thuyết Á-Đông thì như thế, còn nói về học thuyết Âu Tây, thì nước là nước của dân, đặt ra triều đình để chịu phần ủy thác của quốc dân, còn ông vua hay quan Tổng Thống thì tức là người đại biểu trong một nước, cũng như trong một công ty nào có người xếp (chef) vậy. Đã chịu phần ủy thác, đã được hưởng những quyền lợi, thì phải làm sao cho đầy đủ cái bổn phận của mình. Nếu không thế thì người trong nước ai cũng được chiếu luật mà giết đi cũng như xử một tên phạm tội kia vậy. Ấy cái thuyết bình đẳng tự do là như vậy, mà cái trách nhiệm của mấy người làm đầu quốc dân là như thế. Nếu ai coi nước nhà như một món của riêng mình, thì ví như bọn trộm cướp ; còn ai cậy cường quyền mà áp chế nhơn dân, thì ví như quân phản nghịch, sẽ đem quốc pháp mà xử trị ngay. Đến ngày nay cái nghĩa ấy đã như mặt trời chói lọi giữa trời, phàm các dân tộc văn minh ở thế giới đều cần dùng như nước lửa, lúa gạo ; tin cần như kim khoa ngọc luật, thuận thì được thịnh, mà nghịch thì mất ngay, các nước lập hiến đều noi theo như thế. Xưa vua Lô-dịch (Louis) thứ XIV có câu nói : *« Trẫm tức là nước nhà »*, thì dân Pháp ai cũng cho là đại-nghịch bất đạo, đến nay nhà làm sử chép

hãy còn giận chưa nguôi. Cái ý ấy cũng chẳng khác gì bên Nho giáo, ông Khổng-Tử có nói rằng : « *Mình ghét những sự của dân muốn : mình muốn những sự của dân ghét, thì tức khắc có tai vạ đến thân ngay* ». Ông Mạnh-Tử có câu nói rằng : « *Thiên hạ là thiên hạ của thiên hạ* », quả thật có thể. Ngày nay bộ hạ sanh ở cái nước Nho giáo, làm ông vua trong cái thế kỷ thứ hai mươi dưới quyền bảo hộ của quân Pháp là nước dân chủ, vậy mà tự tôn mình như thần thánh ngồi trên đầu trên cổ dân mà không biết ngượng ngùng gì, rõ ràng là bội nghịch với cái giáo nghĩa của ông Khổng ông Mạnh ; trái với cái văn minh của thế giới, thì không những rằng dân nước Nam này không dung, mà chắc rằng nước Pháp cũng đem lòng giận. Gần đây coi cái thời thế của các nước bên Âu Á, như nước Nhật-Bản kia vốn là nước đồng văn với ta, bốn mươi năm trước đã đặt ra thứ dân nghị viện, các việc đều do dư luận của quốc dân, nhà vua không được tự chuyên lấy một mình, đến nay thế nước cường thịnh, đứng đầu các nước phương Đông, vậy mà nhân dân còn hiềm rằng quyền vua lớn quá, mấy năm vua Minh Trị về sau, đã một lần thiếu chút nữa bị ám sát, năm trước đây quan Tế Tướng là Kính Nguyên bị đâm chết, vì có ấy nên ngay đến nước Tàu là nước tổ văn minh của ta, hơn mười năm trước cũng đuổi vua đi mà lập thành dân quốc. Các nước bên Châu Âu quân quyền cường thịnh như không đâu bằng vua nước Nga, thứ đến vua nước Đức, vua nước Áo, tới sau thua một trận lớn rồi, vua Ni-cô-la thứ hai bị quốc dân giết, cả nhà đều bị chết một cách thảm thê, vua Uy-Liêm thứ hai thì phải trốn qua nước Hà-Lan, còn vua Sa-Lư thứ nhất thì hai lần lén về toan mưu khôi phục đều bị quốc dân đuổi như đuổi heo, rốt lại cũng bị đày chết ở ngoài hoang đảo. Cứ như trên kia đã nói, các ông vua các nước ấy, đều là những người thấy xa nghe rộng cả, vậy mà dân trong nước còn ghét như sâu mọt, ghê như rắn rít, mỗi khi cử động một cái gì không cần thận, thì tức khắc có những lời bao biếm theo ngay, mưu một việc gì không lành, thì tấm thân khó lòng giữ được, coi đó đủ biết cái dân trí ngày nay không phải u mê sợ sệt như trước nữa. Nước ta vốn là một nước quân quyền chuyên chế, bao nhiêu chính trị ở triều đình không cho nhân dân được phép hỏi tới nhất là 80 năm trở về sau đây, vua thì dốt nát ở trên ; bầy tôi thì nịnh hót ở dưới : hình pháp dữ dội, luật lệ rối loạn,

làm cho dân không còn biết sống theo cách nào. Trào vua Gia-Long dùng theo luật lệ trào Càn-Long nhà Thanh, là một cái luật chuyên chế thứ nhứt ở Á-Đông này, coi như luật ấy ban ra, quan Đại tổng-tài Nguyễn-văn-Thành là một người khai quốc công thần đệ nhứt mà chỉ vì mấy câu thơ văn nhỏ mọn đến nỗi bị giết cả ba họ, liệt tổ trào Nguyễn hơn hai trăm năm trước dựng nên cơ nghiệp này, công đức cũng đã là lớn lao, vậy mà con cháu hơn sáu mươi năm sau đây tác tệ ra như thế, đến nỗi diệt vong đều là tự mình gây nên cả. Hình pháp thì như thế, còn về giáo dục thì quá ư đòi hỏi, trong nước những người đeo lốt sĩ phu mà không biết một chút gì, đến nay thế nước càng ngày càng suy yếu, đến nỗi sụt xuống bậc cuối cùng nếu không núp ở dưới cờ bảo hộ của nước Pháp, thì ngày nay không biết đã trụ lạc xuống vực sâu hang thẳm nào. Cứ lấy lẽ công mà luận tội, thì mấy anh ngời cao đứng đầu là mấy anh vua đó, phải phục tội thượng hình, dầu chối cãi cách nào cũng không thoát khỏi, không những rằng quyền vua không tôn được, mà ngay chính cái địa vị vua cũng khó lòng giữ được. Vậy mà cha truyền con nối được đến ngày nay, thì đủ biết rằng cái dân trí bế tắc, thiệt đáng thương lắm. Từ khi bệ hạ lên ngôi, chưa nghe thấy một điều hay nào, mà những điều ác đã inh ỏi bên tai, chạy đầu này mưu đầu nọ để bước lên cái địa vị chí tôn, rồi thì tự coi mình như thần thánh, nết làm như uỷ mị ; ở ngôi vua mới được 7 năm mà những sự oán vọng của dân ta đã chất chứa đầy bụng, huống chi lại còn chực mượn thói cường quyền để tự tôn lấy mình ! Cứ những tội ác ấy, chiếu theo cái luật đối đãi quân chủ ở bên Âu Châu xưa nay thì một là đáng giết, hai là đuổi đi cũng chẳng oan gì ! Đó là một tội.

2. – Lạm hành thưởng phạt

Thưởng phạt là một việc lớn trong nước, tánh mạng của dân, giềng mối quan hệ vào đó. Ông Khổng-Tử có nói rằng : *Hình phạt không trúng, thì dân không còn biết để chân tay chỗ nào*. Ông Mạnh-Tử cũng có nói rằng : *Trên không đạo theo, dưới không phép giữ, vậy mà không mất là không có*. Chánh thể ngày xưa, mỗi khi trao quyền tước cho ai, thì có cả

mọi người trong triều đều bằng lòng, làm tội người ở ngoài chợ, thì có cả mọi người đều vừa ý, hai điều ấy nếu không công bằng, thì quốc dân cần dùng cái chánh phủ này làm gì ! Tôi nghe đích thiệt rằng hiện nay trong triều có mấy thằng « chó chết » kia đều là những bọn cố giao của bộ hạ, ngày trước đã từng phen cùng bộ hạ vui chơi với xóm liễu vườn hoa ; dong ruổi các đầu đường xó chợ ; tới khi bộ hạ được lên ngôi thì trao ngay cho quyền tước, để ngay vào bên tả, bên hữu mình, bao nhiêu những người quen thuộc khi xưa đều cất nhắc cho làm quan cả. Lại nghe nói có quan Thị lang kia, vợ y ngày trước đối với bộ hạ có chút oán nhỏ, bộ hạ vẫn lấy thể làm hiềm, nay được lên làm vua, thì lập tức báo thù mà cách chức một cách vô cớ, lại có quan Thượng thư kia, thường hay đem việc riêng của bộ hạ nói với người ngoài, vì cớ ấy bộ hạ buộc vào trọng tội, xử 8 năm tội đồ, án đã thành rồi, sau nghe tin viên quan ấy vốn là một người giàu có, bèn chẹt lấy mấy muôn đồng bạc, rồi tha tội đầy mà giáng chức đổi đi chỗ khác. Ấy những việc thưởng phạt đều là do ý riêng của bộ hạ chớ chẳng thêm ngó đến quốc pháp là gì. Lại nghe tin ở quanh mình bộ hạ, đều có đặt ra những kẻ trình thám, có hơn 40 người, sớm tối đi rảo quanh khắp thành thị hương thôn, nghe coi có ai dị nghị mình, thì buộc vào tội, nếu không cũng tìm cách ám hại riêng, vì thế mà những bọn vô lại, mượn thể hoành hành, khách đi đường bảo nhau bằng con mắt, khổ sở biết chừng nào. Xưa kia vua Lê-Vương nhà Châu vô đạo, sợ người ta nghị luận đến mình cũng lập cách như vậy để bịt miệng dân, rồi rốt cuộc cũng bị quốc dân phân thân ra, bộ hạ há chẳng lấy đó làm gương ư. Đó là hai tội.

3. – Thích chuộng những sự quì lạy

Cái phép lạy quì chẳng qua là cái biểu hiệu tôn kính đó thôi chớ một người ngồi chót vót ở trên, một lũ người áo mũ râu ria phủ phục ở dưới, không những con mắt người ngoài trông vào có vẻ ngượng ngùng, mà lại hèn cả cái tư cách của loài người đi nữa, như thế chẳng qua làm cho kẻ trên càng kiêu căng, kẻ dưới quên cả tui hổ, thiệt là một cái lễ phép tối dã man. Đến bây giờ đây trong thế giới các nước văn minh, không đâu còn có cái

thói như thế nữa chỉ còn có một đôi chỗ mọi rợ ở miền rừng núi hay miền sa mạc nào còn thế mà thôi. Vậy mà phong tục nước ta vẫn chưa bỏ, thiệt là một cái xấu hổ chung cho dân tộc ta. Năm 1906, quan toàn quyền Beau đã hạ lệnh cấm thói (lạ) ấy, song những bọn quan lại nước ta hãy còn lấy cái đó làm vinh diệu, không chịu bỏ đi, thành ra cái lệnh ấy chưa thi hành được, người trí thức ai cũng lấy làm xấu hổ. Tới khi quan toàn quyền Sarraut đả nhậm lại sức giầy nghiêm cấm một lần nữa, quốc dân ai cũng lấy làm mừng, duy có bộ hạ còn giữ mãi cái thói mọi rợ ấy, không những không chịu bỏ đi mà lại ham như ăn uống, phô trương như lễ nghi ; mỗi khi trong triều có làm lễ mừng gì, bộ hạ vênh mày ở trên, các bầy tôi rút đầu ở dưới ; rồi lại cho người chụp hình, để truyền bá đi khắp trong nước, đến nay những bức hình ấy không những còn lưu hành ở trong nước Nam mà, đến cả các nước bên Âu Mỹ chỗ nào cũng thấy có. Khi bộ hạ qua Pháp quốc, các quan đại thần tiễn chân đến bến Tourane, còn làm một cuộc đại lễ nữa. Khi tới bến Marseille cũng vậy. Ôi quí lạ chẳng phải là cái lễ văn minh, ông vua chẳng phải tôn như ông trời, thần dân chẳng phải là một loài nô lệ, bến xe chẳng phải là chỗ miếu đường, bến tàu chẳng phải là chỗ chào mừng, vậy mà đặt mũ áo xuống bùn than, coi loài người như trâu ngựa, chỉ bày trò cho người nước ngoài khi, và làm cho mất cả danh dự chung của quốc dân, ai cũng lấy chỗ làm tủi nhục, duy có bộ hạ lại lấy thế làm hãnh diện mà vui lòng làm, nếu không phải là « chí ngu » thì đâu có đến nỗi thế ; cự dĩ chi sai người lấy sáp nắn tượng hình những khi triều hạ bày ở trường đấu xảo Marseille, để khoe khoang với các nước, bộ hạ thì tay cầm hốt ngọc, mình dựa ngai vàng, ngất ngưỡng ngồi trên, các quan lớn nhỏ thì mặc đồ triều phục, cúi đầu nhắm mắt, phủ phục ở dưới, trông chẳng khác gì bầy rái tể cá, lũ khỉ làm trò, thiệt không biết sự xấu hổ của loài người là gì ; các người thức giả Âu Tây trông thấy đều bùm miệng cười thầm. Về phần bộ hạ đã mặt dày mày dạn không biết xấu hổ là gì thì đã đành rồi, nhưng còn nhớ nhục cho quốc thể thì sao ? Ông Mạnh-Tử có nói rằng : *Vua coi bầy tôi như chó ngựa, thì bầy tôi coi vua như khách qua đường ; vua coi bầy tôi như cỏ rác thì bầy tôi coi vua như cừu thù*. Bầy tôi còn như thế huống chi về phần dân thì chẳng nói cũng biết rồi. Vậy bộ hạ đối với quốc dân là

người thế nào ? Là khách qua đường chẳng, là cừu thù chẳng ? quốc dân nên xử trị bằng cách nào mới đáng ? Đó là ba tội.

4. - Xa xỉ quá độ

Tại xã An-Cựu, bộ hạ lập nên cung điện lâu đài, rất là tráng lệ, lại mua các đồ sứ cổ ở bên Tàu mỗi thứ có tới ba, bốn ngàn đồng bạc đem về đập bể để chắp hình long lân, lại phí không biết bao nhiêu là vàng, mướn người Tây đúc tượng mình ba bốn cái cả đến áo mũ giày dép, đều là trang sức bằng vàng ngọc bửu thạch đem qua bày ở trường đấu xảo Marseille ; sự xa phí ấy đến cả châu Âu châu Á xưa nay đều chưa từng đến thế. Bộ hạ trước khi lên ngôi làm vua, túng kiệt nợ nần thế nào, phần nhiều người trong nước đều biết cả, ngày nay may gặp giàu, sang, đã không biết nghĩ đến tấm thân của mình ngày trước thì chớ lại tiêu cần phí bậy, món tiền không phải lấy ở trong túi của bộ hạ thì chẳng phải là món tiền mồ hôi nước mắt của dân đấy ư ? Lại nghe nói bộ hạ đi Tây, trong khi ở dưới tàu hàng ngày đem rượu sâm-banh ra đãi các hành khách, nguyên một món tiền bồi cho tàu có đến hai mươi lăm ngàn quan tiền Tây ấy là chưa kể đến kim tiền kim khánh muốn cho ai thì cho nữa. Ôi cái xứ Trung-Kỳ nhân dân theo nghề làm ruộng, nghèo khổ đến cực điểm lại còn nay hạn may lụt, thiên tai xảy đến luôn luôn, còn thêm quan tham lại những, đất xấu dân nghèo, gia dĩ trong khi có cuộc Âu châu chiến tranh, đồ ăn thức dùng cái gì cũng tăng giá, cái phẩm trạng lưu ly đối rét, đến nay còn chưa hết ; lại thêm sưu thuế nặng nề, gánh chịu không nổi so với hai xứ Nam, Bắc thì xứ Trung-Kỳ lại khổ bội phần hơn. Không nói đâu xa, cứ nói ngay từ năm 1916 tới năm 1918 là những năm bộ hạ lên làm vua, nội miệt tỉnh Thanh-hoá, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Thừa-thiên, Quảng-nam, Quảng-ngĩa nhân dân bị bão, bị lụt, bị hạn, bị bệnh dịch hàng ngày trên báo chương kêu la không dứt, cái cảnh tượng thương tâm thảm mục đến thế là cùng ! Bộ hạ ngồi trên muôn dân, mà chưa từng nghe làm một việc gì hay để cứu lấy kiếp sống thừa của con người, quên một chút đỉnh gì để đỡ cơn đói khát của dân, vậy thì cái thân bộ hạ đối với quốc dân tuyệt vô quan hệ đã lâu lắm rồi ! Đã vậy mà ngày

nay còn dám ăn cắp tiền của nước làm của riêng mình mà tiêu xài xa phí, đem những của mồ hôi nước mắt mà liệng vào chỗ không đâu, cứ những cái cử chỉ như thế, thì bệ hạ còn có tư cách gì mà đứng trên đầu nhân dân nước ta nữa ! Ví thử bệ hạ lấy cái món tiền dụng cung thất ấy, mà dựng ngay một trường học lớn tại kinh thành ; lấy cái món tiền mua đồ trang sức và đúc tượng đồng, mà mua những đồ bày biện trong nhà trường, và dùng làm lương bổng của các giáo sư và học sinh ; lấy những món tiền phung phí ở dưới tàu để trợ cấp cho các lưu học sinh Việt-Nam ở bên Pháp, thì món tiền có lợi ích biết là dường nào ! Ôi cái tình cảnh của dân nước ta ngày nay, cần cù suốt một năm trời đổ mồ hôi, xót con mắt, vợ la đói con la rét không kể, ngoài mình không có một manh áo, trong bụng không có một hột cơm không kể, chỉ ngày đêm cặm cụi làm sao có đủ món tiền mà nộp sưu thuế cho nhà nước, vậy mà ngày nay lại phải chịu đau đớn, hiến tiền của để cung cấp cho thằng hôn quân kia nó huy hoắc thì có khổ hay không ? Trong cái lúc bệ hạ tiêu xài huy hoắc thế, có nghe biết cái việc làm của quan Đại Tổng Thống nước Tàu là Lê-nguyên-Hồng không ? Y vì thấy chính-phủ Tàu nghèo, bèn tự nguyện đem cái món tiền lương của mình hàng năm là ba triệu rưỡi quan tiền Tây dâng lại quốc dân để làm việc hữu ích, báo Tây khen mãi không thôi ! Ôi ! nước Tàu là một nước đất rộng tiền nhiều, bạc lắm, khắp cả thế giới không đâu bằng, lại là một nước độc lập, vậy mà cái ông Tổng Thống lo dân thương nước kia, còn không muốn lãnh cái món tiền lương của mình, sợ để thiệt thòi cho quốc dân, huống chi bệ hạ là một cái ông vua ở nước bị bảo hộ, cứ cái địa vị thì còn ở dưới quan Tổng Thống toàn quyền đại thần kia ; danh hiệu chẳng qua đối với bọn nô lệ, công nghiệp không hơn gì một người tầm thường ; vậy mà dám để mình như ông trời, làm việc như trộm cướp, mỗi một năm ngoài những món tiền lương bổng ra, lại còn thêm tu tạo cửa nhà, chơi bời lãng phí, tính lại không biết bao nhiêu kể ! Khi bệ hạ gửi bức thư cho quan thuộc địa đại thần, trong đó có câu xưng mình là cha mẹ của dân, nước Nam vốn là một nước trọng cái gia đình luân lý, có khi nào lại sinh ra cái thứ cha mẹ bắt lương thế bao giờ ! Tưởng nên đổi là một tên giặc chung của dân thì phải. Đó là bốn tội.

5. – ĂN BẠN KHÔNG PHẢI LỖI

Bệ hạ tự mình chế ra những thứ lễ phục lỗi mới, mỗi khi lâm triều đều có mặc, cái mốt (mode) áo chiến bào của bệ hạ mặc, xung quanh rêu áo và hai cổ tay đính bằng vàng ngọc, đeo một chuỗi bửu thạch vàng bạc sáng ngời, trông không ra Âu mà cũng chẳng ra Á, lại thêm trên cái nón của bệ hạ có vẽ hình rồng phụng năm sắc, nghe nói khi quan Thống Chế Joffre qua nước Nam, bệ hạ bận cái áo ấy ra nghinh tiếp, lần này qua Pháp, đến viếng mồ chiến sĩ vô danh, bệ hạ cũng mặc áo đó, may sao người Pháp không để ý gì đến những việc lễ chế nước ta, nên cũng không ai biết, ví phỏng có người Pháp nào biết đến hội diễn Việt-Nam, mà hỏi gạn rằng : chẳng hay cái áo của bệ hạ mặc đó có phải là áo quân phục của nước Việt-Nam không ? Thì không biết bệ hạ sẽ đáp lại thế nào ? Ôi, lễ phục các nước trong thế giới này đều có định chế cả, những khi tiếp khách cùng triều hội, nhứt cử nhứt động đều có quan hệ đến quốc thể, nếu sơ xuất một chút thì đối với người nước ngoài mang tội trái phép, nước ta ngày xưa, đối với việc này, lấy làm cẩn thận lắm, trên từ Thiên-tử, dưới đến thứ dân, đều có thể lệ, khuôn phép riêng, chép vào hội điển, truyền làm lệnh chung, nếu có sai trái điều gì, thì sẽ có hình phạt theo ngay, nếu ngày nay bệ hạ cho rằng lễ lỗi xưa không hợp với nay nữa, phải nên cải cách lần lần cho hợp thời thế, thì sao bệ hạ không bắt chước ngay công phục nước Nhật, nước Tàu, hay bắt chước ngay các nước bên Tây, dựng nên thể lệ, rồi công bố cho quốc dân biết mà noi theo ? Lễ đâu bệ hạ tự chế ra rồi tự mặc lấy, đối với bề trong thì người trong nước quan chiêm vào đã không chánh đáng gì ; đối với bề ngoài thì con mắt người ngoại quốc trông vào, chỉ thêm làm nhục cho quốc thể, so vào quốc pháp, nên đem ra trừng trị, không còn tha thứ được. Đó là năm tội.

6. – Tội chơi bời

Bệ hạ từ khi lên ngôi tới giờ, cái nghi vệ để chế, càng ngày càng thấy lỏng lẻo thêm, mỗi khi ra đi chơi, lúc thì cỡi voi, lúc thì đi xe ngựa,

những bộ hạ theo hầu, nhiều tới hơn trăm, ít cũng tới ba, bốn mươi người, chiều sớm chiều hôm dong ruổi ở các nơi đường sá chợ búa, những đồ trang sức loè loẹt, những cái nghi trang hách dịch, cùng những kẻ bộ hạ kiêu hãnh, thiệt là nước Nam tự năm sáu mươi năm tới giờ chưa từng thấy ông vua nào như thế, các người đi đường khốn nỗi trốn tránh, các dân cư chán chường về nỗi huyên náo, vậy mà bộ hạ vẫn dương dương tự đắc, có ý khoe khoang cho người ta biết mình đây là vua là sang đến như thế nào !... Xét luật pháp các nước văn minh, không có cái quyền lợi nào ra ngoài được giới hạn, ngày nay bộ hạ tự tôn cái quyền làm vua quá, bao nhiêu oai phước đều do tự nơi mình, còn như chính trị bê trễ, không lưu tâm đến, nhân dân đói rét, không để ý đến, chỉ đi chơi hoang suốt ngày, không tiếc gì đến thì giờ và tiền bạc, như bộ hạ thì thiệt là tôn vinh đấy, nhưng còn quốc dân tật khổ thì sao ? Có phải bộ hạ chỉ là người biết hưởng lợi quyền mà không biết làm bốn phận không ? Nếu chiếu vào luật thì nên ghép vào tội phóng khí trách nhiệm, làm nước hại dân, nên đem ra làm chánh pháp. Đó là 6 tội.

7. - Chuyến này đi Tây có một sự ám muội

Bộ hạ chuyến này qua nước Pháp, phàm người trong nước ta có quan tâm đến quốc sự đều đem lòng suy nghĩ, trước còn la, sau thì giận rồi kể ùm lùm, chỉ trông nhau mà cười. Bộ hạ mượn tiếng rằng đưa Hoàng-tử đi du học, và viếng đài Việt-Nam quân sĩ trận vong cùng là coi xem các nơi bị tàn phá ở phía Bắc nước Pháp. Nhưng đó đều chẳng qua là cái việc riêng của bộ hạ, một người thôi, chớ chẳng phải là việc chung của quốc dân. Và những việc ấy cũng chẳng phải cần kíp gì ! Hay bộ hạ mượn tiếng rằng qua du lịch nước Pháp để khảo sát các văn minh đem về mà sửa sang quốc chính lại, thì bộ hạ không phải là cái người như thế, vì nước Pháp là một nước dân chủ, mà bộ hạ là ông vua tôn quân quyền, chẳng khác gì đem cái hình vuông mà đút vào ống tròn, không ăn nhập gì với nhau cả. Huống chi bộ hạ là người không hiểu tiếng Pháp, còn các quan đại thần đi theo như mấy tên kia đều là một bọn hạ lưu ở nước ta, so bề trí thức còn thua kém đứa con trẻ mười tuổi ở nước Pháp. Và trong khi bộ hạ ở Paris, chỉ được

nghe chuyện mỗi khi coi đua ngựa, trả đến 200 quan tiền Tây, sau thấy tờ Thần báo bên Pháp đăng : « *Vua An-Nam mỗi khi bước chân ra đến ngoài, dẫu chân đều đầm đìa những nước bông, và vô các tiệm bán đồ kim ngọc nữ trang thì tỏ ra bộ rành biết các giá cả lắm* ». Ấy cái con mắt quan sát của bộ hạ chỉ có thể mà thôi, ngoài ra các nơi như viện bác vật, nhà bác cổ, trường học lớn, xưởng to, và các chỗ biểu hiện cái văn minh của người Pháp thì chưa hề thấy bộ hạ để bước tới, mượn cớ rằng đi coi trường đấu xảo thuộc địa Marseille, thì hỏi rằng trường đấu xảo ấy có những gì, chẳng qua lại mấy món đồ của người trong nước, như Bắc-kỳ, Nam-kỳ, thì cũng ở dưới quyền quản trị của người Pháp, ngoài ra còn có gì khéo lạ nữa, còn như núp dưới quyền chuyên chế của bộ hạ là 12 tỉnh Trung-kỳ, sĩ phu thì lòng đen như mực, nông dân thì nghèo đói chí tử còn có gì gọi là khéo nữa. Hay muốn nói cái khéo thì duy có bộ hạ và một bọn quan lại kia lạy quì khéo, nịnh nọt khéo, ăn của hối lộ khéo mà thôi. Tiếc rằng cái bọn quỉ mị ấy, nếu ở vào thời kỳ nước Pháp sáu bảy mươi năm trước thì đã liệng vô nước lửa hay đã hiến cho sài lang rồi, bộ hạ ngày nay dẫn dắt tụi ấy đi chắc cũng biết rằng ngoài mình với tụi ấy ra thì không còn ai đâu xứng đáng được nữa. Lại nghe bộ hạ đi qua Pháp có mang một cái sự ám muội ai dòm vô cũng dễ trông thấy, số là vài năm trước bộ hạ có một tay quyền thế kia nâng đỡ lên làm vua, khi đã được làm vua rồi, mượn cái oai chuyên chế vét cho hết những của cải của nhân dân để mua sắm các đồ quý của các nước và thu hết của báu của lịch triều để lại nơi miếu đường cộng cả thầy có đến hơn trăm rường ngày nay mang hết qua bên Pháp, rồi nhờ mấy người Pháp kia vận động ton hót với đảng quân chủ để bảo hộ cho được vững vàng cái địa vị làm vua của cha con mình, và nhờ làm hậu viện cho đạt cái giấc mộng tôn quyền của mình để hống hách, để khóa miệng người trong nước lại rồi sau sẽ ký ngầm mấy cái điều ước gì đó để báo đáp lại. Ấy cái việc của bộ hạ định như thế, dẫu thuộc sự bí mật, song quốc dân ngày nay ai cũng nghe biết cả rồi, ngôn ngữ Tây có câu « *Không có lửa sao có khói* ». Nếu bộ hạ không thế sao lại có lời đồn đãi kia ? nhưng tưởng là cái kế gì chớ cái kế ấy thiệt là vụng tính lắm. Bộ hạ muốn cho bền chặt cái địa vị quân chủ của mình mà lại đi cầu khẩn với một nước dân chủ, Trinh này biết

chắc việc cầu này chẳng xong nào ! Chỉ có bộ hạ ngu dốt chưa từng đọc đến những lịch sử dân chủ cách mạng của nước Pháp đó thôi. Nếu biết rõ, thì chỉ có cúi đầu, đoan hơi, tự lấy làm hổ thẹn, chớ nói gì được nữa. Nay hãy coi lúc thế kỷ 18 bên Âu-châu, cái quyền quân chủ nước Pháp lên tới cực điểm, thường phạt tự theo ý mình tự nhận mình là Nhà Nước, coi nhân dân như tôi, mọi, phung phí tiền của như đất bùn, nào sửa sang cung điện, nào chơi bời xa xỉ, phục sức hoa mỹ, lạy quì tôn nghiêm, có phần lại hơn bộ hạ bây giờ.

Song trò đời nếu cùng quá thì phải trở lại, là lẽ tự nhiên, vậy cho nên trong lúc bấy giờ đã có những bậc danh nhân nước Pháp như ông Lư Thoa, ông Mạnh-đức-tư-Cửu, ông Phúc-lộc-đặc-Nhĩ, v.v..cùng nổi lên mà đề xướng cái chủ nghĩa dân quyền, không đầy mười năm mà thế lực ảnh hưởng khắp cả toàn Âu, dân tộc nước Pháp là một dân tộc đi đầu trước nhất, một người vung cánh tay hô lên, bao nhiêu người hưởng ứng, dầu đến rơi đầu đứt tay, cũng càng té càng dậy, lại tiếp theo, lại phấn chấn hơn nữa. Vì thế nên mới tấu được khúc khải ca, mà cái đầu vua Louis thứ XVI mới treo cao ở đoạn đầu đài. Bộ hạ cũng nên lấy đó làm gương. Ngày nay bộ hạ chơi thành Paris, hẳn cũng ngó thấy bên đường có đúc những tượng đồng cao lớn, đó đều là những bậc anh hùng hào kiệt đã hy sinh với cái chủ nghĩa dân quyền ấy ! Một cái tượng đúc hình một vị nữ thần tay cầm bó buộc tự do, ánh sáng chói lọi, chiếu khắp ba ngàn thế giới, tức là vị thần dân chủ đó. Phàm trong cõi đời này, ông vua nào vô đạo thì sẽ bị vị thần ấy không dung tha ! Bộ hạ đã qua đấy cũng nên bớt chút thì giờ chơi bời, đến viếng những nơi cung điện ở Versailles, thăm cái di tích của ông vua vô đạo ngày trước mà tự xét lấy mình. Từ ngày vua Louis chết rồi, nước Pháp đổi ra chính thể dân chủ, nghị viện do dân cử lên, bao nhiêu những quyền lập pháp, hành chánh cùng cất đặt các quan đều do viện ấy cả. Tới nay cái chính thể quân chủ chuyên chế đã hầu tuyệt tích ở trên thế giới này, mà nhân loại còn được hưởng cái hạnh phúc tự do là đều do ở cái công lưu huyết của dân tộc Pháp cả đấy ! Bộ hạ sao không thương thuyết với quan Thuộc địa đại thần mà đi chơi chỗ cung điện Bao-bông, cho được cho được

thấy cái khí tượng bình đẳng tự do của một quốc dân cộng hòa so sánh với cái chính thể chuyên chế hắc ám của nước ta hơn ngàn năm nay, rồi mới biết cái dân quyền chủ nghĩa khác nào thần thánh không thể xâm phạm được, sau này nó sẽ bùng bùng bột bột như mặt trời lên cao soi khắp thế gian, mà cái chính thể quân chủ kia sẽ bị như chuột lủi, chó chạy, không còn biết ẩn núp vào đâu được nữa, đến ngày nay thế giới đã tặng cho dân tộc Pháp một cái huy hiệu là « mẹ dân quyền ». Ấy cái danh dự của nước Pháp, dân Pháp như thế, vậy mà ngày nay bộ hạ toan đem mấy trăm rương châu báu kia giá đáng bao nhiêu mà dám mong thi hành cái kế hoạch đem tiền tài ám nhả cả một dân tộc văn minh, nghịch cái phong trào của thế giới, trái cả công lý của nhân đạo, nhơ nhục cả cái vinh quang của quốc dân, để mong nắm chặt cái vận mạng quân chủ chuyên chế của mình, thì còn mặt mũi nào đối với thế giới, vạn quốc nữa ! Đó có phải là bộ hạ tự mình khi lấy mình không ? Cái công cuộc của bộ hạ mưu định trong chuyến đi này hẳn là thất bại đã đành rồi, nhưng chỉ tiếc cho sáu, bảy triệu bạc mồ hôi nước mắt của quốc dân và cái kho báu tàng vô giá của nước nhà mấy trăm năm, ngày nay bộ hạ liệng theo dòng nước biển Tây mà trôi đi cả. Đó là 7 tội.

Trở lên trên 7 tội đó, đều là kể những điều có quan hệ với quốc kế dân sanh. Còn những tội vặt khác thì không thể kể xiết, hoặc là những việc không quan hệ gì đến quốc sự, hay việc riêng của một người, nên chẳng sá bàn chi. Ôi ! thế giới ngày nay, dân trí tiến bộ, một ngày cách xa hàng ngàn dặm, các ông vua ở các nước lập hiến bên Âu bên Á vài mươi năm trước đây đều đã đem cả các chính sự lớn nhỏ của nhà nước, hai tay dâng lại cho quốc dân, không dám hé răng một tiếng nào, chỉ mong sao cái địa vị mình không phải trụt xuống vực sâu hang thẳm đã cho là hạnh phúc lắm rồi. Vậy mà đối với quốc dân vẫn chưa được yên nào, họ vẫn chực đuổi cút đi để tới mãi cái bình dân chủ nghĩa mới là khoái ! Vậy nên tự nay trở về sau, trong thế giới này còn ông vua nào đứng lại được nữa cũng chẳng qua như lúc nước xuống, không bao lâu sẽ bị cuốn hết ra ngoài biển. Chẳng lựa là người trí giả, cũng đã thấy rõ rồi. Không nói đâu xa, nói ngay trong

cái thời kỳ Âu chiến đây, bị quốc dân giết cùng đuổi đi cũng có đến 18 vị vương và 3 vị hoàng-đế. Bệ hạ là kẻ dốt nát, tự cao tự đại trong xó nhà, nên không nghe biết đấy. Nước ta xưa nay chính thể do tay một ông vua cầm, quan lại hiền hay ngu, chính trị phải hay quấy, quốc dân không được phép hỏi đến, như trên kia tôi đã nói kỹ rồi, tới nay thể nước ngày càng hèn yếu thêm mãi, đến nỗi không còn được kể vào là một nước ở trên thế giới này được nữa. Nay hãy ngó quanh các nước trong vùng Đông-Á như nước Tàu nước Nhật không kể đến rồi. Ngay đến nước Xiêm, trước kia vẫn là nước thần phục mình, mà ngày nay đã nghiêm nhiên đứng vào hàng bình đẳng với các nước. Còn nước ta thì sao ? Vì sớm biết tình ngộ, vài mươi năm trước đây, nhân nường nấu ở dưới tay người Pháp, mau mau thoát ly cái dây trói chuyên chế, bài trừ cái nọc hại quan lại trộm cướp. Công thương làm sao cho phát đạt, nông lợi làm sao cho chấn hưng, thì dân ta có đâu đến nỗi như ngày nay ! Đến nỗi như ngày nay đó là tội ở ai ? Không những cái ông vua hiện tại bây giờ phải mang lấy trách cứ, mà cả đến những ông vua trở về trước cũng không trốn khỏi cái công luận búa rìu của quốc dân gia vào nữa. Ôi, cái phong trào ở ngoài thế giới như thế, mà cái tình thế ở trong quốc dân như kia, cái ngai vàng của bệ hạ chẳng khác gì trứng để đầu đẳng, thiệt có như câu vua Hiến-đế nhà Hán nói rằng : *cái mạng của trẫm không biết ở ngày nào !* Cái mạng của bệ hạ ngày nay cũng như vậy. Mà bệ hạ còn ngu muội không biết gì nên tự coi mình như thần thánh. Dân oán không biết, ai nói không nghe, thiệt là nghịch thời thế, trái nhân tâm, toan đem cái tro tàn chuyên chế, đốt tiêu cái dân trí tích tụ đã lâu ngày, vét hết báu nước, thâu sạch của dân, quên cái khổ muôn người, toan sự vui sướng riêng một mình. Ôi ! đất nước Việt Nam này có phải đầy tớ riêng của bệ hạ đâu ! Bọn quan lại rút của dân đã chán rồi, bệ hạ lại đào khoét thêm vào : máu mủ dân Việt-Nam chưa hết, nên bệ hạ còn hút cho đã nữa phải không ? Cái danh hiệu nước Việt-Nam này còn chưa được nhơ nhớp, nên bệ hạ phải làm cho xấu thêm, để người ngoại quốc trông vào chê cười khi thị nữa phải không ? Ôi ! Nước ta có tội gì mà phải chịu cái nghịch báo ấy ? Dân ta có tội gì mà gặp cái thứ vua quý ấy ? Nếu không tìm cách mà trừ bỏ đi thì cũng đến chết theo với loài yêu quái ấy mà thôi. Trình này viết đến đây, thì bút đã cùn rồi,

tay đã mỏi rồi, giấy đã hết rồi, mực đã cạn rồi, mà còn muốn nói chưa dứt lời. Những điều của Trình bày tỏ ra đó, chẳng phải công kích riêng một mình bộ hạ đâu, chính là công kích đưa hôn quân đó. Ông Mạnh-tử có nói rằng : « *tôi có muốn nói nhiều đâu, cực chẳng đã nên phải nói thôi* » ! Ấy cái tâm sự của Trình này cũng như thế đó. Bộ hạ nếu còn một chút thiên lương mà biết hối ngộ ra, biết tin rằng quân quyền không có thể cậy được, dân quyền không có thể đoạt được thì hãy mau mau quay đầu lại mà thoái vị ngay đi, đem chánh quyền giao trả lại cho quốc dân để quốc dân được trực tiếp ngay với chính phủ Pháp mà làm công việc, để mưu sự ích lợi sau này. Vậy, may ra quốc dân còn thương cái lòng mà tha cái tội đi, ấy là cái kế sách của bộ hạ ngày nay không còn gì hơn nữa. Chớ ví bằng thói cũ không chừa, choán cái ngôi chí tôn, ra cái oai chuyên chế, hãm chìm quốc dân xuống cái vực sâu hang thâm kiếp kiếp đời đời, thì Trình này sẽ bố cáo với quốc dân và thương thuyết với chính phủ Pháp, lãnh mạng hai mươi lăm triệu đồng bào Việt-Nam, cùng với bộ hạ tuyên chiến một trận kịch liệt, hể cái ngày nào đầu Trình này rút xuống đất tức là cái ngày quân quyền của bộ hạ chìm xuống đáy sâu, kéo lại trách rằng Trình không bảo trước.

Bức thơ này một bản viết bằng Hán văn gởi cho bộ hạ, ngoài còn dịch ra chữ Pháp để đăng lên các báo, và phát đơn ra để cầu người Pháp công đoán.

Một là vì Trình này đối cùng bộ hạ đã đoạn tuyệt hẳn, không còn một chút quan hệ gì, chỉ đứng vào cái địa vị đối đãi mà thôi, cho nên bức thơ này không phải « dâng lên » cho bộ hạ, mà chính là « gởi cho ». Hai chữ « bộ hạ » mà tôi dùng đây, chẳng qua là cái tiếng xưng hô đã quen trong Hán văn đó thôi.

Một là Trình vì vốn người theo Khổng giáo, nên không theo cái lễ phép chuyên chế đặt ra từ đời Tần-thủy-Hoàng trở về sau, cái tên huý của vua không dám nói động đến, nước Tàu nước Nhật bỏ đã lâu rồi, chỉ còn có

nước Nam đó thôi, ngày nay Trinh này đề thư cứ gửi ngay cho « Bửu Đảo »
là cái tên huý của bộ hạ, để tỏ ý phản đối.

Marseille, le 15 Juillet 1922

Phan-chu-Trinh

Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa

Nước Việt-Nam ta là nước tôn sùng Nho giáo và trước đây là một nước theo chính thể quân chủ.

Nhưng trong mấy nghìn năm, người dân Việt-Nam có theo đúng tinh thần Nho giáo không ? – hay Nho giáo đã bị các triều đại phong kiến xuyên tạc và lợi dụng để dần đưa dân tộc đi đến chỗ yếu hèn. Nhất là dưới chính thể quân chủ thời Nguyễn triều. Triều đại này về mặt vận đã trở thành một thứ triều đại bù nhìn cho thực dân sai khiến. Nước đã yếu, dân đã hèn, ngai vàng mũ miện đối với thế kỷ văn minh Âu Á đã trở thành những đồ chơi, những con múa rối cho thiên hạ mua cười và kinh bỉ. Thế mà cái quân chủ vẫn còn một số người sùng bái, cái học từ chương (vốn không phải của Nho giáo) vẫn được duy trì, mạo nhận là cái học của ông Khổng ông Mạnh để ngu dân và che mắt mọi người.

Cho nên theo nhà cách mạng Phan-chu-Trinh, thì muốn tự chủ, độc lập, người Việt-Nam ta phải bỏ cái chính thể và cái học hủ bại ấy đi. Không thì chẳng có bao giờ bước chân lên đường khai hoá được.

Vậy cái học ấy và cái chính thể ấy đã gây hại cho dân nước thế nào ?

Chúng ta hãy xem lại bài « Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa » này của cụ diễn thuyết trước hàng vạn thân sĩ và đồng bào tại nhà Hội Việt-nam ở Sài-gòn tháng 11 năm 1925.

Thưa các anh em, chị em đồng bào.

Từ khi tôi biết cái học mới đến bây giờ, thì trong trí tôi bực tức, ngẫm nghĩ lấy làm lạ quá. Lạ vì trong xứ Á đông này có bốn nước đồng văn, mà đều sùng cái chính thể quân chủ, đều sùng thượng Nho giáo. Vậy làm sao mà từ hồi cái văn minh bên Âu Châu tràn sang cõi Á-Đông đến nay

thì chỉ có người Nhật Bản bỏ ngay cái học cũ mà theo lối mới, thì sự giàu mạnh trông thấy liền trước mắt, chừng trong bốn năm mười năm mà đã sánh với vai liệt cường ? Còn nước Xiêm ở gần bên ta, thì nó lại chẳng có đạo Nho gì hết, nó chỉ có đạo Phật mà thôi, mà nay nó cũng đứng vào hạng vạm quốc bình đẳng, tại làm sao mà được như thế ?

- Chẳng có sự lạ, hễ người Anh lại nó cũng cho vào, người Pháp lại nó cũng cho vào, người Mỹ người Đức lại nó cũng đãi tử tế, để nó học lấy cái hay của mấy nước đó.

Chỉ chừa ra có ba nước là nước Tàu, nước Cao-Ly và nước ta dân thì nghèo nước thì yếu, cái phần người dốt nát chiếm 80 phần trăm. Còn gọi là thượng lưu, trung lưu chẳng qua là trong bọn « bát cổ »⁴⁰⁷ đã chiếm hai phần ba trong nước, thật chẳng biết cái Nho học là gì, mà cũng nhắm mắt lại chê cần cái văn minh mới là mọi rợ ! (Đây là tôi nói Cao-Ly và Tàu, còn Việt-Nam ta để tôi nói lại sau).

Nhưng mà nay cái phong trào trong thế giới nó mãnh liệt lắm, ai thuận theo nó mà đi thì thuận buồm xuôi gió, ai không thuận theo nó thì cũng bị xô đẩy mà đổ lượt đi như cỏ rác.

Vậy cho nên bọn thiếu-niên Cao-Ly họ đã tỉnh dậy, mới có cái hồi vận động năm 1919, làm cho Nhật-Bản phải bỏ lòng hổ lang đi, mà trả cái tự do lại cho họ ; nước Tàu thì có sự vận động bọn thanh niên năm 1925, làm cho liệt-cường thế nào cũng phải lấy sự công bình mà đối đãi lại với họ.

Khốn nạn thay cho cái dân tộc nước Việt-Nam ta, đến bây giờ trong dân tộc mà gọi là các ông Nho học tức là các ông có học được ít chữ Tàu ; mà nhất là các ông đã đậu được cử nhân, tiến sĩ ; các ông đó tôi dám chắc rằng không hiểu Nho giáo là gì hết ; vậy mà hễ mở miệng thì cứ đem Nho giáo ra để làm chỗ dựa, để bài bác cái văn minh kim thời, tức cái văn minh mà các ông tuyệt nhiên không hiểu được một chút nào cả.

Còn nói về các anh thiếu niên tân học, trừ ra có đôi anh tự cái sức thông minh của mình mà tìm kiếm ra thấy được nhiều ít kỳ dư thì chỉ theo cách học cũ : mong kiếm lấy cái chức phẩm gì, hay là coi cho rộng để viết lách khoe khoang mà thôi. Không có ông nào chịu đem cái sự học của Âu Tây để so sánh lại với cái học cũ của ta, xem điều gì hay, điều gì dở cho người ta xét đoán mà tìm lấy đường tiến tới về sau.

*

Tôi xin lỗi các anh chị em đồng bào, cái đề mà tôi lựa để diễn thuyết bữa nay, quân trị chủ nghĩa (tức là nhân trị chủ nghĩa), dân trị chủ nghĩa (tức là pháp trị chủ nghĩa), cái đề mục đó thật là lớn lao quá, không phải là sức tôi có giải quyết ra cho minh bạch được. Muốn giải quyết ra cho minh bạch thì phải tìm về Âu Á lịch sử chính trị học và chính trị triết học, mới có thể nói ra cho tinh tường được.

Các anh em, chị em có lạ gì tôi : cái học về đường lịch sử chính trị Tàu thì tôi cũng hiểu được ít nhiều, còn về đường tây học thì thật là kém lắm. Nhưng mà tôi cũng rán hết sức, đem cái việc mà tôi đã biết xin nói ra để anh em nghe, còn các việc gì cao xa không thấu, thì để phần ông nào hiểu hơn tôi diễn giải ra cho anh em rõ.

NÓI VỀ CÁI LỊCH SỬ QUÂN TRỊ CHỦ NGHĨA

Cuộc quân chủ đến ngày nay thì cũng như một cái hoa tàn lá héo phát phơ trong đời bây giờ.

Xem như trong một cái cõi Á-Đông này – không kể những ông vua đã mất nước rồi mà những nước mạnh họ chỉ để làm con nộm, con bù nhìn để dè dân bốn xứ - thì chỉ có vua Xiêm và vua Nhật đủ quyền phép đáng xưng là ông vua mà thôi. Âu Châu bây giờ dân chủ đã đến 14 nước mà quân chủ chỉ sót lại có 12 nước. Còn bên Mỹ Châu thì chẳng có một nước nào quân chủ. Vậy thì ta có thể nói quyết rằng : trong trái đất này chỉ có

8000 triệu người, mà số dân có vua thì không được một phần trong số mười.

Về vang thay cái oai quyền quân chủ ! Gớm ghê thay cái dục vọng của quân chủ ! Đang hồi thượng cổ, trung cổ, dân chúng còn hèn yếu ngu dốt, cho nên bất cứ loài dân nào cũng phải có cái quyền quân chủ để bao bọc cho dân ; đang cái thời đó thì quân chủ thật là một vị thuốc rất hay cho loài người hồi đó.

Khốn nạn thay cái tính loài người : thấy người ta tôn trọng mình bao nhiêu thì mình lại thêm kiêu hãnh bấy nhiêu ; thấy người ta kính nể mình bao nhiêu thì mình lại càng tự thần tứ thánh bấy nhiêu ; thấy người ta chiều chuộng mình thì mình lại muốn ngồi lên đầu người ta ! Không những thế, lại muốn truyền cho con cháu đời này qua đời khác, như cái gia tài riêng của mình. Đất muốn cho ai thì cho như là bán ruộng, còn dân thì làm như bọn mọi vậy.

Ta thử xem từ xưa đến nay, bất cứ vua nào, hễ cướp được nước lên làm vua thì tìm đủ cách để truyền cho con cháu cho lâu dài, mà rốt cuộc lại họ nào lâu lắm thì trăm năm, còn mấy họ vẫn thì năm mười năm thôi. Cái cuộc đó thì ở Á ở Âu gì cũng như thế cả. Nhưng mà ở Á Châu thì đến thế kỷ mười bảy, mười tám, các bậc hiền triết ra xướng lên cái chủ nghĩa dân quyền. Mấy ông vua nào hung dữ chuyên chế, phản đối lại cái phong trào dân chủ thì bị nhào cả : còn anh nào điều hòa với dân thì còn ngoắc ngoải đến bây giờ.

Về cái vấn đề này thì tôi cốt chỉ rõ cái quân trị chủ nghĩa bên Á-Đông này thật không phải là gốc tự Nho giáo. Tôi xin chỉ vẽ rõ ràng cái tư tưởng sai lầm từ xưa đến nay cho anh chị em đều hiểu.

Cứ theo cái ông triết học Âu Châu bàn về lịch sử nhân loại : kể từ loài người mới sinh, rồi làm sao mà có gia trưởng, làm sao mà có tù trưởng, làm sao rồi thành vua thành chúa ; cứ nói như thế thì mất hết thì giờ, mà

các ngài ngồi nghe cũng vô ích. Vậy cho nên tôi cứ sử Tàu mà cắt nghĩa để các ngài dễ hiểu hơn.

Tàu thì tôi cứ nói từ vua Hoàng-Đế, Vua Hoàng-Đế là một ông vua mạnh nhất ở Tàu. Từ ở núi Côn-Lôn (phía Tây nước Tàu) tràn xuống phía bắc Tàu, rồi đánh với dân bản xứ Tàu là dân Hữu-miêu ở miền Dương-tử giang, giết được tướng nó là Xuy-Vưu. Ông ta thật là một ông vua lớn của nước Tàu. Nhưng vậy mà đến khi ông Khổng Tử làm sách, ngài không muốn để tên ông Hoàng-Đế đầu, vì ông ấy thượng binh thượng võ lắm. Ngài chỉ chép từ vua Nghiêu vua Thuấn mà thôi. Vì hai ông vua ấy không có lòng gì muốn làm vua hết, chỉ bị các nước chư hầu bắt buộc, họ bầu cử lên mà thôi, cũng nổi nghiệp ông Hoàng-Đế đi đánh Hữu-Miêu, nhưng trong một tháng không được thì rút binh về để lo sửa việc học hành, dạy dỗ dân mà thôi.

Đời đó thì bày ra những là dạy dân có ngũ luân, làm ra lịch có ngày tháng, thì giờ, cho tiện người làm ruộng, đặt ra cân, ra thước, ra lường để tiện cho dân buôn bán, bày ra có áo xiêm, có lễ phục v.v... còn nhiều nữa tôi không thể kể ra đây cho hết được. Đây các ngài nghe cho rõ : cái dân tộc Á-Đông mà có Nho giáo ra là từ hai ông ấy. Nên ông Khổng xưng là « tổ thuật Nghiêu Thuấn ». Thầy Mạnh nói cũng chỉ khen Nghiêu Thuấn. Mà bây giờ ở nước ta những ông có học được một hai chữ Tàu, hễ mở miệng ra là nói đạo Nho cũng vì cái lịch sử mờ mờ đó.

Đây tôi xin nhắc lại cái đời Nghiêu Thuấn lúc đó thế nào ? – Cái đời đó vua Nghiêu Thuấn, chẳng qua là một anh thủ lãnh của đám tù trưởng ở trong dân tộc Trung-Hoa hồi đó mà thôi.

Cứ theo cái dấu tích lịch sử mà suy, thì lúc đó chư hầu nước Tàu có ít cũng là đến 15 ngàn nước ; về sau trong hai trăm năm rồi vua Võ hội chư hầu ở Đồn-Sơn còn lại một vạn nước, tính theo số đó thời đó, thì không sai sót mấy. Vậy thì cái nghi vệ và cái quyền lợi của thiên tử hồi đó ra thế nào ? Thiên tử cũng ở trong một nước nhỏ như các nước chư hầu vậy thôi, chỉ

có lập ra triều nghi để cho các chư hầu triều cống. Cái quyền to nhất là cái quyền được tế trời đất, còn chư hầu chỉ được tế những núi, những sông ở xứ mình mà thôi. Thiên tử có đi xem xét ở các nước chư hầu phải đón rước. Thiên tử được cử người lên làm quan, có tội thì phạt, có công thì cũng được phong làm chư hầu.

Vậy thì nói lược lược qua đó, anh em chị em đủ biết ông Thiên-tử cũng như ông Tổng-lý hội Vạn-quốc đời nay. Chỉ được có lễ triều cống, được cầm quyền chinh phạt, là theo cái số nhiều chư hầu mà phạt nước này thưởng nước kia.

Thương hại thay các ông học chữ Tàu, nghe nói cái tên Nghiêu Thuấn thì các ông tưởng là nhà Ngũ-phụng-lâu, cỡi xe lục long xa, tưởng là cũng ra vào hò hét như các nhà vua ta bây giờ. Nhưng mà ai có đọc địa dư hay có đi du lịch đến chốn Bình-dương Bồ-bản, thì mới biết rằng cái kinh đô của hai Ngài bằng hai cái thành con bây giờ, nghĩa là không đầy hai ba dặm vuông.

Từ đời Võ nổi vua Thuấn, truyền ngôi cho con trị những nước chư hầu lớn mà cứng đầu nhất, nghĩa là nó muốn giành ngôi Thiên tử : như là đời ông Võ thì giết Phòng-Phong, đời Khải thì giết Hữu-Hộ, đời ông Thiệu Khang thì giết Hậu Nghệ ở nước Hữu-cùng. Ấy tôi tạm đặt đó là cái thời kỳ thứ hai của Thiên tử.

Từ đó về sau đến 4000 năm, đến đời ông Kiệt. Ông Kiệt thì tôi không cần nói những cái lỗi của ông ấy ra, các ngài cũng đã hiểu rồi. Đến khi đó thì các nước chư hầu không phục ông Kiệt, mới tôn ông Thang là vua một nước chư hầu nhỏ nhất làm đầu, mà đánh đuổi ông Kiệt đi, rồi thay vào ngôi Thiên tử. Cái việc đã mấy nghìn năm rồi, có thật hay không, không biết, nhưng mà tôi cứ thuật lại mà nghe : Khi ông Thang đã được chư hầu cử lên làm Thiên Tử, thì ông cáo với dân và các chư hầu rằng : « Ông lấy cái sự đuổi vua Kiệt đó làm then, nhưng vì ông muốn cứu dân nên

phải làm ». Tuy ông nói thế nhưng chư hầu cũng cứ tôn ông lên ngôi thiên tử. Ấy là cái oai quyền Thiên tử tấn tới về bước thứ ba.

Từ sau con cháu ông đến sáu bảy vua dổi nối nhau làm vua truyền đến 600 năm. Đến đời ông Trụ, dân không phục nữa mới mất nước. Hồi ấy dân ông Trụ, ba phần thì đã hai phần phục theo ông Văn-Vương rồi, thế mà ông Văn-Vương cũng không chịu đuổi Trụ, đến đời con ông Văn-Vương là Võ Vương mới giết ông Trụ mà lên làm vua. Đến hồi đó thì trong sự đánh dẹp, thấy tập luyện cũng đã gồm ghê lắm rồi, thấy quân lệnh cũng nghiêm trang, binh giáp, cũng dữ dội, cũng lấy giết người chảy máu nhiều làm danh giá, bắt được tướng giặc thì cũng chặt đầu bêu lên, cũng đã làm cách dã man như lối bây giờ vậy. Cho nên ông Khổng Tử khen ông Văn Vương là chí đức, chê ông Võ-Vương là vị tận thiện là thế.

Từ ông Võ đến đây là hơn một nghìn năm, ông tức là vua nhà Hạ. Khi ông lên làm vua thì dưới quyền ông còn hơn một vạn nước ; đến hồi vua Thang nhà Thương đuổi vua Kiệt, thì còn mấy nước chư hầu mà không thấy sử nói đến. Đến đời ông Võ Vương nhà Chu đánh ông Trụ thì thấy chư hầu không hẹn mà tới hội được 800 nước. Vậy thì trong độ một nghìn năm mà tuyệt hơn tới 900 nước. Đời ông Võ Vương nhà Chu thì oai quyền to lắm, nên có thể nói rằng đến đời này oai quyền Thiên tử lần tới bước thứ tư.

Bây giờ tôi xin nói tóm lại : Khổng, Mạnh và Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, tức là những ông đã làm ra cái gương để cho các vua đời sau gọi là Nho giáo đó. Ta phải xem xét cái thời thế phong tục của các vua đời sau so lại với Nho giáo thì có giống chút nào không ?

Từ sau Võ-Vương giết vua Trụ, dân đã không phục, duy chỉ có đời vua Văn, Vua Võ, vua Thành, vua Khanh, thì dân phục mà chư hầu cũng phục. Đến đời vua U, vua Lệ thì dân nó nổi lên giết các vua ấy, rồi ngôi Thiên tử của nhà Chu từ đó mà mất theo. Một đoạn lịch sử tốt đẹp như Tàu từ Nghiêu Thuấn cho đến Văn Võ, thật như là cái khí mùa xuân, như là cái ánh sáng mặt trời êm ái, ai thấy mà không khen ngợi. Ai thấy mà không

ước ao. Vậy cho nên đức Khổng, thầy Mạnh nhân đó mà lập ra cái đạo để bình trị thiên hạ thì cũng phải lắm.

Lạ thay, qua đến đời Xuân Thu là nửa đời Chu thì năm nước Bá ra, chẳng cần gì đạo đức nhân nghĩa như trước cả, chỉ lấy cái giả dối thay nhau, còn Thiên tử chỉ để cái hư hiệu mà thôi. Từ lúc đó thì còn được 300 nước ; hơn một trăm năm nữa rồi chỉ còn bảy nước ; không đầy một trăm năm nữa thì rút cuộc lại thống nhất về nhà Tần.

VỀ CÁI THỜI NÀY TÔI MỚI CẮT NGHĨA CÁI QUÂN TRỊ CHỦ NGHĨA TỨC LÀ NHÂN TRỊ CHỦ NGHĨA

Ông Tần-Thỉ-Hoàng khi mới lên làm vua thì ông làm cái gì ? Ông đặt ông là vua đầu, ông truyền cho đến muôn nghìn đời về sau, ông sợ dân khôn nên ông đốt sách, ông sợ học trò chống cãi lại nên ông chôn sống học trò ; sợ để gươm giáo trong dân gian nhiều thì dân nó nổi giặc, nên ông phá ra đúc làm tượng để chơi ; phá mấy cái thành cao ; lấp mấy cái ao sâu, không cho dân dựa đó mà chống lại nhà nước. Lại tin cái câu sấm « Vong Tần dã Hồ » mà bắt cả dân già trẻ đi đắp cái vạn-lý trường-thành, khổ nào biết bao nhiêu. Cái mối loạn phát ra từ đó.

Ông làm như thế thì ông tưởng có cái gì mà sợ nữa. Ông làm ra cái cung điện A-phòng, bỏ vài ba nghìn con gái đẹp vào để chơi. Ông làm ra cái lăng Li-sơn, dài ba bốn dặm, có hàng cách đạo, trùng thành ; còn nhiều cái sang đẹp nữa. Ông lấy chữ « Trẫm » để cho một mình ông Hoàng để được xưng mà thôi.

Đời xưa hễ xưng « hoàng » là « hoàng », xưng « đế » là « đế » khi trước đạo nho lấy « vương » là quý, ông chỉ để phong cho đầy tớ mình mà thôi,

Sung sướng dạng bao nhiêu, chưa đầy 13 năm đã bị thằng Triệu Cao nó giết, rồi thiên hạ lại vào tay nhà Hán, quân chủ lại vào tay chuyên

chế khác nữa.

Đó ! xin các ngài nghe rõ một khúc này nữa. Nay những ông nho học ở nước ta, các ông yêu mến đạo Nho mà các ông ghét nhà Tần biết bao nhiêu ; vì các ông thấy nhà Tần bội đạo Nho. Nhưng mà vua của các ông có xấu thế nào các ông cũng cứ ví với Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, chứ không khi nào các ông ví với vua Tần. Nhưng mà các anh em thử nghĩ xem – vua mà xưng « Trẫm » là theo đạo Nho hay là theo Tần ? Vua mà xưng là « Hoàng đế » thì theo đâu ? Vua mà có luật giết ba họ người thì có phải theo Tần không ? Vua mà dâm dục ở trong cung với hàng trăm hàng nghìn cung nữ, có phải là bắt chước theo Tần không ? Vậy mà ông vua nói mình theo đạo Nho, tự ông nói vậy là phải ; các quan nịnh theo vua thì họ nói theo cũng là phải đi, bọn đó không kể, còn ông đồ già cũng ran gân cổ lên mà cãi rằng :

Vua mình theo đạo Nho !

Triều đình mình sùng đạo Nho !

Nước nhà mình theo đạo Nho !

Dân mình theo đạo nho !

Vậy thì đạo Nho ở đâu ?

Do nhà Hán đến nhà Đường, do nhà Đường đến nhà Tống, do nhà Tống đến nhà Nguyên, do nhà Nguyên đến nhà Minh, do nhà Minh đến nhà Thanh, nghĩa là trong độ 2200 năm đó, cách chính trị của nhà Hán cũng không có gì rộng rãi công bình ; nhưng Hán cũng còn hơn Đường, Đường cũng còn hơn Tống, Tống cũng còn hơn Nguyên, Nguyên cũng còn hơn Minh, Minh cũng còn hơn Thanh. Xét cái lịch sử quân chủ ở Á-Đông này thì chúng ta biết rằng từ Tần-Thỉ-Hoàng về sau, các nước nói theo đạo Nho đó kỳ thật không có thi hành một chút đạo Nho nào, chỉ còn sót lại một hai điều ở trong gia đình mà thôi. Kỳ dư là những điều mấy ông vua chuyên chế dựa vào đạo Nho để đè nén dân.

CÁCH CHUYÊN CHẾ Ở Á ĐÔNG KHÉO HƠN ÂU CHÂU THẾ NÀO ?

Vua Âu Châu ở xứ Thượng võ, cho nên làm cái gì cũng hung hăng mà ngay thực, cho đến sự độc ác cũng vậy.

Lúc trước muốn đè nén dân thì phải thông đồng với Giáo hội, bày đặt ra nói ông vua là ông Thần Trời, thay mặt cho Thần Trời, hay là Thần Trời hóa thành ra ; nghĩa là ông vua không phải một loài với dân thì dân phải tôn kính ông vua. Nhưng mà những cái lễ đó là can cùng giả dối, chỉ có phỉnh dân ngu được một lúc mà thôi, cho nên sau rồi ở Âu Châu cái dân quyền càng mạnh chừng nào thì quân quyền càng xếp lại chừng nấy. Vua Á-Đông thì họ không làm như thế. Họ lựa ở trong cái lời nói của ông Khổng ông Mạnh, hoặc ở trong sách cổ những câu nói có nhiều nghĩa để họ dựa vào đó, lập ra pháp luật để bó buộc cai trị dân ; cái ngôi vua thì gọi là con Trời, nhưng họ cũng cứ xưng họ là người, chẳng những họ không đứng ra ngoài cái hàng bà con của dân mà họ lại đứng vào cái hàng thân thiết của dân, như là ta nói « quân, sư, phụ », lại thường nói « vua, cha, chồng ». Dù ở chỗ hương thôn dốt nát không biết ông vua là thế nào nhưng mà họ thấy đứng vào hàng cha, thầy, chồng, thì họ cũng cho vào đám thân thiết. Dân ngu thì họ cứ kính, cứ yêu, chứ họ có biết đâu đến hồi giận của ông vua thì ông giết cả ba họ người ta. Mà còn ông cha, ông thầy, ông chồng, thì có làm ích cho ta, chứ có khi nào làm hại làm ác như thế. Còn khi cha mẹ ta đẻ ta ra thì đói, no, sống, chết, thế nào cũng ở trong tay cha mẹ ta, nào ông vua có biết đến đâu. Thế mà đến hồi tuổi ta lông lộn lớn lên thì đánh một tiếng là « tôi trời con vua ». Ông vua muốn cho ta sống thì được sống, ông vua muốn cho chết thì phải chết, ta không có thể chối cãi lại được là nghĩa lý gì ?

Dân bên Âu Châu thượng võ, cho nên dòng quý tộc chư hầu phải có võ công mới lên được, mà đã lên được thì khó mất lắm. Còn bên Á-Đông này, cái cách quý tộc lại chuộng thi văn, mà trong thi văn đó ai đậu mới

được làm quan, ai không đậu thì thôi, bên quan võ thì chỉ có hồi có giặc hay là hồi khai quốc mới có người tài thật, kỳ dư thì võ chức chỉ là để thưởng cho những người dốt nát. Thí dụ như một người đi lính, dù dốt nát mấy nhưng mà đi lính từ 20 tuổi đến 50 tuổi, thì thế nào cũng lên được chức lãnh binh, đề đốc, hưởng được cái mùi phú quý ít năm, nghĩa là mình ăn ở miễn sao cho người ta đừng ghét là được. Ấy là cái mưu quân chủ rèn tập cái trí dân ở Á-Đông làm cho khờ khĩnh. Ta thí dụ nước ta đã mất mấy mươi năm rồi, mà đến kỳ thi ai cũng khí khúm lo cho đậu được một chút mới thôi. Hễ đậu được thì cho là mồ mả ông cha có phúc. Còn người có thể hay là có tiền thì cũng vác đi lo làm quan, cũng kiếm một cái hư hàm. Chứ chúng ta đi ra Hà-nội, ra Huế, ta thấy những là bọn mang thẻ bài ngà nó đi đụng đầu với nhau, còn một bọn thì đang vác tiền đi lo, thì ta cho là một bọn điên cuồng ngu dại, ta không biết cái óc chúng nó ra thế nào, nhưng mà ta biết rằng cái giống đó là giống đã gieo mầm từ các đời vua trước đã mấy nghìn năm rồi.

Nói tóm lại, cái cách chuyên chế ở Á-Đông này là tôn lên mấy lời tà thuyết, như là câu « lọt lòng mẹ ra phải chịu cái nghĩa vua tôi ». Nhưng mà ta có biết rằng « quân thần dĩ nghĩa hiệp » là nghĩa làm sao ? Vậy cho nên có người họ chán, họ bỏ đi ở ẩn, thì bọn chuyên chế nó lại lập ra cái luật « hữu tài bất di quân dụng » nghĩa là có tài mà không cho vua dùng, nó lập ra cái luật « yêu quân », nghĩa là nể vua, để mà phạt bọn người ấy. Nó sợ rằng dân biết chính trị nhiều thì dân nổi lên cách mạng, cho nên nó cấm học trò và dân không được nói đến chính trị. Hết thấy những cách chuyên chế đó, nghĩa là họ bảo dân rằng : « Mày muốn làm gì làm, nhưng đừng động đến cái ngôi vua của con cháu tao ».

Có hay đâu giữ khéo thì dân trong nước không động đến ngôi vua của con cháu họ thật, nhưng mà ngoại quốc đến lấy thì dễ như hơi, bởi vì dân nó ngu ! Nó không biết nước là cái gì cả. Ta thử xem gương nhà Tống trước mất với nhà Liêu rồi sau mất với Kim, rồi sau mất với Mông-Cổ ?

Còn nhà Minh thì mất với Mãn Châu, Cao-Ly thì mất với Nhật, Việt-Nam thì mất với Tây.

Thường hại thay trong hai nghìn năm các nhà vua chẳng ngó cho đến cái lợi của dân tộc, chỉ lo tính toán mà đè nén cái trí của dân, để mà giữ chặt cái chìa khóa tử sắt ngôi Thiên tử cho con cháu mình. Nhưng mà có hay đâu, dân đã ngu nước phải yếu, vua quan lại nghênh ngang tham nhũng nữa, như thế tất loạn, loạn thì ngôi vua mất. nếu dân ngu quá, yếu quá, không đủ giấy loạn được, thì các nước khác nó tràn vào ấy là cái lẽ tự nhiên, làm gì thế nào cũng không khỏi mất. Cho nên xưa nay cái ngôi vua thay đổi luôn, cũng như cái ghế hạng nhất ở rạp hát vậy.

CÁI QUÂN CHỦ LỢI HẠI THẾ NÀO ?

Vậy bây giờ ta tóm lại để coi cái lợi hại về quân chủ ra thế nào, thì ta thấy bất câu là Á, là Âu, là xứ nào, dân tộc nào mà lập thành nước để đến bây giờ, là đều nhờ những anh hùng hào kiệt đời xưa, họ ra cầm đầu cho dân, ngoài thì đối phó với các dân tộc khác, trong thì sửa sang lại việc hòa bình ở trong nước. Những cái công đức của các ông đó ta cũng nên khen ngợi, đáng ghi nhớ, chứ không phải không. Còn cũng có dòng dân, trước còn đứng được, sau lại không có anh hùng hào kiệt đứng ra chống chọi, thì lại bị nước khác nuốt mất. Xem vậy thì cái lợi của quân chủ ở đời thượng cổ, quý không gì bằng. Tuy các ông cũng có mưu về lợi riêng, nhưng chúng ta cũng có thể tha thứ cho được. Còn cũng có một cái dịp dùng cái quyền quân chủ rất tốt, như nước Nhật, nước Xiêm, khi người Âu-Châu mới qua thì dân còn ngơ ngáo không biết gì, thế mà nhờ trên có ông vua anh hùng, dưới có các quan tài trí, đem đường chỉ lối cho dân tấn tới lại càng mau. Vậy thì cũng là một sự hay. Còn từ đó sắp sau, chỗ nào dân không thể nhờ được dịp đó thì cái quân chủ chỉ là một đồ vô dụng.

Ta xem bên Tàu 30 năm trước, vua Quang-Tự đã hạ chiếu duy tân, vì có một người thiếp của cha, mê trai tham của, không chịu thay đổi chính trị, chẳng những làm cho dòng vua Mãn-Châu mất, mà còn làm cho Tàu

đến nay hãy còn khốn đốn. Vua Cao-Ly, bên vợ thì duy tân, bên cha thì thủ cựu, đánh nhau mãi, giết nhau mãi, rốt cuộc lại, cha mẹ thì bị ở tù, vợ thì bị giết, mình thì hai tay bưng nước đưa cho Nhật, rồi bị cách chức.

Nhắc qua đến ông vua nước ta là ông Tự-Đức mà đến bây giờ mấy anh quan già và mấy anh đồ già còn ca tụng là « thánh nhân », khi người Tây mới qua, quan binh thì cũng có như ông Nguyễn-tri-Phương, ông Võ-trọng-Bình xin đánh, mà nói có muốn đánh thì phải xuất tiền đi ngoại quốc mua súng ống về mới có thể đánh được. Nhưng mà ông vua ấy có tính thương tiền tiếc bạc, cứ muốn chôn dưới đất, chẳng muốn đem mua cái gì cả, ông trả lời với các quan binh rằng : « Các anh muốn đánh thì đánh, nhưng mà nếu các anh không hơn thì các anh mới để mẹ con trẫm vào đâu ? ». Làm ép cho mấy ông quan võ như là ông Võ-trọng-Bình bỏ về, còn ông Nguyễn-tri-Phương để cho Tây bắt, rồi không ăn mà chết. Cũng có người học thức như ông Nguyễn-trường-Tộ, khuyên vua dạo qua bên Tây, xem xét cái văn minh của họ rồi cho người qua học ; các quan văn cũng có nhiều người xin thế, mà ông vua trả lời rằng : « Nhật nó là dòng mọi, Xiêm nó là dòng mọi ; mọi thì nó học với dòng mọi được, chứ còn ta là con thần cháu thánh, lẽ nào ta lại đi học với mọi hay sao ? ».

Thôi ! Tôi không đoán cái hay cái dở của ông vua đó để các ngài nghe rồi các ngài sẽ đoán xét các ông vua đó là ông vua gì. Mẹ con ông ấy chết thì có chỗ chôn còn mẹ con hai mươi triệu bơ vơ đến bây giờ đó thì làm sao ? Bọn mà ông cho là mọi rợ thì bây giờ nó đã tấn tới hết cả. Hai mươi triệu khi xưa không đến mọi rợ mà bây giờ chẳng những hóa ra mọi ; mà lại hoá ra tôi đòi hèn hạ nữa !

QUÂN TRỊ TỨC LÀ NHÂN TRỊ (người trị người)

Đây hãy nói tóm lại quân trị tức là nhân trị, Quân trị chủ nghĩa tuy có pháp luật mặc lòng, nhưng mà pháp luật cứ tự tay ông vua lập ra, chứ còn dân thì không biết gì hết. vậy cho nên khi nào gặp một ông vua thông minh anh hùng, hiểu được cái sự quan hệ giữa dân với nước là thế nào, mà

trường trị lũ quan tham, lại những, để cho dân được yên lặng làm ăn, thì dân giàu nước mạnh, mà cái thì giờ của vua sống được bao nhiêu thì nước còn được thái bình bấy nhiêu.

Còn đến mấy ông vua hôn ám thì ông sống với đàn bà con gái, với bọn hoạn quan, còn biết gì đến nước, trao chính quyền vào trong tay mấy đứa nịnh thần, người đã hư thì nước cũng đổ thôi. Cho nên ông Khổng Tử có nói rằng : « Văn Võ chi chính bố tại phương sách, kỳ nhân tồn tắc kỳ chánh cử, kỳ nhân vong tắc kỳ chính tức » nghĩa là cái chính trị vua Văn vua Võ còn chép trong sách có người chính trị giỏi thì cái chính trị trong sách đó mới hành ra, nếu không có người giỏi thì cái chính trị ấy mất. Tuân Tử thì nói rằng : « Hữu trị nhân, vô trị pháp » nghĩa là có người ra làm hay, chứ không có cái pháp luật nào hay được. Ông mạnh thì kiêm cả hai ông mà nói rằng : « Đồ thiện bất túc dĩ vi chính, đồ pháp bất năng dĩ tự hành » nghĩa là có người giỏi mà không có pháp luật thì cũng không làm được chính trị ; có pháp luật mà không có người giỏi thì pháp luật cũng không tự làm lấy được.

Mấy nghìn năm nay, mấy ông vua giỏi, tướng giỏi hết sức mà tránh cho khỏi cái chữ quân trị là nhân trị, nhưng mà không được, vì là lập phép này phép kia cũng tự tay vua, đến khi đạp đổ đi cũng tự vua.

Ấy tôi nói những ông vua biết lo mà chữa cho khỏi chữ nhân trị là từ đời Tống, đời Đường sắp lên, những ông vua hiền, minh thì thế. Còn từ đó sắp xuống thì chuyên chế quá lắm. xem như ông Minh Thái-Tổ đặt ra cái luật « hữu tài vi quân dụng » nghĩa là đặt ra cái luật lệ hễ ai có tài mà không ra cho vua dùng là có tội. Ấy là để bắt người ta phải ra cho mình áp chế hết cả, chứ không cho ai ở ẩn nữa. Về đời Càn Long lại đặt ra luật « yêu quân » nghĩa là có tài mà buộc vua phải cầu cạnh mình thì có tội. Những cái luật đó thì còn có ích gì cho dân tộc, cho nhà nước đâu, chỉ là sướng cho óc kiêu ngạo, làm cho sướng cái xác thịt của ông « hoàng đế » đó thôi.

Vua đời xưa thì còn cầu hiền hạ sĩ, chứ vua đời sau thì cứ nằm ngửa đó, thằng nào có tài mà không ra cho tao dùng thì tao bỏ tù, thì còn gì sang trọng hơn nữa !

Từ nãy đến giờ tôi nói về cái lịch sử và triết học quân trị là nhân trị. Đây tôi xin chỉ thêm vài cái chứng thật cho anh em dễ hiểu. Nhân trị nghĩa là cai trị một cách rộng rãi hay là nghiêm khắc chỉ tùy theo lòng vui, buồn, thương, ghét của một ông vua mà thôi, pháp luật tuy có cũng như không.

Thí dụ như ông Gia Long lấy cái luật của đời Gia-Long nước Tàu để trị dân Việt Nam ; trong cái luật đó nói rằng : « phi quân công bất hầu », nghĩa là không có công đánh được giặc thì không phong tước hầu. Vậy thì ông Nguyễn-văn-Thành phong tước hầu, và làm đến trung quân, chẳng qua là ông Gia-Long có cái lòng công bình mà xét cho cái công trạng của ông ấy theo đánh giặc từ nhỏ đến lớn. Sao tôi dám nói vậy ? Bởi vì sau đó con ông Thành có làm một bài thơ chơi, nghĩ cũng chẳng tội lỗi gì, mà ông Gia-Long ông giết tới ba họ. Như vậy chẳng qua là khi cơn giận của ông lên thì ông giết, chứ có pháp luật gì đâu !

Tôi nhắc qua một cái tích của ông Tự-Đức mà tôi đã nói trên kia. Năm Tự-Đức thứ 25, dân Trung-Phần chết đói, nhà nước đã lo phát chẩn được một tí rồi, các quan lại xin trích tiền thuế trong các tỉnh, các phủ huyện, để trữ lại trong xã thương các làng, phòng năm khác dân có đói chẳng ; thì ông ta cho phép dân được đem tiền đem lúa ra nạp quyên mà lấy chức bá hộ, bát phẩm, cửu phẩm, Nhưng mà dân nói đói quá có lúa có tiền đâu mà quyên. Ông xuống dụ các quan cho dân quyên chịu đã, nghĩa là số quyên một lần một nghìn quan tiền cứ đóng trước đi 300 quan rồi phát bằng cho đã, chừng nào đóng đủ số tiền đó thì sẽ phong sắc cho. Còn tiền đóng thì cứ để lại cho làng ấy. Cái dụ xuống nói rõ ràng như thế. Cách một năm thì thấy cái dụ khác kể hết tiền chưa đóng và đã đóng rồi, bắt phải đem hết ra tỉnh để cấp cho lính đánh giặc. Tỉnh sức xuống phủ huyện, phủ huyện sức xuống các làng. Dân trả lời rằng vua cho phép quyên chịu, chứ không

bắt đóng ngay, năm nay mất mùa dân không chịu đóng, làm gì nó cũng không có mà đóng. Quan tỉnh tư bộ, bộ tâu vua, vua buộc phải làm tội hết những dân ấy. Nhưng mà trong luật Việt-Nam, những cái luật tiền bạc thuộc về dân qua lại với nhà nước thì ít thấy lắm, các quan không biết theo mặt luật gì mà làm án, phải tâu lên vua hỏi phải làm án gì, thì vua bắt làm theo luật « thượng thư bất dĩ thật », nghĩa là chiếu theo cái luật các quan dâng thư cho vua nói về chính trị mà không thật. Quan bộ cứ đó mà làm tội. Đến khi tư về các tỉnh, người thì 6 năm, người thì 8 năm, người thì 12 năm tù. Gia dĩ đang khi đói khát cha xa con, vợ bỏ chồng, tưởng quyền cái bát cửu phẩm để lấy làm vui hay đâu không được vui mà lại phải ở tù. Thế nên cả nhà, cả họ ai cũng lấy làm đau lòng xót ruột. May đâu cái án đó đi đến Quảng Ngãi, gặp một ông án sát, ông ấy thì giỏi luật lệ, mà có lòng thương dân, lo việc nước (ông ấy là người Bến-Tre về tỉnh Vĩnh-Long, tên là Nguyễn-Thông, hiệu là Kỳ-Xuyên, sau lục tỉnh mất thì ông chạy ra Phan-thiết). Ông ấy cứ từ câu bẻ hết cả cái án, rồi ông gửi lại cho bộ, ông nói rằng : « Cái vụ này là chỉ có vua với quan đối dân, chứ dân không nói dối ai chút nào cả. Còn chiếu theo luật « thượng thư bất dĩ thật » thì không đúng vào đâu cả ». Ông Tự-Đức biết mình lỗi, nhưng mà mắc cỡ, xui cho người khác kiện ông Nguyễn Thông, rồi cách chức ông đi, muốn trị tội nặng. Nhưng dân Quảng Ngãi và dân các tỉnh hết sức bênh vực cho ông ta, cho nên cũng chẳng làm hại ông được, chỉ đuổi ông ta đi mà thôi.

Đây nói lược qua một hai điều cho các ngài nghe chứ tôi kể hết cái sử Tàu và Việt-Nam thì mấy ngày cũng không hết.

NÓI QUA DÂN TRỊ CHỦ NGHĨA

Nay khắp cả thế giới những nước nào đã theo kịp được một ít văn minh Âu Châu, hay là hiểu được một ít tư tưởng tự do, ngôn luận tự do, thì ai cũng hiểu được cái tiếng dân chủ là thế nào, hay là dân trị là thế nào.

Bên Âu Châu có mấy nước quân chủ mặc lòng, nhưng nước nào cũng có đảng dân chủ ở trong thượng hạ nghị viện cả. Duy có nước ta thì

như trong lục tỉnh này thuộc với Tây đã hơn 60 năm, cái chữ « République » thì nói luôn trên miệng, nhưng mà chẳng tìm kiếm nghĩa lý ra thế nào, so sánh với quân trị chính thể của nước ta ra thế nào ! Ấy là nói những người có ăn có học, ý tôi xem hình như các ngài đoán trước rằng có quân chủ là hơn. Còn nhất là dân nhà quê, chẳng những là không biết dân chủ là gì, mà đối với vua thì thờ trên đầu như thờ Thần thờ Thánh ; chẳng những không dám nghĩ đến sự « phải có hay là không » mà như hình có ai nghĩ đến việc đó thì phải bị sét đánh, đá dẫn, voi chà, ngựa xé.

Khi nào nghe nói bất luận là ông vua nào, nghe qua thì trong lòng đã vui mừng hơn hở, nghĩa là ông ấy chắc là mình trông cậy được ; rất dở là mới đây việc thăng Phan-xích-Long còn xảy ra trong xứ này. Vậy mới biết rằng cái độc quân chủ vào trong óc dân ta sâu quá, mà cái trình độ của dân ta cũng thấp quá, chỉ một người mà nói : « Mày phải trung thành với người này, phải kính người này », thì nó mới hiểu. Mà nếu cứ nói ra cái tên nước Việt Nam mà rằng : « Ấy là nước ông cha mày, mày phải thương », thì tay nó không rờ được ; mắt nó không trông thấy được, thì nó không thể làm thế nào mà nó thương được. Vậy thì cứ trừ ra một cái nhà, một cái vườn, vài mẫu đất nội chỗ con mắt nó thấy đó thì nó thương mà thôi. Đã mấy năm nay tôi thường thấy nhà báo hay nhà diễn thuyết, hễ mở miệng ra thì nói nước có hai mươi triệu quốc dân, trong cái giọng nói thì hình như có danh giá, có sự khoe khoang, có sự tin cậy.

Nhưng mà có hai mươi triệu ai cũng biết có nhà mà không biết có nước, như thấy trong cái nhà nào trong lúc rủi ro có 5, 3 thằng con trai bị chết tuyệt tự, hay nhà nào nhiều ruộng đất mà bị kiện thưa, hay là bị con ham cờ bạc, thì xúm lại nói ồn ào khắp dân gian, cho là việc quan hệ nhất ở trong xứ này. Còn nói đến việc « mất nước » thì chẳng ai mơ màng vào đâu. Một dân tộc mà nó đối với nước lơ láo lặt lẻo như thế cũng khốn nạn thật ! Dân như vậy mà muốn bỏ vua đi mà lập ra dân quốc, chắc trong các ngài có ông cũng lấy làm lạ. Nhưng mà tôi nghĩ rằng vì cái độc quân chủ nói giết hấn cái lòng ái quốc của dân tộc Việt-Nam ta, bây giờ muốn cho

dân Việt-Nam ta biết nước là của chúng nó, thì phải đem cái tội bù nhìn đó
ất hết cả đi, thì nó mới có thể tìm kiếm cái nước đó là nước của ai. Mà nói
giống ta thông minh có lẽ một ngày kia sẽ gặp thấy rằng ở trong cái miếng
đất mấy nghìn năm lưu truyền lại đây, cái quyền lợi của nó hãy còn nhiều,
cái quyền phép của nó cũng có nhiều ; rồi nó sẽ hiểu rằng xưa nay người ta
mà gọi rằng vua quan đó, chẳng qua là người thay mặt làm việc cho nó, nếu
làm không xong thì nó đuổi đi cũng không có lỗi gì.

Khi nào dân đã hiểu như thế thì nó mới biết thương nước. Mà nó có
biết thương nước thì một ngày kia mới mong tự do độc lập được, chứ
không thế thì cứ đời đời làm tôi mọi mãi.

SAO GỌI LÀ DÂN CHỦ ?

Câu này ở Âu-Châu thì không cần phải cắt nghĩa cho nhiều, nhưng
mà ở trong xứ mình thì tôi cắt nghĩa mau mau để cho người ta hiểu cái đại
lược.

Lịch sử - Bất cứ là dân nước nào, số người học thức cũng là phần ít
cả, thường thường nhờ cái đảng thượng lưu, trung lưu dìu dắt nó đi, ấy là lẽ
thường. Nhưng mà duy có dân Âu Châu khác với dân ta có một việc : là từ
khi bắt đầu mới khởi ra thì họ cũng sùng trọng quân chủ. Nhưng không biết
thế nào đến hồi nước Hy-Lạp họ lại có cái hội gọi là hội Trưởng giả hội
nghị, thì do ông vua nhóm họp lại những bọn quý tộc mà lập pháp luật ban
cho dân ; lại có một cái hội tên Quốc dân Hội nghị, phàm những luật lệ mà
ông vua cùng những người quý tộc đặt ra thì phải giao cho hội ấy xem có
bằng lòng thì mới được làm. Sau đến nước La-Mã thì có hội nghị « Một
trăm người » thì lấy trong quân lính mà sắp đặt ra hội ấy, phàm xứ ấy có
việc gì lôi thôi thì hội ấy bàn. Còn sau đến hồi dòng vua La-Mã mất rồi, thì
có một cái hội « La-Mã nguyên lão viện », lại một hội « La-Mã bình dân
viện ». Cho nên sau khi La-Mã đổi làm đế quốc chuyên chế mà cái phép
La-Mã cũng phát đạt luôn luôn. Bây giờ các nước đâu đâu cũng bắt chước
La-Mã cả.

Trong một lối từ khi mọi Nhật-nhĩ-man tràn xuống phá La-Mã đế quốc, các nước Âu Châu được độc lập hết cả, thì cái chính thể hội nghị ấy đã mất đi đến mấy trăm năm.

Lạ lòng thay người nước Anh còn giữ lại được những cái hội gọi rằng « Nhân dân hội nghị », « Hiền giả hội nghị », hai hội ấy đều là vua nhóm những kẻ tài trí trong dân gian để giao cho cái quyền « lập pháp ». Đến nay thành ra cái hạ-nghị-viện của Anh bây giờ, mà đến thế kỷ thứ mười tám, lại truyền bá ra cả lục địa Âu-Châu. Ấy là nói lược qua cái lịch sử dân quyền Âu-Châu.

ĐÂY TÔI XIN NÓI QUA CHÍNH THỂ DÂN CHỦ LÀ THỂ NÀO

Bây giờ bên Âu Châu, trừ nước nào dân còn ngu dại, còn thì đều theo chính thể dân chủ.

Đây tôi nói về cái chính thể bên Pháp. Ở trong nước có một Hạ nghị viện là viện quan hệ nhất. Số nghị viện thì trên dưới sáu trăm. Dân đúng 21 tuổi trở lên thì ra bầu cử. Dân 25 tuổi trở lên thì được ra ứng cử. Được cử rồi thì gọi là Hạ-nghị-viện. Cái số phận của nước Pháp cầm ở trong tay cái hội ấy ; hội ấy thì chủ quyền để lập pháp luật. Thứ nữa có một Nguyên lão nghị viện. Cái viện ấy lại không phải dân cử. Các hội đồng ở các tỉnh, các hội nào mà nhà nước đã nhận cái nhân cách, và những người làm việc như nhà nước thì được ra ứng cử. Hội ấy để coi về việc tiền bạc.

Khi nào bắt đầu đặt Tổng Thống, nay là thiếu mà đặt lại, thì hợp số người trong hai viện ấy lại mà bỏ thăm. Người ra ứng cử cũng là ở trong hai viện ấy. Ai được nhiều thăm thì làm Tổng thống. Khi Tổng Thống đã được bầu cử rồi, thì phải thề trước mặt hai viện ấy rằng : « Cứ giữ theo hiến pháp dân chủ, không phản bạn, không theo đảng này chống đảng kia, cứ giữ công bình, nếu có làm bậy thì dân cứ trục xuất ngay ». Trước thì có Mac Mahon, sau thì có Millerand bị cách chức, cũng vì phạm hiến pháp.

Còn chính phủ thì cũng bởi trong hai viện ấy mà ra. Nhưng mà giao quyền cho đảng nào chiếm số nhiều ở trong hai viện ấy thì được tổ chức Quốc vụ viện (tức là chính phủ, tòa Nội-các). Theo quốc vụ viện bây giờ, chừng đâu cũng đến vài chục bộ, nhưng mà không phải ăn rồi ngồi không, vênh vênh râu lên đó như mấy ông Thượng thư ta đâu. Ông nào cũng có trách nhiệm ông ấy cả. Nếu cái gì mà làm không bằng lòng dân, thế nào cũng có người chỉ trích. Bởi vì ở trong hạ-ngị-viện thế nào cũng có hai đảng, một đảng tả, một đảng hữu ; nếu cái đảng tả chiếm số nhiều mà cầm quyền trong nước, thì đảng hữu xem xét chỉ trích, cho nên có muốn làm bậy cũng khó lắm.

Trong nước đã có hiến pháp, ai cũng phải tôn trọng hiến pháp. Cái quyền Chính phủ cũng bởi hiến pháp qui định cho, lười biếng không được, mà dầu muốn áp chế cũng không chỗ nào thò ra được. Vả lại khi có điều gì phạm đến pháp-luật, thì người nào cũng như người nào, từ ông Tổng Thống cho đến một người nhà quê cũng đều chịu theo một pháp luật như nhau.

Các quan chức về việc cai trị chỉ có quyền hành chính mà thôi, còn quyền xử đoán thì giao cho các quan án là những người đã học giỏi luật lệ, có bằng cấp. Các quan án thì chỉ coi về việc xử đoán. Có quyền độc lập, cứ theo lương tâm công bình, chiếu theo luật pháp mà xử, xử Chính phủ cũng như xử một người dân. Các quan án ở về một viện riêng, gọi là viện tư pháp.

Quyền tư pháp cũng như quyền hành chính của Chính phủ, và quyền lập pháp của nghị viện, đều đứng riêng ra, không hiệp lại trong tay một người nào.

Đây là nói sơ lược mà thôi, muốn hiểu kỹ cái chính thể dân trị thì phải chuyên môn mới được.

Xem vậy thì biết dân trị tức là pháp trị (lấy phép mà trị người). Vì rằng quyền lợi và bổn phận của mọi người trong nước đều có pháp luật chỉ

định rõ ràng, không khác gì là đã có đường gạch sẵn, cứ trong đường ấy mà đi tự do, muốn bước tới bao nhiêu cũng không ai ngăn trở, chỉ trừ khi nào xâm lấn đến quyền lợi của người khác thì không được. Vì đối với pháp luật thì mọi người đều bình đẳng, không có ai là quan ai là dân cả.

So sánh hai cái chủ nghĩa quân trị và dân trị, thì ta thấy chủ nghĩa dân trị hay hơn cái chủ nghĩa quân trị nhiều lắm. Lấy theo ý riêng của một người hay là của một triều đình mà trị một nước, thì cái nước ấy không khác gì một đàn dê được no ấm vui vẻ hay là phải đói rét khổ sở chỉ tùy theo lòng của người chăn. Còn như theo cái chủ nghĩa dân trị, thì tự quốc dân, lập ra hiến pháp luật lệ, đặt ra các quan để lo việc chung cả nước ; lòng quốc dân muốn thế nào thì làm thế ấy. Dù không có người tài giỏi làm cho hay lắm, cũng không đến nỗi phải đề đầu khốn nạn làm tội mọi một nhà, một họ nào.

Xét lịch sử xưa, dân nào khôn ngoan biết lo tự cường tự lập, mua lấy sự ích lợi chung của mình, thì càng ngày càng bước tới con đường vui vẻ. Con dân ngu dại, cứ ngồi yên mà nhờ trời, mà mong đợi trông cậy ở vua ở quan, giao phó tất cả những quyền lợi của mình vào trong tay một người, hay là một chính phủ muốn làm sao thì làm, mà mình không hành động, không bàn luận, không kiểm xét, thì dân ấy phải khốn khổ mọi đường.

Anh chị em đồng bào ta đã hiểu thấu các lẽ, thì phải mau mau góp sức lo toan việc nước, mới mong có ngày cất đầu lên nổi.

Khóc cụ Phan-Chu-Trinh

Năm 1926 cụ Phan-Chu-Trinh mất ở Sài-gòn. Toàn thể đồng bào từ Bắc chí Nam đã tỏ nỗi lòng và thái độ trước cái tang của cụ ra sao ?

Tuy đã lâu rồi, nhưng hẳn chúng ta ngày nay không mấy người đã quên - mà quên làm sao được, cái tang ấy đã ảnh hưởng đến cách mạng Việt-Nam không nhỏ, đã phát sinh ra những cuộc biểu tình, bãi khóa, mà trong những cuộc đó, không biết bao nhiêu người đã bị chính quyền thực dân và Nam triều đưa đi các nhà pha, và các trại tập trung vì cái tội đã dám tưởng nhớ đến một nhà ái quốc, mà nhà ái quốc này lại đã từng sống ở Pa-ri để đem những văn minh của kinh thành ánh sáng này về gieo cho đồng bào đồng chủng.

Ở phần « Phú và Văn Tế » chúng tôi đã lục hiển các bạn trong tập này bài văn tế của cụ Phan-bội-Châu làm thay mặt đồng bào Huế khóc cụ Phan-chu-Trinh.

Nhưng uy tín của cụ Phan-chu-Trinh không phải chỉ có trong giới thức giả và học sinh, mà ngay cả với các anh em thợ thuyền nữa.

Những anh này đối với cụ ra sao ?

Chúng ta hãy xem bài này là diễn văn của nhân viên Ba-Son (Saigon) đọc hôm đám tang cụ ngày 4 tháng 4 năm 1926.

Thưa quý bà, quý ông,

Hôm nay là ngày vĩnh biệt của Phan đại-nhân, là người chí sĩ Việt Nam ; trước huyệt đây, tôi xin thay mặt cho một nghìn công nhân lao lực mà kính điệu đôi lời thỏa lòng hoài ái.

Vẫn bọn chúng tôi bề học thức ít ỏi, nhưng mà cũng đủ trí cân phân điều hơn thiệt, cũng biết người cang-liệt vị quốc vong xu mà mến đức.

Hỡi ơi ! Tiếc thay ! Tự bấy lâu chúng tôi ái mộ danh ngài, mà ngày nay đã hết trông thấy mặt.

Ngài ơi ! Trải mấy năm lao khổ chưa phỉ ước nguyện, sao ngài vội tách theo miền dị lộ ; một gánh non sông oằn oại, ngài đã đành trao lại cho hậu sinh.

Gương trung nghĩa ấy chúng tôi xin noi dấu, ráng chăm nom cho Pháp Việt đề huề, sẽ dìu dắt nhau theo nẻo văn minh, chi kịp thời kịp thế.

Ôi ! Miệng lằn lưỡi mỗi trời ai, chúng tôi nguyện giữ phận làm người giỏi đạo đức cho nên giá trị. Nào ai là kẻ xui mưu làm loạn ? Nào ai muốn khuấy rối nước nhà ? Hễ đứng làm người trên thế thì lẽ tự nhiên khao khát sự mở mang, trông mong điều công ích. Nhất là bọn chúng tôi, trong chỗ sinh nhai phải chịu đồ khổ, lao động, cháy da phỏng trán, đoạn nổi rủi ro phải mang tật nguyên, thì chúng tôi còn ca tiếng kêu nài công lý hơn nữa.

Bốn mươi triệu đồng bào của Jaurès tiên sinh có biết cho chúng tôi chẳng nhỉ ?

Anh em tâm huyết ta ôi ! Đường hãy còn nhiều nổi chông gai, vậy thì đồng bào ta vịn lấy nhau noi dấu tiền hiền, cho người quá vãng ngậm cười nơi cõi thọ.

Trước mộ phần, tôi cúi lạy đại-nhân, Phan chí sĩ hồn linh xin chứng.

Diễn văn đọc trước viện dân biểu Trung kỳ ngày 1-10-1928

Theo hòa ước năm 1884, Trung-kỳ thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp, nhưng nội chính do Nam triều chủ trương. Chính bọn đầu xỏ thực dân Pháp vẫn thường nhắc đến hòa ước này và tuyên bố trái lại những điều khoản đã ghi là làm mất danh dự nước Pháp.

Tốt vậy thay ! – Cũng như việc thành lập ra viện dân biểu theo miệng chúng là để cho người dân được bày tỏ ý kiến lên nhà nước, cho đường lối chính trị được một ngày một chỉnh đốn cho hợp với nguyện vọng của nhân dân bản xứ.

Song trên thực tế có đúng như vậy không, dù chỉ là một phần trăm hay phần ngàn ?

Để trả lời câu hỏi trên một cách xác đáng, chúng ta hãy xem bài diễn văn này của cụ Huỳnh-thúc-Kháng đọc trước viện dân biểu Trung-Kỳ ngày 1 tháng 10 năm 1928 (lúc ấy cụ Huỳnh làm viện trưởng), đọc xong cụ ra về để mặc cho tên khâm sứ Jabouille thốt ra những lời lẽ hăm dọa, rồi cụ xin từ chức dân biểu.

***Thưa quan Khâm sứ,
Thưa các quan Tây Nam,
Thưa các ngài,***

Kỳ hội năm nay là kỳ hội thứ ba Viện Nhân Dân đại biểu Trung-kỳ mà về phần bầu cử chúng tôi lại là kỳ hội chót (sang năm sẽ có lớp bầu cử mới) do quan Khâm sứ Jabouille là người thay mặt cho nước Pháp sang cai trị xứ này làm chủ tọa, có các cụ Cơ mật cùng các quan Tây quan Nam tới dự hội và người Tây người Nam vào dự thỉnh, xem quang cảnh có vẻ trang nghiêm thận trọng (ngày hội năm nay có ba lần nghị định đầu tiên định vào

ngày 15 septembre sau cùng mới định vào ngày 1 Octobre là ngày hôm nay). Chúng tôi vâng lệnh quan Khâm sứ triệu tập chiếu lệ mà ra dự hội ngày nay, trước có mấy lời cảm ơn chính phủ sẵn lòng hợp tác cùng viện chúng tôi, sau xin lấy lòng thành thực bày tỏ tình hình nhân dân trong xứ đôi chút.

Chúng tôi thể theo chính sách khai hóa của nhà nước và chịu nhân dân ủy thác mà ra đương cái chức trách đại biểu đã hai năm nay, những điều chúng tôi bày giải trong hai kỳ trước, vẫn biết là hẹp hòi đơn giản, chưa hợp với chính sách to tát của nhà nước định thi hành trong xứ này, cùng nguyện vọng nhân dân đang khao khát ; song dầu thế nào mặc lòng cũng đủ tỏ cho chính phủ rõ rằng chúng tôi thật tin cái chính sách quảng đại của nhà nước đem cái ý nguyện của nhân dân mà bày tỏ cùng chính phủ, mong cho cái Viện của nhà nước mới đặt ra khỏi mang cái tên trống mà chúng tôi khỏi phụ cái tấm lòng tin cậy của nhân dân, chứ tuyệt nhiên không có ý gì khác. Thế mà đã hai năm nay hình như nhà nước không lấy lời yêu cầu của chúng tôi làm điều để chứng cho nhân dân trong xứ hiểu rằng, một cái cơ quan mới của nhà nước, khác với chính thể chuyên chế ngày xưa. Bởi thế nhân dân đã ngã lòng tin cậy nơi chúng tôi mà nhân dân cũng không dám tin đến cái chính thể của nhà nước. Chính chúng tôi đã từng nghe những câu trong nhân gian phê bình viện chúng tôi : « Tên là nhân dân đại biểu mà thật ra là một quan trường mới ».

Chúng tôi ở vào địa vị, dở dang bờ ngõ này, đối với chính phủ đã không làm được việc gì đối với nhân dân cũng không thể cầm hai chữ đại biểu suông mà đáp lại cái lòng mong mỏi của họ ; đêm nằm tự nghĩ đã thẹn lại buồn, cái hy vọng cuối cùng của chúng tôi nên làm cho cái kỳ hạn ba năm dài hơn nửa thế kỷ. Ấy là sự thực của chúng tôi như thế.

Bỗng đâu lại đến kỳ hội thứ ba này ; chúng tôi nghĩ rằng, cái quyền thi hành cùng không thi hành là tự chính phủ, còn về phần chúng tôi, nhà nước đã cho nhân dân cử ra mà tham chất đôi chút ý kiến về việc trong xứ,

thì thấy những lợi tệ trong nhân gian điều gì, đem bày tỏ cùng chính phủ điều ấy. Ấy là chức trách của chúng tôi, mà thủy chung vẫn đứng trong vòng trật tự cả. vậy nhân ngày khai hội này, chúng tôi xin đem lòng thành thực bày tỏ mấy điều như sau này.

Khổ trạng nhân dân Trung-Kỳ vẫn không nói hết, song tóm lại có ba điều cần yếu :

1) Một là học giới bó buộc.

– Mắt có thấy thì đi mới khỏi lạc, tai có tỏ thì nghe mới khỏi lầm ; người có học mà sau mới biết điều phải trái. Biết cách làm ăn mới mong sống còn trên cõi đời được. Dân An-Nam là một dân tộc sẵn có văn hóa đã mấy trăm đời, ai cũng công nhận sự học là cần thiết nhất, xem như tính mệnh tài sản, không có không sống được. Huống trong thời đại tranh khôn cạnh khéo như ngày nay mà không có sự học thì còn nói đến chuyện gì nữa ! Xứ Trung-Kỳ bây giờ học cũ đã bỏ hẳn, mà học mới trăm phần chưa được một, trường công không đủ dùng, mà trường tư thì không có, gia dĩ chương trình hạn chế, qui luật ngăn ngừa ; dân thì lấy sự học làm sinh mệnh, mà quan xem sự học như một sự thù nghịch (trường công thì nghị định thay đổi, trường tư thì xin phép lĩnh bằng, khai báo lời thôi, gần đây vì sự lập trường học mà bị lụy cũng thường thấy luôn. Hiện nay những lớp học lơ dờ, không vào trường được mà thành ra một lớp thất nghiệp, còn những con em chực học cũng đành úp mặt vào tường, ngày xanh ngơ ngác, cha thấy con làm đau lòng, tuổi trẻ bơ vơ, anh em trông mà nóng ruột, tình cảm rất là thâm. Nhà nước một nói rằng khai hóa, hai nói rằng hợp tác, mà về đường học giới không chịu châm chước thế nào cho thỏa hiệp, thì ước vọng thiếu niên An-Nam, sẽ thành ra một bọn thất nghiệp. Nhóm bao nhiêu người vô nghiệp mà lại mong diu dắt lên đường tấn hóa, thật là một điều dân gian không sao tin được ; đem đưa đui đi đường thì người dẫn cũng nhọc sức ; bảo người điếc nghe hát thì hát hay cũng thành uống công. Cái

dốt là cái họa của người An-Nam mà cũng có thể phương hại đến chính sách hợp tác của nước Pháp.

Vậy thì về đường học giới có nên thi hành cách cưỡng bách giáo dục và nhân dân tự do tự lập trường không ?

2) Hai là tài nguyên kiệt quệ.

– Nước có nguồn thì mức mới khỏi cạn ; cây có gốc thì trái mới được thường. Tài nguyên trong một xứ sinh sản có ít mà tiêu phí nhiều, thì tự nhiên ngày thấy khốn đốn. Xứ Trung-Kỳ đất hẹp dân nghèo, khai thông chậm trễ, công nghệ không có gì là nội hóa, thương mại thì quyền ở ngoại thương, như tơ, đường, chè, quế v.v..., người Khách chở đi xứ nọ xứ kia cái giá cao thấp tự người Khách định, người Nam vì không đi đâu được, nên người Khách ép uống thế nào cũng phải chịu.

Phần nhiều nhân dân trong xứ chết sống chỉ nhờ nghề nông, lại bị thủy hạn không năm nào không có ; ruộng đất vật sản chỉ có ngần ấy mà ngạch thuế mỗi năm mỗi gia, tuy tự nhà nước đã lấy sự gia thuế làm cái phương pháp lý tài, quan lại nhân đó mà lập công, hào cường nhân đó mà nhiệm chi. Mỗi năm đến kỳ thuế, trong nhân gian chạy sắp chạy ngửa, trống mỗ om sòm gông cùm hò hét, tình cảnh rất là rắc rối. Đó là chưa kể cái lệ phù thu lạm bổ của bọn hoạn lại gian hào, mồ hôi nước mắt cứ cào trong dân gian đã đến đáy, tiền chưa lên đến kho nhà nước mà rút đường rút xá đã lụy vào túi tham đâu đâu, rút cục lại thì chỉ qui oan cho nhà nước. Tát ao bắt cá, được cá vẫn dễ mà ngày sau thành ra ao khô ; đốn cây hái trái, được trái vẫn nhiều, mà mùa sau thành ra cái vườn bỏ. Nhà nước một nói rằng nhân từ, hai nói rằng khoan đại mà về đường tài chính kkkhông trừ cách gì cho ra sự gia thuế được, thì cái nạn nghèo khổ của người An-Nam cũng không phải là cái lợi lâu dài của nước Pháp.

Thế thì về tài chính có nên đánh thuế những vật xa xỉ, cùng thuế sưu có nên sắp đặt một cách cho nhất định không ?

3) Ba là hình luật phiên lụy.

– Thuộc trị bịnh điên mà dùng trị người thường, thì thần kinh phải đến rung chuyển ; hăm lừa thú dữ mà đào giữa đường cái thì hành khách không khỏi sía chân ; hình luật nước nhà đặt ra là cốt để trị người có tội (như đạo kiếp, loạn tặc) để giữ gìn trật tự duy trì cuộc trị an trong xứ. Như người không tội mà bị hình hoặc bị vu cáo chưa tra xét cho đích thực mà đã bị bắt giam, thì sao cho khỏi điều oan khuất ? Mà những người trọn đời lương thiện cũng không biết đường mà tránh. Hiện xứ Trung-Kỳ mấy năm gần đây, bị cái phong triều bề ngoài kích thích mà cái không khí bề trong có hơi lộn xộn, nhà nước vì cuộc trị an, phải thi hành cái hình luật nghiêm nhặt (báo sách bị cấm, bị bắt, dân gian thì bị xét nhà xét cửa, cho đến diễn thuyết, làm trường học cũng bị lụy). Những người làm quấy mà bị tội đã đành mà những kẻ oan lụy cũng không ít, gia dĩ tội danh không được rõ ràng, chứng cứ không có xác thực (ở Trung kỳ bắt tội đã không tuyên án cho những người bị tội biết, lại không được cãi lẽ nữa, thật là một điều rất lạ), những bọn sinh sự dăng công hiệp hiềm vu oan, nhân đó mà thi hành cái thủ đoạn ám muội, một tờ đầu cáo, tra xét đến năm bảy nhà, hai chữ « tình nghi » hăm hại biết bao nhiêu kẻ, tự nhà nước tin theo những lời thêu dệt, cho là phản kháng, cho là phiến loạn, không trị không được, mà biết đâu ở trong ròng chuyện ít mà xít ra nhiều, sự nhỏ mà gây ra lớn, làm cho dân ngu cùng bọn thiếu niên sía vào lưới tội mà không biết, và cũng không tránh được, thảm hại biết là chừng nào. Trẻ con té giếng, khách qua đường cũng phải đau lòng, kẻ bệnh đau rên, thầy thuốc cũng không nằm yên gối. Nhà nước một nói rằng nhân đạo, hai nói rằng công lý, mà dân An-Nam có cái cảnh tượng khủng hoảng như vậy, tưởng cũng phương hại đến danh dự nước Pháp.

Vậy thì về phần hình luật, không nên thi hành những điều chúng tôi đã yêu cầu trong hai kỳ hội trước sao ? (xin thi hành luật Nam Bắc-kỳ).

Cái tình hình kể trên thì khổ trạng nhân dân xứ Trung-Kỳ, ba điều đó (việc học, việc thuế, việc hình) là cần thiết cốt yếu, đã lâu nay vì có che đậy ngăn lấp, hiếp dưới, dua trên, không ai đem cái nhân tình khổ thống nhân dân mà đạo đạt cùng chính phủ, nên chính phủ chưa hiểu thấu mà thi hành nhiều điều bất tiện, nay ra nghị định này, mai ra nghị định khác, sớm thay chiều đổi, nhân dân không biết nương tựa vào cái gì làm chừng mực, nên tai mắt hóa loạn. Quan lại ép dân mà mua oán cho nhà nước tại đó ; nhân dân ghen ghét quan lại, không tin đến chính sách của nhà nước cũng tại đó. Cho đến bọn gian tham nương gió bẻ măng, phái phản đối thừa cơ mà gây loạn cũng tại đó. Thật là một điều rất trở ngại về chính sách khai hóa của nhà nước.

Chúng tôi xem xét tình tệ, nghe thấy rõ ràng, nay xin đứng trước chính phủ cùng người Pháp, người Nam lấy lòng ngay thẳng mà thưa một câu rằng :

Phòng nhà nước Bảo-hộ cứ một mực lấy quyền lực đối đãi dân An-Nam, để cho càng ngày càng nghèo càng dốt mà dần dần tiêu diệt, cho là cái lợi của người Pháp, thì chúng tôi không dám nói, bằng nhà nước có nghĩ tới lợi hại chung của hai dân tộc sau này mà sẵn lòng dịu dặt dân An-Nam lên con đường tiến hóa, được hợp tác với nhà nước thì ba điều kể trên đó, cần trước phải sửa đổi một cách cho rất đơn giản, rất minh bạch, có chừng mực và ít thay đổi, cho hợp với nguyện vọng của dân, thì từ đó trở đi, những vấn đề khác lục tục mà thi hành thì không chút gì là trở ngại cả.

Nếu không như vậy thì chính sách hay đến thế nào, quan lại ra công mà hiểu thị. Các nhà báo hết sức tán dương, mà bọn đại biểu chúng tôi cũng theo ý nhà nước đi tới từng nhà, đi từng người mà nhân gian cũng cho là lời nói hảo, không dám tin y nguyên như trước.

Tục ngữ An-Nam có câu « nước xa không cứu được lửa gần ».

Mấy lời chúng tôi nói trên đây là lửa gần, mà những điều nhà nước định thi hành, như vấn đề kiểm lâm v.v... thì nhân dân xem như nước xa, cái não đơn giản của nhân dân xứ này bị cái lẽ đó in sâu đã mấy lớp, nhà nước không tìm cho đến cội gốc mà thi hành một đôi điều thực sự cho nhân dân tai nghe mắt thấy hiểu qua rõ ràng, thì cái lòng oán trách không sao tiêu được.

Trên là nói tóm tình hình nhân dân trong xứ. Sau nay xin bày tỏ một điều cốt yếu về đường chính trị :

Ngày hội năm ngoái tôi có đề khởi hai chữ « hiến pháp » quan Toàn quyền có trả lời trong bài diễn văn đại khái ngài sẵn lòng đề cử điều ấy cho Nam triều nên chú ý, v.v... Sau quan Khâm sứ Friès có hỏi ý kiến viện chúng tôi (thư số 990A ngày 15 Novembre).

Chúng tôi sở dĩ nói đến vấn đề Hiến pháp, là vì có thấy rõ xứ Trung-Kỳ này phụ thuộc dưới quyền bảo hộ gần nửa thế kỷ nay, mà chính thể trong xứ, quyền hạn không được rõ ràng, trách nhiệm không ai đảm thụ, trăm điều rắc rối bởi đó mà ra, nhà nước trở làm một nơi quy oán, dầu có vua quan mặc lòng, bất kỳ động một việc gì, dân gian kêu rêu chỉ chung một tiếng « Đời Tây ! Việc ông Tây ! ». Quốc thị đã mơ màng, thì nhân dân không biết đường nào xu hướng, đó là cái lẽ tự nhiên. Bởi vậy cho nên muốn cho cuộc trị an trong xứ được lâu dài, cùng các dây liên lạc giữa người Pháp cùng người Nam được bền chặt, thì cần nhất phải có một cái cơ thể chính trị, chia bộ phận mà có trách nhiệm định quyền hạn mà có quy thức, để chỉnh đốn việc lợi ích chung trong xứ. Đó là một điều cốt yếu tức là Hiến pháp vậy.

Vấn đề quan yếu như thế mà chúng tôi không thể trả lời khinh suất được là bởi ba cố này :

1) Chiếu theo tờ giao ước 1884 về khoản 1, 5, 7 và 11, Trung kỳ vẫn thuộc quyền bảo hộ Pháp, mà nội chính còn do Nam triều chủ trương, chính

quan Toàn quyền trong bài diễn văn đọc tại ngày hội năm ngoái ngài cũng nói rằng :

Đại Pháp đã ký giao ước minh bạch với Nam triều, nếu như bỏ mấy điều giao ước thì nước Pháp cho là một sự mất danh dự v.v...

Xem đó thì mấy điều giao ước ngày trước là cái nguồn gốc chính trị xứ này, mà xem trên sự thực thì trên ba mươi năm nay thay đổi đã nhiều mà tình thế ngày nay đã khác hẳn với giao ước đó.

2) Chiếu theo tờ hiệp ước năm 1925, khoản thứ nhất rằng : « Nay đã tới thời kỳ nên cho nhân dân dự vào việc nước », mà trong bài diễn văn quan Toàn quyền Pasquier đọc tại kỳ hội đại biểu chúng tôi năm thứ nhất, ngài chỉ rõ chức trách dân biểu mà nói rằng : « Các ông phải làm thế nào cho kẻ cày ruộng, người hái củi, người làm thợ, ông hào mục trong thôn quê, cho đến người buôn bán, kẻ chuyên môn kỹ thuật, ai nấy cũng đều công nhận rằng hậu vận của nước là ở trong tay họ mà ra, v.v...

Xem đó thì một cái chính thể của nhà nước định thi hành trong lúc hiện thời rất hợp với thời thế cùng nguyện vọng của nhân dân trong xứ đều tỏ lòng hoan nghênh, chính bắt đầu từ tờ hiệp ước đó. Thế là xét trong sự thực, chưa kể điều khác, chỉ một cái điều lệ của viện Nhân dân đại biểu, chúng tôi xin sửa đổi một đôi điều mà nay vẫn y như hồi Tư Phỏng trước, thì đối với tờ hiệp ước nhân dân cũng chưa có lòng tin.

3) Nói về tờ giao ước ngày trước như thế, đối với tờ hiệp ước hiện thời lại là thế. Ba cái nguyên tố của hiến pháp là thổ địa, nhân dân, chính sự ở trong xứ này, xu vực giới hạn đã không phân minh thì cái hiến pháp cũng chẳng biết dựa vào đâu làm cơ sở, mà cơ quan hiến pháp thì quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, cũng khó phân phần bộ rõ ràng, dầu có thảo một bản giấy không chắc rồi cũng có hiệu lực.

Vì mấy cố đó nên chúng tôi chưa trả lời vội được, mà trước hết xin một điều :

Nhà nước mà cho hiến pháp là một cái nền nếp chính trị, bền vững lâu dài trong xứ này, hợp với toàn thể ý nguyện trong nhân dân, thì xin :

1) Quan Toàn quyền đề đạt vấn đề đó sang Pháp đình, trước hết có một đạo sắc lệnh đức Giám quốc, một đạo chỉ dụ đức Bảo-Đại chuẩn hứa và tuyên bố cho nhân dân biết rằng xứ An-Nam bây giờ phải lập một cái hiến pháp.

2) Lập một hội gọi là Dự thảo Hiến pháp cho toàn thể quốc dân sung vào để điều tra và thảo bản Hiến pháp.

3) Trong thời kỳ dự bị hiến pháp thì viện Dân biểu điều lệ chương trình mở rộng quyền hạn thêm ra, và cách bảo cử nên cẩn thận chú ý để cho nhân dân được tự do đầu phiếu, không bãi bị... (mấy năm trước, về khoản bảo cử đại biểu cũng xem như cử lý trưởng, hành tổng rất là khinh xuất).

Chúng tôi nói thế, chắc nhà nước bảo rằng : « nhân dân chưa có trình độ lập hiến ». Chúng tôi vẫn công nhận nhân dân xứ này chưa được toàn thể hiểu cái chính thể mới có, song xin thưa rằng :

Đường có đi mà sau tới nơi, người có học mà sau mới biết chữ.

Nay chưa cho đi mà bảo đường đi này không đi tới được, chưa học mà bảo rằng : « mày không phải là đứa biết chữ » thì đầu trăm ngàn năm cũng không sao tới nơi và biết chữ được.

Thưa quan Khâm sứ cùng các quan,

Đoạn trước là tình hình nhân dân, đoạn sau là tình hình chính trị, một tấm lòng thành, mấy câu văn tắt, gọi là một bài kết luận về phiên bảo

cử chúng tôi, xin chính phủ để lòng suy xét mà thi hành cho thì dân trung-Kỳ chúng tôi lấy làm cảm động vô cùng.

Nhân dịp khai hội này, viện chúng tôi xin thay mặt cho nhân dân xứ này, nhờ quan Khâm-sứ chuyển đạt lời chúng tôi hầu thăm quan Toàn-quyền mới Pasquier, quan Thượng-thư thuộc-địa, và kính chúc đức Giám-quốc, đức Bảo-Đại, chúng tôi cảm ơn.

Hai bức thư cuối cùng của Nguyễn-thái-Học

Ông Nguyễn-thái-Học là chủ tịch và là sáng lập viên của Việt-Nam Quốc-dân Đảng. Theo giấy khai sinh, ông sinh ngày 1 tháng 12 năm 1904. Là con một gia đình tiểu nông tại làng Thổ-Tang, tổng Lương-Điền, phủ Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-yên, ở cạnh bên làng ông Đội Cấn.

Bởi thiếu thời lòng yêu nước của ông đã được kích thích bởi cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên năm 1917, đến khi theo học trường Cao-đẳng Thương mại Hà-nội, lại do phong trào ân xá cụ Phan-sào-Nam, truy điệu cụ Phan-tây-Hồ, và cụ Lương-văn-Can, nên sau đó, ông quyết định vạch một con đường theo phương pháp « chánh đảng bí mật ».

Ông đi tuyên truyền, hoạt động các nơi để bí mật tổ chức chánh đảng. Năm 1927, Việt-Nam Quốc dân Đảng chính thức thành lập, ông được các đồng chí cử làm đảng trưởng. Chánh đảng này từ đó một ngày một bành trướng. Nhưng sau vụ ám sát Bazin ở Hà-nội tháng 3 năm 1929 thì các cấp bộ đảng bị bại lộ. Đa số đảng viên bị Pháp bắt cầm tù.

Thực dân Pháp bủa lưới mật thám truy tìm các đảng viên rất gắt và rao thưởng 5.000 đồng cho ai bắt được ông.

Trước nguy cơ mất còn ấy của đảng, ông và các đồng chí thấy cần phải chủ trương bạo động « không thành công thì thành danh ».

Do đó, cuộc khởi nghĩa Yên-bái phát sinh vào 1 giờ sáng ngày 10 tháng 2 năm 1930. Sau khi cuộc khởi nghĩa bị thất bại, cơ sở bị tan vỡ, một số lớn các cấp bộ đảng bị bắt, các anh em hoạt động cách mạng ở Tàu cho người về khuyên ông xuất dương. Nhưng ông không chịu vì không thể bỏ các đồng chí ở trong vòng gian nan.

Sau bị truy nã rất gắt, ông cùng các đồng chí là Sư Trạch, Lê-hữu-Cảnh định dò đường qua Tàu. Nhưng đến làng Cổ-vịt (Hải-dương) thì bị

bọn tuần phiên bắt được. Rồi đến ngày 17 tháng 6 năm 1930 thì ông bị thực dân Pháp đưa lên đoạn đầu đài Yên-bái với 12 đồng chí.

Khi ra pháp trường, nét mặt vẫn thản nhiên, ông ngược mắt nhìn đồng bào định nói ít lời, nhưng bị thực dân sai lính bịt miệng lại. Ông chỉ kịp hô to « Việt-Nam độc lập vạn tuế » rồi đầu rơi khỏi cổ.

Hai bức thư này là những bức ông viết ở trong nhà giam Hỏa Lò gửi cho Toàn quyền Đông-Dương và Hạ-nghị-viện Pháp. Nhưng không phải để trần tình xin ân xá mà để cho người pháp sau cái chết của ông phải sửa chính sách đàn áp dã man lại.

Ngàytháng 3 năm 1930

Gửi ông Toàn-quyền Đông-dương ở Hà-Nội,

ông Toàn-quyền,

Tôi Nguyễn-thái-Học ký tên dưới đây, chủ tịch đảng Cách-Mệnh Việt-Nam Quốc-dân Đảng, hiện bị giam ở ngục Yên-Báy, trân trọng nói ông rõ rằng :

Hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, tôi thực có trách nhiệm về mọi việc chánh biến phát sinh ở trong nước, do Đảng tôi chỉ huy từ năm 1927 tới nay, vì tôi là chủ tịch của Đảng và là người sáng lập nữa. Vậy xin ông giết một mình tôi, chứ đừng giết các người đảng viên hay gọi là đảng viên hiện bị giam ở các ngục, bởi vì người ta vô tội ! Người ta vô tội vì trong số đó thì một phần là các đảng viên, nhưng họ vào đảng là vì tôi khuyến khích họ, cho họ biết thế nào là nghĩa vụ một người dân đối với quốc gia, thế nào là những nỗi khổ nhục của một tên dân mất nước ; còn ngoài ra là những người bị vu cáo bởi bọn thù hằn, bởi lũ mật thám, bởi những bạn bè bán mình cho chính-phủ Đông-dương ! Tôi nhắc lại một lần nữa để ông biết cho rằng chỉ cần giết một mình tôi, vì tôi mới chính là thủ phạm. Mà nếu còn chưa đủ hả, thì xin tru di cả nhà tôi, nhưng tôi đem nước mắt mà xin

ông tha cho những người khác ! Sau nữa tôi mong ông nghĩ đến danh dự nước Pháp, đến công lý, đến nhân đạo mà thôi, đừng ra lệnh ném bom hay đốt phá những làng vô tội như ông vừa mới làm ! Đó là một lệnh giết người. Những đồng bào của tôi sẽ vì thế mà chết đói, chết rét mấy vạn mà kể !

Sau cùng kết luận bức thư, tôi nói cho ông biết rằng nếu người Pháp muốn ở yên ở Đông-Dương mà không phải khốn đốn vì phong trào cách mệnh thì :

1) Phải thay đổi cái chương-trình chính-trị hung-tàn và vô đạo hiện nay ở Đông-Dương.

2) Phải cư xử cho ra vẻ người bạn dân Việt-Nam, chứ đừng có lên bộ ông chủ bạo ngược và áp chế.

3) Phải để lòng giúp đỡ những nỗi đau khổ về tinh thần, về vật chất của người Việt-Nam, bằng cách trả lại các nhân quyền như tự do ngôn luận ; đừng có dong tưng bọn tham quan, ô lại, và những phong tục hủ bại ở các hương thôn ; mở mang nền công, thương bản xứ, cho nhân dân được học tập những môn cần thiết.

Ông Toàn-quyền, hãy nhận lấy tấm lòng tôn kính và cảm kích, với sự nhiệt liệt tạ ơn.

Kẻ thù của ông :
NGUYỄN-THÁI-HỌC

BỨC GỬI CHO HẠ NGHỊ VIỆN PHÁP

Các ông Nghị viện,

Tôi ký tên dưới đây là Nguyễn-Thái-Học, người Việt-Nam, 26 tuổi, chủ tịch và sáng lập viên của Việt-Nam Quốc-dân Đảng, hiện bị bắt và

giam ở ngục Yên-báy, Bắc-Kỳ, Đông-dương, trân trọng bày tỏ như sau :

Theo công lý, ai cũng có quyền bênh vực tổ quốc mình khi bị các nước xâm lược, và theo nhân đạo, ai cũng có nghĩa vụ phải cứu vãn đồng bào ở trong vòng nguy hiểm, khó khăn. Như tôi thấy rằng Tổ Quốc tôi bị người Pháp các ông chiếm lĩnh hơn sáu mươi năm nay ; tôi thấy rằng, dưới ách chuyên chế của các ông, đồng bào tôi khốn khổ vô cùng, và dân tộc tôi dần dần sẽ tiêu diệt hoàn toàn, theo luật tự nhiên đào thải. Bởi vậy, quyền lợi và nghĩa vụ đã thúc giục tôi phải tìm hết cách để bênh vực tổ quốc tôi đương bị người chiếm lĩnh, và dân tộc tôi đương ở cảnh gian nguy. Trước hết, tôi định cùng với các người Pháp ở Đông-Dương mà làm việc cho đồng bào, Tổ-quốc và dân tộc tôi, nhất là việc mở mang trí thức và kinh tế. Về phương diện kinh tế, năm 1925 tôi đã gửi cho viên Toàn quyền Varenne một bức thư, gồm có những nguyện vọng xin bênh vực che chở cho nền công, thương bản xứ, và nhất là lập một trường Cao-đẳng Công-nghệ ở Bắc-kỳ. Năm 1926, tôi lại gửi một bức thư nữa cho viên Toàn-quyền Đông-Dương, trong có một dự án giúp cho dân nghèo có thể dễ sống. Năm 1927, tôi lại gửi cho Thống-sứ Bắc-Kỳ một bức thư, xin ra một tập Tuần báo, mục đích là bênh vực và khuyến khích cho nền công thương bản xứ. Về phương diện trí thức, năm 1925, tôi gửi thư cho Toàn-quyền Đông-Dương, yêu cầu :

1) Quyền tự do mở các trường dạy không lấy tiền cho dân hạ cấp đến học, nhất là cho thợ thuyền và nông dân.

2) Quyền tự do mở các bình dân thư xã ở các làng cùng ở các tỉnh công nghệ.

Khốn nỗi cái gì họ cũng cự tuyệt ! Thư tôi chẳng thấy trả lời ; dự án của tôi chẳng thấy thực hiện ; các lời yêu cầu của tôi chẳng thấy ưng chuẩn, mà đến các bài tôi viết lên báo cũng bị kiểm duyệt xóa bỏ nốt ! Cứ những chuyện cự tuyệt đó, tôi thấy rõ ràng : người Pháp không hề có thực lòng với người Việt, và tôi chẳng giúp ích gì được cho Tổ quốc tôi, đồng bào, dân

tộc tôi cả, trừ khi là đuổi người Pháp ra khỏi đất nước tôi. Bởi vậy, năm 1927, tôi bắt đầu tổ chức một đảng cách mạng, lấy tên là Việt-Nam Quốc-dân Đảng, mục đích là đánh đổ chế độ cường quyền áp bức ra khỏi nước tôi, và lập nên Chính-phủ Cộng-hòa Việt-Nam, gồm những người thực lòng tha thiết đến hạnh phúc của quần chúng.

Đảng tôi tổ chức bí mật, và đến tháng 2 năm 1929 thì bọn mật thám khám phá. Trong các đảng viên đảng tôi bị bắt một số khá lớn, và bị cấm cố từ 2 năm đến 20 năm, 52 người. Bị bắt nhiều, bị xử ức mặc dầu, Đảng tôi đâu có chịu hoàn toàn tiêu diệt ! Dưới quyền tôi chỉ huy, Đảng vẫn hoạt động và đi tới mục đích. Ở Bắc-kỳ nổi lên một phong trào cách mạng, nhất là ở Yên-Báy, đã giết chết được mấy sĩ quan. Tổ chức và cầm đầu cho phong trào đó, người ta buộc cho Đảng tôi, lấy cớ chính rằng tôi là chủ tịch Đảng đã hạ lệnh đánh. Kỳ thực thì tôi chưa hề hạ lệnh ấy, và đã đem những chứng cứ chính xác, để chứng rõ ràng không, với Hội đồng Đề hình Yên-báy. Vậy mà, một số đông đảng viên hoàn toàn không biết đến phong trào ấy cũng bị bắt và bị buộc là có tham dự vào công việc ! Chính-phủ Đông-pháp đã đốt nhà họ ! Chính-phủ Đông-pháp đã cho lính đến đóng, rồi tịch thu gạo thóc của chợ mà chia phần với nhau ! Chẳng những đảng viên đảng viên đảng tôi, phải cam chịu nỗi bất bình, mà gọi là tàn bạo, tưởng đúng đơn ! – mà còn phần đông đồng bào, hiền lành làm lụng ở nhà quê, để sống cái đời ngựa, trâu, cũng chịu hại lây nữa ! Hiện nay trong các miền Kiến-an, Hải-phòng, Bắc-ninh, Sơn-tây, Phú-thọ, Yên-báy, có hàng vạn người đàn ông, đàn bà, ông già, con trẻ vô tội mà bị giết ! Hoặc bởi chết đói, chết rét, vì Chính-phủ Đông-pháp đã đốt mất nhà ! Vậy tôi trân trọng lấy nước mắt, nhờ các ông làm cho tỏ rõ nỗi bất bình ấy, là cái nó làm cho dân tộc tôi sẽ hoàn toàn tiêu diệt, là cái nó làm cho mất hết danh dự nước Pháp, là cái nó làm cho giảm cả giá trị của loài người !

Sau nữa, tôi trân trọng bảo cho các ông biết : Tôi xin chịu trách nhiệm về tất cả mọi việc chính biến phát sinh trong nước tôi và chỉ huy bởi Đảng tôi, từ năm 1927 đến giờ ; vậy chỉ cần giết một mình tôi là đủ, mà

đừng làm tội những người khác hiện nay đang bị giam ở các cửa ngục. Vì chỉ có một mình tôi là thủ phạm thôi, còn những người khác đều vô tội cả ! Họ vô tội cả vì trong số đó một phần là những đảng viên, nhưng sở dĩ vào đảng là vì họ nghe lời tôi khuyến khích cho họ biết : thế nào là nghĩa vụ của người dân đối với nước ; thế nào là những nỗi khổ, nhục của tên vong quốc nô ! Còn ngoài ra thì là những người không phải đảng viên, nhưng bị kẻ thù hay bọn mật thám đặt điều vu cáo, hay vu cáo bởi những bạn hữu không chịu nổi những cách tra tấn tàn nhẫn của công an cục (sở mật thám) và khai bừa ra cho đỡ phải đòn ! Tôi nhắc lại một lần nữa để các ông biết rằng chỉ cần giết một mình tôi hay còn chưa đủ hả thì tru di cả nhà tôi, nhưng xin các ông tha cho những người vô tội như trên đã nói. Sau cùng, tôi kết luận bức thư này nói cho các ông biết rằng : Nếu người Pháp muốn ở yên Đông-dương, mà không khốn đốn vì phong trào cách mệnh thì phải thay đổi cái chương trình chính trị hung tàn và vô nhân đạo hiện hành ở Đông-dương : phải cư xử cho ra vẻ những người bạn của giống Việt-Nam chứ đừng có lên bộ là những ông chủ bạo ngược và áp chế ; phải để lòng giúp đỡ cho những nỗi đau khổ về tinh thần về vật chất của người Việt-Nam, chứ đừng có khắt khe, thâm độc nữa !

Các ông Nghị !

Hãy nhận lấy tấm lòng tôi trân trọng cảm ơn.

Giá thóc phải nộp cho nhà nước

Thực dân pháp sang cai trị nước ta, ngoài việc đàn áp và bóc lột, chúng còn dùng thêm rượu cồn, thuốc phiện và văn chương lãng mạng để đưa thanh niên ta vào hố truy lạc và vong bản. Đã thế từ tháng 10 năm 1940 đến tháng 3 năm 1945, trong 4 năm 6 tháng, chúng còn cướp của dân ta một số tiền tổng cộng trước sau 723 triệu bạc Đông-dương để dâng cho quân Nhật chiếm đóng (theo tập « À la barre de l'Indochine của toàn quyền Decoux).

Đã hết đâu, năm 1943, chúng còn bắt dân quê phải nộp 3 phần 4 số thóc thu hoạch, có khi quá số đã gặt được. Thật là một chính sách vô cùng dã man và chính nó đã gây ra nạn đói kinh khủng đầu năm 1945.

Bài « Giá thóc phải nộp cho nhà nước » này là bài của ông Vũ Đình-Hòe viết để lên tiếng về chính sách trên bằng một giọng hết sức bình tĩnh với những chứng cứ, những con số xác thực và những tài liệu do nhà cầm quyền Pháp công bố để tỏ rõ như thế thì nông dân sẽ không thể nào cày cấy được. Bài ông Hòe viết với đầu đề là « Giá thóc gạo » định đăng vào tuần báo Thanh-Nghị số 1 tháng 8 năm 1943, nhưng bị ty kiểm duyệt Bắc-Kỳ bỏ hết theo lệnh của tên chánh sở Kinh Tế Monvoisin, cho mãi đến sau ngày Nhật đảo chính Pháp, mới đăng vào Thanh-Nghị số 110 ngày 26 tháng 5 năm 1945 với cái tựa sửa lại như trên.

Về việc nhà nước mua thóc của dân để lập kho trữ phòng bị, trong một số nước chúng tôi đã ngỏ ý tán thành về nguyên tắc. Nhưng chúng tôi có bàn :

1) Nên chỉ bắt các đại điền chủ phải bán thóc và miễn trừ cho các tiểu điền chủ.

2) Số thóc định mua sẽ chia cho các điền chủ bằng cách lũy tiến chứ không bằng cách quân phân.

3) Bằng vào những con số chắc chắn lấy ở những cuộc điều tra có đủ bảo đảm, chúng tôi đã tính rằng chỉ mua thóc của các điền chủ có từ ba mẫu rưỡi trở lên cũng có thể đủ số thóc để lập kho trữ (120.000 tấn), như vậy các tiểu điền chủ có từ 13 mẫu rưỡi trở xuống có thể được miễn trừ, và những đại điền chủ có trên 13 mẫu rưỡi cũng chỉ phải bán số thóc tính vào số ruộng ngoài số 13 mẫu rưỡi là số thóc được miễn trừ.

4) Để các đại điền chủ là những người biết binh vực quyền lợi mình phải ưng thuận bán thóc cho nhà nước, một mặt nhà cầm quyền, nếu cần, nên dùng quyền trong phát (requisitionner) mà luật pháp hiện hành đã công nhận cho chính phủ để đối phó với tình thế, một mặt nên định giá thóc gạo một cách phải chăng, tất nhiên không thể theo giá thị trường vì như thế việc lập kho trữ không có nghĩa lý gì, những cũng đừng nên hạ quá.

Trong bài này chúng tôi lạm bàn về việc định giá thóc gạo. Việc này rất quan trọng : nó có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của tổ chức. Nhất là khi chính sách mua thóc để lập kho trữ thi hành đối với tất cả điền chủ lớn và nhỏ. Nếu, nói ví dụ, giá bán thóc gạo hạ quá không đủ bù vào tiền vốn cày cấy, thì tức khắc đời sống của dân làm ruộng bị thương tổn. Mà ta nên nhớ rằng chín phần mười dân tộc Việt-Nam làm nghề nông.

Nghị định ông Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 21 Mai 1943 định giá thóc là 14\$50 một tạ và giá gạo là 26\$ một tạ bán tại nơi sản xuất (giá bán lẻ ở các đô thị có thể tới 31\$). Giá thóc gạo mới do nhà nước định bắt đầu từ năm 1943 còn từ trước, nó vẫn theo luật cung cầu (luật tự nhiên) của thị trường. Năm 1940 giá thóc ở thị trường lên xuống từ 11\$ đến 13\$, trung bình là 11\$50. Giá gạo hạng nhứt trên dưới 19\$. Cứ kể nhà nước định giá thóc 14\$50 một tạ và giá gạo 26\$ một tạ năm 1943 là đã tính cao hơn hẳn giá thóc gạo cách đây ba năm (năm 1940) tức là đã theo sự tăng giá của mọi thứ hàng hóa. Giá thóc gạo định như thế kể có thể gọi là phải chăng.

Song vì thấy có sự than phiền của dân quê về giá hạ quá làm thiệt thòi cho họ nhiều, nên với một óc vô tư, chúng tôi đã gắng sức điều tra ở

nhiều nơi, đem đổi chiếu giá một tạ thóc nhà nước đã định với giá tổng cộng tiền phí tổn đã sản xuất một tạ thóc. Chúng tôi muốn biết điều kêu ca trên đó chính đáng không, và nếu thật dân quê có chỗ thiệt thòi, thì bốn phận chúng tôi là phải đề đạt những nguyện vọng hợp lý của dân chúng lên chính-phủ.

Dưới đây là kết quả của cuộc điều tra ấy : chúng tôi lấy những con số trung bình trong hai vùng Văn-Lâm (Hưng-Yên) mà nhân công và sức sản xuất của ruộng hạ hơn nhiều nơi, và Hoài-Đức (Hà-đông) mà nhân công và sức sản xuất của ruộng cao vào bậc nhất ở Bắc-kỳ.

Có ba trường hợp, những chủ ruộng có đất và mượn người làm – trường hợp những người mua và làm lấy công việc – và trường hợp những tiểu điền chủ có ruộng và làm lấy được phần công việc.

a) Trường hợp những điền chủ có ruộng mà mượn người làm.

Tiền chi phí về 1 mẫu ruộng :

- Thóc giống 20 kg mua của túc mễ cục : Ở vùng Văn-Lâm : 5\$00,
Ở vùng Hoài-Đức : 5\$00

- Công khoán cày bừa ⁴⁰⁸ : Ở vùng Văn-Lâm : 10\$00 ; Ở vùng Hoài-Đức : 14\$00

- Cấy 10 công ⁴⁰⁹ : Ở vùng Văn-Lâm : 8\$00 ; Ở vùng Hoài-Đức : 10\$00

- Vơ cỏ : 10 công ở Văn-Lâm : 5\$00 ; 15 công ở Hoài-Đức : 9\$00

- Phân bón : Phốt phát 1 tạ ở Văn-Lâm : 5\$67 ; Phân lợn Hoài-Đức : 20\$00

- Tát nước 20 công : Ở vùng Văn-Lâm : 12\$00 ; Ở vùng Hoài-Đức : 16\$00

- Thuế và sương túc : Ở vùng Văn-Lâm : 3\$00 ; Ở vùng Hoài-Đức : 4\$00

Tổng cộng : Ở vùng Văn-Lâm : 48\$67 ; Ở vùng Hoài-Đức : 78\$00

- Mỗi mẫu trung bình gặt được : Ở vùng Văn-Lâm ⁴¹⁰ : 3 tạ 50 ; Ở vùng Hoài-Đức : 7 tạ 50

- Vay tiền chi phí mỗi tạ là : Ở vùng Văn-Lâm : 13\$90 ; Ở vùng Hoài-Đức : 10\$40

b) Trường hợp người mua màu và làm lấy cả công.

Những người mua màu là những người làm nghề nông chuyên môn nhưng không có ruộng. Họ thuê ruộng của điền chủ (hoặc trả bằng tiền, hoặc nộp thóc) và làm lấy hết công việc. Trâu bò của họ, hoặc của chủ ruộng cấp cho, khi đó tiền thuê ruộng sẽ cao hơn. Tiền chi phí lớn nhất, rút lại ngoài tiền mua màu chỉ có tiền phân lo.

Tiền chi phí về 1 mẫu ruộng : Văn-Lâm : 3 tạ rưỡi ; Hoài-Đức : 7 tạ rưỡi

- Thóc giống : Văn-Lâm : 5\$00 ; Hoài-Đức : 5\$00

- Phân bón : Văn-Lâm : 5\$67 ; Hoài-Đức : 20\$00

- Tiền trừ dần về trâu bò, cày bừa : Văn-Lâm : 7\$16 ; Hoài-Đức : 7\$16

- Mua màu : Văn-Lâm : 50\$00 ; Hoài-Đức : 85\$00

Tổng cộng : Văn-Lâm : 67\$83 ; Hoài-Đức : 117\$16

Vậy tiền chi phí về 1 tạ thóc là : Ở vùng Văn-Lâm : 19\$38 ; Ở vùng Hoài-Đức : 15\$62

Cả 2 nơi, người mua màu đều bị lỗ. Nếu người mua màu lại phải mượn người – đó là hạng người trưng đồn điền ruộng – thì số tiền lỗ lại cao hơn nhiều lắm vì tiền chi phí lên tới $48\$67 + 50\$ = 98\67 hoặc $78\$ + 85\$ = 163\$$ một mẫu nghĩa là 30\$ và 20\$ 1 tạ thóc ⁴¹¹.

c) Trường hợp bọn tiểu điền chủ làm lấy một phần công việc.

Một số đông dân quê có một vài mẫu ruộng, chồng cày, vợ cấy, vào ngày mùa mượn thêm một vài người làm công tháng hoặc công nhật. Tính trung bình là người nhà làm được nửa phần công việc.

Tiền chi phí về 1 mẫu ruộng : Văn-Lâm : 3 tạ 50 ; Hoài-Đức : 7 tạ 50

- Thóc giống : Văn-Lâm : 5\$00 ; Hoài-Đức : 5\$00

- Mướn người làm : Văn-Lâm 27 công : 21\$60 ; Hoài-Đức 30 công : 30\$00

- Phân bón : Văn-Lâm : 5\$67 ; Hoài-Đức : 20\$00

- Thuế và sương túc : Văn-Lâm : 3\$00 ; Hoài-Đức : 4\$00

- Chi tiêu về trâu và cày bừa : Văn-Lâm : 7\$16 ; Hoài-Đức : 7\$16

Tổng cộng : Văn-Lâm : 42\$43 ; Hoài-Đức : 66\$16

- Vậy tiền chi phí về 1 tạ thóc là : Ở vùng Văn-Lâm : 12\$00 ; Ở vùng Hoài-Đức : 8\$82

Mỗi tạ thóc được lãi ở vùng trên 2\$50, ở vùng dưới 5\$68.

Sau khi đã xét tình cảnh dân quê trong 3 trường hợp kể trên chúng ta nhận thấy, với giá thóc 14\$50 một tạ, thực tình những người mua màu ở vùng nào cũng đều bị lỗ, những chủ ruộng ở các vùng đất xấu bị lỗ, những chủ ruộng ở các vùng đất tốt được 1 số lãi không đáng kể : 2\$50 một tạ tức là 8\$75 mỗi mẫu. Số tiền ấy không đủ cho 1 xuất gạo ăn trong 1 tháng (1 người ăn trung bình trong 1 tháng 15 cân gạo, tức là 4\$, giá gạo 26\$ một tạ ở nơi sản xuất).

Chỉ còn bọn tiểu điền chủ lấy công làm lãi là khi bán thóc xong còn thừa 1 số tiền. Nhưng số tiền ấy cũng không đáng kể ở những vùng ruộng xấu (1 tạ thóc bán được thừa 2\$50 ; 1 mẫu được thừa 8\$75 một xuất gạo ăn trong 2 tháng). Rút lại chỉ còn những người có 1 vài mẫu ruộng, vợ chồng con cái làm lấy nửa công việc, ở những vùng ruộng tốt là khi bán thóc xong còn thừa 1 số tiền kha khá, 1 tạ thóc bán được còn thừa 5\$68, nghĩa là 1 mẫu được thừa 42\$60.

Tuy nhiên số tiền 42\$60 cũng không đủ tiền ăn gạo cho 1 gia đình 3 người (phải 3 người mới làm nổi 1 mẫu ruộng) trong 1 vụ 6 tháng. Nói chi đến tiền may mặc, sưu thuế, giỗ tết, thuốc thang.

Đem đối chiếu giá thóc 14\$50 một tạ với thực sự, nghĩa là so sánh giá ấy với tất cả phí tổn trong việc sản xuất 1 tạ thóc, ta phải công nhận rằng giá ấy, tuy nhà nước đã đánh cao hơn trước nhiều, những vẫn chưa thể đủ bù vào tiền vốn của người chủ ruộng bỏ ra để khai khẩn và tiền công của người cày cấy lấy. Nghĩa là với giá ấy, nhà nông bị lỗ vốn hoặc nhiều hoặc ít. Nay ta so sánh giá thóc và giá các vật liệu công xá năm nay (1943) với 3 năm về trước để xem giá thóc có được tăng cùng 1 nhịp với giá các vật liệu, công xá không ? Trong số T.N. « Đặc biệt về kinh tế » ra tháng Décembre 1941, trong bài « 1 cuộc điều tra nhỏ về số chi thu 1 gia đình làm ruộng » có biên những giá vật liệu và công xá về việc làm ruộng trong năm 1940. Dưới đây tôi so sánh những giá ấy trong năm 1940 với năm nay 1943.

Công sản xuất :

- Thóc giống, mỗi cân : Giá 1940 : 0\$07 ; Giá 1943 : 0\$25 ; Tăng lên 3 lần 1/2

- Giá công nhân : Giá 1940 từ 0\$28 tăng lên đến 0\$33 ; Giá 1943 từ 0\$80 tăng lên đến 1\$00

- Phân bón, phốt phát 1 tạ : Giá 1940 : 2\$50 ; Giá 1943 : 5\$67 ; Tăng lên : 2 lần

- Thuế 1 mẫu : Giá 1940 : 2\$16 ; Giá 1943 : 3\$00 ; Tăng lên : 40%

- Trâu 1 con ⁴¹² : Giá 1940 : 60\$00 ; Giá 1943 : 200\$00 ; Tăng lên hơn 3 lần

- Cày, 1 cái : Giá 1940 : 3\$60 ; Giá 1943 : 10\$00 ; Tăng lên 3 lần

- Bừa, 1 cái : Giá 1940 : 6\$00 ; Giá 1943 : 18\$00 ; Tăng lên 3 lần

Món tiền chi tiêu lớn nhất là món trả công xá (35\$ trong tổng số chi tiêu 48\$ ở vùng Văn-Lâm hoặc 59\$ trong tổng số 78\$ ở vùng Hoài-Đức) mà giá nhân công từ năm 1940 đến năm nay đã tăng gấp 3 ⁴¹³.

Giá thóc đã tăng lên bao nhiêu ? Năm 1940 : giá trung bình là 11\$50 một tạ, năm nay nhà nước định là 14\$50 tức là tăng lên 23%. Nhưng xem bảng trên, giá các vật liệu và các công xá tăng lên tới 300%, như vậy giá thóc trong 1 thị trường tự do theo luật tự nhiên của sự cung cầu, tất phải tăng lên gấp ba, nghĩa là giá thóc trung bình 35\$ một tạ và giá gạo 75\$ một tạ.

Theo tin tức của Túc mẽ cục về tháng 6 năm 1943 thì giá thóc gạo trong thị trường như sau :

Thị trường :

Vĩnh yên : Thóc 25\$00 ; Gạo : 47\$00

Lim (Bắc-ninh) : Thóc 28\$40 ; Gạo : 36\$80

Nam-định : Thóc 33\$50 ; Gạo : 50\$00

Thái-bình : Thóc 25\$50 ; Gạo : 42\$00

Hà-đông : Thóc 35\$00 ; Gạo : 53\$00

Trong những tình thế đặc biệt như ngày nay lẽ tất nhiên chính phủ phải can thiệp vào thị trường để giữ các hàng hóa ở một mức phải chăng. Tuy nhiên, việc định giá cũng phải dựa vào thực tế, nghĩa là giá hàng phải ăn nhập với tiền phí tổn sản xuất. Như vậy thì giá thóc thiết tưởng phải ít nhất cũng được đánh gấp 2 lần giá năm 1940 mới không bị chênh lệch quá giá của các món phí tổn sản xuất.

Sau hết ta thử đem đối chiếu giá thóc 14\$50 với thời giá của mọi hàng khác. Điều này thiết tưởng không cần phải biện luận nhiều lắm. Ta cứ lấy bất cứ một thứ hàng gì mà so sánh giá năm nay (1943) với giá cách đây 3 năm (1940) là ta thấy giá hàng đó bây giờ phải gấp hai gấp ba ngày trước, có khi gấp 4 gấp 5. Đó là kể những giá do nhà nước ấn định chứ không phải là giá « chợ đen ». Đại khái :

Hàng hóa

- Sợi, 1 kiện : Giá 1940 : 600\$; Giá 1943 : 2.200\$
- Dầu lạc, 1 tạ : Giá 1940 : 40\$; Giá 1943 : 143\$52
- Vải tây 1 thước : Giá 1940 : 0\$70 ; Giá 1943 : 2\$00
- Thịt bò 1 cân : Giá 1940 : 0\$65 ; Giá 1943 : 2\$80
- Xà phòng 1 cân : Giá 1940 : 0\$32 ; Giá 1943 : 1\$05
- Nước mắm hạng vừa 1 tỉnh : Giá 1940 : 3\$00 ; Giá 1943 : 8\$00

- Diêm 1 bao : Giá 1940 : 0\$015 ; Giá 1943 : 0\$04
- Rau muống 3 mớ : Giá 1940 : 0\$01 ; Giá 1943 : 0\$06
- Nồi đất : Giá 1940 : 0\$05 ; Giá 1943 : 0\$20
- Nón : Giá 1940 : 0\$20 ; Giá 1943 : 0\$40
- Áo tơ : Giá 1940 : 0\$30 ; Giá 1943 : 0\$70
- Tre 1 cây : Giá 1940 : 0\$15 ; Giá 1943 : 1\$00

Nếu ta lấy giá của các thứ hàng cần thiết cho đời sống mà tính giá sinh hoạt trong năm 1940 và năm 1943 thì ta thấy con số tương đối sau đây :

Nếu giá sinh hoạt năm 1940 là 100, thì giá sinh hoạt trong năm 1943 là :

- 219 cho hạng dân trung lưu.
- 323 cho hạng bình dân.

Nghĩa là giá sinh hoạt năm 1943 gấp 2 hay 3 lần giá sinh hoạt năm 1940.

Như vậy mà nhà nước định giá thóc là 14\$50 1 tạ và giá gạo là 26\$ một tạ (mua ở nơi sản xuất) so với giá trung bình 11\$50 một tạ thóc và 19\$ một tạ gạo năm 1940 thì sau khi xét thời giá của mọi hàng khác, chúng tôi thấy giá 14\$50 và 26\$ hạ quá và không ăn nhịp với giá hiện thời. Chắc có người nói rằng gạo là 1 món ăn căn bản của dân ta, vậy cứ đánh hạ giá thóc là tức khắc giá sinh hoạt phải hạ xuống ; các vật liệu, cùng nhân công cũng phải sụt giá, lúc đó nhà nông sẽ không sợ lỗ vốn, xin trả lời :

1. - Giả tỷ có sự ảnh hưởng không tốt ấy cũng phải 1 thời kỳ khá lâu thì mức thăng bằng mới hồi phục được giữa giá gạo và giá sinh hoạt. Trong khi đó, thì đời sống nông dân (tức là 9/10 dân chúng) chật vật biết bao.

2. - Nhưng thực ra mức thăng bằng ấy chỉ có thể hồi phục được ở trong một tình thế thường mà tất cả các giá đều có những liên lạc đương nhiên chứ không hoàn cảnh bất thường này mà sự liên lạc các giá nhiều khi đứt quãng, thì không ai dám chắc ở hiệu lực của những hiệu lực tự nhiên về kinh tế. (Ví dụ đối với các hàng khan quá như vải hiện thời, thì giá gạo hạ cũng không có ảnh hưởng gì).

3. - Để đời sống không bị đắt đỏ quá, người ta có thể giữ vững các giá ở một mức nào (stabiliser les prix) tuy thỉnh thoảng cũng có sửa đổi lại. Nhưng giữ vững giá không phải là đánh sục xuống. Phương pháp sau rất mạnh, nên cũng vì thế có thể gây sự nguy hiểm cho người sản xuất các thứ hàng bị đánh sục giá, nếu giá mới định không đủ bù vào tiền chi phí sản xuất như trong trường hợp những nhà nông bây giờ.

Vậy chúng tôi mong chính phủ nên xét lại việc định giá thóc gạo và nếu thấy điều nguyện vọng của dân là chính đáng thì nên tăng giá thóc gạo về vụ mùa này, thí dụ giá thóc thì định từ khoảng 18 đến 20\$, giá gạo từ 40 đến 45\$ (gần gấp đôi giá năm 1940).

Chúng tôi không dám cả quyết rằng cách tính toán của chúng tôi là thiệt đúng, vì những phương tiện điều tra mà chúng tôi đã được dùng rất là nhỏ hẹp. Chủ đích của chúng tôi là chỉ mong nhà cầm quyền thấu rõ tình cảnh của dân quê và xét lại một việc có quan hệ đến sự sinh sống của đám nông dân là 1 giai cấp xã hội chiếm 9/10 dân số Đông-dương.

Chúng tôi tin rằng 1 chính phủ lúc nào cũng sẵn sóc đến đời sống của dân chúng thì 1 khi đã xét nguyện vọng trên là chính đáng, tất nhiên không ngần ngại mà thay đổi những tiểu tiết thực hành của một chính sách hợp lý « Không có 1 phương pháp gì hoàn toàn và cần phải sự thí nghiệm

làm nảy những điều thay đổi phù hợp với thực tế thì phương pháp đó mới có những kết quả hay. » Chính ông Monvoisin chánh phòng kinh tế Bắc kỳ, nếu chúng tôi không nhớ lầm đã nói với chúng tôi như thế trong một buổi nói chuyện. Mà thực ra, từ khi nhà nước thi hành việc mua thóc của dân, ta đã thấy những điều thay đổi đại để như việc cho phép hàng sáo mang gạo đi bán, cho phép mang gạo để ăn dưới 50 cân từ quê ra tỉnh hay cho phép những người đóng môn bài buôn gạo 100\$ cũng có thể đi thu gạo của dân bán để việc thu gạo được chóng vánh. Những điều thay đổi ấy làm cho ta tin được cái ý tốt của chính phủ, và việc tăng giá thóc gạo cũng là một sự thay đổi rất tự nhiên, khi chính phủ đã xét là hợp lý.

Mấy hàng sau chót

Cuộc tranh đấu giành độc lập của dân tộc ta trong suốt cả thời kỳ thuộc Pháp là một cuộc tranh đấu trường kỳ gian khổ và anh dũng. Trong khoảng thời kỳ ấy, những thi văn của các bậc tiền bối viết ra để cổ lệ tinh thần ái quốc và chí khí quật cường không biết đến bao nhiêu mà kể. Trong tập này, chúng tôi chỉ cố gắng sưu tầm được có hơn 70 bài kể cả các phần thi ca, phú, văn tế và văn xuôi, thật mới là một phần trăm hay một phần nghìn, một phần vạn mà thôi.

Muốn được đầy đủ – mặc dù chỉ một cách tương đối – đối với ngày nay thật là cả một sự khó khăn vô cùng, khó khăn vì hoàn cảnh đất nước bị chia đôi nam, Bắc ; khó khăn vì tài liệu bị thất lạc và tản mác quá nhiều, khó khăn vì thời thế nhiều nhường, khó khăn vì các nhà cách mệnh kỳ cựu hiện nay chỉ còn như sao buổi sớm, lá mùa thu...

Tuy nhiên với hơn 70 bài này, theo thiện ý cũng đã giúp cho chúng ta một phần quan hệ nào để hiểu về quá trình tranh đấu bằng thi văn của các bậc cách mạng tiền bối trong giai đoạn lịch sử mới rồi, chứng tỏ văn nghệ đối với nhân sinh không phải là một trò tiêu khiển hững như đã có người đã tưởng, mà chính nó là một thực tại, là đã đóng một vai trò không kém phần quan trọng vào những công cuộc vĩ đại của nhân loại nói chung và dân tộc nói riêng.

Tất cả những bài trong tập « Thi văn quốc cấm » này là cả một trận tuyến văn nghệ kéo dài song song với những trận tuyến chính trị và quân sự trong khoảng thời gian qua, một thời gian dầu sôi lửa bỏng của dân tộc Việt-Nam. Tất cả đều nhằm mục đích chung là đánh tan bạo lực, giành lại đất đai và chủ quyền, nhưng đã diễn ra bằng trăm nghìn hình thức và trăm nghìn tính chất khác nhau :

Có bài thì viết bằng thi ca.

Có bài thì viết bằng thể văn biên ngẫu.

Có bài bằng văn xuôi.
Có bài thì lâm ly thống thiết.
Có bài thì mỉa mai cay độc.
Có bài thì hùng hồn, cảm khái.
Có bài thì chứa chan uất hận.
Có bài thì nghe như những tiếng gươm va giáo chạm.
Có bài thì thét lên như những phát súng đồng tàu trận...

Mỗi bài một vẻ. Nó không phải là những bức tranh màu, những cung đàn réo rắt, mà là những hồi trống ngũ liên trong những lúc nhà cháy đê vỡ, vì nó là những cái xuất phát từ những nỗi thống khổ, chua xót, uất hận và quả cảm của dân tộc mà ra, rồi để lại dội vào dân tộc... Nói cho đúng, đối với hoàn cảnh xã hội liên tiếp có những cuộc biến động như trong bài « Tóm tắt một giai đoạn lịch sử » nó là những tác phẩm chú trọng vào việc khơi dậy tinh thần chiến đấu, chứ không chú trọng vào nghệ thuật, gò bó theo « hình thức chủ nghĩa » hay « từ chương chủ nghĩa » của các ông văn nghệ lỗi thời...

Nếu ta nói Kim Vân Kiều truyện của Nguyễn-Du là một tác phẩm « lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu », thì ở đây đối với những bài trong tập « Thi văn quốc cấm » này phải nói là những bài « lời lời tim óc, hàng hàng máu xương » mà tính chất của nó không phải để « mua vui một vài trống canh » mà là quan hệ đến sự mất còn của cả một dân tộc.

Vì thế, nói đến giá trị những bài thơ, bài văn này là phải nói đến cái giá trị về tính chất tranh đấu của nó, còn không là nhận xét bằng cặp mắt của anh hàng mã đi mua voi thật vậy.

Cho nên đọc kỹ lại, ta thấy có đôi chỗ lời còn non, lý còn hẹp, nhưng với từng thời gian một, nó vẫn có tính chất riêng biệt, và như chúng tôi đã định ở cuối bài « Tóm tắt một giai đoạn lịch sử » trên kia :

Nói chung, đối với thực dân cùng bè lũ, những bài này là những bản cáo trạng vạch trần những âm mưu sâu độc, những thủ đoạn dã man của chúng. Còn đối với đồng bào là những hồi chuông báo thức, những nhịp kèn gọi dậy, những tiếng trống thúc lên để tự giải phóng ra khỏi chốn địa ngục trần gian...

Chẳng những thế thôi, mà đối với hiện tại, nó còn soi sáng cho chúng ta về mặt tài liệu lịch sử, giúp cho chúng ta khám phá ra những cái bí mật trước đây xảy ra trong các cuộc biến cố mà các nhà làm sử ăn lương đã không đề cập đến như việc bọn Tôn-thất-Bá, Lê-Trinh, Hoàng-hữu-Xứng trong trận Hà thành thất thủ năm 1882, hay những việc nghĩa quân miền Nam đánh trận Cần-giуộc năm 1861, v.v...

Vì thế, đọc « thi văn quốc cấm » là ôn lại những thành tích chiến đấu bằng nghiên bút của các bậc tiền nhân, là để sôi lại trong tâm huyết, cái tinh thần anh dũng, cái chí khí quật khởi, bất khuất trước bạo lực, cường quyền.

Và đọc những Thi văn quốc cấm này là phải chịu khó suy nghiệm để rút ra từ trong đó những bài học xương máu để tài bồi cho thế hệ đương kim.

Có vậy, mới là những con người biết thừa hưởng một cách sáng suốt cái gia tài quý báu của bao nhiêu các bậc tiền nhân đã cùng chung đúc lại để hiến cho quốc dân và trình cho lịch sử...

Sài-thành – 1959

THÁI-BẠCH

PHỤ LỤC

BẢN KÊ MỘT SỐ SÁCH BÁO QUỐC CẨM THỜI THUỘC PHÁP

(Đây chỉ là bản kê tạm vì thực ra còn thiếu rất nhiều chưa thể kê khai đầy đủ được).

I. SÁCH QUỐC CẨM

1. SÁCH CHỮ HÁN

- Của Phan-bội-Châu : Việt-Nam vong quốc sử ; Song tuất lục ; Tự phán ; Lưu cầu huyết lệ tân thư ; Bình Tây kiến quốc hịch ; Dư cửu niên lai sở chi chi chủ nghĩa ; Hà thành liệt sĩ truyện ; Khuyển quốc dân du học văn ; Lão bạng phổ khuyến thư ; Ngục trung thư ; Nhân đạo hồn ; Tái sinh truyện ; Phạm-hồng-Thái liệt sĩ truyện ; Tiểu-la tiên sinh truyện ; Việt-Nam nghĩa liệt sử ; Việt-Nam quốc hồn lục ; Việt-Nam quốc sử tham khảo ; Thiên hồ đế hồ ; Y hồn đơn ; Ngư Hải tiên sinh truyện

- của Hoàng-trọng-Miên : Quang phục quốc quân phương lược

- của Nguyễn-thượng-Hiền : Nam chi tập ; Tang hải lệ đàm ; Viễn hải quy hồng

- của Ngô-đức-Kế : Dân quyền ; Sở am tập ; Thất nhật quan phục ký ; Thiên nhiên học hiệu ký

2. SÁCH QUỐC ÂM

- Nam thiên phong vận ca của Trường Đông-Kinh-Nghĩa-Thục

- Kê đồn ca của Dương-bá-Trạc

- Giai nhân kỳ ngộ của Phan-chu-Trinh

- Hai Bà Trưng của Nguyễn-an-Ninh
- Bút quan hoài của Trần-tuấn-Khải
- Cách mệnh tân thanh của Việt-Nam Quốc-Dân Đảng
- Những câu chuyện chung
- Ngồi tù khám lớn của Phan-văn-Hùm

3. SÁCH CHỮ PHÁP

- L'Union internationale des gens des couleurs hostiles à la France (Liên hiệp hội các dân tộc thuộc địa chống Pháp) của nhóm Phan-chu-Trinh, Phan-văn-Trường (ở Paris)
- Procès de la colonisation française (Bản án thực dân Pháp) của Nguyễn-ái-Quốc (ở Paris)
- Voeux d'indépendance du peuple du Việt-Nam (Nguyện vọng độc lập của dân tộc Việt-Nam) của các nhà cách mệnh Việt-Nam ở Pháp

II. BÁO QUỐC CẤM

1. NHỮNG BÁO Ở TRONG NƯỚC

- Hồn cách mệnh, Nam Thanh của Quốc-Dân-Đảng (ở Bắc)
- Sóng cách mệnh của Tân-Việt Cách-mệnh Đảng (ở Trung)
- Kèn gọi lính của Hoàng-văn-Thụ (ở Bắc)
- Kèn gọi quân của Trần-trung-Lập (ở Bắc)

2. NHỮNG BÁO Ở NGOÀI NƯỚC

- Quân nhân của Sinh-viên Việt-Nam học tại trường Hoàng-Phổ (Quảng-đông Trung-quốc)

- Thanh niên của Việt-Nam Cách-mệnh thanh niên đồng chí (ở Quảng-đông)

- Ngọc đước, Việt-Nam hồn của Việt-kiều ở Paris

- Đồng thanh của Việt-kiều ở Ban-don (Thái-Lan)

- Tiếng Chuông của Việt-kiều ở Ban-may (Thái-Lan)

- Thân ái của Việt-kiều ở Noong-bua (Thái-Lan)

- Đại-chúng của Việt-kiều ở Vạt-xu-măng (Thái-Lan)

- Paria (cùng đình) của Nguyễn-ái-Quốc (ở Paris)

LOẠI SÁCH : « HỌC LÀM NGƯỜI »

Trong lúc cuộc tranh sống càng ngày càng ráo-riết và khó-khăn như lúc này, mỗi người trong chúng ta đều muốn tìm một ánh sáng để dẫn nẻo, một chỗ nương tựa để nâng đỡ mình trong việc tìm một đời sống tươi đẹp hơn, đầy đủ hơn, vững chắc hơn.

Lắm người, vô phúc thay, sau những cơn bão-táp không sao tránh khỏi trong một đời người, mất cả hy vọng, cả nghị lực, phó mặc cho cuộc đời lôi cuốn v.v...

Nếu những người ấy biết phương pháp tự đào luyện, biết dùng một cách khôn khéo những năng lực tiềm tàng trong người họ, thì dù họ có hèn yếu đến đâu, bạc phúc đến đâu, cũng có thể cất đầu lên, để lần hồi, song cách chắc chắn, đi đến một tương lai rực rỡ.

Tất cả những phương pháp dạy ta điều khiển cuộc đời, về ba mặt : thể chất (sức khỏe), Trí thức (thành công), Tâm thần (hạnh phúc), những phương pháp để đào luyện triệt để phẩm cách con người (culture humaine), chúng tôi gọi là « Học làm người ».

Trong loại sách này, chúng tôi lựa chọn cho ra những tác phẩm có giá trị, hoặc sáng tác hoặc phiên dịch. Không thuyết lý viễn vông, những sách trong loại này sẽ đề cập một cách thực-tiễn những vấn đề thiết thực của đời sống các hạng người.

Không thành kiến, không chia ranh giới, chúng tôi chỉ cần thu nạp nhiều ý kiến mà chúng tôi sẵn sàng cộng tác với những bạn đồng chí-hướng.

NHÀ XUẤT BẢN

NHỮNG SÁCH CẦN PHẢI XEM ĐỂ KHỎI HOANG PHÍ CUỘC ĐỜI, SỨC KHỎE VÀ HẠNH- PHÚC

Một loại sách đã được độc-giả khắp nơi tán-thành và khuyến khích. Trong loại này, đã in ra 800.000 quyển và đã bán hết sạch, nay mới cho in lại nhiều quyển và lần lượt sẽ ra thêm nhiều tác phẩm mới rất đặc-sắc.

1. PHẠM-VĂN-TUỖI : Bắp thịt trước đã (in lần 7). Phương-pháp thể-dục thực-hành 100%.

2. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Tổ-chức công-việc theo khoa-học

3. THIÊN GIANG : Muốn học hỏi - Những điều phụ-huynh cần biết để dìu-dắt con em trong việc học.

4. BÁC SĨ VICTOR PAUCHET : Con đường hạnh phúc (in lần 7). Phương-pháp tự giáo-dục. THIÊN GIANG và PHẠM-CAO-TÙNG dịch.

5. DALE CARNEGIE : Đắc-nhân-tâm - Túc quyển (How to win friends and influence people » một trong những quyển sách bán chạy nhất trên thế-giới. P. HIẾU và NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch.

6. PHẠM-CAO-TÙNG : Người lịch sự (in lần 10). Phép xã-giao và ăn mặc theo đời sống mới.

7. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Kim-chỉ-nam của học sinh. Quyển sách mà các em học-sinh cần học trước tiên.

8. NGUYỄN DUY CẦN : Thuật yêu đương - Một vấn-đề mà có kẻ cho là « còn quan-trọng hơn vấn-đề sanh-tử » nhưng ít được người ta bàn cho vỡ lý. Rất cần cho những ai không xem Ái-tình như một trò chơi hay một cuộc buôn bán.

9. NGUYỄN-DUY-CẦN : Cái dừng của thánh-nhân. Bàn về cách rèn-luyện đức điền-đạm theo quan-niệm Đông-phương (in lần 3).

10. NGUYỄN-DUY-CẦN : Óc sáng-suốt (in lần 3) - Những nguyên-tắc căn-bản trong phép rèn luyện một khối óc sáng-suốt.

11. NGUYỄN-DUY-CẦN : Tôi tự học - Những nguyên-tắc căn-bản để tạo cho mình một cơ-sở học-thức đầy-đủ để bù vào những thiếu sót của cái học nhà trường.

12. TRẦN-TRIỆU-NAM VÀ BÁC-SĨ TRƯƠNG-NGỌC-HƠN : Người con trai nên biết về vấn-đề nam-nữ - Một phương-pháp giáo-dục sinh-lý (in lần 4).

13. BÁC-SĨ PAUL CARTON : Đời đạo-lý - Tức quyển « La vie sage ». Thượng-chi PHẠM-QUỲNH dịch (in lần 2).

14. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Người chí-khí.

15. PHẠM-CAO-TÙNG : Muốn nên người (in lần 3). Phương-pháp lập thân của người bạn trẻ vừa rời bỏ trường học, sắp bước chân ra trường đời.

16. THỤY-AN HOÀNG-DÂN : Vợ chồng (in lần 4). 25 Câu chuyện về hạnh phúc gia đình.

17. DALE CARNEGIE : Quảng gánh lo đi và vui sống (in lần 3) - Những phương thuốc thần-diệu để triệt trừ những ưu-tư. NGUYỄN-HIẾN-LÊ và P. HIẾU dịch.

18. NGUYỄN DUY CẦN : Thuật tư-tưởng (in lần 5). Những phương-pháp thực-tiến để vận-dụng tư-tưởng cho chín-chắn.

19. HENRI DURVILLE : Làm lại sức khỏe (in lần 2). Quyển đầu trong bộ (Cours de magnétisme personnel) VƯƠNG-GIA-HÓN và NGUYỄN-VĂN-TRUNG dịch.

20. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Thuật nói chuyện (in lần 3). Tất cả những điều cần biết về khoa ăn nói.

21. TRẦN-TRIỆU-NAM VÀ BÁC-SĨ TRƯƠNG-NGỌC-HƠN : Người con gái sắp lấy chồng nên biết (in lần 6)... Để gây sự hòa-dịu giữa hai vợ chồng.

22. BÁC-SĨ DƯƠNG-TẤN-TUỖI : Đông lai bác nghị. Một tác phẩm cổ-điển trong văn-chương và tư-tưởng Trung-Hoa (in lần 2).

23. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Rèn nhân cách

24. NGUYỄN DUY CẦN : Thuật xử thế của người xưa (in lần 4) - Túi khôn của người thời xưa.

25. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Tổ-chức gia-đình (in lần 2). Để tiết-kiệm thời-giờ, tiết-kiệm ngân-quỹ gia-đình.

26. MỘNG-HOA : Người đàn bà đẹp (in lần 2). Những bí-quyết để trau-dồi sắc-đẹp.

27. TRỊNH-LÊ-HOÀNG : Nghệ-thuật làm mẹ - Nhiệm-vụ cao-quý nhất của người đàn bà.

28. VÂN-ĐÀI : Làm bếp giỏi - Biết làm bếp giỏi cũng là một bí-quyết gây nên hạnh-phúc gia-đình.

29. THIÊN-GIANG : Dạy con (in lần 2) - 25 câu chuyện để hướng-dẫn các phụ-huynh trong việc giáo-dục con em.

30. PHẠM-CAO-TÙNG : Tôi có thể nói thẳng với anh (in lần 2) - 5 liều thuốc bổ để anh dưỡng tinh-thần.

31. ĐÀO-PHI-PHỤNG : Phụ-nữ thể-dục (in lần 2) - Phương-pháp thể-dục soạn riêng cho phụ-nữ.

32. PHẠM-CAO-TÙNG : Túi khôn của loài người. 300 câu cách-ngôn tư-tưởng nói về phép tu thân xử thế (in lần 2).

33. NGUYỄN-TỬ-QUANG : Ái-tình và hôn-nhân (in lần 2).... Một quan-niệm về ái-tình và hôn-nhân.

34. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Đức tự-chủ - Chìa khóa của thành công.

35. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Ngón thần để luyện tâm. Thuật tự-kỷ ám-thị (autosuggestion)

36. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Thế hệ ngày mai. Một phương-pháp giáo-dục mới.

37. PHẠM-CAO-TÙNG : Tinh-thần tháo-vát - Bài học về tinh-thần tháo-vát của « Bức thông-diệp gửi cho Garcia », một bài báo do Elbert Hubbard viết, đã được in ra hằng triệu bản.

38. HUỲNH-ĐỨC-QUANG : Đời sống lứa đôi - Những bí-quyết để xây dựng hạnh-phúc gia-đình.

39. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Luyện lý-trí - Thuật suy-luận trong đời sống hàng ngày.

40. NGUYỄN-HỢP : Biết học-tập - Tập I trong bộ « Để sống đời sống mới ».

41. NGUYỄN-HỢP : Biết tư-tưởng - Tập II trong bộ « Để sống đời sống mới ».

42. NGUYỄN-HỢP : Biết làm việc - Tập III trong bộ « Để sống đời sống mới ».

43. NGUYỄN-HỢP : Biết nhận-xét để phê-bình - Tập IV trong bộ « Để sống đời sống mới ».

44. PHẠM-CAO-TÙNG : Tâm-lý ái-tình (in lần 2). Xác-thật – tình-cảm – và trí-tuệ. Ái-tình phân-tách theo tâm-lý-học.

45. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Đức điền-tĩnh - Thuật gây uy-tín và gieo ảnh-hưởng.

46. CH. WAGNER : Sống đơn-giản - Để tránh những phiền-toái của đời sống xa-hoa, giả-tạo. VŨ-BĂNG dịch.

47. HUỲNH-NGỌC-ĐỎM : Chiến thuật chiếm một chỗ làm - Những điều cần ích mà người tìm việc làm cần biết.

48. TỬ-HẢI : Tình bằng hữu - 300 câu cách-ngôn để nói về tình bằng-hữu.

49. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Tổ chức công việc làm ăn. Kim-chỉ-nam của nhà doanh-nghiệp.

50. GUSTAVE LE BON : Tâm-lý quần-chúng - Tìm hiểu tâm-lý của quần-chúng, một nguồn lực vô-biên luôn luôn có ảnh-hưởng đến đời sống của mọi người.

51. PH. GIRARDET : Biết người - Tâm-lý-học áp-dụng vào đời sống thực-tiễn : Để tìm hiểu người, để biết mình, để làm nên với đời tức quyển « La connaissance des hommes ». PHẠM-CAO-TÙNG dịch.

52. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Tâm-lý bạn gái - Tâm-hồn bạn gái phân-tách theo tâm-lý-học.

53. HUỲNH-ĐỨC-QUANG : Đời đang lên – tâm-lý tuổi thanh thiếu-niên. Một chặng đời có ảnh-hưởng quyết-định trong đời sống.

54. LƯU-VĂN-HỒNG : Tâm-lý nhi-đồng - Tâm-lý học áp-dụng trong việc giáo-dục trẻ em.

55. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Tâm-lý bạn trai - Tâm-hồn bạn trai phân-tách theo tâm-lý-học.

56. HOÀNG-XUÂN-VIỆT : Luyện trí nhớ - Một phương pháp luyện trí nhớ để suy-luận xã-giao, nói chuyện, học-hành và làm việc đặc-lực.

57. NGUYỄN-HIẾN-LÊ : Nghệ-thuật nói trước công chúng - Tất cả những điều cần-thiết để nói chuyện trước đám đông.

58. GORDON BYRON : Bảy bước đến thành công. Do NGUYỄN-HIẾN-LÊ viết phỏng theo quyển Give yourself a Chance (the Seven Steps to Success)

59. P. FÉLIX THOMAS : Huấn-luyện tình-cảm - Bản dịch L'Education du sentiment của NGUYỄN-HIẾN-LÊ.

60. D.G.POWERS : Sống đời sống mới - Do NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch quyển Live a New Life.

61. DOUGLAS LURTON : Thăng tiến trên đường đời. Bản lược dịch quyển The Power of Positive Living.

62. PHẠM-CAO-TÙNG : 16 bí-quyết để tạo nên duyên-dáng

63. PHẠM-CAO-TÙNG : Làm nên - Quyển sách gối đầu của các bạn trẻ.

64. THÂN-VIỆT : Bí-quyết làm cho đời vui tươi. Để tìm một đời sống tươi đẹp hơn.

65. TẾ-XUYÊN : Sống vui - Vui sống để sống hạnh phúc.

66. NGUYỄN-CUNG-VŨ : Xã giao hằng ngày.

67. Cô THÙY-DƯƠNG : Hạnh phúc gia đình - tức bản dịch : Người đàn bà trong gia-đình của bà Nam tước Staffe.

68. TẾ-XUYÊN : Xã giao mới và các nghi lễ - Tất cả tế nhị của phép xã giao Âu Mỹ hiện nay.

69. R. DE SAINT LAURENT : Nghệ thuật làm đẹp cuộc đời. Bản dịch của Tế-Xuyên.

70. CLAUDE MAILLARD : Trau dồi ý chí - Phương pháp luyện tập thực tiễn và những lời khuyên quý giá – Bản dịch của Văn Lang.

71. TẾ-XUYÊN : Gương nghị lực - 25 tấm gương nghị lực sáng chói.

72. R. DE SAINT LAURENT : Sống lạc quan - Phương pháp giữ tinh thần thẳng băng và bảo đảm thành công. Bản dịch của TẾ-XUYÊN.

73. A. JEAN : Một nghệ thuật đọc sách báo - Bản dịch của TẾ-XUYÊN.

74. NGUYỄN TỬ QUANG : Người phi thường

75. HOÀNG XUÂN VIỆT : Một điệu sống

76. S. A. LAVINE : Gương thành công
77. THÂN VIỆT : Người hữu dụng
78. THÂN VIỆT : Đời sống bắt đầu từ tuổi 50
79. HOÀNG XUÂN VIỆT : Cẩm nang dùng người
80. THIÊN GIANG : Gia đình giáo dục - Cách dạy trẻ em khó dạy.
81. THIÊN GIANG : Giáo dục sinh lý trẻ em.
82. HOÀNG LAN : Nghệ thuật làm vợ
83. TẾ XUYỀN : Vào đời như thế nào ?
84. KRISHNAMURTI : Cách mạng con người
85. HOÀNG XUÂN VIỆT : Thuật hùng biện

THI VĂN QUỐC CẨM của THÁI-BẠCH

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản xong ngày 25-5-68



Notes

[[←1](#)]

Của cụ Nguyễn-phân-Lãng.

[↩2]

*Tức Tôn-thọ-Tường, Trần-bá-Lộc, Huỳnh-công-Tấn, Đỗ-hữu-Phương, những tên đại
việt gian lúc đó.*

[←3]

Tức đánh giặc.

[←4]

Tức giặc dữ.

[←5]

Thối tà là thói gian nịnh hại nhà hại nước. Của hoạn là thứ của phi nghĩa.

[← 6]

Nam nhi kiến nghĩa là người trai thấy việc nghĩa.

[←7]

Tức 3 tỉnh miền Tây Nam-Việt.

[← 8]

Tuyệt xỉ là rửa nhục, rửa sự xỉ nhục cho nước nhà.

[↩ 9]

Ý nói nếu không rửa nhục cho nước nhà thì chết xuống suối vàng hỏi còn mặt nào mà nhìn ông cha nữa.

[[← 10](#)]

Ý nói con người ta ai cũng phải chết, thì thà phải chết cho vinh dự để nghìn đời kính bái.

[[← 11](#)]

Tàu xích-diện là Tàu của giặc Pháp, (có bản viết là Bạch quỷ).

[↩ 12]

Hoàn-môn đây là chỉ vào chỗ nhà vua ở.

[[← 13](#)]

Ông Trương được chiếu và ấn của triều đình bí mật phong cho làm chức Bình-tây đại-nguyên-sứ.

Nghịch thần là người bày tôi chống lại vua. Ý chỉ vào việc ông Trương không theo chiếu nhà vua đi nhận chức lãnh binh mà dân số xin kháng chiến đến cùng.

[← 15]

Vạc ngã là ý nói vậ nước đến lúc nghiêng ngửa, cũng như chân vạc đến lúc ngã.

[← 16]

Sáu ải đây là chỉ vào sáu tỉnh Nam-việt.

Dương-Nghiep một danh tướng đời Tống. Lý-Lăng là tướng đời Vũ-Đế nhà Hán đi đánh Hung-nô, kiệt sức phải đầu hàng.

[← 18]

Lục lâm là rừng tía, rừng xanh.

[← 19]

Thủy hử là bến nước.

Phong hạc là gió và chim hạc. Xưa quân Tần Bồ-Kiên bị quân của Tạ-Yên đuổi đánh, chạy đến đâu nghe tiếng gió thổi chim hạc kêu cũng tưởng binh của Tạ-Yên tới nơi : ý nói sự lo sợ hồi hộp.

[↩ 21]

Bắc khuyết là cửa phía Bắc, tức chỗ nhà vua ở.

Thi-Toàn, một viên tướng đời Tống kết nghĩa anh em với Nhạc-Phi. Khi Phi bị gian thần Tần-Cối giết, Thi-Toàn đón đường để giết Cối, không may việc bị lộ, Toàn lại bị Cối giết.

Dự-Nhượng là bày tôi của Trí-Bá đời Chiến-quốc. Trí-Bá bị Triệu-Giản-Tử giết, Dự-Nhượng nuốt than cho khan tiếng và sơn mình cho lở để cải trang, báo thù cho Trí-Bá. Triệu-Giản-Tử bắt được mấy lần, nhưng khen có nghĩa, tha không giết. Sau Dự-Nhượng lại mưu ám sát nữa. Giản-Tử lại bắt được. Nhưng trước khi chết Dự-Nhượng xin Giản-Tử cho mượn cái áo mặc để đánh vào áo ấy cho đặng cũng như đã giết được Trí-Bá.

[↩ 24]

Lưu-Dự, một tên phản thần đời nhà Tống.

[↩ 25]

Nhạc-Lôi là con của Nhạc-Phi.

[↩ 26]

Hai câu 3 và 4 này có khắc làm câu đối tại đền thờ ông Nguyễn-trung-Trực ở thị xã Rạch-giá.

[↩ 27]

Tức còn 3 tháng nữa mới hết tang thân phụ.

[↩ 28]

Bản Thất tinh là tấm vải đặc đực 7 vì sao, tức sao Bắc-đẩu để lót xuống đáy quan tài (hòm).

[← 29]

Tức kinh lược sử Phan-thanh-Giản.

[← 30]

Vô cô là không tội tình gì.

[↩ 31]

Làng Đẽ là nơi Thượng-đế ở, tức thiên đường, Hữu đạo là người có luân thường đạo lý.

[← 32]

Vô quân là không vua, chỉ vào những kẻ không luân thường đạo lý.

[← 33]

Hai vầng nhật nguyệt, tức mặt trời mặt trăng.

Nơi Việt vương Câu-Tiễn nằm gai nếm mật xưa để lo việc trả thù nước Ngô.

*Trương-Lương xưa thù Tần-thủy-Hoàng giết vua mình nên thuê lực sĩ cầm dùi đồng
nắp đánh Thủy-Hoàng ở Bác-lãng.*

[← 36]

Nay theo giấc Kim, mai theo nhà Tống.

[← 37]

Ngũ-tử-Tư xưa là thù Sở-Bình-Vương giết cha là Ngũ-Xa, trốn sang Ngô, sau đem binh về đánh Sở, đào mả Bình-Vương lên.

[← 38]

Nô tức Hung-nô, kẻ thù của nhà Hán.

Tư-mã Thiên, người chép sử nổi tiếng ở Trung-hoa về đời nhà Tây-Hán.

Kinh Lân là sách Xuân-thu của Khổng-Tử. Khi Khổng-Tử làm xong sách này thì có muông lân ra, nên gọi là Lân kinh.

[← 41]

Tức kinh đô nhà vua.

[← 42]

Tiết Mạnh-Hạ tức tháng Tư đầu mùa Hạ, theo âm lịch.

[← 43]

Điên mạ là đầu đuôi gốc ngọn.

[← 44]

Phân nhiều là loạn lạc, rối reng.

Năm Quý Dậu tức năm 1873, năm thành Hà-nội lần đầu tiên tin bị thất thủ về tay quân giặc Pháp.

Trường thi tức là chỗ chấm thi Hương ở Hà-nội trước. Nay ở khoảng thư viện và trường kỹ-nghệ.

Ngạc-nhi Yên-Nghiep tức Francis Garnier.

Lúc đó ở Bắc-kỳ có bọn giặc khách Lương-tam-Kỳ và Lưu-vĩnh-Phúc tràn sang quấy rối ở các tỉnh Thượng-du. Nhưng sau tất cả đều theo về với quân của triều-đình Nguyễn.

Giờ Dần ngày mồng một tháng 10 năm Quý Dậu, tức khoảng 5 giờ sáng ngày 19 tháng 11 năm 1873.

[← 50]

Khâm thừa họ Nguyễn tức Khâm-sai thừa-chỉ đại-thần Nguyễn-tri-Phương.

[↩ 51]

Phò Lâm tức phò mã Nguyễn-Lâm, con trai Nguyễn-tri-Phương.

Thứ là quân Thứ ở Sơn-Tây. Sau khi thành thất thủ các quan văn vũ còn sót lại, đều phải rút chạy lên Sơn-Tây.

Ông Tham Tôn tức ông Tôn-thất-Thuyết lúc đó là tham-tá quân vụ ở quân Thứ Sơn-Tây.

[← 54]

Diễn, Canh là 2 làng ở đường đi Hà-nội – Sơn-Tây.

Đem quân về đóng ở Diễn, Canh là chỗ ở gần Hà-nội để chờ ngày thu phục tỉnh thành, chớ không có đánh chác gì. Với mấy câu này, tác giả chẳng những đã tả được ra cái tánh nóng mà lại nhát của bọn Tôn-thất Thuyết.

[← 56]

Hắc-kỳ là cờ đen.

Ninh Hải tức Hải-phòng. Sau khi F. Garnier bị quân Cờ đen giết, các hiệu khách buôn ở Hà-nội, vì sợ quá nên vội vàng khuôn vác đồ đạc để đi xuống Hải-phòng lánh nạn.

Sau khi thành bị mất, triều đình Huế phải ký hòa-ước 1874 giao tất cả Nam-kỳ cho Pháp, còn Pháp thì giao trả các tỉnh đã chiếm ở ngoài Bắc cho ta, ta chỉ phải nhượng cho Pháp các khoảnh đất ở ven sông Hà-nội, và để cho buôn bán ở khắp các tỉnh Bắc và Trung.

Thống chế Hoàng-kế-Viêm chỉ huy các đội quân của triều đình ở Bắc.

[← 60]

Lưu-hắc-Kỳ tức Lưu-vĩnh-Phúc tướng Cờ đen. Ngâu là con sông nhánh ở tả ngạn sông Thao, trên địa hạt Lao-Kay.

[← 61]

Ám chỉ vua Tự-Đức vì tuổi đã già nên công việc triều đình không còn được sáng suốt.

Sau khi thành Hà-nội thất thủ, Pháp ở Saigon sai Hoắc-đạo-Sinh (Philastre) ra Huế rồi cùng Nguyễn-văn-Tường ra Hà-nội để điều đình. Nhưng ra đến nơi thì Nguyễn-tri-Phương đã chết sau khi nhịn ăn một tháng và F. Garnier đã bị quân Cờ-đen giết chết.

Sau khi ký hòa ước 1874, Nguyễn-văn-Tường về kinh được lên chức Hộ bộ thượng thư.

[← 64]

Tức tháng 5 năm 1874.

Nguyễn-Chánh tức Nguyễn-tăng-Doãn được triều đình cử ra để giao thiệp với Pháp, và nhậm chức tuần phủ Hải-dương.

[← 66]

Đọc mấy câu này, đủ biết nhân dân lúc đó đối với hòa ước đó ra sao, và tinh thần của các giới sĩ phu như thế nào.

Trường Tây là khu nhượng địa cho Pháp, tức khoảng đất dọc bờ sông Hà-nội, từ chỗ trường Đông-phương Bác-cổ tới nhà thương Đồn-Thủy.

Đình-Túc tức Trần-đình-Túc, được cử ra làm Tổng-đốc Hà-nội sau khi ông Nguyễn-tri-Phương chết. Nhưng sau thấy tình hình giữa ta và Pháp mỗi ngày một căng thẳng, nên viện cớ tuổi già dâng sớ xin cáo lão về nghỉ. Năm ấy là năm 1889, triều đình chấp thuận cho Trần-đình-Túc được phép về giữ nhà cho vợ và cử ông phó bảng Hoàng-Diệu ra thay.

Thù oán giặc Lãng-sa như vậy, mà quan Thượng tỉnh vẫn không biết gì đến thì thật là tai hại biết bao.

[← 70]

Trí chức là xin thôi việc để về nghỉ.

Câu này tác giả có ý nói Trần-đình-Túc đã 70 tuổi rồi thì phỏng còn được hưởng nhàn là bao nhiêu, mà không ở lại để lo cho tròn nghĩa vụ với quốc gia. Thật chỉ ngòi bút này mới khai ra được cái tim đen của những hạng người khi bình thời võng lọng ngựa xe, khi loạn thời rút đầu co cổ mượn cớ nọ lẽ kia.

[↩ 72]

Chỉ hai câu này mà vừa đề ra được cái tánh nóng của Hoàng-Diệu, và cái tánh hèn nhát sợ Tây của Trần-đình-Túc. Kỹ thuật trào phúng mà đến như vậy mới thật là tuyệt diệu.

[↩ 73]

Tầm gửi lẩn ngành là những kẻ dựa thế Pháp lên mặt.

[←74]

Khoảng 1880-1881.

[← 75]

Trại Vũ-sinh là trại các học trò học vũ.

[←76]

Thịnh khi tức thịnh khởi. Thấy tình hình như vậy, Pháp ở Sài-gòn mới phái Henri Rivière đem đại binh để can thiệp.

[←77]

Tức ngày 25 tháng 4 năm 1882 (năm Nhâm ngọ).

[← 78]

Tức phó lãnh-binh Nguyễn-đình-Đường.

Hành cung là một ngôi nhà làm ở mỗi tỉnh ở gần dinh Tuần phủ hay Tổng-đốc, để mỗi khi vua ra ngự giá thì tới ngự, và mỗi ngày các quan đại thần ở trong tỉnh thường đến đó để bái vọng nhà vua.

Tức tuần phủ Hoàng-hữu-Xứng. Trong khi thành bị tấn công Hữu-Xứng vì sợ quá nên phải chạy trốn vào nằm trong hành cung, và phải nhịn đói mất ba hôm thành bệnh. Rồi sau khi thành bị hạ, Hữu-Xứng bò ra được Pháp cho ăn mới lại tỉnh như sáo. Không biết khi quan Tổng đốc vào hành cung quan Tuần phủ có thấy không, hay vì đói quá thành ra mất mớ không còn thấy gì nữa.

[← 81]

Tri-phủ Hoài-Đức và tri-huyện Thọ-Xương.

Đó các quan văn võ, lớn nhỏ như vậy cả, thì hỏi làm sao mà còn giữ được nước với non. Vong lọng, ngựa xe, mũ cao, áo rộng, thật là đồ ăn hại cả đám. Nếu cứ nghe các nhà chép sử « ăn lương bảo hộ » với thụ phẩm triều đình thì làm sao mà biết đặt cái mặt trái của những người được gọi là các quan hồi đó, nếu không có tập thơ trào phúng bất hủ này truyền lại.

Tức Thống-chế Hoàng-kế-Viêm chỉ huy các đạo quân của triều đình ở Bắc.

Sơn, Hưng tức 2 tỉnh Sơn-Tây và Hưng-Hóa.

Khi thành bị hạ mà bọn Hoàng-kế-Việt đóng ở Sơn-Tây và Hưng-Hóa lại không dám đem binh về viện. Đã thế còn loan tin ra để gạt dân chúng, là các ngài còn đang chuẩn bị kế hoạch đánh hỏa công và thế nào cũng thắng. Ở đây tác giả dùng hai chữ « Tể cờ » để diễn bọn này và bộc lộ ra được cái tiến thoái lưỡng lự của những kẻ thấy thành thị mất mà còn chờ đợi gì, hay là còn đợi phải để tể cờ rồi mới đi. Kỹ-thuật chơi móc đến vậy mới thiệt là tế nhị sâu sắc.

Trần-đình-Túc đã cáo lão về nhà, xong lại được cử ra làm chức Tĩnh-biên chánh sứ (quan chánh sứ lo việc (ngoài biên ải) để van lạy với Tây.

[\[← 87\]](#)

Chỉ án-sát Tôn-thất-Bá.

Chỉ tuần phủ Hoàng-hữu-Xứng.

Những hạng anh tài mà như thế này thì thật là cả một sự mĩa mai chua chát đến nhường nào. Với mấy câu này chẳng những tác giả đã châm biếm được các hạng quan lại bất lực và sợ chết bởi đó, mà còn đã kích một cách rất kín đáo cái lối chọn nhân tài bằng khoa cử của triều đình, chỉ căn cứ vào văn chương phù phiếm chớ đâu có thấy cái gì là thực học để giúp cho đất nước.

Các làng Day, Kẽ, Vẽ, Vòng là những tên làng thuộc phủ Hoài-đức ở phía Tây Hà-Nội, sau thuộc về Hà-đông.

[← 91]

Làng Phùng ở Hà-đông.

[← 92]

Huyện Thanh-oai ở Hà-đông.

Tam Tuyên là Tuyên-Quang, Hưng-Hóa, Sơn-Tây.

[← 94]

Thanh-biền là lính nhà Thanh sang cứu viện.

[← 95]

Đãi chí có nghĩa cũng như là sợ quá mất hết cả chí khí.

[← 96]

Đọc câu này nghĩ thật là khổ và tủi thay cho các quan hời đó.

Sau khi thành bị mất vua Tự-Đức xuống chỉ bắt tất cả bọn Hoàng-hữu-Xứng, Tôn-thất-Bá phải đeo gông về kinh để chịu tội, nhưng sau rồi tất cả đều được miễn nghị.

Tây ở thế mà các quan vẫn điềm nhiên, triều đình không thưởng phạt gì đến thì thật tệ.

Lính Tàu sang cứu viện, khi đến nơi mỗi tên đều có đan một cái rọ để bắt lợn bỏ vào trong hay đồ đạc để gánh.

[← 100]

Một chiếc tàu hư, lính Tàu phá để lấy sắt.

[[← 101](#)]

Kỹ thuật trào phúng đến như những câu này thì thật là tuyệt vậy.

[[← 102](#)]

Ba chủ là Tà, Tây, Tàu. Một nhà mà có đến 3 chủ thì còn gì là trở trêu cho bằng.

Thống-sát, Thông-năm là hai chức của những người Việt làm trong hàng ngũ Pháp hồi đó, cũng như thông-phán và tham-tá sau này.

[← 104]

Bà cố là mẹ các quan, mẹ đẻ hay mẹ vợ cũng thế.

Đó là tình cảnh Hà-nội lúc mới bị chiếm đã thế đó. Không biết khi nghe đọc đến những đoạn văn này, những kẻ ôm chân bộ đội Tây có tự hào không.

[← 106]

Huyện Bạch-hạc ở Việt-trì.

[← 107](#)

Tức triều đình nhà Thanh.

[[← 108](#)]

Thái-nguyên và Lạng-sơn.

[← 109](#)

Sơn-tây và Hưng-hóa.

[← 110](#)

Lường biên giang là 2 bên sông.

[[← 111](#)]

Lo chết đói mà đến nỗi mê mẩn người thì thật còn gì là mĩa mai cho bằng. Nghĩ đến cái tình dân lúc đó thấy thật là khổ não.

[[← 112](#)]

Lâm-thao và Đoan-hùng.

[[← 113](#)]

Cờ úp là một thứ cờ. Thúng chồng là một thứ khiên đan bằng tre giống như cái thúng, nên gọi là thúng chồng, dùng để đánh giáp lá cà.

[[← 114](#)]

*Đoạn tả cái chỗ gờm nhau của Tây và Tàu như trên đây, kỹ-thuật đến thế mới thật là
mĩ mai tuyệt diệu.*

[[← 115](#)]

Gần tháng chín.

[← 116]

Sao Cờ tức sao Chổi. Năm ấy có sao Chổi mọc từ tháng 8 cho mãi đến gần hết tháng chạp mới lặn.

[[← 117](#)]

Ngũ liệt tam phân là chia năm xẻ ba.

Bốn câu này, tác giả lấy ý ở trong bài « Chính-khí ca » của ông Văn-thiên-Tường một trung thần đời Nam-Tống làm ra khi bị quân nhà Nguyễn bắt được : « Thiên địa hữu chính-khí, tạp nhiên phú lưu hình. Hạ tắc vi hà nhạc, thượng tắc vi nhật tinh. Ư nhân viết hiệu nhiên. Bái hồ tắc thương minh. Hoàng lộ đương thanh di, hàm hòa thổ minh đình. Thời cùng tiết nãi hiện, nhất nhất thùy dan thanh... ».

[[← 119](#)]

Hà-nội và Bắc-Ninh, hai tỉnh cũng chung một Tổng đốc.

[[← 120](#)]

Quang-Viễn là tên hiệu của Tổng-đốc Hoàng-Diệu.

[[← 121](#)]

Đã từng quen với những nguy hiểm.

[[← 122](#)]

*Thuân Hồ là nuốt rợ Hồ, nghĩa bóng là giết giặc, chữ trong điển-tích Trung-Hoa : ông
Tổ-Địch người đời Tấn khi qua sông thề rằng nếu không giết được giặc Hồ thì không
còn trở lại.*

[[← 123](#)]

Tiên nghiêm là sẵn sàng phòng bị nghiêm nhặt trước.

Phải, không có lẽ đó bọn Hoàng-hữu-Xứng, Tôn-thất-Bá lại không xin quyết tậ trung để giữ thành.

[← 125]

Nỗi giận cho đến tóc dựng lên tới mũ.

[↩ 126]

Bạch-quỷ tức là bọn giặc Pháp.

[← 127]

Thắng-trạng là tình trạng đang lúc thắng.

[← 128]

Thật là rõ ràng lúc đó mạnh ai nấy chạy, chớ không còn thấy gì là nghĩa vụ, là thành trì non nước.

*Ai cũng tiếc nhưng chắc bọn Hoàng-hữu-Xứng, Lê-văn-Trinh, Tôn-thất-Bá thì cười
thầm trong bụng.*

Học-đường là nơi ở cạnh phố Sinh-từ Hà-nội. Khi ông Hoàng-Diệu tuần tiết, xác ông được các người tùy tùng chôn sơ sài, rồi sau khi thành bị hạ các thân sĩ trong thành mới góp tiền lại mua áo quan đem về táng ở nơi này.

[[← 131](#)]

Tức ông Nguyễn-tri-Phương.

Bốn câu này thật là tuyệt tác cả về hình-thức lẫn nội-dung. Tác giả tả như vậy, chẳng những chỉ hợp cho các hạng quan lại hồi đó, mà còn điển hình cho tất cả những hạng tham quan ô lại từ đời xưa đến nay. Đoạn này chắc hẳn có kẻ khi xem đến bỏ qua, chớ không dám xem vậy, hoặc giả có nữa, thì cũng chỉ đọc thăm trong miệng.

Tức tên lính hầu bị đạn giặc bắn chết. Đọc đến đây các bạn có thấy chẳng, cái can-đảm và trung-thành của một tên đề-đốc không bằng một tên lính hầu ? Trời đất ơi, quan với tướng cái gì mà tinh thần khốn khổ đến vậy.

[← 134]

Bảo thân là lo giữ thân mình.

Tường ngài tự tử thật nên mới cũng định đem táng chung với Tổng-đốc Hoàng-Diệu.

Triều-đình sai bắt Lê-Trinh phải đóng gông về triều để chịu tội, nhưng rồi lại nghĩ tình cho đái công thực tội.

[← 137](#)

Bích-Chi là tên hiệu của tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng.

[← 138](#)

Sĩ-tích là hàng quan lại. Đại viên là chức lớn.

Tích cốc là bỏ cơm, chữ này thường dùng cho các nhà tu hành. Song ở đây tác giả lại dùng để mỉa mai cái chỗ nhịn ăn của tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng. Sau khi thành bị hạ Hữu-Xứng bỏ ra, nói sở dĩ y không chết là còn có mẹ già. Nhưng thật ra chỉ là một cái cớ che đậy, mà mẹ già lúc đó đối với y cũng chỉ là một cái để lợi dụng, chứ con người như thế còn có gì hiếu đễ.

[← 140]

Chi Hoàng-Diệu.

[← 141](#)

Niết-công là chức án-sát.

[[← 142](#)]

Đã là họ nhà vua mà lại còn là một quan to nữa.

Lưỡng gian là trời đất. Ý bảo Tôn-thất-Bá là người như thế thì còn nên sống làm gì nữa.

Tư giao Pháp Bá biết trước thế nào Pháp cũng đánh thành nên mượn cơ xin ra điều đình để rồi trốn.

Sau khi thành bị hạ Bá thông đồng với tên thông-ngôn của Pháp tên là Phong. Rồi khi Pháp giao trả lại thành thì Bá được Pháp cho gọi ra để lãnh. Bá xin quyền giữ chức Tổng-đốc. Đã thế sau đó Bá lại còn đổ lỗi thành mất là do ông Hoàng-Diệu khiêu khích Pháp, chớ không phải tại Bá.

Chế dài tức là ông Hoàng-Diệu. Câu này nghĩa là tên Bá như thế thì nên đem hấn giao xuống dưới âm-phủ cho Tổng-đốc Hoàng-Diệu xét.

Phiên-dài tức là bố chánh Phan-văn-Tuyền.

[← 148](#)

Xi ban là hạng người tuổi tác.

Ti thuộc hạ liêu là những hạng quan lại nhỏ.

Để sau này cho các sử quan đem ra thẩm bình, nhưng ngót trăm năm rồi, có ai đã làm việc ấy đâu. Phải tác-giả sống mãi thì còn mới thấy là trở trêu hơn nữa.

[[← 151](#)]

Thừa lương là nghỉ mát.

[[← 152](#)]

Bình-phong là núi Ngự-bình ở Huế.

[← 153]

Duyên hài có nghĩa là vui mừng cũng như là duyên ưa phận đẹp.

Phải vua giỏi tôi hiền thì làm gì trong nước chẳng thái hòa. Nhưng nào thời đại ấy, đâu có được như vậy.

[← 155]

Thiên hạ nên lấy đó mà răn, nhất là những người ăn cơm dân lộc nước...

[← 156](#)

Bang-biện, Thương-biện, Đề-đốc, Lãnh-binh.

[← 157]

Rất đáng là khinh bỉ.

[← 158](#)

Thác từ là mượn lời mượn tiếng.

[[← 159](#)]

Cầu mong trời đất quý thần chứng giám cho.

[[← 160](#)]

Mưu gì kế gì, lo gì nghĩ gì

[[← 161](#)]

Không có chỗ nào không ruộng tới.

[[← 162](#)]

Đến thế là thôi vậy.

ông Đào trình Nhất dịch : Anh hùng thành bại kể chi, dạ sắt son, lòng vàng đá, thề cùng các bạn giữ trước sau. Mạc châu đúc khí tinh anh, trung hiếu hện hò cùng sử sách. Ngao ngán lẽ lâu cao sắp đổ, một cột khó nâng, phòng vắng khói tan, liếc mắt non xanh thêm tức tối. Và bây giờ rồng bay mây ám, xót xa việc thế khôn lường, những thương La-việt giang sơn, vẫn hiển trăm năm thành trận mạc – Trời đất xưa nay thế mãi. Đá dựng ngược nước chảy xuôi, đó vẫn non sông phùng tuần kiệt. Lam Hồng nổi cơn bão tuyết, bách tòng úa rụng luống xông pha. Đau đớn thay dê vỡ sóng vồ, giữa dòng trụ đứng, sao dời vật đổi, ngành đầu người cũ phải bôn chôn. Đường lúc này gió thổi nhận lia, căm giận lòng trời cay nghiệt, riêng cảm tòng mai khí tiết, tinh thần một thác rạn trắng sao.

[\[← 164\]](#)

Tức là tướng.

[[← 165](#)]

Hai câu này có nghĩa là muốn cho trí não mở mang thì phải theo tân học và phải nhiệt thành cố gắng.

[← 166]

Một việc gì không biết là một việc xấu hổ của con nhà Nho vậy.

[← 167]

Hai câu này có nghĩa là mọi việc trong vũ trụ đều là việc của ta. Chớ để cho giang san thuộc về tay người nước khác.

[← 168](#)

Dân là dân ta.

[\[← 169\]](#)

Nước là nước ta.

[↩ 170]

Câu này có ý nói nên theo gương duy tân của người Nhật.

[[← 171](#)]

Giác thế là đánh thức người dậy.

[↩ 172]

Tương tàn cốt nhục là xương thịt hại lẫn nhau, ý nói người đồng loại đồng chủng mà sát hại lẫn nhau.

[↩ 173]

Quên cả thù, quên cả nhục nhã.

[← 174]

Mất một đoạn.

[← 175](#)

Sâu hiểm và xảo quyết.

[↩ 176]

Đi ăn mà ỷ ăn xin cũng không nhà ai cho.

[← 177](#)

Bóc lột.

[↩ 178]

Dân là gốc rễ của nước.

[← 179]

Sự nghiệp của cha ông để lại.

[← 180]

Ông Y-Doãn trong lúc còn ở thời vua Kiệt nhà Hạ phải đi cày ở nội Săn.

Chu-Bột thái úy nhà Hán, khi vua Huệ-Đế mất, bọn ngoại thích nhà Hán là Lã-Lộ, Lã-Sân chuyên quyền, toan cướp ngôi nhà Hán. Bột theo họ rồi lập mưu trừ được.

[[← 182](#)]

Y-Doãn và Chu-Công.

[← 183](#)

Lính Pháp.

[← 184](#)

Hoàng tuyền, là suối vàng.

[← 185](#)

Bạch chủng là giống người da trắng.

[← 186](#)

Người thì nguy vật thì khổ. Ý nói lúc quốc gia điêu bái.

[← 187]

Cùng một nòi giống, cùng chung một mối thù.

[[← 188](#)]

Hai người thích khách đời Chiến Quốc đi ám sát Tần Thủy Hoàng.

[← 189](#)

Nữ công là công lao của phụ nữ.

[← 190]

Nội trùng là sâu mọt bên trong.

[[← 191](#)]

Cửu gia đệ tử là nói chung những người có học.

[[← 192](#)]

Thắng ưu bại liệt là được thì hơn, thua thì kém.

[← 193]

Hô ứng là hô lên và hưởng ứng.

[← 194]

Ngoài lân là nước ngoài.

[← 195]

Xu phúc tỵ tai là theo điều may mắn, tránh điều tai họa.

[← 196]

Còn mấy câu cuối nữa, nhưng chúng tôi không sao lục được hết, kính xin bạn đọc bổ cứu giùm.

[← 197](#)

các chức quan triều và quan tỉnh người Việt Nam.

[← 198](#)

các chức quan triều và quan tỉnh người Việt Nam.

[← 199]

Mất một đoạn.

[[← 200](#)]

Kiếp nô lệ.

[[← 201](#)]

Nguồn tại vạ.

[[← 202](#)]

Xem Thi ca trong tù (của Thái Bạch).

[← 203]

Cửa ngục dưới âm phủ.

[[← 204](#)]

Trong ngoài giao kết lại.

[← 205]

Xai nghi là ghen ghét ngờ vực.

[← 206]

Vân Nam và Quảng đông, Quảng tây.

[← 207](#)

Tức vua Lê-Thái-Tổ.

[[← 208](#)]

Thê noa là vợ con.

[[← 209](#)]

Vân tiên là tờ mây.

[↩ 210]

Hải-ninh thuộc về Mông-cây, giáp Đông-hưng nước Tàu. Bà Quyển đi sang Tàu gặp ông về đón ở đó.

[[← 211](#)]

Định tính : Sớm thăm tối viếng.

[↩ 212]

Liên uyên tịnh phượng : loài chim yên ương và phụng hoàng bao giờ con trống và con mái cũng sống có đôi, bay sát cánh, không hề lìa nhau, ý nói cảnh vợ chồng xum vầy hòa hảo, không lúc nào xa cách.

[↩ 213]

Hiệp xướng hòa chung : là ý nói âm nhạc hiệp vần hòa nhịp với nhau cũng như cuộc đời hòa hảo của đôi vợ chồng.

Hồng-nữ vệ-công : Sự tích nàng Hồng-Phất và Lý-Tĩnh đời nhà Đường. Lúc ấy thiên hạ đại loạn, Lý-Tĩnh là một người học trò hàn vi, có dịp ra mắt một nhà quyền quý đương thời Hồng-Phất có mắt xanh, đón biết anh hùng ở giữa trần ai, liền bỏ nhà đi theo họ Lý. Quả nhiên về sau Lý theo giúp vua Đường-thái-Tông đánh Đông, dẹp Bắc dựng nghiệp thống nhất, được phong Vệ-quốc-công.

[↩ 215]

*Cờ ngũ tinh : Có 5 ngôi sao. Năm 1917 ngọn cờ này phấp phới trên tỉnh Thái-nguyên
bấy ngày về tay quân cách-mạng.*

[↩ 216]

Ninh gia là về thăm nhà. Người đàn bà đi lấy chồng lúc trở về thăm nhà mình, gọi là quy ninh hay ninh gia

[↩ 217]

Năm đất Cần-thơ : Cụ Cả Cương, thân phụ của bà Quyến vì cách mạng bị thực dân Pháp đưa vào an trí tại tỉnh Cần-thơ rồi qua đời ở đó.

Nam-Vinh thung cỗi : Lúc này cụ Cử Can, thân phụ ông Quyển đã bị Pháp bắt giam một độ rồi đưa sang an trí tại Nam-vang kinh đô nước Cao-Miên (tức Nam-vang).

[↩ 219]

Dụ hậu quang tiền là gây dựng người sau, rõ ràng đời trước, ý nói dạy dỗ con cháu cho nên người, rạng rẻ tổ tiên.

[↩ 220]

Bĩ cực thái hanh là hết lúc bĩ đến lúc thái.

[↵ 221]

*Cửa Nghĩa-môn : Cổng nhà vợ ông Quyển ở Động Trung, Thái-Bình, đề hai chữ
Nghĩa-môn tự đời Tổ-phụ để lại.*

[[← 222](#)]

Ôn như : là biệt hiệu cụ Cử Lương-văn-Can.

Cuộc khởi nghĩa Thái-Nguyên năm 1917, khởi lên từ đêm 30 rạng 31 tháng tám dương lịch, quân cách-mạng chiếm giữ tỉnh thành từ đây cho đến quá trưa hôm 5 tháng chín mới rút lui ; tính ngày là 7 ngày, nhưng tính giờ thì được 5 ngày trọn.

[↩ 224]

Tham biện tức còm-mi.

[[← 225](#)]

Đốc chó tức thú-y.

[↩ 226]

cơ cận là đối kém.

[← 227]

Nhấn sĩ sự thù là đi thờ kẻ thù mà không biết xấu hổ.

[← 228]

Hai câu này ở trong bài thơ « Chí thành thông thánh » của cụ Phan-chu-Trinh, có nghĩa là :

*Dằng dặc trăm năm cam nhục nhã,
Biết đến ngày nào thoát ngục gông.*

[↩ 229]

Đoàn là đoàn thể. Báo là báo chí.

[← 230]

Vì nước quên mình.

[← 231]

Thị hào hiếp cô là cậ mạnh hiếp yếu.

[[← 232](#)]

Trọng điều nghĩa, coi thường sự sống.

[← 233]

Tức thất cơ, bỏ mất cơ hội.

[← 234]

Hai làng ở Thái-Bình bị họ Vi triệt hạ.

[← 235]

Những tay sai của Vi và những quan lại hương chức dưới quyền Vi.

[← 236]

Mỗi người đi tiễn chân Vi phải góp 4 đồng và phải vào cửa 4 đồng nữa là tám.

Tức là nghe tiếng gió thổi, chim hạc kêu mà phập phồng lo sợ tưởng như giặc tràn đến nơi, như Bồ Kiên vua nhà Tần trước khi bị quân nhà Tần đuổi đánh, quân sĩ tới đâu nghe tiếng gió thổi, chim hạc kêu cũng giựt mình như quân nhà Tần đã sát đến bên mình.

[← 238]

Tinh chiêm là hôi tanh. Loài tinh chiêm là chỉ vào bọn quân cướp nước.

Tả nhằm là khép vạt áo sang bên tả, tức mọi rợ. Câu này lấy tích trong câu nói của Khổng tử : « Không có Quân-Trọng thì chúng ta sẽ khép vạt áo bên tả hết », có nghĩa là không có Quân-Trọng thì phong hóa suy đồi, văn minh sẽ thành mọi rợ hết.

[← 240]

Phong hạc là gió và chim hạc, điển tích do đời Tấn, vua Tần là Bô-Kiên bị tướng nhà Tấn là Tạ-Yên đánh bại. Các quân-sĩ khi rút chạy dọc đường nghe tiếng gió thổi chim kêu cũng ngỡ là quân Tấn.

[↩ 241]

Thói mọi ở đây là chỉ bọn xâm-lược và Việt-gian lúc đó.

Chém rắn đuổi hươu có nghĩa bóng là dấy binh lên đánh kẻ bạo tàn, điển tích xưa : Vua Hán Cao Tổ khi đem quân đi đánh phá nhà bạo Tần, giữa đường gặp rắn trắng cản đường. Hán Cao Tổ rút gươm chém đứt làm hai khúc. Đêm đến dân chúng miền đó nghe tiếng một bà già khóc kể « con ta là Bạch-đế-tử hóa làm rắn cản đường, chẳng may bị ông Xích-đế-tử giết chết ». Rắn trắng là điềm ứng chỉ vào nhà Tần. Đuổi hươu cũng chỉ vào nhà Tần vì thời đó thiên hạ thường dùng chữ Tần lộc để gọi vua nhà Tần.

[← 243]

Treo dê bán chó là chỉ vào bọn quân cướp phá không nghĩ gì đến luân thường đạo lý.

[← 244]

Đoạn kinh là chém cá kinh, nghĩa bóng chỉ vào việc giết giặc.

[← 245]

Xung thù là mối thù xông lên nhất định phải báo cho kỳ được.

[← 246]

Di dịch là mọi rợ.

[← 247]

Tổ Địch người đời Tấn, luôn luôn trong lòng ôm chí khí quyết phải đánh tan rợ Hồ để khôi phục Trung-Nguyên.

[\[← 248 \]](#)

Tức Nhạc-Phi đời Tống.

Tức Lê-văn-Khôi con nuôi của Lê-văn-Duyệt dấy loạn chống triều đình.

[← 250]

Đa phước là tên một làng ở Gò-công, chỗ quân Cần-vương bắt những kẻ theo giặc đem về lên án và xử tử, đương thời nổi tiếng là chỗ đất trừ gian.

[[← 251](#)]

Không đội trời chung.

[[← 252](#)]

Cùng nước nhà cùng lo.

[[← 253](#)]

Biên là Biên-hòa.

[← 254]

Bóng sao vũ khúc là chỉ vào người tướng.

[[← 255](#)]

Viên lữ là chỗ quân lính, ý nói cụ Trương từ hồi còn làm lính đã thông hiểu các binh thư đồ trận.

[↩ 256]

Khi ra làm quân cơ trông coi một đồn điền, thì lúc đó võ nghệ lại càng thông.

[← 257]

Có công trong việc chống giữ đồn Kỳ-hòa với quan Tổng-binh ở đồn này.

[\[← 258\]](#)

Địch khái là đánh giặc.

[[← 259](#)]

Dân chúng không bằng lòng về việc triều đình ký hiệp ước với Pháp.

[← 260]

Vì nhân dân phải ra gánh vác việc binh với cụ Trương-công-Định.

[[← 261](#)]

Gò-công, Tân-an, Mỹ-tho.

[[← 262](#)]

Thương biện, tham biện là các chức quan văn trong tổ chức cách mạng của cụ Trương.

[← 263]

Tổng binh, đốc binh là các cấp bậc của võ quan.

[← 264]

Ý nói về ơn của nhà vua.

[[← 265](#)]

Ý muốn nói đem công trạng về cho rước rỗi triều đình.

[← 266]

Can-tương là tên của một thanh bừu kiếm.

[← 267]

Vững như một đại đồn cũng còn thua, huống chi như mấy chỗ thành lũy nhỏ bé và cheo leo.

[[← 268](#)]

Họ Tào biên số là người giữ sổ để biên chép về thuế ruộng.

[[← 269](#)]

Giang thương đạo tải là chờ bằng các ngã đường của ghe buôn.

[↩ 270]

Đánh giấc bằng tầm vong vạc nhọn.

[↩ 271]

Cây thương phá lỗ là ngọn giáo đánh giặc.

[← 272]

Sự thế còn nửa Tây nửa ta cũng như bên Hồ bên Hán thế này thì đến bao giờ giang san mới thống nhất.

[↩ 273]

Bờ cõi còn nửa Tống nửa Liêu sao đã hại để mất một tướng soái.

[↩ 274]

Kiểu chiếu đánh Phiên là sự tích tên Tần-Cối một kẻ gian thần đời Tống làm chiếu vua giả để đòi Nhạc-Phi về bắt tội.

[↩ 275]

Nhạc-Phi là một danh tướng của nhà Tống phải triệu về như trên.

[← 276]

Dương-Nghiệp là danh tướng nhà Nam-Tống đi đánh đất U. Triều đình sợ trăm họ phải khổ nên đòi về.

[↩ 277]

Đưa chia khẩn xé là tình hình rối loạn ở trong nước.

[← 278]

Trời đất sao không thương biết đến bao giờ mới lại có những trận cờ rung trống phát để đánh giặc.

[↩ 279]

Chưa được thành công để trở về làng xóm.

[← 280]

Thà chết ở trận mạc để da ngựa bọc thây mới xứng.

[[← 281](#)]

Biên manh là người mù ở một nơi biên ải, câu này cụ Nguyễn-đình-Chiêu có ý than thân trách phận mình.

[[← 282](#)]

Ăn đồ là yên vách, ý bóng chỉ vào trong lúc được yên ổn, mọi nhà đều yên vách làm ăn không sợ gì quấy phá.

[[← 283](#)]

Tân trào là trào mới, người Pháp khi mới sang xâm chiếm nước ta, bọn chúng tự xưng là Tân trào.

Cựu chúa là chủ cũ, chỉ vào nhà Nguyễn, vì đất Nam-Kỳ khi đó đang ở trong tay vua nhà Nguyễn bỗng phải bị sa vào tay thực dân Pháp.

[← 285]

Song tâm là súng hai lòng.

Tam giáo là Nho, Đạo, Thích, câu này có ý trách những người trong giới Nho Đạo Thích ở trước họa xâm lăng mà không làm gì được, chỉ than thân phận, đổ lỗi cho tại trời mà thôi.

Cửu lưu là những tay nhân sĩ có học nho hời đó. So với các ông trong tam giáo, các ông này cũng chẳng có hơn gì ở trước nạn gia vong quốc phá.

[← 288]

*Nhà Nguyễn chủ hòa, nhưng nhân dân thì lại chủ chiến, vì thế nên mới có câu : tiếng
nghịch đáng lỗi cùng địch vức.*

[← 289]

Sống thời phải gian nan vất vả vì non nước, tới lúc thác đi lại cũng không được có thư từ tin tức.

[← 290]

Sáu nẻo luân hồi là thiên đạo, địa đạo, quỷ đạo, thần đạo, nhân đạo, vật đạo.

[← 291]

Số dầu theo sáu nẻo luân hồi để dầu thai cũng được, nhưng sao đời sống lại phải đành chịu những uất ức.

[← 292]

Bạch trú là ban ngày.

[← 293]

Cờ lau trống sấm là chỉ vào những đội nghĩa quân.

Điều phạt là thăm dân để đánh kẻ có tội. Sự tích do sách Tam vương Kỳ. Quân của vua Thang đánh vua Kiệt, quân của vua Võ đánh vua Trụ, gọi là quân điều phạt.

[← 295]

An nhượng là dẹp tan giặc giã để đem lại thái bình.

[← 296]

Sáng thì Tần, chiều thì Sở.

[← 297]

Phương Nam thì Tống, phương Bắc thì Kim. Ý câu này chỉ tình hình trong nước đang rối loạn.

[← 298]

Điều tuất là thương xót.

[← 299]

Sách mạng là đòi lại mạng sống.

[← 300]

Linh bài là cái bài vị để thờ những người chết.

[← 301]

Mấy năm trời nhân dân tự động đánh giặc, mà triều đình không tiếp tay giúp đỡ.

[[← 302](#)]

Tinh chiêm là hôi tanh, ý chỉ giấc giã.

[← 303]

Kinh-cúc là con đường gai góc.

[← 304](#)

Phan học sĩ là cụ Phan Thanh-Giản.

[← 305]

Đạo Vương là lối cai trị của đời Tam Vương, lối cai trị làm cho thiên hạ được âu ca thái bình.

[← 306]

Trong buổi giặc già cũng không biết làm sao mà cầu Phật để giải oan kết đoạn.

[← 307](#)

Dã mã là ngựa đồng, ý chỉ vào những đám nghĩa quân còn sót lại ở nay đây mai đó.

[← 308](#)

Đề quyền là tiếng cuốc kêu.

Sự tích đời Tam-Quốc, khi Khổng-Minh đánh tan Mạnh-Hoạch, lúc trở về qua sông Vị-Thủy gặp sóng gió dữ không qua được, phải lấy sồi nặn thành hình đầu người để tế các oan hồn chiến sĩ trận vong, sóng gió mới im lặng.

[↩ 310]

Âm chất là đường tiêu diêu nơi tiên cảnh cực lạc.

[\[← 311\]](#)

Mất một đoạn.

[← 312](#)

Tức Tuyên-Vương nhà Châu.

[← 313]

Tức Lạc-Mục tướng của Hoàng-Đế xưa ; người có sức khỏe dương nổi cây nỏ nghìn cân để đánh với Suy-Viu.

Tức Tôn-Vũ và Ngô-Khởi, hai người dùng binh nổi tiếng ở Trung-quốc thời xưa, người đời thường gọi là Tôn Ngô.

Tức Đồng-trọng-Thư và Giả-Nghị, hai bậc nho-thần nổi tiếng thời Tây-Hán.

[← 316](#)

Tức Ô-mã-Nhi.

[\[← 317\]](#)

Ý nói thành trì rất bền vững.

[← 318](#)

Tức cờ Pháp.

[↩ 319]

Tức thì chiếu của nhà vua xuống cho nhân dân biết đã ký 4 điều khoản thỏa hiệp với Pháp, khuyên nhân dân đừng chống lại giặc nữa.

[← 320](#)

Tấn thân là những người Nho sĩ.

[↩ 321]

Chào hướng Bắc tức bái mạng nhà vua, vì các vua xưa thường ngoảnh mặt hướng Nam, nên các quan mỗi lần vào chầu là ngoảnh mặt hướng Bắc.

[[← 322](#)]

Đeo quyền tức đeo ống quyền vào dự các khoa thi. Đeo ấn là làm quan.

[← 323](#)

Tức Trương-Lương, Hàn-Tín.

[← 324](#)

Ý nói bọn ngu xi chẳng biết gì, như lũ Man lũ Mọi.

[← 325](#)

Những hàng này là những đoạn mất.

[← 326]

Người làm quan.

[← 327](#)

Tài liệu thao.

Tôn-Vũ và Ngô-Khởi, hai nhà dụng binh nổi tiếng thời Xuân-Thu Chiến-quốc.

[← 329](#)

Liêm-Pha và Lý-Mục hai người danh nước Triệu xưa.

[← 330]

Lỗ-trọng-Liên, danh sĩ thời Chiến-quốc không chịu theo nhà Tần.

[← 331](#)

Nghĩa là không thể sống sung sướng lấy riêng mình trong cảnh cơm ngon áo cừu được.

[← 332](#)

Thù nhà Chu.

[← 333](#)

Giúp kể thêm cho vua Kiệt nhà Hạ làm ác.

Câu đối này vế trên rút trong bài thơ « Thiên thai tống biệt » của Tào Đường, có nghĩa là : « Đầu khe bịn rịn giờ xa hãn » ; vế dưới rút trong bài « Hoàng-hạc lâu » của Thôi-Hiệu có nghĩa là : « Trên sông khói sóng để người sầu ».

[← 335](#)

Mừng thấy ngày dấy lại nhà Chu, ý nói việc khôi phục lại nước.

[← 336](#)

Tức Quan Thống-sứ.

[← 337]

Nghìn năm nước cũ, tiếng quốc gào thê thảm.

Muôn dặm nổi cô thần, chim hạc kêu ai oán.

[← 338]

*Yêu nước có tội tình gì, chỉ có tinh thần là không chết,
Ra quân chưa thắng lợi, khá đem tâm sự gởi đời sau.*

*Giang sơn đã chết, ta sống thừa sao, hơn mười năm luyện kiếm mài đao, trí khí những
mong phù nước tổ.*

*Lông cánh chưa thành, đã bị thất bại, sống ở chín suối quyết điều binh khiển tướng, để
âm hồn giúp Thiếu niên quân.*

[← 340]

Đầu hồ tức đầu con cáo, do tích câu « cáo chết ba năm quay đầu về núi. »

[← 341](#)

Sân Đông-Lỗ là ý nói học chữ Nho vì Khổng-Tử xưa là người ở Đông-Lỗ.

[[← 342](#)]

Hồ thi là cung tên.

[← 343](#)

Bại Bắc là thua ở Bắc, ý nói câu này là thi không đậu ở Bắc.

[← 344](#)

Hướng minh là quay đầu về phía ánh sáng, ý nói đi tìm học văn minh.

[← 345](#)

Trì khu là rong ruổi.

[← 346](#)

Tức Mai-lão-Bạng, một vị linh mục làm cách mạng chống Pháp.

[← 347](#)

Mộ xướng là mộ lương (cũng đọc là mộ hướng).

[← 348](#)

Luyện tốt là luyện quân.

[← 349](#)

Tiên tử Long tôn là con Tiên cháu Rồng.

[[← 350](#)]

Đề Quỳên là tiếng quốc kêu..

[← 351](#)

Cầm Hồ là bắt rợ Hồ, ý nói bắt giặc.

[← 352](#)

Biệt hạc là chim hạc bay xa.

[[← 353](#)]

Nam phản là trở về Nam.

Tổ-sinh tức Tổ-Địch, danh tướng thời Đông-Tấn khi đem quân vượt Trường-giang đánh Lưu-Thông (tướng Hung nô) có gõ bánh lái (kích tiếp) thề « ta là Tổ-Địch thề hết lòng vì nước, nếu không khôi phục được Trung-nguyên không về qua sông này ».

[← 355](#)

Tức Quan-vân-Trường.

[← 356](#)

Tức Nhạc-Phi.

Túc Văn-Thiên-Tường, Thừa tướng đời Tống mất, bị quân Nguyên bắt, lúc ở trong ngục có làm bài « Chính khí ca » được người đời truyền tụng.

[← 358](#)

Điên bái là nghiêng ngửa.

[← 359]

Túc Văn-thiên-Tường, tể tướng nhà Tống, thà chết không chịu hàng nhà Nguyên.

[← 360]

Khấp đĩnh là sân khóc, chỗ Thân-bao-Tư nước Sở sang khóc ở sân vua nước Tần để xin viện binh về chống Ngô.

[[← 361](#)]

Chấp loạn là đẹp loạn.

[← 362]

Viên mãn là tròn đầy.

[← 363]

Đồng ưu đồng hoạn là cùng lo cùng lắng.

[\[← 364 \]](#)

Vãng phản là đi lại.

[← 365]

Kính vẫn là kính viếng.

[\[← 366\]](#)

Trường nhà nước.

[← 367](#)

Jeanne d’Arc, Mme Rolland.

[← 368](#)

Mười sáu tuổi.

[← 369]

Hai câu này có nghĩa là sắt đá một lòng, trăm nết đều trọn cả.

[\[← 370\]](#)

Những người sang Pháp.

[↩ 371]

Những người đi qua Tàu, qua Nhật.

[← 372]

Thân ở Hán, tâm ở Hàn. Ý nói thân ở phe này nhưng lòng ở phe nọ.

[← 373](#)

Đào qua là quay giáo đánh lại.

[← 374](#)

Bình chương là chức Tế tướng ở trong triều.

[← 375]

Thạc phụ là vị đại thần có tài đức.

[\[← 376\]](#)

Hội thương là họp bàn.

[← 377](#)

Tức Thượng thư bộ Công.

[← 378](#)

Tức cụ Nguyễn-hữu-Bài với chức phong Võ hiền đại học sĩ.

[↩ 379]

Cụ Nguyễn-hữu-Bài được phong làm Phước-môn quận công.

[← 380]

Tức cụ Hồ-đắc-Khải, thượng thư bộ Hộ.

[[← 381](#)]

Bản nhật là ngày hôm nay (Toàn quyền bắt các cụ phải về vườn lập tức khi nhận được sắc lệnh).

[← 382]

Tức các quan đại thần.

[← 383](#)

Tích thì là ngày trước.

[← 384](#)

Quan khanh và quan đại-phu, tức các quan lớn ở triều đình.

[← 385](#)

Khu khu nghĩa là bo bo cố chấp, chỉ biết mình.

[← 386]

Lời nói phải đi đôi với việc làm, việc làm phải đi đôi với lời nói, người quân tử há chẳng thành thật ru ? (chữ Trung dung).

[← 387](#)

Phan-Chu-Trinh.

[← 388](#)

Lương-Khải-Siêu.

[← 389](#)

Việt-Nam Quang-phục hội.

[← 390]

Hải ngoại huyết thư.

[← 391](#)

Pháp Việt đề huề chính kiến thư.

[← 392]

Tức Tôn-thất-Thuyết.

[← 393](#)

Nước Đức.

[← 394](#)

Tên hiệu của cụ Nghè Trần.

[← 395](#)

Ấn không cần phải có tội danh gì.

[← 396]

Vá trời không sức, bàn trời dễ ; cứu đời không tài, lánh đời khó.

[← 397](#)

Việc thiên hạ đến 8, 9 phần 10 không được như ý mình.

[← 398](#)

Hai đồng chí của cụ Phan đã chết.

Năm 1913, khâm sứ Huế là Mahet tự tiện đào mả vua Tự Đức, vì nghe nói mả vua chôn theo rất nhiều bạc vàng châu báu. Muốn trốn trách nhiệm, Mahet làm giấy bảo các cụ thượng bên bộ ký tên vào. Lúc ấy duy có Nguyễn-hữu-Bài không ký, cũng như hồi năm 1907, Ngô-đình-Khả không chịu ký tên vào giấy của triều đình xin bỏ vua Thành-Thái. Nhân đấy ở kinh đô có câu phong dao « Bỏ vua không Khả, đào mả không Bài » (Phế quân vô Khả, quật chủng vô Bài).

Vua Thành-Thái bị phế năm 1907, người Pháp lấy cớ nhà vua rối loạn thần kinh, nhưng sự thật là vua không chịu ký nhượng Bắc-kỳ làm thuộc địa. - Vua Duy-Tân bị phế năm 1916, sau cuộc khởi nghĩa thất bại. Cả hai cha con cùng bị đày sang cù lao Réunion gần Phi-Châu.

Việc đầu độc ở trại lính Tây Hà-nội về mùa hạ năm 1908. Đảng viên cách mạng hợp với Đề-Thám định đánh úp lấy Hà-nội cổ động được một số lính tập chịu làm nội ứng, đánh thuốc độc vào đồ ăn của quân lính Tây rồi quân ở ngoài sẽ kéo về tấn công, nhưng việc không thành vì có kẻ phản bội, chỉ thu được kết quả là ít nhiều lính Tây trúng độc chết.

Năm 1909, một số Đông-du học sinh ta hợp với đảng viên cách mạng Tàu nổi lên ở Lạng-Sơn, giết Tây chết nhiều.

Các cụ Lương-văn-Can, Nguyễn-Quyền, Đào-nguyên-Phổ, Phan-tuấn-Phong, Lê-Đại, Dương-bá-Trạc v.v... lập trường Đông-Kinh Nghĩa Thực bễ ngoài là cơ quan giáo dục, nhưng bễ trong chính là công cuộc cách mạng kháng thực dân. Lúc ấy là năm 1907.

Năm 1908, dân tỉnh Quảng Nam khởi lên phong trào kháng cự sưu thuế, kéo nhau đi hàng vạn người lên biểu tình ở trước tòa sứ. Phong trào ấy tràn lan tới các tỉnh Bình-định, Thừa-thiên, ra đến Nghệ, Tĩnh. Người Pháp lấy võ lực đàn áp, bắn chết lương dân vô số. Lòng người công phần lạ lùng.

Năm 1913, Nguyễn-khắc-Cần ném bom vào nhà hàng Hà-nội Hôtel, giết chết hai võ quan Pháp là Chappis và Montgand.

Lúc bắt đầu Âu chiến 1914-1918, một nhóm ái quốc ở Nam-Phần phần nhiều là người có chân trong hội bí mật Thiên-Địa hội, họp nhau khởi nghĩa, tôn Phan-xích-Long làm Minh-Chủ, để hiệu triệu dân chúng cho dễ, vì Xích-Long là người tu hành nổi tiếng bùa phép. Phong trào này đại khái cũng như phong trào Kỳ-Đồng và Thiên-Binh ở Bắc, năm 1897.

[← 407](#)

Bài kinh nghĩa có tám vế, thường gọi là văn bát cổ, bọn bát cổ tức là những người học đi thi cử ngày xưa.

[← 408]

Theo tin tức của Túc mẽ cục công bố, về tháng 6 năm 1943 thì công khoản cày bừa một năm ruộng là : từ 10 đến 15 đồng và công làm nương mạ : 20 đồng một mẫu (préparation des pépinières).

Theo tin tức của Túc mẽ cục công bố, về tháng 6 năm 1943 thì công khoản cày bừa một năm ruộng là : từ 10 đến 15 đồng và công làm nương mạ : 20 đồng một mẫu (préparation des pépinières).

[← 410]

Theo cuộc điều tra của sở Khuyến nông thì mỗi mẫu tây ở vùng này sản xuất được 7 tạ thóc tức là 3 tạ một mẫu ta (một mẫu Tây bằng 2 mẫu ta).

[[← 411](#)]

Một câu hỏi quan hệ : việc bán thóc cho nhà nước là do chủ trương hay người mua màu (hoặc người trưng ruộng) phải chịu ? Hiện nay là người có thóc, phải bán nghĩa là người thuê ruộng. Thiết tưởng như thế họ phải chịu phần thiệt đối với chủ ruộng.

[← 412]

Theo tin của Túc-mễ-cục, giá trâu ở Vĩnh-Yên ; từ 160 đến 220 đồng, ở Hưng-Yên từ 180 đến 400 đồng, ở Nam- định từ 250 đến 300 đồng v.v...

Năm 1940, công thợ cấy thợ gặt là : từ 0đ20 đến 0đ25 với 3 bữa cơm, từ 0đ23 đến 0đ33 không cơm.

Năm 1943, theo tin tức ở Túc mẽ cục công bố về tháng 6 năm 1943 thì giá nhân công như sau : Từ 0đ50 đến 1đ00 với 3 bữa cơm, từ 0đ70 đến 1đ50 không cơm ; công đàn bà từ 0đ30 đến 0đ60 với cơm, từ 0đ60 đến 1đ20 không cơm. Những thợ chuyên môn : 1đ50 đến 2đ00 không cơm.

Theo nghị định của ông Thống sứ thì lương tối thiểu của công nhân ở miền trung châu định là :

- Năm 1940 : từ 0đ20 đến 0đ25.
- Năm 1943 : từ 0đ54 đến 0đ64.